**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**THƯ VIỆN**

**--- 🙞🙜 ---**

**THÔNG TIN BÀI TRÍCH**

**BÁO – TẠP CHÍ**

**Số 2 (51)**

**Năm học 2020 – 2021**

**Đà Nẵng, tháng 03 năm 2021**

**LỜI NÓI ĐẦU**

Nhằm phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên Trường Đại Học Duy Tân. Thư viện xin giới thiệu một tập hợp các bài trích báo – tạp chí được chọn lọc từ các tạp chí chuyên ngành, bao gồm các chủ đề như: Tin học, quan hệ quốc tế, môi trường và công nghệ Hóa, công nghệ Sinh học, pháp luật, phát triển kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, quản trị kinh doanh, xây dựng, kiến trúc, du lịch, ngôn ngữ, văn học, điện tử - viễn thông ...

Tài liệu được giới thiệu trong cuốn thư mục lần này là những bài trích từ các báo và tạp chí tiếng Việt, xuất bản trong năm 2020 - 2021 có lưu trữ và phục vụ tại Thư Viện Trường Đại Học Duy Tân.

Các lĩnh vực, chủ đề được sắp xếp theo trật tự hệ thống phân loại DDC. Trong từng chủ đề, tài liệu được sắp xếp theo vần chữ cái tên tài liệu và kèm theo phần định từ khóa để bạn đọc có thể tiện tra cứu và tìm tin trên phần mềm quản lý thư viện.

Mọi yêu cầu về đề tài cần bổ sung hoặc mở rộng, về bản sao toàn văn tài liệu gốc và những ý kiến đóng góp khác, xin vui lòng gửi về:

Phòng Nghiệp vụ Thư viện Trường Đại Học Duy Tân

Số 3A Quang Trung - TP. Đà Nẵng

Email: thuvienduytan@gmail.com

**MỤC LỤC**

* Công nghệ thông tin 3
* Quan hệ quốc tế 7
* Phát triển kinh tế 22
* Tài chính 49
* Ngân hàng 71
* Chính trị 90
* Môi trường và Công nghệ Hóa 95
* Luật học 106
* Giáo dục 154
* Ngôn ngữ 155
* Khoa học Tự nhiên 166
* Công nghệ Sinh học 167
* Khoa học sức khỏe 172
* Điện tử - viễn thông 173
* Xây dựng 179
* Kế toán – Kiểm toán 219
* Quản trị kinh doanh 254
* Kiến trúc 400
* Nghiên cứu Văn học 408
* Du lịch 417

**CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**1.** **Đảm bảo an ninh mạng ở Liên minh Châu Âu/** Nguyễn Thị Hòa Mai// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 10(241) .- Tr. 65-72.

**Nội dung:** Phân tích khái quát các hoạt động bảo đảm an ninh mạng ở Liên minh Châu Âu. Bảo đảm an ninh mạng là vấn đề cấp bách toàn cầu hiện nay khi mà Internet đang ở thời kì phát triển bùng nổ.

**Từ khóa:** An ninh mạng, Liên minh Châu Âu

**2.** **Giải phương trình Đạo hàm riêng sử dụng mạng Neural nhân tạo/** Hồ Đăc Quân, Huỳnh Trung Hiếu // Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 45A .- Tr. 23-32.

**Nội dung:** Trình bày mạng neural truyền thẳng một lớp ẩn sử dụng thuật toán huấn luyện lan truyền ngược để xác định nghiệm phương trình đạo hàm riêng với điều kiện biên Dirichlet. Nghiệm NNM của PDF thu được so sánh với nghiệm của nó giải bằng FDM.

**Từ khóa:** Phương trình đạo hàm riêng, Mạng neural truyền thẳng 1 lớp ẩn, thuật toán lan truyền ngược

**3.** **“Internet vạn vật” trong phát triển thành phố thông minh/** Nguyễn Văn Linh// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 11(96) .- Tr. 51-57.

**Nội dung:** Đánh giá khái quát các ứng dụng thông minh của IoT trong các hệ thống quản lý thông minh cấu thành nên thành phố thông minh. Qua đó, nhận diện một số thách thức của IoT trong phát triển thành phố thông minh.

**Từ khóa:** Internet vạn vật, IoT, thành phố thông minh

**4.** **Một số thuật toán hiệu quả cho bài toán khai thác mẫu tuần tự với ràng buộc trọng số/** Phạm Thị Thiết// Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 45A .- Tr. 14-22.

**Nội dung:** Nghiên cứu và đề xuất một số thuật toán cho bài toán khai thác mẫu tuần tự với ràng buộc trọng số bằng cách kết hợp cả ràng buộc về mức độ hỗ trợ tối thiểu lẫn trọng số của các item trong CSDL chuỗi để khai thác ra tập mẫu hoàn chỉnh với những tính năng chặt chẽ hơn của các mẫu tuần tự sau quá trình khai thác dữ liệu.

**Từ khóa:** Mẫu tuần tự, ràng buộc trọng số, CSDL chuỗi

**5. Nghiên cứu giải pháp để tối ưu hóa và cung cấp danh mục thông tin dữ liệu được lưu trữ tại Tổng cục Quản lý đất đai/** Lê Văn Tỉnh// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 52-53.

**Nội dung:** Trình bày ứng dụng hệ quản trị nội dung NukeViet 4.0 và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL 8.0 để tối ưu hóa và cung cấp danh mục thông tin dữ liệu được lưu trữ tại Tổng cục Quản lý đất đai.

**Từ khóa**: Danh mục thông tin dữ liệu, Tổng cục Quản lý đất đai, lưu trữ, giải pháp

**6. Nghiên cứu giải pháp gửi tin nhắn xác thực SMS từ Website sử dụng Nodejs phục vụ gửi tin nhắn xác thực tài khoản đăng ký và tải dữ liệu từ thiết bị di động/** Trần Thị Hải Vân, Nguyễn Hoàng Long, Đinh Bảo Ngọc, Nguyễn Đình Kỳ, Lê Thị Kim Thoa// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 43-45.

**Nội dung:** Trình bày quy trình kết hợp và triển khai Nexmo SMS API và Nodejs trong xây dựng ứng dụng gửi tin nhắn xác thực tài khoản. Hệ thống này sẽ được áp dụng vào xây dựng phần mềm thư viện điện tử ở Tây Nguyên.

**Từ khóa**: Tin nhắn xác thực SMS, Website, Nodejs, tài khoản đăng ký, tải dữ liệu, thiết bị di động

**7.** **Nghiên cứu kỹ thuật nhằm hạn chế sự tiêu tốn băng thông mạng do bị tấn công DDoS/** Trần Thị Yến, Lê Hoàng Hiệp, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Văn Vũ, Vũ Thị Nguyệt, Đinh Khánh Linh// Khoa học Yersin .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 52-61.

**Nội dung:** Nghiên cứu sự ảnh hưởng của DdoS tới băng thông mạng và đề xuất cải tiến giải thuật liên quan nhằm hạn chế sự ảnh hưởng của DdoS tới băng thông mạng.

**Từ khóa:** Tấn công băng thông, giảm tải băng thông, tấn công từ chối dịch vụ, DDoS và băng thông

**8. Phát triển Framework wmsswift dựa trên tiêu chuẩn OGC Web Map Service/** Trần Trung Chuyên, Nguyễn Hoàng Long, Nguyễn Thị Mai Dung, Trần Thị Hải Vân, Nguyễn Trường Xuân// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 39-42.

**Nội dung:** Đề xuất phát triển một framework giúp cung cấp dịch vụ bản đồ cho phát triển các ứng dụng di động trên nền tảng iOS theo tiêu chuẩn của OGC nhằm độc lập với các chức năng chính của ứng dụng.

**Từ khóa**: Framework wmsswift, dịch vụ bản đồ web, tiêu chuẩn OGC Web Map Service

**9.** **Tác động của Công nghệ Kỹ thuật số đối với đội ngũ tri thức Việt Nam trong cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0/** Đặng Thị Minh Phượng// Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 43A .- Tr. 78-87.

**Nội dung:** Phân tích những tác động tích cực, tiêu cực của công nghệ kỹ thuật số đối với đội ngũ tri thức Việt Nam trong cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0 và đề ra những giải pháp để giúp đội ngũ tri thức Việt Nam thích ứng với những tác động này.

**Từ khóa:** Tri thức Việt Nam, cách mạng công nghiệp 4.0

**10.** **Ứng dụng các công cụ của Google và Microsoft vào giảng dạy tiếng Anh/** Phạm Đức Thuận// Khoa học Yersin .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 79-89.

**Nội dung:** Trình bày kết quả một số nghiên cứu gần đây thực hiện tại Trường Đại học Hoa Lư, trong đó, google Classrom, Google forms, Microsoft powerPoint Office 365 được áp dụng để giảng dạy tiếng Anh 3 cho 31 sinh viên năm thứ 2.

**Từ khóa:** Google Classrom, công cụ công nghệ, giảng dạy tiếng Anh

**11. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý trang thiết bị kỹ thuật/** TS. Vũ Xuân Đức, TS. Hà Đại Dương, TS. Dương Văn Thạch// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 157-159.

**Nội dung:** Nghiên cứu, đánh giá tình hình quản lý trang thiết bị kỹ thuật tại Học viện và đưa ra giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm quản lý trang thiết bị kỹ thuật.

**Từ khóa**: Quản lý trang thiết bị, công nghệ thông tin

**12. Ứng dụng phần mềm Lingo và bảng tính Excel để tính toán sơ đồ mạng CPM/** Trương Kỳ Khôi// Xây dựng .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 218-220.

**Nội dung:** Giới thiệu một cách thức để giải bài toán sơ đồ mạng CPM sử dụng phần mềm Lingo và bảng tính Excel trong lập kế hoạch tiến độ thi công.

**Từ khóa**: Lập tiến độ thi công, sơ đồ mạng CPM, phần mềm Lingo

**13. Ứng dụng thuật toán tiến hóa vi phân đa mục tiêu cho bài toán chi phí, tiến độ, rủi ro trong dự án xây dựng/** Dương Nguyễn Thế Anh, Phạm Đức Thắng, Trần Đức Học// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 94-98.

**Nội dung:** Ứng dụng mô hình tính toán của thuật toán tiến hóa vi phân đa mục tiêu để giải quyết vấn đề cân bằng đồng thời các yếu tố thời gian, chi phí và rủi ro. Đồng thời, áp dụng mô hình của thuật toán đối với một dự án thực tế.

**Từ khóa**: Tiến hóa vi phân, thuật toán, dự án xây dựng, rủi ro

**QUAN HỆ QUỐC TẾ**

**1.** **An ninh con người trong các chính sách an ninh của Liên minh Châu Âu/** Chử Thị Nhuần// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 11(242) .- Tr. 67-77.

**Nội dung:** Tìm hiểu và làm rõ khái niệm an ninh con người trong các chính sách an ninh của EU. Tập trung phân tích khái niệm an ninh con người được triển khai như thế nào trong các chính sách của EU.

**Từ khóa:** An ninh con người, quyền con người, Liên minh Châu Âu

**2.** **An ninh nguồn nước của khu vực Bắc Phi – Trung Đông/** Võ Thị Minh Lệ// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2020 .- Số 6(178) .- Tr. 3-12.

**Nội dung:** Phân tích và làm rõ các nhân tố cũng như các chiến lược mà các quốc gia trong khu vực MENA đã theo đuổi để đảm bảo an ninh nguồn nước.

**Từ khóa:** An ninh nguồn nước, Bắc Phi, Trung Đông

**3.** **Ảnh hưởng của Ấn Độ đến sự định hình khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương/** Nguyễn Lê Thy Thương, Nguyễn Thị Doan// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 54-65.

**Nội dung:** Phân tích chính sách đối ngoại tác động đến sự tham gia của Ấn Độ vào sự định hình khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương và những thách thức của nó.

**Từ khóa:** Chính sách đối ngoại, Ấn Độ, Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương

**4.** **Ảnh hưởng sức mạnh mềm của Trung Quốc đến hợp tác giáo dục đại học Việt Nam – Hoa Kỳ (2009 - 2016)/** Nguyễn Thị Huyền Thảo// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- Số 1(98) .- Tr. 47-55.

**Nội dung:** Phân tích sự ảnh hưởng của sức mạnh mềm của Trung Quốc đến hợp tác giáo dục đại học Việt Nam – Hoa Kỳ trong giai đoạn 2009 – 2016.

**Từ khóa:** Sức mạnh mềm, Việt Nam – Mỹ, giáo dục, hợp tác, nhân tố Trưng Quốc

**5.** **Autralia trong chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương : động lực và chính sách/** Phạm Thị Yên// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 12(97) .- Tr. 45-53.

**Nội dung:** Trên cơ sở đánh giá tầm quan trọng của Australia ở khu vực, bài viết phân tích những lợi ích của Australia trong việc tham gia vào chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, làm rõ những thay đổi chính sách cũng như các hành động can dự vào khu vực của quốc gia này.

**Từ khóa:** Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, Bộ tứ, Australia

**6.** **Bản chất và định hướng phát triển của Trung Quốc đối với cộng đồng chung vận mệnh/** Đinh Thị Thu// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 10(230) .- Tr. 30-36.

**Nội dung:** Tập trung làm rõ 4 nội dung: Đặc điểm chung của Cộng đồng chung vận mệnh; Phản ứng của các nước và đánh giá của học giả; Bản chất của Trung Quốc đối với Cộng Đồng chung vận mệnh; Định hướng của Trung Quốc đối với việc phát triển của các Cộng đồng chung vận mệnh.

**Từ khóa:** Cộng đồng chung vận mệnh Trung Quốc, ngoại giao Trung Quốc, bản chất, định hướng phát triển

**7.** **Biểu hiện cạnh tranh Ấn Độ - Trung Quốc và một số tác động/** Nguyễn Hồng Quân// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 12(232) .- Tr. 23-36.

**Nội dung:** Tập trung tìm hiểu biểu hiện cạnh tranh Ấn Độ - Trung Quốc, chủ yếu từ các nhân tố nội tại của mỗi nước cũng như tác động từ bên ngoài. Đề cập tới tác động của cạnh tranh Ấn Độ - Trung Quốc đối với quan hệ của hai nước này đối với quan hệ Ấn Độ - Việt Nam.

**Từ khóa:** Ấn Độ - Trung Quốc, xung đột, cạnh tranh

**8.** **Bối cảnh Quốc tế mới và thách thức của khu vực Trung Đông/** Vũ Thị Thanh// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2020 .- Số 11(183) .- Tr. 13-21.

**Nội dung:** Tìm hiểu một số bối cảnh quốc tế mới về: Sự chuyển dịch quyền lực và điều chỉnh chiến lược nước lớn, an ninh phi truyền thông ngày càng gia tăng, sự xuất hiện của trào lưu dân túy và xu hướng bảo hộ, … Nghiên cứu một số thách thức của khu vực Trung Đông như: Thách thức về độc lập và tự chủ, cân bằng các mối quan hệ quốc tế, xung đột và bạo lực.

**Từ khóa:** Bối cảnh quốc tế mới, thách thức, Trung Đông

**9.** **Cạnh tranh nước lớn ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương trên các phương diện quốc phòng, an ninh và tác động đối với khu vực/** Bùi Nam Khánh, Trần Thị Thu Hiền// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 12(97) .- Tr. 36-44.

**Nội dung:** Tập trung phân tích quá trình cạnh tranh nước lớn tại châu Á – Thái Bình Dương trên phương diện quốc phòng, an ninh và đánh giá tác động đối với khu vực này.

**Từ khóa:** Cạnh tranh chiến lược, chạy đua vũ trang, chấu Á – Thái Bình Dương

**10.** **Chiến lược an ninh giai đoạn 2020-2025 của EU và một số hàm ý chính sách/** Nguyễn Hải Lưu// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 10(241) .- Tr. 3-10.

**Nội dung:** Phân tích bối cảnh ra đời, những nội hàm chủ yếu của chiến lược an ninh giai đoạn 2020-2025 của EU trên và một số hàm ý chính sách liên quan.

**Từ khóa:** EU, an ninh, chiến lược

**11.** **Chính sách an ninh quốc phòng Châu Âu – cơ sở hình thành và phát triển/** Đỗ Hồng Huyền// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 9(240) .- Tr. 26-36.

**Nội dung:** Phân tích cơ sở lý luận và pháp lý của sự hình thành và phát triển chính sách An ninh và Quốc phòng Châu Âu. Đây là nền tảng để nhận thức rõ hơn về mục tiêu xây dựng chính sách An ninh và quốc phòng chung Châu Âu thống nhất ở Liên minh Châu Âu.

**Từ khóa:** Chính sách An ninh Quốc phòng Châu Âu, an ninh, Liên Minh Châu Âu

**12.** **Chính sách Biển Đông của các nước ASEAN và tác động đến Việt Nam/** Nguyễn Duy Dũng// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 11(96) .- Tr. 35-43.

**Nội dung:** Phân tích chính sách Biển Đông của các nước ASEAN, qua đó giúp nhận diện rõ hơn quan điểm và cách thức hành động của các nước này. Đồng thời, đánh giá các tác động đối với Việt Nam trong thời điểm hiện nay và trong thời gian tới.

**Từ khóa:** ASEAN, Biển Đông, chính sách, Việt Nam

**13.** **Chính sách thúc đẩy chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp FDI : kinh nghiệm từ Malaysia và Thái Lan/** Trần Thị Mai Thành// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2020 .- Số 6(178) .- Tr. 42-52.

**Nội dung:** Trình bày các chính sách thúc đẩy chuyển giao công nghệ tại các quốc gia đang phát triển. Từ đó đưa ra một số kinh nghiệm về thúc đẩy chuyển giao công nghệ từ FDI thông qua chính sách của Malaysia và Thái Lan.

**Từ khóa:** Chuyển giao công nghệ,FDI, doanh nghiệp

**14.** **Chủ nghĩa Đa Văn hóa ở Châu Âu/** Phạm Thái Việt// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 17-24.

**Nội dung:** Phân tích thực tiễn chủ nghĩa Đa văn hóa, viễn cảnh và các phương án thay thế.

**Từ khóa:** Châu Âu, chủ nghĩa đa văn hóa, chủ nghĩa liên văn hóa

**15.** **Chủ nghĩa khu vực trong quan hệ quốc tế : môt số vấn đề lịch sử, lý luận và thực tiễn/** Bùi Hải Đăng, Nguyễn Đặng Hiền Phương// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 9(240) .- Tr. 13-24.

**Nội dung:** Phân tích các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa khu vực và sự tác động của nó đến quan hệ quốc tế, qua đó chỉ ra một số vấn đề lý luận cũng như thực tiễn liên quan.

**Từ khóa:** Chủ nghĩa khu vực, quan hệ quốc tế, cấu trúc đa phương, cộng đồng khu vực, châu Âu, Liên minh Châu Âu

**16.** **Chủ tịch Hồ Chí Minh với Ấn Độ và tình hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ/** Nguyễn Văn Lan// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- Số 1(98) .- Tr. 1-7.

**Nội dung:** Phân tích và chỉ ra tư tưởng, quan điểm của Hồ Chí Minh với Ấn Độ và quan hệ Việt Nam - Ấn Độ. Từ đó phân tích những biểu hiện của tình hữu nghị Việt - Ấn tiếp tục phát triển trên nền tảng Đối tác chiến lược toàn diện, ngày càng đi vào chiều sâu và hiệu quả.

**Từ khóa:** Hồ Chí Minh, Việt Nam, Ấn Độ, Đối tác chiến lược toàn diện

**17.** **Chuyển đổi xanh chi sự phát triển bền vững ở Ấn Độ/** Nguyễn Văn Linh// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 12(97) .- Tr. 11-18.

**Nội dung:** Phân tích các chính sách chính, cơ bản tạo nên khung chuyển đổi xanh trong các lĩnh vực có ảnh hưởng lớn đến sự phát thải khí nhà kính, tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm xanh được nêu trên.

**Từ khóa:** Ấn Độ, chuyển đổi xanh, phát triển bền vững

**18.** **Cơn sốt Nho học ở Trung Quốc thập niên đầu thế kỷ XXI/** Nguyễn Bảo Ngọc// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 10(230) .- Tr. 37-50.

**Nội dung:** Nghiên cứu khái niệm Nho học, giải thích nội hàm của hiện tượng “cơn sốt Nho Học” để trả lời câu hỏi: Nguyên nhân nào ảnh hưởng, tác động tới “cơn sốt Nho học” ở Trung Quốc 10 năm đầu thế kỷ XXI.

**Từ khóa:** Cơn sốt Nho học, văn hóa Trung Quốc

**19.** **Cộng đồng Asean trước thách thức từ sự trỗi dậy của Trung Quốc/** Trần Bách Hiếu// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2020 .- Số 11(183) .- Tr. 35-40.

**Nội dung:** Trình bày một số vấn đề về cộng đồng Asean và Trung Quốc nhìn từ các lý thuyết quan hệ quốc tế. Nghiên cứu một số vấn đề về Asean đối mặt với những thách thức từ phía Trung Quốc.

**Từ khóa:** Asean, Trung Quốc, ảnh hưởng quyền lực, thách thức

**20.** **Đào tạo nguồn nhân lực trong hợp tác Việt Nam – Nhật Bản từ năm 2014 đến nay/** Trần Thanh Hậu// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 10(95) .- Tr. 65-72.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng, đánh giá đặc điểm, điểm mạnh và hạn chế của tiến trình hợp tác Việt Nam – Nhật Bản. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quá trình hợp tác đào tạo nguồn nhân lực giữa hai nước bằng hai phương pháp nghiên cứu chính là phương pháp nghiên cứu lịch sử và phương pháp logic.

**Từ khóa:** Đào tạo, nguồn nhân lục, Nhật Bản, Việt Nam

**21.** **Đổi mới quản trị xã hội ở một số nước Châu Âu và gợi mở cho Việt Nam/** Nguyễn Trọng Bình// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 10(241) .- Tr. 11-21.

**Nội dung:** Phân tích bối cảnh, nội dung đổi mới quản trị xã hội ở một số nước Châu Âu, từ đó nêu lên một số gợi mở cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Đổi mới quản trị xã hội, quốc gia, Châu Âu

**22.** **Giải pháp đảo dòng chất xám của Trung Quốc/** Phạm Thị Thanh Bình, Vũ Thị Phương Dung// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 11(231) .- Tr. 14-20.

**Nội dung:** Tìm hiểu thực trạng chảy máu chất xám ở Trung Quốc, nguyên nhân của chảy máu chất xám và các giải pháp chính sách của chính phủ Trung Quốc thực hiện nhằm thu hút lực lượng Hoa kiều tài năng, các nhà khoa học, các doanh nhân gốc Hoa ở nước ngoài mang tri thức, khoa học, công nghệ cao và tư bản về Trung Quốc, giúp đảo ngược dòng chảy chất xám.

**Từ khóa:** Trung Quốc, chảy máu chất xám, chính sách thu hút nhân tài, khoa học kỹ thuật, giáo dục

**23.** **Giải quyết tranh chấp trực tuyến ở Nam Phi và một số đề xuất cho Việt Nam/** Hà Công Anh Bảo, Hà Kiều Anh// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2020 .- Số 7(179) .- Tr. 30-37.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng giải quyết tranh chấp trực tuyến ở Nam Phi trên cơ sở đó sẽ đánh giá sự phát triển của phương thức này, từ đó sẽ có những đề xuất cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Giải quyết tranh chấp trực tuyến, Covid 19, Nam Phi, bảo vệ người tiêu dùng

**24.** **Hiệp định mậu dịch tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu (EVFTA) : cam kết, tác động và giải pháp ứng phó của Việt Nam/** Lê Đăng Minh, Lưu Ngọc Trinh// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 10(241) .- Tr. 73-85.

**Nội dung:** Tìm hiểu về Hiệp định mậu dịch tự do Việt Nam – EU. Nghiên cứu mối quan hệ hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và EU. Phân tích tác động của EVFTA đến quan hệ hợp tác Việt Nam – EU. Từ đó đưa ra một số giải pháp thích ứng của Việt Nam với EVFTA.

**Từ khóa:** EVFTA, cam kết, giải pháp thích ứng

**25.** **Hòa giải trực tuyến ở Ấn Độ và một số đề xuất cho Việt Nam/** Hà Công Anh Bảo// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- Số 1(98) .- Tr. 23-31.

**Nội dung:** Phân tích cơ sở pháp lý cũng như những thực trạng của hoạt động hòa giải trực tuyến ở Ấn Độ, từ đó đưa ra một số đề xuất cho Việt Nam nhằm phát triển phương thức này.

**Từ khóa:** Ấn Độ, Hòa giải trực tuyến, bằng chứng điện tử, Thương mại điện tử, Việt Nam

**26.** **Hoạt động cầu phong, thị phong trong quan hệ ngoại giao Đại Việt – Trung Quốc giai đoạn 1600-1785/** Nguyễn Thị Mỹ Hạnh// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 9(229) .- Tr. 48-67.

**Nội dung:** Trình bày diễn biến hoạt động cầu phong, thụ phong trong quan hệ ngoại giao giữa hai nước Việt – Trung giai đoạn 1600-1785. Từ đó đưa ra một số nhận xét và kết luận.

**Từ khóa:** Cầu phong, thụ phong, Trung Quốc, Đại Việt, nhà Thanh

**27.** **Hợp tác công tư trong lĩnh vực y tế ở Liên minh châu Âu/** Hồ Thanh Hương// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 12(243) .- Tr. 40-51.

**Nội dung:** Nghiên cứu khái niệm hợp tác công tư trong lĩnh vực y tế. Phân tích thực trạng hợp tác công tư ở Liên minh châu Âu và xu hướng hợp tác công tư ở EU.

**Từ khóa:** Hợp tác công tư, PPP, y tế, EU

**28.** **Kinh nghiệm đổi mới nền quản trị công của chính phủ Trung Quốc – Một số hàm ý đối với Việt Nam/** Nguyễn Thị Ngọc Mai// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 10(230) .- Tr. 11-19.

**Nội dung:** Khái quát một số nguyên tắc và cách thức triển khai cải cách tổ chức, bộ máy chính phủ của Trung Quốc và bước đầu đánh giá về quá trình cải cách này, từ đó đề ra một số gợi mở đối với Việt Nam.

**Từ khóa:** Quản trị công, Chính phủ Trung Quốc, mô hình chính phủ phục vụ, kih nghiệm Trung Quốc

**29.** **Kinh tế Trung Quốc năm 2020 và triển vọng 2021/** Nguyễn Văn Lịch, Phạm Thị Hải Anh, Vũ Thị Hiền// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- Số 1(233) .- Tr. 3-16.

**Nội dung:** Nghiên cứu và chỉ ra những khó khăn, trở ngại trong nước và ngoài nước mà Trung Quốc đã gặp phải trong năm 2020. Khái quát những biện pháp cơ bản mà Trung Quốc đã áp dụng để vượt qua những thách thức.

**Từ khóa:** Trung Quốc, kinh tế, thương mại

**30.** **Lợi ích của Ấn Độ và Trung Quốc ở Ấn Độ Dương/** Trần Xuân Hiệp// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 11(231) .- Tr. 33-42.

**Nội dung:** Tập trung đề cập vị trí, vai trò quan trọng của Ấn Độ Dương trong chính sách của Ấn Độ và Trung Quốc, sự cạnh tranh quyết liệt giữa hai nước này trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI.

**Từ khóa:** Ấn Độ, Ấn Độ Dương, cạnh tranh chiến lược, Trung Quốc, thế kỷ XXI

**31.** **Một số đặc điểm phân quyền tài chính ở Trung Quốc/** Nguyễn Thế Vinh// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- Số 1(233) .- Tr. 17-25.

**Nội dung:** Trên cơ sở so sánh hệ thống phân quyền tài chính giữa Trung Quốc và một số nước phương Tây, bài viết rút ra mấy đặc điểm là: Phân quyền tài chính của Trung Quốc được hình thành trên cơ sở tập quyền về chính trị và phân quyền về kinh tế; phân quyền tài chính từ trên xuống dưới và cơ sở pháp lý thiếu tính ổn định.

**Từ khóa:** Phân quyền tài chính, tập quyền, Trung Quốc

**32.** **Một số nhân tố tác động đến xuất khẩu hàng hóa của Ấn Độ sang Việt Nam/** Đồng Thị Thùy Linh// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 10(95) .- Tr. 11-19.

**Nội dung:** Bài viết được triển khai thành 2 phần: Phần đầu nói về thực trạng xuất khẩu hàng hóa của Ấn Độ sang Việt Nam; Phần thứ hai phân tích các nhân tố tác động xuất khẩu hàng hóa của Ấn Độ sang Việt Nam thông qua mô hình.

**Từ khóa:** Ấn Độ, nhân tố tác động, thương mại, Việt Nam, xuất khẩu

**33.** **Một số vấn đề đặt ra đối với nhân lực ngành kiểm toán Việt Nam trong cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0/** Nguyễn Tiến Dũng// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- Số 1(98) .- Tr. 79-84.

**Nội dung:** Nghiên cứu và chỉ ra tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đến ngành kiểm toán và thực trạng nhân lực của ngành hiện tại. Qua đó, đặt ra một số vấn đề đối với nhân lực ngành kiểm toán trong bối cảnh mới.

**Từ khóa:** Cách mạng công nghiệp 4.0, nhân lực, kiểm toán, Việt Nam

**34.** **Mức độ kiểm soát của Trung Quốc tại các vùng Biển khu vực và thế giới/** Đinh Thị Thu// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 9(229) .- Tr. 36-47.

**Nội dung:** Phân tích 3 nội dung chính: Chiến lược biển của Trung Quốc, mức độ kiểm soát của Trung Quốc trên 4 vùng biển tiếp giáp nói riêng và trên toàn thế giới nói chung, vị trí của Biển Đông trong tổng thể mục tiêu kiểm soát biển của Trung Quốc

**Từ khóa:** Trung Quốc, chiến lược cường quốc biển, Biển Đông, các vùng biển

**35.** **Mỹ tuyên bố thay đổi lập trường trong vấn đề biển Đông : quan hệ Trung – Mỹ chuyển sang giai đoạn mới/** Trường Lưu// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 10(230) .- Tr. 20-29.

**Nội dung:** Tập trung phân tích tình hình căng thẳng leo thang hiện nay trên Biển Đông, dự báo triển vọng trong những năm tới và kiến nghị chính sách đối với Cộng đồng Asean.

**Từ khóa:** Quan hệ Trung – Mỹ, Biển Đông, Hoàng Sa, Trường Sa

**36.** **Nghèo Đa chiều ở Ai Cập giai đoạn 2008 - 2014/** Trần Mai Trang// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2020 .- Số 7(179) .- Tr. 24-29.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng nghèo theo cách tiếp cận đa chiều tại Ai Cập trong giai đoạn 2008 – 2014.

**Từ khóa:** Nghèo đa chiều, Ai Cập, giáo dục, sức khỏe, mức sống

**37.** **Ngoại giao người nổi tiếng trong giải quyết các vấn đề toàn cầu/** Nguyễn Đình Ngân// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2020 .- Số 12(184) .- Tr. 24-35.

**Nội dung:** Bàn về sự phát triển của ngoại giao người nổi tiếng, thành công, hạn chế và tiềm năng của nó trong việc thúc đẩy các tiến trình chính trị. Khung lý thuyết về vai trò của cá nhân trong quan hệ Quốc tế được sử dụng để phân tích hiện tượng này.

**Từ khóa:** Ngoại giao người nổi tiếng, thành công, hạn chế, Bono, Angelina Jolie và Bill Gates

**38.** **Nhân thức về chủ nghĩa dân tộc cực đoan trong bối cảnh hiện nay/** Nguyễn Thị Thanh Vân, Phan Thị Vân// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2020 .- Số 12(184) .- Tr. 36-41.

**Nội dung:** Phân tích một số vấn đề liên quan đến nội hàm chủ nghĩa dân tộc cực đoan hiện nay như: Nguồn gốc của chủ nghĩa dân tộc cực đoan; Một số đặc điểm của chủ nghĩa dân tộc cực đoan; Tác động của chủ nghĩa dân tộc cực đoan.

**Từ khóa:** Chủ nghĩa dân tộc cực đoan, bối cảnh mới, tác động quốc tế

**39.** **Những tiền đề lịch sử cho việc hình thành và phát triển quản trị địa phương Châu Âu và kinh nghiệm cho Việt Nam/** Đào Bảo Ngọc// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 12(243) .- Tr. 15-25.

**Nội dung:** Tìm hiểu về nguồn gốc của các lý luận trụ cột về quản trị địa phương ở châu Âu. Nghiên cứu tiền đề lịch sử ở các quốc gia châu Âu và kinh nghiệm về quản trị địa phương cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Quản trị địa phương, tự trị, châu Âu, Anh, Pháp, Đức, Việt Nam

**40.** **Phân tích điểm mới trong phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030/** Hoàng Lan Chi, Hoàng Xuân Long// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2020 .- Số 12(184) .- Tr. 42-57.

**Nội dung:** Phân tích một số điểm mới trên các mặt nổi bật về phạm vi, quan hệ gắn kết với kinh tế - xã hội, nâng cao trình độ tiên tiến và hiện đại, đổi mới quản lý, hội nhập quốc tế.

**Từ khóa:** Chiến lược, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo

**41.** **Phát triển dịch vụ Logistics trong bối cảnh triển khai EVFTA/** Trần Đình Vi// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 9(240) .- Tr. 70-80.

**Nội dung:** Phân tích một số tác động của EVFTA tới lĩnh vực dịch vụ Logistics Việt Nam. Logistics là một ngành dịch vụ quan trọng trong cơ cấu tổng thể nền kinh tế quốc dân, liên quan trực tiếp đến hoạt động vận tải, giao nhận, kho bãi các thủ tục dịch vụ hành chính, tư vấn, xuất nhập khẩu – thương mại, kênh phân phối,bán lẻ ....

**Từ khóa:** Dịch vụ logistic, hội nhập kinh tế quốc tế, cách mạng công nghiệp 4.0

**42.** **Phong trào dân chủ ở Đài Loan thập niên 70 của thế kỷ XX/** Đào Duy Đạt// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 10(230) .- Tr. 51-63.

**Nội dung:** Tìm hiểu phong trào dân chủ Đài Loan trong thập niên 70 của thế kỷ trước. Đây là giai đoạn đầu của tiến trình cải cách chính trị tối quan trọng, khiến Đài Loan hiện nay trở thành vùng lãnh thổ có nền dân chủ vững chắc, thuận với trào lưu thế giới.

**Từ khóa:** Tưởng Giới Thạch, Tưởng Kinh Quốc, sự kiện

**43.** **Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về mối quan hệ Việt Nam – Lào: Nhìn từ tình đoàn kết đặc biệt qua hai cuộc kháng chiến (1945-1975)/** Nguyễn Đức Toàn, Phạm Anh Tuấn// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- Số 1(98) .- Tr. 39-46.

**Nội dung:** Trình bày mối quan hệ đoàn kết đặc biệt giữa Việt Nam – Lào qua hai cuộc kháng chiến (1945-1975) như: Coi trọng và giải quyết khoa học, hợp lý mối quan hệ giữa dân tộc và liên minh trong cuộc đấu trang chống kẻ thù chung. Coi trọng sự đồng thuận về quan điểm, đường lối chính trị là yếu tố then chốt để củng cố và phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào, cội nguồn sức mạnh trong cuộc đấu tranh chống kẻ thì chung. Tôn trọng độc lập, tự chủ, quyền tự quyết của mỗi dân tộc trên nền tảng nắm vững cái chung và phát huy cái riêng ở mỗi nước.

**Từ khóa:** Kháng chiến, quan hệ Việt Nam – Lào, Chủ tịch Hồ Chí Minh

**44.** **Quan hệ Ấn Độ - Mỹ : thực trạng và triển vọng/** Tôn Sinh Thành// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 10(95) .- Tr. 20-28.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng và triển vọng về mối quan hệ Ấn Độ - Mỹ. Bài viết cho rằng, sự song trùng về lợi ích chiến lược và kinh tế sẽ giúp Ấn Độ và Mỹ vượt qua những khác biệt, đưa mối quan hệ Ấn Độ - Mỹ phát triển hơn nữa trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Đối tác chiến lược, lợi ích song trùng, quan hệ Ấn Độ - Mỹ, thách thức chiến lược

**45.** **Quan hệ chính trị, an ninh Ấn Độ - Indonesia từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay/** Phùng Gia Bách// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 11(96) .- Tr. 27-34.

**Nội dung:** Làm rõ những diễn tiến trong quan hệ chính trị, an ninh giữa hai nước, từ đó rút ra nhận xét về mối quan hệ chính trị, an ninh Ấn Độ - Indonesia từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay.

**Từ khóa:** An ninh, Ấn Độ, chính trị, Indonesia, quan hệ

**46.** **Quan hệ hợp tác giữa liên minh Châu Phi và liên minh Châu Âu trong thời gian gần đây/** Phạm Kim Huế// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2020 .- Số 9(181) .- Tr. 33-44.

**Nội dung:** Tìm hiểu, phân tích và đánh giá một số cơ chế hợp tác điển hình cũng như các lĩnh vực hợp tác quan trọng giữa AU và EU như: hợp tác thương mại, hợp tác thương mại, hợp tác đầu tư, hợp tác phát triển và hợp tác an ninh trong 10 năm trở lại đây.

**Từ khóa:** AU, EU, quan hệ hợp tác, hợp tác thương mại, hợp tác đầu tư, hợp tác phát triển, hợp tác an ninh

**47.** **Quan hệ hợp tác Việt Nam – Israel trong bối cảnh phát triển mới/** Phạm Kim Huế// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2020 .- Số 8(180) .- Tr. 43-54.

**Nội dung:** Tìm hiểu về nhu cầu thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Israel trong bối cảnh phát triển mới và thực trạng mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Israel trong những năm gần đây trong các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế, văn hóa – giáo dục và an ninh – quốc phòng, để từ đó phân tích và đánh giá những thành tựu và hạn chế trong mối quan hệ hợp tác song phương này.

**Từ khóa:** Hợp tác, chính trị, ngoại giao, quốc phòng

**48.** **Quan hệ Saudi Arabia – Mỹ giai đoạn 2011 - 2020/** Hoàng Thị Mai Phương// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2020 .- Số 9(181) .- Tr. 12-23.

**Nội dung:** Tổng hợp lại các chính sách, chiến lược trong quan hệ Saudi Arabia – Mỹ giai đoạn 2011-2020, thể hiện ở các lĩnh vực cụ thể từ đó đánh giá, nhận định các vấn đề tồn tại trong mối quan hệ hai nước.

**Từ khóa:** Saudi Arabia – Mỹ, quan hệ ngoại giao, khu vực Trung Đông – Bắc Phi

**49.** **Quan hệ Thương mại, đầu tư Việt Nam – Trung Quốc : thực trạng và kiến nghị/** Nguyễn Quốc Trường, Đặng Thị Thúy Hà// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 11(231) .- Tr. 43-52.

**Nội dung:** Nêu lên những tồn tại và đề xuất một số kiến nghị làm cho quan hệ thương mại, đầu tư hai nước thời gian tới hiệu quả, bình đẳng và có đi có lại.

**Từ khóa:** Quan hệ Việt – Trung, quan hệ thương mại, đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam tại Trung Quốc

**50.** **Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ trong bối cảnh mới/** Trần Xuân Hiệp, Trần Hoàng Long// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 10(95) .- Tr. 1-10.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, kinh tế và an ninh quốc phòng trong bối cảnh mới nói trên, đưa ra những dự báo về triển vọng hợp tác Việt - Ấn trong thời gian tiếp theo.

**Từ khóa:** Hiện trạng, triển vọng, hợp tác, Việt Nam, Ấn Độ, bối cảnh mới

**51.** **Sức mạnh của Trung Quốc và Ấn Độ hiện nay/** Trần Xuân Hiệp, Trần Hoàng Long// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 11(96) .- Tr. 1-8.

**Nội dung:** Phân tích những nét chính trong sức mạnh mềm của Ấn Độ và Trung Quốc. Từ đó, đưa ra những đánh giá so sánh trong lĩnh vực này để thấy được những điểm mạnh, điểm yếu của hai cường quốc châu Á.

**Từ khóa:** Ấn Độ, sức mạnh mềm, Trung Quốc

**52.** **Tác động của các hiệp dịnh thương mại tự do đối với an ninh con người : từ khía cạnh an ninh kinh tế và an ninh y tế/** Nguyễn Thị Hồng Nga// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2020 .- Số 7(179) .- Tr. 30-37.

**Nội dung:** Đưa ra một số suy nghĩ về công tác đảm bảo an ninh kinh tế và an ninh y tế của Việt Nam trong bối cảnh Việt Nam đang tích cực tham gia ký kết các FTA, đặc biệt là các FTA thế hê mới.

**Từ khóa:** Hiệp định thương mại tự do, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh y tế

**53.** **Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đối với việc củng cố địa vị cầm quyền của Đảng Cộng Sản Trung Quốc thời kỳ Tập Cạn Bình/** Vũ Quý Sơn// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 10(230) .- Tr. 64-76.

**Nội dung:** Tập trung làm rõ quan điểm của Trung Quốc về tính chính danh và những yếu tố ảnh hưởng đến sự cầm quyền Đảng Cộng Sản. Tập trung tìm hiểu việc Đảng Cộng Sản Trung Quốc sử dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, chủ yếu là trí tuệ nhân tạo, để duy trì tính chính danh và củng cố địa vị cầm quyền của Đảng Cộng Sản Trung Quốc.

**Từ khóa:** Đảng Cộng Sản Trung Quốc, cách mạng công nghiệp 4.0, Tập Cận Bình

**54.** **Tác động của chiến tranh Thương mại Mỹ - Trung đến dòng chảy Thương mại và Đầu tư tại khu vực Châu Á/** Đặng Thu Thủy, Trần Ngọc Diễm// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 11(231) .- Tr. 21-32.

**Nội dung:** Nghiên cứu một số hạn chế thương mại của Mỹ đã ảnh hưởng mạnh tới thương mại hàng hóa toàn cầu và tương tự một cuộc chiến thương mại khác cũng có khả năng lan sang các quốc gia khác.

**Từ khóa:** Chiến tranh thương mại, dòng chảy thương mại, đầu tư, Mỹ, Trung Quốc, châu Á

**55.** **Thành phố thông minh : kinh nghiệm của Ấn Độ và thực tiến Việt Nam/** Tô Thị Ánh Dương// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- Số 1(98) .- Tr. 16-22.

**Nội dung:** Nghiên cứu tổng quan về thành phố thông minh. Đưa ra kinh nghiệm của Ấn Độ trong việc phát triển thành phố thông minh: Trường hợp New Delhi. Từ đó đưa ra một số gợi ý và chính sách xây dựng thành phố - đô thị thông minh tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Ấn Độ, thành phố - đô thị thông minh, công nghệ thông tin và truyền thông, Việt Nam

**56.** **Tình hình an ninh – chính trị ở các Quốc gia Trung Đông – Bắc Phi sau mười năm mùa xuân Arab/** Trần Thùy Phương// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2020 .- Số 8(180) .- Tr. 10-22.

**Nội dung:** Phân tích và làm rõ tình hình an ninh – chính trị của các quốc gia Trung Đông – Bắc Phi sau mười năm diễn ra Mùa xuân Arab, từ đó đánh giá và đưa ra triển vọng.

**Từ khóa:** Biến động chính trị, mùa xuân Arab, Trung Đông – Bắc Phi

**57.** **Tình hình nghiên cứu Ottoman – Thổ Nhĩ Kỳ ở các nước Đông Á/** Lư Vĩ An// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2020 .- Số 10(182) .- Tr. 36-44.

**Nội dung:** Phân tích cơ sở hình thành của việc nghiên cứu Ottoman ở các nước Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc. Qua đó, bài viết tổng quát về những thành tựu đạt được trong nghiên cứu Ottoman – Thổ Nhĩ Kỳ ở các nước này.

**Từ khóa:** Nghiên cứu Ottoman, Thổ Nhỉ Kỳ học, nghiên cứu Trung Đông, Đông phương học

**58.** **Tranh chấp giữa Ai Cập – Ethiopia – Sudan xung quanh dự án đập thủy điện Đại Phục Hưng của Ethiopia và một số vấn đề đặt ra/** Nguyễn Hải Lưu// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2020 .- Số 8(180) .- Tr. 3-9.

**Nội dung:** Phân tích và đưa ra cách nhìn tổng quan toàn diện về dự án GERD, quá trình thương lượng và tác động đến lợi ích của các bên liên quan, đồng thời đánh giá một số vấn đề đặt ra về mặt song phương, khu vực cũng như góc độ quốc tế.

**Từ khóa:** Tranh chấp, GERD, Ai Cập, Ethiopia, Sudan

**59.** **Trung Quốc với xu hướng văn minh hóa, tự cường dân tộc tring thế kỷ XIX/** Lê Thị Anh Đào// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- Số 1(233) .- Tr. 71-76.

**Nội dung:** Đề cập đến phong trào văn minh hóa diễn ra với góc độ và màu sắc khác nhau, tạo nên một nét mới trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của Trung Quốc.

**Từ khóa:** Trung Quốc, văn minh hóa, tự cường dân tộc

**60.** **Tư tưởng Jiddu Krishnamurti về con người/** Võ Anh Tuấn// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 10(95) .- Tr. 38-44.

**Nội dung:** Đề cập đến tư tưởng của Krishnamurti về con người, đó là bản tính và sự tha hóa của con người trong xã hội hiện đại, từ đó giúp con người nhìn nhận được thực tại xã hội và kiến tạo một xã hội mới dựa trên nền tảng giá trị nhân văn.

**Từ khóa:** Con người, giá trị nhân văn, Krishnamurti, tư tưởng

**61.** **Vai trò của think tank trong đời sống chính trị - xã hội ở Trung Quốc/** Nguyễn Trọng Bình// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 12(232) .- Tr. 3-12.

**Nội dung:** Phân tích vai trò của think tank trong đời sống chính trị - xã hội ở Trung Quốc. Think tank là tổ chức tư vấn chính sách ở Trung Quốc phát triển mạnh mẽ và đóng vai trò ngày càng quan trọng trong đời sống chính trị và xã hội.

**Từ khóa:** Think tank, Trung Quốc, đời sống chính trị - xã hội

**62.** **Vai trò thông tin đối ngoại đối với việc thúc đẩy hợp tác đa lĩnh vực giữa Việt Nam – Na Uy/** Lê Thanh Bình, Phạm Mỹ Lệ// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 10(241) .- Tr. 86-93.

**Nội dung:** Trình bày thực tiễn quan hệ Việt Nam – Na Uy. Phân tích vai trò của phương tiện thông tin đại chúng hai nước trong việc thúc đẩy quan hệ hợp tác song phương Việt Nam – Na Uy.

**Từ khóa:** Quan hệ Việt Nam – Na Uy, thông tin đối ngoại, hợp tác

**63.** **Việt Nam – Kuwait: 45 năm quan hệ hợp tác và hướng tới tương lai/** Ngô Toàn Thắng, Kiều Thanh Nga// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2020 .- Số 12(184) .- Tr. 3-11.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng quan hệ hợp tác Việt Nam – Kuwait. Phân tích một số triển vọng quan hệ hợp tác giữa Việt Nam – Kuwait.

**Từ khóa:** Việt Nam, Kuwait, quan hệ hợp tác, quan hệ chính trị - ngoại giao, quan hệ kinh tế

**64.** **Việt Nam trong chính sách đối ngoại của Liên minh Châu Âu/** Đinh Công Tuấn// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 11(242) .- Tr. 3-14.

**Nội dung:** Khái quát chiến lược toàn cầu và chính sách đối ngoại của EU. Phân tích về vị trí, vai trò quan trọng của Việt Nam trong việc thực thi chính sách dối ngoại mới của EU hiện nay.

**Từ khóa:** Chính sách đối ngoại, chiến lược châu Á mới, Liên minh Châu Âu

**65.** **Xung đột tài nguyên ở Đông Nam Á : chủ nghĩa đa phương thức nhỏ đối mặt với cường quyền/** Phạm Thái Quốc, Đoàn Thị Kim Tuyến, Đặng Hoàng Hà, Phạm Trần Hoàng Phương// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 12(232) .- Tr. 65-79.

**Nội dung:** Phân tích và làm rõ Chủ nghĩa đa phương thức nước nhỏ đối mặt với cường quyền qua hai ví dụ về xung đột tài nguyên ở Đông Nam Á. Đó là xung đột tài nguyên nước ở khu vực sông Lan Thương – Mê Công và xung đột tài nguyên hải sản ở khu vực Biển Đông.

**Từ khóa:** Cường quyền, xung đột tài nguyên, chủ nghĩa đa phương nước nhỏ, Lan Thương – Mê Công

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

**1. Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến ngành dệt may Việt Nam và một số vấn đề đặt ra**/Nguyễn Thị Ngọc Loan/ Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.99 - 102.

**Nội dung:** Dệt may là một trong những ngành kinh tế quan trọng của Việt Nam. Với 2,6 triệu lao động, ngành Dệt may đang giải quyết việc làm cho gần 5% tổng số lao động cả nước và đóng góp 12,4% vào tổng kinh ngạch xuất khẩu năm 2019. Tuy nhiên, đại dịch Covid-19 đã khiến ngành Dệt may gặp nhiều khó khăn. Liên tiếp có những đơn hàng bị hủy, dừng, tạm ngừng, dẫn đến áp lực lớn lên các doanh nghiệp ngành Dệt may cả về tài chính và lao động. Bài viết phân tích những tác động của Covid-19 đối với ngành Dệt may, từ đó gợi ý một số giải pháp giúp ngành dệt may vượt qua khó khăn, thách thức và phát triển bền vững trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Ngành dệt may, kinh tế, lao động, xuất khẩu, đơn hàng, việc làm.

**2. Ảnh hưởng của thiên tai đến thu nhập và tỷ lệ nghèo tại Việt Nam**/ Nguyễn Khắc Hiếu// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 277 .- Tr. 2-11.

**Nội dung**: Nghiên cứu này phân tích tác động của thiên tai đến thu nhập và tỷ lệ nghèo của các hộ gia đình tại Việt Nam. Phương pháp hồi quy tác động cố định (FEM) được sử dụng với dữ liệu bảng của 63 tỉnh thành Việt Nam trong giai đoạn từ 2012-2018. Kết quả nghiên cứu cho thấy, thiên tai làm giảm 4,3% thu nhập bình quân đầu người và làm tăng 1,9% tỷ lệ hộ nghèo tại các tỉnh chịu tác động bởi thiên tai. Ngoài ra, các nhân tố khác như giáo dục, cơ sở hạ tầng, thương mại và chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) cũng có tác động tích cực đến thu nhập và tỷ lệ nghèo của hộ gia đình tại Việt Nam. Từ kết quả nghiên cứu, một số hàm ý chính sách được đề xuất nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của thiên tai cũng như phân bổ hợp lý nguồn lực cứu trợ sau thiên tai.

**Từ khoá**: Thiên tai, thu nhập, tỷ lệ nghèo, mô hình tác động cố định

**3. Bài học về tính tự chủ của nền kinh tế Việt Nam**/ Nguyễn Minh Phong, Nguyễn Trần Minh Trí// Ngân hàng .- 2020 .- Số 17 .- Tr. 8-13.

**Nội dung**: Sự cần thiết tăng năng lực tự chủ và sức chống chịu của nền kinh tế; vai trò ngành tài chính - ngân hàng trong tăng tính tự chủ nền kinh tế.

**Từ khoá**: Tính tự chủ, nền kinh tế Việt Nam

**4. Bàn về chính sách dự trữ quốc gia của Việt Nam trong bối cảnh hiện nay**/ Đặng Đình Đào, Nguyễn Thị Diệu Chi// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 280 .- Tr. 23-28.

**Nội dung:** Dự trữ quốc gia là bộ phận dự trữ đặc biệt của dự trữ hàng hóa trong hệ thống logistics . Trong bối cảnh mới, do tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, đại dịch Covid-19, dịch tả lợn Châu Phi .., dự trữ quốc gia – công cụ quản lý càng có ý nghĩa quan trọng trong việc duy trì, củng cố và phát huy thành quả phát triển kinh tế - xã hội, bình ổn thị trường khi có biến động xảy ra. Trong phạm vi bài viết này, nhóm tác giả đánh giá một số tình hình về thực thi pháp luật, chính sách dự trữ quốc gia của Việt Nam và khuyến nghị chính sách đổi mới dự trữ quốc gia nhằm góp phần thực hiện hiệu quả, hiệu lực công cụ quản lý của nhà nước trong bối cảnh hiện nay .

**Từ khoá**: Dự trữ, dự trữ quốc gia, chính sách dự trữ quốc gia, danh mục hàng dự trữ, hệ thống logisics, Covid-19

**5. Biện pháp ứng phó đại dịch Covid - 19 ở các nước và khuyến nghị đối với Việt Nam/**Nguyễn Thị Ngọc Loan/ Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.64 - 68.

**Nội dung:** Thời gian qua, đại dịch Covid-19 đã gây ra một cuộc khủng hoảng chưa từng có tiền lệ trên thế giới. Cuộc khủng hoảng này đã tác động toàn diện trên mọi lĩnh vực đời sống, kinh tế - xã hội toàn cầu. Để ngăn chặn cuộc khủng hoảng y tế công cộng, Chính phủ các nước đã buộc phải can thiệp, ban hành nhiều chính sách bắt buộc như thực hiện giãn cách xã hội, phong toả, đóng cửa biên giới, ngừng các chuyến bay, hoặc đóng cửa trường học ... Các chính sách này đã tác động không nhỏ đến sự phát triển kinh tế, thương mại của các quốc gia. Nghiên cứu phản ứng chính sách của một số quốc gia nhằm ứng phó với dịch Covid 19, bài viết hàm ý vấn đề đặt ra với Việt Nam.

**Từ khoá:** Covid 19, khủng hoảng, y tế công cộng, kinh tế-xã hội.

**6.** **Các biện pháp phát triển kinh tế của Trung Quốc trong và sau đại dịch Covid 19 – Khuyến nghị đối với Việt Nam/** Nguyễn Thị Nhật Thu, Nguyễn Thu Hằng// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 9(229) .- Tr. 13-22.

**Nội dung:** Tổng hợp và phân tích các chính sách mà Trung Quốc đã thực hiện nhằm phục hồi và kích thích phát triển kinh tế trong và sau đại dịch Covid-19 đồng thời hướng tới hoàn thành các mục tiêu chiến lược tổng thể đã đặt ra, từ đó đưa ra một số khuyến nghị đối với Việt Nam.

**Từ khóa:** Trung Quốc, kinh tế, Covid-19, chính sách tiền tệ

**7. Các giải pháp phát triển bền vững nông nghiệp vùng Tây Nam Bộ trước thách thức biến đổi khí hậu**/ Nguyễn Quang Thuấn// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 509 .- Tr. 43-50.

**Nội dung**: Giới thiệu quá trình phát triển nông nghiệp của vùng Tây Nam Bộ, phân tích các thách thức của biến đổi khí hậu và khai thác nước thượng nguồn Mê Kông đối với phát triển nông nghiệp; từ đó đề xuất giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ và chuyển dịch từ các giống cây trồng, vật nuôi không chịu được mặn sang cây trồng, vật nuôi chịu mặn tốt hơn, hướng đến sự phát triển thích nghị trước sự thay đổi từ bên ngoài nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp vùng Tây Nam Bộ bền vững.

**Từ khoá**: Phát triển bền vững, nông nghiệp, Tây Nam Bộ, biến đổi khí hậu

**8. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của doanh nghiệp ngành nhựa niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Trần Đình Nhật Phong, Hoàng Anh Tuấn, Bùi Thị Diên An// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 49 – 59.

**Nội dung:** Nghiên cứu sử dụng số liệu của 21 công ty nhựa niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam từ tháng 1 năm 2014 đến tháng 12 năm 2018 để xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của các công ty ngành nhựa niêm yết trên thị trường chứng khoán của Việt Nam, từ đó đưa ra các biện pháp và gợi ý cho các nhà quản trị nhằm nâng cao hiệu quả tài chính.

**Từ khóa:** Hiệu quả tài chính, công ty ngành nhựa, thị trường chứng khoán Việt Nam

**9. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện bền vững doanh nghiệp trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa: nghiên cứu đối với các doanh nghiệp du lịch vùng duyên hải Nam Trung Bộ**/ Võ Thị Tâm, Võ Tấn Phong// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 45 – 56

**Nội dung:** Nghiên cứu này xác định các nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức và thực hiện các chiến lược hướng đến việc tạo ra các giá trị lâu dài tập trung vào các khía cạnh kinh tế, đạo đức, xã hội, văn hoá và môi trường sinh thái trong các doanh nghiệp du lịch vùng duyên hải Nam Trung Bộ tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu chỉ ra 4 nhân tố ảnh hưởng đến tính bền vững doanh nghiệp của các doanh nghiệp này là: chính sách phát triển của chính phủ, sự gắn bó của nhân viên, sự tham gia của cộng đồng địa phương và lãnh đạo trong các doanh nghiệp. Từ đó, nghiên cứu đưa ra một số hàm ý quản trị nhằm giúp các doanh nghiệp phát triển bền vững.

**Từ khóa:** Du lịch, bền vững, phát triển bền vững, bền vững doanh nghiệp, vùng duyên hải Nam Trung Bộ

**10. Các nhân tố tác động đến nhận thức tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Tây Nguyên**/ Bùi Thị Thu, Bùi Đức Hùng// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 57 – 67.

**Nội dung:** Bài viết cung cấp các kết quả điều tra về nhận thức tiêu dùng, tập trung làm rõ các nhân tố tác động đến nhận thức tiêu dùng sản phẩm ứng dụng công nghệ cao của người dân tại Tây Nguyên, từ đó đề xuất những hàm ý chính sách phát triển nông nghiệp cao ở Tây Nguyên nói riêng và ở Việt Nam nói chung.

**Từ khóa:** Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nhận thức tiêu dùng, Tây Nguyên

**11. Các nước trên thế giới với việc xây dựng nền kinh tế tuần hoàn và kinh nghiệm cho Việt Nam**/ Cung Thị Tuyết Mai, Nguyễn Quốc Toàn, Dương Thị Thanh Hậu// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 572 .- Tr. 50-52.

**Nội dung**: Nước ta đang phải đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng về cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu. Cần định hướng xây dựng nền kinh tế theo xu hướng tiên tiến để giảm rủi ro về khủng hoảng thừa sản phẩm, khan hiếm tài nguyên, tạo ra cơ hội việc làm và đầu tư mới, giảm chi phí sản xuất, tăng chuỗi cung ứng. Theo đó, kinh tế tuần hoàn là giải pháp hữu hiệu để phát triển bền vững kinh tế - xã hội của đất nước, phù hợp với điều kiện các nguồn tài nguyên hạn chế và đang dần cạn kiệt, môi trường đang bị suy thoái. Bài viết khái quát về nội hàm nền kinh tế tuần hoàn, lược khảo kinh nghiệm của các nước về xây dựng nền kinh tế tuần hoàn, từ đó chọn lọc một số bài học tham khảo có giá trị đối vói việc thực hiện nền kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Kinh tế, Tuần hoàn, Xây dựng, Hiện trạng, Kinh nghiệm, Thế giới

**12. Các yếu tố phát triển khu công nghệ cao : nhìn từ thực tiễn thế giới**/ Đặng Thị Phương Hoa// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 509 .- Tr. 3-14.

**Nội dung**: Trình bày khu công nghệ cao và phát triển khu công nghệ cao; Các yếu tố quan trọng phát triển khu công nghệ cao; Kết luận.

**Từ khoá**: Khu công nghệ cao, kinh tế tri thức, kinh tế vùng

**13. Các yếu tố ảnh hưởng đến giá bitcoin**/ Trương Đông Lộc, Nguyễn Phát Tài// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 5 .- Tr. 78 – 85.

**Nội dung:** Nghiên cứu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến giá bitcoin. Số liệu sử dụng trong nghiên cứu là chuỗi dữ liệu thời gian theo tần suất tháng được thu nhập trong giai đoạn từ tháng 5-2013 đến tháng 12-2018. Sử dụng mô hình kiểm định đường bao phân phối trễ từ hồi quy, kết quả nghiên cứu cho thấy: trong dài hạn, giá trị giao dịch bitcoin và giá vàng có mối tương quan thuận với giá bitcoin; trong ngắn hạn, giá trị giao dịch cũng có mối tương quan thuận với giá bitcoin; tuy nhiên, trong ngắn hạn giá vàng, chỉ số USD và chỉ số Dow Jones lại có mối tương quan nghịch với giá bitcoin.

**Từ khóa:** ARDL, bitcoin, giá bitcoin

**14. Cải cách chính sách kinh tế của Lê Thánh Tông và một số bài học kinh nghiệm**/ Lý Hoàng Mai, Trương Thị Thu Trang// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 36 – 44.

**Nội dung:** Bài viết phân tích những cải cách chính sách kinh tế của Lê Thánh Tông gồm: chính sách ruộng đất, chính sách nông nghiệp; chính sách thương nghiệp; từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm về quản lý đất đai, phát triển nông nghiệp và phát triển thương nghiệp cho công cuộc đổi mới của Việt Nam.

**Từ khóa:** Cải cách chính sách kinh tế, chính sách ruộng đất, chính sách nông nghiệp, chính sách thương nghiệp

**15. Cách nào để phục hồi kinh tế Việt Nam sau đại dịch Covid 19?/Lê Hoàng Đức/ Tài chính.- 2020 .- Số 733.- Tr.48 - 51.**

**Nội dung:** Việt Nam đang đối mặt với nguy cơ suy giảm tổng cung và tổng cầu trong nền kinh tế, do tác động xấu của dịch Covid 19. Làm cách nào để hồi phục nền kinh tế nhanh chóng mà không gây ra hệ luỵ trong tương lai là vấn đề đặt ra. Chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ là hai công cụ quan trọng nhằm điều chỉnh nền kinh tế, ngăn chặn đà suy giảm tăng trưởng và khắc phục những bất cập. Trước cú sốc do dịch Covid 19 gây ra, việc lựa chọn liều lượng hợp lý của từng chính sách cụ thể là không dễ dàng. Minh chứng từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 cho thấy, các chính sách của Nhà nước dường như tỏ ra chưa sẵn sàng triệt tiêu các tác nhân gây ra khủng hoảng, đặc biệt là chưa khắc phục được các yếu tố mang tính chất cơ cấu trong nền kinh tế. Bài viết này cung cấp các bằng chứng thực tiễn và đưa ra giải pháp phù hợp giúp Việt Nam đối phó với tình trạng mất cân đối trong cơ cấu của nền kinh tế.

**Từ khoá:** Chính sách tiền tệ, khủng hoảng kinh tế, Covid 19, chính sách tài khoá.

**16. Cải thiện môi trường kinh doanh Việt Nam: nghiên cứu tiếp cận từ lĩnh vực hải quan**/ Vũ Duy Nguyên// Nghiên cứu kinh tế.- 2020 .- Số 5 .- Tr. 37 – 46.

**Nội dung:** Nghiên cứu này phân tích tiềm năng xuất khẩu của Việt Nam trong bối cảnh gia nhập Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Bằng việc tính toán các chỉ số thương mại theo ngành hàng và thị trường, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: mức độ tập trung thương mại chỉ ở một vài thành viên CPTPP như Nhật Bản, Canada. Lợi thế cạnh tranh của các ngành và tăng trưởng xuất khẩu cao chỉ biểu hiện ở một số ngành và thị trường nhất định. Như vậy, Việt Nam có nhiều cơ hội gia tăng xuất khẩu trong khu vực CPTPP. Tuy nhiên, cơ hội này chỉ được tận dụng tối đa khi mà Việt Nam đảm bảo được quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn sản phẩm và nâng cao lợi thế so sánh của các ngành hàng xuất khẩu.

**Từ khóa:** Môi trường kinh doanh, hải quan, một cửa Asean, kiểm tra chuyên ngành

**17. Chiến tranh giá dầu mỏ quốc tế và các tác động tới Việt Nam**/ Bùi Xuân Hồi// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 509 .- Tr. 15-21.

**Nội dung**: Phân tích làm rõ bản chất của giá dầu âm, đồng thời đánh giá những tác động của thị trường dầu mỏ thế giới đến thị trường cxawng dầu Việt Nam, từ đó đưa ra những khuyến nghị để ngành dầu khí Việt Nam có những thay đổi phù hợp trong giai đoạn khó khăn này.

**Từ khoá**: Giá dầu mỏ, thị trường dầu mỏ, khủng hoảng dầu mỏ

**18. Chính sách phát triển doanh nghiệp công nghệ cao ở Vương Quốc Anh/** Đặng Thái Bình, Đỗ Diệu Hương// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 11(242) .- Tr. 50-60.

**Nội dung:** Phân tích những chính sách trong việc phát triển các doanh nghiệp công nghệ cao của Anh – đây là những kinh nghiệm này thực sự hữu ích cho các quốc gia khác trong việc phát triển doanh nghiệp công nghệ cao đặc biệt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp công nghệ cao, phát triển doanh nghiệp công nghệ cao, Vương quốc Anh

**18. Chính sách phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa của Trung Quốc và bài học cho Việt Nam/** Đặng Thái Bình, Nguyễn Thị Hiên// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 25-33.

**Nội dung:** Phân tích chính sách phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa của Trung Quốc. Nghiên cứu kinh nghiệm phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa của Trung Quốc sẽ giúp Việt Nam xây dựng được các chính sách phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa phù hợp và hiệu quả nhất.

**Từ khóa:** Chính sách phát triển, doanh nghiệp nhỏ và vừa, Trung Quốc, Việt Nam

**19. Chính sách phát triển kinh tế xanh ở Đức và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam/** Nguyễn Thị Thục/ Môi trường.- 2021 .- Số 1 .- Tr. 82-84.

**Nội dung:** Ban hành những chính sách xanh hóa nền kinh tế; Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam.

**Từ khóa**: Kinh tế xanh, chính sách, bài học kinh nghiệm

**20. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành của tỉnh Vĩnh Phúc theo hướng phát triển bền vững giai đoạn 2021-2025**/ Trần Trọng Nguyên, Đặng Thùy Nhung, Hoàng Thị Minh Hà// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 503 .- Tr. 60-71.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng cơ cấu cấu kinh tế ngành của tỉnh Vĩnh Phúc theo hướng phát triển bền vững giai đoạn 2015-2020, kết quả cho thấy, cơ cấu cấu kinh tế ngành của tỉnh đã chuyển dịch theo hướng tích cực nhưng chưa bền vững, từ đó nghiên cứu đề xuất mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành của tỉnh theo hướng phát triển bền vững và đưa ra một số giải pháp nhằm thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành của tỉnh Vĩnh Phúc phù hợp với mục tiêu phát triển KT-XH của địa phương đến năm 2025.

**Từ khoá**: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, phát triển bền vững

**21. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam : một số hạn chế và giải pháp tháo gỡ**/ Trần Thị Lượng// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 209 .- Tr. 63-66.

**Nội dung**: Một số thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam; một số hạn chế trong chuyển chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam; giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Kinh tế nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn

**22. Cơ chế điều hành giá tại dự thảo sửa đổi bổ sung nghị định số 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu/**Ngô Trí Trung/ Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.17-19.

**Nội dung:** Sau hơn 5 năm triển khai nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (có hiệu lực từ tháng 11/2014), bên cạnh những kết quả đạt được đã được đã phát sinh một số bất cập do sự thay đổi khách quan của các yếu tố kinh tế, xã hội. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ , Bộ Công Thương đã phối hợp với Bộ Tài Chính và các đơn vị liên quan triển khai xây dựng Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung và đã hoàn thiện Dự thảo, trình Chính phủ duyệt.

**Từ khoá:** Điều hành, kinh tế, xã hội, Chính phủ, Bộ Tài Chính.

**23. Cơ chế tác động của các nhân tố đến gắn kết trung thành của nhân viên trong tổ chức chính trị xã hội: nghiên cứu trường hợp tại 3 tổ chức ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Minh Hoà// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 5 .- Tr. 57 – 67.

**Nội dung**: Bài viết kiểm định và bổ sung cơ chế tác động trực tiếp của các nhân tố đến gắn kết trung thành. Dữ liệu được thu thập từ 252 nhân viên tại 3 tổ chức: Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, thành Đoàn Hà Nội, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và xử lý bằng các phương pháp thống kê. Kết quả phân tích hồi quy đã chỉ ra 5 nhân tố, cụ thể: điều kiện làm việc; lương và phúc lợi; đánh giá; công nhận; phong cách lãnh đạo; quan hệ đồng nghiệp có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới gắn kết trung thành. Từ đó, đưa ra một số đề xuất nhằm tăng tính gắn kết trung thành của nhân viên trong các tổ chức chính trị xã hội.  
**Từ khóa:** Sự hài lòng, sự gắn kết trung thành, tổ chức chính trị xã hội

**24. Cơ chế tài chí hướng tới nền kinh tế xanh: kinh tế của một số nước Châu Á/**Trần Thị Quỳnh Hoa, Hà Thị Hương Lan/ Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.24 - 27

**Nội dung:** Thời gian qua, cùng với sự phát triển kinh tế, môi trường và tài nguyên ngày càng bị xuống cấp. Bên cạnh đó, các hiện tượng biến đổi khí hậu, ô nhiễm không khí, thiên tai đã, đang và sẽ ảnh hưởng tới cuộc sống của nhân loại, đe dọa tới sự phát triển kinh tế. Chính vì thế, các nước trên thế giới đã tìm cho mình con đường phát triển hướng tới nền kinh tế xanh. Cùng chung xu hướng đó, một số nước ở Châu Á, trong đó có Việt Nam cũng đã đưa ra nhiều chính sách quan trọng, đặc biệt là chính sách tài chính, nhằm phát triển nền kinh tế xanh.

**Từ khoá:** Kinh tế xanh, kinh tế, chính sách tài chính.

**25. Đánh giá hiệu quả đánh bắt cá ngừ đại dương tại Việt Nam**/ Phạm Việt Anh, Nguyễn Viết Thành, Cao Lệ Quyên// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 503 .- Tr. 32-40.

**Nội dung**: Nghiên cứu sử dụng dữ liệu đánh bắt cá ngừ trong giai đoạn 2011-2017 để đánh giá hiệu quả đánh bắt cá ngừ đại dương tại Việt Nam. Kết quả nghien cứu cho thấy, hiện nay tương đối hạn chế, hầu hết các nghiên cứu chỉ đánh giá trên phạm vi nhỏ, thời gian đánh giá ngắn. Vì vậy khuyến nghị Chính phủ cần có chính sách hợp lý đối với nghề khai thác cá ngừ nhằm nâng cao hiệu quả về quy mô và duy trì mức hiệu quả kỹ thuật.

**Từ khoá**: Cá ngừ đại dương, hiệu quả kỹ thuật, thay đổi công nghệ

**26. Định hướng xây dựng Nền kinh tế sáng tạo của Trung Quốc/** Nguyễn Thị Hạ, Bùi Thị Thanh Hương// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 9(229) .- Tr. 23-35.

**Nội dung:** Tóm tắt một số thành tựu và phân tích nhưng định hướng cơ bản trong xây dựng nên kinh tế sáng tạo của Trung Quốc.

**Từ khóa:** Kinh tế, Trung Quốc, nền kinh tế sáng tạo, hiện đại hóa

**27. Đo lường chi phí phúc lợi của lạm phát xu hướng thay đổi tại Việt Nam**/ Lê Thanh Hà// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 281 .- Tr. 2-10.

**Nội dung**: Nghiên cứu này xây dựng mô hình New Keynesian với đặc tính mô tả hợp đồng giá cứng nhắc để đo lường chi phí phúc lợi của lạm phát xu hướng thay đổi. Bằng việc sử dụng phương pháp mô phỏng thời điểm (SMM) với dữ liệu tại Việt nam trong giai đoạn 1996Q1-2015Q4, chúng tôi ước lượng các tham số mô phỏng đặc tính của nền kinh tế Việt Nam. Kết quả cho thấy lạm phát xu hướng thay đổi tác động trực tiếp tới nền kinh tế bằng việc gây ra những chi phí phúc lợi và những biến động của chu kỳ kinh doanh, và gián tiếp tới nền kinh tế thông qua việc làm gia tăng những biến động gây ra bởi của cú sốc chính sách tiền tệ và cú sốc chi tiêu tài khóa. Ngoài ra, chúng tôi cũng ghi nhận rằng việc sử dụng ngân sách cho đầu tư phát triển không gây ra những hậu quả đáng kể, trong khi sử dụng ngân sách cho chi thường xuyên lại đem lại các kết cục nghiêm trọng, đặc biệt khi nền kinh tế có lạm phát mục tiêu cao.

**Từ khoá**: Lạm phát xu hướng thay đổi, phương pháp mô phỏng thời điểm (SMM), chi phí phúc lợi, Việt Nam

**28. Đo lường dao động tỷ giá hối đoái thực đa phương của đồng Việt Nam giai đoạn 2000-2019**/ Nguyễn Thị Vân Nga// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 503 .- Tr. 49-59.

**Nội dung**: Xem xét cách thức đo lường dao động tỷ giá hối đoái thực đa phương của đồng Việt Nam dựa trên số liệu theo quý I năm 2000 đến quý II năm 2019. Kết quả cho thấy giá trị dao động tỷ giá hối đoái thực đa phương của đồng VN biến động ngày càng liên tục. Từ đó, đề xuất một số giải pháp trong việc điều tiết tỷ giá hối đoái của VN trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Dao động tỷ giá hối đoái, tỷ giá hối đoái

**29. Động thái nghèo ở vùng đồng bằng sông Cửu Long**/ Nguyễn Đình Hòa, Ma Ngọc Ngà, Vũ Tuấn Anh// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 510 .- Tr. 59-69.

**Nội dung**: Người nghèo không chỉ thiếu hụt về thu nhập, chỉ tiêu mà còn bị thiếu trên nhiều phương tiện khác nhau. Nghiên cứu này đề xuất các chỉ tiêu và xây dựng chỉ số đánh giá nghèo phù hợp với điều kiện của vung đồng bằng sông Cửu Long. các kết quả nghiên cứu cho thấy, điều kiện sống của người dân trong vùng đang có những bước cải thiện, thể hiện ở chỉ số nghèo theo hướng bền vững, tuy nhiên, mức độ thiếu hụt vẫn còn đáng kể ở một số chỉ tiêu.

**Từ khoá**: Giảm nghèo bền vững, nghèo đa chiều, đồng bằng sông Cửu Long

**30. Giải pháp phát triển thương mại tỉnh Phú Thọ**/ Phạm Thị Thu Hường, Phạm Thị Nga// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 68 – 80.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu thực trạng, đánh giá tiềm năng phát triển thương mại của tỉnh Phú Thọ, đề xuất các giải pháp phát triển thương mại của tỉnh trong thời gian tới.  
**Từ khóa:** Phát triển thương mại, thương mại bền vững, xuất khẩu, nhập khẩu, Phú Thọ

**31. Giải pháp xây dựng “Chính sách phát triển kinh tế hàng hải” có tính sát thực, hiệu quả, nhằm thực hiện mục tiêu “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030…”/** PGS. TS. Nguyễn Hoàng Tiệm, TS. Đỗ Văn Thuận// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 129-133.

**Nội dung:** Giới thiệu phần cơ sở lý luận và cách vận dụng 3 yếu tố: công nghệ xây dựng chính sách, vòng đời chính sách, hiệu quả chính sách vào việc xây dựng chính sách phát triển kinh tế hàng hải.

**Từ khóa**: Kinh tế hàng hải, phát triển bền vững, chiến lược phát triển

**32.** **Góc nhìn đa chiều về mô hình, các công cụ hoạch định, các cấp độ và các rào cản cho sự lựa chọn chiến lược trong tổ chức/** Lê Thanh Hà, Cao Quốc Việt// Khoa học Yersin .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 22-30.

**Nội dung:** Mô tả, phân tích các công trình nổi trội nhất về chiến lược liên quan đến các mô hình, các công cụ và các cấp cũng như các rào cản ảnh hưởng đến sự lựa chọn chiến lược. Từ đó cung cấp cho các nhà quản trị một bức tranh khái quát để họ có thể áp dụng vào thực tiễn doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Mô hình chiến lược, các công cụ, các cấp độ chiến lược

**33. Hành vi tiêu dùng thương mại điện tử: chất lượng dịch vụ, giá trị cảm nhận, sự hài lòng và trung thành của khách hàng**/ Nguyễn Thu Hà// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 18 – 27.

**Nội dung:** Bài viết làm rõ mối quan hệ của các yếu tố chất lượng dịch vụ thương mại điện tử đến sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng; đồng thời xem xét vai trò điều tiết của nhóm hàng kinh doanh tới các mối quan hệ trên thị trường Việt Nam.

**Từ khóa:** Chất lượng dịch vụ, sự hài lòng của khách hàng, lòng trung thành của khách hàng, giá trị cảm nhận, thương mại điện tử

**34. Hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất rau an toàn tại huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế**/ Nguyễn Quang Phục// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 281 .- Tr. 64-72.

**Nội dung**: Nghiên cứu này đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất rau an toàn tại huyện miền núi A Lưới thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế. Phương pháp nghiên cứu trường hợp (case study) đã được sử dụng trong nghiên cứu này. Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình sản xuất rau an toàn trên địa bàn huyện A Lưới đem lại hiệu quả cao về kinh tế, tạo việc làm ổn định và khai thác được lợi thế về điều kiện tự nhiên cũng như kinh nghiệm trồng rau của chủ hộ. Đó là tín hiệu rất tích cực trong chuyển đổi mô hình sản xuất của người dân địa phương. Để nâng cao hiệu quả của mô hình cũng như nhân rộng mô hình sản xuất rau an toàn trong thời gian tới, trách nhiệm của chính quyền địa phương trong giám sát kỷ thuật, đánh giá, tư vấn kịp thời cho các hộ đóng một vai trò quan trọng.

**Từ khoá**: Rau an toàn, hiệu quả kinh tế, miền núi, trách nhiệm

**35. Hợp tác năng lượng Việt Nam - Liên bang Nga trong bối cảnh thực hiện nghị quyết số 55/NQ – TW về định hướng phát triển năng lượng Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**/ Đặng Thị Phương Hoa// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 16 – 25.

**Nội dung:** Bài viết cập nhật thực trạng hợp tác năng lượng Việt Nam – Liên bang Nga theo cách tiếp cận quản lý nhà nước đối với kinh tế ngành, đề xuất một số gợi ý chính sách để phát triển mới, chiều sâu hợp tác là vấn đề cần nghiên cứu.

**Từ khóa:** Hợp tác năng lượng, chiến lược năng lượng, hợp tác Việt Nam – Liên bang Nga, hợp tác kinh tế Á - Âu

**36. Khả năng cung công nghệ của các doanh nghiệp chế biến, chế tạo Việt Nam**/ Nguyễn Thị Phương// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 503 .- Tr. 14-23.

**Nội dung**: Nghiên cứu xem xét giá trị chuyển giao công nghệ và khả năng cung công nghệ tại các doanh nghiệp chế biến, chế tạo của Việt nam từ năm 2012 đến 2016. Các kết quả thực nghiệm chỉ ra 3 điểm quan trọng: tổng giá trị chuyển giao công nghệ có xu hướng tăng, nguồn cung cấp công nghệ của các doanh nghiệp ngành chế biến - chế tọa chủ yếu đến từ mua hoặc tiếp nhận chuyển giao công nghệ, ước lượng mô hình cung công nghệ ...

**Từ khoá**: Chuyển giao công nghệ, cung công nghệ, ngành chế biến chế tạo, Việt Nam

**37. Khía cạnh pháp lý đối với mô hình kinh tế chia sẻ: nghiên cứu thực tiễn qua mô hình chia sẻ phòng lưu trú AIRBNB**/ Lê Thị Thu Thuỷ, Nguyễn Hồng Quân// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 278 .- Tr. 23-31.

**Nội dung**: Kinh tế chia sẻ (sharing economy) được bàn luận nhiều ở Việt Nam trong thời gian gần đây và Chính phủ Việt Nam thống nhất xây dựng đề án thí điểm cho một số lĩnh vực hoạt động. Bên cạnh lĩnh vực vận tải với các thương hiệu như Grab, GoViet, Be, lĩnh vực dịch vụ lưu trú có mô hình AirBnB, chia sẻ nhà ở với sự tham gia của nhiều khách sạn và các cơ sở lưu trú. Mô hình Airbnb tại Việt Nam đã đem đến rất nhiều ích lợi cho cả người cho thuê và người đi thuê. Tuy nhiên, nó cũng đặt ra không ít rủi ro, thách thức đối với người dùng, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước. Nghiên cứu này tập trung phân tích thực tiễn mô hình kinh doanh của AirBnB dưới góc độ pháp lý nhằm làm rõ mối quan hệ kinh tế giữa các chủ thể trong mô hình thông qua việc phân tích mô hình kinh doanh và để đưa ra những đề xuất và kiến nghị đối với các bên có liên quan.

**Từ khoá**: Phòng lưu trú, kinh tế chia sẻ, AirBnB, cách mạng công nghiệp 4.0, môi giới thương mại điện tử

**38. Kịch bản tăng trưởng kinh tế tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025**/ Trần Quang Huy, Nguyễn Đắc Dũng, Nông Thị Minh Ngọc// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 510 .- Tr. 79-86.

**Nội dung**: Dự báo các mức tăng trưởng khác nhau cho tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 2021-2025 trên cơ sở sử dụng các mô hình dự báo tăng trưởng theo chuỗi thời gian. Giới thiệu 3 kịch bản tăng trưởng cho tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn tới gồm: kịch bản tiềm năng, kịch bản tham vọng và kích bản phân đoạn. Trên cơ sở đánh giá những ưu điểm và hạn chế của từng kịch bản cũng như căn cứ vào bối cảnh thực tế của kinh tế thế giới, kinh tế trong nước và tỉnh Thái Nguyên, từ đó đề xuất kịch bản tiềm năng là kịch bản cơ sở cho mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh trong những năm tới.

**Từ khoá**: Mô hình dự báo, tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế, kịch bản tăng trưởng, Thái Nguyên

**39. Kinh tế biển ở Việt Nam: Từ khát vọng đến hiện thực**/ Nguyễn Mạnh Dũng// Nghiên cứu kinh tế.- 2020 .- Số 5 .- Tr. 14 – 24.

**Nội dung**: Bài viết làm rõ 4 vấn đề: quá trình văn bản hoá các khái niệm về phát triển kinh tế biển, khát vọng phát triển dựa vào khai thác tiềm năng biển trong quá khứ; sự thay đổi cơ cấu ngành kinh tế biển ưu tiên; những nội dung xung quanh đích đến của “quốc gia biển mạnh”.  
**Từ khóa:** Kinh tế xanh, kinh tế biển, tăng trưởng xanh, chuyển đổi kinh tế

**40. Kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam và đề xuất giải pháp thúc đẩy/** Phạm Thị Trầm// Môi trường .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 55-57.

**Nội dung:** Thực trạng và nguyên nhân ô nhiễm môi trường; Một số vận dụng kinh tế tuần hoàn; Giải pháp thúc đẩy kinh tế tuần hoàn.

**Từ khóa**: Ô nhiễm môi trường, kinh tế tuần hoàn, sản xuất nông nghiệp

**41. Kinh tế tri thức và sự phát triển của các doanh nghiệp công nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Thị Nguyệt, Trần Thị Huyền Trang// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 503 .- Tr. 3-13.

**Nội dung**: Phân tích tác động của kinh tế tri thức đối với sự phát triển của các doanh nghiệp công nghiệp dưới các góc độ định vị công nghiệp, trình độ công nghệ, ứng dụng công nghệ, công trình và sản phẩm nghiên cứu và năng lực cạnh tranh. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, sự phát triển của kinh tế tri thức có tác động đến yếu tố khoa học công nghệ và sự phát triển của các doanh nghiệp công nghiệp; từ đó đề xuất 1 số giải pháp nhằm tận dụng hiệu quả những lợi ích của kinh tế tri thức mang lại trong các doanh nghiệp công nghiệp VN.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp công nghiệp, kinh tế tri thức, khoa học công nghệ

**42. Kinh tế tư nhân -" Lực kéo " quan trọng của kinh tế Việt Nam thời hậu Covid-19/**Nguyễn Quốc Điển/ Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.06 - 09.

**Nội dung:** Khu vực kinh tế tư nhân thời gian qua không ngừng lớn mạnh, khẳng định vai trò, động lực qua trọng đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Khu vực kinh tế tư nhân trong nước đang tạo ra khoảng 40%GDP, 30% ngân sách nhà nước, thu hút khoảng 85% lực lượng lao động cả nước. Như vậy, kinh tế tư nhân chính là tấm đệm giảm sốc và là ""lực kéo"" quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, do đó nhà nước cần tiếp tục có cơ chế, chính sách thúc đẩy, phát triển bền vững động lực quan trọng này.

**Từ khoá:** Kinh tế tư nhân, doanh nghiệp, việc làm, đầu tư nước ngoài, kinh tế .

**43. Loại hình, lĩnh vực hoạt động kinh tế phi chính thức tại Hải Phòng và giải pháp quản lý, hỗ trợ**/ Nguyễn Thái Sơn, Hoàng Thị Ngà// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 509 .- Tr. 61-70.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng khu vực kinh tế phi chính thức ở Hải Phòng, phân tích tác động tích cực và tiêu cực đến phát triển kinh tế xã hội, đưa ra một số giải pháp để phát huy những đóng góp tích cực và hạn chế các ảnh hưởng tiêu cực của kinh tế phi chính thức thông qua việc khuyến khích, hạn chế và chuyển đổi loại hình, lĩnh vực hoạt động của tác nhân kinh tế này tại Hải Phòng.

**Từ khoá**: Kinh tế phi chính thức, lao động phi chính thức, quản lý kinh tế

**44. Mô hình phát triển kinh tế của Ethiopia/** Nguyễn Bình Giang// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2020 .- Số 11(183) .- Tr. 3-12.

**Nội dung:** Tìm hiểu nguyên nhân của “sự thần kỳ kinh tế” Ethiopia ở mô hình phát triển mà quốc Châu Phi này theo đuổi từ khi Mặt trận Dân chủ Cách mạng Nhân dân Ethiopia nắm quyền từ giữa năm 1001 cho tới nay.

**Từ khóa:** Tăng trưởng kinh tế, nhà nước kiến tạo, FDI, chính sách công nghiệp, kết cấu hạ tầng

**45. Mối quan hệ nhân quả giữa tăng trưởng kinh tế và mức tiêu thụ năng lượng tái tạo tại một số quốc gia Asean**/ Đinh Hồng Linh// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 10 – 17.

**Nội dung:** Bài viết cung cấp bằng chứng về mối quan hệ nhân quả giữa tăng trưởng kinh tế và mức tiêu thụ năng lượng tái tạo tại 5 quốc gia Asean, bao gồm Inđônêxia, Philíppin, Xingapo, Thái Lan và Việt Nam. Sử dụng các phương pháp kinh tế lượng như kiểm định nghiệm đơn vị, kiểm định đồng liên kết và kiểm định nhân quả Grager. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra mối quan hệ nhân quả một chiều từ phía kinh tế là nguyên nhân dẫn đến tăng tiêu dùng năng lượng của Việt Nam và Philippin. Kết quả nghiên cứu tại Thái Lan và Inđônêxia cho thấy quan hệ một chiều nguyên nhân tăng trưởng kinh tế là do tác động của tiêu thụ năng lượng tái tạo, tuy nhiên kết quả nghiên cứu không tìm ra mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và tiêu dùng năng lượng tái tạo tại Xingapo.

**Từ khóa:** Quan hệ tăng trưởng kinh tế và tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ năng lượng tái tạo, tăng trưởng kinh tế, năng lượng tái tạo Asean

**46. Mối quan hệ giữa các hoạt động phát triển nhà cung cấp và lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp thu mua**/ Nguyễn Phi Hoàng// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 503 .- Tr. 41-48.

**Nội dung**: Trình bày Tổng quan về phát triển nhà cung cấp; mô hình nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và kết luận.

**Từ khoá**: Lợi thế cạnh tranh, hoạt động phát triển nhà cung cấp trực tiếp

**47. Mối quan hệ tăng trưởng xanh, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững**/ Nguyễn Hoàng Nam, Nguyễn Thế Chinh, Trần Văn Ý// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 5 .- Tr. 47 – 56.

**Nội dung**: Bài viết tổng hợp nhiều quan điểm nhìn nhận và phân tích sự giống và khác nhau giữa các thuật ngữ tăng trưởng xanh, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Kết quả cho thấy rằng các khái niệm này có nội hàm khác nhau và không nên dùng thay thế cho nhau. Từ đó, bài viết đưa ra một cách hiểu rõ ràng về mối quan hệ giữa các thuật ngữ này và sự thống nhất của chúng với phát triển bền vững.

**Từ khóa:** Kinh tế xanh, tăng trưởng xanh, kinh tế tuyến tính, kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững

**48. Một số giải pháp phát triển Ninh Thuận trở thành trung tâm năng lượng tái tạo của Việt Nam**/ Bùi Nhật Quang, Hà Huy Ngọc// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 63 – 74.

**Nội dung:** Bài viết phân tích , đánh giá các chính sách chung của trung ương về phát triển năng lượng tái tạo đang được áp dụng tại tỉnh Ninh Thuận.

**Từ khóa:** Giải pháp, cơ chế, chính sách, trung tâm năng lượng tái tạo

**49. Một số yếu tố kinh tế ảnh hưởng đến chỉ số giá xây dựng/** Nguyễn Thanh Phong// Xây dựng .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 88-90.

**Nội dung:** Giới thiệu một số yếu tố kinh tế có khả năng ảnh hưởng đến chỉ số giá xây dựng như chỉ số giá tiêu dùng, tổng sản phẩm quốc nội, tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu, tổng vốn đầu tư xây dựng, giá dầu thô.

**Từ khóa**: Chỉ số giá xây dựng, kinh tế, quản lý xây dựng

**50. Mức sẵn lòng chi trả bảo hiểm nông nghiệp cho cây cam của các nông hộ ở huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang**/ Lê Phương Thảo, Nguyễn ANh Tuấn, Tô Thế Nguyên// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 509 .- Tr. 81-89.

**Nội dung**: Kết quả cho thấy, các yếu tố ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả bảo hiểm cho cây cam là số năm kinh nghiệm, trình độ học vấn, tổng sản lượng cam của hộ và số lần tham gia tập huấn kỹ thuật, từ đó cho thấy vai trò quan trọng của các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với sản xuất nông nghiệp, cần chú ý tới đào tạo kiến thức, kinh nghiệm đẻ cải thiện ý thức về việc tham gia bảo hiểm nông nghiệp nói chung và bảo hiểm cho cây cam nói riêng.

**Từ khoá**: Bảo hiểm nông nghiệp, cây cam

**51. Nâng cao hiệu quả kinh tế từ công cụ phân công công việc theo nhóm tích cách/** Trần Thị Lan Hương/ Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.70 - 72.

**Nội dung:** Là người quản lý, khi phân công công việc cho nhân viên, có nhân viên hiểu nhanh, thực hiện đúng kết quả công việc mong đợi. Bên cạnh đó, có người lúng túng, kết quả thực hiện không đạt yêu cầu. Làm thế nào để giao việc cho nhân viên thực hiện đạt kết quả cao; nắm được tính cách nhân viên để giao việc luôn là chủ đề mà các nhà quản lý quan tâm. Bài viết này bàn về giải pháp phân công công việc theo nhóm để mang lại kết quả như mong đợi cho doanh nghiệp cũng như cơ quan quản lý, từ đó giúp đạt hiệu quả kinh tế cao.

**Từ khoá:** Phân công công việc, nhóm tích cách, nhân viên.

**52. Nâng cao hiệu quả sử dụng lao động nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam**/Nguyễn Văn Tuấn, Lê Thị Hoài Thương / Tài chính.- 2020 .- Số 732.- Tr.123 -125.

**Nội dung:** Bài viết sử dụng dữ liệu từ năm 2007-2017 để tính hệ số sử dụng lao động (ILOR) của Việt Nam và 13 nước bao gồm: Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản cùng 10 nước ASEAN theo phương pháp tính trực tiếp. Kết quả cho thấy, hiệu quả sử dụng lao động Việt Nam rất thấp, chỉ xếp trên Campuchia nhưng thấp hơn Lào và bằng 1/104 hiệu quả sử dụng lao động của Mỹ, bằng 1./48 của Sigapore. Bên cạnh đó, để hiểu rõ hiệu quả sử dụng lao động của từng ngành trong nền kinh tế của Việt Nam, tác giả tính hệ số ILOR cho từng ngành và kết quả chỉ ra rằng ngành ""Hoạt động hành chính và hỗ trợ dịch vụ"" và ngành ""dịch vụ ăn uống và lưu trú"" có chỉ số ILOR lớn nhất (tương ứng 30,74 và 23,96) - hiệu quả sử dụng lao động thấp nhất, trong khi đó ngành có hệ số ILOR nhỏ nhất là ""Sản xuất và phân phối điện, nước và khí đốt"" và ngành ""Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm"" (tương ứng 0,43 và 2,06). Qua kết quả tính toán, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng lao động tại Việt Nam.

**Từ khoá:** Hệ số ILOR, tăng trưởng kinh tế, Việt Nam.

**53. Nghiên cứu một số lý thuyết nền tảng cho phát triển khu công nghệ cao/** Đặng Thị Phương Hoa// Nghiên cứu kinh tế.- 2020 .- Số 5 .- Tr. 3 – 13.

**Nội dung:** Bài viết đưa ra quan điểm nhấn mạnh đa dạng hoá trong lý thuyết cụm tổng hợp để phát triển các khu công nghệ cao phiên bản mới phù hợp với bổi cảnh mới.

**Từ khóa:** Lý thuyết khu công nghệ cao, khu công nghệ cao, lý thuyết cụm, lý thuyết cực tăng trưởng, lý thuyết 3 vòng xoáy, lý thuyết đổi mới, chính sách đổi mới, chính sách khoa học công nghệ

**54. Nghiên cứu ý định sử dụng dịch vụ thanh toán hành chính công qua ví điện tử tại thành phố Đà Nẵng** / Trần Đình Nhật Phong, Hoàng Anh Tuấn, Bùi Thị Diên An// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 78 – 88.

**Nội dung**: Bài viết phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng dịch vụ thanh toán hành chính công qua ví điện tử tại thành phố Đà Nẵng. Dữ liệu phân tích được thu thập từ 408 khách hàng đang sinh ssoongs và làm việc tại Đà Nẵng. Nghiên cứu sử dụng các kỹ thuật như phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích nhân tố khẳng định CFA, kiểm định mối quan hệ nhân quả trong mô hình cấu trúc tuyến tính SEM, thấy được 6 nhân tố tác động đến ý định sử dụng dịch vụ thanh toán dịch vụ thông qua ví điện tử, từ đó đưa ra một số gợi ý chính sách góp phần giúp các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ thanh toán qua ví điện tử có chiến lược phù hợp để xâm nhập và mở rộng thị trường.

**Từ khóa:** Ý định, dịch vụ hành chính công, ví điện tử, Đà Nẵng

**55. Phân tích biến động năng suất lao động ngành công nghiệp thực phẩm Việt Nam giai đoạn 2010 - 2018**/ Cao Hoàng Long// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 142 .- Tr. 2-10.

**Nội dung**: Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích thống kê mô tả để tính toán và phân tích biến động năng suất lao động của doanh nghiêp thuộc ngành công nghiệp thực phẩm Việt Nam (gồm ngành sản xuất chế biến thực phẩm và ngành sản xuất đồ uống giai đoạn 2010-2018, qua đó đề xuất một số giải pháp tăng năng suất. Nghiên cứu này cũng là một phần của Luận án Năng suất lao động và các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất lao động ngành công nghiệp thực phẩm Việt Nam do tác giả thực hiện.

**Từ khoá**: Biến động năng suất lao động, công nghiệp thực phẩm, phân tích biến động năng suất

**56. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu hộ gia đình ở Đồng bằng Sông Cửu Long**/ Võ Thị Ánh Nguyệt, Nguyễn Hoàng Minh Trí// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 143 .- Tr. 31-37.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm xác định những tác động của các nhân tố đến mức chi tiêu của người dân Đồng bằng sông Cửu Long. Nghiên cứu sử dụng bộ dữ liệu Cuộc điều tra dân số Việt Nam (VHLSS) năm 2016 và số liệu từ Niên giám thống kê 2016, 2017, 2018. Mô hình hồi quy bội với phương pháp bình phương nhỏ nhất OLS và mô hình hồi quy phân vị được áp dụng để xây dựng mô hình kinh tế lượng, ước lượng mức tác động của các biến độc lập và so sánh mức tác động giữa các mô hình với nhau. Kết quả nghiên cứu cho thấy các biến ở mô hình hồi quy phân vị có hệ số gần tương đồng với nhau và gần với OLS như biến thu nhập, tuổi, tổng số thành viên của hộ và khu vực trong khi mức ý nghĩa ở một số biến còn lại có sự khác nhau. Nghiên cứu chỉ ra rằng hộ gia đình cần tăng thu nhập kích thích chi tiêu hàng hóa dịch vụ nhằm tăng tổng cầu kích thích sự tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra chính quyền địa phương cần hỗ trợ vay vốn giúp hộ gia đình tăng khả năng sản xuất, đẩy mạnh tham gia các hoạt động nông nghiệp đẩy mạnh gia tăng chi tiêu.

**Từ khoá**: Chi tiêu hộ gia đình, hồi quy phân vị, phương pháp bình phương bé nhất OLS.

**57. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế sử dụng đất nông nghiệp hộ gia đình tại huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang**/ Nguyễn Quang Hà, Nguyễn Thị Dung// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 509 .- Tr. 71-80.

**Nội dung**: Nghiên cứu sử dụng mô hình đường giới hạn ngẫu nhiên để đánh giá hiệu quả sử dụng đất và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế sử dụng đất nông nghiệp hộ gia đình tại huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế sử dụng đất trên góc độ hộ gia đình.

**Từ khoá**: Hiệu quả kinh tế, đất nông nghiệp, hiệu quả kinh tế sử dụng đất

**58. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo khu vực miền núi tỉnh Khánh Hòa**/ Phạm Hồng Hạnh, Hồ Văn Mừng, Lưu Hồng Vân// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 503 .- Tr. 72-79.

**Nội dung**: Trình bày những yếu tố ảnh hưởng rõ nét nhất bao gồm: số hoạt động sinh kế, đặc điểm hộ giá đình là người đồng bào dân tộc Raglai và đất đai cho hoạt động sản xuất. Từ đó, đề xuất các chinhsachs phát triển sinh kế nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người đồng bào dân tộc thiểu số khu vực này.

**Từ khoá**: Thu nhập, hộ gia đình, đồng bào dân tộc, Khánh Hòa

**59. Phân tích lợi thế so sánh của nông sản Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU**/ Vũ Thị Thu Hương// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 145 .- Tr. 77-88.

**Nội dung**: Đánh giá lợi thế so sánh của nông sản Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU, đồng thời phân tích tính ổn định và tính xu thế của lợi thế so sánh trong giai đoạn 2003-2018. Kết quả cho thấy: (i) Việt Nam có lợi thế so sánh và chuyên môn hóa xuất khẩu trong nhóm nông sản theo mã HS trong hệ thống hài hòa thuế quan gồm: Cà phê, chè và gia vị (HS09); Trái cây và các loại hạt ăn được (HS08); Cá và các chế phẩm từ thịt, cá (HS03, HS16); (ii) Nhóm nông sản có lợi thế so sánh nhưng chưa chuyên môn hóa xuất khẩu gồm: Sản phẩm của ngành xay xát; mạch nha; tinh bột (HS11); Các chế phẩm từ ngũ cốc, bột, tinh bột (HS19); Các chế phẩm ăn được khác (HS21); (iii) Nhóm nông sản chuyên môn hóa xuất khẩu nhưng không có lợi thế so sánh chủ yếu thuộc nhóm rau và chế phẩm từ rau, quả, hạt, ngũ cốc; (iv) Nhóm nông sản không có lợi thế so sánh hoặc chuyên môn hóa xuất khẩu chủ yếu thuộc nhóm thực phẩm chế biến. Hơn nữa, nông sản xuất khẩu của Việt Nam sang EU có lợi thế so sánh hội tụ theo thời gian và các nhóm nông sản có lợi thế so sánh yếu ban đầu sẽ tăng lên theo thời gian, trong khi các nông sản có lợi thế so sánh mạnh ban đầu sẽ giảm theo thời gian. Từ các kết quả phân tích định lượng, nghiên cứu đề xuất các khuyến nghị mang hàm ý chính sách nhằm phát huy lợi thế so sánh, đồng thời xây dựng chiến lược xuất khẩu theo từng nhóm nông sản Việt Nam.

**Từ khoá**: Lợi thế so sánh, nông sản, xuất khẩu, Việt Nam

**60. Phát triển kinh tế sáng tạo: xu thế toàn cầu và hàm ý cho Việt Nam/**Đặng Văn Sáng/ Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.41 - 43.

**Nội dung:** Hiện nay nhiều quốc gia trên thế giới đã nhận thức rõ hơn về phát triển công nghiệp sáng tạo. Nền kinh tế sáng tạo giúp ích được rất nhiều cho sự phát triển kinh tế và làm giàu cho một quốc gia. Theo một nghiên cứu của Công ty tư vấn PwC, mức tăng trưởng của kinh tế sáng tạo ước tính sẽ vượt xa mức tăng trưởng kinh tế trung bình thế giới(4,6 % vào năm 2021, cao hơn 4,2 % mức trung bình của tất cả nền kinh tế). Bài viết trao đổi về xu thế phát triển kinh tế sáng tạo và đưa ra một khuyến nghị nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế sáng tạo ở Việt Nam.

**Từ khoá:** Kinh tế sáng tạo, công nghiệp sáng tạo, tăng trưởng kinh tế

**61. Phát triển kinh tế số và quản lý nhà nước với phát triển kinh tế số ở Việt Nam**/ Nguyễn Văn Thành// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 144 .- Tr. 2-9.

**Nội dung**: Với dân số gần 100 triệu dân, Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia có tốc độ phát triển kinh tế số ở mức khá trong khu vực ASEAN. Việt Nam đã ghi nhận sự xuất hiện xu hướng số hóa ở nhiều lĩnh vực, ngành kinh tế, từ thương mại, thanh toán cho đến giao thông, giáo dục, y tế… Ngoài ra, thị trường thương mại điện tử cũng đang phát triển nhanh và quy mô thị trường quảng cáo trực tuyến của Việt Nam cũng đang có xu hướng tăng nhanh. Tuy nhiên, để nền kinh tế số phát triển nhanh, bền vững và bắt kịp xu thế của thế giới, vai trò của Nhà nước trong việc kiến tạo phát triển đối với nền kinh tế số là hết sức quan trọng.

**Từ khoá**: Phát triển kinh tế số, quản lý nhà nước, kinh tế số, cách mạng công nghiệp 4.0

**62. Phát triển kinh tế tư nhân : cần thay đổi từ nhận thức về kinh tế tư nhân**/ Đinh Thái Bình// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 208 .- Tr. 64-67.

**Nội dung**: Trình bày quan điểm, vai trò của khu vực kinh tế tư nhân, vấn đề thực thi chính sách, một số thách thức và giải pháp đối mới cơ chế quản lý nhà nước bảo đảm cho sự phát triển bền vững kinh tế tư nhân.

**Từ khoá:** Kinh tế tư nhân, doanh nghiệp tư nhân, chính sách đầu tư, chính sách ưu đãi

**63. Phụ thuộc không gian của tham nhũng ở Việt Nam/** Lê Quang Cảnh, Đặng Trung Chính// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 23-42.

**Nội dung**: Các nghiên cứu về tham nhũng trước đây hầu hết bỏ qua tác động lan truyền không gian của tham nhũng. Bài viết này lập luận rằng có sự phụ thuộc không gian của tham nhũng giữa các địa phương ở Việt Nam. Sử dụng số liệu bảng cân đối ở cấp tỉnh trích từ Khảo sát năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và Tổng cục Thống kê, nghiên cứu này đã kiểm định và kết luận mô hình phụ thuộc không gian Durbin với hiệu ứng cố định là mô hình ước lượng phù hợp. Kết quả ước lượng cho thấy có sự phụ thuộc không gian của tham nhũng giữa các tỉnh ở Việt Nam. Sự ảnh hưởng lan truyền không gian của tham nhũng được giải thích thông qua cơ chế học hỏi từ người di cư, thể chế pháp lý và tính minh bạch trong quản trị địa phương. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm này làm cơ sở cho việc đề xuất những chính sách phòng, chống tham nhũng và sự lây lan của tham nhũng ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Phụ thuộc không gian; lan truyền không gian; tham nhũng; hồi quy không gian

**64.** **Rủi ro các khoản nợ của nền kinh tế Trung Quốc và một số khuyến nghị đối với Việt Nam/** Nguyễn Đắc Hưng// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 10(230) .- Tr. 3-10.

**Nội dung:** Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, sử dụng các tài liệu thứ cấp, tiến hành phân tích, đánh giá làm rõ thực trạng và đưa ra khuyến nghị.

**Từ khóa:** Kinh tế, Trung Quốc, nợ trái phiếu doanh nghiệp, nợ trái phiếu chính quyền địa phương

**65. Sự bùng nổ của dịch vụ và công nghiệp di động ở Châu Phi trong thập niên vừa qua – bước phát triển của nền Kinh tế số/** Kiều Thanh Nga// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2020 .- Số 10(182) .- Tr. 11-20.

**Nội dung:** Tìm hiểu về sự bùng nổ của dịch vụ và công nghiệp di động – bước phát triển của nền kinh tế số ở Châu Phi thập niên 2011-2020, với các nội dung chính: sự bùng nổ của dịch vụ và công nghiệp di động ở châu Phi thập niên vừa qua, các quốc gia dẫn đầu và một số nhận xét, đánh giá.

**Từ khóa:** Châu Phi, kinh tế số, mobile money

**66. Tác động của Covid-19 đến ngành may mặc và da giày của Việt Nam**/ Bùi Quang Tuấn, Trần Thị Vân Anh, Trần Văn Hoàng// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 510 .- Tr. 3-12.

**Nội dung**: Đánh giá những tác động của đại dịch Covid-19 đến xuất khẩu, doanh thu và việc làm trong ngành may mặc và da giày, bài viết chỉ ra những cơ hội và thách thức; từ đó, đưa ra một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy doanh nghiệp hai ngành công nghiệp thâm dụng lao động này phục hồi và phát triển trong bối cảnh bình thường mới.

**Từ khoá:** Covid-19, may mặc, da giày, thâm dụng lao động, doanh nghiệp

**67. Tác động của dịch bệnh Covid-19 đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam và đề xuất giải pháp ứng phó của ngành ngân hàng**/ Phạm Phương Anh// Ngân hàng .- 2020 .- Số 16 .- Tr. 8-12.

**Nội dung:** Diễn biến dịch bệnh Covid-19 và những tác động đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam; các giải pháp ứng phó với Covid-19 của ngành ngân hàng trong ngắn hạn; đề xuất một số giải pháp ứng phó của ngành ngân hàng trong tình hình mới.

**Từ khoá:** Covid-19, tăng trưởng kinh tế Việt Nam, ngành ngân hàng

**68. Tác động của dịch Covid-19 đến tình hình kinh tế - xã hội ở Việt Nam và hướng giải pháp**/ Phạm Tuấn Hòa// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 572 .- Tr. 89-91.

**Nội dung**: Dịch Covid-19 trên thế giới đang có những diễn biến ngày càng phức tạp. khó lường, tác động tiêu cực đến các mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Trong khi đó, nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn, hội nhập quốc tế sâu rộng cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng tiêu cực đó: làm đình trệ các hoạt động sản xuất kinh doanh, gây mất việc làm, thất nghiệp tăng, bạo lực gia đình nhiều hơn,... Tình hình đó đòi hỏi cả nước vừa phải tập trung ưu tiên chống dịch, vừa phải có các biện pháp trước mắt và lâu dài để giảm tiểu tác động của dịch bệnh, sớm phục hồi và đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế.

**Từ khoá:** Kinh tế, Xã hội, Dịch covid-19, Tác động, Biện pháp

**69. Tác động của kinh tế ngầm đến kinh tế chính thức ở Việt Nam**/ Cảnh Chí Hoàng// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 26 – 35.

**Nội dung:** Bài viết phân tích tác động của kinh tế ngầm và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tới tốc độ tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cung cấp bầng chứng thực nghiệm để các cơ quan quản lý đề xuất các biện pháp hạn chế sự phát triển của khu vực kinh tế ngầm này.

**Từ khóa:** Kinh tế ngầm, tăng trưởng kinh tế, ARDL

**70. Tác động của kinh tế số đến năng suất lao động doanh nghiệp theo các thành phần kinh tế tại Việt Nam**/ Tô Trung Thành, Nguyễn Quỳnh Trang, Phạm Ngọc Toàn// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 3 – 12.

**Nội dung:** Bài viết sử dụng dữ liệu tổng điều tra kinh tế năm 2012 và năm 2017 của Tổng cục Thống kê, theo thành phần kinh tế qua hai phương pháp: ước lượng tác động ngẫu nhiên và điểm xu hướng. Kết quả cho thấy, kinh tế số có ý nghĩa thống kê và tác động tích cực đến năng suất lao động của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Trong khi khu vực kinh tế tư nhân tận dụng tốt kinh tế số để thúc đẩy tăng năng suất lao động, khu vực doanh nghiệp nhà nước và hợp tác xã chưa phát huy vai trò của kinh tế số. Các kết quả này mở ra hàm ý chính sách trong giai đoạn tới nhằm tận dụng tốt các cơ hội từ kinh tế số để thúc đẩy gia tăng năng suất lao động của các thành phần kinh tế.

**Từ khóa:** Kinh tế số, công nghệ số, năng suất lao động, thành phần kinh tế

**71. Tác động của kinh tế số đến năng suất lao động tại các ngành kinh tế của Việt Nam**/ Tô Trung Thành, Nguyễn Quỳnh Trang, Phạm Ngọc Toàn// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 278 .- Tr. 2-10.

**Nội dung**: Sử dụng dữ liệu tổng điều tra kinh tế 2012 và 2017 của Tổng cục Thống kê, nghiên cứu này xem xét tác động của kinh tế số đối với năng suất lao động của các ngành kinh tế qua hai phương pháp (i) ước lượng tác động ngẫu nhiên (REM) và (ii) điểm xu hướng (PSM). Kết quả cho thấy kinh tế số có ý nghĩa thống kê và tác động tích cực đến doanh nghiệp toàn nền kinh tế cũng như trong các ngành kinh tế. Tuy nhiên, có sự khác biệt về mức độ tác động giữa các ngành. Thông tin- truyền thông và Khoa học- công nghệ là hai ngành tận dụng tốt nhất kinh tế số để gia tăng năng suất lao động, trong khi đó, ngành nông lâm thủy sản; và chế biến chế tạo là hai ngành có mức độ tác động của kinh tế số là thấp nhất. Các kết quả này mở ra hàm ý chính sách trong giai đoạn tới nhằm tận dụng tốt các cơ hội từ kinh tế số để thúc đẩy gia tăng năng suất lao động của các ngành và toàn nền kinh tế.

**Từ khoá:** Kinh tế số, năng suất lao động, ngành kinh tế

**72. Tác động của nợ công đến tăng trưởng kinh tế : nghiên cứu thực nghiệm ở Việt Nam**/ Vũ Xuân Thủy và Nguyễn Thị Trang// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 145 .- Tr. 25-35.

**Nội dung**: Bài viết tìm hiểu về tác động của nợ công đối với tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam trong giai đoạn 1999-2018 bằng phương pháp phân tích hồi quy mô hình tuyến tính (OLS). Kết quả phân tích nghiên cứu cho thấy rằng các biến nợ công (EXP\_GR, DEBT) có tác động tiêu động tiêu cực và đáng kể đến tăng trưởng kinh tế (GR). Trong khi đó, INV, OPEN có tác động tích cực đến tăng trưởng GDP hàng năm (GR). Nghiên cứu cũng cho thấy rằng thấy các năm gần đây Việt Nam tương đối kiểm soát được nợ công trong ngưỡng an toàn, cụ thể là dưới 65% (theo Luật quản lý nợ công tại Việt Nam). Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng chỉ ra nếu việc chi tiêu dùng của Chính phủ tăng trong khả năng ngân sách có thể đáp ứng mà không làm tăng mức nợ công thì việc chi tiêu dùng này sẽ có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra, các yếu tố khác như đầu tư công, xuất nhập khẩu có tác động kích thích tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Cuối cùng, dựa trên các kết quả thu được, nhóm nghiên cứu cũng đưa ra một số khuyến nghị về chính sách quản lý nợ công cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Chi tiêu công, nợ công, tăng trưởng kinh tế

**73. Tác động của nợ nước ngoài đến tăng trưởng kinh tế : phân tích từ các cơ chế truyền dẫn**/ Lê Thanh Hà, Nguyễn Minh Chi// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 208 .- Tr. 49-53.

**Nội dung**: Một số vấn đề lý luận về nợ nước ngoài và tăng trưởng kinh tế; tác động của nợ nước ngoài đến tăng trưởng kinh tế - phân tích một số khung lý thuyết.

**Từ khoá:** Nợ nước ngoài, tăng trưởng kinh tế, các nước đang phát triển

**74. Tác động của phân bổ ngân sách nhà nước tới hành vi tài khóa của chính quyền địa phương**/ Phạm Thị Hằng Phương// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 503 .- Tr. 24-31.

**Nội dung**: Đánh giá tác động của phân bổ ngân sách nhà nước tới hành vi thu, chi của chính quyền địa phương trong giai đoạn 2002-2016, trên cơ sở sử dụng bộ số liệu quyết toán ngân sách trung ương và địa phương được Bộ Tài chính công bố. Kết quả cho thấy, bổ sung cân đối ngân sách cho các địa phương dẫn tới việc các địa phương tăng chi ngân sách thay vì khuyến khích địa phương tích cực nuôi dưỡng nguồn thu. Qua đó, chỉ ra nguyên nhân xuất phát từ cơ chế phân bổ và đề xuất một số giải pháp phù hợp.

**Từ khoá**: Phân bổ ngân sách nhà nước, hành vi tài khóa, chính quyền địa phương

**75. Tác động của tiêu thụ điện đến lượng khí thải CO2 ở Việt Nam : Đối xứng hay bất đối xứng?/** Lê Quang Cảnh, Đặng Trung Chính// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 23-42.

**Nội dung**: Chất lượng môi trường sống thu hút được sự quan tâm đặc biệt của Chính phủ và người dân. Mục đích của nghiên cứu này là kiểm định khả năng tồn tại tác động bất đối xứng của tiêu thụ điện đến lượng khí thải CO2 ở Việt Nam, giai đoạn 19712017. Ứng dụng phương pháp tự hồi quy phân phối trễ phi tuyến (Non-linear Autoregressive Distributed Lag  NARDL) do Shin và cộng sự (2014) đề xuất, nghiên cứu tìm được bằng chứng thống kê để kết luận tác động của tiêu thụ điện đến lượng khí thải CO2 ở Việt Nam là tác động đối xứng trong ngắn hạn, nhưng bất đối xứng trong dài hạn. Phát hiện mới này đóng góp nhất định về mặt học thuật, nhưng quan trọng hơn, là giúp các cơ quan quản lý nhà nước có thêm bằng chứng thực nghiệm để hoạch định chính sách.

**Từ khoá:** Tiêu thụ năng lượng; Tăng trưởng kinh tế; Lượng khí thải CO2; Ô nhiễm môi trường; Việt Nam

**76. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2020 và triển vọng năm 2021**/Nguyễn Thị Phương Dung/ Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.39 - 41.

**Nội dung:** Năm 2020, kinh tế Việt Nam dự báo có thể đạt tăng trưởng ở mức 2,4 % và là một trong 4 ngành kinh tế thế giới có mức tăng trưởng GDP co nhất. Trên cơ sở tăng trưởng khả quan này, năm 2021, Việt Nam dặt mục tiêu tăng trưởng GDP đạt khoảng 6% và trong giai đoạn 2021-2025, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt khoảng 6,5%-7%. Tuy nhiên, để đạt được mức tăng trưởng kỳ vọng này, Việt Nam phải sẽ đối diện với không ít khó khăn, thử thách. Bài viết đánh giá và phân tích về tình hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2020 trong bối cảnh dịch bệnh Covid 19 và dự báo triển vọng năm 2021, nhân diện một số khó khăn, thách thức, từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm góp phần hiện thực hoá các mục tiêu tăng trưởng đã đề ra.

**Từ khoá:** Tăng trưởng kinh tế, kinh tế vĩ mô, lạm phát.

**77.** **Thể chế pháp lý và vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường với bối cảnh hội nhập Quốc tế ở nước ta hiện nay/** Phạm Thị Lan Hương// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 12(243) .- Tr. 70-79.

**Nội dung:** Phân tích một số quan điểm về thể chế của các học giả các nước và làm sáng tỏ về thể chế và vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường với bối cảnh hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay.

**Từ khóa:** Thể chế pháp lý, vai trò nhà nước, nền kinh tế thị trường

**78. Thực tiễn phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam/** Nguyễn Thị Hương, Lê Thị Phương / Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.38 - 40.

**Nội dung:** Sau 30 năm đổi mới, nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa càng sáng tỏ hơn. Kinh tế thị trường phát triển đã góp phần khẳng định: Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử. Thành tựu và những kinh nghiệm, bài học đúc kết từ thực tiễn tạo tiền đề, nền tảng quan trọng để đất nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Kinh tế thị trường, xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế, đổi mới, phát triển.

**79. Thực trạng và giải pháp quản lý nhà nước về tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay**/ Vũ Tuấn Hưng// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 503 .- Tr. 80-90.

**Nội dung**: Trình bày một số khái niệm, tổng quan nghiên cứu, thực trạng quản lý nhà nước về tài sản trí tuệ ở Tây Nguyên hiện nay, một số giải pháp.

**Từ khoá**: Quản lý tài sản trí tuệ, quản lý nhà nước

**80. Thương mại điện tử trong phát triển kinh tế tại Việt Nam/Dương Ngọc Hồng/** Tài chính.- 2020 .- Số 733.- Tr.27-31.

**Nội dung:** Trong bối cảnh thế giới đang bước vào cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, thương mại điện tử hiện đang nhận được sự quan tâm của nhiều quốc gia vì những đóng góp lớn cho tăng trưởng nền kinh tế. Cùng với xu thế phát triển công nghệ thế giới, thương mại điện tử ở Việt Nam đang từng bước hình thành, tăng trưởng mạnh mẽ và giữ vai trò ngày càng quan trọng trong phân phối hàng hoá. Bài viết phân tích thực trạng, vai trò của thương mại điện tử trong phát triển kinh tế tại Việt Nam, qua đó đề xuất những giải pháp nhằm khuyết khích sự phát triển thương mại điện tử phù hợp với yêu cầu quản lý Nhà nước gắn với tạo môi trường thuận lợi giúp doanh nghiệp và người tiêu dùng đẩy mạnh giao dịch thương mại điện tử .

**Từ khoá:** Thương mại điện tử, Cách mạng công nghiệp 4.0, kinh tế

**81. Tiềm năng xuất khẩu của Việt Nam trong thị trường CPTPP**/ Phan Thanh Hoàn// Nghiên cứu kinh tế.- 2020 .- Số 5 .- Tr. 25 – 36.

**Nội dung:** Nghiên cứu này phân tích tiềm năng xuất khẩu của Việt Nam trong bối cảnh gia nhập Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Bằng việc tính toán các chỉ số thương mại theo ngành hàng và thị trường, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: mức độ tập trung thương mại chỉ ở một vài thành viên CPTPP như Nhật Bản, Canada. Lợi thế cạnh tranh của các ngành và tăng trưởng xuất khẩu cao chỉ biểu hiện ở một số ngành và thị trường nhất định. Như vậy, Việt Nam có nhiều cơ hội gia tăng xuất khẩu trong khu vực CPTPP. Tuy nhiên, cơ hội này chỉ được tận dụng tối đa khi mà Việt Nam đảm bảo được quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn sản phẩm và nâng cao lợi thế so sánh của các ngành hàng xuất khẩu.

**Từ khóa:** Chỉ số thương mại, tiềm nang xuất khẩu, CPTPP

**82. Tiền Mã hóa và tác động đối với nền kinh tế/** Trần Thị Xuân Anh, Ngô Thị Hằng// Khoa học xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 11.- Tr. 78-86.

**Nội dung:** Bàn về tiền mã hóa, từ quan niệm, cơ chế hoạt động đến phân tích những ảnh hưởng của tiền mã hóa tới nền kinh tế, đặc biệt là những rủi ro tiềm ẩn xung quang xu hướng gia tăng tiêu dùng tiền mã hóa trong nền kinh tế.

**Từ khóa:** Nền kinh tế, tiền mã hóa, tác động của tiền mã hóa

**83. Truyền thông đại chúng và thanh khoản cổ phiếu**/ Đặng Tùng Lâm// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 5 .- Tr. 68 – 77.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu ảnh hưởng của truyền thông đại chúng đến thanh khoản cổ phiếu. Sử dụng dữ liệu của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán của 35 quốc gia, kết quả từ nghiên cứu cho thấy sự chú ý của truyền thông đại chúng có quan hệ thuận chiều với thanh khoản cổ phiếu. Kết quả này ủng hộ cho quan điểm tranh luận rằng truyền thông đại chúng góp phần gia tăng lượng thông tin của doanh nghiệp được cung cấp đến công chúng và nhà đầu tư trên thị trường, qua đó giảm đi bất cân xứng thông tin và cải thiện thanh khoản cổ phiếu.

**Từ khóa:** Sự chú ý của truyền thông đại chúng, thanh khoản cổ phiếu, bất cân xứng thông tin

**84. Vai trò của chính quyền cấp tỉnh đối với phát triển và thu hút đầu tư tư nhân ở Đắk Lắk**/ Nguyễn Văn Đạt// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 572 .- Tr. 69-71.

**Nội dung**: Tỉnh Đắk Lắk nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên, phía Bắc giáp tính Gia Lai, theo Quốc lộ 14 sẽ dẫn đến Khu công nghiệp Dung Quất, đi theo Quốc lộ 14 về phía Nam là tới Đắk Nông, Bình Phước, Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh - trung tâm vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; đi theo Quốc lộ 26 về phía Nam sẽ dẫn đến Nha Trang - trung tâm du lịch lớn nhất cả nước với hệ thống cảng biển giao thương thuận lợi với nước ngoài; phía Tây giáp với Vương quốc Campuchia. Bên cạnh mạng lưới giao thông đường bộ thuận tiện, Cảng hàng không Buôn Ma Thuột là đầu mối giao thương quan trọng, kết nối với các trung tâm kinh tế của đất nước. Với tìềm năng như vậy cần phải làm gì để phát triển và thu hút đầu tư tư nhân nhằm góp phần xây dựng Đắk Lắk để biến Buôn Ma Thuột thành Thành phố đô thị thông minh của Vùng Tây Nguyên.

**Từ khoá**: Kinh tế, Đầu tư, Tư nhân, Chính quyền, Chính sách, Quản lý, Phát triển bền vững

**85. Vai trò của khu công nghiệp đối với việc tăng quy mô lao động ngành công nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng : thực trạng và vấn đề/** Mai Ngọc Cường, Phạm Minh Lộc// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 279 .- Tr. 29-36.

**Nội dung**: Trên cơ sở phân tích sự biến đổi quy mô lao động của các khu công nghiệp và đóng góp của nó đối với sự phát triển đội ngũ lao động ngành công nghiệp, bài viết chỉ ra hai vấn đề bất cập lớn nhất trên phương diện thu hút lao động của các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng hiện nay là lực lượng lao động được thu hút vào làm việc tại khu công nghiệp còn thấp so với khả năng của khu công nghiệp và sự thiếu ổn định về việc làm của một bộ phận lao động trong khu công nghiệp. Để khắc phục tình trạng đó, bài viết khuyến nghị cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền thành phố với các doanh nghiệp khu công nghiệp trong tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng lao động, quan tâm tới chính sách tiền lương, thu nhập, nhà ở và cải thiện đời sống tinh thần cho người lao động.

**Từ khoá:** Ngành công nghiệp, khu công nghiệp, quy mô lao động, thành phố Hải Phòng

**86. Vai trò của quyền sử dụng đất đối với năng suất nhân tố tổng hợp trong sản xuất nông nghiệp Việt Nam**/ Kiều Nguyệt Kim, Nguyễn Thị Minh// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 509 .- Tr. 51-60.

**Nội dung**: Phân tích tác động của quyền sử dụng đất nông nghiệp lên năng suất nhân tố tổng hợp của các hộ nông dân bằng mô hình tác động cố định và hồi quy phân vị. Kết quả cho thấy, ở cả hai mô hình, các hộ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có năng suất nhân tố tổng hợp cao hơn các hộ còn lại; ngoài ra, các yếu tố khác như quy mô trồng trọt, thời tiết, trình độ học vấn, tuối của chủ hộ, thu nhập bình quân và chính sách quản trị của địa phương cũng có tác động đáng kể đến năng suất. Từ đó, đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao năng suất nhân tố tổng hợp trong trồng trọt của các hộ nông dân.

**Từ khoá**: Mô hình tác động cố định, hồi quy phân vị, năng suất nhân tố tổng hợp, hộ nông dân Việt Nam

**87. Vấn đề chi ngân sách Nhà nước cho phát triển nông nghiệp tại Tỉnh Nghệ An/Hoàng Thị Việt/** Tài chính.- 2020 .- Số 733.- Tr.62 - 64**.**

**Nội dung:** Chi ngân sách Nhà nước là công cụ tài chính chủ đạo để duy trì các hoạt động thường xuyên của Nhà nước và thực hiện chức năng quản lý vĩ mô nền kinh tế, trong đó có mục tiêu phát triển nông nghiệp. Những năm qua, mặc dù chi ngân sách đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi khuyến khích phát triển kinh tế nông nghiệp tại Nghệ An nhưng cũng còn một số vấn đề tồn tại đặt ra. Để phát huy hơn nữa vai trò chi ngân sách Nhà nước .

**Từ khoá:** Ngân sách Nhà nước, chi ngân sách Nhà nước, quản lý kinh tế, Nghệ An.

**88.** **Về sự kiện đổi tiền năm 1978 ở Việt Nam/** Phạm Thị Hồng Hà// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 53-65.

**Nội dung:** Tái hiện và đánh giá một sự kiện trong lịch sử tài chính tiền tệ của Việt Nam sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất dất nước và có ý nghĩa thực tiễn lớn trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay.

**Từ khóa:** Thống nhất đất nước, thống nhất tiền tệ, tài chính tiền tệ, đổi tiền ở Việt Nam, đổi tiền năm 1978

**89. Việt Nam tham gia hiện thực hóa Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) từ năm 2016 đến nay : kết quả, hạn chế và một số khuyến nghị**/ Trần Thị Thanh Tâm, Đinh Ngọc Ruẫn// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 572 .- Tr. 19-21.

**Nội dung**: Cộng đồng ASEAN (AC) chính thức tuyên bố thành (31/12/2015), trong đó có Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC). Tham gia hiện thực hóa những mục tiêu trong kế hoạch tổng thể AEC 2025, đến nay, sau gần nửa chặng đường, Việt Nam đã đạt được những kết quả bước đầu đáng khích lệ, nhưng cũng nảy sinh những hạn chế nhất định. Với mong muốn thúc đẩy hơn nữa sự tham gia của Việt Nam vào AEC thời gian tới, chúng tôi mạnh dạn nêu ra một số khuyến nghị trong bài viết này.

**Từ khoá**: Kinh tế, ASEAN, AEC, Tham gia, Kết quả, Hạn chế, Khuyến nghị

# TÀI CHÍNH

**1. Ảnh hưởng của cấu trúc sở hữu đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Võ Văn Dứt, Đặng Thị Phương Nga, Phạm Thị Ngọc Sương// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 277 .- Tr. 35-44.

**Nội dung**: Mục tiêu của bài viết này là nghiên cứu ảnh hưởng của cấu trúc sở hữu đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu bảng từ 502 doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội trong giai đoạn 2012-2017. Phương pháp GMM hệ thống được áp dụng để kiểm định tác động của cấu trúc sở hữu đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, sở hữu nhà nước có mối quan hệ hình chữ U với hiệu quả doanh nghiệp trong khi sở hữu nước ngoài và mức độ tập trung sở hữu có mối quan hệ hình chữ U ngược với hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp. Các hàm ý quản trị được gợi ý trong bài viết giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán nhằm tăng cường lòng tin của các nhà đầu tư.

**Từ khoá**: Hiệu quả hoạt động doanh nghiệp, mức độ tập trung sở hữu, sở hữu nhà nước, sở hữu nước ngoài

**2. Ảnh hưởng của dòng vốn vào đến tỷ giá thực : trường hợp các nước Đông Á**/ Nguyễn Thị Hồng Vinh// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 5-22.

**Nội dung**: Cung cấp bằng chứng thực nghiệm về ảnh hưởng của dòng vốn vào đến tỷ giá thực tại các nước Đông Á theo lý thuyết mô hình Salter-Swan-Corden-Dornbusch. Thông qua phương pháp dữ liệu bảng tác động cố định và Moment tổng quát dạng hệ thống (Generalized Method of Moments  GMM), nghiên cứu kiểm tra tác động của các thành phần dòng vốn vào đến tỷ giá thực ở các nước Đông Á giai đoạn 2005-2018. Kết quả nghiên cứu cho thấy các thành phần dòng vốn khác nhau tác động đến tỷ giá thực khác nhau. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tác động cùng chiều và có ý nghĩa thống kê đến tỷ giá thực, trong khi đó, đầu tư gián tiếp nước ngoài có tác động ngược chiều đến tỷ giá thực. Điều này hàm ý việc gia tăng dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào sẽ làm tỷ giá thực tăng, trong khi đó, việc gia tăng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vào sẽ làm tỷ giá thực giảm. Ngoài ra, tỷ giá thực còn chịu tác động bởi độ mở thương mại, tỷ lệ thương mại, nợ và chi tiêu của chính phủ. Kết quả này sẽ giúp các quốc gia Đông Á định hướng giám sát dòng vốn vào và có các chính sách an toàn vĩ mô phù hợp trước áp lực tỷ giá.

**Từ khoá**: Tỷ giá thực đa phương, Dòng vốn vào, Căn bệnh Hà Lan, Đông Á, Dữ liệu bảng động

**3. Ảnh hưởng của đặc điểm tính cách đến ý định đầu tư tài chính cá nhân/** Trần Hằng Diệu// Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.72 - 74.

**Nội dung:** Thông qua các phương pháp phân tích dữ liệu, phân tích nhân tố khám phá(EFA) và phân tích khẳng định (CFA), bài viết thực hiện phỏng vấn bằng phiếu khảo sát trên 277 mẫu từ các nhà đầu tư cá nhân để đánh giá và kiểm định mô hình nghiên cứu. Kết quả phân tích cho thấy, yếu tố thái độ đối với rủi ro tài chính có tác động trực tiếp lên ý định đầu tư của các cá nhân. Ý định đầu tư tài chính ngắn hạn bị tác động bởi thái độ đối với rủi ro, sự dễ chịu, sự tận tâm và sẵn sàng trải nghiệm, trong khi, ý định đầu tư dài hạn bị tác động bới thái độ đối với rủi ro, tích cách tâm lý bất ổn, sự tận tâm và sẵn sàng trải nghiệm.

**Từ khoá:** Tính cách cá nhân, ý định đầu tư tài chính cá nhân, thái độ chấp nhận rủi ro cá nhân.

**4. Ảnh hưởng của thâm hụt ngân sách nhà nước tới đầu tư tư nhân tại Việt Nam**/ Phạm Quỳnh Mai// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 208 .- Tr. 13-17.

**Nội dung**: Trong hơn 10 năm qua, thâm hụt ngân sách nhà nước tại Việt Nam luôn duy trì ở miwcs cao và kéo dài trên 5% GDP đu đã có rất nhiều nỗ lực của Chính Phủ. Trong bối cảnh nguồn vốn đầu tư từ Chính phù giảm, đầu tư từ nước ngoài không ổn định thì đầu tư tư nhân được xem là giải pháp quan trọng cho phát triển kinh tế tại Việt Nam. Tuy nhien, việc ngân sách nhà nước thâm hụt đang tác động trực tiếp và gián tiếp tới đầu tư của khu vực tư nhân khi xét cả về nguyên nhân gây thâm hụt và các biện pháp khắc phục tình trạng này.

**Từ khoá**: Thâm hụt Ngân sách nhà nước, đầu tư tư nhân, chi tiêu chính phủ, chi đầu tư phát triển, tăng trưởng kinh tế

**5. Bùng nổ trái phiếu bất động sản : cơ hội và rủi ro**/ Đỗ Hoài Linh// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 24 .- Tr. 28-30.

**Nội dung**: Chỉ ra các cơ hội và rủi ro đối với các nhà đầu tư cá nhân trên thị trường trái phiếu bất động sản, đồng thời đưa ra một số gợi ý nhằm giảm thiểu những nguy cơ để trái phiếu doanh nghiệp là kênh đầu tư an toàn, hiệu quả với cản thị trường bất động sản và nhà đầu tư cá nhân.

**Từ khoá**: Trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản, huy động vốn, nhà đầu tư cá nhân

**6. Các nhân tố ảnh hưởng tới nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam/** Nguyễn Đình Minh Hiếu// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 202 .- Tr. 41-45,54.

**Nội dung**: Nghiên cứu xem xét tác động của một số nhân tố đến nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp tư nhân tại VN, trong giai đoạn 2000-2018. Nghiên cứu sử dụng mô hình VECM đã cho thấy, tổng tiết kiệm trong nước và nợ trong nước của Chính phủ có tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê đến nguồn vốn đầu tư của DN tư nhân, trong đó khi lãi suất tin phiếu kho bạc gây ra tác động tiêu cưc...

**Từ khoá**: Lãi suất tín phiếu kho bạc, đầu tư, doanh nghiệp tư nhân

**7. Các nhân tố thúc đẩy và cản trở tài chính toàn diện ở Việt Nam**/ Ông Nguyên Chương// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 279 .- Tr.74-83.

**Nội dung**: Nghiên cứu này sử dụng phương pháp hồi quy dữ liệu gộp và hồi quy tobit với bộ dữ liệu Điều tra hộ gia đình nông thôn ở Việt Nam (VARHS) 2008, 2010, 2012, 2014, 2016 để xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến tài chính toàn diện ở phạm vi hộ gia đình. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy tình trạng học vấn của chủ hộ, thu nhập hộ, giá trị bằng tiền của các mảnh đất thuộc sở hữu của hộ, số lượng mảnh đất có sổ đỏ của hộ, tiếp cận dịch vụ tài chính thông qua internet là các nhân tố thúc đẩy; trong khi đó tỷ lệ phụ thuộc của hộ và hộ nghèo là các nhân tố cản trở tài chính toàn diện ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Dịch vụ tài chính chính thức, tài chính của hộ gia đình, tài chính toàn diện

**8. Các yếu tố tài chính và xã hội ảnh hưởng đến chỉ số giá xây dựng/** Nguyễn Thanh Phong, Nguyễn Anh Thư, Võ Đăng Khoa, Huỳnh Đặng Bích Vy, Trần Vũ Nghiêm, Phạm Công Minh// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 60-62.

**Nội dung:** Trình bày một số yếu tố tài chính và xã hội ảnh hưởng đến chỉ số giá xây dựng.

**Từ khóa**: Chỉ số giá, chi phí, quản lý dự án, quản lý xây dựng, tài chính, xã hội

**9. Chất lượng dự báo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp phi tài chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thanh Loan// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 205 .- Tr. 71-78.

**Nội dung**: Tiến hành nghiên cứu về chất ượng dự báo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, giai đoạn 2017-2019. Kết quả chi ra rằng, các dự báo có độ chính xác thấp, thiên lechj theo hướng quá lạc quan và hành vi này rất khác biệt ở từng doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Chất lượng dự báo kết quả kinh doanh, doanh nghiệp phi tài chính, thị trường chứng khoán Việt Nam

**10. Chi ngân sách nhà nước hướng tới phát triển y tế bền vững ở Việt Nam**/ Phan Thị Lan Anh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 208 .- Tr. 10-12.

**Nội dung**: Tập trung phân tích vai trò của Chi ngân sách nhà nước trong phát triển y tế bền vững ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Chi ngân sách nhà nước, y tế, chăm sóc sức khỏe, phát triển bền vững, Việt Nam

**11. Chính sách huy động và đầu tư nguồn lwucj tài chính cho đội ngũ tri thức : thực trạng và giải pháp**/ Đặng Văn Thanh// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 203 .- Tr. 11-15.

**Nội dung**: Thực trạng huy động và đầu tư nguồn lực tài chính để xây dựng và phát triển đội ngũ tri thức Việt Nam và chính ách huy động và đầu tư nguồn lực tài chính cho đội ngũ tri thức để đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nền kinh tế thị trường mở cửa và hội nhập quốc tế.

**Từ khoá**: Chính sách tài chính, huy động nguồn lực, tri thức

**12. Chính sách tiền tệ phi truyền thống trong thời kỳ khủng hoảng, đại dịch COVID-19**/ Ngô Sỹ Nam, Nguyễn Thị Mai Huyên// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 24 .- Tr. 16-21.

**Nội dung**: Bài viết đưa cái nhìn tổng quan về Chính sách tiền tệ truyền thống và phân tích thực trạng áp dụng CSTT phi truyền thống tại các quốc gia trên thế giới và Việt Nam trong thời kỳ khủng hoảng, đại dịch COVID-19.

**Từ khoá**: Chính sách tiền tệ phi truyền thống, Chính sách tiền tệ truyền thống, khủng hoảng, đại dịch COVID-19

**13. Chính sách tín dụng đối với thị trường bất động sản : thực tiễn và kiến nghị giải pháp**/ Nguyễn Mai Linh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 572 .- Tr. 28-30.

**Nội dung**: Thắt chặt tín dụng là một trong nhứng mục tiêu mà chính sách tín dụng đối với thị trường bất động sản (TTBĐS) đặt ra trong giai đoạn hiện nay. Động thái của Ngân hàng Nhà nước nhằm mục tiêu kiểm soát nguồn vốn vào TTBĐS , thúc đẩy lĩnh vực có giá trị vốn hóa này phát triển theo quỹ đạo lành mạnh, ổn định và minh bạch. Tuy nhiên, chính sách tín dụng khi trở thành thực thể đi vào thực tiễn đã làm nảy sinh nhiều bất cập.

**Từ khoá**: Tín dụng, Thị trường, Bất động sản, Chính sách, Thực tiễn, Kiến nghị

**14. Cơ chế huy động ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An**/ Nguyễn Hoài Nam, Đinh Xuân Hùng// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 280 .- Tr. 86-95.

**Nội dung**: Bài viết trên cơ sở phân tích thực trạng cơ chế huy động ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới ở Nghệ An. Với phương pháp điều tra khảo sát thực nghiệm tại 04 huyện/thị (Tương Dương, Nam Đàn, Quỳnh Lưu, Thái Hòa). Kết quả tổng hợp 120 phiếu điều tra cho thấy về cơ bản cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước đảm bảo tính hiệu lực, phù hợp, ổn định, kinh tế và hiệu quả. Tuy nhiên, cơ chế huy động sử dụng ngân sách nhà nước còn một số hạn chế về cơ chế kiểm soát các nguồn vốn lồng ghép. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số khuyến nghị với chính quyền tỉnh Nghệ An.

**Từ khoá**: Cơ chế huy động, ngân sách nhà nước, nông thôn mới

**15. Cơ chế quản lý tài chính đối với các Quỹ khoa học và công nghệ cấp quốc gia/** Nguyễn Quang Thành, Lương Thị Huyền// Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.20 - 23**.**

**Nội dung:** Quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo cơ chế Quỹ đã được nghiên cứu, quy định và áp dụng vào thực tiễn cho nhiều kết quả tích cực từ 20 năm nay. Tuy nhiên, hiện nay cơ chế quản lý tài chính đối với các Quỹ khoa học và công nghệ cấp quốc gia ở Việt Nam đang có sự chưa đồng bộ với các qui định về quản lý ngân sách theo Luật Ngân sách nhà nước có hiệu lực từ năm 2017. Bài viết đánh giá thực trạng cơ chế tài chính và nguồn kinh phí.

**Từ khoá:** Quản lý kinh phí, nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cơ chế tài chính.

**16. Cơ hội và thách thức từ EVFTA đối với doanh nghiệp Việt Nam/** Nguyễn Thị Huyền Trang, Ngô Thị Hường/, Tài chính.- 2020 .- Số 732.- Tr.60 – 62.

**Nội dung:** Quốc hội đã thông qua Nghị quyết phê chuẩn Hiệp định thương mại tự do(FTA) Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA). EVFTA được kỳ vọng mang đến khá nhiều cơ hội và lợi ích cho nền kinh tế - xã hội Việt Nam. Đây cũng là cơ hội để doanh nghiệp Việt Nam vượt lên trong chuỗi cung ứng toàn cầu, tuy nhiên, bên cạnh các cơ hội, EVFTA cũng đặt ra không ít những khó khăn, thách thức đòi hỏi doanh nghiệp Việt Nam cần phải nổ lực để biến thách thức thành cơ hội...

**Từ khoá:** Doanh nghiệp, Hiệp định EVFTA, kinh tế quốc tế, năng lực cạnh tranh

**17. Cơ hội vàng để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam**/ Vũ Thị Vinh, Hoàng Phương Anh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 206 .- Tr. 51-54.

**Nội dung**: Đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 chi ra những cơ hội cho thu hút vốn FDI và gợi ý một số giải pháp nhằm biến cơ hội thanh hiện thực để thực hiện mục tiêu tăng trưởng phát triển.

**Từ khoá**: Vốn đầu tư FDI, thu hút vốn đầu tư FDI, cơ hội thu hút vốn đầu tư FDI

**18. Công cụ tài chính điều tiết giá trị gia tăng từ đất và một số kiến nghị sửa đổi luật đất đai 2013/** Hoàng Văn Cường, Nguyễn Thị Hải Yến// Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.31-34.

Nội dung: Các qui định của Nhà nước trong thay đổi qui hoạch, thay đổi mục đích sử dụng đất, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và thức đẩy các hoạt động đầu tư phát triển các dự án đầu tư xã hội luôn mang lại lợi ích và tạo giá trị gia tăng cho đất đai. Đây là nguồn lực quan trọng cho quá trình tích lũy, phát triển ban đầu và là nguồn thu quan trọng trong cân đối ngân sách của nhiều nước trên thế giới. Thực tế tại Việt Nam cho thấy, nguồn lực từ giá trị gia tăng từ đất chưa có công cụ điều tiết, phân phối nên không chỉ làm thất thu ngân sách mà còn gây ra bất bình đẳng về lợi ích giữa các người dân cùng chịu tác động của các dự án đầu tư, giữa người dân có đất bị thu hồi với nhà đầu tư. Bài viết hướng vào đề xuất các công cụ tài chính để điều tiết giá trị gia tăng từ đất.

**Từ khoá:** Kinh tế đất, giá đất, giá trị gia tăng từ đất, nguồn thu từ đất

**19. Đánh giá khả năng phân tích chính sách và dự báo của mô hình KEYNES mới : phương pháp tiếp cận SVAR VÀ BVAR-DSGE**/ Nguyễn Hoàng Chung// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 142 .- Tr. 11-23.

**Nội dung**: Nghiên cứu khẳng định lại những công cụ chính sách tiền tệ (CSTT) của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đóng vai trò quan trọng nhằm hướng tới sự ổn định vĩ mô tại Việt Nam (Nguyễn Đức Trung, Lê Đình Hạc & Nguyễn Hoàng Chung, 2018). Từ đó, nghiên cứu ứng dụng mô hình Keynes mới SVAR đánh giá các cú sốc cấu trúc với kỳ vọng hợp lý của các chủ thể trong nền kinh tế mở và nhỏ (Nguyen Duc Trung, Le Dinh Hac & Nguyen Hoang Chung, 2019). Đồng thời, nghiên cứu này cũng cho thấy sự tương thích giữa dữ liệu thực tế và mô hình Keynes mới DSGE dự báo vĩ mô cho Việt Nam (Nguyễn Đức Trung & Nguyễn Hoàng Chung, 2017).

**Từ khoá**: Chính sách tiền tệ, mô hình Keynes mới, SVAR, DSGE, kỳ vọng hợp lý

**20. Đánh giá thực trạng cơ cấu chi ngân sách nhà nước ở Việt Nam**/ Phạm Thanh Hà// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 206 .- Tr. 17-21.

**Nội dung**: Bài viết tổng hợp, đánh giá thực trạng cơ cấu chi NSNN của Việt Nam trong giai đoạn 2011-2019.

**Từ khoá**: Ngân sách nhà nước, cơ cấu chi ngân sách nhà nước, chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ

**21. Đầu tư công và giám sát đầu tư công của Quốc hội Việt Nam**/ Nguyễn Thanh Tùng// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 208 .- Tr. 22-25.

**Nội dung**: Bài viết thông qua giám sát của Quốc hội để nhận diện những vấn đề còn hạn chế trong đầu tư công tại Việt Nam hiện nay, đề xuất một số giải pháp quản lý đầu tư công thời gian tới.

**Từ khoá**: Đầu tư công , quản lý đầu tư công, giám sát đầu tư công, tăng trưởng kinh tế

**22. Đề xuất hoàn thiện chính sách tài chính về đất đai nhằm tạo động lực phát triển theo quy luật kinh tế thị trường/**  ThS. Nguyễn Thị Lý, ThS. Phạm Thị Minh Thủy, ThS. Đinh Thu Trang, ThS. Tô Ngọc Vũ// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 21 (347) .- Tr. 16-18.

**Nội dung:** Phân tích biểu hiện của thể chế kinh tế thị trường trong chính sách tài chính về đất đai hiện nay và đưa ra một số đề xuất khuyến nghị nhằm hoàn thiện chính sách tài chính về đất đai nhằm tạo động lực phát triển theo quy luật kinh tế thị trường.

**Từ khóa**: Chính sách tài chính, đất đai, quy luật kinh tế thị trường

**23. Đề xuất quy trình xây dựng chỉ số biến động giá đất thị trường/**  ThS. Cao Đại Nghĩa// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 18+19 (344+345) .- Tr. 112-113.

**Nội dung:** Bản chất và ý nghĩa của chỉ số biến động giá đất thị trường; Những yếu tố tác động đến việc xây dựng chỉ số biến động giá đất thị trường.

**Từ khóa**: Chỉ số biến động giá đất thị trường, quy trình xây dựng

**24. Đổi mới cơ cấu tổ chức bộ máy ngành tài chính trên cơ sơ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**/ Lê Văn Hiệu// Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.45 - 47.

**Nội dung:** Việc xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy ngành tài chính đảm bảo sự điều hành thống nhất và quản lý chặt chẽ nền tài chính quốc gia. Cùng với đó, yêu cầu đặt ra hiện nay là cần xây dựng và phát triển nguồn nhân lực ngành Tài chính để đáp ứng các nhiệm vụ trong quá trình chuyển đổi của nền kinh tế. Bài viết tập trung xem xét thực trạng cơ cấu tô chức bộ máy ngành Tài chính giai đoạn vừa qua, từ đó đề xuất các khuyết nghị nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức của Ngành trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Ngành Tài chính, nguồn nhân lực, tổ chúc cán bộ, cơ cấu tổ chức bộ

**25. Dịch vụ bộ chứng từ thanh toán LC xuất khẩu với ASEAN-4**/ Nguyễn Thường Lạng, Nguyễn Bích Ngọc// Ngân hàng .- 2020 .- Số 21 .- Tr. 28-35.

**Nội dung**: Phân tích dịch vụ bộ chứng từ thanh toán LC xuất khẩu tại Vietcombank với đối tác ASEAN-4, chỉ ra kết quả cũng như hạn chế của dịch vụ này, qua đó, đề xuất giải pháp mở rộng dịch vụ đến năm 2025.

**Từ khoá**: Dịch vụ, bộ chứng từ, thanh toán LC xuất khẩu, ASEAN-4

**26. Điều hành tỷ giá : những vấn đề lý luận và một số khuyến nghị chính sách**/ Nguyễn Trọng Tài// Ngân hàng .- 2020 .- Số 18 .- Tr. 2-8.

**Nội dung**: Tầm quan trọng của việc điều hành tỉ giá; các nhân tố tác động đến tỉ giá; vấn đề lựa chọn chế độn tỉ giá; một số khuyến nghị.

**Từ khoá**: Điều hành tỷ giá

**27. Giải ngân vốn đầu tư công: thực trạng và giải pháp /** Trịnh Huy Hồng// Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.42 - 44.

**Nội dung:** Trong những giai đoạn kinh tế khó khăn, giải ngân vốn đầu tư công đóng vai trò quan trọng và là động lực thúc đẩy tăng trưởng, chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế. Tuy nhiên, vấn đề chậm giải ngân vốn đầu tư công trong nhiều năm qua đã trở thành ""nút thắt"" của nền kinh tế. Tình trạng này tác động không nhỏ đến hiệu quả đầu tư công, đội vốn các dự án và công trình, ảnh hưởng đến uy tín của Việt Nam với các nhà đầu tư mà còn ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế. Bài viết trao đổi về thực trạng giải ngân vốn đầu tư công trong thời gian qua và đưa ra một số khuyết nghị nhằm đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công tại Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Đầu tư công, giải ngân đầu tư công, ngân sách nhà nước, hiệu quả đầu tư

**28. Giải pháp phát triển thị trường trái phiếu Việt Nam**/ Đinh Thị Phương Anh// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 146 .- Tr. 2-10.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu hoạt động phát hành và giao dịch trái phiếu (gồm trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp) những năm gần đây theo các nội dung: quy mô, loại hình giao dịch, lãi suất, cơ cấu nhà đầu tư... Trên cơ sở nguồn dữ liệu thứ cấp kết hợp với phương pháp nghiên cứu định tính như thống kê mô tả, so sánh, phân tích, bài viết đã chỉ ra những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế trong hoạt động của thị trường trái phiếu Việt Nam. Nhìn chung, mức độ hoàn thiện của thị trường còn yếu khi thiếu vắng các tổ chức định mức tín nhiệm, vai trò tạo lập thị trường của các tổ chức tài chính trung gian cũng còn hạn chế, bên cạnh đó khuôn khổ pháp lý hiện hành còn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển TTTP. Trên cơ sở đó, tác giả bài viết đề xuất một vài định hướng và giải pháp nhằm phát triển an toàn, hiệu quả và bền vững thị trường trái phiếu Việt Nam thời gian tới.

**Từ khoá**: Thị trường trái phiếu, trái phiếu chính phủ (TPCP), trái phiếu doanh nghiệp (TPDN)

**29. Giải pháp Việt Nam thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thời gian vừa qua chống dịch Covid-19, vừa phục hồi phát triển kinh tế - xã hội**/ Ngô Thế Chi, Ngô Thị Minh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 209 .- Tr. 13-18.

**Nội dung**: Trình bày khái quát vai trì của FDI; thu hút FDI trong thời gian bùng dịch và một số giải pháp thu hút FDI trong thời gian vừa qua chống dịch Covid-19, vừa phục hồi phát triển kinh tế - xã hội.

**Từ khoá**: Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, chống dịch Covid-19, phục hồi phát triển kinh tế - xã hội

**30. Giải pháp tăng cường dịch vụ công trực tuyến ngành tài chính/** Nguyễn Anh Tuấn// Tài chính.- 2020 .- Số 732.- Tr.66 – 68.

**Nội dung:** Trong thời gian qua, thực hiện chủ trương của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, ngành Tài chính đã đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến, qua đó góp phần đơn giản hoá thủ tục, giảm thời gian, chi phí thực hiện, hạn chế đi lại, tiếp xúc cho người dân, doanh nghiệp. Bài viết khái quát về những kết quả đạt được trong triển khai dịch vụ công trực tuyến của ngành Tài chính thời gian qua, từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến trong thời gian tới góp phần cải cách thủ tục hành chính, giảm thiểu các chi phí xã hội cho cộng đồng doanh nghiệp và người dân.

**Từ khoá:** Dịch vụ công trực tuyến, cải cách hành chính, thủ tục hành chính, Bộ tài chính

**31. Hoạt động đổi mới và phát triển tài chính : Bằng chứng thực nghiệm tại một số quốc gia Đông Nam Á**/ Nguyễn Hoàng Minh// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 02 .- Tr. 5-22.

**Nội dung**: Tìm hiểu mối quan hệ giữa phát triển tài chính và hoạt động đổi mới tại một số quốc gia Đông Nam Á (Việt Nam, Singapore, Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Bruney, Philippines). Nghiên cứu thu thập số liệu từ Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới, Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Ngân hàng Thế giới; và sử dụng phương pháp Pooled OLS, Random-Effects, Fixed-Effects. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự phát triển định chế tài chính có tác động tích cực đến hoạt động đổi mới và phát triển kinh tế mới là nhân tố thúc đẩy hoạt động đổi mới của một số quốc gia Đông Nam Á. Bên cạnh đó, hoạt động đổi mới của một số quốc gia Đông Nam Á còn rất thấp. Dựa vào kết quả nghiên cứu, các quốc gia Đông Nam Á cần có chính sách phù hợp để phát triển định chế tài chính, đặc biệt là chú trọng vào phát triển tín dụng ngân hàng cho khu vực tư nhân trong nền kinh tế để tạo điều kiện cho các hoạt động đổi mới của khu vực tư nhân phát triển.

**Từ khoá**: Đổi mới; Tài chính; Đông Nam Á

**32. Huy động nguồn lực tài chính để đào tạo nghề cho lao động nông thôn Việt Nam/** Trịnh Thị Thanh Loan// Tài chính.- 2020 .- Số 733.- Tr.69 - 71.

**Nội dung:** Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là chủ trương đúng đắn, kịp thời của Chính phủ nhằm đáp ứng nhu cầu học nghề, tạo việc làm ổn định, nâng cao chất lượng nguồn lao động nông thôn. Việc huy động nguồn lực tài chính để phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn là vấn đề cấp thiết đặt ra. Thông qua nguồn số liệu thứ cấp thu thập được từ Bộ Tài chính, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, bài viết chỉ ra thực trạng về huy động nguồn lực tài chính phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn Việt Nam trong thời gian qua và đề xuất một số giải pháp nâng cao khả năng huy động vốn để phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Nguồn lực tài chính, đào tạo nghề, lao động nông thôn.

**33. Huy động nguồn lực tài chính ngoài ngân sách Nhà nước cho giáo dục nghề nghiệp/** Trần Thị Vân Anh// Tài chính.- 2020 .- Số 733.- Tr.72 - 76.

**Nội dung:** Trong những năm gần đây, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã không ngừng đổi mới, cải tiến nội dung chương trình giảng dạy; tìm kiếm các cơ hội liên kết với các đối tác trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng và cung ứng nguồn nhân lực tốt cho xã hội. Tuy nhiên, nguồn lực tài chính vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập. Để khắc phục tình trạng này cần phải hoàn thiện cơ chế để huy động nguồn tài chính, đặc biệt là nguồn tài chính ngoài ngân sách Nhà nước.

**Từ khoá:** Nguồn lực tài chính, ngân sách Nhà nước, giáo dục nghề nghiệp, xã hội hoá giáo dục nghề nghiệp

**34. Khuôn khổ chính sách ứng phó với tác động của đại dịch Covid-19 : góc nhìn từ thị trường lao động và một số khuyến nghị**/ Nguyễn Thị Thúy Linh// Ngân hàng .- 2020 .- Số 20 .- Tr. 2-8.

**Nội dung**: Tác động của đại dịch Covid-19 tới thị trường lao động; khuôn khổ chính sách 4 trụ cột của ILO : chính sách kích thích nền kinh tế và tạo việc làm; hỗ trợ doanh nghiệp, tạo công ăn việc làm vf thu nhập; bảo vệ người lao động tại nơi làm việc; giải pháp đối với xã hội.

**Từ khoá**: Khuôn khổ chính sách, tác động của đại dịch Covid-19

**35. Kiệt quệ tài chính và chiến lược tái cấu trúc theo chu kỳ sống của các công ty Việt Nam**/ Huỳnh Thị Cẩm Hà// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 144 .- Tr. 19-29.

**Nội dung**: Bài viết kiểm định tác động của kiệt quệ tài chính đến các chiến lược tái cấu trúc theo chu kỳ sống; và khả năng hồi phục của công ty Việt Nam bằng mô hình hồi quy Logit với hiệu ứng tác động ngẫu nhiên. Bài viết tìm thấy kiệt quệ tài chính có thể xảy ra ở bất kỳ giai đoạn nào trong chu kỳ sống, nhiều nhất là ở giai đoạn suy thoái. Kết quả cho thấy kiệt quệ tài chính xảy ra khiến các công ty tăng cường sử dụng chiến lược tái cấu trúc nhân sự quản lý, cắt giảm cắt giảm hoạt động đầu tư và cắt giảm lao động. Ở giai đoạn bão hòa công ty kiệt quệ tài chính hạn chế sử dụng chiến lược tái cấu trúc từ thương vụ M&A. Chiến lược tái cấu trúc hoạt động từ việc cắt giảm đầu tư mang lại khả năng hồi phục cho công ty kiệt quệ tài chính, nhưng hiệu quả phục hồi của công ty ít ảnh hưởng bởi chu kỳ sống.

**Từ khoá**: Chu kỳ sống, logit, kiệt quệ tài chính, tái cấu trúc

**36. Kiệt quệ tài chính và quản trị thu nhập: Bằng chứng thực nghiệm ở các công ty niêm yết tại Việt Nam**/ Lê Thị Phương Vy// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 23-44.

**Nội dung**: Bài nghiên cứu này kiểm định ảnh hưởng của kiệt quệ tài chính lên quản trị thu nhập ở các công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam giai đoạn 20092017. Tác giả sử dụng phương pháp GMM để kiểm định mối quan hệ này. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tồn tại mối quan hệ cùng chiều giữa kiệt quệ tài chính và quản trị thu nhập. Quan trọng hơn, nghiên cứu này khác biệt với những nghiên cứu trước đây ở chỗ tiến hành xem xét mở rộng thêm tác động của cấu trúc sở hữu, quy mô doanh nghiệp và tốc độ tăng trưởng lên mối quan hệ giữa kiệt quệ tài chính và quản trị thu nhập. Kết quả hồi quy cho thấy sở hữu nước ngoài, tốc độ tăng trưởng, và quy mô doanh nghiệp có ảnh hưởng làm giảm tác động cùng chiều của kiệt quệ tài chính đến quản trị thu nhập, trong khi đó, tác động của sở hữu nhà nước lại không có ý nghĩa thống kê.

**Từ khoá:** Kiệt quệ tài chính, quản trị thu nhập

**37. Lựa chọn tài trợ cho chính sách tài khóa trong bối cảnh Covid-19**/ Trần Hùng Sơn, Trần Thanh Thúy Ngọc// Ngân hàng .- 2020 .- Số 16 .- Tr. 2-7.

**Nội dung**: Cơ sở lựa chọn tài trợ cho chính sách tài khóa trong bối cảnh đại dịch; các lựa chọn tài trợ cho chính sách tài khóa trong bối cảnh đại dịch Covid-19; kết hợp chính sách tài khóa - chính sách tiền tệ: tiền tệ hóa thâm hụt; kết luận.

**Từ khoá**: Lựa chọn tài trợ, chính sách tài khóa, Covid-19

**38. Mô hình hồi quy có biến phụ thuộc là biến nhị phân trên dữ liệu bảng : một số vấn đề lý thuyết và ứng dụng**/ Nguyễn Thị Quỳnh Châm, Cù Thu Thủy// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 207 .- Tr. 23-28.

**Nội dung**: Giới thiệu về Mô hình Logit và mô hình Probit trên dữ liệu bảng.

**Từ khoá**: Dữ liệu bảng, mô hình Logit, mô hình Probit, F-score

**39. Mối quan hệ giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa tác động đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam**/ Trần Nam Hương// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 207 .- Tr. 13-15.

**Nội dung**: Bài viết tác giả nhân mạnh trọng tâm tăng trưởng kinh tế thông qua việc điều hành CSTT phối hợp với CSTC về tiền gởi Kho bạc Nhà nước tại các ngân hàng thương mại nhà nước, cấp vốn điều lệ cho các NHTMNN. bài viết này làm rõ một số vấn đề đặt ra trong sự phối hợp điều hành CSTT và CSTC c=về tiền gửi KBNN tại các NHTMNN, cấp vốn điều lệ cho các NHTMNN và đề xuất giải pháp cho những năm tới.

**Từ khoá**: Chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa, tăng trưởng kinh tế

**40. Một số vấn đề về lập báo cáo tài chính tại các đơn vị hành chính sự nghiệp/** Bùi Thị Thanh Thùy// Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.53 - 55.

**Nội dung:** Hiện nay, cơ chế, chính sách về công tác kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp đã được ban hành tương đối đầy đủ, đồng bộ. Điển hành như: Luật Kế toán năm 2015, Nghị định số 174/ 2016/ NĐ-CP ngày 30/ 12/ 2016 của Chính phủ và Thông tư số 107/ 2017/ TT-BTC ngày 10/ 10/ 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Những văn bản này qui định chi tiết về báo cáo tài chính đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp và được các chuyên gia kế toán đánh giá khá hoàn thiện để làm cơ sở như nguồn thông tin đầu vào quan trọng để xây dựng báo cáo tài chính tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, từ đó đưa ra một số vấn đề mà các đơn vị hành chính sự nghiệp cần lưu ý trong quá trình triển khai.

**Từ khoá:** Đơn vị hành chính sự nghiệp, chế độ kế toán, báo cáo tài chính

**41. Mức độ biến động tỷ giá và truyền dẫn tỷ giá hối đoái ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Ngọc Trang, Quách Doanh Nghiệp// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 279 .- Tr.84-96.

**Nội dung**: Nghiên cứu này sử dụng phương pháp Hồi quy chuyển tiếp trơn (Smooth transition regression model – STR model) nhằm tìm kiếm bằng chứng về mức độ truyền dẫn của tỷ giá hối đoái vào lạm phát phụ thuộc vào mức độ biến động tỷ giá ở Việt Nam. Kết quả từ nghiên cứu cho thấy tồn tại sự phản ứng bất đối xứng của lạm phát trước biến động của tỷ giá. Theo đó, mức độ truyền dẫn sẽ khác biệt nhau tùy thuộc mức độ biến động trong tỷ giá ở dưới hoặc trên mức ngưỡng 0,8%/ tháng. Trong dài hạn, mức độ truyền dẫn của tỷ giá vào lạm phát sẽ cao hơn khi biến động của tỷ giá vượt mức ngưỡng. Kết quả này cho thấy động cơ duy trì thị phần có thể là nguyên nhân làm thay đổi hành vi điều chỉnh giá của các doanh nghiệp tại Việt Nam trước cú sốc trong tỷ giá.

**Từ khoá**: Truyền dẫn tỷ giá, biến động tỷ giá, chi phí thực đơn; hồi quy chuyển tiếp trơn (STR)

**42. Nghiên cứu mối quan hệ giữa chỉ số tài chính toàn diện và tỷ lệ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội khu vực Châu Á**/ Nguyễn Thị Việt Nga// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 206 .- Tr. 13-16.

**Nội dung**: Nghiên cứu mối quan hệ giữa chỉ số tài chính toàn diện và tỷ lệ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội khu vực Châu Á. Kết quả phân tích cho thấy, tại khu vực châu Á, giai đoạn 2004-2016, tồn tại mối quan hệ ngược chiều giữa chỉ số tài chính toàn diện và tỷ lệ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội. Mô hình này đánh giá hiệu quả của tiếp cận tài chính đến vấn đề tăng trưởng.

**Từ khoá**: Tài chính toàn diện, tỷ lệ tăng trưởng GDP, châu Á

**43. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư cá nhân trên thị trường chứng khoán Việt Nam/** Phan Nam Giang/, Tài chính.- 2020 .- Số 732.- Tr.79 - 81.

**Nội dung:** Nghiên cứu này xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi của nhà đầu tư cá nhân trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Dựa trên các khung lý thuyết, các nghiên cứu thực nghiệm và kết quả nghiên cưua định tính, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu gồm 6 nhân tố (Sự ghét lỗ, sự tiếc nuối, tình huống điển hình, sự quá tự tin, bám vào giá trị đã thiết lập, hành vi đám đông). Thông qua kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha, kỹ thuật phân tích nhân tố khám phá(EFA) và phân tích hồi quy bội, kết quả nghiên cứu cho thấy, có 4 nhóm nhân tố chính tác động đến hành vi của nhà đầu tư cá nhân trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**Từ khoá:** Hành vi của nhà đầu tư cá nhân, thị trường chứng khoán, chỉ số VN-index

**44. Nhận diện rủi ro phá sản trong các doanh nghiệp ngành xây dựng ở Việt Nam**/ Đặng Phương Mai, Đoàn Hương Quỳnh, Trình Hoàng Lâm// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 207 .- Tr. 18-22.

**Nội dung**: Trình bày các dấu hiệu nhận biết rủi ro phá sản của doanh nghiệp trên khía cạnh đánh giá các chỉ tiêu tài chính.

**Từ khoá**: Rủi ro phá sản, doanh nghiệp, ngành xây dựng

**45. Nhân tố ảnh hưởng tới thu ngân sách địa phương ở Việt Nam**/ Bùi Quang Phát// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 277 .- Tr. 45-52.

**Nội dung**: Bài báo thực hiện kiểm tra ảnh hưởng của các nhân tố tới thu ngân sách địa phương ở Việt Nam giai đoạn 2011-2015. Kết quả chỉ ra rằng, tăng trưởng kinh tế địa phương tác động tích cực đến thu ngân sách địa phương tuy nhiên khi quy mô thu ngân sách địa phương tăng ở mức độ thấp, tăng trưởng kinh tế địa phương tăng lên không dẫn tới sự tăng lên trong thu ngân sách/ GDP. Bên cạnh đó các nhân tố như quy mô dân số, tỷ trọng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản/ GDP, độ mở thương mại, bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho các địa phương có tác động ngược chiều tới thu ngân sách/ GDP. Đặc biệt, nghiên cứu đưa vào mô hình biến tương tác PCIGDP để đánh giá vai trò của chất lượng thể chế trong mối quan hệ giữa GDP và thu ngân sách/ GDP. Kết quả cho thấy, chất lượng thể chế ở địa phương đang là nhân tố kìm hãm tác động của tăng trưởng kinh tế địa phương lên thu ngân sách địa phương.

**Từ khoá**: Thu ngân sách địa phương, tăng trưởng kinh tế địa phương, tỷ trọng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản/ GDP, độ mở thương mại, chất lượng thể chế, phân cấp tài khóa

**46. Những yếu tố tác động đến định giá bất động sản nhà ở: góc nhìn từ thực tế tại quận Gò vấp, TP.Hồ Chí Minh/** Lê Thị Phương Loan, Phan Thị Huyền Trang// Tài chính.- 2020 .- Số 733.- Tr.72 - 76.

**Nội dung:** Khảo sát cho thấy, tại nhiều quốc gia phát triển, khi nghiên cứu thị trường bất động sản nhà ở, các nhà nghiên cứu thường sử dụng mô hình Hedonic để định giá bất động sản. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, trở ngại đầu tiên trong ứng dụng mô hình này là thu thập các dữ liệu bất động sản ở những không gian địa lý khác nhau còn nhiều hạn chế. Bài viết nghiên cứu định lượng kiểm định sự tác động của 2 nhóm yếu tố vị thế và chất lượng đến giá bất động sản nhà ở quận Gò vấp (TP.Hồ Chí Minh) ở thời điểm tháng 01/ 2019 với 810 quan sát giao dịch mua bán nhà ở thực tế. Kết quả nghiên cứu củng cố bằng chứng về sự tác động của các yếu tố nền tảng trong định giá bất động sản, qua đó, giúp các nhà đầu tư, doanh nghiệp bất động sản, công ty thẩm định và cơ quan Nhà nước ước lượng và dự báo hiệu quả xu hướng giá của bất động sản nhà ở hiện nay

**Từ khoá:** Định giá, Hedonic, vị thế - chất lượng, bất động sản nhà ở

**47. Phân bổ ngân sách nhà nước cho sự nghiệp y tế : những vấn đề đặt ra**/ Phạm Thị Lan Anh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 204 .- Tr. 5-9.

**Nội dung**: Tập trung phân tích thực trạng phân bổ ngân sách nhà nước cho sự nghiệp y tế ở Việt Nam thời gian qua. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện phân bổ ngân sách nhà nước cho sự nghiệp y tế ở VN.

**Từ khoá**: Ngân sách nhà nước, phân bổ y tế, khám chữa bệnh

**48. Phân tích cơ cấu chi ngân sách địa phương cho giáo dục/** Vũ Sĩ Cường// Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr. 5 - 8.

**Nội dung:** Ở Việt Nam, dù có những tiêu chí và định mức chung về chi ngân sách nhà nước dành cho giáo dục đào tạo, song do đây là khoản chi được phân cấp mạnh mẽ cho chính quyền địa phương nên vẫn có sự khác biệt giữa các tỉnh, thành phố về chi tiêu ngân sách nhà nước dành cho giáo dục đào tạo. Bài viết này đánh giá khái quát quy mô và cơ cấu chi ngân sách nhà nước dành cho giáo dục đào tạo ở các địa phương ( tập trung vào cơ cấu chi theo nội dung chi), nêu bật những vấn đề đặt ra nhìn từ cơ cấu chi ngân sách nhà nước dành cho giáo dục đào tạo ở địa phương và gợi mở một vài giải pháp chính sách.

**Từ khoá:** Ngân sách nhà nước, cơ cấu chi ngân, giáo dục đào tạo

**49. Phân tích định tính quan hệ giữa chi ngân sách và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam**/ Nguyễn bá Minh, Phạm Minh Thụy// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 205 .- Tr. 49-53.

**Nội dung**: Thực trạng về tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 1986-2019; thực trạng về chi ngân sách của VN giai đoạn 1986-2019; quan hệ giữa chi ngân sách và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 1986-2019.

**Từ khoá**: Thâm hụt Ngân sách, thâm hụt

**50. Phân tích rào cản cho doanh nghiệp sản xuất ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0**/ Tôn Nguyễn Trọng Hiền// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 146 .- Tr. 11-18.

**Nội dung**: Phân tích các rào cản tiềm năng gây cản trở các doanh nghiệp sản xuất lấy bối cảnh Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp 4.0. Nghiên cứu cố gắng chỉ ra yếu tố quan trọng và mối liên hệ các yếu tố này bằng phương pháp Interpretive Structural Model (ISM). Kết quả nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng đối với các nhà nghiên cứu, nhà quản lý và nhà hoạch định chính sách.

**Từ khoá**: Cách mạng 4.0, rào cản, sản xuất, quản trị

**51. Phát triển các công ty tài chính tiêu dùng tại Việt Nam**/ Trần Thị Việt Thạch// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 209 .- Tr. 19-23.

**Nội dung**: Tập trung làm rõ vai trò của công ty tài chính tiêu dùng trong nền kinh tế quốc dân. Trên cơ sở đánh giá hoạt động của các tổ chức tài chính tiêu dùng tại VN giai đoạn 2015-2019, bài viết đề xuất hệ thống giải pháp nhằm phát triển các công ty tài chính tiêu dùng tại Việt Nam, góp phần hạn chế tín dụng đen, bảo đảm hệ thống tài chính lành mạnh, cũng như thúc đẩy tài chính toàn diện tại VN trong những năm tới.

**Từ khoá**: Công ty tài chính tiêu dùng, tài chính tiêu dùng, tín dụng tiêu dùng

**52. Quản lý ngoại hối đối với giao dịch vãng lai tại Việt Nam trong điều kiện phát triển nền kinh tế số**/ Phạm Thị Hoàng Anh và nhóm nghiên cứu// Ngân hàng .- 2020 .- Số 19 .- Tr. 2-10.

**Nội dung**: Đánh giá những kết quả, tồn tại và nguyên nhân liên quan đến hoạt động quản lý đối với giao dịch vãng lai; đề xuất định hướng và khuyến nghị chính sách liên quan đến hoạt động quản lý đối với các giao dịch vãng lai trong bối cảnh nền kinh tế số.

**Từ khoá**: Quản lý ngoại hối, giao dịch vãng lai, Việt Nam, nền kinh tế số

**53. Quản lý tài chính ở các trường đại học công lập hướng tới tự chủ**/ Phạm Xuân Quý// Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.112 - 115.

**Nội dung:** Trong những năm gần đây, quản lý tài chính của các trường đại học công lập đã có nhiều chuyển biến tích cực để phù hợp hơn với quá trình phát triển, cũng như tiến tới tự chủ đại học. Điều này thể hiện ngày càng rõ nét trong các văn bản luật và dưới luật về cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập nói chung và trường đại học công lặp nói riêng. Trên thực tế, bên cạnh những kết quả đạt được còn không ít những tồn tại, những khó khăn, thách thức đối với công tác quản lý tài chính tại các trường đại học công lập trong quá trình tiến tới tự chủ.

**Từ khoá:** Quản lý tài chính, tự chủ tài chính, đại học công lập

**54. Tác động cơ cấu nguồn vốn đến giá trị doanh nghiệp ngành nhựa và bao bì niêm yết tại Việt Nam**/ Mai Thanh Giang// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 280 .- Tr. 59-67.

**Nội dung**: Với số liệu nghiên cứu của 35 doanh nghiệp ngành nhựa và bao bì niêm yết trong giai đoạn 2012 – 2018, kết quả ước lượng chỉ ra rằng cơ cấu nguồn vốn (DA, SDA) có tác động ngược chiều đến giá trị doanh nghiệp (Tobin’s Q). Trong số các biến kiểm soát, hiệu quả kinh doanh (ROA) và quy mô tài sản (QMTS) có tác động cùng chiều đến giá trị doanh nghiệp. Với mẫu nghiên cứu đã cho, không có bằng chứng thống kê cho thấy cơ cấu tài sản (TANG); vòng quay tổng tài sản (VTS); tốc độ tăng trưởng tài sản (GRTS) có tác động đến giá trị doanh nghiệp. Từ kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất một số hàm ý quản trị cho các doanh nghiệp ngành nhựa và bao bì như: Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn theo hướng gia tăng dần tỷ trọng các khoản nợ vay dài hạn trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp; Ưu tiên sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu đáp ứng nhu cầu vốn của doanh nghiệp; Nâng cao hiệu quả kinh doanh cho các doanh nghiệp nhựa và bao bì.

**Từ khoá**: Cơ cấu nguồn vốn, giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp nhựa và bao bì

**55. Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến một số chỉ tiêu phát triển kinh tế tỉnh Thái Nguyên**/ Nguyễn Thị Hằng, Phạm Minh Đạt, Nguyễn Văn Huân// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 145 .- Tr. 14-24.

**Nội dung**: Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là một nguồn vốn quan trọng, tác động vào các chỉ số kinh tế, thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Nghiên cứu này cung cấp các kết quả định lượng cho hai mục tiêu nghiên cứu sau đây. Thứ nhất, nghiên cứu đánh giá và phân tích kết quả phát triển kinh tế nhờ hoạt động thu hút FDI trên cơ sở các chỉ số kinh tế như tổng sản phẩm, giá trị sản xuất công nghiệp, giá trị xuất khẩu. Thứ hai, nghiên cứu phân tích và xác định mối tương quan giữa FDI và các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu. Kết quả nghiên cứu sẽ khẳng định rằng vốn FDI có ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế, đặc biệt là tác động lớn tới giá trị của các chỉ tiêu phát triển kinh tế. Nghiên cứu này còn kiến nghị một số giải pháp thu hút FDI cho địa phương khác dựa trên nghiên cứu trường hợp điển hình thu hút FDI Thái Nguyên giai đoạn 2010-2019.

**Từ khoá**: FDI, Giá trị xuất khẩu, sản xuất công nghiệp, Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh

**56. Tác động của đô la Mỹ đến giá vàng tại Việt Nam : bằng chứng thực nghiệm thông qua mô hình ARDL**/ Lê Chí Minh// Ngân hàng .- 2020 .- Số 20 .- Tr. 9-17.

**Nội dung**: Xác định các nhân tố tác động đến giá trị đồng USD đến giá vàng Việt Nam trong giai đoạn từ tháng 1/ 2007 đến tháng 7/ 2020.

**Từ khoá**: Đô la Mỹ, giá vàng, Việt Nam, mô hình ARDL

**57. Tác động của nhân tố động lượng đến lợi suất đầu tư trên thị trường chứng khoán/** Nguyễn Thị Thu Huyền, Lê Thị Định// Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.59 - 62.

Nội dung: Nghiên cứu phân tích tác động của nhân tố động lượng (momentum) đến lợi suất đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn từ tháng 01/ 2015 đến tháng 12/ 2019. Nhóm tác giả thiết lập các danh mục đầu tư và tiến hành hồi quy mô hình cho từng danh mục. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự tồn tại của nhân tố momentum và tác động cùng chiều với lợi suất đầu tư của cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**Từ khoá:** Nhân tố động lượng momentum, lợi suất đầu tư, chu kỳ kinh doanh, thị trường chứng khoán, cổ phiếu.

**58. Tài chính cho phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam : thực trạng và một số khuyến nghị**/ Nguyễn Thị Ngát// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 207 .- Tr. 71-74.

**Nội dung**: Phân tích quá trình phát triển tài chính xanh, hướng tới phát triển bền vững, xoái đói giảm nghèo, phát triển công bằng tiến tới xây dựng kinh tế xanh.

**Từ khoá**: Tài chính xanh, kinh tế xanh

**59. Tài chính số : cơ hội và thách thức đối với thị trường tài chính Việt Nam**/ Nguyễn Thành Phương// Ngân hàng .- 2020 .- Số 18 .- Tr. 29-33.

**Nội dung**: Trình bày tài chính số và thị trường tài chính; ứng dụng tài chính số trên thị trường tài chính VN; cơ hội và thách thức trong ứng dụng tài chính số trên thị trường tài chính VN; đề xuất.

**Từ khoá:** Tài chính số, thị trường tài chính Việt Nam

**60. Tạo đột phá trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài thế hệ mới vào Việt Nam giai đoạn 2020-2030**/ Trần Xuân Văn, Nguyễn Thị Ngọc Yến, Nguyễn Văn Hưởng// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 509 .- Tr. 22-31.

**Nội dung**: Phân tích kết quả, hạn chế, nguyên nhân hạn chế từ thực trạng thu hút loại vốn đầu tư này để phát triển nền kinh tế VN. Từ đó đề xuất một số giải pháp khắc phục những hạn chế đã phân tích xác định những ưu tiên ngắn hạn (2018-2020), trung và dài hạn (2020-2030) trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài, hiện đại hóa công tác xúc tiến đầu tư, đặc biệt, nỗ lực xây dựng :môi trường kinh doanh 4.0 phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp trong kỷ nguyên công nghệ số.

**Từ khoá**: FDI thế hệ mới, môi trường đầu tư 4.0, chính sách FDI

**61. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp từ Trung Quốc vào Việt Nam và một số kiến ngh**ị/ Ngô Thị Hoài Linh, Đỗ Hạnh Nguyên// Tài chính .- 2020 .- Số 731.- Tr. 93 – 95.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài từ Trung Quốc vào Việt Nam trong thời gian qua gắn với nhận diện những tồn tại, thách thức qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thu hút và quản lý dòng vốn này.

**Từ khóa**: Trung Quốc, vốn FDI, quy mô đầu tư

**62. Thu ngân sách nhà nước theo hướng bền vững ở Việt Nam**/ Đỗ Đình Thu, Phùng Thanh Loan// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 209 .- Tr. 9-13.

**Nội dung**: Những kết quả đạt được trong thực hiện thu ngân sách nhà nước ở Việt Nam giai đoạn 2011-2019; những hạn chế còn tồn tại của thu ngân sách nhà nước ở Việt Nam giai đoạn 2011-2019; giải pháp thực hiện thu ngân sách nhà nước theo hướng bền vững.

**Từ khoá**: Ngân sách nhà nước, thu ngân sách nhà nước, bền vững

**63. Thực trạng chính sách bảo hiểm thất nghiệp tại Việt Nam/** Trần Thị Nguyệt Nga, Nguyễn Thu Hiền// Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.69 - 71.

**Nội dung:** Bảo hiểm thất nghiệp không chỉ quan trọng đối với người lao động và doanh nghiệp mà còn đóng vai trò giúp ổn định kinh tế - xã hội, là một trong những công cụ để thực hiện chính sách anh sinh xã hội của mỗi quốc gia. Bài nghiên cứu giới thiệu tổng quan về chính sách bảo hiểm thất nghiệp tại Việt Nam, những kết quả đạt được cũng như các hạn chế trong quá trình thực thi chính sách chính sách bảo hiểm thất nghiệp tại Việt Nam trong thời gian qua.

**Từ khoá:** Chính sách, bảo hiểm thất nghiệp, an sinh xã hội, người lao động, kinh tế - xã hội.

**64. Thực trạng quản lý nợ công giai đoạn 2016 - 2020 và định hưởng giải pháp cho giai đoạn mới**/ Võ Hữu Hiển// Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.9 - 12.

**Nội dung:** Sau 5 năm thực hiện kế hoạch vay, trả nợ công giai đoạn 2016-2020, việc thực hiện kế hoạch vay, trả nợ công đã đạt được những kết quả tương đối toàn diện. Nhìn lại 5 năm qua có thể thấy, chính sách quản lý nợ công đã phát huy vai trò tích cực, qua đó góp phần huy động nguồn lực quan trọng cho đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, tăng cường kỷ luật kỷ cương tài chính - ngân sách . Tuy nhiên việc quản lý nợ công ở nước ta trong những năm qua cũng gặp phải không ít khó khăn, thách thức. Để khắc phục những khó khăn, hạn chế này, thời gian tới cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách về quản lý nợ công; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tái cơ cấu nợ theo hướng bền vững ...

**Từ khoá:** Quản lý nợ công, doanh nghiệp, tài chính, ngân sách nhà nước, kinh tế

**65. Tốc độ điều chỉnh lượng tiền mặt nắm giữ hướng về lượng tiền mặt nắm giữ tối ưu của các công ty niêm yết Việt Nam**/ Nguyễn Thị Uyên Uyên, Phạm Hoàng Anh// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 282 .- Tr. 54-64.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm kiểm định tốc độ điều chỉnh lượng tiền mặt nắm giữ hướng về lượng tiền mặt tối ưu của các công ty niêm yết Việt Nam. Với dữ liệu được thu thập từ báo cáo tài chính của các công ty niêm yết Việt Nam trong giai đoạn 2007-2017, tạo thành mẫu 5.499 công ty – năm quan sát, thông qua phương pháp hồi quy GMM hệ thống hai bước với kỹ thuật robust và small, nhóm tác giả đã cho thấy các công ty niêm yết Việt Nam luôn có xu hướng điều chỉnh lượng tiền mặt nắm giữ hướng về lượng tiền mặt tối ưu với tốc độ là 38,95%. Thêm vào đó, giữa các nhóm công ty khác nhau1 thì tốc độ điều chỉnh cũng khác nhau, với các công ty tạo ra dòng tiền tự do càng nhiều thì tốc độ điều chỉnh càng nhanh.

**Từ khoá**: Các công ty niêm yết Việt Nam, phương pháp GMM, tốc độ điều chỉnh tiền mặt

**66. Trao đổi về mô hình lập dự toán ngân sách dựa tên kết quả hoạt động**/ Mai Thị Hoàng Minh, Lê Thị Cẩm Hồng, Nguyễn Phúc Sinh// Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.48 - 51.

**Nội dung:** Lập dự toán ngân sách nhà nước là khâu mở đầu của quy trình ngân sách nhằm xác định các mục tiêu, nhiệm vụ huy động nguồn lực cho thực hiện ngân sách và phân phối các nguồn lực đó. Khi đó, lập dự toán ngân sách nhà nước được định nghĩa như là việc lập kế hoạch của Nhà nước về quy mô nguồn nhân lực cần phải huy động trong xã hội để sử dụng cho các nhu cầu chi tiêu, nhằm thực thi các chức năng, nhiệm vụ của mình. Bài viết này trình bày về mô hình lập dự toán ngân sách dựa trên kết quả hoạt (PBB).

**Từ khoá:** Dự toán ngân sách, kết quả hoạt động, nguồn lực tài chính

**67. Từ hệ lụy của đại dịch Covid đến vai trò các gói tài chính tiền tệ của Việt Nam**/ Nguyễn Giang Thanh, Nguyễn Thị Thương Giang// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 206 .- Tr. 22-26.

**Nội dung**: Bài viết đi sâu phân tích về ảnh hưởng của đại dịch đến mọi mặt đời sống xã hôi, cũng như vai trò của các gói tài chính tiền tệ, từ đó rút ra một số bài học và khuyến nghị nhằm tiếp tục tạo đà để phát triển kinh tế bền vững.

**Từ khoá**: Chính sách tài chính, tín dụng, đại dịch Covid, gói hỗ trợ tài chính

**68. Ứng dụng mô hình ARDL nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam**/ Đỗ Thị Vân Trang, Đinh Hồng Linh, Lê Thùy Linh// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 142 .- Tr. 11-18.

**Nội dung**: Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đóng một vai trò không nhỏ trong phát triển kinh tế Việt Nam. Với mục đích nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố tác động tới thu hút FDI vào Việt Nam kể từ khi mở cửa nền kinh tế cho đến nay, nghiên cứu sử dụng mô hình ARDL để xem xét mối quan hệ giữa các yếu tố này trong cả ngắn hạn và dài hạn. Kết quả ước lượng cho thấy trong dài hạn, GDP, độ mở thương mại của nền kinh tế, lãi suất và tỷ lệ thất nghiệp có tác động tích cực tới nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Trong ngắn hạn, nguồn vốn này chịu tác động tích cực của chính nó ngay thời kỳ trước. Lãi suất và tỷ lệ thất nghiệp là những yếu tố có tác động tiêu cực, trong khi GDP và độ mở thương mại của nền kinh tế không có ảnh hưởng đến đến thu hút FDI. Kết quả thực nghiệm này có thể gợi ý một số khuyến nghị đối với các cơ quan quản lý trong việc điều hành chính sách vĩ mô nhằm thu hút thêm vốn FDI trong thời gian tới.

**Từ khoá**: FDI, Việt Nam, mô hình ARDL.

**69. Vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam**/ Hồ Đình Bảo, Lê Thanh Hà, Lê Quốc Hội// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 279 .- Tr. 2-11.

**Nội dung**: Nghiên cứu này phân tích mối quan hệ giữa nguồn vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam trong giai đoạn 1990-2019. Kết quả ước lượng thực nghiệm từ các mô hình VAR và ARDL – ECM cho thấy những bằng chứng thống kê về tác động tích cực của FDI đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam cả trong ngắn hạn và dài hạn. Tuy nhiên, tác động của FDI đến tăng trưởng kinh tế tuân theo một mối quan hệ phi tuyến. FDI có tác động tích cực đến tăng trưởng ngay ở thời kỳ hiện tại nhưng có xu hướng tiêu cực ở thời kỳ kế tiếp trước khi phục hồi lại trạng thái tích cực. Xu hướng phi tuyến này cũng đúng cho sự ảnh hưởng của FDI đối với xuất khẩu của Việt Nam. Bên cạnh đó, kết quả thực nghiệm từ các mô hình định lượng cũng cho thấy sự ảnh hưởng của dòng vốn FDI đối với lãi suất, lạm phát và tỷ giá hối đoái trong nền kinh tế Việt Nam.

**Từ khoá**: ARDL-ECM, tăng trưởng kinh tế, FDI, VAR

**70. Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá công tác quản lý tài sán công**/ Nguyễn Tân Thịnh// Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.13 - 16.

**Nội dung:** Tài sản công là cơ sở vật chất để các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Nhà nước giao, đồng thời là nguồn lực tài chính có thể khai thác được để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Do vậy, việc quản lý tài sản công có vai trò hết sức quan trọng, tuy nhiên để đánh giá thực chất công tác quản lý tài sản công, trức hết cần phải xây dựng các tiêu chí đánh giá. Bài viết đánh giá thực trạng công tác này trong thời gian qua, đồng thời, đề xuất hướng xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá công tác quản lý tài sán công ở Việt Nam.

**Từ khoá:** Tài sản công, nguồn lực, tài chính, hệ thống tiêu chí

**71. Xu hướng dịch chuyển đầu tư ra khỏi Trung Quốc và giải pháp thu hút đầu tư cho Việt Nam**/ Đào Minh Phúc// Ngân hàng .- 2020 .- Số 21 .- Tr. 18-23.

**Nội dung**: Phân tích xu hướng dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần đẩy mạnh việc thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam.

**Từ khoá**: Dịch chuyển đầu tư, Trung Quốc, thu hút đầu tư, Việt Nam

# NGÂN HÀNG

**1. An toàn tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam theo hiệp ước Basel**/ Nguyễn Quốc Anh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 205 .- Tr. 15-19.

**Nội dung**: Quan niệm về an toàn tài chính của Ngân hàng thương mại; thực trạng đảm bảo an toàn tài chính theo hiệp ước Basel tại VN; một số đề xuất để triển khai Basel theo phương pháp nội bộ.

**Từ khoá:** Ngân hàng thương mại, an toàn tài chính, Basel

**2. Bàn về rủi ro thanh khoản và hiệu quả kinh doanh của ngân hàng thương mại Việt Nam/** Nguyễn Thanh Phong// Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.119 - 121.

**Nội dung:** Hiệu quả kinh doanh của ngân hàng thương mại phụ thuộc rất lớn vào công tác quản lý điều hành và quản trị rủi ro, nhất là quản trị thanh quản. Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về ảnh hưởng của rủi ro thanh quản đến hiệu quả ngân hàng, nhưng thanh quản và rủi ro thanh quản luôn thay đổi theo thời gian, do đó cần thiết có nghiên cứu, đánh giá cập nhật. Trong phạm vi nghiên cứu, bài viết xem xét ảnh hưởng của thanh khoản và hiệu quả kinh doanh của ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khoá:** Ngân hàng thương mại, thanh quản, quản trị rủi ro, quản trị thanh quản, hiệu quả hoạt động kinh doanh

**3. Bảo đảm an toàn, bí mật thông tin khách hàng trong ngân hàng điện tử tại Việt Nam : nhìn từ góc độ pháp lý**/ Nguyễn Thị Kim Thoa// Ngân hàng .- 2020 .- Số 17 .- Tr. 30-33

**Nội dung**: Khái quát về hoạt động ngân hàng điện tử; những thách thức liên quan đến bảo đảm an toàn, bí mật thông tin khách hàng trong ngân hàng điện tử; các giải pháp nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin khách hàng trong ngân hàng điện tử tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Bảo đảm an toàn, bí mật thông tin khách hàng, ngân hàng điện tử, Việt Nam

**4. Các nhân tố tác động đến tỷ lệ thu nhập lãi thuần của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam**/ Nguyễn Thị Quỳnh Châm, Lê Thị Hoa// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 204 .- Tr. 45-50.

**Nội dung**: Sử dụng phương pháp phân tích định lượng nhằm xá định các nhân tố ảnh hưởng tới tỷ lệ thu nhập lãi thuần của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam giai đoạn 2009-2018. Bài viết đi xây dựng mô hình kinh tế lượng, sử dụng kiểm định Hausman để lựa chọn giữa mô hình tác động cố định và tác động ngẫu nhiên. Kết quả cho thấy tỷ lệ vốn chủ sở hữu, quy mô hoạt động cho vay, tốc độ tăng trưởng thu nhập lãi thuần và lạm phát tác động cùng chiều đến tỷ lệ thu nhập lãi thuần, trong khi tủ lrrj nợ xấu tác động ngước chiều.

**Từ khoá:** Tỷ lệ thu nhập lãi thuần, kiểm định Hausman, ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

**5. Các nhân tố tác động tới sự hài lòng của người dùng dịch vụ ví điện tử/** Đặng Ngọc Liên// Tài chính.- 2020 .- Số 732.- Tr.53 – 56.

**Nội dung:** Mô hình SERVQUAL được sử dụng trong nghiên cứu này để xác định các nhân tố tác động đến sự hài lòng của khách hàng khi sử dụng ví điện tử tại thị trường Việt Nam. Trên cơ sở dữ liệu sơ cấp thu thập từ cộng đồng người dùng dịch vụ ví điện tử ở Việt Nam, nhóm tác giả sử dụng phương pháp định lượng để kiểm định độ tin cậy của các biến quan sát và xây dựng mô hình hồi quy tuyến tính bội xác định khả năng ảnh hưởng của từng nhân tố, sau đó đưa ra những đề xuất cụ thế để các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ví điện tử đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

**Từ khoá:** Ví điện tử, dịch vụ ví điện tử, người sử dụng, công nghệ, ngân hàng.

**6. Chất lượng dịch vụ ngân hàng : tổng quan nghiên cứu**/ Trần Thị Ngọc Tú// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 205 .- Tr. 68-72.

**Nội dung**: Đề cập đến các mô hình chất lượng dịch vụ ngân hàng, là cơ sở để thực hiện các nghiên cứu về chất lượng dịch vụ ngân hàng tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Chất lượng dịch vụ, ngân hàng, thang đo

**7. Cho vay đối với doanh nghiệp siêu nhỏ của ngân hàng thương mại : góc nhìn từ một số ngân hàng nước ngoài**/ Nguyễn Hữu Tài, Lê Vân Chi// Ngân hàng .- 2020 .- Số 15 .- Tr. 32-37.

**Nội dung**: Khái quát về doanh nghiệp siêu nhỏ; mô hình cho vay đối với doanh nghiệp siêu nhỏ cảu một số ngân hàng nước ngoài; bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

**Từ khoá:** Cho vay, doanh nghiệp siêu nhỏ, ngân hàng thương mại

**8. Công nghệ tài chính: Cơ hội và thách thức phát triển ngân hàng số/** Đặng Hà Giang// Tài chính.- 2020 .- Số 733.- Tr.24-26.

**Nội dung:** Cùng với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, xu hướng ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính (Fintech) diễn ra hết sức mạnh mẽ đã và đang mạng lại rất nhiều cơ hội cũng như những thách thức cho hoạt động kinh doanh nói chung, hoạt động phát triến dịch vụ thanh toán dựa trên công nghệ ngân hàng số nói riêng của các ngân hàng thương mại. Bài viết tập trung làm rõ thực trạng chuyển động Fintech tại Việt Nam hiện nay và đưa ra khuyết nghị đối với việc phát triển ngân hàng số.

**Từ khoá:** Công nghệ, tài chính, ngân hàng

**9. Hoàn thiện chính sách tín dụng đối với thị trường bất động sản Việt Nam/** Nguyễn Mai Linh// Tài chính.- 2020 .- Số 733.- Tr.11-13.

**Nội dung:** Nguồn vốn tín dụng đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp vốn cho thị trường bất động sản Việt Nam. Chính sách tín dụng sẽ quyết định nguồn vốn này vào thị trường bất động sản, tác động tới sự tăng trưởng của thị trường bất động sản. Bài viết phân tích chính sách tín dụng đối với thị trường bất động sản Việt Nam hiện nay và đề xuất các giải pháp hoàn thiện chính sách này trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Chính sách tín dụng, thị trường bất động sản, tín dụng bất động sản.

**10.** **Lựa chọn giải pháp xử lý Ngân hàng Thương mại sau khi bị đưa vào trạng thái kiểm soát đặc biệt để ổn định Thị trường Tài chính Việt Nam/** Trần Quốc Bảo// Khoa học Đại học Cửu Long .- 2020 .- Số 18 .- Tr. 39-50.

**Nội dung:** Phân tích và trao đổi những phương án xử lý ngân hàng yếu kém với mục tiêu đảm bảo sự an toàn của hệ thống và đảm bảo quyền lợi của cộng đồng xã hội, góp phần ổn định thị trường tài chính Việt Nam.

**Từ khóa:** Ngân hàng Thương mại, kiểm soát đặc biệt, phá sản

**11. Đánh giá tác động ngắn hạn của hoạt động niêm yết lên đối thủ cạnh tranh từ nghiên cứu cổ phiếu ngành ngân hàng**/ Dương Ngân Hà, Trần Thị Phương Anh// Ngân hàng .- 2020 .- Số 17 .- Tr. 33-39.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu nhằm đánh giá tác động ngắn hạn của hoạt động niêm yết lên đối thủ cạnh tranh từ nghiên cứu cổ phiếu ngành ngân hàng trong giai đoạn 2006-2019 theo phương pháp nghiên cứu sự kiện.

**Từ khoá:** Cổ phiếu, ngân hàng, tác động ngắn hạn

**12. Đánh giá tình hình nợ công Việt Nam và khuyến nghị chính sách**/ Lê Thị Diệu Huyền, Nguyễn Thị Cẩm Giang// Ngân hàng .- 2020 .- Số 17 .- Tr. 2-7.

**Nội dung:** Phân tích đánh giá thực trạng nợ công và các chỉ tiêu an toàn nợ công tại Việt nam, từ đó đề xuất một số khuyến nghị chính sách trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Nợ công

**13. Đẩu mạnh hoạt động tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Phan Thị Hoàng Yến, Trần Thị Châu// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 23 .- Tr. 34-39.

**Nội dung**: Tập trung nghiên cứu thực trạng triển khai tín dụng xanh trên cơ sở phân tích các biện pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động này tại một số NHTM, từ đó đưa ra những khuyến nghị nhằm đẩy mạnh hoạt động tín dụng xanh tại các NHTM Việt Nam.

**Từ khoá:** Tín dụng xanh, chính sách tín dụng, ngân hàng

**14. Đo lường rủi ro danh mục cho vay tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Bích Ngân// Ngân hàng .- 2020 .- Số 19 .- Tr. 11-17.

**Nội dung**: Tổng quan các nghiên cứu về phường pháp đo lường rủi ro danh mục cho vay tại các ngân hàng thương mại; Thực trạng đo ường rủi ro danh mục cho vay tại các ngân hàng thương mại VN; Mô phỏng đo lường rủi ro danh mục cho vay tại các ngân hàng thương mại theo phương pháp FIRB của Basel II; Khuyến nghị đối với các NHTM Việt Nam về đo lường rủi ro danh mục cho vay.

**Từ khoá:** Đo lường rủi ro danh mục cho vay, ngân hàng thương mại Việt Nam

**15. Giải pháp đảm bảo an toàn vốn tín dụng cho các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đầu tư theo hình thức đối tác công tư**/ Nguyễn Xuân Bắc, Lê Hồng Cảnh// Ngân hàng .- 2020 .- Số 24 .- Tr. 17-23.

**Nội dung:** Chủ trương của Đảng và Nhà nước về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông; nhu cầu vốn huy động nguồn lwucj ngoài ngân sách cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông; những tồn tại , bất cập trong triển khai đầu tư các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông; nguồn vốn tín dụng ngân hàng đối với sự phát triển kết cấu hạ tầng giao thông; giải pháp đảm bảo an toàn vốn tín dụng cho các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông.

**Từ khoá:** Đảm bảo an toàn vốn tín dụng, dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, đầu tư theo hình thức đối tác công tư

**16. Giải pháp nâng cao an toàn trong sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử**/ Trần Mai Anh// Ngân hàng .- 2020 .- Số 15 .- Tr. 27-31.

**Nội dung:** Thực trạng sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử; Đề xuất giải pháp nâng cao an toàn sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử.

**Từ khoá:** Ngân hàng điện tử

**17. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động thẻ ngân hàng tại Việt Nam/** Võ Thị Thu Hương, Trần Thị Thu Hiền// Ngân hàng .- 2020 .- Số 24 .- Tr. 9-16.

**Nội dung**: Tổng quan về hoạt động thẻ ngân hàng và các vi phạm phát sinh trong hoạt động thẻ ngân hàng; thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động thẻ ngân hàng; giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động thẻ ngân hàng tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, hoạt động thẻ ngân hàng, Việt Nam

**18. Hiệu quả kinh doanh ngoài lãi của các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Phạm Xuân Quỳnh// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 24 .- Tr. 22-27.

**Nội dung**: Nghiên cứu ảnh hưởng của thu nhập phi tín dụng hay còn gọi là thu nhập ngoài lãi đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thông qua dữ liệu từ báo cáo tài chính của 28 NHTM Việt Nam giai đoạn 2015-2019. Kết quả nghiên cứu với mô hình FEM cho thấy nguồn thu nhập phi tín dụng có tác động cùng chiều đến hiệu quả kinh doanh ngân hàng; cụ thể hơn là nguồn thu nhập đến từ các dịch vụ phi tín dụng cad các hoạt động kinh doanh đầu tư.

**Từ khoá**: Thu nhập ngoài lãi, hiệu quả kinh doanh, ngân hàng thương mại

**19. Hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong quá trình tái cấu trúc**/ Hoàng Ngọc Tiến, Dương Nguyễn Thanh Tâm, Đinh Việt Linh// Ngân hàng .- 2020 .- Số 15 .- Tr. 10-15.

**Nội dung**: Trình bày cơ sở lý thuyết, bằng chứng thực nghiệm và phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và thảo luận; kết luận, hàm ý chính sách và quản trị.

**Từ khoá**: Hiệu quả tài chính, ngân hàng thương mại Việt Nam, tái cấu trúc

**20. Hoạt động đầu tư trái phiếu của các ngân hàng thương mại Việt Nam - Thực trạng và một số định hướng, giải pháp**/ Đinh Thị Phương Anh// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 144 .- Tr. 59-67.

**Nội dung**: Nghiên cứu tổng quan về hệ thống các ngân hàng thương mại Việt Nam và hoạt động đầu tư trái phiếu của các ngân hàng (từ năm 2015-2019), theo các khía cạnh quy mô và cơ cấu đầu tư. Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng, chỉ ra những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế trong đầu tư trái phiếu, tác giả bài viết đề xuất một vài định hướng về hoạt động đầu tư trái phiếu và các khuyến nghị giải pháp đối với ngân hàng thương mại (NHTM), Ngân hàng Nhà nước (NHNN) nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đầu tư trái phiếu của các NHTM Việt Nam thời gian tới.

**Từ khoá:** Đầu tư trái phiếu, trái phiếu chính phủ (TPCP), trái phiếu doanh nghiệp (TPDN)

**21. Hoạt động ngân hàng đầu tư nhìn từ nghiệp vụ bảo lãnh, đầu tư trái phiếu của ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Lã Thị Lâm// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 209 .- Tr. 30-34.

**Nội dung**: Cơ sở pháp lý hoạt động bảo lãnh, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) của ngân hàng thương mại Việt Nam; thực tế và rủi ro tiềm ẩn từ nghiệp vụ ngân hàng thương mại Việt Nam tại các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay; giải pháp kiểm soát hoạt động bảo lãnh phát hành và đầu tư chứng khoán của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khoá:** Ngân hàng thương mại, đầu tiw trái phiếu doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành trái phiếu doanh nghiệp

**22. Khủng hoảng tài chính thế giới và khả năng sinh lời của ngân hàng thương mại Việt Nam : cách tiếp cận theo phương pháp Bayes**/ Phạm Hải Nam// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 01 .- Tr. 29-47.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá tác động của khủng hoảng tài chính thế giới và các yếu tố bên trong, bên ngoài đến khả năng sinh lời (KNSL) của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam. Bằng cách sử dụng dữ liệu của 30 NHTM Việt Nam và dữ liệu vĩ mô từ năm 2007 đến năm 2018, cùng với cách tiếp cận theo phương pháp Bayes và thuật toán lấy mẫu Gibbs, nghiên cứu cho thấy khủng hoảng tài chính, quy mô ngân hàng, vốn ngân hàng, tài sản thanh khoản, tiền gửi khách hàng, dư nợ cho vay có tác động tích cực đến KNSL. Các yếu tố có tác động ngược lại là dự phòng rủi ro tín dụng, chi phí trả lãi, chi phí hoạt động.

**Từ khoá**: Khả năng sinh lởi; Bayes; Khủng hoảng tài chính; Ngân hàng thương mại

**23. Kinh nghiệm từ cơ chế thử nghiệm đối với Fintech trong lĩnh vực ngân hàng của Malaysia và một số khuyên nghị**/ Lưu Minh Sang, Lê Thị Thùy Dương// Ngân hàng .- 2020 .- Số 18 .- Tr. 54-59.

**Nội dung**: Khái quát về cơ chế thứ nghiệm đối với Fintech; kinh nghiệm của Malaysisa về Sandbox đối với Fintech; Một số đề xuất, khuyến nghị.

**Từ khoá:** Ngân hàng, Malaysia, Fintech

**24. Lợi ích của thương mại điện tử ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay**/ Đỗ Thị Vân Dung// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 568 .- Tr. 22-23.

**Nội dung**: Tổng quan về thương mại điện tử; Lợi ích của thương mại điện tử ở Việt Nam.

**Từ khoá:** Lợi ích, thương mại điện tử, Việt Nam

**25. Mô hình nhận diện gian lận trong báo cáo tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Hoàng Thị Hồng Vân// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 207 .- Tr. 59-63.

**Nội dung**: Tổng quan các nghiên cứu về gian lận báo cáo tài chính. kết quả nghiên cứu cho thấy có 5 yếu tố trong mô hình diện gian lận BCTC của các NHTM tại Việt Nam: tỷ số tăng trưởng doanh thu, tỷ số chất lượng tài sản, tỷ số đòn bẩy tài chính, tăng trưởng quy mô doanh nghiệp và tỷ lệ nợ xấu trong NHTM.

**Từ khoá**: Ngân hàng thương mại, gian lận, mô hình M-score

**26. Một số giải pháp phát triển du lịch sinh thái cộng đồng ở huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa/** Vương Mạnh Toàn// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 568 .- Tr. 24-26.

**Nội dung**: Trình bày kết quả đạt được và những hạn chế - nguyên nhân trong việc phát triển du lịch ở Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

**Từ khoá**: Phát triển du lịch sinh thái cộng đồng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa

**27. Một số lưu ý về hoạt động huy động vốn và cho vay của ngân hàng thương mại**/ Dương Văn Bôn, Châu Đình Linh// Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.57 - 59.

**Nội dung:** Do ảnh hưởng của đại dịch Civid-19, nên từ đầu năm 2020 đến nay, hoạt động huy động và cho vay vốn của các tổ chức tín dụng tại Việt Nam diễn biến trái chiều. Trong khi tiền gửi của dân cư bắt đầu tăng chậm lại kể từ tháng 6/2020 thì tiền gửi của doanh nghiệp lại tăng rất mạnh trong những tháng trở lại đây. Bên cạnh đó, huy động vốn tăng cao hơn tốc độ tăng dư nợ cho vay của các ngân hàng thương mại ... Những diễn biến này gợi mở hướng đi mới để huy động vốn và cho vay của câc ngân hàng thương mại trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Ngân hàng, tín dụng, dư nợ, huy động vốn, đầu tư.

**28. Nâng cao khả năng tiếp cận vốn ngân hàng để phát triển DNNVV Việt Nam**/ Đặng Thị Ái, Trần Thị Thu Hiền// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 209 .- Tr. 55-57.

**Nội dung**: Tình hình tiếp cận vốn vay ngân hàng của DNNVV Việt Nam; nguyên nhân và giải pháp.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp vừa và nhỏ, tài chính, phát triển

**29. Nâng hạn mức bảo hiểm tiền gửi để thực hiện tốt hơn vai trò bảo vệ người gửi tiền và hỗ trợ cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng**/ Đào Minh Tú// Ngân hàng .- 2020 .- Số 17 .- Tr. 2-5.

**Nội dung**: Thông lệ, chuẩn mực quốc tế; thực tế Việt Nam; Sự cần thiết phải điều chỉnh hạn mức bảo hiểm tiền gửi; Mức bảo hiểm tiền gửi cần điều chỉnh tăng bao nhiêu là phù hợp.

**Từ khoá**: Bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng

**30. Ngân hàng số : hướng đi bền vững cho các ngân hàng thương mại Việt nam trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0**/ Nguyễn Thị Như Quỳnh, Lê Đình Luân// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 23 .- Tr. 18-21.

**Nội dung**: Khái quát một số nét chính về khái niệm và sự phát triển của ngân hàng số, phân tích thực trạng triển khai ngân hàng số tại các NHTM Việt Nam và để ra một số khuyến nghị để triển khai áp dụng ngân hàng số.

**Từ khoá:** Ngân hàng số, ngân hàng thương mại, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4

**31. Nhân tố tác động đến tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam/** Nguyễn Văn Thọ, Nguyễn Ngọc Linh// Ngân hàng .- 2020 .- Số 19 .- Tr. 18-25.

**Nội dung**: Trình bày tình hình tín dụng ngân hàng trong nền kinh tế; các nhân tố tác động đến tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng thương mại; mô hình, dữ liệu và phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu; một số kiến nghị; hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo.

**Từ khoá**: Nhân tố tác động, tăng trưởng tín dụng, ngân hàng thương mại Việt Nam

**32. Những vấn đề cần trao đổi xung quanh việc sử dụng ví điện tử**/ Nguyễn Thị Đoan Trang// Tài chính.- 2020 .- Số 732.- Tr.126 - 128.

**Nội dung:** Ví điện tử là một phương tiện thanh toán rất phổ biến hiện nay, tuy nhiên, nhiều người vẫn chưa nắm được tính năng, ưu nhược điểm của loại hình thanh toán hiện đại này cũng như các qui định liên quan. Để triển khai rộng rãi phương thức thanh toán ví điện tử trước những yêu cầu thực tiễn, năm 2019, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư số 23/2019/TT-NHNN sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư só 39/2014/TT-NHNN hướng dẫn dịch vụ trung gian thanh toán. Bài viết này, làm rõ khái niệm ví điện tử và những qui định mới được Ngân hàng Nhà nước đưa ra nhằm đưa ví điện tử ngày càng phát triển và được sử dụng rộng rãi hơn. Từ khoá: Ví điện tử, Ngân hàng Nhà nước, thanh toán, giao dịch

**33. Nợ công của Trung Quốc trong bối cảnh Covid-19 và một số khuyến nghị**/ Trần Thế Sao, Phạm Thị Phương Thảo// Ngân hàng .- 2020 .- Số 15 .- Tr. 50-54.

**Nội dung**: Đề cập đến nợ công của Trung Quốc và một số khuyến nghị đối với Việt Nam.

**Từ khoá**: Nợ công, Trung Quốc, Covid-19

**34. Nỗi lo khủng hoảng nợ tại các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển, một số khuyến nghị chính sách**/ Nguyễn Thị Thúy Linh// Ngân hàng .- 2020 .- Số 17 .- Tr. 56-60.

**Nội dung:** Tổng quan nợ tại các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển trên thế giới; các sóng nợ trong lịch sử, một số khuyến nghị chính sách.

**Từ khoá**: Khủng hoảng nợ, nền kinh tế mới nổi, khuyến nghị chính sách

**35. Phát triển bền vững hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Quốc Việt// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 205 .- Tr. 77-80.

**Nội dung**: Thực trạng phát triển bền vững hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam; một số đề xuất nhằm phát triển bền vững hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khoá:** Hệ thống ngân hàng thương mại, phát triển bền vững

**36. Phát triển ngân hàng số cho các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Thế Anh// Ngân hàng .- 2020 .- Số 17 .- Tr. 21-27.

**Nội dung**: Trình bày khái niệm và lợi ích của ngân hàng số, thực trạng triển khai NHS tại Việt Nam, những rào cản và nguyên nhân, giải pháp và kiến nghị.

**Từ khoá:** Phát triển ngân hàng sô, ngân hàng thương mại Việt Nam

**37. Phát triển nghiệp vụ ngân hàng cá nhân tại Việt Nam**/ Trần Thị Vân Anh// Ngân hàng .- 2020 .- Số 22 .- Tr. 23-29.

**Nội dung**: Quá trình hình thành Nghiệp vụ ngân hàng cá nhân; Khái niệm, đặc điểm và vai trò của nghiệp vụ ngân hàng cá nhân; Một số sản phẩm và dịch vụ của nghiệp vụ ngân hàng cá nhân; Thực trạng và khả năng phát triển nghiệp vụ ngân hàng cá nhân tại Việt Nam.

**Từ khoá:** Phát triển, nghiệp vụ ngân hàng cá nhân, Việt Nam

**38. Phát triển thị trường vốn của Việt Nam trong khuôn khổ hội nhập ASEAN/** Hoàng Văn Tiến// Tài chính.- 2020 .- Số 733.- Tr.7-10.

**Nội dung:** Bài viết này nghiên cứu sự phát triển thị trường vốn Việt Namtrong điều kiện hội nhập tài chính ASEAN, bằng phương pháp thống kê, mô tả, đánh giá, thu thập số liệu từ Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các tổ chức quốc tế và các nghiên cứu liên quan trong gia đoạn 2010-2019. Trên cơ sở đó, tác giả khái quát tình hìnhphats triển thị trường vốncuae Việt Nam trong khuôn khổ hội nhập tài chính ASEAN, phân tích cơ hội, thách thức khi hội nhập cộng đồng kinh tế ASEAN, từ đó đưa ra triển vọng của thị trường vốn Việt Nam khi hội nhập tài chính.

**Từ khoá:** ASEAN, Việt Nam,thị trường vốn, cộng đồng kinh tế

**39. Phòng chống rửa tiền trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: kinh nghiệm của Singapore và bài học đối với Việt Nam**/ Đặng Thị Nhàn, Vương Phương Linh// Ngân hàng .- 2020 .- Số 19 .- Tr. 41-46.

**Nội dung**: Trình bày các quy định về phòng chống rửa tiền trong lĩnh vực tài chính ngân hàng của Singapore và một số bài học rút ra từ kinh nghiệm của Singapore.

**Từ khoá:** Phòng chống rửa tiền, tài chính ngân hàng

**40. Phương pháp tính chỉ số chất lượng dịch vụ ngân hàng**/ Trần Thị Ngọc Tú// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 206 .- Tr. 55-59.

**Nội dung:** Khái niệm chỉ số tổng hợp ; xác định phương pháp tính chỉ số chất lượng dịch vụ ngân hàng; phương pháp tính chỉ số chất lượng dịch vụ ngân hàng.

**Từ khoá**: Chất lượng dịch vụ, chỉ số

**41. Quản lý của ngân hàng nhà nước đối với rủi ro thanh khoản của các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**/ Dương Thị Yến, Nguyễn Thị Hồng Yến// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 570 (Tháng 08/2020) .- Tr. 25-27.

**Nội dung**: Bài viết giới thiệu về ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn; Thực trạng quản lý của NHNN Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn đối với rủi ro thanh khoản của các NHTM trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; đưa ra một số đánh giá và giải pháp nhằm góp phần vào thành công chung của ngân hàng.

**Từ khóa**: ngân hàng nhà nước, rủi ro thanh khoản, ngân hàng thương mại

**42. Quản lý, giám sát công nghệ tài chính trong lĩnh vực chứng khoán**/ Trần Trọng Triết// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 23 .- Tr. 40-44.

**Nội dung**: Bài viết tham khảo kinh nghiệm quản lý, giám sát Fintech của một số nước trên thế giới, rút ra một số bài học kinh nghiệm và đề xuất về cách thức tổ chức, khung pháp lý, chính sách và cơ chế hỗ trợ cho hoạt động ứng dụng Fintech tại TTCK Việt Nam.

**Từ khoá**: Quản lý, giám sát công nghệ tài chính, chứng khoán

**43. Quản trị quan hệ khách hàng của ngân hàng thương mại**/ Nguyễn Hoàng Giang, Phạm Thị Vân Anh, Bùi Trần Huy Khánh// Ngân hàng .- 2020 .- Số 18 .- Tr. 20-28.

**Nội dung**: Trình bày cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu; Nghiên cứu điển hình hoạt động CRM tại Trung tâm hỗ trợ khách hàng VCB; Đánh giá hiệu quả hoạt động CRM củaTrung tâm hỗ trợ khách hàng VCB; Bài học kinh nghiệm.

**Từ khoá**: Quản trị quan hệ khách hàng, ngân hàng thương mại

**44. Quản lý rủi ro tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các chi nhánh ngân hàng TMCP Hàng Hải trên địa bàn bốn tỉnh miền núi phía Bắc**/ Nguyễn Hoàng Điệp, Nguyễn Thị Hồng Yến// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 570 (Tháng 08/2020) .- Tr. 78-80.

**Nội dung**: Bài viết giới thiệu chung về các Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam; Thực trạng và đánh giá về quản lý rủi ro tín dụng đối với DNNVV tại các chi nhánh Ngân hàng TMCP Hàng Hải trên địa bàn bốn tỉnh miền núi phía Bắc; từ đó đưa ra các giải pháp tăng cường quản lý rủi ro tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Từ khóa**: Quản lý rủi ro, tín dụng, doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngân hàng thương mại

**45. Quản trị dữ liệu tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Bùi Trần Huy Khánh // Tài chính Doanh nghiệp .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 28-31

**Nội dung**: Bài viết nhằm mục đích tìm hiểu về Basel II và yêu cầu về quản trị dữ liệu tại các ngân hàng thương mại Việt Nam. Đồng thời, nghiên cứu nhằm phân tích thực trạng công tác quản trị dữ liệu, từ đó đưa ra một số giải pháp, khuyến nghị từ Ngân hàng Nhà nước, cũng như các ngân hàng thương mại Việt Nam nhằm quản trị dữ liệu hiệu quả góp phần thực hiện thành công Basel II tại các ngân hàng thương mại Việt Nam

**Từ khóa**: Basel II, ngân hàng thương mại, quản trị dữ liệu

**46. Tác động của dịch Covid-19 đến thu ngân sách và điều chỉnh chính sách thu ngân sách tại một số quốc gia trên thế giới**/ Hồ Ngọc Tú// Ngân hàng .- 2020 .- Số 24 .- Tr. 41-46.

**Nội dung**: Phân tích tác động của dịch Covid-19 đến thu đến thu ngân sách và điều chỉnh chính sách thu ngân sách trong thời gian qua tại một số quốc gia trên thế giới, từ đó đưa ra một số khuyến nghị đối với Việt Nam.

**Từ khoá**: Dịch Covid-19, thu ngân sách

**47. Tác động của giao dịch ngoại bảng đến lợi nhuận của ngân hàng thương mại tại Việt Nam/** Phạm Thị Hoàng Anh, Thân Thị Hạ, Lại Thu Hằng// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 282 .- Tr. 2-11.

**Nội dung**: Bài nghiên cứu nhằm đánh giá tác động của hoạt động ngoại bảng tới lợi nhuận cũng như vai trò của hoạt động ngoại bảng trong xu hướng dịch chuyển từ thu nhập từ lãi sang thu nhập phi lãi của các ngân hàng thương mại Việt Nam, giai đoạn 2013-2019. Nghiên cứu tìm ra bằng chứng thực nghiệm từ mô hình hồi quy dữ liệu bảng cho thấy giao dịch ngoại bảng tăng sẽ góp phần cải thiện nguồn thu ngoài lãi tại các ngân hàng thương mại Việt Nam, nhưng không làm tăng tổng lợi nhuận của ngân hàng thương mại Việt Nam. Nói cách khác, giao dịch ngoại bảng có vai trò tích cực trong thay đổi cơ cấu thu nhập từ thu nhập từ lãi sang thu nhập phi lãi tại ngân hàng thương mại. Nói cách khác kết luận này cho thấy giao dịch ngoại bảng kì vọng giúp cơ cấu thu nhập của ngân hàng thương mại Việt Nam hợp lý hơn, ổn định hơn. Nghiên cứu cũng cho thấy các yếu tố vĩ mô như tăng trưởng kinh tế, lãi suất, tổng tài sản có tác động tích cực đến lợi nhuận của ngân hàng thương mại.

**Từ khoá**: Ngân hàng thương mại, hoạt động ngoại bảng, lợi nhuận, Việt Nam

**48. Tác động của Hiệp định EVFTA đến lĩnh vực tài chính - ngân hàng/** Đặng Thị Phượng, Nguyễn Thị Cẩm Nhung// Tài chính.- 2020 .- Số 732.- Tr.53 – 56.

**Nội dung:** Theo các chuyên gia tài chính ngân hàng, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam- Liên minh Châu Âu (EVFTA) là cơ hội góp phần vực dậy nền kinh tế Việt Nam nhanh hơn thời kỳ hậu dịch Covid -19. EVFTA cũng là động lực để phát triển dịch vụ tài chính hiện đại tại Việt Nam, đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Tuy nhiên, Hiệp định cũng sẽ đặt ra không ít thách thức đối với lĩnh vực tài chính - ngân hàng Việt Nam. Bài viết trao đổi về tác động, cơ hội và thách thức mà Hiệp định EVFTA mang lại đối với lĩnh vực kinh tế tài chính, đồng thời kiến nghị một số giải pháp trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Tài chính - ngân hàng, EVFTA, lĩnh vực kinh tế

**49. Tác động của rủi ro tín dụng đến tỷ suất sinh lời tại các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam có hoạt động sáp nhập**/ Phan Thị Thu Hà, Trần Thị Thanh Diệu// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 277 .- Tr. 24-34.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu về tác động của rủi ro tín dụng đến tỷ suất sinh lời tại các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam có hoạt động sáp nhập. Các tác giả sử dụng mẫu nghiên cứu gồm 8 ngân hàng thương mại có hoạt động sáp nhập, thời gian nghiên cứu từ năm 2009 đến 2018 và phương pháp ước lượng bình phương tối thiểu tổng quát (GLS). Kết quả nghiên cứu cho thấy rủi ro tín dụng có tác động tiêu cực đến tỷ suất sinh lời và tác động này có xu hướng giảm nhẹ sau khi các ngân hàng thực hiện sáp nhập. Đồng thời, các tác giả cũng chỉ ra rằng tỷ suất sinh lời của các ngân hàng sau sáp nhập có xu hướng suy giảm so với trước sáp nhập.

**Từ khoá**: Rủi ro tín dụng, sáp nhập, tỷ suất sinh lời, Việt Nam

**50. Tác động của thông tin về dịch bệnh Covid-19 đến giá cổ phiếu ngân hàng trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Lưu Ánh Nguyệt// Ngân hàng .- 2020 .- Số 20 .- Tr. 37-42.

**Nội dung**: Nghiên cứu phản ứng của thị trường đối với cổ phiếu ngành Ngân hàng trên thị trường chứng khoán VN với các thông tin công bố liên quan tới dịch bệnh Covid-19 trong thời gian từ 23/9/2019 đến 31/8/2020 bằng phương pháp nghiên cứu sự kiện.

**Từ khoá**: Thông tin về dịch bệnh Covid-19, giá cổ phiếu ngân hàng, thị trường chứng khoán Việt Nam

**51. Tác động từ dịch vụ ngân hàng điện tử đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Hồng Nhung, Nguyễn Kim Đức// Ngân hàng .- 2020 .- Số 23 .- Tr. 24-30.

**Nội dung**: Trình bày cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu; Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu; kết quả nghiên cứu; một số đề xuất phát triển dịch vụ DB tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Dịch vụ ngân hàng điện tử, hiệu quả hoạt động, ngân hàng thương mại Việt Nam

**52. Tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động cho vay ngang hàng tại Việt Nam** / Phạm Huyền Trang// Tài chính.- 2020 .- Số 732.- Tr.50 – 52.

**Nội dung:** Hoạt động cho vay ngang hàng(P2P Lending) tiếp tục có xu hướng phát triển mạnh tại Việt Nam. Theo thống kê, hiện nay có khoảng 40 công ty P2P Lending đang hoạt động ở Việt Nam, trong đó có 10 công ty Trung Quốc, một số công ty từ Indonesia và Sigapore. Bên cạnh ưu điểm, thì hoạt động cho vay ngang hàng đã xuất hiện những hoạt động biến tướng, vi phạm pháp luật lĩnh vực ngân hàng tài chính. Để hạn chế tối đa các rủi ro có thể xảy ra việc tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động cho vay ngang hàng là rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khoá:** Cho vay ngang hàng, P2P Lending, ngân hàng, trực tuyến

**53. Thách thức của ngân hàng khi hiện thực hóa EKYC**/ Phạm Thị Thanh Vân// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 208 .- Tr. 54-58.

**Nội dung**: Tìm hiểu chung về eKYC và những lợi ích và khó khăn khi hiện thực hóa eKYC.

**Từ khoá**: eKYC, định danh khách hàng điện tử, ngân hàng, thách thức

**54. Thanh tra, giám sát ngân hàng : thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động**/ Đoàn Thái Sơn// Ngân hàng .- 2020 .- Số 17 .- Tr. 14-20.

**Nội dung**: Đề cập đến thực trạng hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng trong giai đoạn 2011-2019 và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động TTGSNH trong giai đoạn tiếp theo.

**Từ khoá**: Thanh tra, giám sát ngân hàng, hiệu quả hoạt động

**55. Tháo gỡ vướng mắc về xử lý nợ xấu, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế/** Hà Thị Sáu// Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.50 - 52.

**Nội dung:** Trong nhiều năm qua, hệ thống Ngân hàng đã đạt được những kết quả rất quan trọng về xử lý nợ xấu, khai thông hàng trăm ngàn tỷ đồng nợ đọng đưa vào đầu tư cho tăng trưởng kinh tế. Đặc biệt, từ giữa năm 2017, việc thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng đã tạo ra những chuyển biến tích cực trong nâng cao năng lực tài chính cho ngân hàng thương mại. Mục tiêu cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 đạt được nhiều bước tiến lớn. Tuy nhiên, trong thực tiễn đang tiếp tục phát sinh những khó khăn, vướng mắc cần được tháo gỡ để hoạt động xử lý nợ xấu đạt được hiệu quả cao hơn, khai thông dòng vốn tín dụng ngân hàng đầu tư cho tăng trưởng bền vững nền kinh tế.

**Từ khoá:** Xử lý nợ xấu, khai thông dòng vốn, tín dụng ngân hàng

**56. Thị trường liên ngân hàng Việt Nam**/ Lê Minh Thu// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 206 .- Tr. 32-35.

**Nội dung:** Tập trung phân tích diễn biến của Thị trường liên ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2015-2019. Từ đó, đề xuất khuyến nghị chính sách đối với các cơ quan quản lý.

**Từ khoá:** Thị trường liên ngân hàng, thanh khoản

**57. Thực thi có hiệu quả chính sách bảo hiểm tiền gửi để góp phần phát triển bền vững hệ thống quỹ tín dụng nhân dân ở Việt Nam**/ Nguyễn Đình Lưu và Ban nghiên cứu nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ năm 2019// Ngân hàng .- 2020 .- Số 23 .- Tr. 36-41.

**Nội dung**: Vài nét về thực trạng hệ thống QTDND; vai trò của tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong hỗ trợ phát triển bền vững hệ thống quỹ tín dụng nhân dân ở Việt Nam; khó khăn, vướng mắc; một số giải pháp nhằm thực thi có hiệu quả chính sách bảo hiểm tiền gửi để góp phần phát triển bền vững hệ thống quỹ tín dụng nhân dân ở Việt Nam đến năm 2025.

**Từ khoá:** Chính sách bảo hiểm tiền gửi, phát triển bền vững, hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, Việt Nam

**58. Thực trạng nợ xấu và giải pháp quản lý nợ xấu tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Trần Thị Diện, Trần Phạm Trác// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 208 .- Tr. 45-48.

**Nội dung:** Chính sách quản lý nợ xấu tại các ngân hàng thương mại Việt Nam; thực trạng nợ xấu tại các ngân hàng thương mại Việt Nam; giải pháp quản lý nợ xấu tại các ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khoá**: Nợ xấu, rủi ro tín dụng, tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại, ngân hàng nhà nước

**59. Thực trạng tài sản đảm bảo là bất động sản tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Dương Thị Hoàn, Nguyễn Phước Cung// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 208 .- Tr. 68-72.

**Nội dung**: Trình bày thực trành tài sản đảm bảo tại các ngân hàng thương mại Việt Nam năm 2019; ưu điểm và nhược điểm của việc tiếp nhận, định giá và xử lý nợ xấu bất động sản là tài sản đảm bảo tại các ngân hàng thương mại Việt Nam; đề xuất giải pháp tiếp nhận, định giá và xử lý nợ xấu bất động sản là tài sản đảm bảo tại các ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khoá**: Bất động sản, ngân hàng thương mại, nợ xấu, tài sản đảm bảo, tín dụng

**60. Thực trạng và giải pháp phát triển ngân hàng số ở Việt Nam/** Phạm Thế Hùng, Trần Thị Lan Hương, Vũ Thị Tuyết Nhung// Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.44 - 46.

**Nội dung:** Dưới áp lực cạnh tranh và làn sóng số hóa ngân hàng trên toàn thế giới, các ngân hàng buộc phải đổi mới, số hóa các mảng hoạt động để bắt kịp xu thế ngân hàng số trong bối cảnh mới. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai hoạt động chuyển đổi số của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam phải đối diện với nhiều thách thức, trong đó đặc biệt là vấn đề bảo mật, kiểm soát rủi ro, bảo vệ thông tin khách hàng . Bài viết trao đổi về thực trạng phát triển ngân hàng số tại Việt Nam hiện nay, từ đó kiến nghị một số giải pháp nhằm thúc đẩy xu thế này phát triển trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Ngân hàng số, ngân hàng thương mại, kiểm soát rủi ro, bảo vệ thông tin

**61. Tiền kỹ thuật số của ngân hàng Trung ương và một số đề xuất nghiên cứu, triển khai ở Việt Nam**/ Nghiêm Thanh Sơn, Nguyễn Trung Anh, Trần Quang Hưng// Ngân hàng .- 2020 .- Số 17 .- Tr. 52-55.

**Nội dung**: Tổng quan về tiền kỹ thuật số của ngân hàng Trung ương; tình hình nghiên cứu, phát triển CBDC trên thế giới; Đề xuất cho nghiên cứu và triển khai ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Tiền kỹ thuật số, ngân hàng Trung ương

**62. Tiền kỹ thuật số Ngân hàng Trung ương : ưu và nhược điểm từ các nghiên cứu của một số quốc gia**/ Nguyễn Thanh Thụy, Trần Thị Huế// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 568 .- Tr. 67-69.

**Nội dung**: Trình bày những ưu điểm và nhược điểm của một đồng CBDC dựa trên những dự án nghiên cứu về việc phát hành CBDC của một số quốc gia như Thụy Sĩ, Canada, ...Từ đó đề xuất nguyên tắc thiết kế một CBDC phù hợp với chức năng của ngân hàng trung ương là người vay cuối cùng.

**Từ khoá**: Tiền kỹ thuật số, Ngân hàng Trung ương

**63. Trải nghiệm khách hàng trong môi trường công nghệ số của ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Phùng Thị Thủy// Ngân hàng .- 2020 .- Số 20 .- Tr. 25-29.

**Nội dung**: Tập trung vào nhận diện và phân tích các yếu tố góp phần vào trải nghiệm của khách hàng trong môi trường công nghệ số: điểm tiếp xúc trong môi trường số, quá trình trải nghiệm và môi trường trải nghiệm.

**Từ khoá**: Trải nghiệm khách hàng, môi trường công nghệ số, ngân hàng thương mại Việt Nam

**64. Trích lập dự phòng trong bối cảnh nợ xấu của ngân hàng thương giai đoạn hiện nay**/ Ngô Thị Kiều Trang, Mai Thị Quỳnh Như// Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.47 - 49.

**Nội dung:** Nợ xấu đã và đang tác động tiêu cực đến việc lưu thông dòng vốn vào nền kinh tế và tính an toàn, hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại. Trước tình hình này, các ngân hàng đã tiến hành trích lập dự phòng để có nguồn tài chính ổn định nhằm bù đắp tổn thất có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh, đồng thời bảo toàn nguồn vốn kinh doanh của ngân hàng.

**Từ khoá:** Lập dự phòng, nợ xấu, ngân hàng thương mại.

**65. Ứng dụng công nghệ cao trong hoạt động giám sát hệ thống ngân hàng : từ kinh nghiệm thế giới đến thực tiễn tại Việt Nam**/ Phan Mạnh Cường, Nguyễn Thị Cảm Bình// Ngân hàng .- 2020 .- Số 24 .- Tr. 2-8.

**Nội dung**: Thế giới ứng dụng CNTT vào hoạt động giám sát ngân hàng như thế nào; thực trạng áp dụng CNTT hiện đại đối với hệ thống các tổ chức tín dụng tại Việt Nam; một số vấn đề cần lưu ý; một số giải pháp áp dụng công nghệ cao vào hoạt động giám sát ngân hàng tại Việt Nam.

**Từ khoá:** Ứng dụng công nghệ cao, hoạt động giám sát, hệ thống ngân hàng

**66. Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động nghiệp vụ lưu ký giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước**/ Nguyễn Vân Anh và nhóm nghiên cứu// Ngân hàng .- 2020 .- Số 20 .- Tr. 18-24.

**Nội dung**: Đề cập đến việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động nghiệp vụ lưu ký giấy tờ có giá trị tại NHNN, cụ thể là tiếp nhận yêu cầu lưu ký giấy tờ có giá từ thành viên quan mạng dưới hình thức chứng từ điện tử, hướng tới tin học hóa toàn bộ quy trình thực hiện các nghiệp vụ lưu ký giấy tờ có giá tại NHNN.

**Từ khoá:** Ứng dụng công nghệ thông tin, hoạt động nghiệp vụ lưu ký giấy tờ có giá, Ngân hàng Nhà nước

**67. Vai trò của Ngân hàng nhà nước Việt Nam trong việc quản lý nhà nước đối với các ngân hàng thương mại**/ Phạm Thái Hà// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 208 .- Tr. 18-21.

**Nội dung**: Trình bày cơ hội và thách thức mới từ cuộc cách mạng 4.0; chiến lược phát triển của ngành ngân hàng định hướng đến năm 2030; giải pháp tăng cường quản lý nhà nước của Ngân hàng nhà nước Việt Nam đối với hoạt động của các ngân hàng thương mại.

**Từ khoá:** Ngân hàng nhà nước, ngân hàng thương mại, cuộc cách mạng 4.0

**68. Vai trò của vốn xã hội đến tiếp cận tín dụng của các doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa**/ Bùi Xuân Biên, Hoàng Trần Hậu, Nguyễn Thị Thúy Nga, Trần Thị Phương Dịu// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 279 .- Tr. 12-19.

**Nội dung**: Nghiên cứu điều tra tác động của vốn xã hội đối với việc tiếp cận tài chính của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam. Sử dụng mô hình kinh tế lượng vi mô với dữ liệu mảng SMEs trong giai đoạn 2009-15, kết quả cho thấy rằng các doanh nhân dành nhiều thời gian hơn cho các mối quan hệ xã hội có nhiều khả năng nhận được khoản vay từ các ngân hàng thương mại và các khoản vốn phi chính thức. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng khi chủ doanh nghiệp là đảng viên cũng giúp cải thiện tiếp cận tín dụng. Những mối quan hệ tích cực giữa vốn xã hội và tiếp cận tài chính của các doanh nghiệp vừa và nhỏ khuyến nghị các doanh nghiệp cần cải thiện và nâng cao hơn nữa chất lượng của mạng lưới.

**Từ khoá**: Vốn xã hội, tiếp cận tín dụng, SMEs

**69. Ví kỹ thuật số và thực trạng tại Việt Nam**/ Vũ Mai Chi, Tống Thùy Trang// Ngân hàng .- 2020 .- Số 20 .- Tr. 30-36.

**Nội dung**: Tổng quan về ví kỹ thuật số và mô hình ví kỹ thuật số tại một số quốc gia; thực trạng phát triển ví thanh toán số tại Việt Nam thời gian qua; một số khuyến nghị phát triển ví kỹ thuật số tại VN.

**Từ khoá**: Ví kỹ thuật số

**70. Xu hướng gia tăng dữ liệu và khuyến nghị cho các ngân hàng tại Việt Nam**/ Lại Thị Thanh Loan// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 23 .- Tr. 22-27.

**Nội dung**: Bài viết điểm lại xu hướng gia tăng của dữ liệu toàn cầu và tại Việt Nam, chia sẻ kinh nghiệm khai thác dữ liệu tại các doanh nghiệp trên thế giới, từ đó đưa ra một số khuyến nghị cho các ngân hàng Việt Nam để tối ưu hóa được hoạt động quản trị dữ liệu.

**Từ khoá**: Quản trị dữ liệu, giám đốc điều hành dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây

**71. Xu hướng phát triển xã hội không tiền mặt trong cuộc cách mạng công nghệ ngân hàng số : thực trạng và giải pháp của Việt Nam**/ Đặng Hà Giang// Ngân hàng .- 2020 .- Số 15 .- Tr. 18-22.

**Nội dung**: Xu hướng phát triển xã hội không dung tiền mặt; triển khai của ngành ngân hàng Việt Nam; kết luận và khuyến nghị giải pháp.

**Từ khoá**: Không dùng tiền mặt, cuộc cách mạng công nghệ, ngân hàng số

**72. Yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập lãi cận biên của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam**/ Nguyễn Đình An, Tô Thị Hồng Gấm// Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.116 - 118.

**Nội dung:** Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết và các nghiên cứu định lượng trước đây, nhóm tác giả bài viết này xây dựng mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập lãi cận biên của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam. Với kết quả nghiên cứu đã đạt được, kết hợp với tình trạng thực tiễn kinh tế và hoạt động của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam hiện nay, nhóm tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm cải thiện thu nhập lãi cận biên cho các ngân hàng này trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Ngân hàng thương mại cổ phần, thu nhập cận biên, kinh tế.

**73. Yếu tố tác động đến tỷ lệ thu nhập lãi cận biên của các ngân hàng thương mại Việt Nam**?/ Đào Lê Kiều Oanh, Nguyễn Hồng Quân// Tài chính.- 2020 .- Số 733.- Tr.58 - 61.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu định lượng các yếu tố tác động đến tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM) của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Nhóm tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu bằng cách thu nhập dữ liệu tại 25 ngân hàng thương mại tại Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2011-2016. Kết quả cho thấy, qui mô ngân hàng, chi phí hoạt động, chi phí lãi ngầm, mức ngại rủi ro, rủi ro tín dụng, chất lượng quản lý có quan hệ đồng biến và tác động đáng kể đến tỷ lệ thu nhập lãi cận biên, trong khi đó tăng trưởng kinh tế quan hệ nghịch biến với tỷ lệ thu nhập lãi cận biên .

**Từ khoá:** Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên, NIM, ngân hàng thương mại, Việt Nam

**CHÍNH TRỊ**

**1.** **Ảnh hưởng của một số học thuyết triết học châu Âu hiện đại tới sự hình thành tư tưởng triết học của Trần Đức Thảo/** Bùi La Hương// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 12(243) .- Tr. 59-69.

**Nội dung:** Phân tích những ảnh hưởng của bốn học thuyết: hiện tượng học Hussrel, chủ nghĩa hiện sinh, phân tâm học Freud và Chủ nghĩa Mác – Leenin tới sự hình thành tư tưởng triết học của Trần Đức Thảo.

**Từ khóa:** Tiền đề lý luận, hiện tượng học, chủ nghĩa hiện sinh, Trần Đức Thảo, chủ nghĩa Mác - Lênin

**2.** **Bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay/** Trịnh Xuân Ngọc// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 89-98.

**Nội dung:** Phân tích sự cần thiết khách quan, thực trạng và giải pháp bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khóa:** Chủ nghĩa Mác – Lê-nin, Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh

**3.** **Các quan điểm chỉ đạo trong Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XIII của Đảng/** Trần Văn Phòng// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2021 .- Số 1 .- Tr. 3-9.

**Nội dung:** Phân tích quan điểm chỉ đạo tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới của Đảng trong giai đoạn tới được đưa ra trong Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XIII của Đảng.

**Từ khóa:** Dự thảo Báo cáo chính trị, Đại hội XIII của Đảng, quan điểm chỉ đạo

**4.** **Đảng cộng sản Trung Quốc củng cố vai trò chủ đạo của ý thức hệ XHCN từ cải cách mở cửa đến nay/** Nguyễn Trọng Bình// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 11(231) .- Tr. 3-13.

**Nội dung:** Trên cơ sở khái lược các trào lưu tử tưởng ngoài chủ nghĩa Mác-Lênin ở Trung Quốc hiện nay, bài viết đề cập đến việc củng cố vai trò chỉ đạo của ý thức XHCN trong bối cảnh xuất hiện nhiều trào lưu tư tưởng ngoài chủ nghĩa Mác-Lênin.

**Từ khóa:** Ý thức hệ XHCN, Đảng cộng sản Trung Quốc, trào lưu tư tưởng

**5.** **Giáo hội Phật giáo Việt Nam với chính sách ăn sinh xã hội/** Trần Văn Thành// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 30-39.

**Nội dung:** Nêu lên quan điểm của Việt Nam về an sinh xã hội và chính sách an sinh xã hội của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

**Từ khóa:** An sinh xã hội, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phật giáo

**6.** **Nhận thức của Đảng cộng sản Trung Quốc về mâu thuẩn xã hội chủ yếu hiện nay/** Nguyễn Mai Phương, Trần Thùy Chi// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 9(229) .- Tr. 3-12.

**Nội dung:** Phân tích những chuyển biến trong nhận thức của Đảng cộng sản Trung Quốc về mâu thuẩn xã hội chủ yếu hiện nay, nhận diện nội hàm về nhu cầu cuộc sống ngày càng tốt đẹp của người dân, sự phát triển không công bằng và không đầy đủ hiện nay ở nước này.

**Từ khóa:** Mâu thuẩn xã hội chủ yếu, Đảng cộng sản Trung Quốc, vấn đề xã hội, phát triển không công bằng và không đầy đủ

**7.** **Phật giáo thời Lý với đảm bảo an sinh xã hội/** Trần Đức Cường, Nguyễn Thị Thơm// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 7-13.

**Nội dung:** Tìm hiểu sự hình thành và phát triển của Phật giáo trở thành Quốc giáo ở thời Lý. Phân tích vai trò của Phật giáo với đảm bảo an sinh xã hội cho sự phát triển bền vững của nhà nước Đại Việt

**Từ khóa:** An sinh xã hội, Phật giáo, triều Lý

**8.** **Phát triển lý luận của Đảng về mô hình xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam/** Vũ Văn Phúc// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 3-16.

**Nội dung:** Phân tích quá trình hình thành đường lối đổi mới cũng là quá trình hình thành lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về mô hình Xã hội Chủ nghĩa và con đường đi lên Chỉ nghĩa Xã hội ở Việt Nam, bổ sung hoàn thiện, phát triển đường lối đổi mới. Qua đó khái quát những thành tựu lý luận của Đảng về mô hình Xã hội Chủ nghĩa ở Việt Nam qua gần 35 năm đổi mới.

**Từ khóa:** Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, Đẳng Cộng sản Việt Nam, mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa

**9.** **Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lê-nin về nhà nước và sự vận dụng ở Việt Nam/** Vũ Văn Phúc// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 34-39.

**Nội dung:** Phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê-nin về nhà nước và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Từ khóa:** Chủ nghĩa Mác – Lê-nin, Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước

**10.** **Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua/** Nguyễn Thế Anh// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 133-140.

**Nội dung:** Khái quát một số đặc tính của thi đua gồm: bản tính tự nhiên của con người, tính tất yếu, tính toàn diện, tính tự giác và tự thi đua.

**Từ khóa:** Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chủ nghĩa Mác – Lênin, thi đua

**11.** **Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về dân chủ trong sự nghiệp đổi mới/** Đỗ Thị Kim Hoa// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 14-23.

**Nội dung:** Phân tích quan điểm của Đảng về dân chủ trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, qua đó thấy được tính cấp tiến, tính tiên phong và vai trò dẫn dắt của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp xây dựng đất nước.

**Từ khóa:** Công cuộc đổi mới, dân chủ, Đảng Cộng sản Việt Nam, thực hành dân chủ

**12.** **Quan điểm của V.I Lê-nin về dân chủ, dân chủ vô sản và ý nghĩa của quan điểm đó trong thế giới hiện nay/** Nguyễn Thị Lan Hương// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 33-42.

**Nội dung:** Tập trung làm rõ những nội dung chủ yếu trong quan điểm của V.I Lê-nin về dân chủ, dân chủ vô sản và ý nghĩa của quan điểm đó trong thế giới hiện nay.

**Từ khóa:** V.I. Lê-nin, dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ vô sản

**13.** **Quan niệm của C. Mác về chế độ sở hữu và vấn đề đổi mới chế độ sở hữu ở Việt Nam/** Võ Đại Lược// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 15-23.

**Nội dung:** Bàn về quan niệm của C. Mác về chế độ sở hữu và vấn đề đổi mới chế độ sở hữu ở Việt Nam. Sở hữu theo C. Mác là sự phản ánh quan hệ của con người với những điều kiện khách quan của sản xuất và do đó quy định việc phân phối những kết quả của sản xuất.

**Từ khóa:** C. Mác, chế độ sở hữu, Việt Nam

**14.** **Quan niệm của Ph. Ăng-ghen về sự thống nhất giữa con người với tự nhiên và sự vận dụng ở Việt Nam hiện nay/** Hoàng Thu Trang// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 96-104.

**Nội dung:** Tập trung phân tích quan niệm của Ph. Ăng-ghen về sự thống nhất của con người với tự nhiên và sự vận dụng của Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Ph. Ăng-ghen, biến đổi khí hậu, con người

**15.** **Tầm nhìn thời đại của Hồ Chí Minh về giáo dục/** Trần Thị Minh Tuyết, Nguyễn Thị Phương Thảo// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 106-113.

**Nội dung:** Phân tích tầm nhìn thời đại trong một số quan điểm về giáo dục của Hồ Chí Minh bằng cách chỉ ra tính tiên phong và sự tương thích của các quan điểm ấy so với lý luận giáo dục hiện đại và yêu cầu của thực tiễn hiện nay.

**Từ khóa:** Hồ Chí Minh, quan điểm giáo dục, tầm nhìn thời đại

**16.** **Tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về đại đoàn kết toàn dân tộc/** Lê Trọng Tuyến// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 36-44.

**Nội dung:** Phân tích, khẳng định sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc qua các kỳ đại hội. Nêu lên những vấn đề cần tăng cường và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa:** Đại đoàn kết dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam, tư duy lý luận

**17.** **Tư tưởng biện chứng trong triết học Đạo gia thời kỳ Tiên Tần/** Võ Văn Dũng// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 40-46.

**Nội dung:** Phân tích một số vấn đề về tư tưởng biện chứng trong triết học Đạo gia thời kỳ Tiên Tần, tư tưởng này đã để lại những di sản quý báu và góp phần làm phong phú thêm lịch sử phát triển nhận thức của nhân loài nói chung và Trung Quốc nói riêng.

**Từ khóa:** Đạo gia, thời kỳ Tiên Tần, triết học, tư tưởng biện chứng

**18.** **Tư tưởng của V.I Lê-nin về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga và ý nghĩa đối với Việt Nam/** Đào Thị Minh Thảo// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 43-53.

**Nội dung:** Nghiên cứu về tư tưởng của V.I Lê-nin về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga và sự vận dụng vào việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Tư tưởng của V.I. Lê-nin, Cách mạng tháng mười Nga, chủ nghĩa xã hội

**19.** **Vai trò của Giáo hội Phật giáo Việt Nam với việc đảm bảo an sinh xã hội trong bối cảnh hội nhập Quốc tế/** Thích Đạo Thịnh// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 48-54.

**Nội dung:** Bàn về vai trò đảm bảo an sinh xã hội cho người dân của Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

**Từ khóa:** An sinh xã hội, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, hội nhập Quốc tế

**20.** **Về sự phát triển của khoa học xã hội ở Việt Nam hiện nay/** Phạm Văn Đức, Nguyễn Đình Hòa// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 3-14.

**Nội dung:** Đề cập đến những kết quả, hạn chế của Khoa học xã hội Việt Nam hiện nay. Phân tích những nguyên nhân và những giải pháp khắc phục trong giai đoạn mới.

**Từ khóa:** Khoa học xã hội, phát triển, Việt Nam

**MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG NGHỆ HÓA**

**1. Bảo đảm an ninh nguồn nước trước tác động của biến đổi khí hậu/** Hoàng Nguyễn// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 20 (346) .- Tr. 64-65.

**Nội dung:** Trình bày về thực trạng an ninh nguồn nước bị đe dọa và đưa ra một số giải pháp bảo đảm an ninh nguồn nước.

**Từ khóa**: An ninh nguồn nước, biến đổi khí hậu, tác động

**2. Bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành cảng hàng không quốc tế Long Thành/** PGS. TS. Nguyễn Kiên Dũng, ThS. Trịnh Đức Thắng// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 49-52.

**Nội dung:** Giới thiệu chung về dự án cảng hàng khôngquốc tế Long Thành; các vấn đề tác động môi trường như tiếng ồn và rung động, nước mưa và nước thải, quản lý chất thải rắn, quản lý chất thải nguy hại, khí thải, tiêu thụ nước và năng lượng trong các giai đoạn trước, trong và sau xây dựng của dự án phát triển CHK quốc tế Long Thành; đưa ra kết luận về việc cần thiết phải xem xét các tác động môi trường để bảo vệ môi trường của dự án này.

**Từ khóa**: Cảng hàng không quốc tế Long Thành, chất thải nguy hại, bảo vệ môi trường

**3. Các biện pháp phòng chống kiểm soát ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường/** Ngô Trần Đức Trung// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 53-54.

**Nội dung:** Trình bày về khái niệm và các biện pháp phòng chống kiểm soát ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường.

**Từ khóa**: Ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, sự cố môi trường

**4. Chính sách kiểm soát ô nhiễm không khí ở Hàn Quốc/** Nguyễn Thị Thu Hoài, Nguyễn Thị Trà/ Môi trường.- 2021 .- Số 1 .- Tr. 85-87.

**Nội dung:** Cơ sở pháp lý về kiểm soát ô nhiễm không khí ở Hàn Quốc; Phân định chức năng kiểm soát ô nhiễm không khí; Một số kết quả đạt được; Một số khuyến nghị cho Việt Nam nhằm kiểm soát ô nhiễm không khí thời gian tới.

**Từ khóa**: Ô nhiễm không khí, Hàn Quốc

**5. Chuyển giao và phát triển công nghệ trong ứng phó với biến đổi khí hậu quản lý tài nguyên và môi trường/** TS. Lại Hồng Thanh// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 18+19 (344+345) .- Tr. 84-85.

**Nội dung:** Biến đổi khí hậu đã và đang tác động đến các mỏ khai thác lộ thiên ở Việt Nam, trở thành thách thức lớn đối với các mỏ khai thác khoáng sản lộ thiên. Do vậy, để đảm bảo an toàn, giảm thiểu các tác động tiêu cực do biến đổi khí hậu gây nên đến thiết bị và các công trình xung quanh, các mỏ trong quá trình khai thác cần áp dụng các giải pháp, trong chú trong vào mô hình công nghệ khai thác hợp lý đối với các mỏ lộ thiên.

**Từ khóa**: Biến đổi khí hậu, tài nguyên môi trường

**6. Cơ sở khoa học, xu hướng thế giới và bối cảnh của Việt Nam về thuế các bon/** ThS. Tạ Đức Bình, TS. Lại Văn Mạnh, ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền// Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 47-49.

**Nội dung:** Cơ sở khoa học của thuế các bon; Hiệu quả và điều kiện áp dụng của thuế các bon; Xu hướng áp dụng thuế các bon trên thế giới; Bối cảnh của Việt Nam; Kết luận và kiến nghị.

**Từ khóa**: Thuế các bon, cơ sở khoa học, xu hướng, bối cảnh

**7. Đài Loan đẩy mạng phát triển công nghiệp xanh, năng lượng tái tạo và kinh nghiệm đối với Việt Nam/** Thu Phương, Trần Tân// Môi trường .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 77-78.

**Nội dung:** Quốc gia đi đầu sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm xanh; Kinh nghiệm đối với Việt Nam.

**Từ khóa**: Công nghiệp xanh, năng lượng tái tạo, Việt Nam , Đài Loan

**8. Đánh đổi các dịch vụ hệ sinh thái ở vùng núi phía Bắc Việt Nam/** Hoàng Văn Thắng, Võ Thanh Sơn// Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 44-46.

**Nội dung:** Đề cập đến việc đánh đổi giữa các dịch vụ hệ sinh thái, giữa bảo tồn đa dạng sinh học hay tài nguyên thiên nhiên và phát triển kinh tế-xã hội tại vùng núi Đông Bắc Việt Nam trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu và bài học liên quan trong nước và quốc tế nhằm hướng tới nền kinh tế xanh và bền vững.

**Từ khóa**: Hệ sinh thái, vùng núi phía Bắc, Việt Nam

**9. Đánh giả khả năng áp dụng mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ tại hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa/** Lê Thanh Tùng, Nguyễn Viết Hưng, Lại Thế Dũng// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 34-35.

**Nội dung:** Thực trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Đánh giá khả năng áp dụng mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ tại hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Một số giải pháp nâng cao khả năng áp dụng mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ tại hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

**Từ khóa**: Chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ, hộ gia đình

**10. Đánh giá ngành công nghiệp và phát triển bền vững trong môi trường khí hậu khắc nghiệt/** Hồ Thị Phương Thảo, Nguyễn Hồ Việt Anh// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 3(353) .- Tr. 16-18.

**Nội dung:** Thực trạng các chính sách chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đối với ngành công nghiệp thành phố; Đánh giá các chính sách trong điều kiện biến đổi khí hậu với ngành công nghiệp; Kết luận và kiến nghị.

**Từ khóa**: Ngành công nghiệp, biến đổi khí hậu

**11. Đánh giá nỗ lực bảo vệ môi trường của Việt Nam thông qua Chỉ số hoạt động bảo vệ môi trường - EPI/** Hoàng Hồng Hạnh, Nguyễn Thị Thu Hà, Trần Quý Trung, Mai Đăng Khoa// Môi trường .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 33-34.

**Nội dung:** Tổng quan bộ chỉ số hoạt động môi trường; Đánh giá nỗ lực bảo vệ môi trường của Việt Nam trong năm 2020.

**Từ khóa**: Bảo vệ môi trường, Chỉ số hoạt động bảo vệ môi trường - EPI

**12. Đề xuất cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái biển ở Việt Nam/** ThS. Nguyễn Hữu Đạt, TS. Lại Văn Mạnh, ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 24-26.

**Nội dung:** Tiềm năng áp dụng chi trả dịch vụ hệ sinh thái biển ở Việt Nam; Lý do cho việc áp dụng chi trả dịch vụ hệ sinh thái biển ở Việt Nam; Một số giải pháp áp dụng chi trả dịch vụ hệ sinh thái biển ở Việt Nam; Kết luận.

**Từ khóa**: Hệ sinh thái biển, Việt Nam, chi trả dịch vụ hệ sinh thái biển

**13. Định hình tổng quan phát triển kinh tế - xã hội vùng đô thị TP. Hồ Chí Minh trong điều kiện biến đổi khí hậu/** Hồ Thị Phương Thảo, Nguyễn Hồ Việt Anh// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 3(353) .- Tr. 21-23.

**Nội dung:** Tổng quan về phát triển kinh tế - xã hội vùng đô thị Tp. Hồ Chí Minh; Tác động của biến đổi khí hậu đến vùng đô thị TP. Hồ Chí Minh; Kết luận và kiến nghị.

**Từ khóa**: Kinh tế - xã hội, vùng đô thị, biến đổi khí hậu

**14. Giải pháp khai thác bền vững nước dưới đất phục vụ cấp nước cho đô thị và nông thôn/** TS. Đặng Đình Phúc// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 22 (348) .- Tr. 47-48.

**Nội dung:** Sử dụng kết hợp giữa nguồn nước mặt và nước dưới đất trong thiết kế hệ thống cấp nước cho ăn uống và sinh hoạt; Giảm lưu lượng khai thác nước dưới đất để giảm hạ thấp mực nước trong các vùng đồng bằng và Tp. Hồ Chí Minh.

**Từ khóa**: Cấp nước, đô thị, nước dưới đất

**15. Giải pháp kiểm soát số liệu quan trắc tự động liên tục, phục vụ đánh giá mức độ ô nhiễm và công bố số liệu cho cộng đồng/** ThS. Nguyễn Hữu Thắng, ThS. Phạm Thị Thùy// Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 37-39.

**Nội dung:** Cơ sở pháp lý, hiện trạng và sự cần thiết kiểm soát số liệu quan trắc tự động, liên tục; Đề xuất nguyên tắc, tiêu chí, quy trình xử lý số liệu quan trắc phát thải tự động liên tục phục vụ đánh giá mức độ ô nhiễm của trạm; Kết luận và kiến nghị.

**Từ khóa**: Quan trắc tự động, ô nhiễm, cộng đồng

**16. Hoàn thiện pháp luật ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam hiện nay/** TS. Trần Lệ Thu// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 21 (347) .- Tr. 19-21.

**Nội dung:** Thực trạng biến đổi khí hậu ở Việt Nam; Sự cần thiết hoàn thiện pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu; Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu.

**Từ khóa**: Pháp luật, biến đổi khí hậu

**17. Hoàn thiện thể chế, thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu/** Đăng Tuyên// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 5-7.

**Nội dung:** Triển khai các khâu đột phá chiến lược và giải pháp trọng tâm năm 2020 về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

**Từ khóa**: Bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, chính sách pháp luật

**18. Khảo sát chất lượng ống hút nhựa trường học ở TP. Hồ Chí Minh và đề xuất biện pháp quản lý/** Nguyễn Thanh Hùng, Lê Hùng Anh// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 3(353) .- Tr. 29-30.

**Nội dung:** Đánh giá chất lượng an toàn của ống hút nhựa, đề ra giải pháp giảm thiểu việc sử dụng ống hút nhựa thông qua phương pháp truyền thông môi trường cũng như đánh giá khả năng tái chế nhiệt thu hồi năng lượng của ống hút nhựa có thể thay thế cho các nhiên liệu hóa thạch giúp tiết kiệm nguồn năng lượng đáng kể và xư lý ống hút lớn giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đồng thời đề xuất bảng hướng dẫn việc chọn lựa ống hút nhựa sao cho an toàn.

**Từ khóa**: Ống hút nhựa, ô nhiễm môi trường, trường học

**19. Khung định hướng về xây dựng Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh ngành Giao thông vận tải giai đoạn 2016-2020/** ThS. Cao Thị Thu Hương, Trần Thị Kim Thanh// Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 40-43.

**Nội dung:** Rà soát các kết quả được về tăng trưởng xanh của Bộ Giao thông vận tải giai đoạn 2016-2020 và đưa ra các định hướng, khuyến nghị cho xây dựng kế hoạch hành động tăng trưởng xanh giai đoạn 2030 và tầm nhìn 2050.

**Từ khóa**: Tăng trưởng xanh, ngành Giao thông vận tải

**20. Kinh nghiệm của một số quốc gia trong quản lý nhu cầu sử dụng nước sạch/** ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, ThS. Lương Thị Thùy Linh// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 3(353) .- Tr. 56-58.

**Nội dung:** Kinh nghiệm của một số quốc gia trong quản lý nhu cầu sử dụng nước sạch; Khuyến nghị cho Việt Nam.

**Từ khóa**: Nước sạch, nhu cầu sử dụng

**21. Kinh tế chất thải : nguồn tài nguyên không thể lãng phí/** Vũ Nguyễn Khánh Nguyên, Dương Duy Khánh, Phan Trung Sáng; ThS. Nguyễn Hồ Việt Anh// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 3(353) .- Tr. 19-20.

**Nội dung:** Những biện pháp mà Việt Nam nói riêng hay thế giới nói chung đang tìm kiếm và sử dụng hiệu quả và triệt để; đồng thời cũng đưa ra những khuyến nghị giúp mọi người hiểu rõ hơn về nền kinh tế chất thải và tiềm năng phát triển của nền kinh tế này.

**Từ khóa**: Kinh tế chất thải, tái chế chất thải, kinh tế môi trường

**22. Mô hình đào tạo trọng điểm về lĩnh vực tài nguyên và môi trường/** Ngọc Diệp// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 16-17.

**Nội dung:** Đổi mới để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực; Thúc đẩy sáng kiến, giải pháp thực hiện về lĩnh vực tài nguyên và môi trường ngang tầm với các trường đại học tiên tiến trong khu vực và tiệm cận với các cơ sở đào tạo đại học uy tín quốc tế.

**Từ khóa**: Tài nguyên và môi trường, mô hình đào tạo

**23. Một số cam kết bắt buộc về môi trường trong CPTPP, EVFTA và Kế hoạch triển khai của ngành Tài nguyên và Môi trường/** Nguyễn Thi// Môi trường .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 26-28.

**Nội dung:** Một số cam kết bắt buộc về môi trường thực hiện theo quy định của CPTPP và EVFTA; Kế hoạch triển khai CPTPP và EVFTA của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Từ khóa**: Tài nguyên và Môi trường, môi trường

**24. Một số định hướng chiến lược về bảo vệ môi trường giai đoạn 2020-2030/** TS. Đỗ Trung Thắng// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 20 (346) .- Tr. 47-49.

**Nội dung:** Thực trạng công tác bảo vệ môi trường thời gian qua; Một số định hướng về bảo vệ môi trường giai đoạn 2021-2030.

**Từ khóa**: Bảo vệ môi trường, định hướng chiến lực, giai đoạn 2021-2030

**25. Một số giải pháp giải quyết vấn đề rác thải nhựa đại dương trên các vùng biển Việt Nam/** Phạm Thị Gấm// Môi trường .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 16-20.

**Nội dung:** Một số vấn đề về ô nhiễm biển do rác thải nhựa ở nước ta; Một số giải pháp để quản lý hiệu quả vấn đề rác thải nhựa đại dương trên các vùng biển Việt Nam.

**Từ khóa**: Rác thải nhựa, ô nhiễm môi trường

**26. Nghiên cứu đề xuất tiêu chí lựa chọn mô hình toán dự báo tài nguyên nước phù hợp với điều kiện lưu vực sông ở Việt Nam/** Thân Văn Đón, Tống Ngọc Thanh, Lã Văn Chú// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 29-31.

**Nội dung:** Khái niệm và đặc điểm về dự báo; Đề xuất tiêu chí lựa chọn bộ công cụ mô hình toán dự báo tài nguyên nước; Đề xuất tiêu chí lựa chọn các mô hình toán dự báo cho lưu vực sông ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Tài nguyên nước, lưu vực sông, mô hình toán dự báo, Việt Nam

**27. Nghiên cứu khả năng xử lý Cu(II) và Pb(II) trong môi trường nước bằng ODM-2F/** Phong Phet Sisavengsouk, Tạ Hoài Thương, Nguyễn Văn Huống, Nguyễn Mạnh Khải, Đặng Xuân Thường, Trần Công Việt// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 41-43.

**Nội dung:** Đánh giá hiệu quả hấp phụ Cu(II) và Pb(II) của ODM-2F trong môi trường nước.

**Từ khóa**: Môi trường nước, ODM-2F

**28. Nghiên cứu lượng khí sinh ra từ rác thải sinh hoạt bằng phương pháp sinh học kỵ khí N/** Lê Phượng Giang, Nguyễn Thị Hồng Nhung// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 20 (346) .- Tr. 23-25.

**Nội dung:** Xác định khả năng sinh khí metan của quá trình lên men yếm khí với phương pháp nghiên cứu theo mẻ 05 lít trong các điều kiện nhiệt độ khác nhau từ chất thải rắn sinh hoạt tại Tp. Hồ Chí Minh.

**Từ khóa**: Lượng khí sinh ra, rác thải sinh hoạt, phương pháp sinh học kỵ khí N

**29.** **Nghiên cứu quy trình sản xuất bột rong nho (Caulerpa lentilliera) hòa tan/** Lê Hương Thủy// Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 44A .- Tr. 159-166.

**Nội dung:** Nghiên cứu quy trình sản xuất bột rong nho hòa tan từ loài rong Caulerpa lentilliera sinh trưởng ở vùng biển Cam Ranh – Khánh Hòa.

**Từ khóa:** Caulerpa lentilliera, khử tanh, chiết, enzym pectinase, sấy phun

**30. Nước thải và giải pháp quản lý vì sự phát triển bền vững/** TS. Lê Đức Luận// Tài nguyên & Môi trường .- 2021 .- Số 3(353) .- Tr. 43-44.

**Nội dung:** Tổng quan và chi tiết về những vấn đề lý luận, thực trạng quản lý nước thải và thách thức hiện nay, từ đó đưa ra những giải pháp trong hoạt động quản lý nước thải vì sự phát triển bền vững đất nước.

**Từ khóa**: Nước thải, phát triển bền vững

**31. Ô nhiễm môi trường không khí trong vòng đời của vật liệu mặt đường bê tông nhựa nóng/** Nguyễn Thi// Môi trường .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 49-52.

**Nội dung:** Trình bày các tác động tới môi trường không khí trong toàn bộ vòng đời của vật liệu mặt đường bê tông nhựa nóng, bao gồm: giai đoạn khai thác nguyên vật liệu, vận chuyển, sản xuất hỗn hợp bê tông nhựa nóng, thi công mặt đường, khai thác sử dụng, bảo trì và kết thúc vòng đời sản phẩm.

**Từ khóa**: Ô nhiễm môi trường, bê tông nhựa nóng

**32.** **Phân tích hiện trạng ô nhiễm chì (Pb) trong đất và khả năng di chuyển vào nước ngầm quanh khu công nghiệp/** Nguyễn Thị Lan Bình, Nguyễn Trung Hoàng// Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 44A .- Tr. 101-108.

**Nội dung:** Nghiên cứu phân tích hàm lượng chì và hợp chất của nó trong các mẩu đất để đánh giá khả năng gây hại đến sức khỏe con người nếu không may nuốt phải và khả năng ảnh hưởng đến chất lượng đất, chất lượng nước ngầm trong tương lai.

**Từ khóa:** Lắng đọng, ô nhiễm chì, ô nhiễm đất mặt

**33.** **Quyền lực chuẩn tắc của EU trong quản trị toàn cầu về biến đổi khí hậu/** Nguyễn Thị Hạnh, Võ Hoàng Linh// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 11(242) .- Tr. 15-25.

**Nội dung:** Phân tích làm rõ nội hàm của khái niệm quyền lực chuẩn tắc và nghiên cứu việc Liên minh Châu Âu áp dụng dạng thức quyền lực này trong quản trị khí hậu.

**Từ khóa:** EU, quyền lực chuẩn tắc, biến đổi khí hậu, quản trị toàn cầu

**34. Tăng cường vai trò của kiểm toán môi trường trong bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay/** Kiều Đăng// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 62-64.

**Nội dung:** Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 vừa được Quốc hội thông qua lần đầu tiên chế định cụ thể công tác kiểm toán môi trường nhằm tăng cường năng lực, hiệu quả quản lý môi trường của doanh nghiệp. Qua nội dung được bổ sung, sẽ điều chỉnh hoạt động kiểm toán trong nội bộ tổ chức, sơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ do đơn vị tự thực hiện hoặc thông qua dịch vụ kiểm toán.

**Từ khóa**: Kiểm toán môi trường, bảo vệ môi trường, vai trò

**35. Thực trạng công tác quản lý nước thải trên địa bàn thành phố Hải Phòng/** Nguyễn Văn Tùng// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 22 (348) .- Tr. 51-52.

**Nội dung:** Thực trạng công tác quản lý nước thải; Giải pháp quản lý nước thải trên địa bàn thành phố.

**Từ khóa**: Quản lý nước thải, thực trạng, Hải Phòng

**36. Thực trạng hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về môi trường ở Việt Nam/** ThS. Nguyễn Hưng Thịnh, TS. Dương Thị Thanh Xuyến// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 59-61.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về môi trường ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước, môi trường, Việt Nam

**37. Thực trạng nguồn nước và ứng dụng công nghệ quản trị tài nguyên nước/** ThS. Nguyễn Thị Thu Hường// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 18+19 (344+345) .- Tr. 93-94.

**Nội dung:** Trình bày những nghiên cứu cụ thể và ứng dụng nhiều giải pháp khoa học về quản trị tài nguyên nước.

**Từ khóa**: Nguồn nước, tài nguyên nước, công nghệ quản trị tài nguyên nước

**38. Tiềm năng phát triển du lịch bền vững ở Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang – Lâm Bình/** ThS. Nguyễn Anh Tuấn, Nhâm Hiền/ Môi trường.- 2021 .- Số 1 .- Tr. 56-58.

**Nội dung:** Tài nguyên sinh thái tự nhiên và nhân văn – cơ sở cho sự phát triển du lịch bền vững của Khu bảo tồn Na Hang – Lâm Bình; Một số vấn đề đặt ra trong việc phát triển du lịch bền vững của Khu bảo tồn Na Hang – Lâm Bình.

**Từ khóa**: Phát triển du lịch bền vững, Khu bảo tồn Na Hang – Lâm Bình

**39.** **Tổng hợp vật liệu in dấu phân tử chọn lọc cho Rhodamine B, ứng dụng phân tích Rhodamine B trong thực phẩm/** Nguyễn Văn Trọng, Văn Thanh Khuê, Trần Thanh Thúy, Nguyễn Minh Tú// Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 44A .- Tr. 5-14.

**Nội dung:** Tổng hợp vật liệu polymer in dấu phân tử chọn lọc cho rohdamine B. Vật liệu này được đánh giá các đặc tính như khả năng hấp phụ của vật liệu, tính chọn lọc … và được áp dụng để xử lý trên mẫu thực phẩm nước ngọt, siro và bột ớt.

**Từ khóa:** Rhodamine B, vật liệu polymer in dấu phân tử

**40. Triển khai các giải pháp thích ứng biển đổi khí hậu, phát triển bền vững kinh tế nông nghiệp/** Nguyễn Văn Ngọ// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 67-68.

**Nội dung:** Trình bày ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến nông nghiệp và một số vấn đề đặt ra để đối phó với biến đổi khí hậu.

**Từ khóa**: Biến đổi khí hậu, kinh tế nông nghiệp, giải pháp

**41. Tương trợ tư pháp – Cơ chế áp dụng trong giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường không khí xuyên biên giới tại Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới/** ThS. Hoàng Bích Hồng// Môi trường .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 35-38.

**Nội dung:** Thực trạng ô nhiễm không khí xuyên biên giới; Kinh nghiệm giải quyết ô nhiễm không khí xuyên biên giới của một số nước trên thế giới; Đề xuất áp dụng cơ chế tương trợ tư pháp trong giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường không khí xuyên biên giới.

**Từ khóa**: Tương trợ tư pháp,ô nhiễm môi trường không khí xuyên biên giới

**42. Ứng phó với một số vấn đề sức khỏe môi trường trong bão lụt/** PGS. TS. Trần Thị Tuyết Hạnh// Môi trường .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 58-60.

**Nội dung:** Một số vấn đề sức khỏe môi trường trong bão lụt; Chủ động đảm bảo nước sạch trong và sau bão lụt; Ứng phó với một số vấn đề sức khỏe môi trường khác.

**Từ khóa**: Sức khỏe môi trường, bão lụt

**43.** **Vấn đề bảo vệ môi trường của Slovakia/** Nguyễn Thị Ngọc// Nghiên cứu Châu Âu .- 2020 .- Số 11(242) .- Tr. 26-38.

**Nội dung:** Phân tích vấn đề môi trường, bảo vệ môi trường nổi bật của Slovakia giai đoạn 2010-2018, từ đó đưa ra những nhận định, đánh giá chung về thành công, hạn chế của hoạt động bảo vệ môi trường tại Quốc gia này.

**Từ khóa:** Môi trường, bảo vệ môi trường, ô nhiễm, chất thải rắn

**44. Xu hướng, yêu cầu, giải pháp kiện toàn tổ chức bộ máy của ngành Tài nguyên và Môi trường trong giai đoạn mới/** ThS. Nguyễn Thị Huyền// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 20-21.

**Nội dung:** Trình bày về kết quả đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy; về quan điểm, nguyên tắc, yêu cầu hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy; về phương hướng kiện toàn tổ chức bộ máy trong giai đoạn mới.

**Từ khóa**: Kiện toàn tổ chức bộ máy, tài nguyên và môi trường, giai đoạn mới

**45. Xử lý ô nhiễm dioxin ở Việt Nam hiện nay : cần triển khai những giải pháp đồng bộ/** PGS. TS. Lê Kế Sơn// Môi trường .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 55-57.

**Nội dung:** Một số đặc điểm cơ bản, nghiên cứu và khắc phục hậu quả của chất diệt cỏ do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam; Kiểm soát và xử lý dioxin ở Việt Nam; Kết luận.

**Từ khóa**: Ô nhiễm dioxin, ô nhiễm môi trường, Việt Nam

**LUẬT HỌC**

**1.** **Bàn về chủ thể có quyền yêu cầu toà án huỷ phán quyết trọng tài**/ **Huỳnh Xuân Tình, Hà Thái Thơ/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 3 – 6,12.

**Nội dung:** Bài viết đề cập đến một trong những bất cập của phán quyết trọng tài theo quy định của Luật trọng tài thương mại năm 2010 (Luật TTTM năm 2010)trong quá trình xét xử các vụ án tại Toà án, đó là ai có quyền yêu cầu Toà án huỷ phán quyết trọng tài. Thực tiễn cho thấy, một số quy định của pháp luật về vấn đề này còn tồn tại những bất cập, hạn chế cần được nghiên cứu hoàn thiện. Vì vậy, trong bài viết này tác giả phân tích chỉ ra một số vướng mắc, bất cập khi áp dụng quy định của pháp luật về chủ thể có quyền yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài. Từ đó đưa ra một số kiến nghị cụ thể nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật.

**Từ khóa:** Chủ thể, huỷ phán quyết trọng tài, Luật trọng tài thương mại, Toà án

**2. Bàn về thí điểm hợp nhất cơ quan thanh tra nhà nước và cơ quan kiểm tra Đảng/** Phạm Thị Huệ **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 23 (423).- Tr. 37 – 43.

**Nội dung:** Thí điểm hợp nhất cơ quan thanh tra nhà nước với cơ quan kiểm tra đảng nằm trong chủ trương chung của Đảng về hợp nhất cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy với cơ quan chuyên môn thuộc UBND có chức năng, nhiệm vụ tương đồng ở cấp tỉnh, cấp huyện với mục đích đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, thống nhất sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, quản lý, điều hành của chính quyền, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của hoạt động. Qua 3 năm thực hiện, việc thí điểm hợp nhất cơ quan thanh tra nhà nước với cơ quan kiểm tra đảng đã và đang gặp phải những khó khăn, vướng mắc, đòi hỏi cần phải nghiên cứu, tổng kết để đề ra giải pháp cho vấn đề này ở cả khía cạnh lý luận và thực tiễn.

**Từ khóa:** Cơ quan kiểm tra đảng, cơ quan thanh tra nhà nước, hợp nhất cơ quan kiểm tra đảng với cơ quan thanh tra nhà nước.

**3.** **Bàn về tội phạm tội in, phát hành, mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017**/ Giáp Thành Trung**/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 12.- Tr. 53 – 58.

**Nội dung:** Bài viết phân tích những nội dung cơ bản về tội phạm im, phát hành, mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước; thực trạng tội phạm in, phát hành, mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước, trên cơ sở đó đề xuất hoàn thiện pháp luật về tội phạm tội phạm in, phát hành, mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước.

**Từ khóa:** Tội phạm in, phát hành, mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước

**4.** **Bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội trong gia đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự**/ Lê Thị Thuý Nga**/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 12.- Tr. 41 – 47.

**Nội dung:** Nguyên tắc suy đoán vô tội là một trong những nguyên tắc quan trọng trong tố tụng hình sự, được thể hiện trong pháp luật quốc tế và pháp luật của nhiều quốc gia. Suy đoán vô tội có ý nghĩa quan trọng về mặt khoa học cũng như thực tiễn với vai trò là nền tảng và kim chỉ nam cho toàn bộ hoạt dộng tố tụng hình sự. Bài viết đề cập tới thực trạng và một số giải pháp bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn xét xử sơ thẩm tiếp cận từ hoạt động nghề nghiệp của thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư.

**Từ khóa:** Suy đoán vô tội, tố tụng hình sự, tranh tụng, xét xử sơ thẩm

**5.** **Bảo hộ chỉ dẫn địa lý: Yêu cầu của phát triển nông nghiệp bền vững**/ Bùi Thị Hằng Nga, Nguyễn Minh Bách Tùng**/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 17 (417).- Tr. 50 – 56.

**Nội dung:** Chỉ dẫn địa lý cho nông sản Việt Nam nếu được xây dựng, phát triển và bảo vệ sẽ đóng góp rất nhiều cho lợi ích quốc gia, nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa, đặc biệt là đặc sản của các vùng, địa phương. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích các điểm hạn chế của pháp luật liên quan đến bảo hộ chỉ dẫn địa lý và đề xuất các giải pháp để tăng cường hiệu quả của hoạt động bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho nông sản Việt Nam, góp phần phát triển nền nông nghiệp hiện đại, bền vững.

**Từ khóa**: Chỉ dẫn địa lý, phát triển nông nghiệp, nông nghiệp bền vững.

**6.** **Bảo vệ công lý trong cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay**/ Vũ Công Giao, Hoàng Thị Bích Ngọc**/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 19 (419).- Tr. 4 – 13.

**Nội dung:** Bài viết phân tích mối quan hệ giữa công lý và hoạt động tư pháp, đặc biệt là hoạt động xét xử của toà án; vị trí, vai trò của việc bảo vệ công lý trong cải cách tư pháp, đồng thời xác định những hạn chế, từ đó gợi mở những giải pháp thực hiện mục tiêu bảo vệ công lý trong cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Công lý, bảo vệ công lý, cải cách tư pháp, hoạt động tư pháp

**7. Bất cập về trình tự thủ tục thu hồi đất nông nghiệp ở huyện Cần Giờ, Tp. Hồ Chí Minh/** TS. Bùi Đức Hiển, Trần Văn Quấn// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 20 (346) .- Tr. 35-37.

**Nội dung:** Thực trạng pháp luật về trình tự, thủ tục thu hồi đất nông nghiệp; Bất cập và nguyên nhân của trình tự, thủ tục thu hồi đất nông nghiệp huyện Cần Giờ.

**Từ khóa**: Thu hồi đất nông nghiệp, thủ tục, bất cập

**8. Bình luận về một số chính sách mới trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020/** Nguyễn Thi// Môi trường .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 13-17.

**Nội dung:** Phân loại dự án đầu tư theo tiêu chí môi trường, đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và khả năng chịu tải môi trường; Kinh tế tuần hoàn và quản lý chất thải rắn theo hướng áp dụng việc tái chế, tuần hoàn tài nguyên; Tạo hành lang pháp lý để thúc đẩy các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, đáp ứng thực thi các cam kết trong CPTPP, EVFTA và các điều ước quốc tế về biến đổi khí hậu; Quy định bảo đảm xác định rõ cơ chế, trách nhiệm trong phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và khắc phục môi trường sau sự cố môi trường.

**Từ khóa**: Luật Bảo vệ môi trường, chính sách mới, bình luận

**9.** **Bình luận về một số vấn đề tranh chấp trong trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn**/ **Lê Thu Trang/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 13 – 18.

**Nội dung:** Bài viết đưa ra tình huống pháp lý về việc chung sống như vợ chồng trái pháp luật khi một trong hai bên đang trong mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Khi một bên chết đi, thì việc giải quyết về nhân thân đặc biệt là vấn đề tài sản của các bên sẽ thuộc tranh chấp hôn nhân và gia đình hay tranh chấp dân sự. Những quan điểm khác nhau sẽ được tác giả phân tích và làm rõ.

**Từ khóa:** Chung sống như vợ chồng, tranh chấp dân sự, tranh chấp hôn nhân và gia đình, thẩm quyền Toà án giải quyết.

**10.** **Bồi thẩm, hội thẩm, thẩm phán không chuyên trong tố tụng hình sự hiện nay ở các nước trên thế giới**/ **Liêu Chí Trung/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 81 – 84.

**Nội dung:** Trải qua hàng nhìn năm phát triển của lịch sử, đến nay luật pháp ở hầu hết các nước đều quy định về sự tham gia của người dân vào hoạt động xét xử đối với các vụ án hình sự. Tuỳ theo quan điểm, điều kiện và mô hình tổ chức ở mỗi nước mà vai trò đại diện của người dân trong hoạt động tố tụng hình sự được gọi là bồi thẩm, hội thẩm, thẩm phán không chuyên với việc tổ chức, hoạt động có được thể hiện khác nhau. Bài viết giới thiệu về những nét cơ bản về điều kiện, vai trò hoạt động đại diện nhân dân trong tố tụng hình sự ở các nước hiện nay trên thế giới.

**Từ khóa:** Bồi thẩm, hội thẩm, thẩm phán không chuyên, tố tụng hình sự

**11.** **Các giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về đào tạo sau Đại học ở Việt Nam hiện nay**/ Lê Anh Tuấn**/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 12.- Tr. 64 – 69.

**Nội dung:** Trong thời gian qua, quản lý nhà nước về đào tạo sau đại học đã có nhiều tiến bộ và đạt được nhiều kết quả góp phần đổi mới giáo dục sau đại học. Tuy nhiên, vấn đề này cũng còn nhiều bất cập, hạn chế trong tư duy quản lý cũng như hoạt động thực tiễn đào tạo sau đại học ở nước ta. Bài viết đưa ra một số giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước và đào tạo sau đại học ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Quản lý nhà nước, đào tạo sau Đại học, Việt Nam

**12.** **Các hình thức dân chủ trực tiếp ở một số nước trên thế giới và gợi mở cho Việt Nam**/ Hoàng Thị Thu Thuỷ**/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 18 (418).- Tr. 58 – 64.

**Nội dung:** Dân chủ trực tiếp (DCTT)là mối quan tâm của nhiều quốc gia, nhiều nền chính trị trên thế giới. Xu hướng chung của các quốc gia hiện nay là mở rộng DCTT bên cạnh việc tiếp tục duy trì và củng cố dân chủ đại diện nhằm bảo đảm quyền của công dân trong việc tổ chức thực thi quyền lực nhà nước. Qua nghiên cứu cho thấy, các hình thức DCTT thường được ghi nhận trong Hiến pháp và luật. Về cơ bản, pháp luật ở các quốc gia đều ghi nhận những phương thức DCTT khá giống nhau gồm trưng cầu dân ý, sáng kiến chương trình nghị sự, bãi miễn...Tuy nhiên, ở mỗi quốc gia, mức độ và cách thức ghi nhận có khác nhau. Bài viết tập trung phân tích các hình thức DCTT được áp dụng ở một số nước trên thế giới và rút ra một số gợi mở cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Dân chủ, dân chủ trực tiếp

**13.** **Các hình thức dân chủ trực tiếp ở một số nước trên thế giới và gợi mơt cho Việt Nam**/ **Hoàng Thị Thu Thuỷ/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 18 (418) .- Tr. 58 – 64.

**Nội dung:** Dân chủ trực tiếp (DCTT) là mối quan tâm của nhiều quốc gia, nhiều nền chính trị trên thế giới. Xu hướng chung của các quốc gia hiện nay là mở rộng DCTT bên cạnh việc tiếp tục duy trì và củng cố dân chủ đại diện nhằm bảo đảm quyền của công dân trong việc tổ chức thực thi quyền lực nhà nước. Nghiên cứu cho thấy, hình thức DCTT thường được ghi nhận trong Hiến pháp và Luật. Về cơ bản, pháp luật ở các quốc gia đều ghi nhận những phương thức DCTT khá giống nhau gồm trưng cầu dân ý, sáng kiến chương trình nghị sự, bãi miễn...Tuy nhiên, ở mỗi quốc gia, mức độ và cách thức ghi nhận có khác nhau. Bài viết tập trung trình bày phân tích các hình thức DCTT được áp dụng ở một số nước trên thế giới và rút ra một số gợi mở cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Dân chủ, dân chủ trực tiếp

**14. Cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp**/Đặng Quyết Tiến/ Tài chính.- 2020 .- Số 732.- Tr.6-9.

**Nội dung:** Sau 5 năm triển khai Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội về Quản Lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp đã đạt được những kết quả tích cực, tạo ra làn sóng mới, xung lực mới phát triển mạnh mẽ, quyết liệt tiến trình sắp xếp, đổi mới khu vực doanh nghiệp có vốn nhà nước tại Việt Nam. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng manh mẽ, trước những yêu cầu mới về phát triển kinh tế của đất nước, đòi hỏi cần hoàn thiện hơn nữa khung pháp lý về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, vốn nhà nước.

**15. Cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp/Đặng Quyết Tiến/ Tài chính.- 2020 .- Số 732.- Tr.6 – 9.**

**Nội dung:** Sau 5 năm triển khai Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội về Quản Lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp đã đạt được những kết quả tích cực, tạo ra làn sóng mới, xung lực mới phát triển mạnh mẽ, quyết liệt tiến trình sắp xếp, đổi mới khu vực doanh nghiệp có vốn nhà nước tại Việt Nam. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng manh mẽ, trước những yêu cầu mới về phát triển kinh tế của đất nước, đòi hỏi cần hoàn thiện hơn nữa khung pháp lý về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, vốn nhà nước.

**16.** **Cần xác định chính xác những điều kiện đặc thù của người thừa kế bắc buộc trong giải quyết tranh chấp về thừa kế**/ **Trần Thị Thu Hằng/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 8 – 12.

**Nội dung:** Theo quy định của pháp luật, néu người lập di chúc không chia phần thừa kế hoặc chia ít hơn hai phần ba một suất thừa kế theo pháp luật cho người thừa kế bắt buộc, thì những người thừa kế đó có quyền yêu cầu hai phần ba suất thừa kế theo pháp luật của hộ. Đó là điều kiện đặc thù đối với những người thừa kế bắt buộc. Tuy nhiên, do một số hạn chế trong việc xác định các điều kiện này nên việc giải quyết tranh chấp vẫn chưa thống nhất và hiệu quả. Vì vậy, cần sửa đổi quy định pháp luật và có hướng dẫn cụ thể nhằm đảm bảo tính thống nhất khi thi hành quy định pháp luật này trong thực tiễn.

**Từ khóa:** Điều kiện đặc thù, người thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc.

**17.** **Chính sách công nghiệp và chính sách, pháp luật cạnh tranh/** Đặng Công Tráng// Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 43A .- Tr. 19-24.

**Nội dung:** Khảo sát mối quan hệ giữa chính sách công nghiệp và chính sách, pháp luật cạnh tranh. Từ đó đưa ra một số đánh giá về tác động và hiệu quả thực thi các quy định của Luật cạnh tranh năm 2018 từ góc độ tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp.

**Từ khóa:** Chính sách công nghiệp, pháp luật cạnh tranh

**18**. **Chính sách hậu tái định cư đối với dân tộc thiểu số ở một số dự án thuỷ điện ở nước ta hiện nay**/ **Nguyễn Lâm Thành, Nguyễn Anh Phong, Vũ Huy Phúc, Phạm Thị Thu Hà, Nguyễn Mai Linh/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 18 (418) .- Tr. 42 – 51.

**Nội dung:** Nêu lên những vấn đề về chính sách tái định cư và hậu tái định cư; thực trạng thực hiện chính sách hậu tái định cư ở một số dự án thuỷ điện ở nước ta.

**Từ khóa:** Tái định cư, chính sách tái định cư, chính sách hậu tái định cư, dân tộc thiểu số.

# 19. Chính sách về việc làm tại các khu công nghiệp/ Nguyễn Đức Bách, Nguyễn Trung Thành/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 16 (416) .- Tr. 33 - 40.

**Nội dung:** Xét về mặt xã hội, tất cả những người có sức lao động đều có quyền có việc làm. Tuy nhiên, việc đảm bảo quyền có việc làm cho người lao động luôn là thách thức không nhỏ. Bài viết này, tác giả phân tích chính sách cũng như việc thực hiện chính sách, pháp luật về việc làm; nhận diện những tồn tại, khó khăn từ đó đưa ra các giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện chính sách về việc làm nói chung, chính sách về việc ;àm tại các khu công nghiệp nói riêng.

**Từ khóa**: Chính sách về việc làm, khu công nghiệp

**20.** **Chủ nghĩa Hiến pháp – Bản chất, các yếu tố cấu hình**/ Thái Vĩnh Thắng, Hoàng Văn Nghĩa**/**/ Luật học .- 2020 .- Số 06.- Tr. 3 – 15.

**Nội dung:** Chủ nghĩa hiến pháp được nhiều học giả trên thế giới nghiên cứu trên các bình diện khác nhau nhưng đều có quan điểm chung là học thuyết về việc hạn chế quyền lực của chính quyền bằng đạo luật cơ nảm của nhà nước. Bài viết phân tích khái niệm, bản chất, các yếu tố cấu thành của chủ nghĩa hiến pháp. Trên cơ sở quan điểm chung về chủ nghĩa hiến pháp của nhiều học giả khác nhau, bài viết xác định có 7 yếu tố cấu thành chủ nghĩa hiến pháp là: chủ quyền tối cao của nhà nước thuộc về nhân dân; chế độ pháp quyền; phân quyền và kiềm chế đối trọng, tư pháp độc lập, bảo đảm các quyền con người, quyền công dân, kiểm soát, giám sát quyền lực, thiết chế bảo hiến.

**Từ khóa:** Bản chất, cấu thành, chủ nghĩa hiến pháp

**21.** **Chức năng bào chữa, buộc tội và xét xử trong các mô hình tố tụng hình sự trên thế giới**/ **Cao Thị Ngọc Hà, Cao Thị Huyền Nga/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 71 – 77.

**Nội dung:** Trên thế giới tồn tại ba mô hình tố tụng hình sự là mô hình tố tụng tranh tụng, mô hình tố tụng thẩm vấn và mô hình tố tụng pha trộn. Sự tồn tại của chức năng bào chữa, buộc tội, xét xử ở ba mô hình này có những điểm khác biệt cơ bản. Mối quan hệ giữa các chức năng cơ bản của tố tụng hình sự với mô hình tố tụng hình sự nhìn ở góc độ của pháp luật duy vật biện chứng là mối quan hệ giữa nội dung và hình thức. Nhận thức và điều chỉnh một cách có ý thức mối quan hệ giữa các chức năng cơ bản của tố tụng hình sự phù hợp với điều kiện lịch sử, truyền thống văn hoá, pháp lý và lợi ích của Nhà nước trong đấu tranh chống tội phạm ở mỗi quốc gia trong quá trình phát triển lịch sử của mình chính là cách thức hình thành mô hình tố tụng hình sự ở quốc gia đó. Bài viết làm rõ sự tồn tại của các chức năng này trong từng mô hình tố tụng hình sự cụ thể.

**Từ khóa:** Chức năng bào chữa, mô hình tố tụng hình sự, pháp luật tố tụng hình sự

**22. Cơ chế trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) trong thực hiện Điều 54 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020/** Nguyễn Thi// Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 12-16.

**Nội dung:** Trình bày mô hình chung về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) và một số vấn đề cần lưu ý khi thực hiện trách nhiệm tái chế theo quy định tại Điều 54 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

**Từ khóa**: Luật Bảo vệ môi trường, cơ chế trách nhiệm mở rộng, nhà sản suất

**23. Cơ sở lý thuyết, thực trạng và một số đề xuất hoàn thiện chế định hoàn thuế /Nguyễn Văn Tuyến, Trần Anh Tuấn/ Tài chính.- 2020 .- Số 732.- Tr.46 – 49.**

**Nội dung:** Trong khoa học pháp lý cũng như trong thực tiễn, vấn đề hoàn thuế đã và đang nhận được sự quan tâm của nhiều đối tượng khác nhau, đặc biệt là Nhà nước (chủ thể hoàn thuế) và tổ chức, cá nhân (với tư cách là người được hoàn thuế). Trong bài viết, tác giả nghiên cứu cơ sở lý thuyết của chế định hoàn thuế, đưa ra các ý kiến đánh giá thực trạng chế định hoàn thuế trong pháp luật Việt Nam và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện chế định hoàn thuế trong pháp luật Việt Nam hiện nay.

**Từ khoá:** Cơ sở lý thuyết, hoàn thuế, hoàn thiện chế định hoàn thuế.

**24.** **Công chứng điện tử tại Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0/**Phan Thị Bình Thuận **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 20 (420).- Tr. 41 – 48.

**Nội dung:** Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang bùng nổ và tác động đến hầu hết các quốc gia trên thế giới. Theo đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực của đời sống xã hội đang trở thành một xu thế tất yếu và mang tính toàn cầu với mục tiêu tiện lợi, nhanh chóng, giảm thời gian, chi phí, nhân lực, việc đi lại và giảm giao dịch trực tiếp… Hoạt động công chứng cũng không nằm ngoài xu thế này. Công chứng đã và đang từng bước ứng dụng công nghệ thông tin ngày càng mạnh mẽ trong hoạt động của mình, trong đó phải kể đến công chứng điện tử.

**Từ khóa:** Công chứng điện tử, công chứng viên, cách mạng công nghiệp 4.0.

**25**. **Công khai, minh bạch trong lĩnh vực an sinh xã hội**/ Hoàng Thị Hường, Bùi Thị Hơn**/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 17 (417) .- Tr. 22 - 28.

**Nội dung:** Tập trung làm rõ khái niệm công khai, minh bạch trong lĩnh vực an sinh xã hội, phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về công khai, minh bạch trong lĩnh vực an sinh xã hội hiện nay; đề xuất một số giải pháp nhằm thức đẩy thực hiện công khai, minh bạch trong lĩnh vực này.

**Từ khóa:** **Công khai, minh bạch, an sinh xã hội.**

**26.** **Công khai, minh bạch trong lĩnh vực an sinh xã hội**/ Hoàng Thị Hường, Bùi Thị Hơn **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 17 (417).- Tr. 22 – 28.

**Nội dung:** An sinh xã hội (ASXH) là một trong những vấn đề quan trọng trong chiến lược phát triển của mỗi quốc gia. Bảo đảm ngày càng tốt hơn an sinh xã hội luôn là một chủ trương, nhiệm vụ lớn, có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự ổn định về chính trị, kinh tế, xã hội và là chìa kháo để phát triển toàn diện và bền vững. Để những chính sách, pháp luật về ASXH đi vào cuộc sống và góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác phòng, chống tham nhũng thì các cơ quan nhà nước phải có trách nhiệm, nghĩa vụ thực hiện công khai, minh bạch và coi việc hỗ trợ thực hiện, thụ hưởng các quyền con người là mục tiêu chính trong thực hiện các chính sách ASXH. Bài viết tập trung làm rõ khái niệm công khai, minh bạch trong lĩnh vực ASXH, phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về công khai, minh bạch trong lĩnh vực ASXH hiện nay; đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy thực hiện công khai, minh bạch trong lĩnh vực này.

**Từ khóa**: Công khai, minh bạch, an sinh xã hội

**27. Công ty cổ phần trong môi trường thương mại Việt Nam hiện nay/** Nguyễn Vinh Hưng **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 01 (425).- Tr. 36 – 42.

**Nội dung:** Công ty cổ phần đang là mô hình kinh doanh rất quan trọng và đóng góp rất lớn cho sự phát triển của kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, từ thực tiễn kinh doanh cho thấy, bên cạnh các ưu điểm nổi trội, công ty cổ phần còn tồn tại khá nhiều hạn chế; đặc biệt là các quy định của pháp luật điều chỉnh về loại hình công ty này đang tồn tại khá nhiều bất cập, cần có những sửa đổi, bổ sung để công ty cổ phần phát triển tốt trong môi trường thương mại Việt Nam.

**Từ khóa:** Công ty cổ phần, thị trường chứng khoán, Luật Doanh nghiệp.

**28.** **Cuộc chiến pháp lí về thềm lục địa mở rộng ở biển Đông**/ Nguyễn Hồng Thao**/**/ Luật học .- 2020 .- Số 05.- Tr. 31 – 45.

**Nội dung:** Trên cơ sở so sánh hai thời điểm 2009 và 2019, bài viết không chỉ phân tích lập trường các nước tranh chấp mà còn của cả các nước không tranh chấp (như Indonesia) và nước ngoài khu vực (như Hoa Kỳ); qua đó có thể thấy được bức tranh tổng quát về tác động của Phán quyết Trọng tài Biển Đông năm 2016, sự khác biệt giữa hai quan điểm, một bên là hầu hết các nước trong và ngoài khu vực ủng hộ Công ước Luật biển năm 1982 và yêu cầu tuân thủ Phán quyết Trọng tài Biển Đông, một bên là duy nhất Trung Quốc. Nghiên cứu của bài viết cũng chỉ ra cuộc chiến pháp lí này sẽ còn lâu dài và khó khăn để đi đến giải pháp tổng thể cuối cùng cho Biển Đông.

**Từ khóa:** Biển Đông, Hoàng Sa, ranh giới thềm lục địa, thềm lục địa mở rộng, Trường Sa

**29.** **Đại diện của pháp nhân – Điểm tương đồng và khác biệt giữa bộ luật dân sự và luật chuyên ngành có liên quan**/ Nguyễn Văn Hành**/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 12.- Tr. 20 – 25.

**Nội dung:** Trong hệ thống pháp luật tư Việt Nam, Bộ luật dân sự được coi là luật chung, làm cơ sở cho các ngành luật chuyên ngành để cụ thể hoá các quy định của Bộ luật dân sự nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội đặc thù thuộc ngành mình quản lý có hiệu quả. Nguyên tắc chung, giữa luật chung và luật chuyên ngành luôn luôn phải đảm bảo tính thống nhất trong áp dụng thực tiễn. Do Bộ luật dân sự năm 2015 ra đời sau một số luật chuyên ngành như Luật doanh nghiệp năm 2014, Luật công chứng năm 2014, Luật luật sư năm 2006 được sửa đổi bổ sung hợp nhất năm 2015 (Luật luật sư...) nên ít nhiều vai trò của luật chung bị ảnh hưởng và có một số nội dung luật chuyên ngành có liên quan bị xung đột. Bài viết nghiên cứu về chế định đại diện của pháp nhân, tiếp cận dưới góc độ một số vướng mắc cơ bản về đại diện trong mối quan hệ tương đồng, khác biệt và xung đột giữa quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và một số luật chuyên ngành có liên quan.

**Từ khóa:** Pháp nhân, đại diện của pháp nhân, Bộ luật dân sự năm 2015, Luật chuyên ngành có liên quan.

**30.** **Đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội khi luật sư tham gia bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự - Thực tiễn và kiến nghị**/ **Nguyễn Thanh Mai, Vũ Thị Hương/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 48 – 55.

**Nội dung:** Bài viết tập trung làm sáng tỏ thực tiễn đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội của luật sư khi tham gia bào chữa vụ án hình sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, trên cơ sở đó đề xuất một số kiến nghị nhằm đảm bảo nguyên tắc này trên thực tiễn.

**Từ khóa:** Nguyên tắc suy đoán vô tội, xét xử sơ thẩm, vụ án hình sự

**31. Đảm bảo quyền con người trong tố tụng hình sự và kiến nghị đối với địa phương** /Lê Viết Trung/ Tài chính.- 2019 .- Số 709.- Tr.118-121.

**Nội dung:** Xu thế hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi Việt Nam phải phát triển hệ thống pháp luật tương đồng với các nước trong khu vực và phù hợp với thông lệ quốc tế. Bên cạnh đó, quyền công dân ngày càng được đề cao, pháp luật ngày càng được hàn thiện, trách nhiệm pháp lý của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, ý thức pháp luật ngày càng cao, đòi hỏi việc thực hiện các hoạt động khởi tố, điều tra vụ án hình sự của cơ quan điều tra nói riêng và các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng nói chung phải đảm bảo chặt chẽ các qui định của pháp luật nhằm tôn trọng và bảo vệ quyền công dân.

**Từ khoá:** Bộ luật tố tụng hình sự, quyền con người, trách nhiệm pháp lý

**32. Đảm bảo quyền tham gia của công dân trên nền tảng kỹ thuật số/** Bùi Tiến Đạt **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 01 (425).- Tr. 14 – 20.

**Nội dung:** Trong nền quản trị mở, Nhà nước đóng vai trò chủ đạo - chủ thể trung tâm trong việc kết nối, phối hợp, hợp tác giữa khu vực công và các tác nhân khác ngoài khu vực công. Nhà nước cần tiếp tục đẩy mạnh sự tham gia của công dân trên nền tảng kỹ thuật số (e-participation), thể hiện qua quá trình ra quyết định, quá trình tham vấn và quản lý thông tin - dữ liệu được nâng tầm về kỹ thuật trên nền tảng kỹ thuật số, và được nâng tầm về thể chế dựa vào sự minh bạch và hợp tác. Từ bài học kinh nghiệm của nhiều quốc gia, có thể thấy các hình thức e-participation ngày càng đa dạng và ngày càng trở nên phổ biến. Sự tham gia trên nền tảng kỹ thuật số được thực hiện hiệu quả trên diện rộng sẽ là đột phá trong việc nâng cao hiệu quả quản trị và trách nhiệm của Nhà nước. Ở Việt Nam, sự tham gia trên nền tảng kỹ thuật số chỉ mới phát triển ở việc công khai và vận hành một số thủ tục hành chính trên môi trường internet, và cần thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa nhằm xây dựng thành công Chính phủ điện tử.

**Từ khóa**: Quyền tham gia trên nền tảng kỹ thuật số; sự tham gia số; e-participation; chính phủ điện tử; chính phủ mở.

**33. Đánh giá những tác động của việc thay đổi cách tính thuế đối với dịch vụ trung gian kết nối vận tải/** Phạm Hoài Huấn, Phan Phương Nam **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 24 (424).- Tr. 34 – 37.

**Nội dung:** Việt Nam vừa thay đổi chính sách thuế áp dụng đối với mô hình trung gian kết nối vận tải. Điều này đã làm phát sinh các tranh chấp giữa các tài xế với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kết nối. Trong phạm vi bài viết này, các tác giả phân tích những tác động của sự thay đổi này đến thị trường và người tiêu dùng, qua đó đề xuất một số kiến nghị về vấn đề này.

**Từ khoá:** Kinh tế chia sẻ, chính sách thuế, Grab, thương mại điện tử

**34.** **Đánh giá tác động của chính sách trong dự án luật phòng, chống tác hại của rượu, bia và một số kiến nghị đề xuất**/ Phan Nguyệt Anh**/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 12.- Tr. 59 – 63.

**Nội dung:** mặc dù pháp luật về quản lý đối với sản phẩm rượu, bia và đồ uống có cồn khác đã được ban hành nhưng chủ yếu tập trung vào các quy định về kiểm soát sản xuất, kinh doanh, nhằm giảm thiểu hậu quả của rượu, bia và đồ uống có cồn khác mà chưa có các quy định mang tính phòng ngừa. Tác giả bài viết đã tập trung nêu thực trạng sử dụng rượu, bia và những tác hại đem tới sức khoẻ con người. Trên cơ sở pháp luật hiện hành, chống tác hại của rượu, bia và đưa ra một số kiến nghị đề xuất nhằm hoàn chỉnh hệ thống pháp luật liên quan.

**Từ khóa:** Pháp luật, chính sách, quy định, rượu, bia, tác hại

**35. Điểm mới của dự thảo quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán**/ Thanh tra Uỷ ban chứng khoán Nhà nước// Tài chính.- 2020 .- Số 739 .- Tr. 13 - 15  
**Nội dung:** Bài viết giới thiệu những điểm mới của dự thảo nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**Từ khóa:** Chứng khoán, thị trường chứng khoán, vi phạm hành chính

**36.** **Định hướng hoàn thiện pháp luật bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thuý Hằng**/**/ Luật học .- 2020 .- Số 07.- Tr. 13 – 21.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu, làm rõ các quan điểm của của các nhà nghiên cứu để xây dựng một cách khái quát khái niệm bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự. Trên cơ sở các tiêu chí, các yêu cầu được xây dựng trong phần khái niệm, tác giả đề xuất một số định hướng mà pháp luật tố tụng cần phải hoàn thiện về vấn đề này như: Ghi nhận đầy đủ các quyền tố tụng cơ bản của mỗi đương sự đồng thời xác lập và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ tương ứng của các đương sự khác; thiết lập cơ chế hỗ trợ thực hiện quyền tố tụng của đương sự thông qua sự tham gia tố tụng của người đại diện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

**Từ khóa:** Bảo đảm quyền, đương sự, tố tụng dân sự

**37. Giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật về giá**/ Phùng Thị Ánh Ngọc// Tài chính .- 2020 .- Số 737 .- Tr. 13 – 16  
**Nội dung**: Bài viết làm rõ một số hạn chế tromg hệ thống pháp luật về giá và định hướng hoàn thiện.

**Từ khóa**: Pháp luật về giá, quản lý nhà nước về giá, định giá, bình ổn giá, thẩm định giá, kê khai giá, hiệp thương giá

**38.** **Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động lập pháp của hội đồng dân tộc, các uỷ ban của Quốc hội/** Nguyễn Hoàng Sơn **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 22 (421).- Tr. 11 – 17.

**Nội dung:** Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội là thiết chế hiến định quan trọng trong cơ cấu tổ chức của Quốc hội. Để nâng cao hiệu quả hoạt động lập pháp của Quốc hội, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó có nhóm giải pháp tiếp tục đổi mới về cơ cấu tổ chức và tăng cường chất lượng, hiệu quả hoạt động thẩm tra của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội.

**Từ khóa:** Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, lập pháp, thẩm tra.

**39.** **Giải quyết tranh chấp trực tuyến ở Việt Nam**/ Dương Quỳnh Hoa**/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 19 (419).- Tr. 29 – 34.

**Nội dung:** Trong những năm gần đây, số lượng các giao dịch thương mại điện tử tăng nhanh và đồng thời số lượng các tranh chấp cũng nhiều lên[[1]](file:///C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\6.%20DQHoa%20-%20GQ%20tranh%20chap%20truc%20tuyen.Hoabt.HA.MT.doc#_ftn1). Các phương thức giải quyết tranh chấp truyền thống trực tiếp tại toà trở nên kém hiệu quả. Do vậy, để thích ứng và thúc đẩy thương mại điện tử phát triển, chính phủ nhiều quốc gia đã thúc đẩy việc ra đời và phát triển cơ chế giải quyết tranh chấp trực tuyến. Đây là quá trình giải quyết tranh chấp thông qua trực tuyến, bao gồm những hình thức giải quyết tranh chấp thay thế (thương lượng, hoà giải và trọng tài) và toà án có sử dụng công cụ đặc biệt là công nghệ internet trong một phần hoặc toàn bộ quá trình giải quyết tranh chấp.

**Từ khoá**: Thương mại điện tử, giải quyết tranh chấp trực tuyến, giải quyết tranh chấp.

**40.** **Góp ý hoàn thiện dự thảo Luật bảo vệ môi trường (sửa đổi)**/ Bùi Đức Hiển, Nguyễn Phúc Thiện **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 20 (420).- Tr. 28 – 34.

**Nội dung:** Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 (sửa đổi) đã được trình Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến tại Phiên họp thứ 47, tháng 8 năm 2020 và đang được tiếp tục hoàn thiện để trình Quốc hội xem xét, thông qua. Trong phạm vi bài viết này, các tác giả chỉ ra một số hạn chế, bất cập của Dự thảo Luật này và đưa ra các kiến nghị hoàn thiện.

**Từ khóa:** Bảo vệ môi trường, Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi), Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

**41**. **Góp ý sửa đổi luật giao thông đường bộ và giao thẩm quyền cấp giấy phép lái xe cho bộ công an**/ Nguyễn Mai Bộ**/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 18 (418) .- Tr. 29 – 31.

**Nội dung:** Theo đề nghị của Chính phủ, Luật Giao thông đường bộ được tách thành hai luật là: Luật Giao thông đường bộ (sửa đổi) và Luật Bảo đảm an toàn giao thông đường bộ. Cùng với đó, thẩm quyền cấp giấy phép lái xe mô tô và giấy phép lái xe ô tô được chuyển từ Bộ Giao thông vận tải sang Bộ Công an. Hai dự án Luật này sẽ được Quốc hội thảo luận tại Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa 14. Trong phạm vi bài viết này, tác giả bàn về sự cần thiết tách Luật Giao thông đường bộ thành Luật giao thông đường bộ (sửa đổi) và Luật Bảo đảm an toàn giao thông đường bộ, và việc chuyển thẩm quyền cấp giấy phép lái xe mô tô và giấy phép lái xe ô tô từ Bộ Giao thông vận tải sang Bộ Công an.

**Từ khóa:** Luật giao thông đường bộ, giấy phép lái xe, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công an.

**42. Góp ý xây dựng nghị định quy định chi tiết về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ/** Nguyễn Ngọc Điện **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 24 (424).- Tr. 22 – 28.

**Nội dung:** Chế định bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong Bộ luật Dân sự năm 2015 được nhìn nhận là kết quả của sự kế thừa Bộ luật Dân sự năm 2005 và việc vận dụng kinh nghiệm nước ngoài. Tuy nhiên, ở góc nhìn thực tiễn, kết quả này chưa đáp ứng được kỳ vọng. Hơn nữa, một số luật chuyên ngành như luật đất đai, luật nhà ở, ... quy định về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo những cách thức khác nhau và ít nhiều có mâu thuẫn với Bộ luật Dân sự, gây khó khăn cho việc thực thi khung pháp lý của bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Trong bối cảnh đó, yêu cầu được đặt ra là cần xác định những nội dung của Nghị định quy định chi tiết về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nhằm thực thi có hiệu quả chế định bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong BLDS năm 2015.

**Từ khoá:**Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, Bộ luật Dân sự năm 2015.

**43.** **Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên và thực tiễn áp dụng**/ Ngô Thị Hường**/**/ Luật học .- 2020 .- Số 06.- Tr. 31 – 41.

**Nội dung:** Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên là biện pháp xử lí đối với cha, mẹ có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ đối với con, nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên. Tuy nhiên, thực tế quy định này ít được áp dụng do nhận thức của cá nhân còn hạn chế, do sự thiếu trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc bảo vệ người chưa thành niên. Bài viết nghiên cứu quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên, phân tích thực tiễn áp dụng trong những năm quan và đư ẩ một số giải pháp nhằm nâng cai hiệu quả thực thi pháp luật về hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

**Từ khóa:** Bảo vệ trẻ em, con chưa thành niên, hạn chế quyền của cha, mẹ

**44.** **Hình thức xử phạt cảnh cáo trong pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính**/ Nguyễn Nhật Khanh**/**/ Luật học .- 2020 .- Số 05.- Tr. 16 – 30.

**Nội dung:** Trong các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, cảnh cáo là hình thức xử phạt đặc biệt và được áp dụng khá phổ biến. Tuy nhiên, hình thức xử phạt này vẫn còn một số bất cập về các vấn đề như: Điều kiện áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo đối với cá nhân từ đủ 16 tuổi trở lên và tổ chức; mối liên hệ giữa hình thức xử phạt cảnh cáo với hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện khi xử phạt người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi; kĩ thuật lập pháp; thẩm quyền xử phạt cảnh cáo. Bài viết đề xuất các giải pháp cụ thể để hoàn thiện quy định pháp luật về hình thức xử phạt cảnh cáo.

**Từ khóa:** Cảnh cáo, vi phạm hành chính, xử phạt

**45.** **Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thương mại hoá kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước**/ Nguyễn Trí Đức **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 17 (417).- Tr. 37 – 43.

**Nội dung:** Trong những năm gần đây, nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Điều này góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường, hiệu quả tăng trưởng của nền kinh tế và của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích thực trạng hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật và đổi mới tổ chức thực hiện pháp luật về vấn đề này.

**Từ khóa:** Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; thương mại hóa; kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ.

**46.** **Hoàn thiện chế định quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trong giai đoạn thi hành quyết quyết định tuyên bố phá sản**/ **Hồ Quân Chính/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 13 - 18.

**Nội dung:** Ở nước ta, sau khi Luật phá sản năm 2014 có hiệu lực, chế định quản tài viên và doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, bước đầu đã cho thấy được hiệu quả của nó, đặc biệt là trong giai đoạn Toà án giải quyết phá sản đã tạo ra sự chuyên môn hoá, chuyên nghiệp hoá và linh hoạt trong quản lý, thanh lý tài sản giúp cho quá trình giải quyết phá sản của Toà án được hiệu quả hơn. Tuy nhiên, trong giai đoạn thi hành quyết định tuyên bố phá sản thì vẫn còn một số hạn chế cần tiếp tục nghiên cứu để có những sửa đổi, bổ sung kịp thời.

**Từ khóa:** Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phá sản

**47.** **Hoàn thiện cơ chế xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên thỉnh giảng của học viện tư pháp**/ **Lê Thị Thuý Nga, Nguyễn Thị Thu Minh/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 51 – 57.

**Nội dung:** Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng giữ vai trò quan trọng đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Học viện tư pháp. Xây dựng, phát triển đội ngũ giảng viên thỉnh giảng đủ về số lượng, mạnh về chất lượng luôn là giải pháp quan trọng, thường xuyên được lãnh đạo Học viện tư pháp quan tâm. Bài viết đề cập tới vai trò của giảng viên thỉnh giảng, thực trạng và giải pháp hoàn thiện cơ chế xây dựng, phát triển đội ngủ giảng viên thỉnh giảng của Học viện Tư pháp.

**Từ khóa:** Giảng viên, thỉnh giảng, hoàn thiện cơ chế, quy chế giảng viên thỉnh giảng

**48. Hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp và quản lý tài chính tài chính đối với DNNN**/ Nguyễn Mạnh Hưng// Tài chính Doanh nghiệp .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 22-25  
**Nội dung**: Một số hạn chế đối với doanh nghiệp trong các quy định của văn bản luật và văn bản dưới luật, các nội dung sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách. Bài viết sẽ góp phần hoàn thiện quy định hiện hành và thực hiện đổi mới cơ chế, chính sách hiện nay.

**Từ khóa**: Luật Quản lý, chính sách quản lý, vốn nhà nước, doanh nghiệp nhà nước

**49. Hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp và quản lý tài chính tài chính đối với DNNN (tiếp theo)**/ Nguyễn Mạnh Hưng// Tài chính Doanh nghiệp .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 24-27  
**Nội dung**: Một số hạn chế đối với doanh nghiệp trong các quy định của văn bản luật và văn bản dưới luật, các nội dung sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách. Bài viết sẽ góp phần hoàn thiện quy định hiện hành và thực hiện đổi mới cơ chế, chính sách hiện nay.

**Từ khóa**: Luật Quản lý, chính sách quản lý, vốn nhà nước, doanh nghiệp nhà nước

**50**. **Hoàn thiện dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính**/ **Trần Đình Thắng/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 18 (418) .- Tr. 32 – 36.

**Nội dung:** Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 dự kiến sẽ được Quốc hội khóa 14 thông qua tại kỳ họp thứ 10. Trong bài viết này, tác giả phân tích, bình luận và đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Dự thảo Luật này.

**Từ khóa:** Trách nhiệm hành chính, vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính

**52. Hoàn thiện pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng công chức ở Việt Nam/** Lê Tuấn Phong **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 23 (423).- Tr. 52 – 59.

**Nội dung:** Công chức có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng hoạt động của cơ quan, tổ chức, là một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của chế độ, của đất nước. Cũng bởi tầm quan trọng như vậy nên Đảng và Nhà nước ta luôn có sự quan tâm đặc biệt đến đội ngũ công chức, phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng họ có đủ tài, đức, đủ năng lực tổ chức và biết cách tổ chức thực hiện chính xác, hiệu quả mọi nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm được giao.

**Từ khóa:** Đào tạo, bồi dưỡng công chức; đạo đức công vụ; pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

**53**. **Hoàn thiện pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thi hành án dân sự**/ Nguyễn Nhật Khanh, Trần Quốc Minh**/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 17 (417) .- Tr. 29 – 36

**Nội dung:** Xử phạt vi phạm hành chính được xem là một giải pháp hữu hiệu góp phần bảo đảm hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống các vi phạm hành chính trong lĩnh vực thi hành án dân sự. Tuy nhiên, các quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực này vẫn còn tồn tại một số bất cập gây ra nhiều khó khăn cho công tác xử phạt trong thực tiễn. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích một số bất cập của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thi hành án dân sự và đề xuất giải pháp hoàn thiện.

**Từ khóa:** Vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính, thi hành án dân sự.

**54.** **Hoàn thiện pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thi hành án dân sự**/ Nguyễn Nhật Khanh, Trần Quốc Minh **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 17 (417).- Tr. 29 – 36.

**Nội dung:** Xử phạt vi phạm hành chính được xem là một giải pháp hữu hiệu góp phần bảo đảm hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống các vi phạm hành chính trong lĩnh vực thi hành án dân sự. Tuy nhiên, các quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực này vẫn còn tồn tại một số bất cập gây ra nhiều khó khăn cho công tác xử phạt trong thực tiễn. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích một số bất cập của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thi hành án dân sự và đề xuất giải pháp hoàn thiện.

**Từ khóa**: Vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính, thi hành án dân sự.

# 55. Hoàn thiện quy định của pháp luật về bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em/ Phạm Thị Duyên Thảo, Phan Thị Lan Phương/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 16 (416) .- Tr. 17-24.

**Nội dung:** Trên cơ sở tham chiếu với pháp luật quốc tế về quyền trẻ em và các yếu tố thuộc nội hàm của hoạt động bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em, các tác giả phân tích những hạn chế cơ bản trong các quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em, đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em trong thực tiễn.

**Từ khóa:** Quyền riêng tư, quyền riêng tư của trẻ em, bảo vệ quyền riêng tư

**56. Hoàn thiện quy định của pháp luật về hoạt động tổng kết nhiệm kỳ của hội đồng nhân dân/** Hoàng Thị Lan **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 01 (425).- Tr. 58 – 62.

**Nội dung:** Thời gian kết thúc hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 – 2021 đang đến gần. Việc đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng nhân dân trong nhiệm kỳ này và đồng thời đề ra phương hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ tới là cần thiết. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật về tổng kết hoạt động của Hội đồng nhân dân trong nhiệm kỳ và đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

**Từ khóa:** Tổng kết nhiệm kỳ hoạt động, Hội đồng nhân dân.

**57.** **Hoàn thiện quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất tại các nông, lâm trường/** Lê Hải Đường, Đỗ Tiến Dũng, Võ Thị Hồng Lan **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 22 (421).- Tr. 27 – 32.

**Nội dung:** Trải qua quá trình hình thành và phát triển, các nông, lâm trường đã có những đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng, làm thay đổi diện mạo khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc cũng như bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn khu vực nông thôn, miền núi; giải quyết việc làm, cải thiện đời sống nhân dân. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động của các nông, lâm trường cũng đã bộc lộ những hạn chế, bất cập, đặc biệt là trong quản lý, sử dụng đất đai. Vì vậy, cùng với việc tiếp tục sắp xếp, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các nông, lâm trường thì cần hoàn thiện quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất tại các nông, lâm trường.

**Từ khóa:** Đất nông, lâm trường; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường; công ty nông, lâm nghiệp.

**58.** **Hoàn thiện quy định của pháp luật về tách hợp tác xã ở Việt Nam/** Nguyễn Văn Ban **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 22 (421).- Tr. 38 – 43.

**Nội dung:** Hợp tác xã (HTX) là một loại hình kinh tế tập thể khá phổ biến, hoạt động trên nhiều lĩnh vực đời sống xã hội và hiện diện ở các nền kinh tế có trình độ phát triển khác nhau. Ở Việt Nam, HTX do các cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện, góp vốn, góp sức lập ra để phát huy sức mạnh tập thể của từng xã viên tham gia hợp tác xã, cùng giúp nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần góp phần phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Trong thực tiễn hoạt động, việc chia tách, sáp nhập HTX luôn luôn phát sinh. Chính vì vậy, các thủ tục về tách, sáp nhập cần phải được thực hiện một cách dễ dàng, khoa học, bảo đảm được quyền lợi của các thành viên trong HTX. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích một số bất cập của việc tách HTX và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật về vấn đề này.

**Từ khóa**: Hợp tác xã, tách hợp tác xã, kinh tế tập thể.

**59.** **Hoàn thiện quy định pháp luật về trình tự, thủ tục đấu giá tài sản công ở Việt Nam**/ **Nguyễn Thị Thu Hồng/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 61 – 68.

**Nội dung:** Đấu giá là một trong những hình thức bắt buộc khi xử lý tài sản công. Bên cạnh các kết quả đã đạt được, pháp luật về đấu giá tài sản công thời gian qua đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Bài viết trao đổi về thực trạng pháp luật và đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về trình tự, thủ tục đấu giá tài sản công ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Đấu giá tài sản, đấu giá tài sản công, trình tự, thủ tục đấu giá tài sản công.

**60.** **Hoàn thiện quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi thu gom, thải rác thảo sinh hoạt trái quy định về bảo vệ môi trường**/ Phạm Minh Khương**/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 19 (419).- Tr. 29 – 34.

**Nội dung:** Xử phạt vi phạm hành chính được xem là một giải pháp hữu hiệu nhằm bảo đảm hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống vi phạm hành chính. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt được, pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường vẫn còn có những bất cập, gây nhiều khó khăn cho công tác xử phạt trong thực tiễn. Trong phạm vi bài viết này, tác giả tập trung phân tích một số bất cập trong các quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi thu gom, thải rác thải sinh hoạt trái quy định về bảo vệ môi trường và đề xuất giải pháp hoàn thiện.

**Từ khóa**: Xử phạt vi phạm hành chính, thải rác thải sinh hoạt, bảo vệ môi trường.

**61.** **Khó khăn, vướng mắc của cơ quan thi hành án dân sự trong việc đề nghị huỷ, huỷ một phần, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**/ Đoàn Văn Trâm, Nguyễn Thị Dung**/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 12.- Tr. 37 – 40.

**Nội dung:** Bài viết phân tích thực trạng pháp luật về cho thuê đất khu công nghiệp, đánh giá ưu điểm, tồn tại trong các quy định pháp luật hiện hành thuộc lĩnh vực này. Trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về cho thuê đất khu công nghiệp. Những giải pháp này cũng đồng thời giúp cho việc sử dụng đất khu công nghiệp hiệu quả hơn.

**Từ khóa:** Cho thuê đất, đắt khu công nghiệp, khu công nghiệp

**62. Khung pháp lý về tiền kỹ thuật số tại Nhật Bản, Canada và thực tiễn ở Việt Nam**/ Trịnh Tuấn Anh, Nguyễn Thị Liệu// Tài chính .- 2020 .- Số 736 .- Tr. 65 – 68  
**Nội dung:** Bài viết đánh giá kinh nghiệm quốc tế về khung pháp lý điều chỉnh thị trường tiền kỹ thuật số và đề xuất một số giải pháp ch Việt Nam.  
**Từ khóa:** Tiền kỹ thuật số, bitcoin, pháp lý, thị trường

**63.** **Khuôn khổ pháp lý chung về bảo lãnh nhìn từ thực tiễn cấp tín dụng có bảo đảm**/ Bùi Đức Giang// Ngân hàng .- 2020 .- Số 16 .- Tr. 25-29.

**Nội dung:** Tính chất của bảo lãnh, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, phạm vi bảo lãnh, chất dứt bảo lãnh, quyền được hoàn trả bên bảo lãnh,thế quyền của bên nhận bảo lãnh, bên bảo lãnh là cá nhân chết, bên bảo lãnh là doanh nghiệp bị mở thủ tục phá sản.

**Từ khoá**: Khuôn khổ pháp lý, bảo lãnh, tín dụng có bảo đảm

**64**. **Kiểm soát bên trong đối với quyền lập pháp ở Thuỵ Điển – Những gợi mở cho Việt Nam**/ Thái Thị Thu Trang**/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 17 (417) .- Tr. 57 – 74

**Nội dung:** Ở các quốc gia trên thế giới, kiểm soát quyền lập pháp được thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau; trong đó kiểm soát bên trong đóng vai trò quan trọng, chi phối hiệu quả hoạt động lập pháp của Quốc hội. Bài viết tập trung phân tích, đánh giá hoạt động kiểm soát bên trong đối với quyền lập pháp của Quốc hội Thuỵ Điển, từ đó rút ra những gợi mở cho việc nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lập pháp ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Quyền lập pháp, kiểm soát bên trong, Quốc hội

**65.** **Kiểm soát bên trong đối với quyền lập pháp ở Thuỵ Điển: Những gợi mở cho Việt Nam**/ Thái Thị Thu Trang**/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 17 (417).- Tr. 57 – 64.

**Nội dung:** Ở các quốc gia trên thế giới, kiểm soát quyền lập pháp được thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau; trong đó, kiểm soát bên trong đóng vai trò quan trọng, chi phối hiệu quả hoạt động lập pháp của Quốc hội. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả tập trung phân tích, đánh giá hoạt động kiểm soát bên trong đối với quyền lập pháp của Quốc hội Thuỵ Điển, từ đó rút ra những gợi mở cho việc nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lập pháp ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa**: Quyền lập pháp, kiểm soát bên trong, Quốc hội

**66.** **Kiểm soát thực hiện quyền hành pháp của một số nước trên thế giới và một vài khuyến nghị cho Việt Nam**/ **Vũ Đặng Phúc/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 64 – 70.

**Nội dung:** Cơ quan hành chính nhà nước là chủ thể chủ yếu, thực hiện quyền hành pháp và luôn đứng trước nguy cơ lạm quyền, tham nhũng, thiếu trách nhiệm trong quản lý. Thông thường, việc kiểm soát thực hiện quyền hành pháp được thực hiện qua hai kênh: kiểm soát của cơ quan nhà nước (kiểm soát bên trong) và kiểm soát của các thiết chế xã hội (kiểm soát bên ngoài). So sánh việc kiểm soát thực hiện quyền hành pháp ở các nước và đề xuất các khuyến nghị cho Việt Nam là một công việc cần thiết.

**Từ khóa:** Kiểm soát quyền hành pháp, tính hợp pháp, tính hợp lý, lập pháp, tư pháp

**67. Kiến nghị một số nội dung về cơ chế thực hiện thí điểm chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội/** Vũ Văn Huân **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 23 (423).- Tr. 60 – 64.

**Nội dung:** Lựa chọn và xây dựng mô hình chính quyền phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa và mục tiêu phát triển đặc thù là yêu cầu chính đáng của mỗi địa phương. Vai trò và trách nhiệm của Nhà nước, không chỉ đơn thuần là việc ban hành văn bản pháp luật, mà quan trọng hơn cả là tạo được cơ chế thực hiện để phát huy sự riêng biệt nhưng hiệu quả giữa các mô hình. Trong thời điểm Chính phủ đang dự thảo và lấy ý kiến vào Nghị định hướng dẫn thực hiện thí điểm chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, Bài viết đặt ra một số vấn đề cần làm rõ và các đề xuất mang tính gợi ý nhằm góp phần hoàn thiện cơ chế thực hiện đó.

**Từ khóa:** Chính quyền địa phương, chính quyền đô thị, Uỷ ban nhân dân, Hội đồng nhân dân

**68.** **Kinh tế Việt Nam 2020: Đồng lòng vượt qua khó khăn trong bối cảnh tác động của đại dịch Covid - 19**/ Lê Hải Đường**/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 18 (418).- Tr. 3 – 8.

**Nội dung:** Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 cho thấy dự kiến sẽ có 08/12 chỉ tiêu đạt, vượt và có 04/12 chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch, mặc dù Quốc hội, Chính phủ cùng chung sức, đồng lòng triển khai các giải pháp đặc biệt, linh hoạt, thậm chí chưa có tiền lệ để nỗ lực thực hiện “mục tiêu kép” là phát triển kinh tế - xã hội và phòng, chống dịch bệnh. Những kết quả đạt được phản ánh tương đối rõ nét và chân thực bức tranh toàn cảnh kinh tế Việt Nam trong năm 2020 đặt trong bối cảnh nước ta đã, đang và sẽ tiếp tục chịu tác động tiêu cực do đại dịch Covid-19 gây ra.

**Từ khóa:** Kinh tế - xã hội; kinh tế Việt Nam năm 2020; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.

**69**. **Kinh tế Việt Nam năm 2020: Đồng lòng vượt qua khó khăn trong bối cảnh tác động của đại dịch Covid- 19**/ **Lê Hải Đường/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 18 (418) .- Tr. 3 – 8.

**Nội dung:** Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 cho thấy dự kiến sẽ có 08/12 chỉ tiêu đạt, vượt và có 04/12 chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch, mặc dù Quốc hội, Chính phủ cùng chung sức, đồng lòng triển khai các giải pháp đặc biệt, linh hoạt, thậm chí chưa có tiền lệ để nỗ lực thực hiện “mục tiêu kép” là phát triển kinh tế - xã hội và phòng, chống dịch bệnh. Những kết quả đạt được phản ánh tương đối rõ nét và chân thực bức tranh toàn cảnh kinh tế Việt Nam trong năm 2020 đặt trong bối cảnh nước ta đã, đang và sẽ tiếp tục chịu tác động tiêu cực do đại dịch Covid-19 gây ra.

**Từ khóa:** Kinh tế - xã hội; kinh tế Việt Nam năm 2020; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.

**70.** **Kỹ năng áp dụng biện pháp xem xét, thẩm định tại chỗ của thẩm phán trong xây dựng hồ sơ vụ án dân sự**/ Nguyễn Thị Hạnh, Hà Hữu Dụng**/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 12.- Tr. 3 – 6.

**Nội dung:** Khoản 2 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định các biện pháp thẩm phán có quyền áp dụng trong giải quyết vụ ám dân sự, trong đó có biện pháp xem xét thẩm định tại chỗ được quy định cụ thể tại Điều 101 BLTTDS. Khi thực hiện kỹ năng áp dụng biện pháp xem xét, thẩm định tại chỗ thẩm phán phải tuân theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định mới đảm bảo tính khách quan, hợp pháp của chứng cứ trong giải quyết vụ án dân sự.

**Từ khóa:** Xem xét, thẩm định tại chỗ, kỹ năng áp dụng biện pháp xem xét

**71.** **Kỹ năng của luật sư tham gia giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại trong các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khoả, danh dự, nhân phẩm**/ Chu Mạnh Cường, Cao Thị Ngọc Hà**/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 12.- Tr. 48 – 52.

**Nội dung:** Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, vấn đề bồi thường thiệt hại là một trong những vấn đề dân sự phải được giải quyết đồng thời cùng với việc giải quyết vụ án hình sự. Trong quá trình tham gia giải quyết vụ án hình sự, bên cạnh những kỹ năng, kinh nghiêmk về lĩnh vực hình sự luật sư còn phải có kiến thức pháp luật, hiểu biết liên quan đến việc giải quyết trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại. Bài viết dưới đây sẽ chia sẻ một số kỹ năng của luật sư khi tham gia giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại trong các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm.

**Từ khóa:** Bồi thường thiệt hại, vụ án xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm

**72.** **Kỹ năng giải quyết vấn đề trong thực hành nghề luật sư**/ **Nguyễn Thị Minh Huệ, Lê Ngọc Cẩm/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 34 – 41.

**Nội dung:** Trong quá trình thực hành nghề, luật sư thường phải đối mặt với nhiều vấn đề. Việc luật sư giải quyết các vấn đề này không chỉ có ý nghĩa đối với cá nhân luật sư mà còn tác động tới khách hàng các cá nhân, tổ chức liên quan đến việc thực hiện các giải pháp đó. Vì vậy, kỹ năng giải quyết vấn đề sẽ giúp cho luật sư thực hành nghề nghiệp một cách hiệu quả và chuyên nghiệp hơn. Trong bài viết này, tác giả sẽ giới thiệu và phân tích về quy trình giải quyết vấn đề trong thực hành nghề luật sư.

**Từ khóa:** Vấn đề, kỹ năng giải quyết vấn đề, thực hành nghề luật sư

**73. Luật về PPP và những điểm mới kỳ vọng tạo đột phá thu hút khu vực tư nhân đầu tư theo hình thức đối tác công - tư/** PGS. TS. Nguyễn Hồng Thái// Giao thông vận tải .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 108-111.

**Nội dung:** Đề cập tới những điểm mới của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công – tư số 64/2020/QH14, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 so với quy định tại Luật Đầu tư năm 2014 và Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/05/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công – tư, chỉ ra trách nhiệm và vấn đề Chính phủ cần triển khai khi thực hiện luật PPP.

**Từ khóa**: Luật PPP, Luật Đầu tư, đối tác công – tư

**74.** **Mối quan hệ giữa quyền hưởng dụng và quyền sở hữu tài sản dưới góc nhìn so sánh**/ Đoàn Thị Phương Diệp, Nguyễn Thị Vy Quý**/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 20 (420).- Tr. 3 – 9.

**Nội dung:** Quyền hưởng dụng trong chừng mực nào đó, có thể xem như được phân tích từ “kết quả chia tách các nội dung của quyền sở hữu: người có quyền hưởng dụng nắm giữ quyền sử dụng; còn chủ sở hữu giữ lại cho mình quyền định đoạt đối với tài sản”. Việc thực hiện các quyền của người hưởng dụng sẽ tác động đến quyền của chủ sở hữu và ngược lại. Bài viết phân tích về mối quan hệ tác động qua lại này.

**Từ khóa:** Quyền hưởng dụng, quyền sở hữu, Bộ luật Dân sự.

**75. Một số bất cập, vướng mắc qua thực tiễn 9 năm thi hành Luật Khoáng sản và đề xuất điều chỉnh, bổ sung/** Nguyễn Công Thủy, Hoàng Văn Khoa// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 18-20.

**Nội dung:** Trình bày các bất cập quy định về giải thích từ ngữ, khái niệm; bất cập các quy định về quy hoạch khoáng sản; bất cập các quy định về khu vực khoáng sản; bất cập các quy định về thăm dò khoáng sản; bất cập các quy định về khai thác khoáng sản.

**Từ khóa**: Luật Khoáng sản, bất cập, quy định

**76. Một số công cụ kinh tế, chính sách và nguồn lực mới trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020/** TS. Lại Văn Mạnh// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 10-12.

**Nội dung:** Trình bày về công cụ kinh tế cho bảo vệ môi trường, chính sách phát triển ngành kinh tế môi trường và nguồn lực về bảo vệ môi trường.

**Từ khóa**: Luật Bảo vệ môi trường, công cụ kinh tế, nguồn lực

**77.** **Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về cai nghiện ma tuý ở Việt Nam**/ **Hoàng Văn Tú, Nguyễn Thị Đức Hạnh/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 24 - 29.

**Nội dung:** Hệ thống pháp luật về cai nghiện ma tuý của Việt Nam hình thành cách đây hơn 30 năm trong Bộ luật hình sự năm 1985, nhưng quan điểm về cai nghiện ma tuý được đặt nền móng rõ ràng từ Quyết định số 139/1998 QĐ-TTg. Đến nay, Việt Nam đã ban hành rất nhiều văn bản pháp luật về cai nghiện ma tuý. Trong đó, Luật phòng chống ma tuý sửa đổi năm 2008 đã đánh dấu sự thay đổi về nhận thức từ hình sự hoá việc sử dụng trái phép chất ma tuý sang phi hình sự hoá. Bài viết tập trung phân tích về quá trình chuyển biến này cũng như chỉ ra những ưu điểm, hạn chế của hệ thống pháp luật cai nghiện ma tuý tại Việt Nam. Từ đó, đưa ra các khuyến nghị chung về quan điểm pháp luật đối với vấn đề cai nghiện ma tuý và các khuyến nghị cụ thể để bổ sung cho Dự thảo Luật phồng, chống ma tuý sửa đổi trình Quốc hội tại kỳ họp tới.

**Từ khóa:** Cai nghiện may tuý, pháp luật về cai nghiện ma tuý

**78. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về thu hồi đất ở hiện nay/** Ngô Cẩm Bình// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 65-66.

**Nội dung:** Một số hạn chế của pháp luật về thu hồi đất ở; Giải pháp hoàn thiện pháp luật về thu hồi đất ở.

**Từ khóa**: Thu hồi đất, pháp luật, giải pháp

**79. Một số vấn đề cần lưu ý khi sử dụng quyền đòi nợ làm tài sản thế chấp**/ Lê Trọng Dũng// Ngân hàng .- 2020 .- Số 18 .- Tr. 28-32.

**Nội dung**: Điều kiện đối với quyền đòi nợ khi sử dụng làm tài sản thế chấp; Mô tả quyền đòi nợ làm tài sản thế chấp; Định giá quyền đòi nợ khi sử dụng làm tài sản thế chấp.

**Từ khoá**: Quyền đòi nợ làm tài sản thế chấp

**80.** **Một số vấn đề cơ bản về bảo đảm, bảo vệ quyền công dân trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước**/ **Nguyễn Sơn/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 30 – 33,50.

**Nội dung:** Cùng với sự phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế, bảo đảm quyền con người, quyền công dân là hết sức cần thiết đặc biệt là bảo đảm quyền công dân trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước. Bởi, mọi hoạt động của con người hàng ngày ít nhiều đều liên quan đến hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước là thiết chế trực tiếp nhất, thường xuyên nhất ảnh hưởng đến quyền công dân.

**Từ khóa:** Quyền công dân, cơ quan hành chính nhà nước, bảo đảm quyền công dân

**81.** **Một số vấn đề lý luận về bảo đảm quyền tự do kinh doanh**/ **Đỗ Thị Thu Hằng/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 34 – 38.

**Nội dung:** Quyền tự do kinh doanh là một quyền cơ bản trong hệ thống quyền con người. Mục đích bảo đảm quyền tự do kinh doanh nhằm trước hết là làm cho chủ thể kinh doanh được thụ hưởng và thực hiện được đầy đủ các quyền tự do kinh doanh. Bài viết nghiên cứu một số vấn đề lý luận về bảo đảm quyền tự do kinh doanh nhằm làm sáng tỏ những luận cứ khoa học và thực tiễn làm cơ sở cho việc đánh giá thực trạng pháp luật và xây dựng, hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền tự do kinh doanh ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Bảo đảm, quyền tự do kinh doanh

**82. Một số vấn đề về quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia và nội dung quy hoạch vùng, tỉnh trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020/** PGS. TS. Mai Trọng Thông// Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 21-23.

**Nội dung:** Vấn đề quy hoạch bảo vệ môi trường trong các văn bản pháp lý; Nội dung về quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, nội dung quy hoạch vùng, tỉnh trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

**Từ khóa**: Luật Bảo vệ môi trường, quy hoạch môi trường, bảo vệ môi trường

**83. Một số vấn đề về xã hội hoá giáo dục theo Luật Giáo dục năm 2019/** Lê Văn Tranh, Nguyễn Duy Trinh **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 24 (424).- Tr. 16 – 21.

**Nội dung:** Bài viết đề cập đến hàng lang pháp lý, nêu lên một số thuận lợi, khó khăn của quá trình xã hội hoá giáo dục đối với trường ngoài công lập trong hệ thống giáo dục, đồng thời đề ra một số giải pháp nhằm thu hút nguồn lực đầu tư cho giáo dục ngoài công lập để góp phần đưa mục tiêu “dân chủ hoá, xã hội hoá giáo dục và đào tạo” thành một trong các động lực tăng trưởng và phát triển kinh tế, xã hội.

**Từ khóa**: Xã hội hoá giáo dục, hệ thống giáo dục, trường công lập, trường ngoài công lập

**84.** **Một số vấn đề về xung đột lợi ích trong pháp luật phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay**/ **Lê Thị Hoa/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 3 – 12.

**Nội dung:** Xung đột lợi ích là tình huống khách quan xảy ra trong đời sôngs xã hội và có mối quan hệ chặt chẽ với tham nhũng. Bài viết phân tích mối quan hệ giữa xung đột lợi ích và tham nhũng. Nội dung quy định pháp luật phòng, chống tham nhũng về xung đột lợi ích từ nhận diện xung đột lợi ích đến phòng ngừa, kiểm soát và xử lý khi xảy ra xung đột lợi ích. Qua đó, tác giả đề xuất một số giải pháp để pháp luật về xung đột lợi ích thực sự đi vào cuộc sống.

**Từ khóa:** Xung đột lợi ích, tham nhũng, phòng, chống tham nhũng

**85.** **Một số vướng mắc khi áp dụng xử lý kỷ luật đối với người giữ chức vụ do hội đồng nhân dân bầu**/ Hoàng Thị Lan**/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 19 (419).- Tr. 59 – 63.

**Nội dung:** Xử lý kỷ luật luôn được đặt ra như một điều kiện tất yếu, song hành trong quá trình các chủ thể thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao để bảo đảm hiệu quả, đồng thời cũng là một trong các biện pháp giáo dục, răn đe nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực từ những hành vi vi phạm. Trong thời gian qua, cách tiếp cận về các vấn đề liên quan đến xử lý kỷ luật đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân (HĐND) bầu chưa phản ánh đúng bản chất địa vị pháp lý của nhóm chủ thể này. Điều này dẫn đến sự lúng túng, thiếu thống nhất trong hệ thống văn bản pháp luật và quá trình áp dụng pháp luật để xử lý kỷ luật những người do Hội đồng nhân dân bầu.

**Từ khóa:** Xử lý kỷ luật, hình thức kỷ luật, cán bộ dân cử, Hội đồng nhân dân; Quy định số 102; Nghị định số 112/2020/NĐ – CP; Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

**86. Nâng cao chất lượng hoạt động, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước tại kỳ họp Quốc hội/** Lê Bộ Lĩnh, Dương Thuỳ Dung **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2021 .- Số 01 (425).- Tr. 3 – 13.

**Nội dung:** Bài viết phân tích thực trạng hoạt động quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước tại kỳ họp Quốc hội Khóa XIII và XIV; chỉ ra những hạn chế, bất cập; đồng thời đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước tại kỳ họp Quốc hội.

**Từ khóa:** Hoạt động quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, kỳ họp Quốc hội.

**87.** **Nâng cao hiệu quả thực hiện quy định của pháp luật về các biện pháp phòng vệ thương mại ở Việt Nam/** Trương Vĩnh Xuân, Nguyễn Việt Anh **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 21 (421).- Tr. 11 – 19.

**Nội dung:** Khi hội nhập kinh tế quốc tế, các biện pháp phòng vệ thương mại được Việt Nam quy định và hoàn thiện nhằm bảo vệ nền sản xuất trong nước, tăng cường khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam. Bên cạnh những tác động tích cực, các biện pháp phòng vệ thương mại cũng ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất trong nước và Việt Nam cần đẩy mạnh các giải pháp thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng vệ thương mại, nhất là nâng cao nhận thức về phòng vệ thương mại và cơ chế thực thi các biện pháp phòng vệ thương mại.

**Từ khóa:** Phòng vệ thương mại, các biện pháp phòng vệ thương mại.

**88.** **Nâng cao hiệu quả thực hiện tương trợ tư pháp giữa các nước ASEAN**/ Vũ Thị Phương Thảo, Nguyễn Ngọc Kim Cương**/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 19 (419).- Tr.14 – 19.

**Nội dung:** Hiệp định Tương trợ tư pháp về hình sự giữa các nước ASEAN là một trong những công cụ pháp lý đa phương hữu hiệu trong khu vực, xác lập cơ chế phối hợp chặt chẽ, lâu dài và là cơ sở pháp lý quan trọng trong hợp tác đấu tranh phòng, chống tội phạm giữa các nước ASEAN. Trong phạm vi bài viết này, các tác giả đánh giá thực trạng thực hiện tương trợ tư pháp giữa Việt Nam với các nước ASEAN hiện nay, và đưa ra một số kiến nghị nâng cao hiệu của của hoạt động này.

**Từ khóa:** Tương trợ tư pháp về hình sự, Hiệp định Tương trợ tư pháp về hình sự giữa các nước ASEAN

**89. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và yêu cầu của các Công ước quốc tế nhằm định hướng sửa đổi một số nội dung của Luật Đa dạng sinh học/** Hoàng Thị Thanh Nhàn, Nguyễn Xuân Dũng, Trần Thị Kim Tĩnh, Nguyễn Vân Anh, Trần Huyền Trang// Môi trường .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 21-24.

**Nội dung:** Mô hình tổ chức và trách nhiệm quản lý nhà nước về đa dạng sinh học; Phân hạng và quản lý khu bảo tồn; Quản lý bảo tồn, phát triển bền vững loài hoang dã.

**Từ khóa**: Khu bảo tồn, đa dạng sinh học, Luật Bảo vệ môi trường

**90**. **Nguyên tắc giải quyết xung đột pháp luật về hợp đồng**/ Trương Nhật Quang, Lê Trần Quỳnh Thi**/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 17 (417) .- Tr. 13 - 21.

**Nội dung:** **Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, một hợp đồng thông thường có thể đồng thời chịu sự điều chỉnh của nhiều luật khác nhau, như Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Thương mại năm 2005 và các luật chuyên ngành điều chỉnh lĩnh vực đặc thù. Trong trường hợp như vậy, việc các luật này có quy định khác nhau hoặc có tính chất đặc thù khi điều chỉnh về cùng một vấn đề pháp lý là điều khó tránh khỏi. Hiện nay, một số cơ quan xét xử và cơ quan áp dụng pháp luật dường như có xu hướng ưu tiên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 hơn so với Luật Thương mại năm 2005 khi luật chuyên ngành không có quy định điều chỉnh, đặc biệt trong bối cảnh các hợp đồng trong lĩnh vực xây dựng và ngân hàng. Trong phạm vi bài viết này, các tác giả trình bày các nguyên tắc giải quyết xung đột pháp luật về hợp đồng trên cơ sở các quy định hiện hành tại Việt Nam để hạn chế các rủi ro phát sinh từ xu hướng áp dụng pháp luật hiện nay.**

**Từ khóa:** **Xung đột pháp luật, hợp đồng**

**91.** **Nguyên tắc giải quyết xung đột pháp luật về hợp đồng**/ Trương Nhật Quang, Lê Trần Quỳnh Thy **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 17 (417).- Tr. 13 – 21.

**Nội dung:** Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, một hợp đồng thông thường có thể đồng thời chịu sự điều chỉnh của nhiều luật khác nhau, như Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Thương mại năm 2005 và các luật chuyên ngành điều chỉnh lĩnh vực đặc thù. Trong trường hợp như vậy, việc các luật này có quy định khác nhau hoặc có tính chất đặc thù khi điều chỉnh về cùng một vấn đề pháp lý là điều khó tránh khỏi. Hiện nay, một số cơ quan xét xử và cơ quan áp dụng pháp luật dường như có xu hướng ưu tiên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 hơn so với Luật Thương mại năm 2005 khi luật chuyên ngành không có quy định điều chỉnh, đặc biệt trong bối cảnh các hợp đồng trong lĩnh vực xây dựng và ngân hàng. Trong phạm vi bài viết này, các tác giả trình bày các nguyên tắc giải quyết xung đột pháp luật về hợp đồng trên cơ sở các quy định hiện hành tại Việt Nam để hạn chế các rủi ro phát sinh từ xu hướng áp dụng pháp luật hiện nay.

**Từ khóa**: Xung đột pháp luật, hợp đồng.

**92.** **Nhà nước phong kiến Việt Nam với việc phòng chống nạn cường hào làng xã và một số bài học kinh nghiệm**/ Trần Hồng Nhung**/**/ Luật học .- 2020 .- Số 06.- Tr. 52 – 66.

**Nội dung:** Trên cơ sở so sánh những điểm tương đồng và khác biệt giữa nạn cường hào thời kì phong kiến và “tệ cường hào mới” ở Việt Nam hiện nay, bài viết chỉ ra những bài học kinh nghiệm trong tổ chức, quản lí làng xã góp phần đấu tranh chống tham nhũng ở cấp cơ sở nói riêng và vấn nạn tham nhũng nói chung ở nước ta.

**Từ khóa:** Làng xã, nạm cường hào, phòng chống

**93. Nhận diện chuyển đổi quan hệ lao động công nghiệp: những thách thức pháp lý đặt ra cho Việt Nam**/ Đoàn Thị Phương Diệp, Hồ Đức Hiệp // Tài chính.- 2019 .- Số 709.- Tr.31 – 34.

**Nội dung:** Sau 3 thập kỷ đổi mới, quan hệ lao động trong nền kinh tế thị trường được hình thành và phát triển nhanh chóng. Tuy nhiên, quan hệ lao động hiện đang tồn tại nhiều cấp bậc, đặc biệt là các cơ chế đối thoại, thương lượng và giải quyết tranh chấp lao động tập thể. Vì vậy, để khơi thông các nguồn lực phát triển cần phải đổi mới hệ thống quan hệ lao động cho phù hợp cơ chế thị trường. Cùng với đó, vai trò của Nhà nước trong quan hệ lao động cần dịch chuyển từ chỉ đạo trực tiếp sang tạo dựng khuôn khổ pháp lý và hỗ trợ các bên tương tác.

**Từ khoá**: Quan hệ lao động, cách mạng công nghiệp, quan hệ xã hội, người lao động, pháp luật.

**94.** **Những điểm mới trong quy định pháp luật về khiếu nại và khởi kiện liên quan đến kiểm toán nhà nước**/ **Lê Thu Thảo/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 39 – 42.

**Nội dung:** Ngày 26/11/2019, Quốc hội khoá XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiểm toán Nhà nước (Luật KTNN) năm 2019 sửa đổi, bổ sung 15 nội dung của Luật KTNN năm 2015. Luật có hiệu lực thi hành từ 01/7/2020. Trong 15 nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên, Luật KTNN đã bổ sung quyền khiếu nại và khởi kiện trong hoạt động kiểm toán nhà nước. Trong phạm vi bài viết này, tác giả tập trung vào nêu, bình luận một số điểm mới về khiếu nại và khởi kiện liên quan đến hoạt động kiểm toán nhà nước.

**Từ khóa:** Khiếu nại, khởi kiện hành chính, luật kiểm toán nhà nước, kiểm toán nhà nước

**95. Những qui định mới về thuế, doanh nghiệp cần lưu ý/Nguyễn Thị Thanh Hương, Lương Thị Ngọt/ Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.35 -37.**

**Nội dung:** Việc thực hiện các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước là trách nhiệm của cộng đồng doanh nghiệp và hộ kinh doanh. Trong thời gian qua, để hỗ trợ các đối tượng này thực hiện tốt nghĩa vụ đóng thuế, ngành thuế đã đẩy mạnh tuyên truyền, tổ chức nhiều cuộc hội thảo, tập huấn và công khai trên các phương tiện đại chúng về các chính sách thuế đối với cộng đồng doanh nghiệp và hộ kinh doanh, đặc biệt tại những dịp cần phải thực hiện kê khai, quyết toán thuế. Năm 2020, có thêm một số qui định mới về kê khai quyết toán thuế. Nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh nắm rõ các văn bản có liên quan đến tài chính, kế toán, thuế có hiệu lực từ tháng 12/2020 trở đi và những vấn đề cần lưu ý khi kết thúc năm 2020 nhóm tác giả đã hệ thống hóa các qui định quan trọng cần chú ý thực hiện.

**Từ khoá:** Luật Quản lý thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp, quản lý thuế, hóa đơn, xử phát hành chính.

**96.** **Những tình huống phức tạp khi xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng**/ Cao Vũ Minh**/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 19 (419).- Tr. 20 – 28.

**Nội dung:** Xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng là việc người có thẩm quyền xử phạt tiến hành các hoạt động nhằm áp dụng hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả đối với cá nhân, tổ chức vi phạm. Thời gian qua, công tác xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng được thực hiện nghiêm minh, đúng pháp luật. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, nhất là các quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với nhóm hành vi này còn chưa cụ thể, rõ ràng, đã làm cho người có thẩm quyền gặp nhiều khó khăn trong xử phạt những tình huống phức tạp.

**Từ khóa:** Trật tự xây dựng, vi phạm hành chính về trật tự xây dựng, xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng, biện pháp khắc phục hậu quả.

.

**97.** **Những vấn đề cần chứng minh trong vụ án hình sự về các tội phạm tham nhũng – những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị**/ **Vũ Văn Giang/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 43 – 47.

**Nội dung:** So với các quy định về các tội phạm tham nhũng được quy định tại Bộ luật Hình sự năm 1999 sử đổi bổ sung năm 2009, thì tội phạm tham nhũng có một số điểm mới. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, việc xử lý tội phạm này trong thời gian qua còn nhiều bất cập, khó khăn, vướng mắc. Bài viết đề cập đến những vấn đề cần chứng minh trong các vụ án hínhuwj về các tội phạm tham nhũng, chỉ ra những khó khăn, vướng mắc đồng thời đưa ra một số kiến nghị nhằm khắc phục những khó khăn, vướng mắc này trên thực tiễn.

**Từ khóa:** Chứng minh, tội phạm tham nhũng, xử lý tội phạm

**98.** **Những vấn đề cơ bản trong luật pháp tôn giáo của Mỹ/** Phạm Thanh Hằng// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 57-67.

**Nội dung:** Phân tích hai nội dung chính trong luật pháp tôn giáo Mỹ, đó là những quy định trong các văn bản pháp luật nhằm giải quyết vấn đề tôn giáo ở Mỹ và một số vấn đề liên quan đến đối ngoại tôn giáo.

**Từ khóa:** Luật pháp, tôn giáo, Mỹ

**99. Pháp luật hòa giải trong giải quyết tranh chấp đất đai tại huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh/** Đỗ Thanh Hòa// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 34-37.

**Nội dung:** Đánh giá thực trạng giải quyết tranh chấp đất đai thông qua hòa tại huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh, trên cơ sở đó đề xuất những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích cho công dân là việc làm có ý nghĩa quan trọng về mặt lý luận và thực tiễn hiện nay.

**Từ khóa**: Pháp luật hòa giải, tranh chấp đất đai

**100.** **Pháp luật lao động và an sinh xã hội áp dụng tại đặc khu kinh tế của một số quốc gia trên thế giới và khuyến nghị cho Việt Nam**/ Hà Thị Hoa Phượng**/**/ Luật học .- 2020 .- Số 07.- Tr. 73 – 89.

**Nội dung:** Trên cơ sở khái quát những đặc trưng của đặc khu kinh tế, bài viết phân tích các quy định cơ bản trong pháp luật lao động và an sinh xã hội áp dụng tại đặc khu kinh tế của một số quốc gia trên thế giới, khẳng định sự thành công hay thất bại trong xây dựng mô hình đặc khu kinh tế có phần quyết định từ việc xây dựng hệ thống pháp luật về lao động và an sinh xã hội phù hợp hay chưa phù hợp. Qua đó, bài viết đưa ra kiến nghị cụ thể về lựa chọn mô hình và các chính sách ưu đãi của đặc khi kinh tế tại Việt Nam trong Luật Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt và các luật liên quan hiện nay.

**Từ khóa:** An sinh xã hội, đặc khu kinh tế, pháp luật lao động

**101.** **Pháp luật tố tụng hình sự về giám đốc thẩm tại Việt Nam giai đoạn 1864 - 1945**/ Mai Thanh Hiếu**/**/ Luật học .- 2020 .- Số 05.- Tr. 3 – 15.

**Nội dung:** Bài viết phân tích lịch sử hình thành và một số nội dung của pháp luật tố tụng hình sự về giám đốc thẩm tại Việt Nam trong gần 100 năm giai đoạn 1864 – 1945. Việc áp dụng trực tiếp pháp luật tố tụng hình sự Pháp về giám đốc thẩm và ảnh hưởng mạnh mẽ của nó đối với việc pháp điển hoá luật tố tụng hình sự tại Việt Nam trong giai đoạn này thể hiện tính chất áp đặt của thực dân Pháp như một công cụ thống trị.

**Từ khóa:** Giám đốc thẩm, tố tụng hình sự

**102. Pháp luật về cầm cố tài sản : góc nhìn từ thực tiễn**/ Bùi Đức Giang// Ngân hàng .- 2020 .- Số 18 .- Tr. 16-19.

**Nội dung**: Trình bày về xác lập cầm cố; hệ quả pháp lý của cầm cố và chấm dứt cầm cố.

**Từ khoá**: Pháp luật, cầm cố tài sản

**103.** **Pháp luật về chào bán riêng lẻ trái phiếu doanh nghiệp: Bất cập và kiến nghị hoàn thiện/** Phan Phương Nam **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 21 (421).- Tr. 41 – 49.

**Nội dung:** Việc huy động vốn thông qua việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp là một kênh huy động vốn mà nhiều doanh nghiệp lựa chọn với những ưu điểm riêng của nó. Tuy nhiên, hoạt động huy động vốn thông qua hình thức chào bán trái phiếu cũng đã và đang đặt ra nhiều vấn đề liên quan đến người mua trái phiếu và sự phát triển của thị trường chứng khoán. Trong phạm vi bài viết này, tác giả trình bày, phân tích thực trạng pháp luật về chào bán riêng lẻ trái phiếu doanh nghiệp, nhất là những điểm bất cập trong các quy định của pháp luật về hoạt động chào bán riêng lẻ trái phiếu doanh nghiệp, và đưa ra các kiến nghị hoàn thiện, góp phần giúp cho việc phát hành chứng khoán thực sự là một kênh huy động vốn hiệu quả cho doanh nghiệp, tạo thêm nhiều hàng hóa cho thị trường chứng khoán và bảo vệ quyền lợi của những nhà đầu tư mua trái phiếu này.

**Từ khóa**: Trái phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, chào bán chứng khoán riêng lẻ.

**104.** **Pháp luật về cho thuê đất khu công nghiệp**/ Lưu Trần Phương Thảo**/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 12.- Tr. 31 – 36.

**Nội dung:** Bài viết phân tích thực trạng pháp luật về cho thuê đất khu công nghiệp, đánh giá ưu điểm, tồn tại trong các quy định pháp luật hiện hành thuộc lĩnh vực này. Trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về cho thuê đất khu công nghiệp. Những giải pháp này cũng đồng thời giúp cho việc sử dụng đất khu công nghiệp hiệu quả hơn.

**Từ khóa:** Cho thuê đất, đắt khu công nghiệp, khu công nghiệp

**105. Pháp luật về hòa giải tranh chấp đất đai và thực tiễn áp dụng hiện nay**/ Bùi Phi Long// Ngân hàng .- 2020 .- Số 15 .- Tr. 38-40.

**Nội dung**: Khái niệm và đặc điểm hòa giải; các phương thức và thủ tục hòa giải; ưu điểm và hạn chế của hòa giải.

**Từ khoá**: Pháp luật, hòa giải tranh chấp đất đai

**106.** **Pháp luật về phòng ngừa và phát hiện ô nhiễm môi trường đất ở Việt Nam hiện nay/** Phạm Thị Hương Lan// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 24-31.

**Nội dung:** Phân tích pháp luật về phòng ngừa và phát hiện ô nhiễm môi trường đất ở Việt Nam, với các nội dung về việc xây dựng cơ chế phòng ngừa và phát hiện ô nhiễm môi trường đất; việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng đối với các chủ thể có liên quan; thẩm quyền thanh tra, kiểm tra và quản lý môi trường đất …

**Từ khóa:** Bảo vệ, môi trường đất, ô nhiễm, pháp luật

**107.** **Pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực thương mại điện tử ở Việt Nam/** Trần Văn Biên, Trần Tuấn Minh// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 47-56.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng pháp luật Việt Nam hiện hành về phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực thương mại điện tử. Từ đó đưa ra một số kiến nghị hoàn thiaanj pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

**Từ khóa:** Cách mạng công nghiệp 4.0, rửa tiền, thương mại điện tử

# 108. Pháp luật về tổ chức và hoạt động của chính quyền đô thị - Thực trạng và một số kiến nghị/ Hoàng Minh Hội/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 16 (416) .- Tr. 41 - 46.

**Nội dung:** Việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về chính quyền đô thị đã tạo cơ sở pháp lý và môi trường thuận lợi để chính quyền đô thị có thể chủ động, tích cực thực các biện pháp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nhằm nâng cao đời sống của nhân dân. Trong quá trình đó, pháp luật về tổ chức và hoạt động của chính quyền đô thị ở nước ta đã từng bước được hình thành, phát triển và là một bộ phận của hệ thống pháp luật Việt Nam. Bài viết phân tích một số vấn đề lý luận, thực trạng và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật tổ chức và hoạt động của chính quyền đô thị ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Chính quyền đô thị, pháp luật về chính quyền đô thị.

**109.** **Phát huy hiệu quả của hội nghị khu vực thường trực hội đồng nhân dân cấp tỉnh/** Nguyễn Hoàng Sơn **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 21 (421).- Tr. 62 – 64.

**Nội dung:** Hội nghị khu vực Thường trực Hội đồng nhân dân (HĐND) cấp tỉnh là một mô hình trao đổi kinh nghiệm hoạt động giữa Thường trực HĐND các địa phương có điều kiện địa lý, kinh tế, xã hội tương đồng. Mô hình này được hình thành từ hơn 20 năm trước và đã trở thành hoạt động thường xuyên ở 6 khu vực HĐND trong cả nước với trung bình 12 hội nghị/năm.Theo các báo cáo của Ban Công tác đại biểu thì tính hiệu quả và chất lượng của Hội nghị khu vực Thường trực HĐND cấp tỉnh được đánh giá cao, những kinh nghiệm, giải pháp cụ thể được trình bày tại Hội nghị là những kinh nghiệm quý giá được đúc rút từ thực tiễn phong phú tại các địa phương. Tuy nhiên, cho đến nay, vẫn chưa có quy định mang tính pháp lý nào liên quan đến việc tổ chức và tiếp thu ý kiến từ những Hội nghị này.

**Từ khóa:** Hội đồng nhân dân, hội nghị khu vực, chính quyền địa phương.

**110. Phát huy vai trò của báo chí trong phòng chống tham nhũng/** Nguyễn Minh Tuấn **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 23 (423).- Tr. 31 – 36.

**Nội dung:** Thực tiễn ở Việt Nam những năm vừa qua cho thấy, đa số các vụ việc tham nhũng lớn là do báo chí phát hiện, đưa tin, sau đó các cơ quan điều tra mới vào cuộc. Một câu hỏi lớn đặt ra là vai trò của báo chí được nhìn nhận như thế nào? Các quy định của pháp luật hiện hành về vai trò của báo chí trong phòng, chống tham nhũng đã đầy đủ, toàn diện, phù hợp với thực tiễn chưa và cần phải có những giải pháp nào để phát huy vai trò của báo chí trong phòng, chống tham nhũng?  Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích, đánh giá quy định của pháp luật về vai trò của cơ quan báo chí, nhà báo trong phòng, chống tham nhũng; tìm hiểu, đánh giá thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy tốt hơn vai trò của báo chí trong phòng, chống tham nhũng.

**Từ khoá:**Báo chí; vai trò của báo chí trong phòng, chống tham nhũng; thông tin liên quan đến hành vi tham nhũng.

**111.** **Phí bảo trì nhà chung cư theo pháp luật về nhà ở/**Tăng Thị Bích Diễm **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 20 (420).- Tr. 49 – 54.

**Nội dung:** Bài viết trình bày phân tích quy định của pháp luật về phí bảo trì phần sở hữu chung, trách nhiệm của chủ đầu tư, ban quản trị nhà chung cư trong quản lý, sử dụng phí bảo trì phần sở hưuux chung nhà chung cư. Tác giả bài viết chỉ ra những bất cập về trách nhiệm của chủ đầu tư liên quan đến phí bảo trì nhà chung cư và đề xuất các hoàn thiện quy định của pháp luật về vấn đề này.

**Từ khóa:** Phí bảo trì nhà chung cư, Ban quản trị nhà chung cư, Luật Nhà ở năm 2014

**112.** **Phòng chống tác hại của thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng đối với giới trẻ/** Nguyễn Hạnh Nguyên, Trịnh Thu Hương **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 21 (421).- Tr. 56 – 61.

**Nội dung:** Bài học từ các quốc gia trên thế giới như Mỹ, Canada cho thấy việc cho phép lưu hành các sản phẩm thuốc lá mới đã đem lại hệ lụy báo động trong việc gia tăng tỷ lệ sử dụng thuốc lá mới trong giới trẻ và các vấn đề sức khỏe do sử dụng thuốc lá mới. Để ngăn ngừa nguy cơ một thế hệ trẻ nghiện các sản phẩm nicotine bao gồm các sản phẩm thuốc lá và thuốc lá mới, cũng như ngăn ngừa các tổn thất gây ra bởi sử dụng thuốc lá, Chính phủ không nên cho phép thí điểm sản xuất, quảng cáo, phân phối các sản phẩm này và tăng cường các giải pháp xử lý vi phạm quảng cáo, tiếp thị, buôn bán trái phép các sản phẩm thuốc lá mới hiện nay.

**Từ khóa:** Thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, quảng cáo thuốc lá.

**113.** **Phòng, chống tham nhũng ở Indonesia và những gợi cho Việt Nam**/ Nguyễn Anh Phương**/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 19 (419).- Tr. 51 – 58.

**Nội dung:** Indonesia là quốc gia mà ở đó tình trạng tham nhũng tràn lan kéo dài; công tác phòng chống tham nhũng được triển khai quyết liệt trong suốt 20 năm qua với những bước thăng trầm và mô hình cơ quan phòng, chống tham nhũng độc lập gây nhiều tranh luận, cả trên lý thuyết và thực tiễn. Bài viết phân tích công tác phòng, chống tham nhũng ở Indonesia và rút ra một số gợi mở cho công tác phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Phòng, chống tham nhũng, cơ quan phòng chống tham nhũng độc lập, tham nhũng chính trị, Indonesia

# 114. Quản lý Nhà nước đối với đất Quốc phòng/ Nguyễn Việt Dũng/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 16 (416) .- Tr. 25 - 31.

**Nội dung:** Đất quốc phòng là đất được Nhà nước giao cho các đơn vị vũ trang nhân dân sử dụng vào mục đích quân sự, quốc phòng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, nâng cao tiềm lực quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc. Trong giai đoạn hiện nay, để đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, cần tiếp tục hoàn thiện quy định của pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước đối với đất quốc phòng.

**Từ khóa**: Đất quốc phòng, quản lý nhà nước, Bộ Quốc phòng.

**115.** **Quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản – Những vấn đề pháp lý và thực tiễn**/ Nguyễn Mai Hương**/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 12.- Tr. 14 – 19.

**Nội dung:** Ngày 22 tháng 7 năm 2019, Bộ xây dựng đã có văn bản gửi Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố về việc tăng cường quản lý để đảm bảo ổn định thị trường bất động sản (BĐS). Theo Bộ Xây dựng, thời gian gần đây, tại một số địa phương xảy ra tình trạng doanh nghiệp BĐS vi phạm pháp luật về kinh doanh BĐS và pháp luật khác có liên quan như: Doanh nghiệp triển khai việc chuyển nhượng đất đai, thực hiện quy hoạch và dự án kinh doanh BĐS trái quy định; Phân lộ, bán nền trên diện tích đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở; Mua bán, chuyển nhượng nhà, đất khi chưa đáp ứng đầy đủ điều kiện, cơ sở pháp lý...

**Từ khóa:** Quản lý nhà nước, kinh doanh bất đống ản, pháp luật kinh doanh bất động sản.

**116.** **Quan niệm về tranh chấp đất đai và thực trạng giải quyết tranh chấp đất đai tại tỉnh Gia Lai**/ Nguyễn Mạnh Hùng**/**/ Luật học .- 2020 .- Số 07.- Tr. 31 – 46.

**Nội dung:** Tranh chấp đất đai là hiện tượng phổ biến, phức tạp, đa dạng về hình thức và nguyên nhân phát sinh trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Tuy tỉnh Gia Lai đã triển khai áp dụng nhiều biện pháp nhằm hạn chế tình trạng tranh chấp đất đai và giải quyết hậu quả loại tranh chấp này song chưa đạt được kết quả mong muốn. Bài viết luận giải quan niệm về tranh chấp đất đai, giải quyết tranh chấp đất đai; phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tranh chấp đất đai và giải quyết tranh chấp đất đai; đánh giá thực trạng và kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp đất đai, bảo đảm phát triển bền vững tại tỉnh Gia Lai.

**Từ khóa:** Đất đai, Gia Lai, giải quyết, tranh chấp

**117.** **Quy định về chống thư rác, tin nhắn rác nhằm bảo vệ người dùng tại Việt Nam/** Võ Thị Thanh Linh **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 21 (421).- Tr. 50 – 55.

**Nội dung:** Nghị định số 91/2020/NĐ-CP ngày 14/8/2020 của Chính phủ về chống thư rác, tin nhắn rác, cuộc gọi rác (Nghị định số 91)) ra đời với nhiều quy định mới và mang tính khả thi cao. Trong phạm vi bài viết này, tác giả đánh giá một số điểm mới của Nghị định số 91 và những khó khăn của Việt Nam khi triển khai trên thực tiễn, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm cụ thể hoá Nghị định trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Thư rác, tin nhắn rác, quảng cáo, bảo vệ người dùng, Nghị định số 91.

**118.** **Quyền con người trong Luật Hôn nhân và Gia đình ở Việt Nam/** Ngô Thị Ngọc Ánh // Giáo dục và Xã hội.- 2021 .- Số 119(180) .- Tr. 96-101.

**Nội dung:** Phân tích về quyền con người về hôn nhân và gia đình trong pháp luật Việt Nam hiện hành. Khái quát về thực thi và bảo vệ quyền con người trong hôn nhân và gia đình ở Việt Nam và đưa ra một số khuyến nghị.

**Từ khóa:** Quyền con người, luật hôn nhân và gia đình, Việt Nam

**119. Quyền được lãng quên từ thực tiễn phán quyết trong phạm vi Liên minh Châu Âu/** Bạch Thị Nhã Nam **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 24 (424).- Tr. 38 – 47.

**Nội dung:** Liên minh châu Âu là khu vực tiên phong trên thế giới trong việc ban hành pháp luật liên quan đến quyền được lãng quên (Right to be forgotten) trong các đạo luật bảo vệ dữ liệu cá nhân (Data protection law). Kể từ năm 2014, quyền được lãng quên đã trở thành một trọng tâm tranh luận trên toàn thế giới về làn ranh giữa quyền riêng tư và quyền tự do ngôn luận, bắt nguồn từ một phán quyết của Tòa án công lý Liên minh châu Âu. Năm năm sau đó, vào năm 2019, Tòa án này tiếp tục đưa ra thêm hai phán quyết liên quan đến quyền được lãng quên. Những phán quyết này đã tạo ra các thực tiễn áp dụng và giải thích pháp luật quan trọng trong phạm vi Liên minh châu Âu liên quan đến quyền riêng tư và quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân.

**Từ khóa:** Quyền được lãng quên, đạo luật bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư, Liên minh châu Âu.

**120.** **Quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội được bảo đảm bởi toà án xét xử độc lập, khách quan và được thành lập theo luật**/ Nguyễn Trần Như Khuê **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 20 (420).- Tr. 18 – 22.

**Nội dung:** Quyền con người là một trong những quyền cơ bản được pháp luật ở hầu hết các nước trên thế giới thừa nhận. Trong đó, quyền được xét xử công bằng nói chung và quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội nói riêng là một trong những quyền  cơ bản của con người được ghi nhận trong pháp luật ở hầu hết các nước trên thế giới cũng như được thể hiện trong các văn kiện quốc tế. Quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội được bảo đảm bởi nghĩa vụ của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Chính vì vậy, bảo đảm xét xử bởi tòa án độc lập, khách quan và được thành lập theo luật chính là bảo đảm cho người bị buộc tội được xét xử công bằng.

**Từ khóa:** Quyền được xét xử công bằng; người bị buộc tội; tòa án xét xử độc lập

**121.** **Quyền sở hữu công nghiệp trong hoạt động thương mại và pháp luật về quyền sở hữu công nghiệp trong hoạt động thương mại**/ Đoàn Trung Kiên**/**/ Luật học .- 2020 .- Số 07.- Tr. 47 – 57.

**Nội dung:** Trong nền kinh tế tri thức, quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền sở hữu công nghiệp nói riêng không chỉ được đề cập dưới khía cạnh dân sự mà còn được khai thác dưới góc độ thương mại. Bài viết phân tích các yếu tố cấu thành giá trị thương mại của quyền sở hữu công nghiệp, khái niệm và những đặc trưng của quyền sở hữu công nghiệp trong hoạt động thương mại; từ đó lí giải sự ra đời và nhận diện những nội dung cơ bản của pháp luật về quyền sở hữu công nghiệp trong hoạt động thương mại.

**Từ khóa:** Quyền sở hữu công nghiệp, giá trị thương mại, tài sản vô hình

**122.** **Quyền tự do cạnh tranh của doanh nghiệp và kết cấu thị trường cạnh tranh**/ Đào Ngọc Báu **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 20 (420).- Tr. 10 – 17.

**Nội dung:** Kinh tế học đã chứng minh, cạnh tranh và độc quyền đều có ưu và nhược điểm. Nếu đề cao quá mức cạnh tranh sẽ dẫn đến loại bỏ doanh nghiệp lớn, từ đó không thể tận dụng được lợi thế của kinh tế quy mô, đồng thời làm suy giảm sức cạnh tranh của một quốc gia do không thể hình thành được doanh nghiệp lớn, đủ sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Độc quyền có thể khắc phục được hạn chế của cạnh tranh nhưng nếu không được kiểm soát sẽ dẫn đến hiện tượng tăng giá bán, giảm sản lượng, chậm đổi mới kỹ thuật…, từ đó gây thiệt hại cho người tiêu dùng và toàn bộ nền kinh tế. Kết hợp ưu điểm của cạnh tranh và độc quyền để tạo ra kết cấu thị trường cạnh tranh hữu hiệu là trào lưu phổ biến hiện nay, được đa số các nước trên thế giới ủng hộ. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích và đi đến kết luận rằng, việc thừa nhận doanh nghiệp có quyền tự do cạnh tranh là để hình thành kết cấu thị trường cạnh tranh hữu hiệu, không phải để hình thành kết cấu thị trường cạnh tranh tự do. Nói cách khác, quyền tự do cạnh tranh không nên được hiểu đồng nhất với kết cấu thị trường cạnh tranh tự do, có như vậy mới đảm bảo thực thi hiệu quả chính sách cạnh tranh quốc gia.

**Từ khóa:** Cạnh tranh, độc quyền, quyền tự do cạnh tranh, thị trường cạnh tranh tự do, thị trường cạnh tranh hữu hiệu

**123. Rà soát, điều chỉnh xây dựng khung giá đất, phát huy nguồn lực đất đai/** Quang Anh// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 22 (348) .- Tr. 39-40.

**Nội dung:** Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; Quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, phát huy nguồn lực đất đai; Khởi động thanh toán trực tuyến nghĩa vụ đất đai.

**Từ khóa**: Đất đai, giá đất, văn bản quy phạm pháp luật

# 124. Sự cần thiết thành lập thiết chế Ombudsman ở Việt Nam/ Vũ Công Giao, Đinh Công Luận// Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 16 (416) .- Tr. 3-10.

**Nội dung:** Ombudsman (Thanh tra nghị viện/Quốc hội)[[1]](file:///C:\\Users\\84903\\AppData\\Local\\Temp\\1.%20VCGiao-DCL%20Su%CC%9B%CC%A3%20ca%CC%82%CC%80n%20thie%CC%82%CC%81t%20tha%CC%80nh%20la%CC%A3%CC%82p%20thie%CC%82%CC%81t%20che%CC%82%CC%81%20Thanh%20tra%20Quo%CC%82%CC%81c%20ho%CC%A3%CC%82i%20o%20VN%2015-7-2020,%20tam%20bt.HA.MT1-2.doc" \l "_ftn1" \o ") là một thiết chế hiến định độc lập lâu đời trên thế giới. Trải qua hàng trăm năm hình thành và phát triển, mô hình này đã khẳng định được vai trò và tầm quan trọng trong việc tăng cường chức năng giám sát của Nghị viện/Quốc hội và kiểm soát quyền lực nhà nước, đã được học tập và phát triển tại nhiều quốc gia trên thế giới, với những hình thái từ cổ điển tới hiện đại. Ở Việt Nam, việc nâng cao năng lực giám sát của Quốc hội đối với hoạt động của bộ máy nhà nước đang là một xu thế không thể thay đổi. Trong phạm vi bài viết này, các tác giả giới thiệu mô hình Ombudsman ở một số nước trên thế giới và trình bày, phân tích sự cần thiết xây dựng thiết chế Ombudsman ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Ombudsman, khiếu nại hành chính, giám sát tối cao, Quốc hội.

**125.** **Sự tác động của nền kinh tế số đến hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ tại Việt Nam**/ **Nguyễn Vinh Hưng, Phan Quốc Nguyên/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 19 – 22.

**Nội dung:** Cách mạng 4.0 ngày càng làm môi trường kinh doanh biến đổi, không chỉ đem lại thuận lợi, cơ hội trong kinh doanh mà còn là những khó khăn, thách thức trong việc bảo hộ và thực thi quyền sở hứu trí tuệ. Bài viết nghiên cứu về sự tác động của môi trường công nghệ trong bối cảnh nền kinh tế số và ảnh hưởng của thương mại điện tử đến hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ, để từ đó, đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ tại Việt Nam trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế và cách mạng 4.0.

**Từ khóa:** Pháp luật, sở hữu trí tuệ, thương mại điện tử, công nghệ, kinh tế số, hội nhập quốc tế.

**126.** **Tác hại của sản phẩm thuốc lá mới**/ **Vũ Văn Thành/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 18 (418) .- Tr. 52 – 57.

**Nội dung:** Các sản phẩm thuốc lá mới bao gồm thuốc lá điện tử (ENDs), thuốc lá làm nóng (HTPs) đang có xu hướng gia tăng sử dụng trên thế giới và ở Việt Nam. Mặc dù, ngành công nghiệp thuốc lá tuyên bố rằng các sản phẩm thuốc mới là giải pháp giảm hại và giúo cai nghiện thuốc lá truyền thống nhưng bằng chứng khoa học cho thấy các sản phẩm thuốc lá mới tồn tại nhiều nguy cơ gây hại.

**Từ khóa:** Thuốc lá điện tử, thuốc lá làm nóng, tác hại của sản phẩm thuốc lá mới.

**127.** **Thủ tục giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại – Thực trạng và hướng hoàn thiện pháp luật**/ Nguyễn Thị Vân Anh, Trần Thị Thanh Thuỷ**/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 12.- Tr. 7 – 13.

**Nội dung:** Trọng tài thương mại là một trong những phương thức giải quyết tranh chấp thay thế phương thức giải quyết tranh chấp tại Toà án. Với nhiều ưu thế như: Việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài đảm bảo tính linh hoạt, tiết kiêmk thời gian, chi phí, đảm bảo bí mật kinh doanh; phán quyết trọng tài là phán quyết cuối cùng, có tính cưỡng chế thi hành đối với các bên và không những được thi hành trong nước mà còn cả ở 157 nước thành viên theo Công ước New York về Công nhận và Thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài năm 1958 mà Việt Nam là thành viên. Vì những ưu điểm này mà trong những năm gần đây phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài được cộng đồng doanh nghiệp ưu tiên lựa chọn để giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, thực trạng áp dụng các quy định pháp luật về thủ tục giải quyết tranh chấp bằng trọng tài vẫn còn tồn tại nhiều vướng mắc, bất cập cần nghiên cứu và đề xuất hướng hoàn thiện pháp luật.

**Từ khóa:** Trọng tài thương mại, giải quyết tranh chấp, thủ tục giải quyết tranh chấp

**128.** **Thúc đẩy và bảo vệ quyền chăm sóc sức khoẻ cho người bị nhiễm chất độc da cam/Dioxin**/ **Nguyễn Ngọc Lan/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 74 – 80.

**Nội dung:** Người bị nhiễm chất độc da cam/ dioxin có đời sống vật chất, tinh thần khó khăn, nhất là những gia đình có nhiều thế hệ bị nhiễm độc, bị bệnh nặng, bệnh thường xuyên tái phát, sinh con dị dạng, dị tật, thiểu năng trí tuệ. Những đối tượng này cần thiết phải được chăm sóc sức khoẻ. Thúc đẩy và bảo vệ quyền chăm sóc sức khoẻ cho họ là việc làm cần thiết. Tuy nhiên, trong công tác bảo vệ quyền chăm sóc sức khoẻ của người bị nhiễm chất độc da cam đặt ra yêu cầu cần phải hoàn thiện các quy định pháp luật góp phần thúc đẩy và bảo vệ quyền cho nạn nhân chất độc da cam/ dioxin nói chung và quyền được chăm sóc sức khoẻ cho họ nói riêng.

**Từ khóa:** Người bị nhiễm chất độc da cam/dioxin, thúc đẩy và bảo vệ, quyền chăm sóc sức khoẻ

**129. Thực hiện áp dụng “Kỹ thuật hiện có tốt nhất” trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 để nâng cao tính chủ động kiểm soát ô nhiễm môi trường/** TS. Nguyễn Thị Phương Mai// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 13-14.

**Nội dung:** Sự cần thiết đưa ra quy định về “Kỹ thuật hiện có tốt nhất” vào Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nội dung về BAT trong Luật Bảo vệ môi trường và lộ trình áp dụng thực hiện.

**Từ khóa**: Luật Bảo vệ môi trường, ô nhiễm môi trường

**130. Thực trạng đánh giá tác động của chính sách trong xây dựng Luật ở nước ta và một số kiến nghị/** Lê Tuấn Phong **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 23 (423).- Tr. 43 – 51.

**Nội dung:** Đánh giá tác động của chính sách trong xây dựng luật là hoạt động rất quan trọng để bảo đảm chất lượng của các dự án luật, đặc biệt là tính khả thi của các quy định, phù hợp với mục tiêu giải quyết những vấn đề đặt ra của thực tiễn. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích quy định của pháp luật về nội dung, chủ thể, phương pháp, tiêu chí và điều kiện kinh phí cho công tác đánh giá tác động của chính sách trong xây dựng luật; khảo sát, tổng hợp tình hình thực tế thông qua 37 báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong các đề nghị xây dựng luật từ năm 2017 đến nay và đưa ra một số kiến nghị.

**Từ khóa**: Chính sách, đánh giá tác động của chính sách trong xây dựng luật.

**131.** **Tiếp cận dịch vụ y tế của người lao động tại các khu công nghiệp/**Nguyễn Đình Phúc **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 20 (420).- Tr. 35 – 40.

**Nội dung:** Dịch vụ y tế là một trong những dịch vụ xã hội cơ bản nhằm đáp ứng những nhu cầu thiết yếu hàng ngày của con người. Cải thiện dịch vụ và nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ y tế cho người lao động giúp đảm bảo người lao động được chăm sóc sức khoẻ, có điều kiện cống hiến sức lao động, sức sáng tạo cho sản xuất. Vấn đề tiếp cận dịch vụ y tế của người lao động tại các khu công nghiệp hiện nay đang gặp phải những vướng mắc gì? Giải pháp nào để cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ y tế? Bài viết làm rõ các vấn đề trên.

**Từ khóa:** Dịch vụ y tế, tiếp cận dịch vụ y tế của người lao động tại khu công nghiệp.

**132**. **Tình trạng khẩn cấp theo quy định của Hiến pháp và công ước**/ **Nguyễn Đăng Dung/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 18 (418) .- Tr. 9 – 14.

**Nội dung:** Trong điều kiện khẩn cấp, quyền lập pháp, tư pháp phải nhường cho hành pháp và các quyền con người bị hạn chế , nhưng bản thân hành pháp cũng phải theo một trình tự nhất định. Bài viết này phân tích cơ sở lý luận và hành động hành pháp trong những điều kiện này, cùng những điểm chưa hoàn thiện của pháp luật Việt Nam, nhằm bảo vệ quyền của người dân trong tình huống khẩn cấp của phòng chống covid-19.

**Từ khóa:** Tình trạng khẩn cấp, quyền hành pháp, quyền của người dân

**133.** **Tổ chức đại diện người lao động tại doanh nghiệp theo Bộ luật lao động năm 2019**/ Nguyễn Thị Hồng Nhung, Lê Thị Ngọc Yến **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 17 (417).- Tr. 44 – 49.

**Nội dung:** Bộ luật Lao động năm 2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, cho phép người lao động thành lập tổ chức đại diện của người lao động tại doanh nghiệp, ngoài công đoàn, trên cơ sở phù hợp với các quy định quốc tế về lao động và tuân thủ các hiệp định thương mại tự do mới mà Việt Nam đã tham gia. Tuy nhiên, các quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức này còn chưa cụ thể. Đây là một vấn đề rất mới, chưa từng có tiền lệ trong pháp luật lao động Việt Nam. Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam về việc thành lập của tổ chức đại diện người lao động tại doanh nghiệp, cũng như về quyền thương lượng tập thể của tổ chức này, các tác giả đưa ra một số kiến nghị.

**Từ khóa:** Tổ chức đại diện người lao động, thương lượng tập thể, Bộ luật Lao động.

**134. Toà án và vai trò bảo vệ quyền con người trong nhà nước pháp quyền ở Việt Nam/**Lê Huy Thắng // Tài chính.- 2019 .- Số 709.- Tr.23 -26.

**Nội dung:** Trong những năm qua, việc kịp thời sửa đổi, bổ sung và ban hành các luật đã góp phần qua trọng đảm bảo cho hệ thống Toà án hoạt động bảo vệ con người, bảo đảm để có bản án, phán quyết độc lập, vô tư, khách quan. Bài viết trao đổi về vai trò của toà án trong việc bảo vệ quyền con người trong nhà nước pháo quyền ở Việt Nam, từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao hơn nữa vai trò quan trọng này của Toà án trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Toà án, tố tụng hành chính, quyền con người.

**135.** **Tội gây rối tại phiên toà, phiên họp dưới góc độ kĩ thuật lập pháp**/ Nguyễn Ngọc Hoà**/**/ Luật học .- 2020 .- Số 07.- Tr. 22 – 30.

**Nội dung:** Trên cơ sở khái quát nội dung quy định về tội gây rối trật tự phiên toà, phiên họp tại Điều 391 Bộ luật Hình sự năm 2015, bài báo đề cập những hạn chế về kĩ thuật lập pháp ở Điều luật này, trong đó tập trung vào dấu hiệu mà tạm được đặt tên là dấu hiệu “loại trừ”; đánh giá mối quan hệ giữa dấu hiệu định tội và dấu hiệu định khung cũng như tính không chính xác của dấu hiệu “ loại trừ” tại các khoản 1 và 2 của Điều 391 Bộ luật Hình sự và đưa ra nhận định về hệ quả không mong muốn khi áp dụng dấu hiệu này trong thực tiễn.

**Từ khóa:** Dấu hiệu “loại trừ”, phạm nhiều tội, tội gây rối trật tự phiên toà

**136.** **Tội phạm lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đai, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa**/ **Lại Sơn Tùng/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 56 – 60.

**Nội dung:** Tội phạm lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đai xảy ra trong thời gian vừa qua đang có chiều hướng gia tăng về số vụ, số đối tượng và hậu quả thiệt hại; nó được phát sinh phát triển bởi những nguyên nhân điều kiện khác nhau. Bài viết chỉ ra một số nguyên nhân làm nảy sinh tội phạm lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đai. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp ngăn ngừa tội phạm này trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Chức vụ, quyền hạn, công vụ, quản lý và sử dụng đất đai

**137.** **Tội phạm mua bán, chiếm đoạt trẻ em: Thực trạng và giải pháp**/ **Nguyễn Thị Thu Trang/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 19 - 23.

**Nội dung:** Thời gian qua, tội phạm mua bán người đặc biệt là mua bán, chiếm đoạt trẻ em ngày càng diễn biến phức tạp, khó lường, xâm hại nghiêm trọng đến quyền con người, quyền trẻ em. Bài viết đánh giá tình hình tội phạm mua bán người đặc biệt là mua bán, chiếm đoạt trẻ em, kết quả hoạt động phòng chống tội phạm của các lực lượngc hức năng, đồng thời nêu ra một số giải pháp khắc phục hạn chế trong công tác phòng chống tội phạm này.

**Từ khóa:** Tội phạm, mua bán người, mua bán, chiếm đoạt trẻ em.

**138.** **Trách nhiệm ba bên trong vấn đề đảm bảo cơ hội việc làm của người lao động trong pháp luật lao động Việt Nam/** Võ Thị Hoài// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 54-64.

**Nội dung:** Phân tích trách nhiệm của ba bên trong vấn đề bảo đảm việc làm của Người lao động theo quy định của pháp luật hiện hành, từ đó phân tích một số hạn chế còn tồn tại làm ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên và đề xuất một số kiến nghị nhằm phát huy vai trò của các bên trong vấn đề việc làm cho Người lao động trong thời kỳ công nghệ và hội nhập.

**Từ khóa:** Trách nhiệm ba bên, cơ hội việc làm, người lao động, luật lao động

# 139. Trách nhiệm giải trình của điều tra viên, kiểm sát viên trong hoạt động tố tụng hình sự ở Việt Nam/Hoàng Minh Khôi/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 16 (416) .- Tr. 11-16.

**Nội dung:** Trách nhiệm giải trình trong thi hành công vụ trên các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước nói chung là một định chế góp phần phòng, chống tham nhũng trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam thời gian qua. Tuy nhiên, trong lĩnh vực tố tụng hình sự, trách nhiệm giải trình của Điều tra viên, Kiểm soát viên về những về những hoạt động thực thi tố tụng của họ cũng còn những rào cản, bất cập nhất định. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích nội dung, yêu cầu về trách nhiệm giải trình của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong hoạt động tố tụng hình sự ở nước ta hiện nay và kiến nghị giải pháp tăng cường trách nhiệm giải trình của Điều tra viên, Kiểm sát viên.

**Từ khóa:** Trách nhiệm giải trình, Điều tra viên, Kiểm sát viên, tố tụng hình sự

**140. Trách nhiệm kỷ luật của người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp**/ Phạm Tuấn Anh// Tài chính.- 2020 .- Số 735 .- Tr. 14 - 16  
**Nội dung:** Việc áp dụng trách nhiệm kỷ luật sẽ góp phần ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Bài viết nghiên cứu cụ thể các đặc điểm về trách nhiệm kỷ luật của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp hiện nay.

**Từ khóa:** Trách nhiệm kỷ luật, người đại diện phần vốn nhà nước, doanh nghiệp, hiệu quả quản lý vốn nhà nước.

**141**. **Trùng tố trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế**/ **Ngô Quốc Chiến, Nguyễn Thảo Linh/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 17 (417) .- Tr. 3 - 12.

**Nội dung:** **Trùng tố trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế xảy ra ngày càng nhiều và để lại nhiều hệ lụy đối với các bên tham gia quan hệ đầu tư quốc tế, sự ổn định của hệ thống pháp luật quốc tế và mối quan hệ bang giao giữa các quốc gia. Tham gia tích cực vào tự do hóa thương mại và đầu tư, Việt Nam hoàn toàn có thể gặp trùng tố trong tương lai. Trong phạm vi bài viết này, các tác giả tập trung trình bày, phân tích nguồn gốc, nguyên nhân và biểu hiện của trùng tố; ảnh hưởng của trùng tố trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế; thực tiễn xét xử một số vụ trùng tố trên thế giới; nguy cơ trùng tố trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại Việt Nam và đưa ra một số khuyến nghị đối với Việt Nam.**

**Từ khóa:** **Trùng tố, tranh chấp đầu tư quốc tế, giải quyết tranh chấp**

**142.** **Trùng tố trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế**/ Ngô Quốc Chiến, Nguyễn Thảo Linh **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 17 (417).- Tr. 3 – 12.

**Nội dung:** Trùng tố trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế xảy ra ngày càng nhiều và để lại nhiều hệ lụy đối với các bên tham gia quan hệ đầu tư quốc tế, sự ổn định của hệ thống pháp luật quốc tế và mối quan hệ bang giao giữa các quốc gia. Tham gia tích cực vào tự do hóa thương mại và đầu tư, Việt Nam hoàn toàn có thể gặp trùng tố trong tương lai. Trong phạm vi bài viết này, các tác giả tập trung trình bày, phân tích nguồn gốc, nguyên nhân và biểu hiện của trùng tố; ảnh hưởng của trùng tố trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế; thực tiễn xét xử một số vụ trùng tố trên thế giới; nguy cơ trùng tố trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại Việt Nam và đưa ra một số khuyến nghị đối với Việt Nam.

**Từ khóa:** Trùng tố, tranh chấp đầu tư quốc tế, giải quyết tranh chấp.

**143.** **Từ chức của công chức trong pháp luật Việt Nam**/ Đặng Phước Thông, Lê Thị Hồng**/**/ Luật học .- 2020 .- Số 05.- Tr. 46 – 59.

**Nội dung:** Công chức khi được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lí thì sẽ phát sinh năng lực pháp lí của chủ thể giữ chức vụ, đồng thời phát sinh quyền từ chức vừa là quyền con người, quyền công dân mà chủ thể đặc biệt là công chức nắm giữ, vừa là quyền dân sự thuộc về dạng quyền nhân thân không gắn với tài sản. Bài viết làm sáng tỏ một số lí luận chung về quyền từ chức của công chức và quy định pháp luật về từ chức của công chức, đưa ra một số đánh giá và kiến nghị.

**Từ khóa:** Công chức, luật về từ chức, từ chức

**144.** **Tự do di chuyển lao động ASEAN: Ưu điểm, hạn chế và một số khuyến nghị**/ Bùi Thị Ngọc Lan**/**/ Luật học .- 2020 .- Số 06.- Tr. 42 – 51,76.

**Nội dung:** Bài viết phân tích cách tiếp cận của ASEAN về tự do di chuyển lao động; đánh giá những ưu điểm và hạn chế của các tiếp cận, từ đó khuyến nghị việc “nâng cấp” hiệu lực pháp lí của các văn bản hiện hành quy định về tự do di chuyển lao động, cải thiện cơ chế thực thi và giám sát thực thi các cam kết liên quan cũng như đẩy mạnh kí kết các thoả thuận công nhận lẫn nhau về trình độ và kĩ năng nghề nhằm thúc đẩy hơn di chuyển lao động nội khối trong giai đoạn tiếp theo của AEC.

**Từ khóa:** ASEAN, cộng đồng kinh tế, tự do di chuyển lao động

**145.** **Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về quyền con người ở Việt Nam/** Nguyễn Thị Hồng Yến, Lã Minh Trang **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 21 (421).- Tr. 3 – 10.

**Nội dung:** Để thực hiện những mục tiêu cũng như các nghĩa vụ quốc tế về quyền con người của Việt Nam, với quan điểm không để ai bị bỏ lại phía sau, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã dành sự quan tâm đặc biệt đến việc thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết của mọi tầng lớp nhân dân về vấn đề quyền con người để hỗ trợ người dân có thể hiểu và thụ hưởng một cách đầy đủ nhất các quyền của mình, trong đó tuyên truyền, giáo dục pháp luật về quyền con người được xem là một trong những biện pháp hiệu quả và quan trọng.

**Từ khoá:** Quyền con người, giáo dục quyền con người, cơ chế kiểm điểm định kỳ phổ quát (UPR).

**146.** **Vấn đề đạo đức trong thời đại thông tin/** Nguyễn Chí Hiếu // Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 45A .- Tr. 33-41.

**Nội dung:** Trình bày vấn đề về Đạo đức cho người dùng mạng xã hội, vấn nạn tin giả cũng như cách thức nhận biết nó. Giới thiệu Luật an ninh mạng có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 để người dùng mạng trong thời đại thông tin không vướng phải hành vi không đạo đức.

**Từ khóa:** Đạo đức, thời đại thông tin, mạng xã hội, tin tức giả, Luật an ninh mạng

**147.** **Vấn đề pháp lý phát sinh từ việc hỗ trợ hãng hàng không Quố gia Việt Nam/** Phạm Hoài Huấn, Đỗ Hoàng Anh **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 22 (421).- Tr. 33 – 37.

**Nội dung:** Đại dịch covid-19 đã gây ra những thiệt hại nặng nề cho ngành hàng không thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Quốc hội Việt Nam đã thực hiện các biện pháp hỗ trợ cho Vietnam Airlines nhằm vượt qua những khó khăn do đại dịch Covid-19 gây ra. Trong phạm vi bài viết này, các tác giả tập trung đánh giá các biện pháp hỗ trợ này về sự phù hợp của nó với Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; vấn đề cạnh tranh công bằng trong lĩnh vực hàng không; đồng thời đưa ra các kiến nghị bảo đảm tính ổn định của nền kinh tế, nhưng vẫn phù hợp với quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và cạnh tranh công bằng.

**Từ khoá:** Các biện pháp hỗ trợ Vietnam Airlines; đại dịch Covid-19; cạnh tranh công bằng; thị trường hàng không Việt Nam.

**148. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng và hoàn thiện pháp luật ở Việt Nam hiện nay/** Nguyễn Thị Tuyết Mai **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 24 (424).- Tr. 8 – 15.

**Nội dung:** Trước yêu cầu nâng cao hiệu quả quản lý xã hội đáp ứng mục tiêu bảo vệ và phát triển đất nước, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật là đòi hỏi cấp bách. Sự quan tâm sâu sắc của Hồ Chí Minh, cả trên phương diện lý luận lẫn tổ chức thực tiễn, để lại những chỉ dẫn rất giá trị, có tính chất nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam, soi đường thắng lợi cho xây dựng pháp luật ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Tư tưởng Hồ Chí Minh; xây dựng và hoàn thiện pháp luật.

**149. Vị trí pháp lý, thẩm quyền của chính quyền thành phố Thủ Đức thuộc thành phố Hồ Chí Minh/** Cao Vũ Minh **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 22 (421).- Tr. 55 – 64.

**Nội dung:** Trong lịch sử phát triển của Nhà nước ta, sáp nhập hay chia tách một đơn vị hành chính lãnh thổ là một yêu cầu mang tính khách quan. Tuy nhiên, khi sáp nhập hay chia tách một đơn vị hành chính lãnh thổ thì phải trả lời hai câu hỏi rất quan trọng. Một là, mục đích của việc sáp nhập hay chia tách là để làm gì; và hai là, việc sáp nhập hay chia tách sẽ có những thay đổi như thế nào về thẩm quyền quản lý? Trong phạm vi bài viết này, tác giả phác thảo thẩm quyền chung và một số nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của chính quyền thành phố Thủ Đức trong bối cảnh Chính phủ đang trình Ủy ban thường vụ Quốc hội Đề án thành lập thành phố Thủ Đức thuộc thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khóa:** thẩm quyền, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

**150.** **Việc thi hành án dân sự điển hình/** Nguyễn Văn Nghĩa, Hoàng Thị Thanh Hoa **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 22 (421).- Tr. 19 – 26.

**Nội dung:** Việc thi hành án dân sự điển hình” là thuật ngữ pháp lý mới được sử dụng ở nước ta. Trong phạm vi bài viết này, các tác giả trình bày, phân tích để làm rõ thuật ngữ “việc thi hành án dân sự điển hình”, các tiêu chí để phân biệt với các loại việc thi hành án dân sự khác và nêu ra ý nghĩa của việc xác định “việc thi hành án dân sự điển hình” nhằm góp phần nâng cao hiệu quả của việc áp dụng và thực hiện pháp luật về thi hành án dân sự trên thực tiễn.

**Từ khóa**: Việc thi hành án dân sự; việc thi hành án dân sự điển hình

**151.** **Xác định các căn cứ pháp lý để tính toán lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thá một số loại tài sản**/ **Phùng Văn Hải/**/ Nghề luật .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 28 – 33.

**Nội dung:** Nêu lên tài sản và lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản; một số nhóm tình huống có thiệt hại về lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản; lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản là tiền và căn cứ tính toán.

**Từ khóa:** Xác định thiệt hại, lợi ích gắn liền với việc khai thác tài sản, trách nhiệm bồi thường, Bộ luật dân sự năm 2015.

**152.** **Xây dựng chính sách trong hoạt động lập pháp ở Việt Nam và một số kiến nghị**/ Cao Kim Oanh**/**/ Luật học .- 2020 .- Số 06.- Tr. 67 – 76.

**Nội dung:** Xây dựng chính sách trong hoạt động lập pháp là hoạt động nhằm mục đích lựa chọn những chính sách dựa trên bằng chứng để chuyển hoá thành các quy định pháp luật. Xây dựng chính sách được sử dụng để xem xét ảnh hưởng của các biện pháp, chính sách đối với kinh tế, xã hội và môi trường; lượng hoá hiệu quả của chính sách đối với đối tượng chịu sự tác động hướng tới giải quyết những tồn tại trong xã hội. Bài viết phân tích các quy định của pháp luật về xây dựng chính sách trong hoạt động lập pháp và đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hoạt động này.

**Từ khóa:** Hoạt động lập pháp, thực trạng, xây dựng chính sách

**153**. **Xây dựng khung pháp lý về chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết – Kinh nghiệm của Thái Lan**/ Lưu Minh Sang, Lê Thị Thùy Dương**/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 16 (416) .- Tr. 55 - 64.

**Nội dung:** Luật Chứng khoán năm 2019 đã ghi nhận chứng chỉ lưu ký như là một loại chứng khoán hợp pháp tại Việt Nam. Luật Doanh nghiệp năm 2020 cũng đã bổ sung quy định về chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết. Việc lần lượt ghi nhận loại chứng khoán này vào các đạo luật như là một bước chuẩn bị khung pháp lý cho việc triển khai tại Việt Nam. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam hiện hành chỉ mới dừng ở việc định danh, chưa có một khung pháp lý cho loại chứng khoán này. Trong phạm vi bài viết này, các tác giả tập trung phân tích sự cần thiết của việc xây dựng khung pháp lý về chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết từ kinh nghiệm của Thái Lan.

**Từ khóa:** Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết, Luật Chứng khoán, nhà đầu tư nước ngoài, Thái Lan.

**154. Xây dựng Quốc hội điện tử - Kinh nghiệm ở một số nước và gợi mở cho Việt Nam/** Nguyễn Văn Ban **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 22 (421).- Tr. 44 – 54.

**Nội dung:** Xây dựng Quốc hội điện tử là yêu cầu tất yếu của Quốc hội ở các nước nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ. Việc xây dựng và vận hành Quốc hội điện tử trên phạm vi toàn cầu đã cho thấy có những bài học rất thành công, nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội, tăng cường sự tham gia của người dân vào các quyết định của Quốc hội. Bên cạnh đó, cũng có những trường hợp việc xây dựng Quốc hội điện tử gặp nhiều khó khăn, thách thức từ việc thiếu tầm nhìn chiến lược đến sự hạn chế nguồn lực và cách thức triển khai. Trong phạm vi bài viết này, các tác giả phân tích kinh nghiệm xây dựng Quốc hội điện tử ở một số nước trên thế giới và đề xuất một số gợi mở cho việc xây dựng Quốc hội điện tử ở Việt Nam.

**Từ khóa:**Quốc hội/Nghị viện điện tử;công nghệ thông tin; cơ sở dữ liệu về hoạt động của Quốc hội; Trang thông tin điện tử của Quốc hội.

**155. Xử lý kỷ luật viên chức quản lý tại các cơ sở giáo dục Đại học công lập/** Thái Thị Tuyết Dung **/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 24 (424).- Tr. 29 – 33.

**Nội dung:** Xử lý kỷ luật được xem là một giải pháp hữu hiệu trong công tác đấu tranh phòng, chống các vi phạm kỷ luật của viên chức nhằm duy trì trật tự và bảo đảm hiệu quả hoạt động của đơn vị. Tuy nhiên, sự thay đổi của pháp luật đã làm phát sinh các vấn đề pháp lý phức tạp liên quan đến việc xử lý kỷ luật viên chức. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích một số khía cạnh pháp lý về việc xử lý kỷ luật viên chức quản lý tại các cơ sở giáo dục đại học công lập và chỉ ra một số bất cập cần hoàn thiện.

**Từ khóa:** Xử lý kỷ luật viên chức, viên chức quản lý, cơ sở giáo dục đại học công lập.

**156.** **Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi thi công công trình không có giấy phép xây dựng, sai nội dung giấy phép xây dựng**/ Nguyễn Thị Bé Ngoan**/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 18 (418).- Tr. 37 – 41.

**Nội dung:** Trong những năm qua, tốc độ đô thị hóa ở nước ta diễn ra nhanh chóng. Trước sức ép lớn về nhu cầu xây dựng, tình trạng xây dựng công trình không có giấy phép, sai nội dung giấy phép xây dựng diễn ra phổ biến và nghiêm trọng, gây khó khăn trong công tác quản lý nhà nước. Để bảo đảm trật tự xây dựng thì xử phạt vi phạm hành chính được xem là một giải pháp hữu hiệu. Hiện nay, các vi phạm về trật tự xây dựng được quy định khá chi tiết, là cơ sở pháp lý cho người có thẩm quyền thực hiện việc xử phạt đối với hành vi tổ chức thi công công trình không có giấy phép, sai nội dung giấy phép xây dựng. Trong phạm vị bài viết này, tác giả phân tích một số bất cập trong quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi tổ chức thi công công trình không có giấy phép, sai nội dung giấy phép xây dựng và đưa ra giải pháp hoàn thiện.

**Từ khóa:** Trật tự xây dựng, vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính

**157**. **Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi thi công công trình không có giấy phép xây dựng, sai nội dung giấy phép xây dựng**/ Nguyễn Thị Bé Ngoan**/**/ Nghiên cứu lập pháp .- 2020 .- Số 18 (418) .- Tr. 37 – 41.

**Nội dung:** Trong những năm qua, tốc độ đô thị hóa ở nước ta diễn ra nhanh chóng. Trước sức ép lớn về nhu cầu xây dựng, tình trạng xây dựng công trình không có giấy phép, sai nội dung giấy phép xây dựng diễn ra phổ biến và nghiêm trọng, gây khó khăn trong công tác quản lý nhà nước. Để bảo đảm trật tự xây dựng thì xử phạt vi phạm hành chính được xem là một giải pháp hữu hiệu. Hiện nay, các vi phạm về trật tự xây dựng được quy định khá chi tiết, là cơ sở pháp lý cho người có thẩm quyền thực hiện việc xử phạt đối với hành vi tổ chức thi công công trình không có giấy phép, sai nội dung giấy phép xây dựng. Trong phạm vị bài viết này, tác giả phân tích một số bất cập trong quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi tổ chức thi công công trình không có giấy phép, sai nội dung giấy phép xây dựng và đưa ra giải pháp hoàn thiện.

**Từ khóa:** Trật tự xây dựng, vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính.

**GIÁO DỤC**

**1.** **Vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục thanh niên Việt Nam hiện nay : thực trang và giải pháp/** Nguyễn Thị Đan Thụy// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 73-79.

**Nội dung:** Phân tích những đóng góp và hạn chế của gia đình, nhà trường, xã hội trong công tác giáo dục thanh niên. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác này.

**Từ khóa:** Gia đình, giáo dục, nhà trường, thanh niên, xã hội

**NGÔN NGỮ**

**1. Ẩn dụ - một phương thức chuyển nghĩa trong truyện cười Việt Nam hiện đại/** Hoàng Ngọc Diệp// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2021 .- Số 2(308) .- Tr. 119-124.

**Nội dung:** Ẩn dụ là một phương thức chuyển nghĩa giúp biểu đạt nhũng vấn đề trừu tượng trở nên cụ thể, hình ảnh, tránh được cách nói khô khan, đồng thời gia tăng sức mạnh biểu cảm trong lời nói.

**Từ khóa:** Ẩn dụ, phương thức chuyển nghĩa, hình ảnh, biểu cảm, truyện cười hiện đại

**2.** **Ẩn dụ : một hành trình nghiên cứu từ những góc nhìn khác biệt/** Phan Văn Hòa, Hồ Trịnh Quỳnh Thu// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 12(306) .- Tr. 3-11.

**Nội dung:** Trình bày tóm tắt các đường hướng tiếp cận ẩn dụ qua thời gian với mong muốn cung cấp tổng quan về bức tranh ẩn dụ trong ngôn ngữ. Qua đây bài viết cũng làm sáng tỏ tính phổ quát và sự đa dạng của ẩn dụ dựa trên một số quan điểm khác nhau.

**Từ khóa:** Ẩn dụ, quan điểm ẩn dụ, ẩn dụ từ vựng, ẩn dụ tri nhận, ẩn dụ ngữ pháp, ẩn dụ văn hóa

**3. Ẩn dụ ngữ âm trong khúc Hồng lâu mộng dẫn tử/** Phan Thị Hà// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2021 .- Số 2(308) .- Tr. 20-24.

**Nội dung:** Phân tích ẩn dụ ngữ âm trong bài thơ Hồng lâu mộng dẫn tử từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận, dựa vào lý thuyết ánh xạ. Qua đó mong muốn giới thiệu tới độc giả một khía cạnh khác về nội dung tác phẩm và nghệ thuật sử dụng ngôn từ rất độc đáo của nhà văn Tào Tuyết Cần.

**Từ khóa:** Tương đồng và tương cận ngữ âm, ẩn dụ ngữ âm, ánh xạ đồng âm, sử dụng ngôn ngữ, ẩn dụ tri nhận

**4. Bàn thêm về ngữ nghĩa của trật tự thành phần câu Tiếng Việt/** Dương Xuân Quang// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2021 .- Số 2(308) .- Tr. 12-19.

**Nội dung:** Phân tích và bàn thêm về bình diện nội dung của sự sắp xếp vị trí các thành phần câu với ngữ liệu là tiếng Việt, trên cơ sở những nhận thức về ngữ nghĩa ngữ pháp.

**Từ khóa:** Trật tự thành tố, ngữ nghĩa ngữ pháp, tiếng Việt, nét nghĩa, lời phát ngôn

**5.** **Bàn về dạy học ngữ pháp tiếng Hán giai đoạn sơ cấp cho sinh viên Việt Nam : trường hợp khoa ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội/** Hoàng Thị Thu Trang// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 12(306) .- Tr. 100-106.

**Nội dung:** Khảo sát, phân tích, đối chiếu so sánh, tiến hành nghiên cứu thực trạng dạy học ngữ pháp tiếng Hán giai đoạn sơ cấp ở Khoa Ngôn ngữ Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội. Trên cơ sở đó đưa ra một só kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

**Từ khóa:** Dạy học, ngữ pháp, tiếng Hán sơ cấp

**6.** **Bí quyết cải thiện kĩ năng đọc hiểu tiếng Anh/** Đặng Thị Xuân// Giáo dục và Xã hội.- 2021 .- Số 118(179) .- Tr. 56-59.

**Nội dung:** Trình bày 8 bước giúp bạn chinh phục kỹ năng đọc – hiểu tiengs Anh nhanh nhất: Luôn luôn chọn khoảng thời gian đặc biệt để đọc; Lựa chọn nội dung phù hợp để đọc; Đặt câu hỏi trong quá trình đọc và sau khi đọc xong; Cải thiện sự thành thạo đầu tiên; Khi đã học được cách tăng tốc độc đọc hãy đọc chậm lại; Đọc nhiều câu hỏi; Đọc lại một lần nửa; Đọc nhiều thể loại.

**Từ khóa:** Tiếng Anh, kỹ năng đọc

**7.** **Các yếu tố ngôn ngữ đánh dấu hình thức của hành động hỏi và hồi đáp hỏi từ góc độ quyền lực/** Bùi Đoan Trang// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 1(307) .- Tr. 48-53.

**Nội dung:** Nghiên cứu và tìm hiểu các yếu tố ngôn ngữ đánh dấu hình thức hỏi và hồi đáp hỏi từ góc độ quyền lực cũng như sự chi phối của nhân tố quyền lực đến hành động hỏi và hồi đáp hỏi.

**Từ khóa:** Hành động hỏi, hồi đáp hỏi, quyền lực

**8.** **Cấu tạo tham thoại dẫn nhập trong phỏng vấn báo chí/** Trần Anh Thư// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 1(307) .- Tr. 38-47.

**Nội dung:** Nghiên cứu đến cấu trúc chức năng và quan hệ giữa các hành động trong hai thành phần nòng cốt và thành phần mở rộng kể trên của tham thoại dẫn nhập phỏng vấn báo chí.

**Từ khóa:** Tham thoại dẫn nhập, cấu tạo, thành phần nòng cốt, hành động chủ hướng, hành động phụ thuộc, hành động mở rộng

**9.** **Cơ sở nhận diện các thành phần trong cấu trúc thông tin của câu Tiếng Việt/** Đoàn Tiến Lực// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 1(307) .- Tr. 20-26.

**Nội dung:** Bài viết dựa trên cơ sở lý thuyết cấu trúc thông tin, chỉ ra hai cơ sở nhận diện thành phần trong cấu trúc thông tin của câu tiếng Việt trong văn bản đơn thoại là ngữ cảnh và phương tiện từ ngữ đánh dấu.

**Từ khóa:** Nhận diện, cấu trúc thông tin, câu tiếng Việt

**10.** **Đặc điểm các đơn vị đầu mục của từ điển phương ngữ/** Hoàng Thị Nhung// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 12(306) .- Tr. 46-51.

**Nội dung:** Tìm hiểu đặc điểm của những đơn vị đầu mục từ trong từ điển phương ngữ thuộc một số vùng. Từ đó rút ra những điểm cần quan tâm, lưu ý khi thiết lập một bảng từ cho các từ điển phương ngữ thuộc loại này.

**Từ khóa:** Phương ngữ, đơn vị đầu mục, bẳng từ, từ điển phương ngữ, từ điển ngôn ngữ

**11. Đặc điểm ngữ pháp, ngữ nghĩa – ngữ dụng của liên từ *nhưng* trong tiếng Việt, đối chiếu với *But* trong tiếng Anh/** Trần Thị Thanh Loan// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2021 .- Số 2(308) .- Tr. 89-100.

**Nội dung:** Phân tích cấu tạo ngữ pháp, ngữ nghĩa – ngữ dụng của liên từ *nhưng* trong tiếng Việt để hiểu sâu hơn và toàn diện hơn về liên từ *nhưng*. Từ đó đối chiếu với *but* trong tiếng Anh để tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt trong cấu tạo ngữ pháp và ngữ nghĩa – ngữ dụng của hai ngôn từ nhằm giúp cho việc giảng dạy, học tập, dịch thuật từ ngôn ngữ tiếng Việt sang tiếng Anh và ngược lại một cách hiệu quả hơn, đồng thời cũng sẽ giúp cho việc tạo lập cấu trúc ngữ pháp để sử dụng đúng và hay hơn.

**Từ khóa:** *Nhưng, but*, ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng, tương đồng, khác biệt

**12. Đặc điểm sử dụng nhóm từ ngữ chỉ tín ngưỡng thờ cúng xét theo phân tầng xã hội/** Lê Thị Lâm, Đàm Thị Thúy// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 11A(304) .- Tr. 30-35.

**Nội dung:** Tìm hiểu đặc điểm sử dụng của các từ ngữ chỉ tín ngưỡng thờ cúng trong tiếng Việt từ góc độ phân tầng xã hội, chủ yếu là hai nhân tố tuổi và giới. Bài viết nhằm chỉ ra đặc điểm sử dụng của nhóm từ ngữ này từ góc nhìn tuổi và giới, ngoài ra cũng chỉ ra người già sử dụng các từ ngữ chỉ tín ngưỡng thờ cúng nhiều hơn người trẻ.

**Từ khóa:** Tín ngưỡng thờ cúng, tuổi, giới, ngôn ngữ học xã hội, phân tầng xã hội

**13.** **Đặc trưng văn hóa – xã hội biểu thị tốc độ nhanh trong ngữ cố định tiếng Anh và tiếng Việt/** Hoàng Tuyết Minh// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 12(306) .- Tr. 63-75.

**Nội dung:** Khảo sát và phân tích cách biểu thị tốc độ nhanh trong ngữ cố định tiếng Anh và tiếng Việt, từ đó chỉ ra những điểm tương đồng và dị biệt giữa chúng ở hai ngôn ngữ dưới góc nhìn văn hóa – xã hội.

**Từ khóa:** Tốc độ nhanh, ngữ cố định, tiếng Anh và tiếng Việt

**14. Đối chiếu đặc điểm ngữ nghĩa của một số dãy tính từ đồng nghĩa của tiếng Anh và tiếng Việt/** Trần Thị Lê Dung// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2021 .- Số 2(308) .- Tr. 58-62.

**Nội dung:** Phân tích thành tố nghĩa để chỉ ra ngũ nghĩa của một số dãy tính từ đồng nghĩa tiêu biểu tương ứng nhau về ngữ nghĩa trong tiếng Anh và tiếng Việt trên cơ sở lý thuyết cấu trúc tham tố của tính từ.

**Từ khóa:** Đồng nghĩa, cấu trúc tham tố, tiếng Anh, tiếng Việt, tính từ

**15.** **Hiện tượng đồng nghĩa trong ngôn ngữ cử chỉ của người Việt/** Nguyễn Thị Phương, Trần Thùy An// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 12(306) .- Tr. 52-57.

**Nội dung:** Hệ thống hóa các cử chỉ cùng biểu thị một ý nghĩa thành các dãy cử chỉ đồng nghĩa. Các dãy cử chỉ đồng nghĩa này cung cấp cho chúng ta một danh sách tiềm năng để lựa chọn và sử dụng nhằm truyền tải thông điệp một cách chính xác và tinh tế nhất trong giao tiếp.

**Từ khóa:** Ngôn ngữ cử chỉ, cử chỉ, cử chỉ đồng nghĩa, dãy cử chỉ đồng nghĩa, giao tiếp

**16.** **Hiểu thêm về sự tổ chức mạng lưới tính từ trái nghĩa tiếng Anh/** Trần Thị Phương Lý, Bùi Bình Khang// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 12(306) .- Tr. 80-87.

**Nội dung:** Dựa trên hệ thống *Mạng từ tiếng Anh (WordNet*), đi sâu vào tìm hiểu sự tổ chức mạng lưới tính từ trái nghĩa và các mối liên hệ bên trong để từ đó cung cấp cái nhìn sâu hơn về vai trò của các yếu tố quan hệ trong việc thiết lập *Mạng từ.*

**Từ khóa:** Mạng từ, tính từ trái nghĩa, sự trái nghĩa, mối quan hệ, tiếng Anh

**17.** **Hiệu ứng âm vị trong xử lí từ ghép tiếng Việt trong Ngữ lưu/** Phạm Hiển, Đinh Thị Hằng// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 12(306) .- Tr. 20-28.

**Nội dung:** Nghiên cứu các thuộc tính âm học gồm thông số cường độ, trường độ và cao độ của các từ ghép và các đơn vị tương đương có cấu trúc âm tiết tương tự nhau. Nghiên cứu này nhằm xác định xem các âm vị chung âm và các âm vị khởi âm trong từ ghép và các đơn vị tương đương trong tiếng Việt.

**Từ khóa:** Xử lí từ ghép, đồng âm, tái cấu tạo âm tiết, ranh giới từ, tiếng Việt

**18. Hoán dụ tri nhận (trên ngữ liệu biểu thức ngôn ngữ biểu thị nam giới trong Văn học trung đại Việt Nam)/** Nguyễn Thị Vân Anh// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2021 .- Số 2(308) .- Tr. 25-30.

**Nội dung:** Phân tích, xác lập các miền nguồn được chuyển di để chỉ miền đích là nam giới. Theo đó, bài báo khái quát: tám miền nguồn theo cơ chế hoán dụ; Điều kiện lựa chọn sự vật ở miền nguồn; đặc điểm tri nhận hoán dụ của miền nguồn; nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn miền nguồn.

**Từ khóa:** Biểu thức ngôn ngữ biểu thị đàn ông, văn học trung đại Việt Nam, hoán dụ, hoán dụ tri nhận, miền nguồn

**19. Khảo sát hiện tượng sử dụng nhầm lẫn hai trợ từ cách 에/ 에서 của sinh viên năm thứ nhất khi viết bài luận theo chủ đề/** Hoàng Thị Thao, Tràn Thị Chi// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2021 .- Số 2(308) .- Tr. 74-80.

**Nội dung:** Khảo sát hiện tượng sử dụng nhầm lẫn hai trợ từ cách 에 và 에서 trong các bài luận theo chủ đè của sinh viên năm thứ nhất, bước đầu chỉ ra và phân tích nguyên nhân thực trạng và đề xuất một số dạng bài tập luyện tập để khắc phục lỗi trên.

**Từ khóa:** Ngữ pháp, lỗi ngữ pháp, trợ từ cách, kĩ năng viết, tiếng Hàn

**20.** **Khảo sát lỗi sử dụng Đại từ bàng chỉ trong tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam/** Lưu Hớn Vũ// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 12(306) .- Tr. 96-99.

**Nội dung:** Khảo sát tình hình sử dụng, tìm kiếm nguyên nhân dẫn đến lỗi sử dụng nhóm đại từ bàng chỉ tiếng Trung Quốc. Trên cơ sở Kho ngữ liệu ngôn ngữ trung gian tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam, từ đó đưa ra một số kiến nghị trong giảng dạy.

**Từ khóa:** Lỗi sử dụng, đại từ bàng chỉ, tiếng Trung Quốc

**21. Khảo sát lỗi sử dụng từ li hợp tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam/** Lưu Hớn Vũ// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2021 .- Số 2(308) .- Tr. 63-67.

**Nội dung:** Khảo sát lỗi sử dụng từ li hợp có cấu trúc “động + tân” tiếng Trung Quốc trên cơ sở kho ngữ liệu ngôn ngữ trung gian tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam (phiên bản 2018) do chúng tôi tự xây dựng (quy mô khoảng 906.000 chữ). Từ đó, phân tích nguyên nhân và đưa ra một số kiến nghị.

**Từ khóa:** Từ li hợp, tiếng Trung Quốc, phân tích lỗi, sinh viên Việt Nam

**22. Khảo sát nghĩa của nhóm chữ Hán có chứa 酉 làm thành tố biểu ý/** Phạm Ngọ Hàm, Hoàng Ngọc Nguyễn Hồng// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 11A(304) .- Tr. 58-62.

**Nội dung:** Sử dụng các thủ pháp và phương pháp nghiên cứu như thống kê, miêu tả, phân tích, tiến hành khảo sát các chữ Hán có chứa bộ 酉 dậu (bình rượu) làm thành tố biểu ý, từ đó làm nổi rõ đặc điểm nghĩa và hàm ý văn hóa của nhóm chữ Hán này, đồng thời khẳng định vai trò của rượi trong đời sống xã hội cũng như khả năng sáng tạo to lớn của người xưa.

**Từ khóa:** Bộ 酉, nghĩa, hàm ý văn hóa, thành tố biểu ý, chữ Hán

**23. Kĩ năng đánh dấu trọng âm tiếng Anh/** Nguyễn Thị Thanh Huyền// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 11A(304) .- Tr. 63-69.

**Nội dung:** Khảo sát về hiện tượng trọng âm tiếng Anh góp phần giúp người học rèn luyện kỹ năng đánh dấu trọng âm từ và trọng âm câu trong giao tiếp tiếng Anh.

**Từ khóa:** Kĩ năng, quy tắc, đánh dấu, trọng âm, tiếng Anh, giao tiếp

**24.** **Lịch sử hình thành tốc kí và các bộ gõ tốc kí tiếng Việt hiện nay/** Vũ Thị Hải Hà, Đinh Thị Hằng, Lê Thanh Hương// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 12(306) .- Tr. 36-45.

**Nội dung:** Nêu khái đặc điểm một số bộ gõ tốc kí trên thế giới và Việt Nam, từ đó đưa ra một số đề xuất khả năng áp dụng cho máy móc tốc kí tiếng Việt.

**Từ khóa:** Tốc kí, tốc kí bút, tốc kí máy, tốc kí tiếng Việt, chữ viết tắt

**25.** **Một số đặc điểm từ vựng và ngữ pháp của ngôn bản tiếng Anh chuyên ngành/** Trần Ngọc Đức, Vũ Thị Mẫu, Lê Thị Ngọc Hà// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 1(307) .- Tr. 66-73.

**Nội dung:** Nghiên cứu đặc điểm từ vựng và ngữ pháp của ngôn bản tiếng Anh chuyên ngành theo mô hình ngữ pháp chức năng hệ thống. Nghiên cứu dựa trên cứ liệu gồm 12 bài đọc hiểu từ 12 sách và giáo trình tiếng Anh kinh tế, du lịch, thời trang, ô tô, điện tử, điều dưỡng, công nghệ thông tin, kĩ thuật môi trường...

**Từ khóa:** Đặc điểm từ vựng và ngữ pháp, tiếng Anh chuyên ngành, ngôn ngữ học chức năng hệ thông, mật độ từ vựng, ẩn dụ ngữ pháp

**26. Một số đặc điểm về hình thức – cấu trúc của thành ngữ tiếng Hán có thành tố là con số/** Giang Thị Tám// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2021 .- Số 2(308) .- Tr. 68-73.

**Nội dung:** Tập trung khảo sát ở bình diện hình thức – cấu trúc của các thành ngữ có thành tố là con số trong tiếng Hán hiện đại, như: Số lượng, sự tham gia của các con số trong thành ngữ và sự kết hợp giữa chúng.

**Từ khóa:** Thành ngữ, con số, thành tố, tiếng Hán

**27. Một số lỗi điển hình và những gợi ý để tránh các lỗi khi sử dụng kính ngữ tiếng Nhật/** Nguyễn Thị Hằng Nga// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 11A(304) .- Tr. 70-79.

**Nội dung:** Phân tích một số lỗi sai điển hình của sinh viên khi sử dụng kính ngữ tiếng Nhật trong hội thoại. Từ đó, tác giả hệ thống hóa một số vấn đề liên quan đến kính ngữ tiếng Nhật và gợi ý một số dạng bài tập nhằm giúp sinh viên tránh được các lỗi sai khi sử dụng kính ngữ tiếng Nhật.

**Từ khóa:** Kính ngữ, tiếng Nhật, lỗi sai, tôn kính ngữ, khiêm nhường ngữ

**28.** **Năng lực ngôn ngữ xã hội và các thành tố của nó trong dạy Tiếng Việt như một ngoại ngữ/** Trịnh Cẩm Lan// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 12(306) .- Tr. 12-19.

**Nội dung:** Giới thiệu sơ lược về năng lực ngôn ngữ xã hội và các thành tố của nó trong sự phát triển các mô hình năng lực giao tiếp từ cái nhìn lịch đại. Bài viết còn nêu ra vấn đề để các nhà chuyên môn cùng thảo luận nhằm hướng tới xây dựng bản mô tả chi tiết năng lực ngôn ngữ xã hội nói riêng, các năng lực thành phần của mô hình năng lực giao tiếp nói chung phục vụ cho các hoạt động dạy, học và đánh giá năng lực tiếng Việt như một ngoại ngữ.

**Từ khóa:** Năng lực ngôn ngữ xã hội, năng lực giao tiếp, năng lực ngôn ngữ, năng lực ngữ dụng

**29. Nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam – giai đoạn từ đầu thế kỉ XXI đến năm 2019/** Lưu Hớn Vũ// Khoa học Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh .- 2020 .- Số 17(7) .- Tr. 1206-1214.

**Nội dung:** Tổng kết tình hình nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam trong giai đoạn từ đầu thế kỉ XXI đến năm 2019, nêu những nhận xét, đánh giá về các nghiên cứu công bố trong giai đoạn này, đồng thời đưa ra những kiến nghị để thúc đẩy sự phát triển bền vững của công tác nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Ngôn ngữ Trung Quốc, Việt Nam, thế kỉ XXI

**30. Nguồn gôc, cấu tạo tên gọi các món ăn ở Bến Tre/** Nguyễn Minh Hoạt// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 11A(304) .- Tr. 93-99.

**Nội dung:** Khảo sát tên gọi các món ăn ở Bến Tre từ phương diện ngôn ngữ. Qua đó làm rõ các nội dung về ngồn gốc thuần Việt hay vay mượn của tên gọi; các yếu tố kết hợp, cấu tạo nên mô hình, cấu trúc trong tên gọi các món ăn Bến Tre.

**Từ khóa:** Tên gọi, món ăn, Bến Tre, ngôn ngữ, nguồn gốc, cấu tạo

**31. Những phương pháp giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành/** Nguyễn Thị Mơ// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2021 .- Số 2(308) .- Tr. 31-36.

**Nội dung:** Tìm hiểu về những phương pháp giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành được áp dụng trên thế giới và từ đó đối chiếu với phương pháp giảng dạy phổ biến ở trong nước. Dựa vào thực trạng giảng dạy hiện tại, tác giả đưa ra đề xuất ứng dụng những phương pháp giảng dạy cập nhật phù hợp cho một số trường hợp điển hình.

**Từ khóa:** Tiếng Anh chuyên ngành, giảng dạy tiếng Anh, phương pháp giàng dạy

**32.** **Phân tích lỗi sai thường gặp của sinh viên Việt Nam khi sử dụng phó từ chỉ mức độ và cụm phó từ chỉ mức độ trong tiếng Hán hiện đại/** Bùi Thị Thu Trang, Sú Xuân Thanh// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 12(232) .- Tr. 37-50.

**Nội dung:** Tập trung phân tích lỗi sai thường gặp của sinh viên Việt Nam khi sử dụng phó từ chỉ mức độ và cụm phó từ chỉ mức độ trong tiếng Hán hiện đại. Đưa ra những ý kiến đóng góp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động dạy và học loại phó từ này.

**Từ khóa:** Phó từ chỉ mức độ, cụm phó từ chỉ mức độ, tiếng Hán hiện đại, lỗi sai

**33.** **Phương thức cấu tạo từ ngữ lóng trong tiếng Việt/** Nguyễn Thị Hoài Tâm// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 12(306) .- Tr. 142-147.

**Nội dung:** Phân tích cơ sở lý thuyết của ngôn ngữ học, chỉ ra các phương thức cấu tạo từ ngữ tiếng lóng tiếng Việt như: Phương thức biến đổi hình thức ngữ âm, phương tiện hình thái học, phương tiện ngữ nghĩa. Phương thức biến đổi ngữ âm gồm các biện pháp: đọc chệch âm, hòa âm ...

**Từ khóa:** Từ ngữ lóng, tiếng Việt, phương thức cấu tạo, ngữ âm, hình thái học, ngữ nghĩa

**34.** **Quan hệ lập luận đồng hướng và nghịch hướng trong câu ghép tiếng Việt/** Hoàng Thị Thanh Huyền// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 12(306) .- Tr. 29-35.

**Nội dung:** Khảo sát và tìm hiểu lập luận trong câu ghép tiếng Việt theo quan hệ đồng hướng và nghịch hướng, trên cơ sở đó khẳng định trong phạm vi một câu ghép, giữa các vế không chỉ tồn tại quan hệ ngữ pháp, quan hệ ngữ nghĩa như lâu nay, ngôn ngữ học từng quan niệm mà còn xuất hiện cả quan hệ lập luận.

**Từ khóa:** Lập luận, câu ghép, luận cứ, đồng hướng, nghịch hướng

**35. Quan hệ liên nhân – cơ sở tạo lập lời mời ăn uống trong Tiếng Việt/** Nguyễn Thị Thanh Ngân// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 11A(304) .- Tr. 20-29.

**Nội dung:** Nghiên cứu áp dụng phương pháp điều tra để thu thập các ngữ liệu, thống kê xã hội học để xử lí kết quả. Miêu tả lý giải, đồng thời kết hợp các thủ pháp thay thế, bổ sung để phân tích sự chi phối của quan hệ liên nhân đối với việc tạo lập lời mời ăn uống của người Việt.

**Từ khóa:** Giao tiếp, hành động ngôn từ, quan hệ liên nhân

**36. Sự tương tác giữa cấu trúc ngữ nghĩa của danh từ và cấu trúc gia lượng của Vị từ trong việc xác định ý nghĩa thể sự tình/** Nguyễn Hoàng Trung// Ngôn ngữ & Đời sống.- 2021 .- Số 2(308) .- Tr. 3-11.

**Nội dung:** Trình bày sự tương tác giữa cấu trúc ngữ nghĩa của danh từ và cấu trúc gia lượng của Vị từ trong việc xác định ý nghĩa thể sự tình. Hai thuộc tính thể này là cơ sở xác lập ý nghĩa thể hoàn thành và không hoàn thành của sự tình.

**Từ khóa:** Tính hạn định, danh từ tích lũy, danh từ định lượng, tham số gia lượng, ý nghĩa thể

**37.** **Tiếng Anh Pidgin và tiếng Anh Creole : sự hình thành và những đặc trưng/** Phan Văn Quế// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 1(307) .- Tr. 54-58.

**Nội dung:** Nghiên cứu đến sự hình thành và một số đặc trưng của các ngôn ngữ tiếng Anh Pidgin và tiếng Anh Creole qua một số công trình của các tác giả đã công bố.

**Từ khóa:** Biến thế, ngôn ngữ bố mẹ, ngôn ngữ nổi trội, tiếng Anh Pidgin, tiếng Anh Creole

**38. Tiếp cận giới từ tiếng Anh và các đơn vị tương đương trong tiếng Việt/** Nguyễn Thị Tuyết Hạnh// Khoa học Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh .- 2020 .- Số 17(10) .- Tr. 1901-1909.

**Nội dung:** Khảo sát giới từ trong tiếng Anh và các đơn vị tương đương trong tiếng Việt theo ba hướng tiếp cận: hướng từ vựng học, hướng ngữ pháp chức năng và hướng cú pháp học.

**Từ khóa:** Giới từ tiếng Anh, hướng từ vựng học, hướng ngữ pháp chức năng, hướng cú pháp học

**39.** **Từ tiếng Kinh trở thành tiếng Việt : từ tiếng phổ thông trở thành ngôn ngữ quốc gia/** Vương Toàn// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 3-11.

**Nội dung:** Bài viết xem xét khung cảnh xã hội – chính trị và những tác động để tiếng Kinh trở thành tiếng Việt và tiếng Việt trở thành ngôn ngữ quốc gia.

**Từ khóa:** Tiếng Kinh, tiếng Việt, tiếng phổ thông, ngôn ngữ quốc gia

**40. Vai trò ngữ pháp, ngữ nghĩa của quan hệ từ “với” trong tiếng Việt/** La Thị Mỹ Quỳnh// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 11A(304) .- Tr. 36-44.

**Nội dung:** Tập trung làm rõ vai trò kết nối và biểu thị quan hệ ngữ pháp; vai trò cấu tạo cụm từ, câu; vai trò đánh dấu các chức vụ cú pháp và vai trò đối với cấu trúc vị tố - tham thể của quan hệ từ *với* trên hai tư cách: khi là quan hệ từ bình đẳng và khi là quan hệ từ phụ thuộc. Từ đó khẳng định những giá trị riêng biệt của *với* trong hệ thống quan hệ từ tiếng Việt.

**Từ khóa:** Quan hệ từ, ngữ pháp, ngữ nghĩa, vị tố, tham thể

**41.** **Về các hư từ thì, là, mà trong truyện Kiều của Nguyễn Du/** Nguyễn Đức Thuận, Bùi Minh Huế// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 12(306) .- Tr. 137-141.

**Nội dung:** Phân tích và nêu sơ lược một số trường hợp mà nhà thơ Nguyễn Du đã dùng về ba hư từ thì, là, mà trên một số phương diện ngữ nghĩa và ngữ pháp.

**Từ khóa:** Hư từ, thì, là, mà, Nguyễn Du, Truyện Kiều, Thúy Kiều

**42.** **Về một số đặc điểm của hư từ thì trong tiếng Việt (khảo sát trên cứ liệu tuyển tập Nam Cao)/** Nguyễn Mạnh Tiến, Vương Lệ Linh Hằng// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 1(307) .- Tr. 27-33.

**Nội dung:** Khảo sát đặc điểm của hư từ thì trong các tác phẩm của nhà văn Nam Cao về các mặt ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng, bài viết chỉ ra hai cách dùng của hư từ thì: dùng riêng và dùng theo cặp.

**Từ khóa:** Hư từ, quan hệ từ, trợ từ, ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng

**43.** **Ý nghĩa của chữ 漈 TẾ và 禮 LỄ trong quan hệ với tín ngưỡng dân gian của người Trung Quốc và người Việt Nam/** Ngô Thanh Mai// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- Số 1(307) .- Tr. 106-111.

**Nội dung:** Bằng phương pháp khảo sát, tổng hợp, phân tích, thông qua tính chất biểu ý của các chữ “tế” (漈) và “lễ” (禮), làm sáng tỏ nét văn hóa tín ngưỡng của nhân dân hai nước Việt – Trung.

**Từ khóa:** Tín ngưỡng, tế, lễ, Việt Nam, Trung Quốc

**44.** **Yếu tố văn hóa trong các tục ngữ tiếng Anh và tiếng Việt về hôn nhân/** Nguyễn Thị Quý, Nguyễn Thị Thanh Tùng// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 12(306) .- Tr. 121-127.

**Nội dung:** Nghiên cứu về sự giống nhau và khác nhau trong tục ngữ Anh và Việt liên quan đến yếu tố văn hóa và đó có thể là một tài liệu thú vị và hữu ích cho người sử dụng tiếng Anh và những người quan tâm đến các yếu tố văn hóa trong tục ngữ Anh và Việt.

**Từ khóa:** Tục ngữ, ngoại ngữ, tiếng Anh, tiếng Việt, văn hóa

**KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

**1.** **Đề xuất phương pháp nhận dạng đa thông số của hệ thống được mô tả bởi phương trình đạo hàm riêng dựa trên phương pháp Gradient phối ngẫu hiệu chỉnh/** Trần Thanh Phong, Nguyễn Hoàng Phương// Khoa học Giáo dục Kỹ thuật (Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 58 .- Tr. 10-19.

**Nội dung:** Giới thiệu phương pháp nhận dạng đồng thời nhiều thông số khiếm khuyết của hệ thống được mô tả bởi phương trình đạo hàm riêng bậc hai với phương trình truyền nhiệt. Từ đó đề xuất phương pháp nhận dạng đa thông số của hệ thống được mô tả bởi phương trình đạo hàm riêng dựa trên phương pháp Gradient phối ngẫu hiệu chỉnh.

**Từ khóa:** Bài toán ngược, nguồn nhiệt, nhận dạng thông số, phương trình đạo hàm riêng, phương pháp Gradient

**2.** **Giải thuật Chaotic vortex search cho bài toán tối ưu toàn cục/** Trương Khắc Tùng, Đỗ Hà Phương, Dương Đức Hưng// Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 45A .- Tr. 3-13.

**Nội dung:** Nghiên cứu lý thuyết về giải thuật tìm kiếm tối ưu Vortex Search, lý thuyết và ứng dụng lý thuyết Chaos vào họ giải thuật Metaheuristics. Đề xuất cải tiến giải thuật VS bằng cách lai quy luật phát sinh tập ứng viên giải thuật VS với hàm Chaotic Bernoulli Map.

**Từ khóa:** Thuật toán, Chaotic number, tối ưu toàn cực

**3.** **Khảo sát một số tính chất phi cổ điển của trạng thái kết hợp điện tích biến dạng chẵn và lẻ/** Đặng Hữu Định// Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 45A .- Tr. 42-50.

**Nội dung:** Nghiên cứu các tính chất phi cổ điển như nén tổng hai mode, nén hiệu hai mode và phản kết chùm bậc cao đơn mode của trạng thái kết hợp điện tích biến dạng chẵn và lẻ. Từ đó đưa ra các biểu thức giải tích cho cấp độ nén tổng hai mode, nén hiệu hai mode và phản kết chùm bậc cao đơn mode.

**Từ khóa:** Nén tổng, nén hiệu, tính phản kết chùm bậc cao, điện tích biến dạng chẵn và lẻ

**CÔNG NGHỆ SINH HỌC**

**1. Đa dạng di truyền một số gen dược học/** Vũ Phương Nhung, Nguyễn Đăng Tôn, Nông Văn Hải, Nguyễn Hải Hà// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2020 .- Số 3(Tập 18) .- Tr.393-416.

**Tóm tắt**: Trình bày đa dạng di truyền gen dược học đóng vai trò quan trọng trong việc điều trị bệnh. Các gen dược học được mã hóa cho các protein thuộc 3 nhóm chức năng chính: enzyme chuyển hóa thuốc, protein vận chuyển thuốc và các thụ thể là đích tác dụng của thuốc. Dữ liệu về biến thể di truyền của các gen dược học là những thông tin quý báu trong việc xác định kiểu hình chuyển hóa thuốc, tạo tiền đề trong tối ưu liều thuốc và dần tiến tới nền y học cá thể hóa trong tương lai.

**Từ khóa**: Biến thể, di truyền học, gen dược học, giải trình tự gen thế hệ mới, phản ứng có hại của thuốc, y học cá thể

**2. Đánh giá khả năng phân hủy naphthalene và pyrene của một số chủng vi khuẩn tía quang hợp tạo màng sinh học**/ Nguyễn Thị Minh Nguyệt, Hoàng Phương Hà, Đồng Văn Quyền, Nguyễn Học Hương Trà, Lê Thị Nhi Công// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2020 .- Số 3(Tập 18) .- Tr.561-570.

**Tóm tắt**: Đánh giá khả năng phân hủy của 4 chủng vi khuẩn tạo màng sinh học là DQ41, PY2, PY6 và DG12. Kết quả cho thấy, hiệu suất phân hủy của 4 chủng vi khuẩn này ở dạng tạo màng sinh học đều đạt trên 79% với nồng độ cơ chất ban đầu tương ứng là 200 và 250 ppm naphthalene và pyrene. Kết quả này góp phần làm phong phú số lượng các chủng vi sinh vật tạo màng sinh học và có khả năng phân hủy các hợp chất thơm để phục vụ cho công nghệ xử lý ô nhiễm dầu tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Màng sinh học, phân hủy sinh học, phân hủy naphthalene, phân hủy pyrene, vi khuẩn tía quang hợp

**3. Giải mã hệ gen canine distemper virus gây bệnh trên chó năm 2018**/ Đỗ Thị Roan, Đỗ Đức Thành, Đặng Thị Mai Lan, Phạm Hồng Ngọc, Nguyễn Hữu Đức, Nguyễn Thị Khuê, Nguyễn Thị Thu Hiền, Lê Thị Kim Xuyến, Lê Thanh Hòa, Đoàn Thị Thanh Hương// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2020 .- Số 3(Tập 18) .- Tr.465-475.

**Tóm tắt**: Trình bày toàn bộ hệ gen của chủng virus gây bệnh Carre trên chó (Canine Distemper Virus) thu nhận tại Hà Nội năm 2018 (CDVHN5) đã được giải mã và phân tích phả hệ nguồn gốc. Kết quả phân tích phả hệ nguồn gốc cho thấy chủng CDVHN5 thuộc genotype Asia-1 cùng với các chủng của Trung Quốc, Đài Loan, Thái Lan và Hàn Quốc. Cho đến nay mới có duy nhất một hệ gen của CDV Thành phố Hồ Chí Minh công bố trên Ngân hàng gen. Do đó việc bổ sung dữ liệu hệ gen của virus này tại Việt Nam là rất cần thiết.

**Từ khóa**: Canine Distemper Virus, genotype, hệ gen, PCR, phả hệ

**4. Khả năng đồng phân hóa Linoleic acid của các chủng Lactobacillus spp. Phân lập từ hệ vi khuẩn đường ruột ở người Việt Nam**/ Trần Xuân Thạch, Hà Thị Thu, Vũ Thị Hiền, Hoàng Thế Hưng, Nguyễn Thị Hoa, Lê Thị Thu Hồng, Lưu Đàm Ngọc Anh, Bùi Văn Hướng, Lã Thị Lan Anh, Đồng Văn Quyền, Nguyễn Thị Tuyết Nhung// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2020 .- Số 3(Tập 18) .- Tr.445-453.

**Tóm tắt**: Nghiên cứu Linoleic acid liên hợp (conjugated linoleic acid – CLA) có nhiều lợi ích cho sức khỏe, bao gồm chống ung thư, chống xơ vữa, chống tiểu đường, chống nhiễm trùng, giảm cholesterol, chống oxy hóa, chống vi khuẩn, điều chế miễn dịch và các đặc tính kích thích tăng trưởng. Trong nghiên cứu này có 19 chủng chuyển hóa LA của chúng, kết quả cho thấy 4 trong số 19 chủng có khả năng tạo ra 40-50 µg/mL CLA từ LA.

**Từ khóa**: Cis-9, trans-11 CLA, Lactobacillus, Linoleic acid, chống ung thư, chống xơ vữa, chống tiểu đường

**5. Nâng cao hiệu quả xử lý nước ô nhiễm dầu bằng chủng Bacillus cố định nâng lên xốp polyurethane (PUF)**/ Kiều Thị Quỳnh Hoa, Nguyễn Vũ Giang, Nguyễn Thị Yên, Mai Đức Huynh, Nguyễn Hữu Đạt, Vương Thị Nga, Nguyễn Thị Thu Hà, Phạm Thị Phượng// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2020 .- Số 3(Tập 18) .- Tr.581-588.

**Tóm tắt**: Trình bày việc nâng cao hiệu quả xử lý nước ô nhiễm dầu bằng chủng Bacillus cố định nâng lên xốp polyurethane (PUF). Quá trình khai thác và vận chuyển hydrocarbon dầu mỏ gây ô nhiễm đất và nước ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường biển và sức khỏe của con người. Hiện nay, ứng dụng phương pháp phân hủy sinh học để xử lý đất, nước ô nhiễm dầu được xem là phương pháp hiệu quả, an toàn và thân thiện với môi trường. Tuy nhiên, để tăng khả năng sống sót và duy trì ổn định số lượng cũng như hoạt tính của tác nhân phân hủy sinh học tại các vùng ô nhiễm, vi sinh vật (VSV) cần được cố định lên chất mang. Khả năng phân hủy dầu của VSV cố định lên chất mang đã được minh chứng là tốt hơn so với VSV ở trạng thái tự do.

**Từ khóa**: Bacillus, chủng VTVK15, cố định, phân hủy hydrocarbon dầu mỏ, phân hủy sinh học, xốp polyurethane

**6. Nâng cao tần suất phát sinh phôi vô tính cây sâm Ngọc Linh (Panax vietnamensis Ha et Grushv.) thông qua khử trùng mẫu cấy lá bằng nano bạc và bổ sung nano bạc trong môi trường nuôi cấy**/ Đỗ Mạnh Cường, Hoàng Thanh Tùng, Hoàng Đắc Khải, Vũ Quốc Luận, Vũ Thị Hiền, Trương Thị Bích Phượng, Dương Tấn Nhựt// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2020 .- Số 3(Tập 18) .- Tr.517-527.

**Tóm tắt**: Nghiên cứu này cho thấy, hiệu quả sử dụng nano bạc thông qua tiền xử lý và bổ sung vào môi trường nuôi cấy đã đạt hiệu quả cao trong khử trùng, cảm ứng hình thành mô sẹo, nâng cao tầng suất phát sinh phôi và tạo cây con hoàn chỉnh của cây sâm Ngọc Linh trong điều kiện nuôi cấy in vitro và chuẩn hóa cây con ở giai đoạn vườn ươm. Công nghệ phôi vô tính là công nghệ có triển vọng cho việc nhân nhanh những cây dược liệu có giá trị. Trong nghiên cứu này, các mẫu lá sâm Ngọc Linh ex vitro được khử trùng bằng nano bạc ở nồng độ và thời gian khác nhau để khử các tác nhân gây nhiễm và cảm ứng tạo mô sẹo làm vật liệu cho nuôi cấy phát sinh phôi vô tính.

**Từ khóa**: Mô sẹo, nano bạc, phát sinh phôi, phôi vô tính, sâm Ngọc Linh

**7. Nghiên cứu đa hình gen UGT1A1\*28 liên quan đến đáp ứng thuốc itrinotecan ở người kinh Việt Nam**/ Nguyễn Hải Hà, Nguyễn Thị Thanh Hoa, Vũ Bình Giang, Vũ Phương Nhung, Hoàng Thị Thu Yến, Nguyễn Đăng Tôn, Bạch Thị Như Quỳnh// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2020 .- Số 3(Tập 18) .- Tr.425-435.

**Tóm tắt**: Trình bày nghiên cứu đa hình gen UGT1A1\*28 liên quan đến đáp ứng thuốc itrinotecan ở người kinh Việt Nam. Irinotecan là một loại thuốc thường được sử dụng để điều trị ung thư. Biến thể gen UGT1A1\*28 được cho rằng làm tăng nguy cơ giảm bạch cầu trung tính và có liên quan mật thiết đến nguy cơ bị tiêu chảy nghiêm trọng. Nghiên cứu dụng phương pháp giải trình tự trực tiếp đoạn promoter gen UGT1A1 để xác định tần số kiểu gen và tần số allele biến thể UGT1A1\*28 trên 95 người Kinh khỏe mạnh. Dữ liệu thu được của nghiên cứu góp phần đưa ra giải pháp điều trị hiệu quả bệnh ung thư có sử dụng thuốc irinotecan.

**Từ khóa**: Irinotecan, gen UGT1A1, UGT1A1\*28, UGT1A1\*1, UGT1A1\*1/\*28, UGT1A1\*28/\*28, UDP-glycosyltransferase

**8. Nghiên cứu sự biểu hiện một số interleukin ở bệnh nhân có hội chứng truyền máu song thai/** Nguyễn Duy Ánh,Nguyễn Thị Sim, Phan Huyền Thương, Trần Thị Phương Thảo, Hoàng Văn Tổng, Nguyễn Duy Bắc, Lương Thị Lan Anh, Thân Thị Thu Cảnh// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2020 .- Số 3(Tập 18) .- Tr.417-423.

**Tóm tắt**: Phân tích hội chứng truyền máu song thai là một hội chứng nghiêm trọng xảy ra ở các ca song thai có 2 buồng ối nhưng chung một bánh rau với nguy cơ tử vong cho thai nhi cao và có nguy cơ dị tật bẩm sinh nếu không được can thiệp trong bào thai kịp thời. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp ELISA để định lượng nồng độ IL-1β, IL-6, IL-8 trong huyết tương của thai phụ mang thai đôi có (n = 52) và không có (n = 73) hội chứng truyền máu song thai và tìm ra mối liên quan giữa mức độ biểu hiện các interleukin và hội chứng truyền máu song thai.

**Từ khóa**: Hội chứng truyền máu song thai, IL-1β, IL-6, IL-8

**9. Nghiên cứu tạo củ in vitro cây địa hoàng (Rehmannia glutinosa (Gaertn.) Libosch.)**/ Vũ Hoài Sâm, Nguyễn Thị Xuyên, Nguyễn Thị Hương, Dương Thị Ngọc Anh, Nguyễn Minh Tuyên, Nguyễn Duy Phương, Phan Thúy Hiền// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2020 .- Số 3(Tập 18) .- Tr.507-516.

**Tóm tắt**: Đánh giá hiệu quả của một số chất điều hòa sinh trưởng đến khả năng tạo củ trong điều kiện in vitro trên nền khoáng ¼ MS có bổ sung 50 g/L đường sucrose, phục vụ công tác nhân nhanh giống Địa hoàng chất lượng cao. Địa hoàng là một loại thảo dược thuộc họ Hoa Mõm chó, chứa các dược chất chính là catalpol và verbacoside trong rễ củ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, auxin (IBA và NAA) không có tác dụng tạo củ in vitro.

**Từ khóa**: Auxin, Địa hoàng, in vitro, Rehmannia glutinosa, tạo củ

**10. Nghiên cứu tạo enterokinase tái tổ hợp có hoạt tính được biểu hiện trong escherichia coli**/ Lê Thị Thu Hồng, Lương Kim Phượng, Trịnh Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Mai Phương, Trương Nam Hải, Đỗ Thị Huyền// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2020 .- Số 3(Tập 18) .- Tr.553-560.

**Tóm tắt**: Trình bày các kết quả nghiên cứu tạo enterokinase chuỗi nhẹ tái tổ hợp có hoạt tính trong Escherichia coli. Escherichia là một serine protease thường được ứng dụng ở một số lĩnh vực nghiên cứu công nghệ sinh học. Để sử dụng các mục đích đó, chuỗi nhẹ của escherichia mang hoạt tính xúc tác không hiệu quả. Những thử nghiệm ban đầu cho thấy escherichia có khả năng phân cắt cơ chất trx-sumoprotease thành thioredoxin và sumoprotease. Kết quả này là cơ sở cho nghiên cứu tinh chế escherichia có hoạt tính để ứng dụng trong công nghệ biểu hiện protein tái tổ hợp.

**Từ khóa**: Escherichia, E. coli, khả năng tự phân cắt, protein dung hợp, tái tổ hợp

**11. Phân lập và sàng lọc một số chủng vi khuẩn lam có khả năng sinh tổng hợp chất điều hòa sinh trưởng**/ Đoàn Thị Oanh, Dương Thị Thủy, Nguyễn Thị Thu Liên, Đặng Thị Mai Anh, Hoàng Thị Quỳnh, Hoàng Minh Thắng, Vũ Thị Nguyệt, Lê Thị Phương Quỳnh// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2020 .- Số 3(Tập 18) .- Tr.571-579.

**Tóm tắt**: Trình bày phân lập và sàng lọc một số chủng vi khuẩn lam có khả năng sinh tổng hợp chất điều hòa sinh trưởng. Vi khuẩn lam là vi sinh vật quang hợp có khả năng tổng hợp các hợp chất thứ cấp, chúng tạo ra nhiều loại hoạt chất sinh học như lipopeptide, acid béo, độc tố, carotenoids, vitamins và chất điều hòa sinh trưởng thực vật được giải phóng vào môi trường nuôi cấy. Mục tiêu nghiên cứu này nhằm phân lập và sàng lọc một số chủng vi khuẩn lam thu từ đất nông nghiệp, các thủy vực nước ngọt (kênh, mương, sông) có khả năng sinh tổng hợp phytohormone indole-3-acetic acid (IAA). Kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của L-tryptophan đến khả năng sinh tổng hợp IAA của chủng này cho thấy nồng độ IAA tăng dần và đạt giá trị cao nhất khi bổ sung L-tryptophan vào môi trường nuôi cấy với hàm lượng 900 µg/Ml. Khả năng sinh tổng hợp IAA của các chủng vi khuẩn lam trên cho thấy tiềm năng ứng dụng của chúng trong công nghệ sinh học nông nghiệp.

**Từ khóa**: IAA, chất điều hòa tăng trưởng thực vật, phân lập, vi khuẩn lam, Planktothricoides

**12. Phát hiên DNA của vi khuẩn Rickettsia và Orientia Tsutsugamushi trên động vật gặm nhấm và ngoại ký sinh trùng ở Hà Giang**/ Lê Thị Lan Anh, Võ Viết Cường, Trịnh Văn Toàn, Hồ Thị Hồng Nhung, Lê Thị Vân Anh, Cấn Thị Thu Thủy, Phạm Thị Hà Giang, Bùi Thị Thanh Nga, Bùi Thị Lan Anh, Nguyễn Văn Châu// Tạp chí công nghệ sinh học .- 2020 .- Số 3(Tập 18) .- Tr.543-552.

Tóm tắt: Nghiên cứu bệnh sốt do Rickettsia là bệnh truyền từ động vật sang người, tác nhân gây bệnh là vi khuẩn thuộc chi Rickettsia. Vector truyền bệnh là ngoại ký sinh trùng như ve, mò, bọ chét, chấy, rận… thông qua vật chủ trung gian là động vật gặm nhấm và thú nhỏ như chuột, sóc, chồn, cáo… Trong nghiên cứu này, thành phần loài gặm nhấm và ngoại ký sinh trùng đã được khảo sát, đồng thời các kỹ thuật phát hiện Rickettsia cũng được thực hiện.

**Từ khóa**: Chuột, mò, nested PCR, O.tsutsugamushi, real-time PCR, Rickettsia spp.

**KHOA HỌC SỨC KHỎE**

**1.** **Thiết bị bộ xương ngoài phục hồi chức năng cho khớp gối với 6 bậc tự do/** Huỳnh Long Triết Giang, Cái Việt Anh Dũng, Hồ Quang Hưng, Nguyễn Việt Thắng, Nguyễn Minh Tâm// Khoa học Giáo dục Kỹ thuật (Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 58 .- Tr. 1-9

**Nội dung:** Trình bày thiết kế chi tiết của thiết bị phục hồi chức năng chủ động cho khớp gối. Thiết bị có gắn động cơ, cảm biến mô-men và các cảm biến đo chuyển động cho phép hoạt động trong cả 2 chế độ: Thụ động và chủ động.

**Từ khóa:** Phục hồi chức năng khớp gối, thiết bị bộ xương ngoài cho chi dưới, động học khớp gối, điều khiển mô-men tương tác

**ĐIỆN TỬ - VIẾN THÔNG**

**1. Chẩn đoán OBD bằng giắc chẩn đoán sử dụng chip STN1170/** ThS. Nguyễn Đức Trung// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 137-140.

**Nội dung:** Tìm hiểu cách sử dụng các lệnh chẩn đoán bằng giắc chẩn đoán sử dụng chíp STN1170 để giao tiếp với hệ thống chẩn đoán OBD trên xe.

**Từ khóa**: Chíp STN1170, hệ thống chẩn đoán OBD trên xe

**2.** **Đáp ứng khí động học của một kết cấu cột theo phương vuông góc với hướng gió/** Nguyễn Đình Kha, Nguyễn Huy Cung// Khoa học Giáo dục Kỹ thuật (Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 58 .- Tr. 36-42.

**Nội dung:** Trình bày một mô hình giải tích trong phân tích đáp ứng khí động lực học của các kết cấu mảnh thẳng đứng khi xét dao động của kết cấu theo phương vuông góc với hướng gió.

**Từ khóa:** Dao động do gió, khí động lực học, dòng rối, kết cấu mảnh

**3.** **Đề xuất giải thuật phân bố tối ưu các máy phát phân tán trong lưới điện dựa trên phương pháp phân tích tiếp cận kết hợp với mô hình xấp xỉ tổn thất công suất/** Nguyễn Trung Nhân// Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 45A .- Tr. 135-142.

**Nội dung:** Nghiên cứu và đề xuất phương pháp tính toán tối ưu việc lắp đặt các máy phát tán trong lưới điện phân phối nhằm giảm tổn thất dựa trên sự kết hợp giữa ký thuật phân tích tiếp cận và xấp xỉ tổn thất.

**Từ khóa:** Nguồn phân tán, xấp xỉ tổn thất, hệ số độ nhạy tổn thất, tối ưu dung lượng, tối ưu vị trí

**4. Điều khiển Zortrax Robotic Arm bằng Arduino và SourceRabit Gcode Sender/** Triệu Thị Minh Thu// Xây dựng .- 2020 .- Số 5 .- Tr. 236-238.

**Nội dung:** Trình bày một phương pháp điều khiển cho mô hình tay máy robot năm bậc tự do bằng bo mạch Arduino UNO và phần mềm điều khiểnSourceRabit Gcode Sender.

**Từ khóa**: Robot, vi điều khiển, Arduino, SourceRabit Gcode Sender, tay máy

**5. Giải pháp kỹ thuật mở rộng phạm vi tác động của nam châm điện/** Nguyễn Tiến Dũng// Tự động hóa ngày nay .- 2020 .- Số 10 (236) .- Tr. 21-24.

**Nội dung:** Trình bày nguyên tắc tăng hành trình làm việc và tăng động năng của các phần ứng các nam châm điện trong một thiết bị được hình thành từ việc kết tập các tế bào rơ-le điện từ.

**Từ khóa**: Nam châm điện, tác động

**6. Khai thác điện gió tại Việt Nam : ba sự lãng quên và nguy cơ tiềm ẩn/** GS. TSKH. Nguyễn Phùng Quang// Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 239+240 .- Tr. 36-41.

**Nội dung:** Phân tích giữa tiềm năng khai thác điện năng từ sức gió của Việt Nam.

**Từ khóa**: Điện gió, điện năng

**7. Kỹ thuật mới chẩn đoán thiết bị quay tốc độ chậm/** Take Toshiaki, Nguyen Nhu Thang// Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 239+240 .- Tr. 73-76.

**Nội dung:** Giới thiệu, nghiên cứu và phát triển thông số AE mới, cảm biến, máy chẩn đoán cầm tay cùng với hệ thống online, có thể được sử dụng không chỉ trong các ứng dụng cài đặt liên tục kết hợp vào hệ thống sản xuất như PLC mà còn có thể kết nối với các ứng dụng IoT, Cloud, Big data,… Công nghệ chẩn đoán này cũng được ứng dụng trong thiết bị chẩn đoán thang cuốn góp phần vào việc vận hành thang cuốn an toàn và ổn định hơn.

**Từ khóa**: Thiết bị quay tốc độ chậm, công nghệ chẩn đoán

**8. Một hướng phát triển giải thuật dẫn đường tránh chướng ngại vật cho robot tự hành/** TS. Dương Mạnh Hùng, TS. Trịnh Xuân Long, ThS. Lê Văn Kỷ, ThS. Bùi Văn Trung// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 147-151.

**Nội dung:** Đề cập tới một thuật toán tránh dẫn hướng tránh chướng ngại vật trong các môi trường không xác định được đề xuất cho robot tự hành phải thích ứng với nhiều môi trường chướng ngại vật phức tạp.

**Từ khóa**: Kỹ thuật điều khiển, định vị dẫn đường thiết bị tự hành, robot tự hành

**9.** **Một số giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho nhà thông minh/** Nguyễn Tất Bảo Thiện, Trương Tiến Sỹ// Khoa học Giáo dục Kỹ thuật (Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 57 .- Tr. 35-46

**Nội dung:** Nghiên cứu xây dựng các mô hình máy học để xử lý dữ liệu văn bản thu được từ bộ nhận dạng giọng nói nhằm tăng cường sự chính xác cũng như sự linh hoạt của hệ thống điều khiển thiết bị thông qua giọng nói.

**Từ khóa:** Máy học, mạng nơron nhiều lớp, nhà thông minh, nhận diện giọng nói

**10.** **Nghịch lưu ghép tầng cầu H với độ lợi điện áp cao/** Lê Quang Tuấn, Nguyễn Thanh Long, Trần Vĩnh Thanh, Đỗ Đức Trí// Khoa học Giáo dục Kỹ thuật (Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 57 .- Tr. 56-62.

**Nội dung:** Nghiên cứu trình bày một cấu hình cải tiến cho nghịch lưu năm bậc ghép tầng cầu H độ lợi điện áp cao với mục tiêu tăng độ lợi điện áp, dòng điện ngõ vào liên tục, giảm điện áp đặt trên các linh kiện.

**Từ khóa:** Nghịch lưu ghép tầng cầu H, nghịch lưu tăng áp, nghịc lưu năm bậc, ngắn mạch, nghich lưu tựa khóa chuyển mạch

**11. Nghiên cứu thiết kế bộ nguồn di động GPU 28VDC-1200A ứng dụng cho máy bay quân sự/** Trần Xuân Trường, Lê Thanh Đức, Lê Hữu Dần// Tự động hóa ngày nay .- 2020 .- Số 10 (236) .- Tr. 25-29.

**Nội dung:** Trình bày phương pháp điều khiển cho bộ nguồn một chiều sử dụng bộ nghịch lưu 3 pha 400Hz để khởi động động cơ máy khi dưới mặt đất.

**Từ khóa**: Bộ nguồn di động GPU 28VDC-1200A, máy bay quân sự, thiết kế

**12. Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo hệ truyền động điện không đồng bộ xoay chiều ba pha phục vụ công tác thí nghiệm/** TS. Phạm Tâm Thành, ThS. Vũ Ngọc Minh// Giao thông vận tải .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 89-94.

**Nội dung:** Đề xuất cấu trúc thiết kế chế tạo hệ truyền động điện không đồng bộ xoay chiều ba pha gồm cả phần cứng và phần mềm, hệ thống được thiết kế chế tạo bài bản từ tính toán, mô phỏng và thử nghiệm.

**Từ khóa**: Hệ truyền động xoay chiều ba pha, động cơ không đồng bộ rotor lồng sóc, cấu trúc thực nghiệm

**13.** **Nhận dạng biên độ và góc pha thành phần cơ bản của tín hiệu điện áp trong đo lường hệ thống điện/** Phạm Quốc Khanh, Châu Minh Thuyên, Trương Việt Anh, Hồ Phạm Huy Ánh // Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 45A .- Tr. 83-90.

**Nội dung:** Trình bày phương pháp nhận dạng hàm phi tuyến thường được sử dụng trong trường hợp tần số hệ thống điện bị thay đổi. Đề xuất phương pháp nhận dạng các thông số này bằng thuật toán Gradient Descent thích nghi.

**Từ khóa:** Nhận dạng biên độ và góc pha, biến đổi Fourier, thuật toán Gradient Descent

**14.** **Nhận dạng ổn định hệ thống điện dùng bộ phân lớp SVM/** Nguyễn Ngọc Âu// Khoa học Giáo dục Kỹ thuật (Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 57 .- Tr. 1-6.

**Nội dung:** Giới thiệu bộ phân lớp Suport vector machine và đề nghị áp dụng Suport vector machine và đánh giá ổn định hệ thống điện. So sánh độ chính xác nhận dạng ổn định hệ thống điện của Suport vector machine và mạng nơ-rôn Multilayer perceptron neural network.

**Từ khóa:** Ổn định hệ thống điện, mạng nơ-rôn, Suport vector machine

**15.** **Thiết kế “mô hình thí nghiệm IoT” ứng dụng trong giảng dạy bậc Đại học/** Phạm Quang Trí, Nguyễn Ngọc Sơn, Cao Văn Kiên// Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 45A .- Tr. 60-74.

**Nội dung:** Thiết kế nền tảng mô hình thí nghiệm để giảng dạy học phần IoT ở trường Đại học. Ý tưởng thiết kế bao gồm các khía cạnh quan trọng được xét đến đó là dễ dàng thực hiện, chi phí thấp, có khả năng mở rộng đa trạm kết nối, thu thập dữ liệu và điều khiển được các thiết bị công nghiệp.

**Từ khóa:** IoT, LoRaWAN

**16.** **Thiết kế chế tạo ô tô điện chở hàng 500Kg/** Võ Ngọc Phú, Đỗ Gia Thuận, Trương Hoàng Tuấn// Khoa học Đại học Cửu Long.- 2020 .- Số 19 .- Tr. 10-16.

**Nội dung:** Nghiên cứu thiết kế và chế tạo ô tô chở hàng trên 500Kg kích thước thật di chuyển trong khuôn viên trường.

**Từ khóa:** Xe điện, moto, khung xe, hệ thống điện trên xe, hệ thống lái

**17. Thiết kế hệ thống chẩn đoán lỗi cho mô hình hệ thống điều khiển điện tử của máy công trình D6R/** ThS. Bùi Quốc Thịnh, ThS. Trần Minh Đức, ThS. Trần Văn Hiệu, ThS. Lê Hoàng Long, ThS. Lưu Tuấn Hải// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 155-158.

**Nội dung:** Trình bày kết quả nghiên cứu thiết kế hệ thống chẩn đoán lỗi cho mô hình hệ thống điều khiển điện tử của máy ủi D6R, một loại máy thi công xây dựng đường bộ được sử dụng nhiều ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa**: Hệ thống chẩn đoán lỗi, mô hình hệ thống điều khiển tự động, máy công trình D6R

**18.** **Thiết kế và chế tạo máy khắc, cắt bằng tia Laser/** Tạ Linh Phụng, Nguyễn Đăng Khôi, Cao Văn Thi// Khoa học Đại học Cửu Long.- 2020 .- Số 19 .- Tr. 3-9.

**Nội dung:** Đưa ra một số phương án thiết kế, so sánh ưu nhược điểm giữa các phương án và chọn phương án tối ưu phù hợp với điều kiện kinh phí, trang bị hiện có về thiết kế và chế tạo máy khắc, cắt laser.

**Từ khóa:** Máy khắc cắt laser mini, mô phỏng, CNC 3 trục

**19. Thiết kế và thi công module thực hành máy biến tần/** Nguyễn Bình Nguyên, Trần Hoài Bảo// Tự động hóa ngày nay .- 2020 .- Số 11+12 (237+238) .- Tr. 47-49.

**Nội dung:** Giới thiệu “Module thực hành máy biến tần” để đưa vào phục vụ cho việc thực hành của sinh viên, giúp sinh viên dễ dàng thực hành và rèn luyện kỹ năng về lĩnh vực truyền động điện ứng dụng biến tần trong công nghiệp nhằm nắm củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng tốt hơn.

**Từ khóa**: Máy biến tần, thiết kế, thi công

**20. Thiết kế và thi công module thực hành PLC/** Hứa Văn Hậu, Đặng Ngọc Ân// Tự động hóa ngày nay .- 2020 .- Số 10 (236) .- Tr. 30-31, 33.

**Nội dung:** Tổng quan về PLC; Giới thiệu PLC S7-1200, CPU 1211c; Thiết kế và thi công; Hướng dẫn sử dụng thiết bị; Bài tập hướng dẫn mẫu.

**Từ khóa**: PLC, thiết kế, thi công

**21. Thực nghiệm nghiên cứu các đặc tính cơ bản của máy phát điện DC với các dạng kích thích độc lập khác nhau của trường từ/** Nguyễn Tiến Dũng// Tự động hóa ngày nay .- 2020 .- Số 11+12 (237+238) .- Tr. 39-44.

**Nội dung:** Khảo sát các đặc tính kỹ thuật của loại máy phát điện DC kích thích độc lập với các kiểu đấu nối cuộn dây kích thích khác nhau.

**Từ khóa**: Máy phát điện DC, trường từ, đặc tính cơ bản

**22. Ứng dụng Digital Twins trong chuyển đổi số/** TS. Dương Xuân Biên// Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 239+240 .- Tr. 55-56.

**Nội dung:** Ứng dụng Digital Twins trong lĩnh vực y tế; Ứng dụng Digital Twins trong công nghiệp; Ứng dụng Digital Twins trong thiết kế và xây dựng thành phố thông minh.

**Từ khóa**: Digital Twins, chuyển đổi số

**23. Vai trò và sự gia tăng toàn cầu của in 3D trong đại dịch Covid 19/** TS. Lê Văn Thảo// Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 239+240 .- Tr. 57-59.

**Nội dung:** Công nghệ in 3D đã trở thành giải pháp hiệu quả đáp ứng nhiều nhu cầu khác nhau, từ thiết bị bảo vệ cá nhân đến thiết bị y tế và khu cách ly trong đại dịch Covid 19. Công nghệ đa năng này phù hợp để giải quyết tình trạng mất cân bằng cung – cầu do các xu hướng kinh tế xã hội và sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng.

**Từ khóa**: Công nghệ in 3D, đại dịch Covid 19

**24.** **Xác định vị trí và công suất nguồn điện phân tán để giảm tổn thất công suất trên lưới điện phân phối sử dụng thuật toán Coyote**/ Nguyễn Thanh Thuận// Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 45A .- Tr. 100-109.

**Nội dung:** Trình bày phương pháp xác định vị trí và công suất tối ưu của nguồn điện phân tán trên lưới điện phân phối sử dụng thuật toán coyote algorithm. Hàm mục tiêu của bài toán là cực tiêu tổn thất công suất tác dụng trên lưới điện phân phối.

**Từ khóa:** Thuật toán coyote, nguồn điện phân tán, lưới điện phân phối

**25.** **Xác định vị trí và dung lượng trạm biến áp 22/0,4KV nhằm giảm tổn thất công suất trên lưới điện hạ thế/** Trương Việt Anh, Tôn Ngọc Triều, Dương Thanh Long, Bùi Vinh Quang// Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 45A .- Tr. 75-82.

**Nội dung:** Nghiên cứu và đề xuất thuật toán chuyển đổi nhánh cải tiến nhằm xác định vị trí và dung lượng của các trạm cần lắp đặt nhằm giảm tổn thất công suất trên lưới điện hạ thế là thấp nhất.

**Từ khóa:** Lưới điện phân phối, trạm biến áp, tổn thất công suất, vị trí và dung lượng

**26.** **Xây dựng mô hình xác định sản lượng điện mặt trời trên mái nối lưới dựa trên môi trường Matlab/Simulink/** Lê Phương Trường, Trương Thành Nam// Khoa học Giáo dục Kỹ thuật (Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 58 .- Tr. 84-91.

**Nội dung:** Trình bày phương pháp xây dựng mô hình tính toán sản lượng điện mặt trời cho nhà máy điện mặt trời thương mại, dựa trên môi trường Matlab/Simulink. Hệ thống bao gồm một mô đun pin quang điện thương mại, mô hình tổn thất sản lượng và mô hình ước lượng sản lượng điện.

**Từ khóa:** Matlab/Simulink, ước sản lượng điện mặt trời, mô đun quang điện, tổn thất sản lượng, điện áp mặt trời áp mái

**XÂY DỰNG**

**1. Ảnh hưởng của loại phụ gia hóa dẻo đến độ sụt và cường độ nén của bê tông sử dụng cát tái chế thay thế cát tự nhiên/** Tống Tôn Kiên, Phạm Thị Vinh Lanh// Xây dựng .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 60-64.

**Nội dung:** Đánh giá ảnh hưởng của hai loại phụ gia hóa dẻo đến các độ sụt và cường độ của bê tông sử dụng cốt liệu nhỏ tái chế từ phế thải bê tông.

**Từ khóa**: Phụ gia hóa dẻo, độ sụt, cường độ nén, bê tông cốt liệu tái chế, cát tự nhiên

**2. Ảnh hưởng của nhiệt độ đến khả năng chịu nén của bê tông và bê tông cốt liệu tái chế/** Nguyễn Thanh Hưng, Đoàn Đinh Thiên Vương, Nguyễn Phạm Minh Quang, Đào Duy Kiên// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 250-255.

**Nội dung:** Trình bày kết quả thí nghiệm về cường độ nén của bê tông thường và bê tông sử dụng cốt liệu tái chế sau khi được gia nhiệt lần lượt 200, 300, 400 độ C .

**Từ khóa**: Bê tông tái chế, cường độ chịu nén

**3. Ảnh hưởng của nhiệt độ tới kết cấu bê tông được tăng cường bằng FRP theo phương pháp tạo rãnh/** TS. Nguyễn Phan Anh// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 115-118.

**Nội dung:** Phân tích các ảnh hưởng của nhiệt độ tới kết cấu bê tông được tăng cường bằng FRP theo phương pháp tạo rãnh.

**Từ khóa**: Kết cấu bê tông, phương pháp tạo rãnh, FRP

**4. Ảnh hưởng của tải trọng lặp đến độ thấm clorua và độ chống thấm nước của bê tông tính năng cao/** TS. Hồ Văn Quân, TS. Nguyễn Văn Tươi// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 77-81.

**Nội dung:** Trình bày ảnh hưởng của tải trọng nén lặp đến độ thấm clorua và độ chống thấm nước của bê tông HPC.

**Từ khóa**: Bê tông tính năng cao, xỉ lò cao, tro bay, độ thấm clorua, độ chống thấm nước

**5. Ảnh hưởng của việc bố trí cốt dọc đến độ võng của dầm bê tông cốt hỗn hợp thép và GFRP/** Phan Minh Tuấn// Xây dựng .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 132-135.

**Nội dung:** Trình bày một phương pháp xác định độ võng của dầm bê tông cốt hỗn hợp thép và GFRP.

**Từ khóa**: Cốt GFRP, dầm bê tông cốt thép, độ võng

**6. Ảnh hưởng độ rỗng của đất đến cường độ đất nền/** Phú Thị Tuyết Nga, Nguyễn Viết Hùng, Nguyễn Minh Hùng, Phạm Thành Hiệp, Nguyễn Thị Hằng, TS. Nguyễn Kế Tường/ Xây dựng.- 2021 .- Số 1 .- Tr. 61-63.

**Nội dung:** Mô tả những tương quan của độ rỗng của đất đến cường độ đất nền khi độ rỗng thay đổi. Những nguyên nhân làm thay đổi độ rỗng của đất như chấn động do các dao động, động đất, nước ngầm, mưa lũ, thủy triều.

**Từ khóa**: Độ rỗng, độ ẩm, tính chất vật lý, cường độ đất nền, góc ma sát

**7. Ảnh hưởng độ sệt của đất đến cường độ đất nền/** Phạm Thành Hiệp, Phú Thị Tuyết Nga, Nguyễn Viết Hùng, Nguyễn Minh Hùng, Nguyễn Thị Hằng, TS. Nguyễn Kế Tường/ Xây dựng.- 2021 .- Số 1 .- Tr. 74-75.

**Nội dung:** Khi xây dựng công trình cần lưu ý những vị trí nền đất và những tác nhân có khả năng làm thay đổi độ sệt của nền.

**Từ khóa**: Độ sệt, độ ẩm, tính chất vật lý, cường độ đất nền, ổn định nền

**8. Ảnh hưởng neo đến ứng xử cắt dầm bê tông ứng suất trước căng sau được gia cường tấm CFRP/** Võ Lê Ngọc Điền, Nguyễn Minh Long// Xây dựng .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 158-163.

**Nội dung:** Phân tích ảnh hưởng của cường độ bê tông và hệ neo CFRP trên các dải gia cường bọc U đến ứng xử của dầm bê tông ứng suất trước căng sau sử dụng cáp không bám dính cũng như mức đóng góp của tấm gia cường vào khả năng kháng cắt dầm.

**Từ khóa**: Neo, tấm CFRP, dầm bê tông ứng suất trước căng sau, ứng xử cắt

**9. Áp dụng matlab phân tích hệ kết cấu phẳng/** Nguyễn Ngọc Nam// Xây dựng .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 81-84.

**Nội dung:** Trình bày cách áp dụng phần mềm matlab vào phương pháp phần tử hữu hạn để tính toán nội lực, chuyển vị hệ dàn, dầm và hệ khung phẳng.

**Từ khóa**: Phương pháp phần tử hữu hạn, kết cấu phẳng, phần mềm matlab, nội lực phần tử

**10. Bàn về sự lựa chọn khoảng cách giữa các lớp vải địa kỹ thuật gia cường trong nền đường đắp cao để phát huy hệ số an toàn ổn định/** Huỳnh Ngọc Hào// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 226-231.

**Nội dung:** Phân tích từ các số liệu của công trình cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi về tính chất cơ lý của đất nền, đất đắp và cường độ vải địa kỹ thuật gia cường cũng như dạng hình học của đường đắp cao.

**Từ khóa**: Vải địa kỹ thuật, khoảng cách đặt cốt, hệ số an toàn ổn định, đường đắp

**11. Bàn về trị số “mác” xi măng trong các tiêu chuẩn xi măng của Việt Nam/** PGS. TS. Cao Duy Tiến, TS. Nguyễn Đức Thắng// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2020 .- Số 3 .- Tr. 29-32.

**Nội dung:** Trình bày về lợi ích của việc thay đổi các trị số mác xi măng của Việt Nam dựa trên các tiêu chuẩn của Châu Âu và Mỹ.

**Từ khóa**: Trị số mác xi măng, tiêu chuẩn

**12. Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững quản lý vận hành nhà chung cư về an toàn trong sử dụng tại Việt Nam/** TS. Trần Văn Mùi, ThS. Hoàng Vân Giang// Xây dựng .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 59-63.

**Nội dung:** Xác định các đặc điểm hoạt động quản lý vận hành nhà chung cư; Phân tích, tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động quản lý vận hành nhà chung cư theo hướng phát triển bền vững; Đề xuất Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững trong quản lý vận hành nhà chung cư về an toàn trong sử dụng tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Phát triển bền vững, bộ chỉ tiêu thống kê, nhà chung cư, quản lý vận hành

**13. Các yếu tố ảnh hưởng đến cường độ hỗn hợp xi măng – đất khi thiết kế cọc xi măng – đất trong điều kiện Việt Nam/** Lê Đình Vinh// Xây dựng .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 84-86.

**Nội dung:** Trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến cường độ hỗn hợp xi măng – đất khi thiết kế cọc xi măng – đất trong điều kiện Việt Nam.

**Từ khóa**: Hỗn hợp xi măng – đất, thiết kế cọc xi măng – đất

**14. Các yếu tố gây sai sót trong đo bóc khối lượng công trình xây dựng/** Phạm Phú Cường, Nguyễn Thanh Phong, Trần Tuấn Kiệt// Xây dựng .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 85-87.

**Nội dung:** Trình bày và phân tích những yếu tố cơ bản dẫn đến sai sót trong đo bóc khối lượng công trình xây dựng. Từ đó, giúp các dự toán viên hay cán bộ định giá xây dựng có thể đưa ra một số giải pháp phù hợp để cải thiện tính chính xác của công tác đo bóc khối lượng, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí trong quá trình lập dự toán xây dựng.

**Từ khóa**: Đo bóc khối lượng, quản lý chi phí, công trình xây dựng

**15. Dạng phá hoại của ống thép rỗng và ống thép nhồi bê tông chịu xoắn/** Cao Xuân Hùng, Lê Bá Khánh, Cao Văn Vui// Xây dựng .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 40-43.

**Nội dung:** Trình bày kết quả thí nghiệm dạng phá hoại của ống thép rỗng và ống thép nhồi bê tông dưới tác dụng của mô men xoắn.

**Từ khóa**: Dạng phá hoại, ống thép nhồi bê tông, ống thép rỗng, mô men xoắn

**16. Dự báo tuổi thọ mỏi dầm cầu bằng thép theo phương pháp đường cong S-N dưới tác dụng của tải trọng lặp có biên độ thay đổi/** PGS. TS. Trần Thế Truyền, KS. Đoàn Bảo Quốc, Bùi Đức Dũng, ThS. Nguyễn Đức Hiếu// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 61-65.

**Nội dung:** Trình bày kết quả nghiên cứu phân tích dự báo tuổi thọ mỏi kết cấu dầm thép dưới tác dụng của tải trọng lặp có biên độ thay đổi theo phương pháp đường cong S-N.

**Từ khóa**: Dầm cầu thép, phương pháp đường cong S-N, tải trọng

**17. Đánh giá chất lượng không gian quảng trường Patuxay – thành phố Vientiane (Lào) bằng phương pháp khảo sát/** Vũ Thị Hồng Hạnh// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 7-13.

**Nội dung:** Phân tích các hoạt động tập trung nằm trên quảng trường và các chức năng của nó như là một không gian công cộng và một nơi cho các cuộc họp và tương tác xã hội.

**Từ khóa**: Quảng trường, không gian công cộng, đô thị, môi trường, con người

**18. Đánh giá hiệu quả công tác tư vấn giám sát các dự án xây dựng trường học trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh/** Phạm Hồng Luân, Lâm Đăng Khoa// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 112-117.

**Nội dung:** Nghiên cứu và phát triển một mô hình lý thuyết dựa trên các mối quan hệ giữa các khái niệm tổ chức, tiến độ, khối lượng ảnh hưởng đến hiệu quả công tác Tư vấn giám sát xây dựng các dự án trường học trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khóa**: Tư vấn giám sát, dự án xây dựng trường học, mô hình SEM

**19. Đánh giá hiệu quả sử dụng đá Antraco trong xây dựng hạ tầng giao thông/** KS. Lê Đăng Khoa, TS. Trần Vũ Tự// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 109-113.

**Nội dung:** Nghiên cứu, đánh giá về các yếu tố kinh tế, kỹ thuật, về ưu, nhược điểm của đá Antraco so với các loại đá khác đang sử dụng phổ biến tại An Giang.

**Từ khóa**: Đá Antraco, hạ tầng giao thông, cường độ, vật liệu

**20. Đánh giá hiệu quả sử dụng hệ thống thử nghiệm kết cấu trong kiểm định chất lượng công trình cầu tại Việt Nam/** Phạm Hồng Luân, Nguyễn Trọng Tín// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 168-171.

**Nội dung:** Nghiên cứu các chỉ tiêu đánh giá sự hiệu quả khi áp dụng phương pháp sử dụng hệ thống thử nghiệm kết cấu BDI – STS vào công tác thử tải kiểm định chất lượng công trình cầu tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Kiểm định chất lượng công trình cầu, hệ thống thử nghiệm kết cấu

**21. Đánh giá hiệu quả việc sử dụng phụ gia hạt nhựa tái chế (HDPE) để sản xuất bê tông nhựa làm mặt đường ô tô/** TS. Lê Văn Phúc, KS. Trịnh Hải Âu// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 102-105.

**Nội dung:** Đánh giá hiệu quả bước đầu việc sử dụng hạt nhựa tái chế (HDPE) làm phụ gia để sản xuất bê tông nhựa trong điều kiện khai thác ở tỉnh Tây Ninh.

**Từ khóa**: Phụ gia, hạt nhựa tái chế, bê tông nhựa, phương pháp cơ học thực nghiệm

**22. Đánh giá khả năng dính bám của một số nguồn đá khu vực phía Nam với nhựa đường 60/70 theo TCVN, EN và ASTM/** PGS. TS. Nguyễn Mạnh Tuấn, KS. Nguyễn Khoa Nam, ThS. NCS. Hoàng Ngọc Trâm// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 105-108.

**Nội dung:** Đánh giá khả năng dính bám của một số nguồn đá phía Nam với nhựa đường 60/70 bằng phương pháp theo 3 tiêu chuẩn TCVN 7504:2005, thí nghiệm va đập EN 12272-3, thí nghiệm quét bề mặt ASTM D7000.

**Từ khóa**: Láng nhựa, dính bám, thí nghiệm va đập, thí nghiệm quét bề mặt

**23. Đánh giá khả năng ứng dụng bê tông cốt sợi thép cho bản mặt cầu bê tông cốt thép của cầu dầm thép liên hợp liên tục nhiều nhịp/** ThS. Bùi Thanh Tùng, PGS. TS. Ngô Văn Minh, ThS. Lê Hà Linh, ThS. Nguyễn Xuân Lam// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 13-17.

**Nội dung:** Trình bày vàđánh giá khả năng ứng dụng bê tông cốt sợi thép cho bản mặt cầu bê tông cốt thép của cầu dầm thép liên hợp liên tục nhiều nhịp ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Bê tông cốt sợi thép, cầu dầm thép liên hợp

**24. Đánh giá những rủi ro thiết kế trong dự án thực hiện theo hình thức thiết kế - thi công ở Việt Nam/** Võ Thị Đinh Khanh, Nguyễn Anh Thư// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 221-225.

**Nội dung:** Trình bày việc xác định các yếu tố rủi ro thiết kế trong các dự án thực hiện theo hình thức thiết kế - thi công và phân tích tác động của chúng đối với hiệu quả dự án.

**Từ khóa**: Thiết kế, thi công, dự án xây dựng, rủi ro

**25. Đánh giá thực nghiệm biến dạng co ngót bê tông trong điều kiện khí hậu Việt Nam/** Trần Ngọc Long// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 241-243.

**Nội dung:** Dựa vào kết quả biến dạng co ngót của các thí nghiệm co ngót bê tông tròn điều kiện khí hậu Việt Nam để đưa ra những nhận xét đánh giá.

**Từ khóa**: Co ngót bê tông, khí hậu, Việt Nam

**26. Đất nền – trạng thái bão hòa nước và móng nông trong xây dựng/** Nguyễn Viết Hùng, Nguyễn Minh Hùng, Nguyễn Thị Hằng, Phạm Thành An, Nguyễn Kế Tường// Xây dựng .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 135-137.

**Nội dung:** Nêu một vài chỉ tiêu cơ lý của đất nền liên quan đến chất lượng của công trình khi các chỉ tiêu này biến đổi.

**Từ khóa**: Bão hòa nước, móng nông, xây dựng, đất nền

**27. Gia cường kết cấu sàn bê tông cốt thép bằng cáp ứng lực trước căng ngoài kết hợp tấm sợi cacbon/** Nguyễn Lan, Trường Hoài Chính, Trần Minh// Xây dựng .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 145-153.

**Nội dung:** Trình bày cơ sở thiết kế gia cường kết cấu dầm sàn bằng cáp ứng lực trước căng ngoài kết hợp tấm sợi cacbon, công nghệ thi công kết cấu bằng cáp ứng lực trước căng ngoài kết hợp tấm sợi cacbon, hệ thống quan trắc kết cấu trong quá trình thi công căng cáp ứng lực trước căng ngoài, kết quả thử tải kiểm chứng sau khi thi công gia cường dầm sàn.

**Từ khóa**: Bê tông cốt thép, ứng lực trước, cốt sợi cacbon, gia cường, phần tử hữu hạn

**28. Giải pháp móng cho công trình liên kế/** Nguyễn Viết Hùng, Phạm Thành Hiệp, Nguyễn Minh Hùng, Nguyễn Kế Tường// Xây dựng .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 65-67.

**Nội dung:** Đề xuất cơ sở để lựa chọn giải pháp móng cho công trình xây chen, công trình trong đô thị, những vị trí xây dựng có thể ảnh hưởng đến công trình lân cận hiện hữu.

**Từ khóa**: Công trình lân cận, móng đơn, móng sâu

**29. Giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế thi công bằng cách kết hợp nhiều loại ván khuôn cho công trình xây dựng dân dụng/** Bùi Việt Thi, Đỗ Thị Ngọc Tam// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 42-47.

**Nội dung:** Trình bày giải pháp kết hợp các loại ván khuôn lại với nhau, sử dụng một cách hợp lý nhằm giảm khuyết tật bê tông và giá thành xây dựng.

**Từ khóa**: Ván khuôn, công trình xây dựng dân dụng

**30. Giải pháp thúc đẩy phát triển Vật liệu xây dựng xanh của Việt Nam/** PGS. TS. Lê Trung Thành// Xây dựng .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 14-15.

**Nội dung:** Thực trạng sản xuất vật liệu xây dựng; Giải pháp thúc đẩy phát triển các loại vật liệu xây dựng xanh, tiết kiệm năng lượng trong tương lai.

**Từ khóa**: Vật liệu xây dựng xanh, giải pháp

**31. Giải pháp thúc đẩy tăng trưởng xanh ở các đô thị Việt Nam/** PGS. TS. Hoàng Vĩnh Hưng// Xây dựng .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 4-7.

**Nội dung:** Thực trạng đô thị hóa ở Việt Nam; Đặc thù của các đô thị Việt Nam; Giải pháp thúc đẩy thực hiện Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh đô thị Việt Nam đến 2030.

**Từ khóa**: Tăng trưởng xanh, đô thị Việt Nam

**32. Giới thiệu hiện tượng ma sát âm đối với móng cọc/** Nguyễn Viết Hùng, Phạm Thành Hiệp, Nguyễn Minh Hùng, Nguyễn Kế Tường// Xây dựng .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 65-67.

**Nội dung:** Nêu những hiện tượng ma sát âm xảy ra ở một số công trình để cảnh báo cho những khu vực xây dựng móng cọc cho công trình.

**Từ khóa**: Ma sát âm, móng cọc, đất yếu

**33. Hiện trạng và đề xuất định hướng chính sách thúc đẩy phát triển công trình hiệu quả năng lượng, công trình xanh/** Nguyễn Công Thịnh// Xây dựng .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 10-11.

**Nội dung:** Bối cảnh và các yếu tố thúc đẩy phát triển công trình hiệu quả năng lượng, công trình xanh; Hiện trạng khung chính sách về phát triển công trình xanh, công trình hiệu quả năng lượng tại Việt Nam; Hiện trạng chứng nhận công trình hiệu quả năng lượng, công trình xanh ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Công trình xanh, năng lượng

**34. Hiện trạng và định hướng phát triển vật liệu xây dựng tại Việt Nam/** Nguyễn Quang Hiệp// Xây dựng.- 2021 .- Số 1 .- Tr. 35-36.

**Nội dung:** Hiện trạng sản xuất vật liệu xây dựng; Định hướng trong giai đoạn tới.

**Từ khóa**: Vật liệu xây dựng

**35.** **Hiệu quả của gói con lắc ma sát đôi cho công trình cách chấn ở Việt Nam/** Nguyễn Văn Nam// Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 43A .- Tr. 43-53.

**Nội dung:** Phân tích ứng xử của kết cấu cách chấn bằng gối DFP chịu động đất trong điều kiện băng gia tốc nền tương tự như ở Việt Nam. Bước đầu của kết quản nghiên cứu là đánh giá hiệu quả giảm chấn của gối DFP cho công trình xây dựng Việt Nam.

**Từ khóa:** Điều khiển kết cấu, thiết kế kháng chấn, động đất, cách ly chấn đáy

**36. Hiệu quả sử dụng gạch bê tông trong công trình/** TS. Hoàng Minh Đức, TS. Lê Phượng Ly, ThS. Đoàn Thị Thu Lương, KS. Phan Công Hậu// KHCN Xây dựng .- 2020 .- Số 4 .- Tr. 38-43.

**Nội dung:** Trình bày một số nhận định về hiệu quả sử dụng gạch bê tông trong công trình trên phương diện đánh giá tổng thể tính kinh tế và kỹ thuật khi sử dụng các loại gạch bê tông khác nhau về cấu tạo và kích thước, với các ứng dụng kết cấu tường đơn và tường đôi.

**Từ khóa**: Gạch bê tông, công trình

**37. Khả năng ứng dụng của tro đáy từ nhà máy đốt rác làm vật liệu xây dựng/** PGS. TS. Nguyễn Châu Lân, ThS. Nguyễn Hải Hà, ThS. Nguyễn Anh Tuấn// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 37-39.

**Nội dung:** Thực hiện thí nghiệm chỉ tiêu vật lý và cơ học cho vật liệu tro đáy từ nhà máy đốt rác.

**Từ khóa**: Tro đáy, đốt rác, vật liệu xây dựng, cơ lý

**38. Khảo sát ảnh hưởng của cốt thép dọc chịu nén đến độ dẻo của dầm bê tông cốt thép/** Nguyễn Hữu Anh Tuấn// Xây dựng .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 116-119.

**Nội dung:** Khảo sát hiệu quả của cốt thép dọc vùng nén đối với khả năng chịu mô men uốn tính toán và độ dẻo của dầm bê tông cốt thép.

**Từ khóa**: Dầm bê tông cốt thép, cốt thép dọc chịu nén, độ dẻo, khả năng chịu uốn

**39. Khảo sát số bằng ABAQUS các tham số ảnh hưởng đến liên kết cột ống thép nhồi bê tông và sàn phẳng bê tông cốt thép – Phần 1: Ảnh hưởng của kích thước chốt chịu cắt (shear – head)/** Trương Quang Hải, Nguyễn Minh Tuấn Anh, Trương Hoài Chính, Đào Ngọc Thế Lực// Xây dựng .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 6-9.

**Nội dung:** Phân tích và đề xuất một giải pháp liên kết cột ống thép nhồi bê tông với sàn phẳng bê tông cốt thép.

**Từ khóa**: Cột ống thép nhồi bê tông, sàn phảng bê tông cốt thép, ABAQUS

**40. Khảo sát số bằng ABAQUS các tham số ảnh hưởng đến liên kết cột ống thép nhồi bê tông và sàn phẳng bê tông cốt thép – Phần 2: Ảnh hưởng của cường độ bê tông và cốt thép/** Trương Quang Hải, Nguyễn Minh Tuấn Anh, Trương Hoài Chính, Đào Ngọc Thế Lực// Xây dựng .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 10-13.

**Nội dung:** Phân tích ảnh hưởng của các tham số như cường độ bê tông và các loại cốt thép đến khả năng chịu cắt thủng của sàn để có những hiểu biết rõ hơn tác động của từng chi tiết đến khả năng chịu cắt của sàn làm cơ sở cho thiết kế liên kết nhằm áp dụng hệ kết cấu này vào thực tế.

**Từ khóa**: Cột ống thép nhồi bê tông, sàn phảng bê tông cốt thép, cốt thép đai, cường độ bê tông

**41. Khảo sát sự biến thiên của nhiệt độ trong tấm bê tông xi măng mặt đường ở điều kiện miền Bắc/** ThS. NCS. Nguyễn Thị Ngân, TS. Ngô Việt Đức, PGS. TS. Hoàng Tùng// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 97-101.

**Nội dung:** Giới thiệu mô hình tính sự phân bố nhiệt theo chiều sâu trong tấm bê tông xi măng mặt đường, cùng các đo đạc tại khu vực miền Bắc để hiệu chỉnh mô hình tính cho phù hợp với điều kiện thực tế khai thác của mặt đường bê tông xi măng trong khu vực miền Bắc.

**Từ khóa**: Mặt đường bê tông xi măng, nhiệt độ, phương trình truyền nhiệt, điều kiện miền Bắc

**42. Khảo sát ứng xử phá hoại cắt của dầm bê tông cốt thép có lỗ mở nhỏ bằng phương pháp số/** Lê Minh Hoàng, Nguyễn Phú Cường// Xây dựng .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 92-97.

**Nội dung:** Giới thiệuứng xử phá hoại chịu cắt của dầm có lỗ mở nhỏ thông qua phương pháp mô phỏng số bằng Abaqus. Từ đó, đánh giá được mức độ nguy hiểm của lỗ mở, vị trí của lỗ mở đến khả năng chống cắt của dầm so với dầm đặc.

**Từ khóa**: Dầm bê tông cốt thép có lỗ mở nhỏ, phương pháp số, mô hình phá hoại dẻo của bê tông

**43. Khảo sát và đánh giá chất lượng thi công tường xây bằng gạch không nung xi măng cốt liệu ở một số công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Nam/** Nguyễn Văn Hòe, Trần Quang Hưng, Đặng Công Thuật// Xây dựng .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 13-17.

**Nội dung:** Khảo sát, đánh giá thực trạng công tác thi công tường xây bằng gạch không nung xi măng cốt liệu ở một số công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

**Từ khóa**: Gạch không nung xi măng cốt liệu, thi công tường xây

**44. Khó khăn và giải pháp tháo gỡ khi triển khai thông tư 12/2019/TT-BXD hướng dẫn xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu về định mức, giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng/** ThS. Nguyễn Thị Hậu, PGS. TS. Bùi Ngọc Toàn, ThS. Cao Phương Thảo// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 39-41.

**Nội dung:** Trình bày những điểm mới, một số vướng mắc khi triển khai thông tư và đề xuất một số giải pháp tháo gỡvề định mức, giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng.

**Từ khóa**: Thông tư 12/2019/TT-BXD, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, giá xây dựng, chỉ số giá xây dựng

**45. Kiểm chứng các công thức dự toán cường độ bám dính của liên kết tấm CFRP – bê tông hiện có cho dầm UPC/** Phan Vũ Phương, Nguyễn Minh Long// Xây dựng .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 182-188.

**Nội dung:** Trình bày một nghiên cứu liên quan đến việc kiểm chứng mức độ chính xác của các công thức dự toán cường độ bám dính của liên kết tấm CFRP – bê tông hiện có cho dầm UPC.

**Từ khóa**: Dầm UPC, liên kết tấm CFRP – bê tông, quan hệ ứng suất bám dính, kiểm chứng

**46. Kiểm toán ổn định mái dốc theo lý thuyết độ tin cậy/** TS. Nguyễn Thị Thu Ngà, ThS. Nguyễn Thành Trung// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 97-102.

**Nội dung:** Trình bày một số kết quả nghiên cứu về quá trình ổn định mái dốc khi sử dụng biện pháp cắt cơ, bạt mái có xét đến những đại lượng ngẫu nhiên trong quá trình khảo sát hiện trạng của một mái dốc trên tuyến đường Hồ Chí Minh đang xảy ra hiện tượng sạt lở ta-luy dương.

**Từ khóa**: Mái dốc, hệ số ổn định, độ tin cậy

**47. Kinh nghiệm cắt rãnh tạo nhám mặt đường sân bay trên thế giới/** ThS. Phạm Văn Long/ Cầu đường Việt Nam.- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 74-77.

**Nội dung:** Giới thiệu sơ bộ về khái niệm, quy định độ nhám cũng như kinh nghiệm cắt rãnh tạo nhám các nước trên thế giới làm cơ sở so sánh, tham khảo, xem xét áp dụng tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Cắt rãnh tạo nhám, mặt đường sân bay, thế giới

**48. Kinh nghiệm triển khai các tòa nhà cân bằng về năng lượng (ZEB) và một số khuyến nghị cho Việt Nam/** Yannick Millet// Xây dựng .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 25-27.

**Nội dung:** Trình bày về bối cảnh ở Việt Nam, các ví dụ đã được thực hiện từ năm 2009, những thách thức và đề xuất đối với Việt Nam.

**Từ khóa**: Tòa nhà cân bằng, năng lượng ZEB

**49. Lựa chọn biện pháp phù hợp trong thiết kế tổ chức thi công các công trình dạng tuyến/** Nguyễn Văn Đức// Xây dựng .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 170-172.

**Nội dung:** Khái quát một số vấn đề cơ bản trong việc lựa chọn biện pháp phù hợp trong thiết kế tổ chức thi công các công trình dạng tuyến.

**Từ khóa**: Tổ chức thi công, công trình dạng tuyến

**50. Lựa chọn cấu trúc mạng nơ ron nhân tạo (ANN) dự báo chỉ số nén của đất/** TS. Vũ Văn Tuấn// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2020 .- Số 3 .- Tr. 67-74.

**Nội dung:** Thử dần và lựa chọn những kết luận của các tác giả trước để xây dựng mô hình nơ ron ANN với mục tiêu dự đoán chính xác hơn chỉ số nén của đất đá.

**Từ khóa**: Mạng nơ ron nhân tạo (ANN), chỉ số nén, đất

**51. Lựa chọn loại móng cho công trình xây dựng thấp tầng – tải trọng bé/** Nguyễn Viết Hùng, Nguyễn Minh Hùng, Nguyễn Thị Hằng, Phạm Thành An, Nguyễn Kế Tường// Xây dựng .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 132-134.

**Nội dung:** Trình bày và so sánh hai loại móng đơn: loại vuốt mái và loại bậc thang về tiêu chí cường độ, độ bền, giá thành và tuổi thọ của móng với cùng tải trọng và địa chất công trình.

**Từ khóa**: Móng đơn, công trình xây dưng thấp tầng, tải trọng bé

**52. Lựa chọn nhà cung cấp vật liệu sử dụng mô hình lựa chọn đa tiêu chí (FAHP-GRA) cho các tổng thầu thi công xây dựng tại Tp. HCM/** Đinh Công Tịnh, Trần Đức Học, Trần Nhật Quang// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 197-201.

**Nội dung:** Dạng mô hình lựa chọn đa tiêu chí có tính chất thay đổi một vấn đề định tính thành một vấn đề định lượng, xác định trọng số, tính toán giải pháp tối ưu đã giải quyết tương đối nhiều vấn đề phức tạp trong việc ra quyết định lựa chọn.

**Từ khóa**: Nhà cung cấp vật liệu, mô hình đa tiêu chí, thi công xây dựng

**53. Lưới địa kỹ thuật trong xây dựng đường ô tô/** TS. Lê Văn Chung// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 20-24.

**Nội dung:** Đưa ra một số dạng ứng dụng của lưới địa kỹ thuật khi xây dựng đường ô tô trên địa hình có điều kiện địa chất, thủy văn phức tạp phù hợp với điều kiện Việt Nam trong bối cảnh còn thiếu các chỉ dẫn, các quy trình, các tiêu chuẩn thiết kế, thi công và nghiệm thu chúng.

**Từ khóa**: Lưới địa kỹ thuật, đường ô tô, gia cường

**54. Mất ổn định do uốn – xoắn đồng thời của dầm thép liên hợp có tiết diện máng tạo hình bằng phương pháp chấn/** TS. Nguyễn Cảnh Tuấn, Nguyễn Quốc Gia Bảo// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 78-83.

**Nội dung:** Khảo sát ứng xử chịu uốn của dầm thép liên hợp bê tông cốt thép với dầm thép dạng máng được tạo hình bằng phương pháp chấn nguội.

**Từ khóa**: Dầm thép liên hợp, phương pháp chấn, mất độ ổn định do uốn xoắn

**55. Mô hình liên tục – rời rạc phân tích ảnh hưởng độ mở rộng vết nứt đến hệ số thấm của bê tông hạt mịn/** TS. Phạm Đức Thọ, PGS. TS. Đỗ Ngọc Anh, TS. Vũ Minh Ngạn, TS. Nguyễn Đình Hải// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 59-63.

**Nội dung:** Xây dựng mô hình lưới dựa trên sơ đồ Voronoi và tam giác Denaulay để số hóa được mô hình liên tục – rời rạc và mô phỏng sự thay đổi độ thấm của kết cấu bê tông khi chịu kéo.

**Từ khóa**: Mô hình liên tục – rời rạc, bê tông hạt mịn, độ thấm, độ mở rộng vết nứt

**56. Mô hình tính toán bê tông nhiều lớp trong sửa chữa mặt đường bê tông xi măng/** GS. TS. Phạm Huy Khang, TS. Nguyễn Trọng Hiệp, ThS. Trần Thị Thúy, ThS. Phạm Quang Thông// Giao thông vận tải .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 42-45.

**Nội dung:** Trình bày những lý thuyết tính toán cơ bản khi nâng cấp lớp phủ hoặc khi sửa chữa mặt đường bê tông xi măng.

**Từ khóa**: Mô hình tính toán, bê tông xi măng, mặt đường bê tông nhiều lớp

**57. Mối quan hệ giữa đường kính lan tỏa và các tính chất lưu biến của hỗn hợp bê tông tự lèn trong thí nghiệm nón cụt Abrams/** Nguyễn Việt Hưng, Điền Thị Hồng Nữ// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 177-181.

**Nội dung:** Trình bày một nghiên cứu theo phương pháp phần tử hữu hạn về sự chảy của bê tông tự lèn được xem như chất lỏng nhớt – dẻo Bingham trong thí nghiệm nón cụt Abrams.

**Từ khóa**: Lưu biến học, đường kính lan tỏa, bê tông tự lèn, nón cụt Abrams

**58. Một nghiên cứu về đất gia cố xi măng trong xây dựng đường ô tô tại Tây Ninh/** TS. Nguyễn Đức Trọng, KS. Tạ Mộng Thành// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 41-44.

**Nội dung:** Trình bày kết quả nghiên cứu về đất gia cố xi măng dùng trong xây dựng móng đường.

**Từ khóa**: Đất gia cố xi măng, xây dựng đường ô tô

**59. Một phương pháp phân tích tĩnh kết cấu có các tham số đầu vào là các số mờ tam giác tổng quát/** Nguyễn Hùng Tuấn// Xây dựng .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 112-115.

**Nội dung:** Đề xuất một phương pháp phân tích tĩnh kết cấu, có các tham số đầu vào là các số mờ tam giác tổng quát, để xác định các đáp ứng là chuyển vị và nội lực mờ của kết cấu.

**Từ khóa**: Lý thuyết mờ, phương pháp mặt đáp ứng, phương pháp phần tử hữu hạn mờ, tĩnh kết cấu

**60. Một số đặc tính vật liệu bê tông polymer DOM1-17 sửa chữa mặt đường sân bay trong điều kiện vừa khai thác vừa thi công/** GS. Phạm Huy Khang, TS. Nguyễn Trọng Hiệp, ThS. Trần Thị Thúy// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 30-32.

**Nội dung:** Trình bày những yêu cầu và một số đặc tính quan trọng của vật liệu này khi sử dụng như đặc tính về cường độ, về độ dính bám và sự biến thiên cường độ trong những điều kiện khác nhau.

**Từ khóa**: Bê tông polymer, mặt đường bê tông xi măng, sửa chữa mặt đường sân bay

**61. Một số giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về thu từ khai thác công trình đường bộ ở Việt Nam/** ThS. NCS. Hoàng Ngọc Sơn, TS. Đỗ Văn Thuận, ThS. Bùi Thị Phương Thảo// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 172-175.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng quản lý nhà nước về thu từ khai thác công trình đường bộ ở Việt Nam, qua đó chỉ ra những kết quả đạt được, những tồn tại, nguyên nhân của những tồn tại, trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước về thu từ khai thác công trình đường bộ trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Giao thông đường bộ, quản lý nhà nước, khai thác, các khoản thu

**62. Một số lưu ý khi áp dụng các Tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành trong nghiệm thu cường độ bê tông/** Nguyễn Lê Thi, Nguyễn Văn Hiếu, Hoàng Đức Thảo// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 244-249.

**Nội dung:** Các tiêu chuẩn hiện hành đang được sử dụng để đánh giá, nghiệm thu cường độ của cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép có khác nhau về phương pháp tính toán và đánh giá cường độ bê tông.

**Từ khóa**: Cường độ nén, cấu kiện bê tông, bê tông cốt thép, tiêu chuẩn

**63. Một số vấn đề khi thiết kế móng nông/** Nguyễn Minh Hùng, Phạm Thành Hiệp, Nguyễn Viết Hùng, Nguyễn Kế Tường// Xây dựng .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 134-137.

**Nội dung:** Phân tích những nguyên nhân gây ra sự cố cho công trình xây chen trong đô thị để đem lại sự an toàn cho những công trình sau này.

**Từ khóa**: Phát triển đô thị, xây chen, móng nông, cường độ đất nền, bão hòa đất nền

**64. Một số vấn đề về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thiết kế, quy hoạch đô thị tại Việt Nam/** KTS. Trịnh Văn Lập// Quy hoạch Xây dựng .- 2020 .- Số 106 .- Tr. 70-73.

**Nội dung:** Vai trò ứng dụng CNTT trong vận hành đô thị; Nhu cầu ứng dụng CNTT trong thiết kế kiến trúc; Nhu cầu ứng dụng CNTT trong thiết kế quy hoạch.

**Từ khóa**: Quy hoạch đô thị, công nghệ thông tin, thiết kế

**65. Nghiên cứu ảnh hưởng của biện pháp thi công tới độ ổn định bờ dốc nền đường đào sâu trong xây dựng giao thông/** PGS. TS. Nguyễn Đức Mạnh, KS. Vũ Tiến Thành, KS. Ngô Xuân Kiên// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 62-66.

**Nội dung:** Sử dụng phương pháp phân tích mô hình số, khảo sát biến thiên sự thay đổi hệ số ổn định bờ dốc nền đào cho hai vị trí nghiên cứu trong các trường hợp thi công đào nền hoàn thiện sau đó tiến hành gia cố bờ dốc và thi công đào nền từng cơ kết hợp gia cố ngay.

**Từ khóa**: Thi công, ổn định bờ dốc, nền đường đào sâu, xây dựng giao thông

**66. Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố tổ chức quản lý đến tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ tại Việt Nam/** ThS. NCS. Lê Trọng Tùng// Giao thông vận tải .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 104-107.

**Nội dung:** Làm rõ mối quan hệ thông qua mức độ ảnh hưởng của các yếu tốtổ chức quản lý đến tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Yếu tố tổ chức quản lý, tiến độ thực hiện, quản lý dự án đầu tư, giao thông đường bộ

**67. Nghiên cứu ảnh hưởng của hàm lượng geopolymer bụi đá (QD-Geopolymer) đến giới hạn Atterberg và đặc tính đầm nén của đất laterit phục vụ xây dựng đường ô tô/** TS. Đào Phúc Lâm, TS. Bùi Văn Đức// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 52-56.

**Nội dung:** Trình bày một số kết quả nghiên cứu thực nghiệm về sự ảnh hưởng của hàm lượng geopolymer bột đá (QD-Geopolymer) đến giới hạn Atterberg và đặc tính đầm nén của đất laterit tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Bụi đá, geopolymer, chỉ số Atterberg, đầm nén, đất laterit

**68. Nghiên cứu ảnh hưởng của hàm lượng tro xỉ nghiền mịn đến một số tính chất bê tông hạt nhỏ độ chảy cao/** ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Như, ThS. Tạ Thị Huệ/ Cầu đường Việt Nam.- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 52-56.

**Nội dung:** Trình bàyảnh hưởng của hàm lượng tro xỉ nghiền mịn đến một số tính chất bê tông hạt nhỏ độ chảy cao. Chỉ ra việc sử dụng tro xỉ nghiền mịn như phụ gia khoáng thay thế xi măng.

**Từ khóa**: Tro xỉ nghiền mịn, bê tông hạt nhỏ độ chảy cao, cường độ kéo uốn, cường độ chịu nén

**69. Nghiên cứu ảnh hưởng của hạt cát keramzit như vật liệu dưỡng hộ bên trong đến cường độ chịu nén và co ngót nội sinh của bê tông cường độ cao/** Cao Thành Đạt, Bùi Phương Trinh, Vũ Quốc Hoàng// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 50-54.

**Nội dung:** Đánh giá ảnh hưởng của việc thay thế cát sông bằng hạt cát keramzit như một vật liệu dưỡng hộ bên trong đến cường độ chịu nén và co ngót nội sinh của bê tông cường độ cao với tỷ lệ nước trên xi măng là 0,30.

**Từ khóa**: Bê công cường độ cao, cát keramzit, dưỡng hộ bên trong, cường độ nén, co ngót nội sinh

**70. Nghiên cứu ảnh hưởng của lớp móng cấp phối đá chặt gia cố nhựa nóng đến tuổi thọ của kết cấu mặt đường mềm ở Việt Nam/** TS. Trần Danh Hợi; ThS. Trần Thị Cẩm Hà// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 73-76.

**Nội dung:** Giới thiệu một số kết quả dự báo các hư hỏng của kết cấu mặt đường mềm với lớp móng cấp phối đá chặt gia cố nhựa nóng bằng phương pháp cơ học – thực nghiệm.

**Từ khóa**: Cấp phối đá chặt gia cố nhựa nóng, lớp móng trên, lún mặt đường, nứt mỏi, phương pháp cơ học – thực nghiệm

**71. Nghiên cứu ảnh hưởng của nano-silica đến khả năng chống ăn mòn của bê tông geopolymer trong môi trường axit/** Lê Văn Được, Phan Đức Hùng, Trần Trung Hậu// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 209-213.

**Nội dung:** Nghiên cứu sự thay đổi về cường độ chịu nén và khối lượng mẫu theo thời gian ngâm trong môi trường axit nhằm đánh giá khả năng chống ăn mòn theo thời gian của bê tông geopolymer sử dụng hàm lượng nano-silica khác nhau.

**Từ khóa**: Bê tông geopolymer, nano-silica, môi trường axit

**72. Nghiên cứu ảnh hưởng của phương pháp trộn khô nhựa tái chế PET trong bê tông nhựa tới chất lượng của bê tông nhựa nóng/** PGS. TS. Nguyễn Mạnh Tuấn, KS. Nguyễn Đăng Phú, NCS. Vũ Bá Tứ// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 123-127.

**Nội dung:** Đề xuất phương pháp trộn khô cải tiến nhựa tái chế PET trong bê tông nhựa để tăng hiệu quả phối trộn và đưa ra hàm lượng PET tối ưu. Các thí nghiệm độ ổn định, độ dẻo Marshall, mô đun đàn hồi và vệt hằn bánh xe được sử dụng để đánh giá ảnh hưởng của PET tới chất lượng của bê tông nhựa nóng.

**Từ khóa**: PET, nhựa tái chế, trộn khô cải tiến, trộn khô, bê tông nhựa nóng

**73. Nghiên cứu ảnh hưởng của vôi đến khả năng kháng ẩm của bê tông nhựa chặt 12.5/** PGS. TS. Nguyễn Mạnh Tuấn, KS. Đinh Nhật Cường, ThS. NCS. Hoàng Ngọc Trâm// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 54-57.

**Nội dung:** Đánh giá khả năng kháng ẩm của vôi thủy hóa đối với bê tông nhựa chặt 12.5 mm thông qua các thí nghiệm độ ổn định, độ dẻo marshall, thí nghiệm độ ổn định còn lại của bê tông nhựa, thí nghiệm xác định cường độ chịu kéo khi ép chẻ và thí nghiệm mô-đun đàn hồi vật liệu.

**Từ khóa**: Bê tông nhựa, vôi thủy hóa, kháng ẩm

**74. Nghiên cứu áp dụng lý thuyết vector điểm vào thiết kế hình học tuyến đường/** Huỳnh Lê Chu Ân, Nguyễn Hồ Hồng Duy, Nguyễn Thanh Nhân, Nguyễn Văn Khải, TS. Huỳnh Ngọc Thi, ThS. Vũ Việt Hùng// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 88-92.

**Nội dung:** Độ tin cậy của phương pháp đề xuất có thể được khẳng định; Đánh giá độ linh hoạt của chương trình được xây dựng phương pháp vector điểm; Khả năng áp dụng phương pháp đề xuất để thiết kế hình học tuyến đường.

**Từ khóa**: Hình học tuyến đường, vector điểm, ma trận chuyển đổi

**75. Nghiên cứu các đặc tính khai thác vật liệu bê tông nhựa sử dụng phụ gia RFCC và đối chứng bê tông nhựa truyền thống/** TS. Nguyễn Phước Minh, PGS. TS. Lê Anh Thắng// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 41-45.

**Nội dung:** Nghiên cứu đánh giá các chỉ tiêu khai thác của vật liệu bê tông nhựa khi có sử dụng phụ gia RFCC và đối chứng với bê tông nhựa truyền thống.

**Từ khóa**: Bê tông nhựa, phụ gia bê tông nhựa, nhựa đường, độ bền mỏi vật liệu bê tông nhựa, vệt hằn bánh xe mặt đường

**76. Nghiên cứu các yếu tố thành công của dự án Design and Build Kết cấu thép với sự hỗ trợ của BIM/** Lương Đức Long, Lương Khắc Tâm// Xây dựng .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 30-35.

**Nội dung:** Phân tích đánh giácác yếu tố dẫn đến thành công của dự án Design and Build Kết cấu thép với sự hỗ trợ của BIM.

**Từ khóa**: Dự án Design and Build Kết cấu thép, BIM, yếu tố thành công

**77. Nghiên cứu cải thiện cường độ của bùn thải bằng xi măng và sợi tự nhiên/** Lưu Xuân Lộc, Trần Quang Khiêm, Phan Quang Hưng, Takahashi Hiroshi// Xây dựng .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 76-80.

**Nội dung:** Kiểm tra ứng xử chịu lực của bùn xi măng bằng sợi tự nhiên, nghiên cứu mối quan hệ giữa cường độ chịu nén phá hoại và chỉ số nước xi măng sợi.

**Từ khóa**: Bùn thải xi măng, sợi tự nhiên

**78. Nghiên cứu cường độ dự trữ sau nứt dầm bê tông chất lượng cao sử dụng nano silica/** ThS. Ngô Văn Thức, PGS. TS. Bùi Tiến Thành, TS. Nguyễn Thị Cẩm Nhung, TS. Nguyễn Duyên Phong, TS. Đặng Văn Kiên// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 64-67.

**Nội dung:** Xác định cường độ dự trữ sau nứt của kết cấu dầm bê tông chất lượng cao sử dụng nano silica dựa trên phương pháp công pháp hủy. Tiếp cận sử dụng mối quan hệ giữa công phá hủy và chiều dài phát triển của vết nứt để dự báo cường độ dự trữ sau nứt của kết cấu dầm bê tông. Phân tích ảnh của nano silica đến cường độ dự trữ sau nứt của dầm bê tông chất lượng cao.

**Từ khóa**: Nano slica, cường độ dự trữ, bê tông chất lượng cao

**79. Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của một số yếu tố đến khả năng chống nứt của bê tông nhựa thiết kế theo Superpave/** ThS. NCS. Lưu Ngọc Lâm, PGS. TS. Nguyễn Quang Phúc// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 26-31.

**Nội dung:** Trình bày một số kết quả nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của loại nhựa đường, cỡ hạt lớn nhất danh định của hỗn hợp bê tông nhựa, hàm lượng nhựa và nguồn gốc cốt liệu bê tông nhựa Superpave trong điều kiện Việt Nam.

**Từ khóa**: Bê tông nhựa, sức kháng nứt, Superpave

**80. Nghiên cứu đánh giá mối quan hệ giữa sự hư hỏng mặt đường bê tông và sự tiêu hao nhiên liệu sử dụng/** TS. Trần Vũ Tự, KS. Nguyễn Viết Cường// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 118-122.

**Nội dung:** Nghiên cứu mối quan hệ giữa sự hư hỏng mặt đường bê tông xi măng, độ ồn âm thanh, tiêu hao nhiên liệu để đưa ra được các dự báo cần thiết về hư hỏng, mức độ xuống cấp, từ đó làm cơ sở để bảo dưỡng, bảo trì, thiết kế phù hợp với tính chất công trình.

**Từ khóa**: Mặt đường bê tông xi măng, hư hỏng, bảo trì, nhiên liệu, độ ồn

**81. Nghiên cứu đề xuất đánh giá xếp hạng kết cấu công trình cầu tại Việt Nam/** PGS. TS. Vũ Hồng Nghiệp, TS. Nguyễn Đình Hùng, TS. Nguyễn Thạc Quang// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 70-73.

**Nội dung:** Trình bày phương pháp đề xuất cho đánh giá hiện trạng kết cấu công trình cầu giao thông tại Việt Nam, gồm: Đánh giá xếp hạng hiện trạng các cấu kiện và đánh giá xếp hạng hiện trạng tổng thể công trình.

**Từ khóa**: Kết cấu công trình cầu, đánh giá xếp hạng, khả năng chịu tải

**82. Nghiên cứu dự đoán hệ số vượt độ bền uốn dựa trên phương pháp trí tuệ nhân tạo/** TS. Nguyễn Thùy Anh, TS. Lý Hải Bằng, Nguyễn Trọng Anh Minh/ Cầu đường Việt Nam.- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 57-62.

**Nội dung:** Áp dụng và đề xuất một mô hình mạng nơ ron nhân tạo để dự đoán hệ số vượt độ bền uốn của dầm thép.

**Từ khóa**: Trí tuệ nhân tạo, mạng nơ ron nhân tạo, dầm thép, hệ số vượt độ bền uốn

**83. Nghiên cứu hỗn hợp bê tông nhựa rỗng sử dụng nhựa đường cải thiện TPS để tăng tuổi thọ và độ bền vững cho mặt đường/** Nguyễn Thị Quỳnh Trang/ Cầu đường Việt Nam.- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 45-51.

**Nội dung:** Thiết kế thành phần hỗn hợp của loại vật liệu bê tông nhựa rỗng có sử dụng phụ gia TPS cho nhựa đường và thí nghiệm đánh giá chất lượng trong phòng thí nghiệm có so sánh với bê tông nhựa rỗng sử dụng nhựa PMB.III của Việt Nam.

**Từ khóa**: Bê tông nhựa rỗng, nhựa đường, TPS

**84. Nghiên cứu khả năng ứng dụng thanh polyme GFRP vào khe ngang mặt đường JPCP ở vùng ven biển, hải đảo/** Phạm Duy Hòa, Nguyễn Việt Phương, Nguyễn Cẩn Ngôn, Ngô Việt Đức, Nguyễn Văn Hoàng// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 39-42.

**Nội dung:** Giới thiệu giải pháp sử dụng thanh polymer cốt sợi thủy tinh như một loại vật liệu thay thế hiệu quả cho cốt thép trong các công trình hạ tầng ở môi trường ven biển và hải đảo, những môi trường có tính xâm thực mạnh. Trình bày phương pháp tính toán cùng ví dụ khi dùng thanh GFRP thay thế cốt thép khi dùng làm chốt truyền lực trong mặt đường bê tông xi măng có khe nối.

**Từ khóa**: Thanh polyme cốt sợi thủy tinh, mặt đường bê tông xi măng có khe nối, môi trường biển, mặt đường

**85. Nghiên cứu lựa chọn phương pháp kiểm soát chất lượng thi công lớp cấp phối đá dăm ở Việt Nam/** TS. Bùi Tuấn Anh// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 46-49.

**Nội dung:** Trình bày kết quả nghiên cứu đề xuất phương pháp thống kê kiểm soát chất lượng phù hợp thông qua các chỉ tiêu cơ bản như thành phần cấp phối, chỉ số CBR, chỉ số dẻo, độ chặt đầm nén, khi thi công các lớp cấp phối đá dăm ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Kiểm soát chất lượng, biểu đồ kiểm soát, cấp phối đá dăm

**86. Nghiên cứu lựa chọn phương pháp quan trắc lún nền đường sắt tốc độ cao dạng tấm bản/** ThS. Chu Quang Chiến, TS. Nguyễn Hồng Phong// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 79-83.

**Nội dung:** Thông qua nền tảng kinh nghiệm xây dựng công trình đường sắt cao tốc ở các nước phát triển trên thế giới, nghiên cứu bối cảnh và nguyên lý đánh giá, dự báo, đề xuất một số vấn đề thực tế để tiến hành thảo luận.

**Từ khóa**: Đường sắt tốc độ cao, quan trắc lún, lún móng đường, lún bản thân nền đắp

**87. Nghiên cứu một số chỉ tiêu bê tông polymer đông cứng nhanh trong sửa chữa mặt đường bê tông xi măng đường sân bay ở Việt Nam/** Trần Thị Thúy// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 21-25.

**Nội dung:** Giới thiệu một số chỉ tiêu của bê tông polymer đông cứng nhanh trong sửa chữa mặt đường bê tông xi măng đường sân bay ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Bê tông xi măng, bê tông polymer đông cứng nhanh, đường sân bay

**88. Nghiên cứu mức độ dính bám giữa hai lớp bê tông asphalt của hệ kết cấu áo đường mềm theo phương pháp giải tích/** TS. Trần Trung Hiều, ThS. Vũ Quốc Huy// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 49-53.

**Nội dung:** Xây dựng lời giải lý thuyết và thuật toán lập trình trên Matlab để xác định ứng suất, biến dạng, chuyển vị của hệ kết cấu áo đường 3 lớp. Xác định sự ảnh hưởng của mức độ dính bám ở bề mặt tiếp xúc giữa hai lớp bê tông nhựa thông qua chỉ số mô-đun cắt phản ánh Ks đến ứng xử của hệ kết cấu.

**Từ khóa**: Dính bám giữa hai lớp bê tông asphalt, hệ kết cấu áo đường mềm, phương pháp giải tích

**89.** **Nghiên cứu nguyên nhân của vết nứt thẳng đứng xuất hiện trên các trụ cầu bê tông cốt thép dạng rẻ quạt/** Nguyễn Quang Dũng, Ngô Châu Phương// Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 43A .- Tr. 3-10.

**Nội dung:** Trình bày kết quả nghiên cứu, giải thích nguyên nhân xuất hiện vết nứt thẳng đứng trụ cầu dạng tường rẻ quạt bằng mô hình chống giằng, phương pháp phần tử hữu hạn và đối chiếu với số liệu đo đạc thực tế nhằm đề xuất phương pháp thiết kế phù hợp cho các công trình tương tự trong tương lại.

**Từ khóa:** Trụ cầu dạng tường rẻ quạt, mô hình chống giằng, sự cố trong xây dựng, nứt trụ cầu dạng tường rẻ quạt

**90. Nghiên cứu sử dụng bản quá độ bằng bê tông cốt thanh GFRP/** Nguyễn Anh Tuấn, Đặng Minh Giang, Nguyễn Đăng Huỳnh// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 9-12.

**Nội dung:** Trình bày một ý tưởng tính toán và sử dụng bê tông cốt thanh thủy tinh làm bản quá độ cho cầu.

**Từ khóa**: Bê tông cốt thanh GFRP, bản quá độ

**91. Nghiên cứu sử dụng bê tông xi măng sử dụng tro bay, cát biển có gia cường cốt sợi thủy tinh cho xây dựng đường ven biển vùng Đông Bắc/** PGS. TS. Hoàng Quốc Long, ThS. Vương Hoàng Anh// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 48-51.

**Nội dung:** Nghiên cứu thực nghiệmviệcsử dụng bê tông xi măng sử dụng tro bay, cát biển có gia cường cốt sợi thủy tinh cho xây dựng đường ven biển vùng Đông Bắc.

**Từ khóa**: Bê tông xi măng, cốt sợi thủy tinh, đường ven biển

**92. Nghiên cứu sử dụng cát đỏ Bình Thuận và tro bay Vĩnh Tân chế tạo bê tông hạt nhỏ làm mặt đường/** NCS. Vũ Hoàng Giang, PGS. TS. Nguyễn Thanh Sang, GS. TS. Bùi Xuân Cậy, PGS. TS. Nguyễn Duy Đồng// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 25-28.

**Nội dung:** Trình bày kết quả nghiên cứu thực nghiệm cường độ chịu nén, cường độ chịu kéo khi ép chẻ, mô đun đàn hồi của các bê tông hạt nhỏ được chế tạo bởi cát đỏ, cát nghiền Bình Thuận, tro bay Vĩnh Tân.

**Từ khóa**: Cát đỏ, tro bay, bê tông xi măng, mặt đường

**93. Nghiên cứu sử dụng phế thải bùn vôi của nhà máy giấy để sản xuất gạch không nung/** Thống Tôn Kiên, Phạm Thị Vinh Lanh, Bùi Danh Đại// Xây dựng .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 54-58.

**Nội dung:** Trình bày kết quả nghiên cứu tận dụng bùn vôi thải trong công nghiệp sản xuất giấy và bột giấy kết hợp với các loại phế thải khác nhằm chế tạo gạch bê tông không nung.

**Từ khóa**: Gạch không nung, gạch bê tông, bùn vôi, xỉ lò cao nghiền mịn, phế thải công nghiệp

**94. Nghiên cứu tác động của phụ gia dẫn xuất lithium silicat đến sự xâm nhập ion Clo trong bê tông/** ThS. Nguyễn Thanh Nga, TS. Nguyễn Xuân Tùng, Trần Thu Minh// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 103-106.

**Nội dung:** Nghiên cứu ảnh hưởng của phụ gia dẫn xuất lithium silicat đến các tính chất của bê tông và đặc biệt là sự xâm nhập ion Clo trong bê tông đông cứng.

**Từ khóa**: Phụ gia, lithium silicat, bê tông

**95. Nghiên cứu tham số động của hỗn hợp cát cao su với tỷ lệ khác nhau bằng thí nghiệm cột cộng hưởng/** Vũ Văn Tuấn, Cao Văn Hòa, Bùi Quang Hùng// Xây dựng .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 64-68.

**Nội dung:** Nghiên cứu sự thay đổi tham số động (mô đun trượt, tỷ số cản) của hỗn hợp cát và cao su với các tỷ lệ khác nhau bằng thí nghiệm cột cộng hưởng trên các mẫu được chế tạo trong phòng thí nghiệm.

**Từ khóa**: Tham số động, mô đun trượt, tỷ số cản, cap su hạt, cao su phế thải, thí nghiệm cột cộng hưởng

**96. Nghiên cứu thiết kế thử nghiệm hệ thống cảm biến chi phí thấp, sử dụng trong công tác quan trắc chất lượng không khí/** Hoàng Anh Lê, Nguyễn Việt Thanh, Bùi Hoài Nam, Lee Seung-Bok/ Môi trường.- 2021 .- Số 1 .- Tr. 47-50.

**Nội dung:** Một số đặc điểm cơ bản và cảm biến chi phí thấp để quan trắc chất lượng không khí; Sử dụng thử nghiệm hệ thống cảm biến chi phí thấp để quan trắc chất lượng không khí; Kết luận.

**Từ khóa**: Chất lượng không khí, hệ thống cảm biến, quan trắc

**97. Nghiên cứu thực nghiệm ảnh hưởng của cường độ bê tông đến khả năng hạn chế ăn mòn cốt thép trong môi trường clorua/** TS. Nguyễn Ngọc Tân// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2020 .- Số 3 .- Tr. 40-47.

**Nội dung:** Mức độ ăn mòn cốt thép được xác định thông qua khối lượng kim loại bị mất đi do ăn mòn. Các kết quả thí nghiệm thu được sẽ được phân tích để xác định ảnh hưởng của cường độ bê tông đến khả năng hạn chế ăn mòn cốt thép.

**Từ khóa**: Bê tông cốt thép, cường độ chịu nén, mức độ ăn mòn, môi trường clorua

**98. Nghiên cứu thực nghiệm cấp phối đá dăm gia cố vôi – tro bay/** TS. Nguyễn Mạnh Hùng, TS. Phùng Mạnh Tiến, KS. Nguyễn Hoài Văn// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 114-117.

**Nội dung:** Giới thiệu kết quả nghiên cứu thực nghiệm cấp phối đá dăm gia cố vôi – tro bay. Hỗn hợp này được đúc mẫu xác định các chỉ tiêu kỹ thuật ở 7,14 và 28 ngày tuổi tại trạng thái dưỡng ẩm và bão hòa. Kết quả được so sánh với yêu cầu kỹ thuật trong TCVN 8858:2011. Khi ứng dụng vào thực tế sẽ dùng lượng lớn tro bay thải ra từ nhà máy nhiệt điện.

**Từ khóa**: Cấp phối đá dăm, tro bay, vôi bột, xi măng pozzolanic

**99. Nghiên cứu thực nghiệm đề xuất công thức xác định mô-đun đàn hồi, cường độ chịu kéo của bê tông cường độ cao sử dụng vật liệu khu vực Đông Nam Bộ/** ThS. Võ Vĩnh Bảo, PGS. TS. Nguyễn Ngọc Long, GS. TS. Trần Đức Nhiệm// Giao thông vận tải .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 71-75.

**Nội dung:** Trình bày kết quả của việc chọn lựa vật liệu địa phương phù hợp để thiết kế chế tạo 3 cấp phối bê tông cường độ cao C60, C70, C80 và đưa vào thử nghiệm để đánh giá đề xuất công thức phù hợp dùng ước tính giá trị mô-đun đàn hồi, cường độ chịu kéo của vật liệu bê tông cường độ cao sử dụng vật liệu khu vực Đông Nam Bộ.

**Từ khóa**: Bê tông cường độ cao, vật liệu khu vực Đông Nam Bộ

**100. Nghiên cứu thực nghiệm khảo sát độ võng, vết nứt của dầm bê tông chịu uốn sử dụng cốt sợi GFRP dạng thanh/** ThS. Trần Thị Ngọc Hoa, PGS. TS. Đặng Vũ Hiệp, ThS. Phạm Thanh Thế// KHCN Xây dựng .- 2020 .- Số 4 .- Tr. 14-21.

**Nội dung:** Nghiên cứu sự phát triển độ võng tức thời, bề rộng vết nứt của dầm bê tông chịu uốn sử dụng cốt GFRP; mối quan hệ lực – độ võng, mối quan hệ lực – bề rộng vết mứt.

**Từ khóa**: Thanh GFRP, dầm bê tông chịu uốn, độ võng, vết nứt

**101. Nghiên cứu thực nghiệm sửa chữa và gia cường cho dầm bê tông cốt thép bằng vữa cốt sợi cường độ cao/** Nguyễn Thanh Hưng, Nguyễn Vũ Hùng, Nguyễn Đình Hùng// Xây dựng .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 54-58.

**Nội dung:** Nghiên cứu mức độ ăn mòn cốt thép, từ đó tăng khả năng chịu tải và kéo dài tuổi thọ của công trình.

**Từ khóa**: Vữa cốt sợi cường độ cao, ăn mòn cốt thép, dầm bê tông cốt thép

**102. Nghiên cứu thực nghiệm về gia cường uốn cho dầm bê tông cốt thép bằng tấm sợi carbon/** Hồ Quốc Khánh, Phan Công Trưởng, Võ Minh Huy, Trần Bá Cảnh, Nguyễn Mai Chí Trung// Xây dựng .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 173-176.

**Nội dung:** Trình bày nghiên cứu thực nghiệm về sự làm việc chịu uốn của dầm bê tông cốt thép khi có và không gia cường tấm sợi carbon.

**Từ khóa**: Tấm sợi cacbon, dầm bê tông cốt thép, gia cường uốn

**103. Nghiên cứu thực nghiệm xác định ứng xử chịu cắt của dầm sandwich sử dụng bê tông cốt lưới dệt và bê tông nhẹ/** ThS. Vũ Văn Hiệp// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 71-74.

**Nội dung:** Trình bày một số kết quảnghiên cứu thực nghiệm xác định ứng xử chịu cắt của dầm sandwich sử dụng bê tông cốt lưới dệt và bê tông nhẹ.

**Từ khóa**: Dầm sandwich, bê tông cốt lưới dệt

**104. Nghiên cứu tối ưu số nơ-ron trong mạng thần kinh nhân tạo để dự đoán lực liên kết giữa tấm FRP với bê tông/** TS. Nguyễn Thùy Anh, TS. Lý Hải Bằng, ThS. Nguyễn Trọng Anh Minh// Giao thông vận tải .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 55-59.

**Nội dung:** Mô hình mạng nơ-ron nhân tạo với thuật toán Bayesian chính quy được đề xuất trong nghiên cứu này để dự đoán lực liên kết giữa tấm sợi polyme với bề mặt bê tông khi chịu kéo trực tiếp.

**Từ khóa**: Mạng nơ-ron nhân tạo, thuật toán Bayesian chính quy, lực liên kết, FRP, bê tông

**105. Nghiên cứu ứng dụng BIM trong thiết kế mố và trụ cầu theo Tiêu chuẩn TCVN 1 1823:2017/** TS. Nguyễn Thạc Quang// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 57-60.

**Nội dung:** Đề cập đến nghiên cứu ứng dụng tự động hóa trong thiết kế công trình cầu từ mô hình 3D thông qua ứng dụng của công nghệ BIM phối hợp đa mô hình.

**Từ khóa**: BIM, thiết kế mố, trụ cầu, Tiêu chuẩn TCVN 1 1823:2017

**106. Nghiên cứu ứng dụng rác thải nhựa tái chế trong xây dựng mặt đường bê tông nhựa/** TS. Phạm Văn Trung// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 107-110.

**Nội dung:** Nghiên cứu đề xuất hướng dẫn tái sử dụng rác thải nhựa để ứng dụng trong xây dựng đường bộ tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Rác thải nhựa, bê tông nhựa, cấp phối bê tông nhựa

**107. Nghiên cứu và lựa chọn mô hình phát triển nứt phản ánh trong mặt đường hỗn hợp/** Trần Thị Thúy// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 18-20.

**Nội dung:** Trình bày các mô hình phát triển nứt phản ánh trong mặt đường hỗn hợp và kiến nghị lựa chọn mô hình phù hợp.

**Từ khóa**: Mô hình nứt phản ánh, mặt đường hỗn hợp

**108. Nghiên cứu vai trò của phụ gia polyme vô cơ trong việc gia cố nền cát bằng xi măng chống hiện tượng cát chảy khi xây dựng các công trình hạ tầng ven biển/** PGS. TS. Trần Quốc Đạt, ThS. Nguyễn Văn Hiền, ThS. Trọng Kiến Dương// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 43-46.

**Nội dung:** Giới thiệu kết quả nghiên cứu thực nghiệm ảnh hưởng của phụ gia polyme vô cơ trong việc gia cố nền cát bằng xi măng nhằm chống hiện tượng cát chảy khi xây dựng các công trình hạ tầng ven biển như nền đường, mái dốc.

**Từ khóa**: Nền đường, mái dốc, cát chảy, phụ gia polyme vô cơ

**109. Nghiên cứu xác định nội lực và chuyển vị kết cấu vòm nhịp lớn bằng phương pháp nguyên lý cực trị Gauss/** Nguyễn Vũ Thiêm// Xây dựng .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 228-232.

**Nội dung:** Trình bày vấn đề xácđịnh nội lực và chuyển vị cho bài toán kết cấu vòm nhịp lớn bằng phương pháp nguyên lý cực trị Gauss, vật liệu làm việc trong miền đàn hồi và không sử dụng giả thiết chuyển vị nhỏ.

**Từ khóa**: Nội lực, chuyển vị, kết cấu vòm nhịp lớn, phương pháp nguyên lý cực trị Gauss

**110. Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn mới về chất lượng không khí trong nhà ở và nhà công cộng/** GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng, ThS. Trần Thị Minh Nguyệt/ Môi trường.- 2021 .- Số 1 .- Tr. 36-40.

**Nội dung:** Tính cấp thiết của việc xây dựng tiêu chuẩn; Tổng quan về các tiêu chuẩn chất lượng không khí trong nhà trên thế giới; Khảo sát đo lường chất lượng không khí trong nhà tại một số công trình và nhà ở thực tế; Đề xuất phạm vi, cấu trúc và nội dung TCVN 2020 về chất lượng không khí trong nhà ở và nhà công cộng ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Chất lượng không khí, nhà ở, nhà công cộng, tiêu chuẩn mới

**111. Nguồn cội của các không gian công cộng tại các đô thị/** ThS. KTS. Huỳnh Thị Hồng Thúy// Xây dựng .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 42-44.

**Nội dung:** Trình bày về quá trình phát triển của không gian công cộng trong đô thị. Đầu tư vào hạ tầng không gian công cộng giúp cải thiện năng suất đô thị, cho phép người dân tiếp cận tốt hơn với các dịch vụ công cộng.

**Từ khóa**: Không gian công cộng, đô thị

**112. Ngưỡng mật độ dân số trong chính sách quy hoạch đô thị Việt Nam/** TS. KTS. Nguyễn Hoàng Minh// Quy hoạch Xây dựng .- 2020 .- Số 106 .- Tr. 34-37.

**Nội dung:** Đưa ra một số góc nhìn khác nhau về kiểm soát mật độ dân số trong quy hoạch đô thị tại Việt Nam, góc nhìn là những phân tích mang tính gợi mở trong một nghiên cứu liên quan về mật độ cư trú và hình thái đô thị.

**Từ khóa**: Mật dộ dân số, quy hoạch đô thị, chính sách

**113. Phân tích ảnh hưởng của các thông số hình học của lỗ khoan chặn đầu vết nứt đến nguy cơ lan truyền nứt trên kết cấu thép/** PGS. TS. Trần Thế Truyền, ThS. Nguyễn Đức Hiếu, KS. Đoàn Bảo Quốc, TS. Trần Ngọc Long, Nguyễn Hữu Thịnh// Giao thông vận tải .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 50-54.

**Nội dung:** Trình bày các kết quả nghiên cứu về giải pháp khoan lỗ chặn lan truyền nứt của vật liệu thép. Các lỗ khoan nhỏ được tạo ra để chặn đầu vết nứt có sẵn. Đường kính, bề rộng và vị trí các lỗ khoan thay đổi để đánh giá hiệu quả chặn lan truyền vết nứt.

**Từ khóa**: Thông số hình học, lỗ khoan, kết cấu thép, vết nứt

**114. Phân tích ảnh hưởng của chiều cao dầm đến tần số dao động riêng của kết cấu cầu dầm hộp bê tông giản đơn nhịp nhỏ và vừa sử dụng cho đường sắt cao tốc/** TS. Trần Việt Hùng, ThS. Phan Viết Lãm// Giao thông vận tải .- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 67-70.

**Nội dung:** Đặc điểm tác động của đường sắt cao tốc đến kết cấu cầu và yêu cầu giới hạn tần số dao động riêng của kết cấu; Phân tích ảnh hưởng của tham số chiều cao dầm đến tần số dao động riêng của kết cấu cầu dầm hộp bê tông giản đơn nhịp nhỏ và vừa.

**Từ khóa**: Đường sắt cao tốc, bê tông ứng suất trước, cầu dầm hộp, tần số dao động

**115. Phân tích ảnh hưởng của tỷ lệ tro bay và cát mịn đến cường độ chịu nén của bê tông bọt làm vật liệu san lấp tự lèn/** TS. Nguyễn Thị Thu Ngà, TS. Trần Việt Hưng// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 89-92.

**Nội dung:** Đề cập đến ảnh hưởng của tro bay và cát mịn đến cường độ chịu nén bê tông bọt, với số liệu thí nghiệm được xử lý bằng phần mềm quy hoạch thực nghiệm, mang đến bức tranh tổng quan về những ảnh hưởng của chúng đối với vật liệu này.

**Từ khóa**: Tro bay, cát mịn, cường độ chịu nén, bê tông bọt tự lèn

**116. Phân tích dẻo phân bố của dầm thép-bê tông liên hợp/** ThS. Lê Văn Bình, TS. Đoàn Ngọc Tịnh Nghiêm, PGS. TS. Ngô Hữu Cường, ThS. Lê Phương Bình// KHCN Xây dựng .- 2020 .- Số 4 .- Tr. 3-13.

**Nội dung:** Trình bày các bước xây dựng một phần tử hữu hạn dầm có 6 bậc tự do để mô phỏng cấu kiện dầm thép – bê tông liên hợp.

**Từ khóa**: Dầm thép - bê tông liên hợp, phân tích dẻo phân bố, ứng suất dư, phân tích phi tuyến

**117. Phân tích độ bền mỏi của kết cấu dầm thép cường độ cao có xét đến ảnh hưởng của đường nứt/** Trần Thế Truyền, Bùi Đức Dũng, Đoàn Bảo Quốc, Nguyễn Đức Hiếu// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 7-11.

**Nội dung:** Phân tích đặc điểm phá hoại mỏi của cấu kiện dầm thép có xuất hiện vết nứt trước, làm cơ sở cho tính toán dự báo tuổi thọ mỏi của công trình.

**Từ khóa**: Dầm thép, cơ học rạn nứt, vết nứt, chu kỳ tải, mỏi, tuổi thọ, mô hình dự báo, cầu đường sắt

**118. Phân tích hiệu quả gia tăng sức chịu tải cho cọc khoan nhồi sử dụng biện pháp phụt vữa thành biên tại một công trình ở thành phố Hồ Chí Minh/** Trần Tuấn Anh, Trần Văn Thân, Trần Thanh Danh// Xây dựng .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 141-145.

**Nội dung:** Phân tích hiệu quả gia tăng sức chịu tải cho cọc khoan nhồi sử dụng biện pháp phụt vữa thành biên bằng phương pháp so sánh kết quả sức chịu tải từ thí nghiệm O-cell hiện trường của hai cọc thử có cùng kích thước với một cọc thường và một cọc sử dụng biện pháp phụt vữa thành biên thi công tại một công trình khu vực thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khóa**: Phụt vữa thành biên, sức kháng ma sát, cọc khoan nhồi, sức chịu tải

**119.** **Phân tích những nhóm nguyên nhân chính dẫn đến các vấn đề tương tác giữa giai đoạn thiết kế và thi công trong các dự án xây dựng/** Nguyễn Thanh Việt, Phan Văn Lê, Thái Phương Trúc// Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 43A .- Tr. 20-34.

**Nội dung:** Nghiên cứu và xác định các nguyên nhân dẫn đến các vấn đề tương tác giữa giai đoạn thiết kế và thi công trong các dự án xây dựng. Phân tích những nhóm nguyên nhân chính dẫn đến các vấn đề tương tác giữa giai đoạn thiết kế và thi công trong các dự án xây dựng. Nghiên cứu này giới hạn trong phạm vi các công trình xây dựng Dân dụng và Công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khóa:** Thiết kế, thi công, dự án xây dựng

**120. Phân tích sức chịu tải của cọc theo chỉ tiêu cơ lý đất nền/** Nguyễn Minh Hùng, Phạm Thành Hiệp, Nguyễn Viết Hùng, Nguyễn Kế Tường// Xây dựng .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 123-127.

**Nội dung:** Trình bày một số vấn đề trong việc sử dụng phương pháp hạ cọc còn bất cập và đề xuất một giải pháp xác định sức chịu tải của cọc theo chỉ tiêu cơ lý của đất nền.

**Từ khóa**: Chỉ tiêu cơ lý, sức chịu tải của cọc, nền đất, nhóm cọc

**121. Phân tích ứng xử của kết cấu bản đường ngang đường sắt bằng bê tông cốt thép toàn khối/** Phạm Văn Hùng, Đoàn Bảo Quốc, Trần Thế Truyền/ Cầu đường Việt Nam.- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 41-44.

**Nội dung:** Trình bày các kết quả thí nghiệm và mô phỏng ứng xử của bản bê tông cốt thép làm đường ngang đường sắt ở các giao cắt với đường bộ khu vực nội đô các đô thị lớn.

**Từ khóa**: Bản đường ngang, đường sắt, bê tông cốt thép toàn khối

**122. Phát triển giao thông đô thị trong kỷ nguyên số/** ThS. Nguyễn Thành Đạt// Quy hoạch xây dựng.- 2020 .- Số 107+108 .- Tr. 16-21.

**Nội dung:** Đô thị hóa ở Việt Nam và những thách thức trong phát triển giao thông đô thị; Giải pháp công nghệ số - lời giải cho những thách thức trong phát triển giao thông đô thị.

**Từ khóa**: Phát triển giao thông đô thị, giao thông thông minh, kỷ nguyên số, công nghệ số

**123. Phát triển mô hình mô phỏng 2D để tính toán độ thấm của môi trường xốp có xuất hiện vết nứt bằng cách sử dụng thuật toán biến đổi nhanh fourier (FFT)/** ThS. Phạm Quang Thông, ThS. Phan Việt Hùng// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 26-28.

**Nội dung:** Nghiên cứu phát triển xây dựng mô hình mô phỏng 2D để tính toán độ thấm của dòng chảy Newton qua môi trường xốp có xuất hiện vết nứt bằng cách sử dụng thuật toán biến đổi nhanh fourier (FFT).

**Từ khóa**: Mô hình mô phỏng 2D, độ thấm, vết nứt, thuật toán biến đổi nhanh fourier

**124. Phương pháp mô hình dự báo chuyển dịch và biến dạng bề mặt do công trình ngầm gây ra/** ThS. Phạm Thị Thu Hương, ThS. Trần Thị Thu Trang// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 30-31.

**Nội dung:** Đưa ra phương án tính biến dạng và chuyển dịch bề mặt có tính đến bán kính đường hầm, độ sâu đặt đường hầm, tính chất cơ lý của các lớp đất, tính chất của vỏ hầm.

**Từ khóa**: Công trình ngầm, mô hình dự báo

**125. Phương pháp xác định tần số dao động riêng của kết cấu dầm giản đơn bằng lý thuyết và thực nghiệm/** ThS. Lương Văn An, ThS. Vũ Quang Trung// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 45-48.

**Nội dung:** Trình bày cách xác định tần số dao động riêng của kết cấu dầm giản đơn bằng lý thuyết và thực nghiệm.

**Từ khóa**: Tần số dao động riêng, kết cấu dầm, động lực học

**126. Quan hệ cường độ đất nền và độ lún nền móng công trình/** TS. Nguyễn Kế Tường, Nguyễn Viết Hùng, Nguyễn Minh Hùng, Phạm Thành Hiệp, Nguyễn Thị Hằng, Phú Thị Tuyết Nga// Xây dựng .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 70-71.

**Nội dung:** Đưa ra một số lưu ý cho các kỹ sư xây dựng luôn kiểm tra các điều kiện về trạng thái giới hạn của nền công trình để đảm bảo luôn an toàn.

**Từ khóa**: Cường độ đất nền, độ lún, đất yếu, góc ma sát của đất

**127. Quy hoạch sử dụng đất vùng ven dựa theo mật độ đô thị tại Tp. HCM/** TS. KTS. Trương Thái Hoài An// Quy hoạch Xây dựng .- 2020 .- Số 106 .- Tr. 50-55.

**Nội dung:** Dự báo cho các khu vực vùng ven về sử dụng đất dựa trên mật độ đô thị thông qua các loại vùng ven.

**Từ khóa**: Quy hoạch sử dụng đất, mật độ đô thị, dân số, vùng ven

**128. Quy trình và lưu ý khi thi công dầm chuyển/** Tạ Văn Phấn// Xây dựng .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 193-197.

**Nội dung:** Trình bày quy trình và lưu ý khi thi công dầm chuyển.

**Từ khóa**: Dầm chuyển, quy trình thi công, lưu ý khi thi công

**129. So sánh giải pháp sử dụng tường vây và tường cừ bê tông cốt thép dự ứng lực là tường chắn hố đào trong xây dựng nhà cao tầng/** Lê Bá Sơn// Xây dựng .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 77-83.

**Nội dung:** Trình bày kết quả so sánh các đặc điểm nổi bật giữa giải pháp tường trong đất và tường cừ bê tông cốt thép dự ứng lực trong việc xây dựng các tòa nhà cao tầng có tầng hầm. Trong đó, lấy ví dụ về dự án đã thi công thực tế để so sánh và đánh giá.

**Từ khóa**: Tường vây, tường cừ bê tông cốt thép dự ứng lực, nhà cao tầng

**130. Sự cố kỹ thuật Nhà thầu xây lắp thường lắp khi thi công tầng hầm theo phương pháp Down-up/** Cù Huy Tình// Xây dựng .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 6-8.

**Nội dung:** Phân tích các nguyên nhân rủi ro và đưa ra một số giải pháp nhằm hạn chế rủi ro với các Nhà thầu khi thi công tầng hầm theo phương pháp Down-up.

**Từ khóa**: Phương pháp Down-up, tầng hầm, nhà thầu xây dựng

**131. Sử dụng phần mềm R dự đoán rủi ro trong thi công xây dựng công trình/** Đỗ Thị Mỹ Dung, Lâm Thanh Quang Khải// Xây dựng .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 38-41.

**Nội dung:** Trình bày một số ứng dụng của phần mềm R để dự đoán rủi ro trong thi công xây dựng công trình.

**Từ khóa**: Rủi ro, rủi ro thi công, quản lý rủi ro, phân tích rủi ro, dự đoán rủi ro

**132. Sử dụng phương pháp Newmark giải quyết bài toán mô hình cầu đơn giản dưới tác dụng của tải trọng di truyền/** TS. Phan Huy Thiện, TS. Nguyễn Cẩn Ngôn// KHCN Xây dựng .- 2020 .- Số 4 .- Tr. 31-37.

**Nội dung:** Trình bày cầu dầm đơn giản với mô hình hai khối lượng cho tải trọng di động, sau đó thiết lập hệ phương trình vi phân, giải bài toán bằngphương pháp Newmark và được lập trình trên ngôn ngữ Matlab, cuối cùng chương trình lập ra sẽ được tính toán với các tham số thực tế.

**Từ khóa**: Cầu dầm đơn giản, phân tích dao động, mô hình tải trọng hai khối lượng, phần tử hữu hạn, tải trọng di động

**133. Sự khác nhau trong thiết kế cầu dây văng theo TCVN 1 1823:2017 và 22TCN272-05/** Trương Việt Hùng, Nguyễn Văn Hải// Xây dựng .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 152-157.

**Nội dung:** Trình bày những quy định khác nhau cơ bản trong việc thiết kế công trình cầu dây văng theo tiêu chuẩn TCVN 1 1823:2017 và 22TCN272-05.

**Từ khóa**: Cầu dây văng, bê tông cốt thép, TCVN 1 1823:2017, 22TCN272-05

**134. Sự phát triển cường độ chịu kéo của bê tông và sự xuất hiện vết nứt ở các giai đoạn thi công công trình bê tông dự ứng lực/** PGS. TS. Tống Trần Tùng, ThS. Mai Đình Lộc, ThS. Nguyễn Hữu Anh// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 9-12.

**Nội dung:** Trình bày một số kết quả thí nghiệm mang tính kiểm chứng về tốc độ phát triển cường độ chịu nén và cường độ chịu ép chẻ theo thời gian của bê tông xi măng sử dụng phụ gia giảm nước mức độ cao.

**Từ khóa**: Cường độ chịu kéo, bê tông, vết nứt, dự ứng lực

**135. Thiết kế dầm bê tông cốt thép có xét tái phân phối mô men/** Nguyễn Hữu Anh Tuấn// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 148-152.

**Nội dung:** Cơ chế hình thành khớp dẻo và phân phối lại nội lực được giải thích dựa trên tương quan giữa góc xoay dẻo yêu cầu và khả năng xoay của dầm siêu tĩnh.

**Từ khóa**: Dầm bê tông cốt thép, khớp dẻo, tái phân phối mô men, tiêu chuẩn thiết kế, tổ hợp tải trọng

**136. Thiết kế dầm U cho cầu giao thông nông thôn theo công nghệ sản xuất cọc ván bê tông cốt thép dự ứng lực/** TS. Ngô Châu Phương, Nguyễn Huỳnh Cảnh Thy, Lê Huỳnh Đức// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 50-52.

**Nội dung:** Trình bày giải pháp thiết kế cải tạo cọc ván loại SW600 thành dầm U600 cho cầu giao thông nông thôn trên cơ sở bố trí lại cáp dự ứng lực và sử dụng bê tông cường độ cao cấp 70MPa.

**Từ khóa**: Cầu giao thông nông thôn, dầm U600, cọc ván SW600, bê tông cốt thép dự ứng lực

**137. Thiết kế điển hình cấu áo đường thành phố Hà Nội: Thực trạng và một số giải pháp/** TS. Cao Phú Cường, PGS. TS. Nguyễn Việt Phương, ThS. Lê Hoàng Sơn// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 34-42.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng thiết kế kết cấu áo đường của thành phố Hà Nội, tham khảo điển hình thiết kế kết cấu áo đường theo tiêu chuẩn DBJT02-73-2012 của Hồ Bắc, Trung Quốc và dựa trên cơ sở các tiêu chuẩn thiết kế, tiêu chuẩn thi công nghiệm thu hiện hành, đề xuất một số giải pháp thiết kế điển hình kết cấu áo đường áp dụng cho các loại đường đô thị của thành phố Hà Nội.

**Từ khóa**: Kết cấu áo đường, công trình đường bộ, thiết kế

**138. Thực nghiệm và dự báo bề rộng vết nứt do ăn mòn trên các kết cấu dầm bê tông cốt thép/** Tô Anh Minh, Nguyễn Đình Thành, Nguyễn Đức Nhân, Nguyễn Đức Cường, Nguyễn Ngọc Tân// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 157-162.

**Nội dung:** Xác định các đặc điểm của vết nứt do ăn mòn, bao gồm: sơ đồ vết nứt, chiều dài vết nứt và bề rộng vết nứt.

**Từ khóa**: Dầm bê tông cốt thép, ăn mòn cốt thép, sơ đồ vết nứt, bề rộng vết nứt

**139. Thực trạng và đề xuất giải pháp về nguồn vật liệu xây dựng ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long/** Lâm Thanh Quang Khải, Đỗ Thị Mỹ Dung, Trần Vũ An, Nguyễn Hoàng Anh, Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Ngọc Long Giang, Lương Phước Thuận// Xây dựng .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 42-47.

**Nội dung:** Nêu lên thực trạng về tình hình nguồn vật liệu xây dựng hiện nay ở đồng bằng sông Cửu Long và đề xuất các giải pháp để phát triển nguồn vật liệu xây dựng ở địa phương, để có thể đủ cung cấp nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng trong khu vực và xuất sang các vùng lân cận trong thời gian tới một cách bền vững.

**Từ khóa**: Vật liệu xây dựng, đồng bằng sông Cửu Long

**140. Tích hợp quy hoạch hệ thống giao thông thông minh trong quy hoạch đô thị/** Minh Nguyễn// Quy hoạch xây dựng.- 2020 .- Số 107+108 .- Tr. 22-27.

**Nội dung:** Trình bày tổng quan về hệ thống giao thông thông minh, quy hoạch giao thông thông minh và mối liên hệ với quy hoạch đô thị mà trong đó ngoài nội dung quy hoạch truyền thống cần tích hợp một số nội dung mới về quy hoạch giao thông thông minh để đáp ứng cho xây dựng và quản lý thành phố trong thời đại mới.

**Từ khóa**: Quy hoạch đô thị, quy hoạch giao thông, hệ thống giao thông thông minh, tích hợp quy hoạch

**141. Tiêu chí phân cấp công trình xây dựng phục vụ thiết kế kết cấu công trình/** TS. Cao Duy Khôi, PGS. TS. Cao Duy Tiến// KHCN Xây dựng .- 2020 .- Số 4 .- Tr. 68-72.

**Nội dung:** Trình bày kết quả nghiên cứu về tiêu chí phân cấp công trình xây dựng phục vụ thiết kế kết cấu công trình của một số quốc gia trên thế giới như châu Âu, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Liên Bang Nga,...

**Từ khóa**: Công trình xây dựng, kết cấu công trình, tiêu chí phân cấp

**142. Tính chất quan trọng về thông số địa chất trong thiết kế móng công trình xây dựng/** Nguyễn Viết Hùng, Nguyễn Minh Hùng, Phạm Thành Hiệp, Nguyễn Thị Hằng, Phú Thị Tuyết Nga, TS. Nguyễn Kế Tường// Xây dựng .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 56-59.

**Nội dung:** Nêu lên những tiêu chuẩn cần thiết dùng để áp dụng cho khảo sát công trình khi xây dựng để tránh những hậu quả đáng tiếc xảy ra.

**Từ khóa**: Thiết kế móng, công trình xây dựng, thông số địa chất

**143. Tính chuyển vị của dầm có kể đến biến dạng trượt bằng phương pháp ma trận truyền/** ThS. Nguyễn Thị Ngọc Loan// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2020 .- Số 3 .- Tr. 9-17.

**Nội dung:** Giới thiệu thuật toán xác định chuyển vị của dầm có xét đến biến dạng trượt bằng phương pháp ma trận truyền. Với việc kể đến biến dạng trượt, phương trình vi phân của dầm được giải và viết dưới dạng ma trận.

**Từ khóa**: Ma trận truyền, dầm có xét biến dạng trượt, chuyển vị, dầm cao, tiết diện thành mỏng

**144. Tính toán cấu kiện thép tạo hình nguội chịu nén bằng phương pháp cường độ trực tiếp theo tiêu chuẩn AISI S100-16/** ThS. Hoàng Anh Toàn, PGS. TS. Vũ Quốc Anh// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2020 .- Số 3 .- Tr. 18-28.

**Nội dung:** Trình bày phương pháp cường độ trực tiếp trong thiết kế cấu kiện thép tạo hình nguội chịu nén theo Tiêu chuẩn Mỹ AISI S100-16. Phần mềm CUFSM được giới thiệu để xác định ứng suất mất ổn định của tiết diện mà sử dụng trong tính toán của phương pháp DSM.

**Từ khóa**: Thép tạo hình nguội, phương pháp cường độ trực tiếp, Tiêu chuẩn Mỹ AISI S100-16, chịu nén, cấu kiện thép

**145. Tính toán cấu kiện thép tạo hình nguội chịu nén và uốn bằng phương pháp DSM theo tiêu chuẩn AS/NZS 4600:2018/** TS. Phạm Ngọc Hiếu, PGS. TS. Vũ Quốc Anh, ThS. Phạm Ngọc Hưng// KHCN Xây dựng .- 2020 .- Số 4 .- Tr. 73-80.

**Nội dung:** Trình bày cách tính toán cấu kiện thép tạo hình nguội bằng phương pháp cường độ trực tiếp (DSM) theo tiêu chuẩn AS/NZS 4600:2018 với sự hỗ trợ của phần mềm phân tích ổn định đàn hồi THIN-WALL-2 và dùng vào các ví dụ cụ thể cho cấu kiện thép tạo hình nguội chữ C chịu nén và chịu uốn.

**Từ khóa**: Thép tạo hình nguội, chịu nén, chịu uốn, phương pháp cường độ trực tiếp, tiêu chuẩn AS/NZS 4600:2018

**146. Tính toán hệ số dư cường độ khi thiết kế cấp phối bê tông/** Nguyễn Lê Thi, Hồ Quốc Hùng, Hoàng Đức Thảo// Xây dựng .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 77-80.

**Nội dung:** Trình bày phương pháp tính toán hệ số dư cường độ hay còn gọi là hệ số an toàn khi thiết kế cấp phối bê tông theo các quy định, tiêu chuẩn phổ biến hiện hành ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Hệ số dư cường độ, hệ số an toàn, cấp phối bê tông, độ lệch tiêu chuẩn

**147. Tính toán khả năng chịu lực của cấu kiện bê tông cốt thép chịu nén lệch tâm xiên có tiết diện hình chữ nhật theo TCVN 5574:2018/** Thach Som So Hoach, Lê Bảo Quốc// Xây dựng .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 65-68.

**Nội dung:** Xây dựng chương trình tính toán khả năng chịu lực của cấu kiện chịu nén lệch tâm xiên có tiết diện hình chữ nhật bằng phương pháp biểu đồ tương tác theo nội lực giới hạn trong TCVN 5574:2018.

**Từ khóa**: Biểu đồ tương tác, cột nén lệch tâm xiên, bê tông cốt thép, khả năng chịu lực

**148. Tính toán sàn composite và dầm, cột thép liên hợp sử dụng thép hình tiết diện chữ I/** Đoàn Duy Khánh, Võ Tấn Duy// Xây dựng .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 41-53.

**Nội dung:** Trình bày quá trình tính toán và kết quả lựa chọn kết cấu sàn composite, dầm và cột liên hợp thép bê tông sử dụng lõi thép hình tiết diện chữ I theo tiêu chuẩn châu Âu Eurocode 4.

**Từ khóa**: Sàn composite, dầm liên hợp thép, cột liên hợp thép, kết cấu liên hợp, bê tông

**149. Tính toán sự hình thành và mở rộng vết nứt theo TCVN 5574-2018 và thiết kế kiểm soát nứt theo ACI318-2014 cho dầm bê tông cốt thép/** KS. Lê Văn Sơn, TS. Phạm Tuấn Thanh, TS. Nguyễn Mạnh Hà/ Cầu đường Việt Nam.- 2021 .- Số 1+2 .- Tr. 36-40.

**Nội dung:** Trình bày lý thuyết tính toán sự hình thành và mở rộng vết nứt thẳng góc của cấu kiện dầm bê tông cốt thép chịu uốn theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 5574:2018, lý thuyết thiết kế kiểm soát nứt theo tiêu chuẩn ACI318-2014.

**Từ khóa**: Kết cấu bê tông cốt thép, vết nứt, độ mở rộng vết nứt, TCVN 5574:2018, tiêu chuẩn ACI318-2014

**150. Tương quan giữa cường độ chịu uốn và cường độ chịu nén của trụ xi măng đất theo hàm lượng xi măng và tỷ lệ nước/xi măng đối với đất bùn sét/** Đoàn Văn Đẹt, Đinh Hoài Luân, Võ Bá Huy// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 69-75.

**Nội dung:** Nghiên cứu tương quan giữa cường độ chịu uốn và cường độ chịu nén của hỗn hợp xi măng đất đối với loại đất bùn sét.

**Từ khóa**: Cường độ chịu uốn, cường độ chịu nén, trụ xi măng đất, đất bùn sét

**151. Ứng dụng phương pháp ANP trong việc đánh giá mức độ tác động của các nhóm yếu tố dẫn đến thành công của dự án Design and Build Kết cấu thép với sự hỗ trợ của BIM/** Lương Đức Long, Lương Khắc Tâm// Xây dựng .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 36-39.

**Nội dung:** Xác định mức độ tác động của nhóm yếu tố dẫn đến thành công tác động đến các mục tiêu thành công chính của một dự án (chi phí, tiến độ, chất lượng) cho một dự án nghiên cứu điển hình, từ đó góp phần hỗ trợ quản lý dự án thành công.

**Từ khóa**: ANP, dự án Design and Build Kết cấu thép, BIM, yếu tố thành công

**152. Ứng dụng tấm sàn bê tông ứng suất trước lắp ghép cho nhà ở quy mô nhỏ/** Võ Hải Nhân// Xây dựng .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 221-223.

**Nội dung:** Giới thiệu quy trình thi công và hiệu quả mang lại của việc sử dụng tấm sàn bê tông ứng suất trước đúc sẵn để lắp ghép cho các công trình dân dụng, nhà ở có quy mô nhỏ, đơn lẻ; đặc biệt là các công trình có điều kiện thi công chật hẹp, khó khăn cho công tác vận chuyển và lắp dựng.

**Từ khóa**: Tấm sàn bê tông ứng suất trước, công trình dân dụng lắp ghép, cấu kiện bê tông ứng suất trước đúc sẵn

**153. Ứng xử của bê tông dưới tác dụng của tải trọng nén tốc độ cao/** Trần Tuấn Kiệt, Trần Minh Anh, Nguyễn Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Thanh Thảo, Lê Thanh Phong// Xây dựng .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 136-140.

**Nội dung:** Giới thiệu về một thiết bị thí nghiệm, thiết bị Hopkinson, để nghiên cứu ứng xử của vật liệu dưới tác dụng của tải trọng nén tốc độ cao.

**Từ khóa**: Bê tông, tải trọng nén tốc độ cao

**154. Ứng xử dầm thép hình bị ăn mòn hai đầu chịu uốn bốn điểm/** Đào Duy Kiên, Nguyễn Thanh Hưng, Trương Thanh Mẫn// Xây dựng .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 72-76.

**Nội dung:** Phân tích đường cong ứng xử, khả năng chịu lực của dầm thép bị ăn mòn như vậy có đáp ứng yêu cầu sử dụng hay không, các vị trí xuất hiện phá hoại ra sao, khả năng mất ổn định của kết cấu, đồng thời đánh giá mức độ ăn mòn của kết cấu trong nghiên cứu. Từ đó đánh giá được mức độ an toàn của kết cấu dầm thép trong công trình khi bị ăn mòn theo thời gian.

**Từ khóa**: Dầm thép, ăn mòn, chịu uốn

**155.** **Ứng xử kháng cắt của dầm bê tông cốt thép được sửa chữa bảng bê tông sợi thép sau quá trình bị ăn mòn/** Bùi Văn Hồng Lĩnh, Nguyễn Thị Hải Yến, Nguyễn Văn Nam, Nguyễn Bá Phú, Nguyễn Thanh Việt, Ngô Châu Phương// Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh).- 2020 .- Số 43A .- Tr. 35-42.

**Nội dung:** Phân tích thực nghiệm ứng xử kháng cắt của dầm bê tông cốt thép bị ăn mòn, và sau đó được sữa chữa trong vùng uốn bằng bê tông cốt thép có sức kháng cắt tương đương với các mẫu đối chiếu.

**Từ khóa:** Thiết kế, thi công, dự án xây dựng

**156. Ước lượng chi phí xây dựng của các công trình trường Trung học trên địa bàn tỉnh Kiên Giang bằng phương pháp sửa đổi mô hình lập luận dựa vào tình huống (CBR) dựa trên hồi quy đa biến (MRA)/** Dương Lý Trí, Lê Hoài Long// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 87-93.

**Nội dung:** Mô hình CBR đã được sửa đổi bằng MRA và mô hình dự đoán chi phí xây dựng cho các dự án trường Trung học trên địa bàn tỉnh Kiên Giang có thể sử dụng trong giai đoạn lập báo cáo báo đề xuất chủ trương đầu tư dự án.

**Từ khóa**: Chi phí xây dựng, lập luận dựa vào tình huống, hồi quy đa biến

**157. Vai trò của hệ số sử dụng đất với mật độ đô thị/** ThS. Chử Đức Trung// Quy hoạch Xây dựng .- 2020 .- Số 106 .- Tr. 26-29.

**Nội dung:** Trình bày vai trò của hệ số sử dụng đất với mật độ đô thị.

**Từ khóa**: Đô thị, hệ số sử dụng đất, mật độ đô thị

**158. Vấn đề xác định khẩu độ thoát nước tối thiểu dưới cầu lớn và cầu trung trong thiết kế cầu vượt sông/** PGS. TS. Phạm Văn Thoan// Cầu đường Việt Nam .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 12-17.

**Nội dung:** Trình bày cơ sở lý thuyết, thiết lập trình tự tính toán và ví dụ minh họa việc tính toán xác định khẩu độ thoát nước tối thiểu dưới cầu lớn và cầu trung trong thiết kế cầu vượt sông.

**Từ khóa**: Khẩu độ cầu, hệ số thu hẹp dòng chảy, lưu lượng, lưu tốc, mực nước lũ thiết kế, thiết kế cầu vượt sông

**159. Xác định khả năng chịu lực của dầm bê tông cốt thép khi tiếp xúc với lửa theo tiêu chuẩn châu Âu EN 1992-1-2/** Khổng Trọng Toàn, Lê Đỗ Tiến Trí// Xây dựng .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 66-72.

**Nội dung:** Trình bày nguyên tắc chung và phương pháp xác định khả năng chịu lực của dầm bê tông cốt thép theo tiêu chuẩn châu Âu EN 1992-1-2 về kết cấu bê tông cốt thép trong điều kiện cháy.

**Từ khóa**: Dầm bê tông cốt thép, khả năng chịu lực, tiêu chuẩn châu Âu EN 1992-1-2

**160. Xác định vết nứt trong kết cấu hệ thanh bằng phân tích wavelet dừng và mạng trí tuệ nhân tạo đối với chuyển vị động/** GS. TS. Trần Văn Liên, ThS. Trần Bình Định, TS. Ngô Trọng Đức// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2020 .- Số 3 .- Tr. 3-8.

**Nội dung:** Trình bày các kết quả nghiên cứu mới về việc xác định vết nứt trong kết cấu hệ thanh như dầm liên tục, khung,… dựa trên phân tích wavelet dừng và mạng trí tuệ nhân tạo đối với chuyển vị động.

**Từ khóa**: Vết nứt, chuyển vị động, wavelet, mạng trí tuệ nhân tạo, độ cứng động lực

**161. Xây dựng bộ tiêu chí hướng dẫn xanh cho dự án khu đô thị mới tại Việt Nam/** ThS. Nguyễn Thanh Tú// Xây dựng .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 28-29.

**Nội dung:** Nguyên tắc chung khi xây dựng bộ tiêu chí; Những yếu tố cần chú trọng khi xây dựng tiêu chí đánh giá xanh cho công trình; Nguyên lý quy hoạch khu đô thị xanh.

**Từ khóa**: Bộ tiêu chí công trình xanh, khu đô thị mới, Việt Nam

**162. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số phục vụ công tác quản lý, khai thác các công trình cầu trên địa bàn Tp. Hà Nội do Sở GTVT Hà Nội quản lý/** PGS. TS. Ngô Văn Minh, ThS. Trần Văn Thanh// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 31-34.

**Nội dung:** Ứng dụng công nghệ quản lý dữ liệu số vào quản lý các công trình cầu, đưa ra cái nhìn toàn diện về hệ thống cầu của địa phương, đồng thời có thể cập nhật thông tin, mối quan hệ tương tác giữa nhà quản lý – người khai thác, đơn vị thiết kế, thi công trong quản lý kỹ thuật đối với các công trình cầu.

**Từ khóa**: Bản đồ cầu, cơ sở dữ liệu số, công trình cầu, Sở Giao thông vận tải Hà Nội

**163. Xây dựng mô hình mạng nơ-ron nhân tạo dự đoán sức kháng cắt của dầm bê tông cốt thép sợi polyme/** TS. Nguyễn Thùy Anh, ThS. Đoàn Lan Phương// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 35-40.

**Nội dung:** Đề xuất mô hình Al phù hợp để dự đoán sức kháng cắt của dầm bê tông có cốt thép dọc và cốt thép đai là thép FRP dựa trên bộ dữ liệu gồm 112 kết quả thí nghiệm đã được công bố trên các tạp chí uy tín. Cung cấp cho các kỹ sư xây dựng tài liệu tham khảo để xác định sức kháng cắt của dầm FRP-RC nhanh chóng và chính xác.

**Từ khóa**: Mạng nơ-ron nhân tạo, dầm bê tông cốt thép sợi polyme, sức kháng cắt

**164. Xu hướng công nghệ tương lai và ứng dụng BIM trong đào tạo ngành kỹ thuật cơ sở hạ tầng/** TS. Phạm Thị Minh Lành// Tuyển tập khoa học Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 58-61.

**Nội dung:** Giới thiệu; Các xu hướng công nghệ tương lai; Ứng dụng BIM trong lĩnh vực thiết kế hạ tầng đô thị; Định hướng đào tạo BIM hạ tầng; Kết luận.

**Từ khóa**: BIM, kỹ thuật cơ sở hạ tầng, công nghệ tương lai

**KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**1. Ảnh hưởng của chênh lệch kế toán thuế đến quyết toán và kiểm toán thuế thu nhập doanh nghiệp**/ Lê Thị Bảo Như, Nguyễn Thị Thu Hậu, Nguyễn Thị Khánh Vân// Tài chính.- 2020 .- Số 739 .- Tr. 52- 54.

**Nội dung:** Bài viết khái quát và làm rõ khái niệm chênh lệch kế toán thuế, bao gồm chênh lệch vĩnh viễn và chênh lệch tạm thời. Trên cơ sở đó phân tích ảnh hưởng của các chênh lệch đó đến công tác quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, cũng như các thủ tục kiểm toán cần được áp dụng khi kiểm toán khoản mục thuế thu nhập doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Chênh lệch kế toán thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp, quyết toán thuế, kế toán thuế

**2. Ảnh hưởng của chuẩn mực kế toán đến kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp**/ Phạm Thanh Trà// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 205 .- Tr. 78-82.

**Nội dung**: Tập trung nghiên cứu ảnh hưởng của chuẩn mực kế toán đến kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

**Từ khoá**: Kế toán chi phí, giá thành sản phẩm, chuẩn mực kế toán

**3. Ảnh hưởng của kế toán sáng tạo đến báo cáo tài chính**/ Nguyễn Văn Hòa// Tài chính .- 2020 .- Số 737 .- Tr. 63 – 66.

**Nội dung**: Bài viết trao đổi về những vấn đề liên quan đến kế toán sáng tạo, ảnh hưởng của kế toán sáng tạo đến báo cáo tài chính và đưa ra một số hàm ý đối với cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Kế toán sáng tạo, doanh nghiệp, báo cáo tài chính, công bố thông tin

**4. Ảnh hưởng của lý thuyết dự phòng đến việc vận dụng kế toán quản trị chi phí môi trường trong các doanh nghiệp**/ Đỗ Thị Lan Anh// Tài chính .- 2020 .- Số 737 .- Tr. 67 – 72.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các nhân tố thuộc lý thuyết dự phòng ảnh hưởng đến việc áp dụng kế toán quản trị chi phí môi trường tại các doanh nghiệp sản xuất ở Việt Nam. Nghiên cứu khảo sát 236 doanh nghiệp sản xuất ở Việt Nam bằng bảng câu hỏi và sử dụng mô hình hồi quy. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc việc áp dụng kế toán quản trị chi phí môi trường trong các doanh nghiệp sản xuất chỉ ở mức trung bình, các doanh nghiệp chưa chú trọng đến việc xác định, phân tích chi phí môi trường; việc sử dụng các thông tin chi phí môi trường trong quyết định quản trị chỉ ở mức thấp. Bên cạnh đó, ảnh hưởng của các nhân tố thuộc lý thuyết dự phòng đến việc áp dụng kế toán quản trị chi phí môi trường được giải thích có ý nghĩa thống kê.

**Từ khóa:** Lý thuyết dự phòng, kế toán quản trị, chi phí môi trường, chiến lược môi trường, công nghệ sản xuất tiên tiến

**5. Ảnh hưởng của việc triển khai hệ thống EPR đến các báo cáo kế toán quản trị**/ Trần Xuân Quân// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 202 .- Tr. 46-49.

**Nội dung**: Tổng hợp quan điểm của một số nghiên cứu trong và ngoài nước về vấn đề này, sau đó sử dụng công cụ phỏng vấn trực tiếp của nghiên cứu định tính. Với đặc điểm của đối tượng phỏng vấn là những người am hiểu về ERP và kế toán trong môi trường ERP tại VN gồm: kế toán trưởng tại các công ty đã thực hiện hệ thống ERP, nhân viên công ty cung cấp giải pháp ERP, các nhà nghiên cứu về ERP.

**Từ khoá**: Báo cáo kế toán quản trị, thông tin kế toán quản trị, chất lượng thông tin kế toán, ERP

**6. Áp dụng mô hình kế toán tinh gọn trong kinh doanh và một số đề xuất**/ Nguyễn Văn Hoà// Tài chính.- 2020 .- Số 732.- Tr.95 - 98.

**Nội dung:** Kế toán tinh gọn cung cấp thông tin một cách chính xác, kịp thời và có thể hiểu được một cách dễ dành nhất để cải tiến quá trình chuyển đổi và truyền thông giữa các bộ phận trong doanh nghiệp. Hơn thế nữa, mô hình này ứng dụng công cụ quản lý dòng chảy giá trị nhằm loại bỏ đi những lãng phí từ qui trình kế toán thông thường. Bài viết trao đổi về những vấn đề liên quan đến kế toán tinh gọn, từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm ứng dụng trong doanh nghiệp hiện nay.

**Từ khoá:** Kế toán tinh gọn, mô hình kế toán, dòng chảy giá trị, doanh nghiệp

**7. Áp dụng kế toán quản trị trong doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam**/ Trần Mai Đông// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 75 – 78.

**Nội dung**: Qua nghiên cứu vai trò kế toán quản trị trong doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam, bài viết đề xuất một số giải pháp giúp khối doanh nghiệp này vận dụng kế toán quản trị hiệu quả nhằm nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Kế toán quản trị, Tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**8. Áp dụng nguyên tắc kế toán quản trị toàn cầu trong doanh nghiệp xây dựng thủy lợi Việt Nam**/ Đào Thúy Hằng, Hoàng Thị Hải Yến// ài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.91 - 94.

**Nội dung:** Quản lý và kiểm soát ngân sách trong doanh nghiệp xây dựng thủy lợi là một công việc quan trọng, giúp các doanh nghiệp này đánh giá được tình hình hoạt động so với mục tiêu đặt ra và có phương hướng để cải thiện trong quá trình hoạt động. Tuy nhiên, để nhà quản trị doanh nghiệp xây dựng thủy lợi kiểm soát tốt hoạt động kinh doanh, cần có sự tham gia của kế toán quản trị và việc áp dụng những nguyên tắc kế toán quản trị toàn cầu trong quản lý và kiểm soát ngân sách của các doanh nghiệp xây dựng thủy lợi Việt Nam là cần thiết.

**Từ khoá:** Kế toán quản trị, xây lắp thủy lợi, nguyên tắc kế toán quản trị toàn cầu, kế toán tài chính.

**9. Áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý tại công ty chứng khoán : thực trạng và giải pháp**/ Nguyễn Tuấn Duy// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 203 .- Tr. 53-55.

**Nội dung**: Tổng hợp thực trạng khung pháp lý về giá trị hợp lý và thực trạng áp dụng giá trị hợp lý tại các công ty chứng khoán Việt Nam, đồng thời đề xuất một số nội dung cần tập trung hoàn thiện nhằm đẩy mạnh áp dụng giá trị hợp lý trong hệ thống kế toán doanh nghiệp nói chung và công ty chứng khoán nói riêng.

**Từ khoá**: Khung pháp lý, giá trị hợp lý, kế toán, công ty chứng khoán

**10. Bàn về thuế đối với hộ kinh doanh cá thể/** Nguyễn Thị Đoan Trang, Nguyễn Thị Quỳnh Giao// Tài chính.- 2020 .- Số 733.- Tr.32 - 34**.**

**Nội dung:** Hộ kinh doanh cá thể là một trong những hình thức kinh doanh đơn giản và phổ biến tại Việt Nam. Hộ kinh doanh cá thể được thành lập như thế nào, hoạt động ra sao và có giống doanh nghiệp tư nhân không là điều rất nhiều cá nhân mới kinh doanh rất quan tâm. Bài viết này bàn về các vấn đề liên quan đến hộ kinh doanh cá thể và qui định liên quan đến thuế phải nộp của hộ kinh doanh cá thể .

**Từ khoá:** Thuế, hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp tư nhân.

**11. Bàn về tính bình đẳng của thuế thu nhập cá nhân đối với người có thu nhập từ kinh doanh**/ PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu// Tài chính Doanh nghiệp .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 11-13.

**Nội dung**: Bài viết chỉ ra ít nhất 3 khía cảnh bất cập của chính sách khoán thuế thu nhập cá nhân trên doanh thu cả về mức khởi điểm chịu thuế cũng như tỷ lệ thuế khoán trên cơ sở so sánh với nghĩa vụ thuế của người có thu nhập từ tiền công, tiền lương và nghĩa vụ thuế tương đương trong trường hợp chuyển đổi thành doanh nghiệp. Đưa ra một số khuyến nghị để khắc phục.

**Từ khóa**: thuế thu nhập cá nhân, tính bình đẳng của thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập cá nhân đối với người có thu nhập từ kinh doanh

**12. Các nghiên cứu về trở ngại đối với thực hiện kiểm toán liên tục**/ Mai Thị Hoàng Minh, Đặng Đình Tân// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 206 .- Tr. 12-16.

**Nội dung**: Trình bày những trở ngại về tổ chức và hệ thống thông tin của doanh nghiệp, trở ngại về sự toàn vẹn của hệ thống thông tin của doanh nghiệp, trở ngại về nguồn lực tài chính của doanh nghiệp; trở ngại về năng lực chuyên moon của KTV, trở ngại về điều kiện pháp lý.

**Từ khoá**: Kiểm toán liên tục

**13. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính của đơn vị hành chính sự nghiệp tại tỉnh Bình Dương**/ Phạm Quốc Thuấn, Nguyễn Thị Lời// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 205 .- Tr. 11-17.

**Nội dung**: Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính của đơn vị hành chính sự nghiệp tại tỉnh Bình Dương. Nghiên cứu đã xác định mô hình hồi quy phản ánh tác động của 5 nhân tố đến CLTT BCTC bao gồm: mức độ tuan thủ chế độn kế toán HCSN; chất lượng nhân viên kế toán; mức độ thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ; cam két với tổ chức; ứng dụng công nghệ thông tin.

**Từ khoá**: Chất lượng báo cáo tài chính, đơn vị hành chính sự nghiệp, Bình Dương

**14. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán các ngân hàng do kiểm toán Nhà nước thực hiện**/ Nguyễn Đăng Khoa, Bùi Thu Hiền// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 205 .- Tr. 30-33.

**Nội dung**: Tìm hiểu và phát hiện các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán các ngân hàng do kiểm toán Nhà nước thực hiện trong giai đoạn 2015-2019. Phương pháp nghiên cứu dựa trên số liệu sơ cấp thu được từ 275 phiếu trả lời của các kiểm toán viên nhà nước đã thực hiện kiểm toán các ngân hàng và mô hình nghiên cứu hổi quy. Kết quả cho thấy, nhân tố về hệ thống kiểm soát chất lượng của kiểm toán nhà nước, phương pháp/ quy trình kiểm toán và nhân tố về chuyên môn của kiểm toán viên nhà nước là ba nhân tố tác động lớn nhất tới chất lượng kiểm toán. Từ đó, đề xuất một số khuyến nghị giải pháp nhằm nâng cao chất lượng kiểm toán của kiểm toán nhà nước trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Chất lượng kiểm toán, kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán nhà nước, ngân hàng

**15. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hữu hiệu kiểm soát nội bộ trong hoạt động tín dụng tại các chi nhánh Agribank khu vực TP. Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Xuân Lành// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/ 2020) .- Tr. 25-27.

**Nội dung**: Tác giả sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, nhằm xây dựng và kiểm định mô hình nghiên cứu các nhân tố tác động đến tính hữu hiệu kiểm soát nội bộ theo hướng quản trị rủi ro trong hoạt động tín dụng tại các chi nhánh Agribank khu vực TP. Hồ CHí Minh, từ đó có những kiến nghị nhằm nâng cao tính hữu hiệu kiểm soát nội bộ, góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động tín dụng của các đơn vị.

**Từ khoá**: kiểm soát nội bộ, tín dụng, ngân hàng Agribank

**16. Các nhân tố ảnh hưởng đến tính độc lập của kiểm toán viên khi đồng cung cấp dịch vụ phi kiểm toán cho khách hàng kiểm toán**/ Lê Thị Thu// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 206 .- Tr. 34-37.

**Nội dung**: Chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng đến tính độc lập của kiểm toán viên, khi đồng cung cấp dịch vụ phi kiểm toán cho khách hàng kiểm toán. Từ đó, đề xuất một số ý kiển nhằm nâng cao chất lượng kiểm toán.

**Từ khoá**: Chất lượng kiểm toán, tính độc lập, dịch vụ phi kiểm toán

**17. Các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng kế toán quản trị chiến lược trong doanh nghiệp sản xuất tại Bình Dương**/ Bùi Thị Trúc Quy, Huỳnh Thị Xuân Thùy, Phạm Bình An// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 207 .- Tr. 79-82.

**Nội dung**: Khảo lược những nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng kế toán quản trị chiến lược, từ đó vận dụng thuyết dự phòng để xây dựng mô hình và các giả thuyết nghiên cứu về sự ảnh hưởng của các nhân tố đến khả năng vận dụng SMA trong các doanh nghiệp sản xuất tại Bình Dương. Kết quả cho thấy có 4 nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng SMA theo mức độ từ cao đến thấp: chiến lược kinh doanh, trình đọ nhân viên kế toán, mức độ cạnh tranh, văn hóa công ty.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị chiến lược, doanh nghiệp sản xuất, SMA

**18. Các nhân tố ảnh hưởng tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng ngân hàng**/ Trương Nguyễn Tường Vy// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 202 .- Tr. 15-21.

**Nội dung**: Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng tại các ngân hàng thương mại cổ phần VN, sử dụng phương pháp khám phá nhân tố và hồi quy tuyến tính đa bội. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các nhân tố có ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng: môi trường kiểm soát, môi trường đánh giá, đánh giá rủi ro tín dụng, thông tin và truyền thông, hoạt động giám sát tín dụng; từ đó đưa ra một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng ngân hàng.

**Từ khoá**: Kiểm soát nội bộ, rủi ro tín dụng, ngân hàng thương mại

**19. Các nhân tố ảnh hưởng tơi chuyển đối báo cáo tài chính từ chuẩn mực kế toán Việt Nam sang chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế**/ Đào Ngọc Hà// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 208 .- Tr. 81-84.

**Nội dung**: Tập trung phân tích và kiểm tra nhằm tìm ra các nhân tố nào là nhân tố ảnh hưởng tới việc chuyển đổi báo cáo tài chính từ chuẩn mực kế toán Việt Nam sang chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. các nhân tố bao gồm: hệ thống pháp luật, môi trường văn hóa, hội nhập kinh tế, nhận thức của nhà quản trị, trình độ nhân viên kế toán.

**Từ khoá**: Báo cáo tài chính, IFRS, kế toán

**20. Các nguyên tắc thuế quốc tế cơ bản và hàm ý đối với Việt Nam/** Ngô Trí Trung// Tài chính .- 2020 .- Số 743 .- Tr.28 - 30.

**Nội dung:** Nắm bắt được bản chất của các nguyên tắc thuế quốc tế sẽ giúp cho các quốc gia, nhất là Việt Nam hạn chế các tác động tiêu cực từ việc đánh thuế trùng, hoặc giảm thiểu tốt đa việc đánh thuế trùng. Bài viết nghiên cứu một số nguyên tắc cơ bản, từ đó gợi ý những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam trong thực tiễn triển khai các cam kết thuế quốc tế.

**Từ khoá:** Nguyên tắc thuế cơ bản, quan hệ thuế quốc tế, hiệp định thuế.

**21. Các tiêu thức phân loại báo cáo kế toán trong doanh nghiệp**/ Nguyễn Văn Hoà// Tài chính .- 2020 .- Số 733 .- Tr.35 - 38.

**Nội dung:** Báo cáo kế toán là phương tiện để truyền tải, cung cấp thông tin kế toán đến các đối tượng sử dụng thông tin. Trong nền kinh tế thị trường, báo cáo kế toán là một yếu tố quan trọng trong quản lý hoạt động và được coi là hình ảnh đại diện uy tín của doanh nghiệp qua việc cung cấp các thông tin chính xác đến các bên liên quan. Việc hiểu rõ về báo cáo kế toán nói chung và phân loại kế toán của doanh nghiệp nói riêng sẽ giúp các nhà quản trị xây dựng hệ thống báo cáo kế toán phù hợp cho doanh nghiệp để đưa ra các biện pháp cải thiện chất lượng thông tin cung cấp trên báo cáo kế toán trong doanh nghiệp. Bài viết trao đổi về phân loại báo cáo kế toán trong hoạt động trong doanh nghiệp, từ đó đưa ra một số khuyết nghị.

**Từ khoá:** Báo cáo kế toán, doanh nghiệp, tình hình tài chính, báo cáo tài chính.

**22. Cải cách hệ thống kế toán công và áp dụng chuẩn mực kế toán khu vực công quốc tế tại Việt Nam**/ Mai Thị Hoàng Minh, Trương Thị Anh Đào// Tài chính .- 2020 .- Số 741 .- Tr. 60 – 63.

**Nội dung:** Bài viết xem xét nhu cầu cải cách hệ thống kế toán công ở Việt Nam một số quốc gia đang phát triển, thông qua việc áp dụng kế toán dồn tích dựa trên các chuẩn mực kế toán khu vực công quốc tế (IPSAS). Đồng thời, trên cơ sở nghiên cứu những thách thức của việc áp dụng IPSAS tại các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, bài viết trao đổi về khả năng áp dụng IPSAS và đưa ra một số khuyến nghị đối với Việt Nam trong quá trình quản lý tài chính công.

**Từ khóa:** IPSAS, cải cách kế toán chính phủ, cơ sở dồn tích, báo cáo tài chính

**23. Cấu trúc quản lý trong khu vực công và cơ sở pháp lý về kế toán công tại Việt Nam**/ Hà Quỳnh Mai// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 206 .- Tr. 38-41.

**Nội dung**: Khái quát về khu vực công trong nền kinh tế của một số quốc gia; khái quát về khu vực công của Việt Nam; cơ sở pháp lý về kế toán trong khu vực công của Việt Nam; trao đổi và thảo luận.

**Từ khoá**: Khu vực công, kế toán công

**24. Chất lượng kiểm toán độc lập trước yêu cầu hội nhập**/ Thịnh Văn Vinh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 206 .- Tr. 27-31.

**Nội dung**: Trình bày chất lượng kiểm toán và chất lượng kiểm toán độc lập; Các chị tiêu đánh giá chất lượng kiểm toán độc lập; các yếu tố tác động, ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán độc lập; sự cần thiết phải kông ngừng nâng cao chất lượng báo cáo tài chính của các công ty kiểm toán độc lập VN trong điều kiện hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0; giải pháp nâng cao chất lượng kiểm toán độc lập báo cáo tài chính.

**Từ khoá**: Kiểm toán độc lập, hội nhập

**25. Chế độ kế toán tiền lương và một số lưu ý đối với hạch toán tiền lương tại doanh nghiệp**/ Nguyễn Thị Sương// Tài chính .- 2019 .- Số 716 .- Tr. 82 – 84.

**Nội dung**: Bài viết trao đổi về hạch toán liên quan đến tiền lương trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, đồng thời đưa ra một số lưu ý để kế toán doanh nghiệp nắm rõ trong quá trình thực hiện.

**Từ khoá**: Kế toán doanh nghiệp, Kế toán tiền lương, Người lao động

**26. Chi phí mục tiêu - công cụ quản lý hữu hiệu trong các doanh nghiệp**/ Lê Thị Huyền Trâm// Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.109 - 111.

**Nội dung:** Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, các doanh nghiệp chịu sức ép cạnh tranh ngày càng lớn. Vì vậy, doanh nghiệp cần có nhiều thông tin về quản trị hơn để có thể xây dựng chiến lược cạnh tranh và kinh doanh có hiệu quả. Trong đó, việc lựa chọn sử dụng các phương pháp kế toán quản trị có ý nghĩa quan trọng đối với việc phát triển của doanh nghiệp. Phương pháp kế toán chi phí mục tiêu là một công cụ kế toán quản trị xác định chi phí sản xuất sản phẩm, dịch vụ có tính chính xác cao. Bài viết đánh giá vai trò của việc vận dụng phương pháp kế toán chi phí mục tiêu đối với các doanh nghiệp hiện nay.

**Từ khoá:** Kế toán quản trị, doanh nghiệp, chi phí mục tiêu, xác định chi phí.

**27. Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế: kinh nghiệm từ một số quốc gia trên thế giới/** Nguyễn Thị Phương Thanh, Nguyễn Trần Khánh// Tài chính.- 2020 .- Số 733.- Tr.45 - 47.

**Nội dung:** Việc áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) là điều kiện để đảm bảo các doanh nghiệp và tổ chức trên toàn thế giới áp dụng các nguyên tắc kế toán một cách thống nhất trong lập và trình bày báo cáo tài chính. Tuy nhiên, IFRS chỉ đưa ra những nguyên tắc chung, có tính chất khuyến cáo cho các quốc gia, không gắn trực tiếp với quốc gia nào. Vì vậy, khi triển khai áp dụng IFRS tại Việt Nam gặp khá nhiều khó khăn, vướng mắc. Nghiên cứu dưới đây chỉ ra kinh nghiệm khi áp dụng IFRS tại một số quốc gia, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

**Từ khoá:** Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, IFRS, báo cáo tài chính

**28. Chuẩn mực kế toán công quốc tế và sự hội tụ của kế toán hành chính sự nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Thị Minh Giang, Hoàng Thị Bích Ngọc// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 207 .- Tr. 36-39.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua việc so sánh, phân tích nhằm chỉ ra những điểm tương đồng cũng như những điểm khác biệt giữa chế độ kế toán HCSN Việt Nam và hệ thống CMKT công quốc tế để trên cơ sở đó đưa ra ý kiến đề xuất góp phần làm tăng tính hội tụ của kế toán khu vực công Việt Nam và các quy định kế toán quốc tế.

**Từ khoá**: Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, chuẩn mực kế toán công quốc tế, kế toán công Việt Nam

**29. Công cụ quản lý tài sản vô hình trong nền kinh tế tri thức**/ Trần Thị Thương, Nguyễn Thị Thủy, Hoàng Thị Mai Anh// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 202 .- Tr. 26-28.

**Nội dung**: Tổng hợp một số phương pháp quản lý tài sản vô hình để doanh nghiệp đạt được lợi thế cạnh tranh bền vững.

**Từ khoá**: Tài sản vô hình, vốn trí tuệ, quản lý, kinh tế tri thức

**30. Cơ sở ghi nhận kế toán áp dụng trong khu vực công ở một số quốc gia**/ Mai Thị Hoàng Minh, Đoàn Thị Thảo Uyên// Tài chính.- 2020 .- Số 739 .- Tr. 51- 54.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá, phân tích cơ sở kế toán áp dụng trong kế toán công của một số quốc gia và rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Kế toán công, cơ sở kế toán, báo cáo tài chính, chuẩn mực kế toán

**31. Đẩy mạnh ứng dụng kế toán xanh tại các doanh nghiệp Việt Nam/** Vũ Thị Minh, Nguyễn Thị Mai Hương// Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.79 - 81.

**Nội dung:** Kế toán xanh mang đến rất nhiều lợi ích không chỉ cho doanh nghiệp mà cả nền kinh tế đất nước. Ứng dụng kế toán xanh mang lại nhiều giá trị tích cực. Tuy nhiên, việc áp dụng tại việc Nam hiện nay vẫn còn nhiều khó khăn và hạn chế, do vậy, cần đẩy mạnh hơn nữa ứng dụng kế toán xanh trong các doanh nghiệp trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Kế toán xanh, doanh nghiệp, Việt Nam.

**32. Đề xuất mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua sản phẩm nhãn hàng riêng của người tiêu dùng tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thanh Mai// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 577 .- Tr. 95 – 97.

**Nội dung:** Bài viết đề xuất mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua sản phẩm nhãn hàng riêng của người tiêu dùng tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Nhãn hàng riêng, người tiêu dùng, Việt Nam

**33. Định hướng áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế IFRS 16 - thuê tài sản ở Việt Nam**/ Đỗ Minh Thoa// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 204 .- Tr. 24-30.

**Nội dung**: Tác giả làm rõ việc nghiên cứu chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế IFRS 16 về thuê tài sản, nhằm đưa ra những mặt còn tồn tại và định hướng hoàn thiện hệ thống pháp lý kế toán của VN về thuê tài sản trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. bài viết đưa ra những hạn chế và giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp lý kế toán thuê tài sản theo hướng hòa hợp với thông lệ của chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế với những tình huống vận dụng cụ thể.

**Từ khoá**: Thuê tài sản, kế toán, IFRS 16, VAS 06, IAS 17

**34. Định hướng hoàn thiện kế toán quản trị chi phí trong các doanhn ghiệp Bưu Chính Việt Nam hiện nay**/ Ngô Tiến Dũng, La Văn Thịnh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 209 .- Tr. 39-41.

**Nội dung**: Trình bày những mặt tồn tại về Kế toán quản trị chi phí trong các doanhn ghiệp Bưu Chính Việt Nam; yêu cầu hoàn thiện kế toán quản trị chi phí hoạt động trong các doanhn ghiệp Bưu Chính Việt Nam; Phương hướng hoàn thiện kế toán quản trị chi phí trong các doanhn ghiệp Bưu Chính Việt Nam hiện nay.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị chi phí, doanhn ghiệp Bưu Chính

**35. Giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý tài chính đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh**/ Lâm Thị Trúc Linh// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 204 .- Tr. 29-33.

**Nội dung**: Đánh giá chất lượng công tác quản lý tài chính, công tác kế toán tại đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh. Cơ sở dữ liệu gồm 62 đơn vị. Kết quả cho thấy những ưu điểm, hạn chế trong công tác quản lý tài chính, công tác kế toán tại đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh. Từ đó, tác giả đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý tài chính đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh.

**Từ khoá**: Chất lượng công tác quản lý tài chính, đchất lượng công tác kế toán

**36. Giải pháp nâng cao chất lượng kiểm toán ngân sách nhà nước tại các bộ, cơ quan trung ương**/ Nguyễn Hữu Hiếu// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 08 – 10.

**Nội dung**: Để nâng cao chất lượng kiểm toán ngân sách nhà nước tại các bộ, cơ quan trung ương, Kiểm toán Nhà nước cần tăng cường công tác phân tích, đánh giá tính kinh tế, hiệu quả, hiệu lực trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, chú trọng xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ kiểm toán và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ hoạt động kiểm toán.

**Từ khoá**: Ngân sách nhà nước, Kiểm toán nhà nước, Kiểm toán, Quyết toán.

**37. Giải pháp tăng cưởng kiểm toán công nghệ thông tin tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Phương Mai// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 204 .- Tr. 21-24.

**Nội dung**: Bài viết nhấn mạnh vai trò của kiểm toán CNTT trong các ngân hàng thương mại và khái quát thực trạng hoạt động này tại các NHTM VN. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất các giải pháp tăng cưởng kiểm toán công nghệ thông tin tại các ngân hàng thương mại, giai đoạn 2020-2025.

**Từ khoá**: Công nghệ thông tin, kiểm toán, ngân hàng thương mại Việt Nam

**38. Giải pháp vận dụng kế toán xanh gắn với phát triển bền vững ở Việt Nam**/ Nguyễn Văn Hòa// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 207 .- Tr. 32-35.

**Nội dung**: Trao đổi về thách thức, rào cản trong vận dụng kế toán xanh, qua đó khuyến nghị một số giải pháp nhằm phát triển và vận dụng kế toám xanh tại Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khoá**: Kế toán xanh, kế toán môi trường, phát triển bền vững

**39. Gian lận và các kỹ thuật thực hiện gian lận đối với khoản mục doanh thu được kế toán theo IFRS**/ Lê Vũ Ngọc Thanh, Hoàng Trọng Hiệp// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 207 .- Tr. 26-31.

**Nội dung**: Khái quát về gian lận trên báo cáo tài chinh, các nguyên tắc ghi nhận doanh thu theo chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB, 2015), các hình thức gian lận đối với doanh thu và các kỹ thuật được áp dụng (ACFE, 2017), kỹ thuật gian lận cụ thể ddoiis với doanh thu.

**Từ khoá**: Gian lận báo cáo tài chính, khoản mục doanh thu, IFRS

**40. Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên**/ Dương Thị Luyến, Nguyễn Thị Thu Huyền// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 105 – 107.

**Nội dung**: Bài viết phân tích thực trạng tổ chức kế toán tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác này trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, tổ chức kế toán, hạch toán

**41. Hoàn thiện kế toán quản trị hàng tồn kho trong các doanh nghiệp ngành thuỷ sản tại Việt Nam/** Lê Thị Huyền Trâm, Đinh Thị Thu Hiền// Tài chính.- 2020 .- Số 732.- Tr.102 -104.

**Nội dung:** Trong các doanh nghiệp, hàng tồn kho luôn là khoản mục tài sản chiếm tỷ trọng lớn có ảnh hưởng quyết định đến cấu trúc tài chính và hiệu quả hoạt động của đơn vị trong chu kỳ kinh doanh. Đối với các doanh nghiệp thuỷ sản Việt Nam hiện nay, nhìn chung công tác quản lý hàng tồn kho chưa được quan tâm đúng mức, nên chưa cung cấp thông tin kịp thời cho nhà quản trị. Hệ thống kế toán hàng tồn kho chủ yếu phục vụ trong kế toán tài chính. Bài viết đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán quản trị hàng tồn kho trong các doanh nghiệp ngành thuỷ sản Việt Nam.

**Từ khoá:** Kế toán quản trị, hàng tồn kho, doanh nghiệp, thuỷ sản.

**42. Hoàn thiện kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ du lịch Phú Hải**/ Nguyễn Hòa Thuận, Nguyễn Thị Đức Loan// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 206 .- Tr. 63-66.

**Nội dung**: Thực trạng công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ du lịch Phú Hải; Hoàn thiện kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ du lịch Phú Hải.

**Từ khoá**: Kế toán tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh

**43. Hoàn thiện kiểm soát nội bộ trong quản lý thu chi ngân sách tại huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương**/ Phạm Quốc Thuần, Huỳnh Thúy Kiều// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 207 .- Tr. 51-57.

**Nội dung**: Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức độ thực hiện kiểm soát nội bộ được đánh giá ở mức độ chấp nhận được, với ố điểm là 3,6448/ 5 điểm.

**Từ khoá**: Kiểm soát nội bộ, quản lý thu chi ngân sách, đơn vị hành chính sự nghiệp

**44. Kế toán các khoản tạm chi và tạm ứng tại đơn vị hành chính sự nghiệp**/ Lương Thị Yến// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 79 – 81.

**Nội dung**: Bài viết trao đổi việc áp dụng các tài khoản trong công tác kế toán đối với các khoản tạm chi và tạm ứng, từ đó đề xuất một số vấn đề cần lưu ý trong triển khai hoạt động này.

**Từ khoá**: Kế toán, Tạm chi, Tạm ứng, Đơn vị hành chính sự nghiệp.

**45. Kế toán điều tra và kỹ năng của kế toán điều tra**/ Lâm Thị Trúc Linh// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 205 .- Tr. 23-24.

**Nội dung**: Trình bày định nghĩa, vai trò và các kỹ năng quan trọng để trở thành kế toán điều tra.

**Từ khoá**: Kế toán điều tra, kỹ năng của kế toán điều tra

**46. Kế toán môi trường tại các doanh nghiệp và một số đề xuất**/ Nguyễn Thị Quỳnh Hương// Tài chính .- 2020 .- Số 730.- Tr. 120 – 122.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá khái quát về vai trò, sự cần thiết của kế toán môi trường trong doanh nghiệp; vướng mắc trong áp dụng kế toán môi trường tại doanh nghiệp và gợi mở một số đề xuất phát triển hoạt động này trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Kế toán môi trường, doanh nghiệp , phát triển bền vững, quản trị

**47. Kế toán quản trị chi phí tại doanh nghiệp chế biến gỗ khu vực Nam Trung Bộ : thực trạng và giải pháp**/ Lê Văn Tân// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 205 .- Tr. 50-54.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng kế toán quản trị chi phí tại doanh nghiệp chế biến gỗ khu vực Nam Trung Bộ, thống qua phỏng vấn và khảo sát bằng bảng hỏi điều tra với nhà quản trị của 120 doanh nghiệp. Từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí nhằm tăng cường khả năng kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng chi phí tại các doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị chi phí, doanh nghiệp chế biến gỗ, khu vực Nam Trung Bộ

**48. Kế toán quản trị chiến lược và khả năng vận dụng vào các doanh nghiệp tại Việt Nam**/ Nguyễn Văn Hòa// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 206 .- Tr. 21-24.

**Nội dung**: Giới thiệu các quan điểm về kế toán quản trị chiến lược, vai trò thông tin kế toán quản trị chiến lược đối với các chức năng quản trị chiến lược, từ đó nêu ra một số vấn đề vận dụng kế toán quản trị trong các doanh nghiệp tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, doanh nghiệp, kế toán quản trị chiến lược

**49. Kế toán quản trị và vai trò trong các doanh nghiệp hiện nay**/ Đào Thị Thanh Thuý// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 578 .- Tr. 25 – 27.

**Nội dung:** Hiện nay, kế toán quản trị đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các thông tin mà kế toán quản trị cung cấp sẽ là yếu tố then chốt giúp nhà quản lý hoạch định công việc giám sát và điều hành doanh nghiệp một cách hiệu quả. Đó cũng chính là những cơ hội và thách thức không nhỏ mở ra cho nghề kế toán hiện nay.

**Từ khóa:** Kế toán quản trị, doanh nghiệp

**50. Kế toán thuế thu doanh nghiệp hoãn lại tại doanh nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Thị Hồng Hạnh// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 202 .- Tr. 29-31.

**Nội dung**: Làm sáng tỏ thêm việc thực hiện kế toán thuế thu nhập hoãn lại, giúp các doanhn ghiệp hoạch định thuế, xem xét lại vấn đề nộp thuế, lập báo cáo tài chính.

**Từ khoá**: Kế toán thuế thu nhập, thuế thu nhập doanh nghiệp

**51. Kế toán trích lập dự phòng theo Thông tư 48/ 2019/ TT-BTC**/ Trần Thị Ngọc Cẩm// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 204 .- Tr. 55-58.

**Nội dung**: Trình bày các phương pháp tương ứng với từng nội dung dự phòng của Thông tư 48/ 2019/ TT-BTC. Từ đó giúp kế toán có cái nhìm toàn diện trong việc trích lập và xử lý dự phòng nhằm thực hiện tốt nghĩa vụ ngân sách cũng như công việc kế toán tại đơn vị.

**Từ khoá**: Kế toán trích lập dự phòng, Thông tư 48/ 2019/ TT-BTC

**52. Kế toán xuất nhập khẩu ủy thác, những điểm cần lưu ý**/ Lê Thị Thu Hương// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 207 .- Tr. 66-68.

**Nội dung**: Trình bày những điểm cần lưu ý khi các doanh nghiệp cá nhân hoạt động xuất nhập khẩu cần năm vững nghiệp vụ kế toán xuất nhập khẩu ủy thác.

**Từ khoá**: Kế toán xuất nhập khẩu ủy thác

**53. Khả năng áp dụng IFRS của các doanh nghiệp phi tài chính trên sàn chứng khoán : nhìn từ lý thuyết hành vi có kế hoạch**/ Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Phạm Huỳnh Lan Vi// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 205 .- Tr. 65-70.

**Nội dung**: Khảo sát 273 doanh nghiệp, với các phương pháp kiểm định gồm Cronbach's Alpha, phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) và hồi quy tuyến tính đa biến được sử dụng trong nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, có 4 nhân tố tác động đến khả năng áp dụng IFRS của các doanh nghiệp phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán VN, gồm thái độ nhà quản trị, chi phí, hội nhập kinh tế, trình độ của kế toán viên, trong đó nhân tố chi phí tác động theo chiều tiêu cực và có mức độ ảnh hưởng mạnh nhất.

**Từ khoá**: Chuẩn mực kế toán quốc tế, khả năng áp dụng, lý thuyết hành vi

**54. Khác biệt về kế toán doanh nghiệp xây lắp tại Việt Nam**/ Nguyễn Thanh Tùng, Nguyễn Văn Bảo// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 205 .- Tr. 58-61.

**Nội dung**: Phân tích sự khác biệt về kế toán doanh nghiệp xây lắp nói riêng và công tác quản lý nói chung giữa các doanh nghiệp xây lắp và doanh nghiệp thuộc ngành nghề khác. Trên cơ sở đó, tác giả lưu ý về những vấn đề cần nắm vưng trong công tác quản lý, đặc biệt là những lưu ý về công tác kế toán tại các doanh nghiệp xây lắp hiện nay.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp xây lắp, công tác kế toán, hợp đồng

**55. Kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán độc lập ở Việt Nam/** Ninh Thị Thúy Ngân// Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.76 - 78.

**Nội dung:** Kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán độc lập bao gồm việc kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán và giám sát hoạt động của các doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề trong quá trình cung cấp dịch vụ kiểm toán độc lập. Việt Nam đã và đang ngày càng hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế toàn cầu, đòi hỏi phải phát triển một thị trường dịch vụ kiểm toán độc lập mạnh cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu các cam kết thương mại quốc tế. Do vậy, việc đảm bảo, duy trì chất lượng và hiệu quả hoạt động của dịch vụ kiểm toán độc lập là yêu cầu tất yếu. Thực tế đó đặt ra yêu cầu cần tăng cường công tác kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán độc lập.

**Từ khoá:** Kiểm toán độc lập, chất lượng kiểm toán, dịch vụ kiểm toán, tài chính.

**56. Kiểm soát chi ngân sách nhà nước đối với lĩnh vực giáo dục đào tạo tại Kho bạc Nhà nước Bắc Kạn/** Trương Thu Hương// Tài chính.- 2020 .- Số 732.- Tr.73 - 75.

**Nội dung:** Luật Ngân sách nhà nước đã đi vào cuộc sống và đạt nhiều kết quả quan trọng trong quản lý kiểm soát chi ngân sách nhà nước, góp phần xây dựng nền tài chính quốc gia vững mạnh, tăng tích luỹ để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đạt được những kết quả đó, một trong những qui trình quản lý có sự tham gia của công tác quản lý kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước đã có những chuyển biến tích cực. Bài viết phân tích những kết quả đã đạt được, công tác kiểm soát chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực giáo dục đào tạo qua Kho bạc Nhà nước Bắc Kạn, nêu ra một số hạn chế và đề xuất các giải pháp để hoàn thiện kiểm soát chi ngân sách nhà nước

**Từ khoá:** Kiểm soát chi, ngân sách nhà nước, Kho bạc Nhà nước, giáo dục đào tạo.

**57. Kiểm toán độc lập và vai trò trong nền kinh tế thị trường**/ Phạm Thị Hương// Tài chính .- 2019 .- Số 717 .- Tr. 56 – 58.

**Nội dung**: Nền kinh tế thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh cần phải có thông tin chính xác, kịp thời và tin cậy. Bài viết phân tích làm rõ hơn về vai trò, tầm quan trọng của kiểm toán độc lập trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

**Từ khóa**: Kiểm toán độc lập, Kinh tế thị trường, Doanh nghiệp, Sản xuất kinh doanh

**58. Kiểm tra kế toán các đơn vị dự toán trong quân đội hiện nay**/ Phạm Bính Ngọ// Tài chính .- 2020 .- Số 731.- Tr. 35 – 37.

**Nội dung:** Bài viết khái quát về vai trò của kiểm tra kế toán và đánh giá toàn diện tình hình công tác kế toán của các đơn vị dự toán trong quân đội hiện nay.

**Từ khóa:** Kiểm tra kế toán, công tác kế toán, dự toán, quốc phòng

**59. Kiểm tra tài liệu kế toán doanh nghiệp sau thông quan của một số quốc gia**/ Nguyễn Văn Hậu// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 202 .- Tr. 22-25.

**Nội dung**: Đề cập đến kinh nghiệm về kiểm tra tài liệu kế toán, doanh nghiệp, sau thông quan của một số nước và bài học kinh nghiệm cho cơ quan hải quan Việt Nam,

**Từ khoá**: Kiểm tra tài liệu kế toán, doanh nghiệp, sau thông quan

**60. Lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trong các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con (kỳ 1)/**  Lê Thị Yến Oanh, Ngô Văn Lượng// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 204 .- Tr. 38-44.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trong các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

**Từ khoá**: Báo cáo tài chính hợp nhất, mô hình công ty mẹ - công ty con

**61. Lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trong các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con (kỳ 2)/**  Ngô Thế Chi, Vũ Thị Hằng Nga// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 205 .- Tr. 20-24.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trong các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

**Từ khoá**: Báo cáo tài chính hợp nhất, mô hình công ty mẹ - công ty con

**62. Lựa chọn mô hình kế toán quản trị chi phí trong các cơ sở đào tạo Đại học Công lập Việt Nam**/ Ngô Thị Thùy Quyên// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 209 .- Tr. 25-29.

**Nội dung**: Bài viết làm rõ đặc điểm hoạt động và thực trạng Kế toán quản trị chi phí trong các cơ sở đào tạo Đại học Công lập; đồng thời giới thiệu các mô hình kế toán quản trị chi phí chủ yếu; qua đó giúp nhà quản trị cơ sở đào tạo Đại học Công lập lựa chọn, xây dựng mô hình chi phí cho CS ĐT của mình một cách phù hợp và hiệu quả nhất.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị chi phí, cơ sở đào tạo, Đại học Công lập, Việt Nam

**63. Lĩnh vực kiểm toán nhà nước trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0**/ Ninh Thị Thúy Ngân// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 62 – 64.

**Nội dung**: Bài viết trao đổi về những cơ hội và thách thức, đồng thời đưa ra một số kiến nghị để ngành Kiểm toán Nhà nước tận dụng những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

**Từ khóa**: Kiểm toán nhà nước, Cách mạng công nghiệp 4.0, Dữ liệu lớn, Kiểm toán viên, Báo cáo tài chính.

**63. Lý luận và thực tiễn về kế toán quản trị trong doanh nghiệp**/ Nguyễn Thị Kim Ngân// Tài chính.- 2020 .- Số 741 .- Tr. 77- 79.

**Nội dung:** Bài viết tập trung nghiên cứu một số vấn đề lý luận về kế toán quản trị để làm rõ hơn nhận thức về bộ phận kế toán này. Về lý luận, kế toán quản trị thuộc hệ thống kế toán cung cấp các thông tin đáp ứng chức năng quản trị. Để quản trị đạt hiệu quả, nhà quản trị đó cần có quan điểm, nhận thức đúng đắn về vai trò của kế toán quản trị. Bài viết thảo luận kinh nghiệm thực tiễn từ Mỹ, Pháp và chỉ ra các bài học cho doanh nghiệp của Việt Nam.  
**Từ khóa:** Kế toán, kế toán quản trị, chức năng quản trị, doanh nghiệp, cung cấp thông tin

**64. Mô hình toán học về sai phạm kiểm toán và một số phương pháp ước lượng giá trị tiền tệ của sai phạm kiểm toán báo cáo tài chính**/ Khuất Quang Thành, Mai Thị Thu Trang// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 206 .- Tr. 40-45.

**Nội dung**: Trình bày mô hình toán học về sai phạm kiểm toán; một số quy luật phân phối xác suất của sai phạm kiểm toán; một số phương pháp ước lượng giá trị tiền tệ của sai phạm kiểm toán báo cáo tài chính.

**Từ khoá**: Mô hình toán học, sai phạm kiểm toán, ước lượng giá trị tiền tệ

**65. Mối quan hệ giữa các thành phần của hệ thống kiểm soát nội bộ với mục tiêu kiểm soát tại các đài phát thanh truyền hình**/ Nguyễn Hữu Tấn, Trần Đình Khôi Nguyên// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 207 .- Tr. 40-45.

**Nội dung**: Xây dựng mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến mục tiêu kiểm soát tại các đài phát thanh - truyền hình cấp tỉnh tại Việt Nam. Thông qua khảo sát cán bộ quản lý tại các đài phát thanh - truyền hình bằng phương pháp phân tích nhân tố và phân tích hồi quy, kết quả phân tích đã chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến tính tin cậy báo cáo tài chính, mục tiêu chính trị và tính hiệu quả về tài chính ở các đài. Đây là những gợi ý để đưa ra các hàm ý chính sách nhằm nâng cao tính hữu hiệu trong công tác kiểm soát nội bộ tại các đài trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Kiểm soát nội bộ, tính hữu hiệu, phát thanh - truyền hình

**66. Mối liên hệ giữa hệ thống thông tin kế toán quản trị với quản trị doanh nghiệp**/ Nguyễn Thị Mai Lê// Tài chính.- 2020 .- Số 739 .- Tr. 48 – 51.

**Nội dung:** Bài viết khái quát và phân tích hệ thống thông tin kế toán quản trị trong mối liên hệ với các nội dung của quản trị doanh nghiệp, qua đó giúp doanh nghiệp hiểu rõ và vận dụng hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.

**Từ khóa:** Kế toán quản trị, thông tin kế toán, tài chính, doanh nghiệp

**67. Một số vấn đề lý luận về kế toán điều tra tại Việt Nam**/ Trần Ngọc Diệp// Tài chính .- 2020 .- Số 737 .- Tr. 73 – 76.

**Nội dung:** Nghiên cứu này khái quát một số vấn đề lý luận về kế toán điều tra và kết quả khảo sát về dịch vụ kế toán điều tra tại Việt Nam, từ đó đưa ra kết luận về mức độ hình thành, khó khăn và thuận lợi trong vận dụng kế toán điều tra tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Kế toán điều tra, dịch vụ kế toán điều tra, kiểm toán, điều tra gian lận

**68. Một số vấn đề về kê khai thuế giá trị gia tăng đối với hàng bán bị trả lại/** Trương Thu Hương// Tài chính.- 2020 .- Số 732.- Tr.73 -75.

**Nội dung:** Trong quá trình bán hàng hoá, việc khách hàng trả lại hàng hoá do các nguyên nhân khác nhau là việc thường gặp trong thực tiễn. trong trường hợp này người bán hàng phải xử lý thế nào? Kê khai thuế đối với hàng bán bị trả lại thế nào? Đây là những vấn đề đặt ra đối với công tác kế toán phải xử lý, đảm bảo qui định của Nhà nước. Để hướng dẫn doanh nghiệp kê khai thuế giá trị gia tăng đối với hàng bán bị trả lại theo đúng qui định, mới đây, Tổng cục Thuế đã ban hành công văn số 1788/ TCT - DNL về kê khai thuế giá trị gia tăng và hàng bị trả lại, kê khai thuế hàng bị trả lại.

**Từ khoá:** Thuế giá trị gia tăng, hàng bán bị trả lại, hàng hoá, kế toán, sản phẩm.

**69. Một số vấn đề về kế toán sáng tạo trong doanh nghiệp**/ Hoàng Mỹ Bình// Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.82 - 84.

**Nội dung:** Kế toán sáng tạo đang ngày càng trở nên phổ biến và được nhiều doanh nghiệp quan tâm. Việc áp dụng kế toán sáng tạo có thể là tích cực hoặc tiêu cực tùy thuộc vào mức độ và mục đích sử dụng của doanh nghiệp. Tuy nhiên, ranh giới giữa kế toán sáng tạo và gian lận kế toán là rất khó xác định. Vì vậy, các nhà quản trị doanh nghiệp cần hạn chế tối đa sử dụng kế toán sáng tạo với mục đích che dấu thông tin thực về tình hình của đơn vị để tránh sai phạm không đáng có.

**Từ khoá:** Kế toán sáng tạo, doanh nghiệp, chuẩn mực, sai phạm.

**70. Nâng cao chất lượng, lợi ích của hóa đơn điện tử tại doanh nghiệp**/ Lý Lan Yên, Nguyễn Thị Ngọc Hiếu// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 205 .- Tr. 46-49.

**Nội dung**: Trình bày khái quát về những quy định pháp lý liên quan, thực trạng thực hiện sử dụng hóa đơn điện tử tại các doanh nghiệp ở VN, từ đó các giải pháp nằm nâng cao chất lượng ứng dụng hóa đơn điện tử trong DN hiện nay.

**Từ khoá**: Lợi ích của hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử, doanh nghiệp

**71. Nâng cao hiệu quả tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp**/ Nguyễn Văn Hòa// Tài chính .- 2020 .- Số 730.- Tr. 105- 108.

**Nội dung**: Bài viết khái quát về các quy định liên quan đến tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp hiện nay, đồng thời kiến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Công tác kế toán, doanh nghiệp, tài chính doanh nghiệp

**72. Nâng cao hiệu quả ứng dụng kế toán quản trị chi phí tại công ty Cổ phần Thiết kế và Xây lắp Dầu khí Phú Sĩ**/ Phạm Thị Phượng, Mai Thị Bạch Tuyết// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 203 .- Tr. 65-70.

**Nội dung**: Bài viết đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thieenjcoong tác tổ chức kế toán quản trị chi phí tại công ty Cổ phần Thiết kế và Xây lắp Dầu khí Phú Sĩ.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị chi phí, quản trị chi phí

**73. Nâng cao kế toán trách nhiệm tại các doanh nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Thị Hồng Yến, Dương Công Hiệp// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 82 – 84.

**Nội dung**: Bài viết làm rõ thực trạng công tác kế toán trách nhiệm trong các doanh nghiệp Việt Nam và đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao sự phát triển và ứng dụng kế toán trách nhiệm tại các doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Kế toán trách nhiệm, Kế toán quản trị, Doanh nghiệp

**74. Nâng cao tính độc lập kiểm toán viên tiếp cận từ đơn vị được kiểm toán/** Lê Đoàn Minh Đức// Tài chính.- 2020 .- Số 740 .- Tr. 93 – 95.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu về tính độc lập kiểm toán theo hướng tiếp cận cảm nhận của đơn vị được kiểm toán với kỳ vọng lấp đầy khoảng trống lý luận và thực tiễn. Thông qua nhận diện các nhân tố, thu thập và kiểm định 110 quan sát từ các kế toán trưởng và giám đốc của đơn vị được kiểm toán, kết quả nghiên cứu cho thấy, trong khi nhân tố quy mô công ty kiểm toán làm gia tăng đáng kể tính độc lập kiểm toán thì các nhân tố nhiệm kỳ kiểm toán, mối quan hệ tương tác giữa kiểm toán viên với các nhân sự chủ chốt lại làm suy giảm tính độc lập kiểm toán. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao tính độc lập kiểm toán.

**Từ khóa:** Tính độc lập kiểm toán, đơn vị được kiểm toán, hướng tiếp cận cảm nhận

**75. Nâng cao ý thức nghiên cứu chuẩn mực kế toán, kiểm toán cho sinh viên ngành kế toán, kiểm toán**/ An Thị Thư, Dương Thị Luyến// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 210 – 212.

**Nội dung**: Nghiên cứu các lý do khiến chuẩn mực kế toán, kiểm toán có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động kế toán, kiểm toán; Vấn đề, cách thức nghiên cứu hệ thống chuẩn mực kế toán, kiểm toán trong quá trình học tập.

**Từ khoá**: Chuẩn mực kế toán, kiểm toán, luật kế toán, kiểm toán

**76. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ áp dụng kế toán quản trị chi phí môi trường trong các doanh nghiệp sản xuất xi măng Việt Nam**/ Ngô Thị Thu Hương, Vũ Thị Thanh Tú// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 205 .- Tr. 42-48.

**Nội dung**: Tập trung xem xét về kế toán quản trị chi phí môi trường (ECMA) trong các doanh nghiệp sản xuất xi măng Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng để xem xét mức độ áp dụng ECMA của các DN này, xác định nhân tố ảnh hưởng đến mức độ áp dụng ECMA, đánh giá về quan điểm của đối tượng được khảo sát về lợi ích của việc áp dụng ECMA. Phương pháp định tính được sử dụng nhằm hỗ trợ cho các kết luận cũng như làm rõ hơn quan điểm của nhà quản lý về việc áp dụng ECMA. Các kết quả và kết luận nghiên cứu sẽ tạo nên cơ sở vững chắc để bài viết đưa r giải pháp và khuyến nghị thực hiện ECMA cho các DNSX xi măng Việt Nam.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị môi trường, Kế toán quản trị chi phí môi trường, doanh nghiệp sản xuất xi măng Việt Nam

**77. Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin tài chính của các doanh nghiệp đồ uống niêm yết**/ Phạm Thị Bích Thu// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/ 2020) .- Tr. 28-30.

**Nội dung**: Nghiên cứu sử dụng dữ liệu bảng về các doanh nghiệp đồ uống niêm yết trong khoản thời gian từ năm 2016-2019, nhằm đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố đến mức độ công bố thông tin tài chính của các doanh nghiệp.

**Từ khoá**: nhân tố ảnh hưởng, thông tin tài chính, doanh nghiệp

**78. Nghiên cứu sự khác biệt giữa hệ thống kế toán và luật thuế ở Việt Nam**/ Mai Ngọc Anh, Nguyễn Thu Hiền// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 208 .- Tr. 26-30.

**Nội dung**: Tập trung phân tích để tìm ra sự khác biệt giữa hệ thống kế toán và luật thuế ở Việt Nam, từ đó nghiên cứu đưa ra các nguyên tắc phối hợp nhằm giảm thiểu hơn nữa sự khác biệt giữa hệ thống kế toán và luật thuế.

**Từ khoá:** Hệ thống kế toán, luật thuế, doanh nghiệp, nguyên tắc, khác biệt

**79. Nghiên cứu tác động của chất lượng thông tin kế toán đến quá trình ra quyết định của doanh nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Quỳnh Trang// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 142 .- Tr. 33-44.

**Nội dung**: Nghiên cứu đã được thực hiện tại 77 DN sản xuất trên địa bàn các thành phố Hà Nội, Hải Dương, Bắc Ninh, Hải Phòng, Ninh Bình với 177 bảng hỏi sử dụng được từ 265 phiếu được gửi tới các nhà quản trị (NQT) cấp cao và những người phụ trách công tác kế toán nhằm tìm hiểu tác động của các đặc tính chất lượng thông tin kế toán (CLTTKT) đến quá trình ra quyết định của DN. Kết quả phân tích cho thấy cả 4 đặc tính CLTTKT trong mô hình nghiên cứu đề xuất đều có tác động cùng chiều với quá trình ra quyết định của DN với mức độ tác động lớn nhất là tính hiệu quả, tiếp đó là các đặc tính hữu hiệu, kịp thời, bảo mật và toàn vẹn. Từ kết quả nghiên cứu này, tác giả đã đưa ra một số khuyến nghị cần thiết nhằm nâng cao CLTTKT, đáp ứng tốt hơn cho quá trình ra quyết định của các DN Việt Nam trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

**Từ khoá**: Chất lượng thông tin kế toán, quá trình ra quyết định, doanh nghiệp Việt Nam

**80. Nghiên cứu về kế toán hạch toán chiết khấu thương mại/ Trần Thị Lan Hương /** Tài chính.- 2020 .- Số 732.- Tr.105 -107.

**Nội dung:** Chiết khấu thương mại là loại chiết khấu mà nhiều doanh nghiệp Việt Nam sử dụng để thu hút khách hàng.Tuy nhiên, trong thực tế vấn đề bên bán chiết khấu thương mại cho bên mua còn có nhiều trường hợp khác nhau, do vậy việc hoạch toán kế toán và xuất hoá đơn giá trị gia tăng đối với những trường hợp như thế nào là vấn đề mà doanh nghiệp và những người làm công tác kế toán cần quan tâm. Bài viết đi sâu nghiên cứu thực tiễn kế toán chiết khấu thương mại, qua đó giúp những người trực tiếp và gián tiếp làm công tác kế toán hiểu và hoạch toán hiệu quả khoản chiết khấu này trong thực tiễn.

**Từ khoá:** Chiết khấu thương mại, hạch toán kế toán, hoá đơn giá trị gia tăng, kế toán, thương mại.

**81. Nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán quản trị chi phí**/ Nguyễn Thị Kim Ngân// Tài chính.- 2020 .- Số 741 .- Tr. 83- 85.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán quản trị chi phí cung cấp cho nhà quản trị. Qua nghiên cứu tổng quan các tài liệu, tác giả xác định được các nhân tố có ảnh hưởng đến chất lượng thông tin cung cấp cho nhà quản trị bao gồm: Các nhân tố tổ chức con người, các nhân tố tổ chức các quy trình và hướng dẫn sử dụng, các nhân tố của việc tổ chức dữ liệu, các nhân tố của việc tổ chức lựa chọn và sử dụng phần mềm, các nhân tố tổ chức hạ tầng công nghệ thông tin, các nhân tố của việc tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ, các nhân tố về văn hóa tổ chức và cơ cấu tổ chức. Từ đó, tác giả mong muốn các nhà quản trị doanh nghiệp hiểu biết và nhận thức được tầm quan trọng về các nhân tố trên để nâng cao hiệu quả quản lý trong bộ máy kế toán quản trị doanh nghiệp.

**Từ khóa**: Kế toán quản trị, chi phí, thông tin kế toán, chất lượng thông tin

**82. Nhân tố ảnh hưởng tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ doanh nghiệp phi tài chính tại TP. HCM**/ Hà Xuân Thạch, Nguyễn Thị Mai Sang// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 202 .- Tr. 7-11.

**Nội dung**: Xây dựng và kiểm định mô hình cấu trúc tuyến tính các nhân tố tác động đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp phi tài chính ở TP.HCM.

**Từ khoá**: Tính hữu hiệu, hệ thống kiểm soát nội bộ, doanh nghiệp phi tài chính, hiệu quả hoạt động

**83. Nhân tố tác động đến việc áp dụng mô hình lập dự toán trên kết quả hoạt động**/ Mai Thị Hoàng Minh, Lê Thị Cẩm Hồng// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 202 .- Tr. 12-14.

**Nội dung**: Tập trung vào nghiên cứu nước ngoài liên quan đến việc áp dụng một sự đổi mới hoặc sự đổi mới hệ thống thông tin nói chung, để phát hiện các nhân tố có thể tác động đến việc áp dụng mô hình lập dự toán trên kết quả hoạt động và các lý thuyết nền tảng nói chung; ...

**Từ khoá**: Mô hình lập dự toán, kết quả kinh doanh, cải cách quản lý ngân sách

**84. Những điểm mới về kiểm soát chi thường xuyên Ngân sách Nhà nước qua kho bạc Nhà nước**/ Nguyễn Thị Thúy// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 203 .- Tr. 41-45.

**Nội dung**: Chỉ ra những điểm mới về kiểm soát chi thường xuyên được quy định trong hai văn bản này trên 3 vấn đề cơ bản: hình thức kiểm soát chi; hồ sơ kiểm soát chi và nội dung kiểm soát chi.

**Từ khoá**: Kiểm soát chi thường xuyên, Ngân sách Nhà nước, kho bạc Nhà nước

**85. Những thách thức của việc áp dụng quy trình tự động hóa trong hoạt động kế toán**/ Trần Thị Hương Giang// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 205 .- Tr. 83-85,87.

**Nội dung**: Bài viết đưa ra những thách thức của việc qpas dụng tự động hóa trong hoạt động kế toán và hướng nghiên cứu tiếp theo.

**Từ khoá**: Quy trình tự động hóa, kế toán

**86. Những vấn đề cần xem xét khi cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập**/ Nguyễn Thị Kim Oanh, Lê Thị Liên// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 207 .- Tr. 75-77.

**Nội dung**: Đưa ra góc nhìn vĩ mô về ảnh hưởng của việc cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập ( điển hình là 2 lĩnh vực y tế và giáo dục) đến chất lượng giáo dục và cuộc sống của người dân, từ đó đưa ra một số khuyến nghị để đảm bảo quyền tiếp cận của người dân với các dịch vụ công lập.

**Từ khoá**: Cổ phần hóa đơn vị hành chính sự nghiệp, tự chủ tài chính, đơn vị sự nghiệp công lập

**87. Nội dung hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp hiện nay**/ Đỗ Thị Thu Hằng// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 85 – 87.

**Nội dung**: Bài viết phân tích một số nội dung hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp hiện nay trên cách tiếp cận hệ thống theo quy trình xử lý để giải quyết vấn đề theo chiều sâu và phù hợp với sự phát triển của công nghệ thông tin, đặc biệt trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 như hiện nay.

**Từ khoá**: Hệ thống thông tin kế toán, Kế toán tài chính, Kế toán quản trị, Cách mạng công nghiệp 4.0

**88. Phát huy vai trò của kế toán quản trị trong cách mạng công nghiệp 4.0**/ Nguyễn Văn Hòa// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 71 – 74.

**Nội dung**: Bài viết nêu các quan điểm về kế toán quản trị, những tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đến sự thay đổi của kế toán quản trị, từ đó đưa ra các giải pháp phát huy vai trò của kế toán quản trị trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0.

**Từ khóa**: Kế toán quản trị, Cách mạng công nghiệp 4.0, Môi trường kinh doanh

**89. Phát huy vai trò kiểm toán viên hành nghề trong bối cảnh hội nhập/** Nguyễn Thị Hải Vân/ Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.85 - 87.

**Nội dung:** Với sự phát triển của thị trường tài chính và xu thế hội nhập của nền kinh tế, hành nghề kiểm toán viên trở thành một trong những lựa chọn của nhiều người vì thu nhập khá cao. Tuy nhiên, kiểm toán là lĩnh vực nhạy cảm, đòi hỏi người làm công tác kiểm toán không chỉ giỏi về năng lực chuyên môn, có trình độ cao, được đào tạo bài bản mà còn phải hội tụ đủ nhiều yếu tố khác. Đây chính là một trong lý do hiện có khá nhiều quy định của pháp luật liên quan đến kiểm toán viên và kiểm toán viên hành nghề. Bài viết hệ thống lại các qui định liên quan đến kiểm toán viên độc lập và đưa ra một số vấn đề đáng lưu ý nhằm tạo điều kiện để kiểm toán viên phát huy vai trò, thực hiện tốt các qui định hành nghề trong bối cảnh mới.

**Từ khoá:** Luật Kiểm toán độc lập, kiểm toán viên, công tác kiểm toán

|  |
| --- |
| **90. Phát triển ngành kế toán, kiểm toán Việt Nam thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0**/ Phan Nguyễn Hoàng Chánh, Lê Đức Thắng // Tài chính .- 2019 .- Số 711 .- Tr. 12 – 16.  **Nội dung**: Bài viết phân tích xu hướng mới trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán ở Việt Nam hiện nay, cơ hội việc làm và những thách thức đặt ra đối với lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm việc trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0.  **Từ khóa**: Kỷ nguyên số, Cách mạng công nghiệp 4.0, kế toán, kiểm toán |

**91.** **Phân tích và đánh giá những điểm mới của chế độ Kế toán Hành chính sự nghiệp theo thông tư 107/ 2017/** Lê Thị Thu Bình// Khoa học Đại học Quảng Ngãi .- 2020 .- Số 19 .- Tr. 2-8

**Nội dung:** Phân tích và đánh giá những điểm mới của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp của Thông tư làm rõ 3 nội dung: Tính cấp thiết về sự thay đổi của chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp; Những điểm mới của chế độ kế toán theo Thông tư 107/ 2017-BTC; Đánh giá về sự thay đổi của chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp theo Thông tư 107/ 2017/ TT-BTC.

**Từ khóa:** Kế toán, kế toán hành chính sự nghiệp

**92. Phối hợp chính sách tài khoá và tiền tệ thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế từ năm 2015 đến nay**/ Trần Thọ Đạt, Nguyễn Việt Hùng, Hà Quỳnh Hoa// Tài chính .- 2020 .- Số 720+721 Tháng 1 .- Tr. 23-28.

**Nội dung**: Phân tích thực tiễn và đánh giá quá trình phối hợp giữa 2 chính sách tài khoá và tiền tệ từ năm 2015 đến nay. Qua đó, nhóm tác giả rút ra kết luận và hàm ý chính sách thúc đẩy sự phối hợp giữa 2 chính sách này trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Chính sách tiền tệ, chính sách tài khoá, tiếp cận STA

**93. Phương pháp hạch toán theo thông tư 107/ 2017/ TT-BTC phản ánh đúng bản chất cơ chế tự chủ tài chính trong các đơn vị hành chính sự nghiệp**/ Dương Thị Luyến, Đào Thuý Hằng// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 577 .- Tr. 53 – 55.

**Nội dung:** Bài viết phân tích làm rõ những thay đổi về tài khoản và cách định khoản trong các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị hành chính sự nghiệp.

**Từ khóa:** Phi thuế quan, thực trạng, chính sách, hạch toán

**94. Phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ trực tiếp**/ Nguyễn Thu Hoài, Mai Thị Bích Ngọc// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 208 .- Tr. 40-44.

**Nội dung**: Bài viết đi sâu vào phân tích Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (BCLCTT) trực tiếp bằng cách điều chỉnh từ các chi tiêu doanh thu, chi phí của báo cáo kết quả kinh doanh kết hợp với số liệu của Bảng cân đối kế toansvaf thiết lập hệ thống tài khoản kế toán chi tiết.

**Từ khoá**: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, phương pháp trực tiếp

**95. Quan điểm lập quy và khung lý thuyết về áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán doanh nghiệp**/ Nguyễn Tuấn Duy// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 203 .- Tr. 33-36.

**Nội dung**: Nghiên cứu các quan điểm lập quy trên cơ sở thông lệ kế toán phổ biến hiện nay là các nguyên tắc kế toán Mỹ và hệ thống chuẩn mực quốc tế về báo cáo tài chính (IFRS). Từ đó, đề xuất khung lý thuyết cơ bản cho việc áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Quan điểm lập quy, giá trị hợp lý, kế toán doanh nghiệp

**96. Qui định mới về bảo hiểm tiền gửi và những vấn đề trao đổi/** Nguyễn Thị Đoan Trang, Nguyễn Thị Quỳnh Giao// Tài chính.- 2020 .- Số 733.-Tr.21 - 23.

**Nội dung:** Ngày 01/ 04/ 2020, Bộ tài chính ban hành Thông tư số 20/ 2020/ TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 312/ 2016/ TT-BTC ngày 24/ 11/ 2016 của Bộ Tài chính qui định chế độ tài chính đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 20/ 5/ 2020, bên cạnh việc sửa đổi, bổ sung 12 khoản, điều của Thông tư số 312/ 2016/ TT-BTC, Bộ Tài chính đã bổ sung mới 2 điều vào Thông tư hướng dẫn bao gồm: xử lý tổn thất trong trường hợp cho vay đặc biệt đối với các tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; công bố thông tin doanh nghiệp. Bài viết này phân tích, bình luận cụ thể những qui định mới và đạo lý của việc sửa đổi bổ sung.

**Từ khoá:** Bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp.

**97. Quy trình xây dựng hệ thống kế toán quản trị trong các doanh nghiệp ngành sợi Việt Nam**/ Nguyễn Thị Hồng Sương// Tài chính .- 2020 .- Số 736 .- Tr. 107 – 109.

**Nội dung**: Bài viết phân tích từng quy trình để xây dựng hệ thống kế toán quản trị trong doanh nghiệp sợi Việt Nam, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

**Từ khóa:** Kế toán quản trị, quy trình, xây dựng, hệ thống, doanh nghiệp sợi

**98. Tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin báo cáo tài chính hợp nhất của các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty Mẹ - công ty con**/ Ngô Văn Lượng// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 205 .- Tr. 25-29.

**Nội dung:** Phân tích tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất của doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

**Từ khoá**: Nhân tố ảnh hưởng, mức độ công bố thông tin, báo cáo tài chính hợp nhất

**99. Tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán : kinh nghiệm thực tiễn từ ngân hàng Nhà nước Việt Nam**/ Lê Quốc Nghị, Trần Phú Dũng// Ngân hàng .- 2020 .- Số 22 .- Tr. 16-22.

**Nội dung**: Đề cập đến biểu hiện và tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đến ngành ngân hàng; Vai trò của kế toán, kiểm toán - công cụ quản lý hoạt động ngân hàng trong cuộc CMCN 4.0; Một số vấn đề đặt ra đối với ngành Ngân hàng; Một số khuyến nghị liên quan đến hoạt động kế toán - kiểm toán; Kết luận.

**Từ khoá**: Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, kế toán, kiểm toán, kinh nghiệm thực tiễn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

**100. Tác động của ứng dụng công nghệ thông tin đến hệ thống thông tin kế toán**/ Nguyễn Thị Huyền Trang, Công Vũ Hà Mi// Tài chính .- 2020 .- Số 737 .- Tr. 60 – 62.

**Nội dung:** Bài viết phân tích tác động nhận diện những rủi ro có thể xảy ra trong quá trình ứng dụng công nghệ thông tin vào hệ thống thông tin kế toán, từ đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Công nghệ thông tin, hệ thống thông tin kế toán, cơ sở dữ liệu

**101. Tác động của việc áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế đến hiệu quả kinh tế của các nước**/ Mai Thị Hoàng Minh, Lê Việt// Tài chính.- 2020 .- Số 735 .- Tr. 64 – 67.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá tổng quan những nghiên cứu về tác động của việc áp dụng IFRS thường được thực hiện xoay quanh hai giai đoạn chính: Tự nguyện áp dụng và bắt buộc áp dụng trên thế giới.

**Từ khóa**: Chuẩn mực kế toán, báo cáo tài chính quốc tế, IFRS, hiệu quả kinh tế

**102. Tăng cường kiểm soát nội bộ cho các doanh nghiệp trong thời đại 4.0**/ Nguyễn Thị Thu Trang// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 572 .- Tr. 72-74.

**Nội dung**: Kiểm soát nội bộ là một bộ phận quan trọng giúp cho nhà quản lý kiểm tra, giám sát được quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Việc xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu góp phần nâng cao uy tín, hình ảnh và sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường đặc biệt trong bối cảnh của cuộc cách mạng 4.0 hiện nay. Bài viết đề xuất một sô giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của kiểm soát nội bộ cho các doanh nghiệp Việt Nam.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp, Kiểm soát nội bộ, Tăng cường, Cách mạng công nghiệp 4.0

**103. Thực trạng quản trị doanh thu tại các bệnh viện công lập ở Việt Nam**/ Phạm Thu Trang// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 207 .- Tr. 78-82.

**Nội dung**: Tập trung phân tích thực trạng về Quản trị doanh thu tại một số bệnh viện công lập trực thuộc Bộ Y tế ở VN thông qua việc đánh giá nội dung lập kế hoạch doanh thu, thực hiện kế hoạch doanh thu, kiểm soát doanh thu và ra quyết định về doanh thu, qua đó rút ra những khuyến nghị trong công tác quản trị doanh thu tại BVCL trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Quản trị doanh thu, bệnh viện công lập

**104. Thực trạng và giải pháp kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay**/ Nguyễn Thị Thương// Tài chính.- 2020 .- Số 735 .- Tr. 79 – 81.

**Nội dung:** Khảo sát thực trạng kiểm soát nội bộ hiện nay, qua đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện kiểm soát nội trong các doanh nghiệp Việt Nam, nâng cao vai trò của kiểm soát nội bộ đối với việc ngăn ngừa và phát hiện gian lận.

**Từ khóa:** Kiểm soát nội bộ, gian lận, kiểm toán, doanh nghiệp

**105. Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ kiểm toán độc lập**/ Nguyễn Thị Diệu Thu, Giang Thị Tuyết Nhung, Nguyễn Thị Phương Thảo// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 207 .- Tr. 58-60.

**Nội dung**: Khái niệm về kiểm toán, sự hình thành và phát triển của kiểm toán độc lập tại Việt Nam, những yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng dịch vụ kiểm toán, giải pháp khuyến nghị.

**Từ khoá**: Kiểm toán độc lập, báo cáo tài chính

**106. Tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp của người làm kế toán quản trị trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0**/ Bùi Tố Quyên/ Tài chính.- 2020 .- Số 733.- Tr.42 - 44.

**Nội dung:** Năm 2019, Hiệp hội kế toán quản trị Hoa Kỳ(IMA) đã điều chỉnh khu tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp cho người làm kế toán quản trị. Nguyên nhân chính thúc đẩy những thay đổi xuất phát từ nhận thức về tác động của công nghệ và kỷ nguyên số tới lĩnh vực kế toán, kiểm toán nói chung và người làm kế toán quản trị nói riêng. Trong đó, có thể thấy nhiều thay đổi đã tập trung vào các kiến thức và kỹ năng cần thiết gắnvới công nghệ và đạo đức nghề nghiệp của kế toán. Bài viết phân tích những nội dung cơ bản của Khung năng lực làm cơ sở tham chiếu phục vụ khâu đánh giá, quản trị và phát triển nghề nghiệp trong quá trình hành nghề kế toán quản trị.

**Từ khoá:** Kế toán quản trị, Cách mạng công nghiệp 4.0, kỹ năng nghề nghiệp

**107. Tiền số : cơ hội và thách thức trong việc phát triển hình thức thanh toán tại Việt Nam**/ Trần Thị Nhung, Nguyễn Việt Hùng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 564 (Tháng 05/ 2020) .- Tr. 31-33.

**Nội dung**: Bài viết làm rõ khái niệm về tiền số, các loại tiền số, những thách thức và cơ hội trong việc phát triển các hình thức thanh toán, từ đó đưa ra một số khuyến nghị để phát triển các hình thức thanh toán tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Tiền số, thanh toán trực tuyến

**108. Tổ chức công tác kết toán tại các công ty hợp doanh**/ Nguyễn Văn Phong// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 572 .- Tr. 80-82.

**Nội dung**: Tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp (DN) có vai trò hết sức quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của DN. Với chức năng cung cấp thông tin và kiểm tra các hoạt động kinh tế, tài chính trong DN, công tác kế toán ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả của công tác quản lỷ ở một DN, trong đó có Công ty hợp danh. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả tập trung làm rõ đặc điểm của Công ty hợp danh để từ đó làm rõ nội dung tổ chức công tác kế toán tại các công ty này.

**Từ khoá**: Công ty hợp doanh, Kế toán, Hoạt động, Tổ chức

**109. Tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại các bệnh viện ngoài công lập định hướng ứng dụng phần mềm quản lý tổng thể**/ Trần Bích Nga// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 564 (Tháng 05/ 2020) .- Tr. 60-62.

**Nội dung**: Bài viết góp phần cung cấp một hệ thống thông tin kế toán xuyên suốt, kịp thời, giúp kiểm soát tốt các nguồn lực tại bệnh viện, nâng cao hiệu quả công tác kế toán và quản lý tài chính y tế tại các bệnh viện ngoài công lập.

**Từ khoá**: Kế toán, thông tin kế toán, phần mềm quản lý kế toán, quản lý tài chính, kế toán bệnh viện

**110. Tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp may mặc ở một số nước và kinh nghiệm cho Việt Nam**/ Trịnh Lê Tân, Đào Thị Đài Trang// Tài chính .- 2020 .- Số 731.- Tr. 61 – 63.

**Nội dung:** Bài viết phân tích thực trạng khởi nghiệp tại Việt Nam và gợi mở một số giải pháp đề xuất nhằm phát huy tinh thần khởi nghiệp thành công.

**Từ khóa:** Hệ thống kiểm soát nội bộ, doanh nghiệp may mặc, hoạt động kinh doanh

**111. Tổ chức kế toán quản trị với việc tăng cường quản lý hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất**/ Nguyễn Thị Phương Chi, Nguyễn Thị Song Hương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 567 .- Tr. 49-51.

**Nội dung**: Kế toán - một công cụ quản lý kinh tế tài chính hữu hiệu nhất đã được cải cách sâu sắc, toàn diện, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Song kế toán quản trị đối với doanh nghiệp hiện đang còn là một vấn đề hết sức mới mẻ cả về lý luận thực tiễn.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, Quản lý, Doanh nghiệp, Kinh doanh, Việt Nam

**112. Tối ưu chi phí thuế : thực trạng và giải pháp cho các doanh nghiệp**/ Dương Thị Thanh Hiền, Võ Hồng Hạnh// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 205 .- Tr. 40-43.

**Nội dung**: Trình bày về việc tối ưu chi phí thuế và những giải pháp giúp doanh nghiệp tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về thuế.

**Từ khoá**: Tối ưu chi phí thuế, doanh nghiệp

**113. Trao đổi về kế toán quản trị nguồn nhân lực**/ Trần Thị Ngọc Hân, Nguyễn Bá Linh// Tài chính.- 2020 .- Số 735 .- Tr. 52 – 54.

**Nội dung**: Bài viết giới thiệu về vai trò, những ưu điểm và hạn chế của kế toán nguồn nhân lực và các phương pháp định giá khác nhau được sử dụng trong kế toán quản trị chi phí nguồn nhân lực.

**Từ khóa:** Kế toán nguồn nhân lực, nguồn nhân lực, kế toán quản trị, HRA

**114. Trao đổi về xu hướng phát triển kiểm toán liên tục trong hoạt động kiểm toán hiện nay?/ Đặng Đình Tân, Mai Thị Hoàng Minh/** Tài chính.- 2020 .- Số 733.- Tr.48 - 51.

**Nội dung:** Kiểm toán liên tục được định nghĩa như là một phương pháp luận kiểm toán cho phép kiểm toán viên phát hành các báo cáo kiểm toán bằng văn bản về vấn đề được kiểm toán đồng thời hoặc ngay sau khi giao dịch phát sinh. Tại Việt Nam, việc thực hiện kiểm toán liên tục trong hoạt động kiểm toán phù hợp với quan điểm hiện đại hoá các hoạt động kế toán, kiểm toán của "Chiến lược kế toán - kiểm toán đến năm 2020, tầm nhìn 2030" của Chính phủ. Bài viết tập trung giới thiệu một số nghiên cứu của thế giới về các nhân tố thúc đẩy kiểm toán liên tục, nhu cầu của người sử dụng trong việc cung cấp thông tin tin cậy bởi kiểm toán liên tục trong thời gian thực.

**Từ khoá**: Kiểm toán liên tục, hoạt động kiểm toán, quản trị rủi ro, kế toán viên.

**115. Triển khai kế toán quản trị chi phí môi trường tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**/ Ngô Thị Hường // Tài chính .- 2019 .- Số 705 .- Tr. 84 – 86.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu thực trạng kế toán quản trị chi phí môi trường tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, để thấy rõ hơn về vai trò quan trọng của phần hành kế toán này đối với các doanh nghiệp sản xuất nói chung và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng.

**Từ khóa**: Doanh nghiệp, kế toán quản trị chi phí môi trường, bảo vệ môi trường.

**116. Ứng dụng công nghệ Big Data trong kiểm toán báo cáo tài chính**/ Nguyễn Thị Hoàng Yến, Lê Đoàn Minh Đức// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 565 (Tháng 05/ 2020) .- Tr. 07-09.

**Nội dung**: Bài viết nhằm cung cấp một cái nhìn tổng quan về Big Data và phân tích dữ liệu trong kiểm toán. Từ đó, đưa ra một số hàm ý dành cho các bên liên quan.

**Từ khoá**: Công nghệ Big Data, kiểm toán, báo cáo tài chính, phân tích dữ liệu.

**117. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác kế toán**/ Vũ Thúy Hà// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 205 .- Tr. 31-34.

**Nội dung**: Khái quát về thực trạng áp dụng công nghệ 4.0 trong ngành kế toán ở Việt Nam hiện nay, những điểm còn hạn chế cần khắc phục, từ đó đưa ra một số giải pháp khuyến nghị.

**Từ khoá**: Kế toán, cách mạng công nghệ 4.0

**118. Ứng dụng kế toán quản trị trong các tổ chức giáo dục/** Nguyễn Thị Khánh Vân// Tài chính.- 2020 .- Số 733.- Tr.39 - 41.

**Nội dung:** Trước đây, kế toán quản trị được áp dụng chủ yếu trong các đơn vị sản xuất kinh doanh. Ngày nay, sự cạnh tranh không chỉ trong lĩnh vực kinh doanh mà cả lĩnh vực giáo dục, do vậy đòi hỏi các trường học phải quan tâm đến việc sử dụng nguồn tài chính hợp lý, tạo ra sản phẩm giáo dục có chất lượng. Đặc biệt, trong xu thế đẩy mạnh thực hiện tự chủ hoạt động và tài chính, việc ứng dụng kế toán quản trị trở thành mối quan tâm lớn của các nhà quản lý nói chung và quản lý tài chính nói riêng trong các đơn vị giáo dục hiện nay. Bài viết này đề cập đến nội dung và nhân tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng kế toán quản trị trong các đơn vị giáo dục Việt Nam hiện nay .

**Từ khoá:** Kế toán quản trị, ứng dụng kế toán, giáo dục, tự chủ tài chính.

**119. Ứng dụng kế toán xanh ở Việt Nam và một số vấn đề đặt ra**/ Đào Thị Thuý Hằng// Tài chính .- 2019 .- Số 716 .- Tr. 85 – 87.

**Nội dung**: Việc áp dụng kế toán xanh, đặc biệt là kế toán môi trường góp phần cung cấp thông tin chính xác, minh bạch, đầy đủ và trách nhiệm, từ đó giúp cải thiện hình ảnh của doanh nghiệp trong cơ quan quản lý, cổ đông, nhà đầu tư và các đối tác kinh doanh. Tuy nhiên, việc ứng dụng kế toán xanh tại Việt Nam đang còn một số vấn đề cần bàn.

**Từ khoá**: Kế toán xanh, Doanh nghiệp, Hệ thống kế toán

**120. Ứng dụng kế toán quản trị chi phí tại doanh nghiệp xây lắp**/ Nguyễn Thu Hương// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 205 .- Tr. 62-64.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng và giải pháp ứng dụng kế toán quản trị chi phí tại doanh nghiệp xây lắp.

**Từ khoá**: Ứng dụng kế toán quản trị chi phí, kế toán quản trị chi phí, doanh nghiệp xây lắp

**121. Ứng dụng mô hình tổ chức công tác kế toán quản trị trong các doanh nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Thị Mai Hương// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 207 .- Tr. 46-49.

**Nội dung**: Bài viết chia sẻ một số mô hình tổ chức kế toán quản trị theo các trường phái, từ đó đưa ra một số khuyên nghị về mô hình công tác kế toán quản trị trong các doanh nghiệp Việt Nam.

**Từ khoá**: Mô hình tổ chức, kế toán quản trị, hệ thống thông tin kế toán, báo cáo sản xuất

**122. Vai trò kế toán trách nhiệm trong hoạt động quản trị của doanh nghiệp/** Trần Thị Mỹ Châu// Tài chính.- 2020 .- Số 732.- Tr.99 -101.

**Nội dung:** Kế toán quản trị giúp các nhà quản trị phát huy tối đa nguồn lực; kiểm soát tốt các hoạt động của từng bộ phận, phân chia trách nhiệm cụ thể của các cấp quản lý. Cho nên, để xây dựng mô hình kế toán phù hợp, các doanh nghiệp cần hiểu rõ vai tò của kế toán trách nhiệm, bài viết đề cập đến vai trò, nội dung của kế toán trách nhiệmnhằm giúp các nhà quản trị vần dụng hiệu quả kế toán trách nhiệm trong thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.

**Từ khoá:** Trung tâm trách nhiệm, kế toán trách nhiệm, hoạt động quản trị, trung tâm lợi nhuận.

**123. Vai trò của kế toán quản trị trong nền kinh tế hiện nay**/ Nguyễn Văn Hậu// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 202 .- Tr. 38-40.

**Nội dung**: Trình bày mục đích, chức năng và vai trò của công nghệ thông tin tác động đến kế toán quản trị.

|  |
| --- |
| **Từ khoá**: Kế toán quản trị  **124. Vai trò của kế toán quản trị chiến lược tại doanh nghiệp và một số đề xuất**/ Lê Thị Thuý// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 88 – 90.  **Nội dung**: Bài viết trao đổi về kế toán quản trị chiến lược, đưa ra một số đề xuất đối với nhà quản trị về vận dụng kế toán quản trị chiến lược tại các doanh nghiệp hiện nay.  **Từ khoá**: Kế toán quản trị chiến lược, SMC, Nhà quản trị. |
| **125. Vai trò của kiểm toán nội bộ trong hệ thống vận hành doanh nghiệp**/ Nguyễn Thị Thu Thư, Nguyễn Thị Ngọc Bích// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 65 – 67.  **Nội dung**: Bài viết khái quát sự cần thiết của kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp và đề xuất việc sớm xây dựng một bộ phận kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp cần trở thành mối quan tâm hàng đầu tại các doanh nghiệp hiện nay.  **Từ khóa**: Kiểm toán nội bộ, Kiểm soát nội bộ, Kiểm soát doanh nghiệp |

**126. Vai trò của kiểm toán Nhà nước với Cổ phần hóa doanh nghiệp**/ Đặng Văn Thanh// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 206 .- Tr. 9-11.

**Nội dung**: Với vai trò đảm bảo minh bạch các quan hệ kinh tế, tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách, tiền và tài sản Nhà nước, đồng thời minh bạch hóa trong đánh giá tài sản, giá trị doanh nghiệp, kiểm toán Nhà nước góp phần thúc đẩy tiến trình Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước.

**Từ khoá**: Kiểm toán Nhà nước, Cổ phần hóa doanh nghiệp

**127. Vai trò của kiểm toán trong quản trị công**/ Mai Thị Hoàng Minh// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 204 .- Tr. 12-15.

**Nội dung**: Bài viết đưa ra một số hàm ý, nhằm phát huy vai trò của kiểm toán công tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Hệ thống kiểm toán công, quản trị khu vực công, quản trị công mới

**128. Vận dụng các lý thuyết nền trong nghiên cứu kế toán quản trị chiến lược tại doanh nghiệp**/ Mai Thị Quỳnh Như// Tài chính.- 2020 .- Số 739 .- Tr. 45 – 47.

**Nội dung:** Bài viết đề cập đến việc vận dụng kế toán quản trị chiến lược qua việc vận dụng các lý thuyết như: Lý thuyết dự phòng, lý thuyết ngẫu nhiên, lý thuyết quan hệ lợi ích – chi phí, lý thuyết lợi thế cạnh tranh.

**Từ khóa**: Kế toán quản trị, dự phòng, ngẫu nhiên, quan hệ lợi ích chi phí, cạnh tranh

**129. Vận dụng kế toán quản trị tại doanh nghiệp nhỏ và vừa trên thế giới và hàm ý cho Việt Nam**/ Trần Mai Đông, Nguyễn Phong Nguyên// Tài chính .- 2020 .- Số 730.- Tr. 123 – 125.

**Nội dung:** Bài viết giới thiệu một số nghiên cứu trên thế giới về việc vận dụng kế toán quản trị tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa, từ đó đưa ra một số khuyến nghị đối với hoạt động này tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Kế toán quản trị, doanh nghiệp nhỏ và vừa, quy mô doanh nghiệp

**130. Vận dụng kế toán tài chính trong hoạt động của doanh nghiệp và một số vấn đề đáng lưu ý**/ Nguyễn Văn Hoà// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/ 2020) .- Tr. 110-112.

**Nội dung**: Bài viết trao đổi một số nội dung liên quan đến công tác tài chính trong doanh nghiệp, nhằm làm rõ các vấn đề liên quan đến công tác.

**Từ khoá**: Kế toán tài chính, hoạt động doanh nghiệp

**131. Vận dụng kế toán trách nhiệm trong hoạt động quản trị của doanh nghiệp**/ Nguyễn Thị Thơm, Vũ Thị Phượng// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 99 – 101.

**Nội dung**: Bài viết trao đổi những vấn đề kế toán trách nhiệm trong hoạt động kế toán quản trị của doanh nghiệp, qua đó đưa ra một số đề xuất nhằm vận dụng, tổ chức các nội dung kế toán trách nhiệm trong doanh nghiệp Việt Nam thời gian tới.

**Từ khoá**: Kế toán, Trách nhiệm, Doanh nghiệp, Nhà quản trị

**132. Vận dụng mô hình hạch toán chi phí trên cơ sở hoạt động theo thời gian tại doanh nghiệp**/ Trần Thị Thu Hà// Tài chính.- 2020 .- Số 741 .- Tr. 86 – 88.

**Nội dung:** Kế toán chi phí trên cơ sở hoạt động theo thời gian (TDABC) là phương pháp hạch toán chi phí hiện đại, khắc phục được các tồn tại của phương pháp hạch toán chi phí truyền thống. Phương pháp này có nhiều ưu điểm hơn kế toán chi phí trên cơ sở hoạt động (ABC). Bài viết minh họa phương pháp hạch toán TDABC bằng khảo sát cụ thể trên, trên cơ sở đó đề xuất áp dụng TDABC trong công tác quản trị chi phí của các doanh nghiệp Việt Nam.

**Từ khóa:** Kế toán chi phí, kế toán chi phí trên cơ sở hoạt động, phương pháp hạch toán

**133. Vận dụng phương pháp kế toán chi phí theo hoạt động (ABC) trong phân bổ chi phí tại doanh nghiệp vận tải**/ Vũ Thị Hường, Ngô Thị Hiên// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 564 (Tháng 05/ 2020) .- Tr. 85-87.

**Nội dung**: Nghiên cứu đề cập đến khái niệm phương pháp ABC, vận dụng phương pháp kế toán chi phí theo hoạt động ABC phân bổ chi phí vận tải gián tiếp cho từng hoạt động theo mức độ hoạt động. Từ đó giúp xác định được chính xác các chi phí cho từng hoạt động, làm cơ sở cho nhà quản trị xây dựng được giá thành dịch vận tải cạnh tranh, đồng thời đánh giá chính xác hiệu quả của từng hoạt động trong doanh nghiệp.

**Từ khoá**: kế toán chi phí, hoạt động của doanh nghiệp, quản trị xây dựng

**134. Xây dựng và áp dụng chuẩn mực kế toán công ở Việt nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế**/ Nguyễn Văn Hòa// Tài chính.- 2020 .- Số 735 .- Tr. 45 – 48.

**Nội dung:** Bài viết trao đổi về tình hình hệ thống kế toán công ở Việt Nam hiện nay, về yêu cầu vận dụng chuẩn mực kế toán công và đưa ra một số khuyến nghị cho Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Kế toán công, chuẩn mực kế toán công, luật kế toán, thông tin tài chính

**135. Vận dụng phương pháp tính giá thành cho các doanh nghiệp sản xuất bê tông**/ Vương Thị Hương, Chu Thị Thu Hằng, Vương Đăng Khánh Linh, Lê Thị Hoàng Liên// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 207 .- Tr. 76-79.

**Nội dung**: Trên cơ sở phân tích các chi phí, doanh nghiệp biết được những tỷ trọng các chi phí trong sản xuất kịp thời đảm bảo sản xuất ra nhiều sản phẩm có chất lượng tốt, giá thành sản phẩm thấp, có khả năng cạnh tranh trên thị trường.

**Từ khoá**: Vận dụng phương pháp tính giá thành, doanh nghiệp sản xuất bê tông

**136. Xây dựng định mức chi phí nội bộ phục vụ kiểm soát chi phí tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây lắp/** Nguyễn Thị Đoan Trang/ Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.88 - 90.

**Nội dung:** Trong các doanh nghiệp xây lắp, chi phí sản xuất là toàn bộ các hoa phí vật chất mà doanh nghiệp chi ra để thực hiện công tác xây lắp theo hợp đồng giao nhận thầu đã ký kết. Việc kiểm soát chi phí xây lắp có tác động trực tiếp đến giá thành sản phẩm xây lắp cũng như hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp xây lắp. Để tồn tại và phát triển, yêu cầu đặt ra cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây lắp là phải kiểm soát được chi phí và đảm bảo chất lượng sản phẩm giao thầu. Do vậy, việc xây dựng hệ thống định mức chi phí nội bộ phục vụ kiểm soát chi phí tại công ty xây lắp là rất cần thiết.

**Từ khoá:** Định mức chi phí, doanh nghiệp xây lắp, chi phí nội bộ, kiểm soát chi phí.

**137. Xây dựng thang đo chất lượng thông tin kế toán trên báo cáo tài chính doanh nghiệp xây lắp niêm yết**/ Đào Thị Nhung// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 203 .- Tr. 46-49.

**Nội dung**: Tổng quan về chất lượng thông tin kế toán trên báo cáo tài chính; phương pháp nghiên cứu; kết quả xây dựng thang đo; kết luận.

**Từ khoá**: Chất lượng, thông tin kế toán trên báo cáo tài chính, thang đo đo lường

**138. Xu hướng phát triển kế toán nguồn nhân lực**/ Nguyễn Bá Linh, Dương Thị Yến// Tài chính.- 2020 .- Số 741 .- Tr. 89 – 92.

**Nội dung:** Bài viết này khái quát về lịch sử hình thành và xu hướng phát triển của kế toán quản trị chi phí nguồn nhân lực nhằm làm nổi bật sự cần thiết phải phát triển loại kế toán này ở Việt Nam nói chung và ở các doanh nghiệp nói riêng.

**Từ khóa:** Kế toán, nguồn nhân lực, doanh nghiệp, kế toán quản trị

**139. Xây dựng và áp dụng chuẩn mực kế toán công tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thu Hằng, Hoàng Thị Thuý // Tài chính .- 2019 .- Số 711 .- Tr. 37 – 39.

**Nội dung**: Bài viết trao đổi về lợi ích cũng như các vấn đề đặt ra đối với việc áp dụng chuẩn mực kế toán công tại Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Chuẩn mực kế toán công, tài chính quốc gia, kinh tế quốc tế, báo cáo tài chính

**140. Xu hướng phát triển lĩnh vực kế toán và vấn đề đặt ra với Việt Nam**/ Nguyễn Thị Vân Chi // Tài chính .- 2020 .- Số 730 .- Tr. 99 – 101.

**Nội dung:** Bài viết khái quát xu hướng phát triển của lĩnh vực kế toán, nhận diện những cơ hội, thách thức và gợi mở một số giải pháp trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Kế toán, xu hướng phát triển, hội nhập quốc tế, cạnh tranh

**141. Xu hướng thay đổi trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán dưới tác động của công nghệ/** Nguyễn Thúy Hằng// Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.73 - 75.

**Nội dung:** Nền kinh tế thế giới đang tiến vào kỷ nguyên Cách mạng công nghệ 4.0 với nhiều thành tựu khoa học công nghệ mới đang làm thay đổi diện mạo các hoạt động kinh tế, trong đó có lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Đặc biệt, những tiến bộ của công nghệ được dự báo sẽ có những tác động sâu rộng đến hoạt động kế toán, kiểm toán, đặt ra nhiều vấn đề cần nghiêm túc nghiên cứu và sớm triển khai thực hiện. Bài viết phân tích các xu hướng thay đổi trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán dưới sự tác động của công nghệ số, từ đó đưa ra một số khuyến nghị đối với Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Lĩnh vực kế toán, kiểm toán, kiểm toán viên, công nghệ, Cách mạng công nghệ 4.0.

**QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**1. Ảnh hưởng bất cân xứng của giá xăng dầu đến giá tiêu dùng tại thị trường Việt Nam: tiếp cận bằng mô hình tự hồi quy phân phối trễ phi tuyến**/ Nguyễn Quyết// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 144 .- Tr. 10-18.

**Nội dung**: Giá xăng dầu có mối liên hệ mật thiết với các biến kinh tế vĩ mô. Mối quan hệ này đã được các nhà hoạch định chính sách quan tâm trong nhiều thập kỷ qua. Cho đến nay, đã có nhiều nghiên cứu về mối quan hệ tuyến tính giữa giá xăng dầu và giá tiêu dùng nhưng còn rất ít các nghiên cứu tiếp cận mối quan hệ này theo phương diện phi tuyến. Mục tiêu của bài viết này là phân tích ảnh hưởng bất cân xứng của giá xăng dầu đến giá tiêu dùng tại thị trường Việt Nam. Cơ sở lý thuyết được phát triển từ lý thuyết truyền dẫn giá bất cân xứng. Dữ liệu phân tích được thu thập theo quý trong khoảng thời gian từ quý 1 năm 2005 đến quý 4 năm 2019 và mô hình tự hồi quy phân phối trễ phi tuyến được sử dụng để làm công cụ phân tích. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng giá xăng dầu tại thị trường Việt Nam ảnh hưởng bất cân xứng đến giá tiêu dùng trong ngắn hạn và dài hạn.

**Từ khoá**: Giá xăng dầu, truyền dẫn giá bất cân xứng, mô hình tự hồi quy phân phối trễ phi **tuyến**

**2. Ảnh hưởng cảm xúc khách hàng đến sự trung thành thương hiệu : Một nghiên cứu lý thuyết**/ Nguyễn Trí Anh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 572 .- Tr. 44-46.

**Nội dung**: Thông qua phương pháp nghiên cứu tổng quan tài liệu, bài viết tổng hợp các khái niệm về sự trung thành thương hiệu, mối quan hệ giữa cảm xúc khách hàng và sự trung thành thương hiệu. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất mô hình nghiên cứu lý thuyết các yếu tố ảnh hường cảm xúc khách hàng đối với sự trung thành thương hiệu, tạo nền tảng có cách nghiên cứu tiếp theo để đề xuất các khuyến nghị và giải pháp nhằm giúp nâng cao sự trung thành thương hiệu của các doanh nghiệp ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Thương hiệu, Khách hàng, Cảm xúc, Sự trung thành, Yếu tố ảnh hưởng

**3. Ảnh hưởng của các bên liên quan đến chiến lược xuất khẩu xanh và lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam**/ Đỗ Thị Bình// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 145 .- Tr. 2-13.

**Nội dung**: Bài nghiên cứu là một trong những nghiên cứu của chúng tôi về chiến lược kinh doanh xanh với mục đích nghiên cứu ảnh hưởng của các bên liên quan đến việc theo đuổi loại hình chiến lược này cũng như những lợi thế cạnh tranh đạt được đối với các DN xuất khẩu Việt Nam từ góc độ tiếp cận các bên liên quan. Bằng việc điều tra 275 nhà quản lý thuộc 75 DN xuất khẩu nông sản, thủy sản và dệt may, bài nghiên cứu khẳng định rằng thái độ, nhận thức, quan điểm của các nhà quản lý cấp cao; sự quan tâm của khách hàng trên thị trường nước ngoài; sức ép của các cơ quan quản lý và chính phủ các quốc gia xuất khẩu; sức ép của các bên liên quan xã hội về vấn đề môi trường có tác động tích cực đến việc theo đuổi chiến lược xuất khẩu xanh của các DN xuất khẩu Việt Nam. Ngoài ra, việc theo đuổi chiến lược này giúp các DN điều tra đạt được lợi thế cạnh tranh khác biệt hóa chứ không phải lợi thế chi phí thấp. Kết quả nghiên cứu là gợi ý để tác giả đưa ra hàm ý, kiến nghị đối với các nhà hoạch định chính sách công và các DN xuất khẩu Việt Nam để thúc đẩy hơn nữa việc áp dụng chiến lược xuất khẩu xanh.

**Từ khoá**: Chiến lược xuất khẩu xanh, các bên liên quan, lợi thế cạnh tranh, DN xuất khẩu Việt Nam

**4. Ảnh hưởng của cảm nhận bản thân đến ý định gửi con đi du học**/ Nguyễn Thị Anh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 574 (Tháng 10/2020) .- Tr. 25-27.

**Nội dung**: Bằng phương pháp nghiên cứu phân tích, tổng hợp, tác giả kế thừa lý thuyết của các nhà nghiên cứu trước đây về các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua của người tiêu dùng, đồng thời mở rộng nghiên cứu nhằm đề xuất mô hình lý thuyết về các nhân tố ảnh hưởng đến ý định gửi con đi du học nước ngoài của phụ huynh học Việt Nam.

**Từ khoá**: du học, du học nước ngoài

**5. Ảnh hưởng của cấu trúc hội đồng hội đồng quản trị đến hiệu quả tài chính của các công ty niêm yết ngành công nghiệp trên sàn giao dịch HOSE**/ Nguyễn Roãn Dũng, Giang Quốc Tuấn, Nguyễn Anh Hiền // Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 570 (Tháng 08/2020) .- Tr. 93-95.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm mục đích kiểm định sự ảnh hưởng của cấu trúc hội đồng quản trị đến hiệu quả tài chính của các công ty ngành công nghiệp niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2018 với mô hình dữ liệu bảng.

**Từ khóa**: hiệu quả tài chính, HOSE, niêm yết

**6. Ảnh hưởng của chất lượng tích hợp kênh lên sự gắn kết của người tiêu dùng trong bán lẻ đa kênh tại Việt Nam**/ Đặng Thị Thu Trang, Trương Thị Hiếu Hạnh// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 143 .- Tr. 45-53.

**Nội dung**: Cùng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ tại cửa hàng, dịch vụ đa kênh đang được chuyển sang đa kênh tích hợp. Việc tích hợp hiệu quả các kênh bán hàng giúp nhà bán lẻ không chỉ tăng trưởng doanh số, tối ưu hóa chi phí phục vụ khách hàng mà còn khiến họ hài lòng, trung thành, gắn kết hơn với nhà bán lẻ. Nghiên cứu này kiểm chứng khung lý thuyết về ảnh hưởng của chất lượng tích hợp kênh bán lẻ cảm nhận đến sự gắn kết của người tiêu dùng trong bối cảnh ngành bán lẻ hàng điện tử tiêu dùng tại Việt Nam. Kết quả phân tích dữ liệu bằng mô hình PLS-SEM cho thấy tác động tích cực của các thuộc tính chất lượng tích hợp kênh, trực tiếp và gián tiếp ảnh hưởng lên sự gắn kết khách hàng thông qua thuộc tính trao quyền cho người tiêu dùng. Kết quả thực nghiệm còn ngụ ý vai trò quan trọng của chất lượng tích hợp kênh cảm nhận trong việc gia tăng sự gắn kết khách hàng nhằm thúc đẩy ý định mua lại và truyền miệng tích cực của họ.

**Từ khoá**: Sự gắn kết, khách hàng, chất lượng, tích hợp kênh, bán lẻ đa kênh

**7. Ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến người lao động và các hàm ý chính sách**/ Nguyễn Nam Hải// Tài chính .- 2020 .- Số 737 .- Tr. 46 – 49.

**Nội dung:** Bài viết nhận diện những vấn đề đặt ra đối với lao động Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, đồng thời đưa ra những hàm ý về mặt chính sách nhằm giải quyết bài toán đối với người lao động để ứng phó với bối cảnh mới.

**Từ khóa**: Chính sách, người lao động, cách mạng công nghiệp 4.0

**8. Ảnh hưởng của định hướng chiến lược kinh doanh đến liên kết chuỗi cung ứng và kết quả kinh doanh**/ Nguyễn Thành Hiếu, Nguyễn Ngọc Trung, Nguyễn Thị Nga// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 279 .- Tr. 20-28.

**Nội dung**: Xác định mối quan hệ giữa định hướng chiến lược kinh doanh, mức độ liên kết và kết quả kinh doanh của các tổ chức tham gia chuỗi cung ứng thủy sản (cá tra và tôm) ở tỉnh Bến Tre. 300 phiếu hỏi được gửi trực tiếp đến các nhà quản lý hoặc phụ trách logistics trong các tổ chức trên. Sau 2 tháng thu thập, 153 phiếu hợp lệ đã được đưa vào phân tích. Dữ liệu được phân tích theo qui trình chuẩn gồm các bước từ phân tích nhân tố đến kiểm định độ tin cậy và phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM để kiểm định các giả thiết. Kết quả chỉ ra rằng định hướng chiến lược kết hợp cả chi phí thấp và định hướng khách hàng có tác động đến mức độ liên kết với nhà cung ứng, nhưng không ảnh hưởng đến mức độ liên kết với khách hàng. Ngoài ra, liên kết với khách hàng và nhà cung ứng đều có tác động đến kết quả kinh doanh của các tổ chức tham gia trong chuỗi cung ứng thủy sản ở Bến Tre.

**Từ khoá**: Bến Tre, chiến lược kinh doanh, liên kết chuỗi cung ứng, kết quả kinh doanh

**9. Ảnh hưởng của giá trị cảm nhận đến ý định quay lại của khách hàng**/ Trần Thị Ái Cẩm// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 278 .- Tr. 52-60.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm mục tiêu kiểm tra tác động của giá trị cảm nhận đến ý định vay vốn lại của khách hàng cá nhân. Sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng với 250 mẫu từ khách hàng đến vay vốn tại ngân hàng Agribank huyện Bác Ái – Ninh Thuận. Kết quả cho thấy cả 4 nhân tố giá trị tiền tệ, giá trị thuận tiện, giá trị cảm xúc và giá trị xã hội đều có ảnh hưởng tích cực đến ý định vay vốn lại của khách hàng. Trong đó, giá trị cảm xúc có tác động mạnh nhất đến ý định vay vốn lại của họ. Từ kết quả nghiên cứu, giúp Ban lãnh đạo ngân hàng này hiểu rõ các nhân tố giá trị cảm nhận ảnh hưởng đến ý định vay vốn lại của khách hàng để đưa ra những giải pháp nhằm thu hút ý định vay vốn lại của họ.

**Từ khoá**: Giá trị cảm nhận, giá trị tiền tệ, giá trị cảm xúc, giá trị thuận tiện, giá trị xã hội, Ý định vay vốn lại

**10. Ảnh hưởng của khống chế chi phí lãi vay đến báo cáo tài chính và định hướng cho doanh nghiệp Việt Nam/** Dương Thị Thanh Hiền// Tài chính.- 2020 .- Số 740 .- Tr. 78 – 80.

**Nội dung:** Bài viết trao đổi về những ảnh hưởng của khống chế chi phí lãi vay đến báo cáo tài chính và đưa ra những định hướng cho doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Chi phí lãi vay, doanh nghiệp, báo cáo tài chính, vốn sở hữu

**11. Ảnh hưởng của minh bạch trách nhiệm xã hội đến tỷ suất lợi nhuận: nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam**/ Lưu Thị Thái Tâm, Ngô Mỹ Trân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 571 (Tháng 08/2020) .- Tr. 96-99.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm phân tích ảnh hưởng của sự minh bạch thông tin trách nhiệm xã hội đến tỷ suất lợi nhuận kinh doanh của các công ty cổ phần niêm yết Việt Nam. Số liệu được thu thập từ 323 công ty phi tài chính niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội giai đoạn 2013-2017. Kết quả phân tích cho thấy tổng điểm minh bạch CSR chung ảnh hưởng tích cực đến khả năng sinh lời, tuy nhiên, mỗi khía cạnh minh bạch CSR thành phần lại có sự ảnh hưởng khác nhau đến khả năng sinh lời của công ty.

**Từ khóa**: trách nhiệm xã hội, tỷ suất lợi nhuận, lợi nhuận kinh doanh

**12. Ảnh hưởng của phương thức gia nhập thị trường đến việc thâm nhập tài sản địa phương của công ty đa quốc gia tại Việt Nam**/ Võ Văn Dứt// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 281 .- Tr. 35-43.

**Nội dung**: Nghiên cứu này vận dụng Lý thuyết hợp nhất tài sản để đo lường ảnh hưởng của phương thức gia nhập thị trường đến việc thâm nhập tài sản địa phương của công ty đa quốc gia tại Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu được trích từ Bộ dữ liệu điều tra của Tổng cục Thống kê tại 82 công ty con thuộc công ty đa quốc gia đang hoạt động tại Việt Nam và hồi quy tuyến tính (OLS) để kiểm định mối quan hệ này. Kết quả cho thấy rằng các công ty con thuộc công ty đa quốc gia được thành lập dưới phương thức sáp nhập hoặc mua lại (M&A) thì việc thâm nhập tài sản địa phương ít bị cản trở hơn so với các công ty con được thành lập dưới phương thức đầu tư mới (Greenfield). Các hàm ý quản trị được thảo luận trong bài viết.

**Từ khoá**: Phương thức gia nhập thị trường, tài sản địa phương, công ty đa quốc gia, công ty con

**13. Ảnh hưởng của sự hài lòng trong công việc, căng thẳng trong công việc và sự hỗ trợ của tổ chức đến ý định nghỉ việc của nhân viên**/ Trần Thế Nam, Nguyễn Ngọc Hạnh, Phạm Thị Tuyết Nhung// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 146 .- Tr. 62-69.

**Nội dung**: Việc tìm ra các tiền tố ảnh hưởng đến ý định nghỉ việc ở nhân viên là một đề tài thú vị. Mục đích của nghiên cứu này nhằm phân tích những tác động của sự hài lòng trong công việc, những áp lực trong công việc và sự hỗ trợ của tổ chức đến ý định nghỉ việc của nhân viên tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Tp. Hồ Chí Minh. Mô hình phương trình cấu trúc đã được sử dụng để kiểm tra các giả thuyết bằng việc phân tích dữ liệu của 635 nhân viên. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng các tiền tố được đề xuất nghiên cứu có ảnh hưởng đến ý định nghỉ việc. Các kết quả nghiên cứu có ý nghĩa ở cả hai góc độ: lý thuyết lẫn thực hành. Về mặt lý thuyết, kết quả nghiên cứu củng cố lý thuyết trao đổi xã hội cùng với mô hình nguồn lực và yêu cầu của công việc. Trên thực tế, các nhà quản lý nên cung cấp môi trường làm việc tốt hơn để nhân viên cảm thấy an toàn, thoải mái và nhận được sự giúp đỡ từ người khác, đa dạng hóa công việc và trao nhiều quyền tự chủ hơn cho cấp dưới.

**Từ khoá**: Sự hài lòng, căng thẳng trong công việc, hỗ trợ của tổ chức, ý định nghỉ việc

**14. Ảnh hưởng của sự không phù hợp bằng cấp, kỹ năng và ngành nghề đến thu nhập người lao động trong các doanh nghiệp ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long**/ Ngô Mỹ Trân, Lương Thị Thanh Trang// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 142 .- Tr. 62-72.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm phân tích sự ảnh hưởng của việc làm không phù hợp đến thu nhập của người lao động trong các doanh nghiệp ở Vùng Đồng bằng sông Cửu Long dựa trên số liệu khảo sát 1.300 người lao động. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự ảnh hưởng tiêu cực của việc làm không phù hợp đến thu nhập của người lao động. Cụ thể là, người lao động có bằng cấp dưới chuẩn so với yêu cầu công việc được tìm thấy có thu nhập thấp hơn những người có bằng cấp đúng chuẩn. Ngoài ra, có bằng chứng thống kê cho thấy người lao động có kỹ năng vượt chuẩn có thu nhập thấp hơn so với người đáp ứng đúng kỹ năng công việc đòi hỏi. Bên cạnh đó, bằng chứng thống kê còn cho thấy người lao động làm những công việc ít có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo có thu nhập thấp hơn người làm đúng với chuyên ngành đã học.

**Từ khoá**: Đồng bằng sông Cửu Long, thu nhập, không phù hợp, bằng cấp, kỹ năng, ngành nghề

**15. Ảnh hưởng của sự trải nghiệm tới sự hài lòng và hành vi mua lại của khách hàng : nghiên cứu trong lĩnh vực nhà hàng**/ Phạm Hồng Chương, Nguyễn Hải Sơn và Phạm Thị Huyền// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 142 .- Tr. 24-32.

**Nội dung**: Nghhiên cứu được thực hiện nhằm xác định mức độ ảnh hưởng của sự trải nghiệm bữa ăn đối với hành vi quay trở lại của khách hàng với nhà hàng buffet trên địa bàn thành phố Hà Nội, trên cơ sở phương pháp lấy mẫu tiện lợi với bảng câu hỏi cấu trúc được sử dụng để thu thập dữ liệu và phân tích bằng SPSS. Kết quả cho thấy sự trải nghiệm bữa ăn gồm chất lượng phục vụ của nhân viên, chất lượng thực phẩm và cảm nhận về giá là ba yếu tố chính ảnh hưởng đến sự hài lòng của thực khách tại các nhà hàng buffet. Khi hài lòng, thực khách không chỉ quay trở lại mà còn sẽ giới thiệu thêm người thân quen tới nhà hàng. Để duy trì và phát triển khách hàng, các nhà hàng cần đảm bảo chất lượng phục vụ của nhân viên, chất lượng đồ ăn và đặc biệt, với các nhà hàng buffet, việc công khai mức giá là cần thiết.

**Từ khoá**: Trải nghiệm khách hàng, hành vi sau mua, nhà hàng buffet

**16. Ảnh hưởng của tài chính vi mô tới thu nhập của hộ nghèo ở các huyện miền núi tỉnh Thanh Hoá**/ Nguyễn Minh Ngọc// Tài chính .- 2019 .- Số 717 .- Tr. 98 – 100.

**Nội dung**: Phân tích tác động của tài chính vi mô đến thu nhập của các hộ nghèo ở các huyện miền núi, tỉnh Thanh hoá thông qua khảo sát 310 hộ nghèo có sử dụng dịch vụ tài chính vi mô tại các tổ chức tài chính vi mô chính thức và bán chính thức tỉnh Thanh Hoá.

**Từ khoá**: Hộ nghèo, Tài chính vi mô, Thu nhập, Thanh Hoá.

**17. Ảnh hưởng của tỷ suất sinh lời trong quá khứ đến hiệu quả tài chính đo lường bằng giá trị thị trường của các công ty niêm yết trên sàn chứng khoán ngành sản xuất, chế biến thực phẩm tại Việt Nam**/ Lê Thanh Huyền// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 147 .- Tr. 17-25.

**Nội dung**: Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ suất sinh lời trong quá khứ đến hiệu quả tài chính được đo lường bằng giá trị thị trường của doanh nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế chuyển đổi mới nổi. Để hoàn thành mục tiêu nghiên cứu, tác giả đã khai thác số liệu của 29 công ty niêm yết thuộc ngành sản xuất, chế biến thực phẩm tại Việt Nam trong giai đoạn 2014 - 2019. Dữ liệu được phân tích bằng phần mềm STATA 14. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy, cả hai biến trễ ROA và ROE đều có tác động dương và có ý nghĩa thống kê đến hiệu quả tài chính được đo lường bằng tỷ suất Tobin’s Q.

**Từ khoá**: Khả năng sinh lời, Hiệu quả tài chính, Giá trị thị trường, Ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm

**18. Ảnh hưởng của yếu tố kinh tế vĩ mô đến nợ công ở một số quốc gia Châu Á**/ Nguyễn Ngọc Hùng// Tài chính.- 2020 .- Số 735 .- Tr. 11 – 13.

**Nội dung:** Nghiên cứu ảnh hưởng của yếu tố kinh tế vĩ mô đến nợ công ở một số quốc gia châu Á, trong đó có Việt Nam. Bằng phương pháp nghiên cứu định lượng, dữ liệu bảng được thu thập từ ngân hàng thế giới và quỹ tiền tệ quốc tế, kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố kinh tế vĩ mô có tác động đến nợ công. Qua đó, tác giả đề xuất một số khuyến nghị về yếu tố kinh tế vĩ mô giúp chỉnh phủ các nước nói chung, Việt Nam nói riêng hoạch định và hoàn thiện quản lý nợ công trong tương lai.

**Từ khóa:** Ảnh hưởng, yếu tố kinh tế vĩ mô, nợ công, quốc gia châu Á

**19. Ảnh hưởng từ các yếu tố nội tại tới hoạt động mua sắm xanh của doanh nghiệp ở Việt Nam/** Đỗ Hương Giang// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 146 .- Tr. 41-49.

**Nội dung**: Nghiên cứu này là khám phá các yếu tố nội tại doanh nghiệp (DN) ảnh hưởng đến hoạt động mua sắm xanh. Nghiên cứu chính thức được thực hiện với 427DN đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại Việt Nam thông qua phương pháp khảo sát trực tiếp và trực tuyến. Phương pháp mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) được sử dụng để phân tích dữ liệu nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu đã xác định được bốn yếu tố nội tại DN ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động mua sắm xanh, bao gồm: (i) Trách nhiệm xã hội của DN, (ii) Cam kết của ban lãnh đạo, (iii) Kỳ vọng đạt được lợi ích kinh doanh và (iv) Rào cản về chi phí. Trong đó, trách nhiệm xã hội là yếu tố có ảnh hưởng tích cực và mạnh nhất tới hoạt động mua sắm xanh của các DN.

**Từ khoá**: Mua sắm xanh, trách nhiệm xã hội, rào cản về chi phí, yếu tố nội tại

**20. Ảnh hưởng từ quảng cáo trên nền tảng youtube đến ý định mua của người tiêu dùng thành phố Hồ Chí Minh**/ Bùi Thị Thu// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 578 .- Tr. 13 – 16.

**Nội dung:** Nghiên cứu kiểm tra độ tin cậy của thang đo bằng hệ số crobach’s Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích hồi quy bội. Kế quả cho thấy người tiêu dùng xem 5 yếu tố: Sự tin cậy, tính thông tin, người nổi tiếng, tính giải trí và sự phiền nhiễu có trong quảng cáo trên nền tảng youtube ảnh hưởng đến ý định mau hàng hoá hoặc sử dụng dịch vụ mà họ cần. Thông qua kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số hàm ý đóng góp giúp cho doanh nghiệp nghiên cứu và cải thiện các mẫu quảng cáo của mình hiệu quả hơn.

**Từ khóa:** Quảng cáo, youtube, người tiêu dùng

**21. Áp dụng mô hình ARDL nghiên cứu tác động của các chỉ số giá đến thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Nguyễn Thu Thuỷ, Nguyễn Việt Dũng, Tạ Thúy Quỳnh// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 143 .- Tr. 2-10.

**Nội dung**: Phân tích tác động của tỷ giá, giá dầu thô và giá vàng thế giới đến thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn tháng 10/2007 đến tháng 10/2019. Sử dụng mô hình phân phối trễ tự hồi quy (Autoregressive Distributed Lag - ARDL) kết hợp với phương pháp kiểm định đường bao (Bound test) làm cơ sở xác định tác động dài hạn, sau đó dùng mô hình hiệu chỉnh sai số (ECM) để phân tích tác động ngắn hạn, kết quả thực nghiệm đã chứng minh được mối quan hệ dài hạn và ngắn hạn giữa các chỉ số giá được lựa chọn với chỉ số VN-Index. Cụ thể, trong dài hạn, tỷ giá hối đoái và giá vàng tác động ngược chiều trong khi giá dầu tác động cùng chiều đến chỉ số VN-Index. Sự biến động trong ngắn hạn sẽ được điều chỉnh trở về trạng thái cân bằng dài hạn với mức độ 6.4%. Dựa trên kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất một vài giải pháp để phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam một cách bền vững.

**Từ khoá**: Lợi tức chứng khoán, tỷ giá hối đoái, giá dầu thô, giá vàng

**22. Áp dụng mô hình sản xuất tinh gọn: Trường hợp công ty Thuận Hưng Long An**/ Lê Quang Hùng, Nguyễn Thanh Hùng// Tài chính .- 2019 .- Số 717 .- Tr. 89 – 91.

**Nội dung**: Bằng phương pháp thống kê, khảo sát, phân tích, thảo luận với các nhà quản lý, nghiên cứu này đánh giá thực trạng hệ thống sản xuất của doanh nghiệp và các dạng lãng phí đang tồn tại, qua đó, làm rõ cơ hội cắt giảm lãng phí khi áp dụng mô hình sản xuất tinh gọn cho doanh nghiệp nói chung và Công ty Thuận Hưng Long An nói riêng.

**Từ khóa**: Mô hình sản xuất, Lean, Công ty

**23. Bàn về hiệu quả quản lý và sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp**/Trần Kim Chung, Nguyễn Văn Tùng/ Tài chính.- 2020 .- Số 732.- Tr.10 – 13.

**Nội dung:** Vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp có vai trò quan trọng để hình thành và duy trì doanh nghiệp hoạt động ở những lĩnh vực then chốt, thiết yếu, những địa bàn quan trọng; những lĩnh vực mà các thành phần kinh tế khác không đầu tư, ứng dụng công nghệ cao, nhằm tạo động lực phát triển nhanh cho các ngành, lĩnh vực khác và nền kinh tế. thời gian qua việc quản lý, sử dụng nguồn vốn này đã mang lị nhiều kết quả tích cực, tuy nhiên vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra cần tiếp tục có những giải pháp, đổi mới, cải cách.

**Từ khoá:** Vốn nhà nước,đầu tư, doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hoá.

**24. Bảo hiểm thất nghiệp trong nền kinh tế thị trường và tình hình thực hiện tại Việt Nam**/ Bùi Thị Ngọc, Phạm Hải Hưng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 69-71.

**Nội dung**: Bài viết phân tích các nguyên nhân thất nghiệp trong nền kinh tế thị trường và vai trò của bảo hiểm thất nghiệp; Thực trạng thực hiện bảo hiểm thất nghiệp tại Việt Nam và một số kiến nghị về chính sách bảo hiểm thất nghiệp.

**Từ khoá**: Bảo hiểm thất nghiệp, kinh tế thị trường, Việt Nam

**25. Bảo mật thông tin khách hàng khi sử dụng dịch vụ ngân hàng số**/ TS. Nguyễn Thị Thái Hưng// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 540+541 .- Tr. 36-43.  
**Nội dung**: Cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang diễn ra với tốc độ nhanh, tạo ra những thay đổi rõ rệt trong lĩnh vực ngân hàng, đặc biệt làm thay đổi kênh phân phối và các sản phẩm dịch vụ ngân hàng truyền thống. Sự thay đổi này dẫn đến phải thay đổi mô hình quản trị, cấu trúc quản lý, thay đổi các sản phẩm dịch vụ trong các ngân hàng, đồng thời phải tăng cường quản trị rủi ro, đảm bảo an ninh mạng và bảo vệ thông tin của khách hàng.  
**Từ khoá**: Cách mạng công nghiệp 4.0; ngân hàng số; thông tin khách hàng; ngân hàng truyền thống

**26. BITCOIN, LIBRA tiền thuật toán thách thức tư duy chính sách**/ ThS. Phạm Xuân Hoè// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 540+541 .- Tr. 56-61.

**Nội dung**: Phân tích cụ thể khái niệm của tiền thuật toán, đặc biệt với hai đồng tiền thuật toán là Bitcoin và Libra, bài viết đánh giá sự ảnh hưởng của tiền ảo/ tiền thuật toán nói chung đến tư duy chính sách của các nhà quản lý ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Bitcoin, Libra, tiền ảo

**27. Biện pháp tạo động lực cho nhân viên tại công ty cổ phần viễn thông FPT Đà Nẵng**/ Trương Hoàng Hoa Duyên, Lê Phúc Minh Chuyên // Tài chính .- 2019 .- Số 705 .- Tr. 123 – 126.

**Nội dung**: Bài viết phân tích những yếu tố tạo động lực cho người lao động tại công ty Cổ phần Viễn thông FPT – Chi nhánh Đà Nẵng, kết quả nghiên cứu cho thấy, 4 nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại công ty gồm: Bản chất công việc, tiền lương, phúc lợi, môi trường làm việc.

**Từ khóa**: Động lực, lao động, yếu tố, công ty, kinh doanh

**28. Các biện pháp phi thuế quan tại Việt Nam: thực trạng và hàm ý chính sách**/ Lê Ngọc Phương Trầm// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 577 .- Tr. 50 – 52.

**Nội dung:** Bài viết làm rõ thực trạng các biện pháp phi thuế quan tại Việt Nam từ đó đưa ra một số hàm ý chính sách.

**Từ khóa**: Phi thuế quan, thực trạng, chính sách

**29. Các công cụ kỹ thuật gian lận, trốn thuế và kinh nghiệm chống lận, trốn thuế trong kỷ nguyên số**/ Vũ Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thị Kim Huyền// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 205 .- Tr. 18-22.

**Nội dung**: Giới thiệu các kỹ thuật gian lận thuế và kinh nghiệm chống gian lận trong kỷ nguyên số mà các nước OECD đã tổng kết.

**Từ khoá**: Thuế, kỹ thuật gian lận, chống gian lận, kinh nghiệm

**30. Các đặc trưng tính cách cá nhân ảnh hưởng tới ý định đầu tư chứng khoán thông qua nhận thức rủi ro, nhận thức sự không chắc chắn và đánh giá kết quả đầu tư**/ Nguyễn Hữu Thọ, Trần Hà Minh Quân// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 145 .- Tr. 56-65.

**Nội dung**: Đặc điểm năm tính cách ảnh hưởng đến việc ra quyết định của nhà đầu tư cá nhân và được quan tâm bởi nhiều nhà nghiên cứu trong thời gian gần đây. Tuy nhiên, ít tác giả đề cập đến đặc điểm năm tính cách ảnh hưởng đến ý định đầu tư chứng khoán. Do đó, nghiên cứu tìm hiểu nhằm khám phá các đặc trưng tính cách cá nhân ảnh hưởng tới ý định đầu tư chứng khoán thông qua nhận thức về rủi ro, nhận thức về sự không chắc chắn, và đánh giá về kết quả đầu tư. Nghiên cứu thực hiện dựa trên kết quả trả lời hợp lệ của 465 nhà đầu tư cá nhân cho thấy: (i) Tính hướng ngoại ảnh hưởng cùng chiều đến nhận thức rủi ro và nhận thức sự không chắc chắn, tính dễ chịu ảnh hưởng cùng chiều và tính nhạy cảm ảnh hưởng trái chiều đến nhận thức về sự không chắc chắn. (ii) Nhận thức rủi ro và sự không chắc chắn ảnh hưởng cùng chiều đến kết quả đầu tư. (iii) Kết quả đầu tư ảnh hưởng cùng chiều đến ý định đầu tư. (iv) Vai trò trung gian của nhận thức rủi ro, sự không chắc chắn, kết quả đầu tư trong mối quan hệ giữa đặc điểm năm tính cách với ý định đầu tư.

**Từ khoá**: Kết quả đầu tư, nhận thức rủi ro, tính cách cá nhân, ý định đầu tư

**31. Các giải pháp đẩy mạnh phân phối thực phẩm an toàn ở Việt Nam**/ Trần Phương Mai// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 576 .- Tr. 28 – 30.

**Nội dung**: Bài viết đề cập đến thực trạng tiêu thụ sản phẩm an toàn ở nước ta đồng thời đề xuất các giải pháp đẩy mạnh phân phối thực phẩm an toàn trên địa bàn cả nước.

**Từ khóa:** Hệ thống tài chính Việt Nam, thị trường tài chính

**32. Các mặt hàng nông sản Việt Nam : Rủi ro về giá và vấn đề phòng vệ**/ TS. Nguyễn Thị Nhung, CN. Nguyễn Thị Thu // Tài chính Doanh nghiệp .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 10-16.

**Nội dung**: Bài viết đề xuất một số kiến nghị dành cho người nông dân và doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước, các trung gian tài chính bao gồm các ngân hàng thương mại và sở giao dịch hàng hóa, nhằm nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro về giá của các mặt hàng nông sản tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Rủi ro về giá, phòng vệ rủi ro về giá, nông sản Việt Nam

**33. Các mô hình đo lường giá trị nguồn nhân lực trong kế toán nguồn nhân lực/**Trần Thị Ngọc Hân, Nguyễn Bá Linh/ Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.95 - 98.

**Nội dung:** Theo quan niệm của kế toán truyền thống, tất cả các chi phí hình thành vốn nhân lực được coi là một khoản phí trừ vào doanh thu trong kỳ vì nó không tạo ra bất kỳ tài sản vật chất nào. Hiện nay, khái niệm này đã thay đổi và chi phí phát sinh cho bất kỳ tài sản nào nên được vốn hóa vì nó mang lại lợi ích có thể đo lường được bằng tiền. Bài viết giới thiệu các mô hình định giá nguồn nhân lực cơ bản được sử dụng trong kế toán quản trị nguồn nhân lực, qua đó đánh giá ưu điểm, nhượt điểm của từng mô hình.

**Từ khoá:** Kế toán nguồn nhân lực, nguồn nhân lực, kế toán quản trị.

**34. Các mô hình kết hợp giữa hoà giải và trọng tài trong bối cảnh trực tuyến**/ Hà Công Anh Bảo, Nguyễn Thị Trang// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 55-57.

**Nội dung**: Bài viết đề cập đến những mô hình kết hợp giữa hoà giải trực tuyến, trên cơ sở đó nhằm phân tích ưu và nhược điểm của các mô hình, đồng thời sẽ đánh giá khả năng triển khai của các mô hình kết hợp này trong môi trường giải quyết tranh chấp trực tuyến.

**Từ khoá**: Hoà giải và trọng tài, mô hình kinh doanh, Med-Arb

**35. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính tác động đến quyết định nhà đầu tư**/ Vũ Hải Yến, Tạ Thị Thu Hạnh// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 206 .- Tr. 53-58.

**Nội dung**: Nghiên cứu cho ra kết quả các nhân tố có ảnh hưởng cùng chiều đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính như quy mô của công ty, sự cam kết của nhà quản trị, trình độ năng lực của kế toán, chất lượng phần mềm kế toán, các chính sách về thuế, hệ thống các quy định pháp quy về kế toán và kiểm toán độc lập...

**Từ khoá**: Chất lượng thông tin, nhân tố ảnh hưởng, báo cáo tài chính

**36. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của doanh nghiệp về hoạt động kiểm tra sau thông quan**/ Trần Ngọc Khoa, Bùi Văn Trịnh // Tài chính .- 2019 .- Số 711 .- Tr. 59 – 61.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của doanh nghiệp về hoạt động kiểm tra sau thông quan tại Cục Hải quan TP. Cần Thơ thông qua việc thu thập số liệu từ phỏng vấn các doanh nghiệp đang làm thủ tục xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan Thành phố.

**Từ khoá**: Ảnh hưởng, hài lòng, hải quan, nhân tố, kiểm tra, thông quan

**37. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn TP. Bến Tre**/ Phước Minh Hiệp, Võ Thị Bích Phương // Tài chính .- 2019 .- Số 711 .- Tr. 66 – 69.

**Nội dung**: Thu thập dữ liệu từ 313 doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn TP. Bến Tre, sử dụng phương pháp hồi quy đa biến, nghiên cứu đã tìm ra được 6 nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn, từ đó tác giả đề xuất 6 nhóm giải pháp giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn TP. Bến Tre.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhân tố, hiệu quả kinh doanh, TP. Bến Tre

**38. Các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh doanh nghiệp nhỏ và vừa: trường hợp của tỉnh Kiên Giang**/ Nguyễn Thị Hường// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 278 .- Tr. 61-70.

**Nội dung**: Bài báo này phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa, nghiên cứu trường hợp của tỉnh Kiên Giang. Kết quả phân tích 457 mẫu khảo sát doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chủ yếu của tỉnh với phương pháp mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM), cho thấy có 10 nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Các nhân tố ảnh hưởng sắp xếp theo thứ tự giảm dần như sau: Năng lực sản xuất (0,174), Năng lực marketing (0,159), Năng lực liên kết và tạo lập các mối quan hệ (0,149), Năng lực thâm nhập thị trường (0,147), Năng lực tổ chức quản lý doanh nghiệp (0,146), Năng lực tài chính (0,135), Thể chế chính sách (0,132), Nguồn nhân lực (0,130), Năng lực công nghệ và đổi mới (0,127), và Trách nhiệm xã hội (0,078). Kết quả rút ra những hàm ý quản trị về học thuật cũng như thực tiễn, góp phần giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao năng lực cạnh tranh của mình.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Năng lực cạnh tranh, Nhân tố ảnh hưởng, Kiên Giang

**39. Các nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu nguồn vốn của các doanh nghiệp thực phẩm niêm yết Việt Nam**/ Trần Thị Hoa// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 66-68.

**Nội dung**: Bài viết xác định hướng tác động của các nhân tố đến cơ cấu nguồn vốn của các doanh nghiệp thực phẩm niêm yết Việt Nam thông qua mẫu nghiên cứu gồm 18 doanh nghiệp thực phẩm niêm yết.

**Từ khoá**: nhân tố ảnh hưởng, cơ cấu nguồn vốn, doanh nghiệp thực phẩm, niêm yết

**40. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng cá nhân về chất lượng dịch vụ tiền gửi tiết kiệm tại Agribank - Chi nhánh Hóc Môn**/ Đoàn Thị Bình// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 571 (Tháng 08/2020) .- Tr. 54-56.

**Nội dung**: Nghiên cứu các định và ước lượng mức độ tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng cá nhân về chất lượng dịch vụ dịch vụ tiền gửi tiết kiệm tại Agribank - Chi nhánh Hóc Môn.

**Từ khóa**: sự hài lòng của khách hàng, tiền gửi tiết kiệm, chất lượng, ngân hàng Agribank

**41. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Tỉnh Sóc Trăng**/ Nguyễn Hồng Hà, Trang Thanh Ngân// Tài chính .- 2019 .- Số 716 .- Tr. 112 – 115.

**Nội dung**: Nghiên cứu tìm ra 8 yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, tác giả đề xuất các hàm ý chính sách nâng cao hiệu quả quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng thời gian tới.

**Từ khoá**: Quản lý thuế, Thu nhập doanh nghiệp, Công ty cổ phần.

**42. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Trường Đại học Bạc Liêu**/ Nguyễn Thị Thu Hậu// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 206 .- Tr. 42-44.

**Nội dung**: Trình bày 5 nhân tố ảnh hưởng đến sự hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Trường Đại học Bạc Liêu: môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin truyền thông và giám sát. Đồng thời đưa ra các đề xuất, nhằm giúp trường vượt qua những khó khăn hiện tại và đạt được thành công trong tương lai.

**Từ khoá**: Kiểm soát nội bộ, Sự hữu hiệu

**43. Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ trồng lúa tại huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh**/ Ngô Chí Tâm, Lê Minh Quốc // Tài chính .- 2019 .- Số 705 .- Tr. 175 – 177.

**Nội dung**: Nhóm tác giả đã tiến hành phỏng vấn trực tiếp 200 hộ nông dân tại 5 xã thuộc huyện Châu Thành, thông qua mô hình hồi quy tuyến đa biến để có đươc kết quả là 7 biến ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ. Dựa vào kết quả nghiên cứu, đề xuất hàm ý chính sách nhằm góp phần nâng cao thu nhập nông hộ trồng lúa trên địa bàn Huyện trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Nhân tố ảnh hưởng, thu nhập, nông hộ trồng lúa, Châu Thành, Trà Vinh

**44. Các nhân tố ảnh hưởng đến triển khai E-CRM thành công tại hãng Hàng không quốc gia Việt Nam**/ Nguyễn Thị Khánh Chi// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 142 .- Tr. 45-51.

**Nội dung**: Nghiên cứu việc thực hiện quản trị quan hệ khách hàng điện tử (e-CRM) của Hãng hàng không Quốc gia Việt Nam (Vietnam Airlines), bài viết tập trung xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quản trị quan hệ khách hàng điện tử. Phương pháp nghiên cứu định lượng được thực hiện dựa trên khảo sát 300 người tham gia triển khai e-CRM tại Vietnam Airlines. Số liệu thu thập được phân tích qua công cụ CFA và SEM của phần mềm AMOS SPSS 20.0. Kết quả nghiên cứu đúc kết bốn nhân tố có ảnh hưởng trực tiếp đến triển khai e-CRM, bao gồm Định hướng khách hàng, Quản trị tri thức, Tổ chức và Công nghệ thông tin. Và nghiên cứu cũng cho thấy kết quả triển khai e-CRM tác động nhiều nhất đến hoạt động tài chính và marketing của Vietnam Airlines.

**Từ khoá**: Định hướng khách hàng, quản trị tri thức, tổ chức, công nghệ thông tin

**45. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc tiếp cận vốn vay của hộ nghèo tại huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh**/ Trần Huy Hoàng, Nguyễn Mai Thu Uyên // Tài chính .- 2019 .- Số 711 .- Tr. 85 – 87.

**Nội dung**: Nghiên cứu tìm ra được các yếu tố có ảnh hưởng lớn đến khả năng tiếp cận vốn vay hộ nghèo. Nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận vốn vay cho hộ nghèo tại Ngân hàng Chính sách xã hội tại huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

**Từ khoá**: Hộ nghèo, hồi quy nhị phân, tiếp cận vốn vay, tín dụng

**46. Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên : nghiên cứu trường hợp sinh viên trên địa bàn Hà Nội**/ Nguyễn Đình Toàn// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 510 .- Tr. 37-46.

**Nội dung**: Khảo sát 227 sinh viên của các trường đại học lớn ở Hà Nội. Kết quả chỉ ra rằng có 3 nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên; nhu cầu thành tích; sự tiwj tin vào năng lực bản thân; nhân tố môi trường. Từ đó đưa ra một số kiến nghị.

**Từ khoá**: Ý định khởi nghiệp, nhu cầu thành tích, điểm kiểm soát tâm lý

**47. Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua hàng thời trang trực tuyến thông qua Facebook của khách hàng tại thành phố Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Tuấn Đạt, Nguyễn Huyền Trang// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 574 (Tháng 10/2020) .- Tr. 99-101.

**Nội dung**: Quá trình nghiên cứu với phương pháp định tính kết hợp với định lượng đối với 246 mẫu quan sát, kết quả cho thấy các yếu tố có tác động tích cực đến ý định mua sắm qua mạng xã hội của người dùng. Từ đó, doanh nghiệp cần sử dụng hiệu quả các chức năng của Facebook để thúc đẩy phát triển thương hiệu và gia tăng nhận thức của người tiêu dùng về sản phẩm.

**Từ khoá**: mua hàng, thời trang, mua hàng trực tuyến, mạng xã hội, facebook, TP. Hồ Chí Minh

**48. Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua thực phẩm an toàn của người tiêu dùng tại tỉnh Đồng Nai**/ Tạ Thị Thanh Hương // Tài chính .- 2019 .- Số 705 .- Tr. 169 – 171.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua thực phẩm an toàn của người tiêu dùng tại tỉnh Đồng Nai bằng phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 6 nhân tố với 35 biến quan sát sử dụng thang đo likert 5 điểm có tác động cùng chiều.

**Từ khóa**: Nhân tố ảnh hưởng, ý định mua, thực phẩm an toàn, người tiêu dùng, tỉnh Đồng Nai

**49. Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng ứng dụng gọi xe : trường hợp nghiên cứu tỉnh Bình Dương**/ Nguyễn Ngọc Mai, Nguyễn Thị Minh Thảo// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 143 .- Tr. 82-88.

**Nội dung**: Trong xã hội hiện đại ngày nay, các ứng dụng công nghệ được nhiều người biết đến và sử dụng, trong đó có ứng dụng gọi xe. Ý định sử dụng của khách hàng là thước đó giá trị cho một thương hiệu. Vì vậy, mục tiêu của nghiên cứu này là xác định các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng các ứng dụng (App) gọi xe và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đó. Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp định lượng, kết quả nghiên cứu cho thấy có 3 nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng các app gọi xe: sự hữu ích của các app gọi xe, ảnh hưởng xã hội và yếu tố kiểm soát hành vi. Từ đó giúp cho các doanh nghiệp kinh doanh app gọi xe có chính sách và quyết định nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh trên thị trường hiện nay.

**Từ khoá**: Ứng dụng gọi xe, ý định sử dụng, sự hữu ích, ảnh hưởng xã hội, kiểm soát hành vi

**50. Các nhân tố tác động đến quyết định sử dụng ví điện tử của người dân tại TP. Hồ Chí Minh/** Võ Thị Ngọc Hà, Nguyễn Thị Huỳnh Như// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 23 .- Tr. 28-33.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng các mô hình lý thuyết chấp nhận công nghệ TRA, TAM, TPB, TAM mở rộng, C-TAM-TPB để khám phá và phân tích lần lượt các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng VĐT của người dân tại TP Hồ Chí Minh, với gần 300 mẫu khảo sát được thực hiện trong suốt quý II/2020.

**Từ khoá**: Ví điện tử, công nghệ tài chính, thanh toán trực tuyến

**51. Các yếu tố ảnh hưởng đến hợp tác kinh tế của các hộ trồng rừng sản xuất trên địa bàn Tỉnh Yên Bái**/ Chu Thị Thu, Đinh Đức Trường, Trần Thị Thu Hà// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 277 .- Tr. 53-62.

**Nội dung**: Sự hiểu biết về hợp tác kinh tế của các hộ trồng rừng sản xuất là rất quan trọng để hướng tới phát triển các mô hình kinh tế hợp tác hiện nay, một trong những mô hình kinh tế phù hợp nhất cho quy mô sản xuất nhỏ, manh mún trong lĩnh vực nông lâm nghiệp. Trong bài báo này, chúng tôi dựa trên mô hình lý thuyết hành vi của A. Heidenberg (2002) tiến hành điều tra khảo sát 120 hộ trồng rừng sản xuất ở tỉnh Yên Bái, với 2 nhóm hộ tham gia hợp tác kinh tế và không hợp tác kinh tế. Kết quả cho thấy giữa 2 nhóm hộ, kết quả sản xuất và hiệu quả kinh tế trong trồng rừng sản xuất của nhóm hộ hợp tác kinh tế tốt hơn. Trong các biến độc lập, nhóm nhân tố thuộc về đặc điểm sản xuất của các hộ, nhận thức của hộ và nhóm nhân tố thuộc về nguồn thông tin có tác động khá mạnh đến quyết định tham gia hợp tác kinh tế của họ.

**Từ khoá**: Hộ trồng rừng, rừng trồng sản xuất, hợp tác kinh tế, quyết định tham gia, Yên Bái

**52. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng của doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn Hà Nội/** TS. Dương Hữu Tuyến, TS. Trần Đức Thung// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 121-124.

**Nội dung:** Phân tích, đánh giá cácyếu tố cơ bản ảnh hưởng đến hoạt động chăm sóc khách hàng tại các trung tâm dịch vụ khách hàng, các doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội sẽ có những giải pháp cơ bản nhằm đạt được sự hài lòng của khách hàng khi đến giao dịch tại các trung tâm dịch vụ khách hàng.

**Từ khóa**: Chăm sóc khách hàng, chất lượng dịch vụ, doanh nghiệp viễn thông

**53. Các yếu tố ảnh hưởng đến Marketing 4.0 trong bối cảnh kinh tế số và hàm ý đối với Việt Nam**/ Phạm Thị Bích Thủy// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 568 .- Tr. 4-6.

**Nội dung**: Nhận diện Marketing 4.0 từ góc độ lịch sử và từ đó đưa ra các yếu tố ảnh hưởng tới marketing 4.0 trong bối cảnh kinh tế số đáng phát triển như vũ bão trên thế giới và ngay cả ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Marketing 4.0, kinh tế số

**54. Các yếu tố ảnh hưởng đến nâng cao năng lực cạnh tranh trong đấu thầu xây lắp tại Công ty 59-Bộ Quốc Phòng/** Nguyễn Đình Chức, Trần Quang Phú// Xây dựng .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 109-114.

**Nội dung:** Đánh giá tác động các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh trong đấu thầu xây lắp tại Công ty 59-Bộ Quốc Phòng, bằng việc khảo sát 235 khách hàng là chủ đầu tư và các đối tác của công ty trong những năm qua.

**Từ khóa**: Năng lực cạnh tranh, đấu thầu xây lắp, Công ty 59-Bộ Quốc Phòng

**55. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện của người dân trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang**/ Nguyễn Hồng Hà, Lê Văn Công// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 572 .- Tr. 103-105.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm mục đích đề xuất các hàm ý chính sách nâng cao sự tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện (BHXHTN) của người dân trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nhằm ổn định an sinh xã hội trên địa bàn. Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp 200 người dân đã và đang tham gia BHXTTN, bằng phương pháp phân tích hồi quy đa biến; nhóm tác giả đã tìm ra được 4 yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia BHXHTN của người dân là: Gia đình, cảm nhận hành vi xã hội, quan tâm sức khỏe, và kiểm soát hành vi. Từ kết quá nghiên cứu trên, nhóm tác giả đã đề xuất các hàm ý chính sách góp phần nâng cao sự tham gia BHXHTN của người dân tại huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang thời gian tới.

**Từ khoá**: Bảo hiểm xã hội, Người dân, Quyết định, Yếu tố ảnh hưởng, Tự nguyện

**56. Các nhân tố tác động đến sự thoả mãn công việc của cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Bình Dương**/ Đoàn Ngọc Phúc// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 16-18.

**Nội dung**: Bài viết phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự thoả mãn trong công việc của các cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Dữ liệu nghiên cứu dựa trên cuộc khảo sát 327 của cán bộ, công chức đang làm việc trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Kết quả cho thấy các nhân tố bản chất công việc, lãnh đạo; thu nhập và phúc lợi; đào tạo và thăng tiến và mối quan hệ với đồng nghiệp, điều kiện làm việc tác động tích cực đến sự thoả mãn trong công việc của các cán bộ, công chức đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

**Từ khoá**: sự thoả mãn, nhân tố tác động, cán bộ, công chức

**57. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiết kiệm điện của cư dân đô thị Hà Nội**/ Lê Thị Thu Hiền// Nghiên cứu Kinh tế .- 2020 .- Số 9(508) (Tháng 09/2020) .- Tr. 81-90.  
**Nội dung**: Bài viết tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiết kiệm điện của dân cư đô thị Hà Nội dựa vào kết quả điều tra khảo sát thực tế. Nghiên cứu sử dụng phương pháp kiểm định hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA và mô hình hồi quy đa biến.

**Từ khoá**: hành vi tiết kiệm điện, dự định tiêu dùng, Hà Nội

**58. Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn ngân hàng : trường hợp hộ nuôi tôm tại huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh**/ Nguyễn Hồng Hà, Lê Minh Thư// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 116-118.

**Nội dung**: Bài viết phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn ngân hàng. Kết quả nghiên cứu cho thấy: có 8 yếu tố ảnh hưởng đến việc tiếp cận vốn vay ngân hàng của các hộ nuôi tôm trên địa bàn huyện sắp xếp theo thứ tự từ thấp đến cao. Từ đó, đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao hơn nữa khả năng tiếp cận vốn ngân hàng của hộ nuôi tôm tại huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

**Từ khoá**: các yếu tố ảnh hưởng, tiếp cận vốn, vốn ngân hàng, nuôi tôm, logistic

**59. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định gửi tiền tiết kiệm tại Agribank Trà Vinh**/ Dương Thị Thương Châu// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 564 (Tháng 05/2020) .- Tr. 103-105

**Nội dung**: Thực trạng gửi tiết kiệm tại Agribank Trà Vinh; Đánh giá của khách hàng về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định gửi tiền tiết kiệm tại Agribank Trà Vinh; Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định gửi tiền tiết kiệm tại Agribank Trà Vinh; Một số kiến nghị.

**Từ khoá**: Gửi tiền tiết kiệm, ngân hàng Agribank

**60. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công của bán lẻ trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0**/ Ngạc Thị Phương Mai// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 564 (Tháng 05/2020) .- Tr. 34-36.

**Nội dung**: Bài viết chỉ ra sự ảnh hưởng của công nghệ đến các nhà bán lẻ, với các yếu tố ảnh hưởng, là gợi ý mô hình nghiên cứu cho các doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh bán lẻ trong thời đại mới.

**Từ khoá**: bán lẻ, doanh nghiệp, kinh doanh bán lẻ

**61. Các yếu tố ảnh hưởng đến tài sản thương hiệu trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh**/ Trần Văn Đạt, Đinh Thu Quỳnh, Võ Thị Ngọc Linh, Nguyễn Thị Thanh Nhàn, Nguyễn Thị Phương Thảo// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 571 (Tháng 08/2020) .- Tr. 75-77.

**Nội dung**: Bài viết xem xét các nhân tố: Thành phần cốt lõi: chất lượng cảm nhận, nhận biết thương hiệu, danh tiếng, trung thành thương hiệu, Thành phần hỗ trợ: dịch vụ thư viện, điều kiện sinh hoạt, cơ hội nghề nghiệp và cơ sở vật chất để tạo ra một thương hiệu đại học vững mạnh.

**Từ khóa**: tài sản thương hiệu, thương hiệu trường học

**62. Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định chấp nhận thương mại di động của người tiêu dùng tại thành phố Hồ Chí Minh**/ Hoàng Lệ Chi// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 90-92.

**Nội dung**: Nghiên cứu về ý định chấp nhận thương mại di động dựa trên điều tra 300 người tiêu dùng tại Tp. Hồ Chí Minh đã khẳng định các nhân tố Nhận thức sự hữu ích, Nhận thức tính dễ sử dụng, Tính di động, Tính đổi mới, Khả năng tương thích, Sự tin tưởng có ảnh hưởng dương và trực tiếp lên ý định chấp nhận thương mại di của người tiêu dùng.

**Từ khoá**: Các yếu tố ảnh hưởng, thương mại di động, người tiêu dùng, ý định

**63. Các yếu tố ảnh hưởng tới việc thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam/** Ngô Sĩ Nam, Nguyễn Thị Mai Huyên, Nguyễn Đặng Hải Yến// Tài chính.- 2020 .- Số 740 .- Tr. 74 – 77.

**Nội dung:** Bài viết phân tích mối quan hệ giữa các nhân tố tác động đến dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, tập trung vào hai thành phần cơ bản của dòng vốn là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài trong giai đoạn từ quý I/2020 đến quý II/2019.

**Từ khóa:** Nền kinh tế, đầu tư nước ngoài, vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài

**64. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự mức độ hài lòng của doanh nghiệp về chất lượng dịch vụ hành chính thuế theo cơ chế một cửa**/ Nguyễn Xuân Nhĩ, Thái Thanh Hà, Nguyễn Giang Đô// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 146 .- Tr. 80-88.

**Nội dung**: Nghiên cứu này là xác định và phân tích các nhân tố của chất lượng dịch vụ ảnh hưởng đến sự hài lòng của Doanh nghiệp nộp thuế. Dữ liệu nghiên cứu định tính gồm 15 doanh nghiệp và dữ liệu định lượng gồm 339 doanh nghiệp đang hoạt động tại TP.HCM. Phương pháp hồi quy đa biến được sử dụng để kiểm định mối tương quan giữa các yếu tố. Kết quả cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của doanh nghiệp nộp thuế gồm: Thủ tục hành chính, Hiệu quả xử lý công việc, Năng lực phục vụ và Ứng dụng công nghệ. Trong đó, yếu tố Công nghệ có tác động mạnh nhất đến sự hài lòng của doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Thuế, chất lượng dịch vụ, dịch vụ công, ứng dụng công nghệ

**65. Các yếu tố ảnh hưởng đến thương hiệu nhà tuyển dụng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn TP. Hà Nội**/ Mai Thanh Lan, Đỗ Vũ Phương Anh// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 142 .- Tr. 52-61.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm nhận diện và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến thương hiệu nhà tuyển dụng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội. Số liệu được thu thập được từ 321 người lao động được tuyển dụng trong 5 năm trở lại đây (đến từ 95 doanh nghiệp nhỏ và vừa ở các ngành dịch vụ và thương mại bán lẻ). Độ tin cậy của thang đo được kiểm chứng bằng hệ số Cronbach’s Alpha, phương pháp phân tích nhân tố EFA và phân tích hồi quy được sử dụng để tìm và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thương hiệu nhà tuyển dụng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội.

**Từ khoá:** Các yếu tố ảnh hưởng, thương hiệu nhà tuyển dụng, doanh nghiệp nhỏ và vừa

**66. Các yếu tố gây căng thẳng trong công việc tác động đến kết quả làm việc của công nhân (Nghiên cứu tại Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn**/ Nguyễn Phan Thu Hằng, Đinh Trung Thành, Lê Phương Thảo// Nghiên cứu Kinh tế .- 2020 .- Số 9(508) (Tháng 09/2020) .- Tr. 91-97.

**Nội dung**: Nghiên cứu xác định và đo lường mức độ tác động của các yếu tố gây căng thẳng trong công việc đến kết quả làm việc của công nhân làm việc tại 11 doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp và sửa chữa ô tô thuộc Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn; đồng thời, nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm tăng năng suất lao động tại các doanh nghiệp thuộc Tổng công ty.

**Từ khoá**: sự căng thẳng trong công việc, kết quả làm việc, Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn, SAMCO

**67. Các yếu tố tác động đến doanh nghiệp khởi nghiệp trong bối cảnh đại dịch toàn cầu**/ ThS. Vũ Thu Hà // Tài chính Doanh nghiệp .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 24-27.

**Nội dung**: Để doanh nghiệp khởi nghiệp có thể vượt qua khó khăn và tăng trưởng giai đoạn hậu dịch, cần làm rõ các yếu tố tác động đến hiệu quả hoạt động, sự tăng trưởng và thực trạng, qua đó đề xuất giải pháp phù hợp.

**Từ khóa**: khởi nghiệp sáng tạo, yếu tố tác động doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp

**68. Các yếu tố tác động đến ứng dụng công nghệ vào sản xuất nông nghiệp**/ NCS. Lê Thanh Dung // Tài chính Doanh nghiệp .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 36-39.

**Nội dung**: Bài viết chỉ ra ba yếu tố quan trọng để thực hiện ứng dụng công nghệ vào sản xuất nông nghiệp là: (i) sản xuất nông nghiệp theo quy mô lớn, (ii) nguồn vốn lớn và (iii) nguồn nhân lực chất lượng cao; đồng thời làm rõ những rào cản đang tồn tại gồm các bất cập trong quy định, chính sách về đất đai, các yếu tố gây khó khăn trong việc vay vốn của người nông dân và doanh nghiệp, cũng như những hạn chế về nguồn nhân lực của nước ta hiện nay.

**Từ khóa**: Ứng dụng công nghệ, sản xuất nông nghiệp, ứng dụng công nghệ sản xuất nông nghiệp

**69. Các yếu tố quyết định sự phát triển của doanh nghiệp : trường hợp ngành chế biến chế tạo vùng Tây Nam Bộ**/ Trần Khánh Hưng, Vũ Hùng Cường// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 282 .- Tr. 12-21.

**Nội dung**: Bài viết phân tích vấn đề phát triển của doanh nghiệp trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo vùng Tây Nam Bộ. Sử dụng mô hình MIXED Effect, nghiên cứu phân tích các yếu tố bên trong và bên ngoài doanh nghiệp tác động đến sự phát triển của doanh nghiệp. Kết quả mô hình cho thấy, theo tiêu chí phát triển về lượng, yếu tố vốn vẫn là yếu tố quyết định và yếu tố lao động ít ảnh hưởng đến sự phát triển về số lượng doanh nghiệp. Theo tiêu chí phát triển về chất, các doanh nghiệp quy mô lớn hơn hoạt động tốt hơn. Đồng thời, các doanh nghiệp quy mô lớn hơn sử dụng đòn bẩy tài chính hiệu quả hơn. Ngoài ra, một số đặc trưng của doanh nghiệp như địa điểm đặt nhà xưởng hay tình trạng tham gia xuất khẩu cũng có ảnh hưởng đến sự phát triển doanh nghiệp về mặt chất, nhưng mức độ ảnh hưởng này khác nhau giữa các ngành. Với đa số các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, kết quả gợi ý ưu tiên chính sách giúp doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất như chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn. Bên cạnh đó, cần có chính sách phát triển các khu công nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp, và tham gia xuất khẩu.

**Từ khoá**: Phát triển doanh nghiệp, kết quả hoạt động của doanh nghiệp, khu vực chế biến chế tạo, Tây Nam Bộ

**70. Các yếu tố tác động đến sự hài lòng khách hàng đối với dịch vụ viễn thông di động của Viettel Quảng Trị : kiểm định bằng Mô hình PLS - SEM**/ Nguyễn Minh Lợi, Dương Bá Vũ Thi// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 147 .- Tr. 62-70.

**Nội dung**: Mục đích kiểm định mô hình lý thuyết về các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng khách hàng đối với dịch vụ viễn thông di động của Viettel Quảng Trị. Phương pháp định lượng với kỹ thuật phân tích hệ số tin cậy Cronbach’s Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (PLS-SEM) từ dữ liệu khảo sát 232 khách hàng được sử dụng để kiểm định mô hình. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 06 yếu tố tác động cùng chiều đến sự hài lòng của khách hàng Viettel Quảng Trị; trong đó, Dịch vụ khách hàng có tác động mạnh nhất đến sự hài lòng của khách hàng, thứ hai là Sự thuận tiện, kế đến là Chất lượng cuộc gọi, Quảng cáo khuyến mãi, Dịch vụ gia tăng và cuối cùng là Cấu trúc giá. Riêng yếu tố cá nhân (giới tính, độ tuổi, nghề nghiệp, thu nhập) thì chưa tìm thấy bằng chứng thống kê về sự ảnh hưởng của nó đến sự hài lòng khách hàng. Bên cạnh đó, kết quả phân tích thống kê mô tả và kiểm định thống kê (One sample t - test) còn cho thấy Dịch vụ khách hàng là yếu tố chưa được khách hàng đánh giá cao so với các yếu tố còn lại.

**Từ khoá**: Sự hài lòng, dịch vụ viễn thông di động, PLS-SEM

**71. Các yếu tố tác động đến kết quả khắc phục lỗi dịch vụ của nhân viên ngành bán lẻ tại Thành phố Hồ Chí Minh** / Võ Thị Ngọc Liên, Trần Văn Hưng, Nguyễn Hoàng Kim Quý// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 89 – 97.

**Nội dung:** Bài viết xác định các yếu tố tác động đến kết quả khắc phục lỗi dịch vụ của nhân viên trong ngành bán lẻ tại thành phố Hồ Chí Minh, kết quả nghiên cứu cho thấy: nhận thức về sự tham gia của khách hàng có tác động mạnh nhất đối với kết quả khắc phục lỗi của nhân viên dịch vụ; kết quả khắc phục lỗi dịch vụ có tác động âm đối với áp lực công việc; sự tác động của đào tạo và trao quyền đối với kết quả khắc phục lỗi của nhân viên dịch vụ là tương đương nhau; từ đó đưa ra một số hàm ý quản trị cho các doanh nghiệp bán lẻ.  
**Từ khóa:** Quan điểm trọng dịch vụ, hành vi khắc phục lỗi dịch vụ, sự tham gia của khách hàng, áp lực công việc, bán lẻ

**72. Các yếu tố tác động đến mức độ sẵn sàng chuyển đổi số tại các doanh nghiệp Việt Nam**/ Trần Ngọc Diệp// Tài chính .- 2020 .- Số 737 .- Tr. 81 – 84.

**Nội dung:** Bài viết này phân tích các yếu tố tác động đến mức độ sẵn sàng cho chuyển đổi số tại các doanh nghiệp Việt Nam, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ đồng thời đề xuất một số gợi ý.

**Từ khóa:** Số hóa, chuyển đổi số, doanh nghiệp, hiệu quả kinh doanh

**73. Các yếu tố tác động đến việc áp dụng mô hình bảng điểm khu vực công vào các trường đại học công lập tại khu vực Nam Bộ**/ Phạm Quang Huy, Vũ Kiến Phúc// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 206 .- Tr. 36-39.

**Nội dung**: Giới thiệu 6 nhân tố có tác động đến việc áp dụng mô hình tại các trường thuộc mẫu lựa chọn tại khu vực Nam Bộ. Kết quả cho thấy những nhân tố này có ảnh hưởng đến quá trình đo lường kết quả hoạt động theo một phương pháp mới.

**Từ khoá**: Kết quả hoạt động, mô hình SPSS, trường đại học, bảng điểm khu vực công

**74. Các yếu tố tác động đến việc áp dụng mô hình bảng điểm khu vực công vào các trường đại học công lập tại khu vực Nam Bộ**/ Ngô Thị Thu Hương// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 206 .- Tr. 60-63.

**Nội dung**: Trình bày Dự toán sản xuất kinh doanh, yêu cầu của dự toán sản xuất kinh doanh, dự báo và quy trình dự báo, phương pháp dự báo định tính.

**Từ khoá**: Dự toán sản xuất kinh doanh, phương pháp dự báo, dự toán

**75. Các yếu tố tác động tới quan hệ lợi ích trong phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn thành phố Hà Nội**/ Bùi Thị Tiến// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 567 .- Tr. 25-27.

**Nội dung**: Các quan hệ lợi ích giữa các chú trọng trong phát triển nông nghiệp hữu cơ là khách quan và được thực hiện trong các khâu của chu trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ từ nhu cầu đầu vào, quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đầu ra của nông nghiệp hữu cơ.

**Từ khoá**: Quan hệ lợi ích, Nông nghiệp hữu cơ, Tác động, Hà Nội

**76. Các yếu tố xác định tính quốc tế trong các chương trình liên kết đào tạo tại Việt Nam**/ Phan Thuỷ Chi, Hồ Thuý Ngọc// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 63-65.

**Nội dung**: Bài viết giải quyết hai câu hỏi nghiên cứu: Tính quốc tế trong các chương trình liên kết đào tạo được xác định như thế nào và Tiêu chí cần thiết để xác định một chương trình liên kết đào tạo đạt chuẩn quốc tế, bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu để tìm hiểu quan điểm của các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý trong và ngoài nước liên quan đến vấn đề. Kết quả nghiên cứu là đề xuất bảy tiêu chí làm căn cứ để xác định một chương trình liên kết đào tạo đạt chuẩn quốc tế ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Tính quốc tế, chương trình đào tạo, liên kết Việt Nam

**77. Cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng của Việt Nam: cơ hội, thách thức và giải pháp**/ Phan Anh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 574 (Tháng 10/2020) .- Tr. 7-9.

**Nội dung**: Bài viết phân tích các cơ hội và thách thức trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và kiến nghị một số giải pháp cho những hạn chế đang còn hiện hữu.

**Từ khoá**: Tài chính - ngân hàng, công nghiệp 4.0, phát triển kinh tế - xã hội

**78. Cách nào để giảm nguy cơ rủi ro tỷ giá đối với các doanh nghiệp?/Đặng Đình Tân, Mai Thị Hoàng Minh/ Tài chính.- 2020 .- Số 733.- Tr.52 - 54.**

**Nội dung:** Nhận diện rủi ro tỷ giá và có chiến lược, giải pháp quản lý nhằm giảm sự ảnh hưởng tiêu cực từ rủi ro tỷ giá là việc làm cần thiết đối với mỗi doanh nghiệp. Bài viết bàn về các nguy cơ rủi ro liên quan tới tỷ giá hối đoái trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, đồng thời luận bàn một số giải pháp và chiến lược phòng ngừa rủi tỷ giá hối đoái.

**Từ khoá:** Tỷ giá, tỷ giá hối đoái, nguy cơ rủi ro, doanh nghiệp

**79. Cải cách chính sách tài chính nhằm phát triển cân bằng thị trường tài chính Việt Nam**/ Nguyễn Thị Mùi, Lê Hoàng Nga// Tài chính .- 2020 .- Số 720+721 Tháng 1 .- Tr. 90-94.

**Nội dung**: Bài viết phân tích thực trạng chính sách tài chính đối với phát triển cân bằng thị trường tài chính và đề xuất hướng đổi mới chính sách tài chính nhằm phát triển cân bằng thị trường tài chính Việt Nam.

**Từ khóa**: Chính sách tài chính, thị trường tài chính, đầu tư, vốn

**80. Cải cách chính sách tài chính thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế Việt Nam** / Nguyễn Viết Lợi// Tài chính .- 2020 .- Số 720+721 Tháng 1 .- Tr. 18-22.

**Nội dung:** Chính sách tài chính đóng vai trò quan trọng trong việc cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường phát triển theo chiều sâu, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Những thành quả từ cải cách chính sách tài chính đã góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế Việt Nam phát triển ổn định và bền vững.

**Từ khóa:** Chính sách tài chính, nền kinh tế, ngân sách nhà nước, thị trường tài chính

**81. Cải cách chính sách tài chính, thúc đẩy cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2021-2030**/ Đặng Quyết Tiến// Tài chính .- 2020 .- Số 720+721 Tháng 1 .- Tr. 76-80.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá kết quả quá trình thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, chỉ ra một số tồn tại, hạn chế và các giải pháp cải cách chính sách tài chính nhằm tạo động lực thúc đẩy, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2021-2030.

**Từ khóa**: Cải cách, cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hoá, thoái vốn

**82. Cải cách chính sách thuế góp phần thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế**/ Phạm Đình Thi// Tài chính .- 2020 .- Số 720+721 Tháng 1 .- Tr. 46-51.

**Nội dung**: Yêu cầu đặt ra cho Việt Nam là phải thực hiện chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế cho phù hợp. Theo đó, cũng đòi hỏi hệ thống chính sách thuế phải được tiếp tục hoàn thiện để vừa tạo động lực thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, vừa phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển của đất nước.

**Từ khóa:** Chính sách thuế, cơ cấu, mô hình tăng trưởng

**83. Cải thiện môi trường kinh doanh để thúc đẩy đổi mới sản phẩm của các doanh nghiệp vừa và nhỏ**/ Vũ Hoàng Nam// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 279 .- Tr. 37-47.

**Nội dung**: Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra các nhóm yếu tố bên trong và bên ngoài doanh nghiệp có tác động tới các hoạt động đổi mới của các doanh nghiệp. Mặc dù vậy, nghiên cứu về tác động của môi trường kinh doanh đối với hoạt động đổi mới của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam còn hạn chế. Nghiên cứu này cho thấy chất lượng môi trường kinh doanh có tác động tới hoạt động đổi mới sản phẩm của các doanh nghiệp vừa và nhỏ theo hướng hỗ trợ nhiều hơn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa có kinh nghiệm đổi mới sản phẩm trước đây bắt kịp với các doanh nghiệp đi trước. Kết quả nghiên cứu cho thấy một số chính sách cải thiện môi trường kinh doanh cụ thể, đồng thời thúc đẩy hoạt động đổi mới sản phẩm của các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam.

**Từ khoá:** Đổi mới sản phẩm; doanh nghiệp vừa và nhỏ; môi trường kinh doanh

**84. Cải thiện dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Ninh Bình/** Nguyễn Thùy Dương, Nguyễn Thị Ánh Dương// Tài chính.- 2020 .- Số 741 .- Tr. 128 – 132.

**Nội dung:** Bài viết tập trung phân tích thực trạng cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Ninh Bình, qua đó đề xuất một số giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của Tỉnh trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Chỉ số năng lực cạnh tranh, môi trường kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp

**85. Cam kết xóa bỏ thuế thu nhập khẩu của EU trong hiệp định EVFTA : cú hích để tăng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam vào EU**/ Hoàng Thanh Hạnh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 204 .- Tr. 51-54.

**Nội dung**: Giới thiệu nội dung cam ết xóa bỏ thuế thu nhập khẩu của EU đối với hàng hóa của VN, ảnh hưởng của việc xóa bỏ thuế đối với luwch lượng lao động hành nghề kế toán - kiểm toán và một số giải pháp khai thác hiệu quả EVFTA.

**Từ khoá:** Thuế nhập khẩu, EVFTA

**86. Chào hàng thị trường B2B hiệu quả**/ Đinh Thuỷ Bích// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 564 (Tháng 05/2020) .- Tr. 13-15.

**Nội dung**: Những đặc điểm về hành vi mua của khách hàng, đặc điểm nhu cầu, đặc điểm thanh toán, nhu cầu giao hàng, tần suất giao, đặc trưng sử dụng. Phân tích nhu cầu khách hàng và hiểu tường tận đặc trưng của khách hàng rất quan trọng để doanh nghiệp đưa ra phối thức chào hàng hiệu quả.

**Từ khoá**: Chào hàng, Thị trường B2B, marketing, bán hàng

**87. Chất lượng dịch vụ cảng biển: Trường hợp cảng quốc tế Tân Cảng - Cái Mép**/ Nguyễn Quang Vinh, Phan Mạnh Trà// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 282 .- Tr. 76-83.

**Nội dung**: Phát triển cảng biển nói chung và nâng cao chất lượng dịch vụ cảng biển nói riêng đóng vai trò rất quan trọng trong chiến lược biển của Việt Nam. Cụm cảng Cái Mép - Thị Vải có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và cả vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Nghiên cứu đánh giá chất lượng dịch vụ Cảng Quốc tế Tân Cảng – Cái Mép và đề xuất hàm ý quản trị tương ứng. Khảo sát 290 khách hàng doanh nghiệp cho thấy 5 yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ Cảng gồm Nguồn lực, Quá trình phục vụ, Năng lực quản lý, Hình ảnh và trách nhiệm xã hội, và Kết quả thực hiện. Nghiên cứu cũng chỉ ra có sự khác nhau trong đánh giá chất lượng dịch vụ cảng biển giữa các khách hàng thuộc lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Kết quả nghiên cứu có ý nghĩa tham khảo đối với nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ tại các cảng biển khác ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Cảng Quốc tế Tân Cảng – Cái Mép, chất lượng dịch vụ, sự hài lòng của khách hàng

**88. Chất lượng nguồn nhân lực Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông**/ Hoàng Minh Anh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 49-51.

**Nội dung**: Bài viết phân tích chất lượng nguồn nhân lực để rút ra những kết quả đạt được, những tồn tại. Trên cơ sở đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho đơn vị.

**Từ khoá**: Nguồn nhân lực, ngân hàng thương mại

**89. Chất lượng thể chế quản trị địa phương và tăng trưởng kinh tế cấp tỉnh của Việt Nam**/ Đỗ Tuyết Nhung, Lê Quang Cảnh// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 280 .- Tr.2-12.

**Nội dung**: Các nghiên cứu thực nghiệm trên thế giới cho thấy chiều hướng tác động khác nhau giữa thể chế quản trị và tăng trưởng kinh tế địa phương, điều này có thể xuất phát từ thước đo chất lượng thể chế quản trị hoặc phương pháp kiểm định. Nghiên cứu này sử dụng các chỉ số thể chế quản trị cấp tỉnh được xây dựng từ hai bộ dữ liệu PAPI và PCI trong nghiên cứu của Đỗ Tuyết Nhung & Lê Quang Cảnh (2020) để tìm hiểu mối quan hệ nhân quả giữa thể chế quản trị và tăng trưởng kinh tế, trên cơ sở đó ước lượng tác động của thể chế quản trị tới tăng trưởng kinh tế địa phương cấp tỉnh tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy giữa hai biến số tồn tại mối quan hệ nhân quả, và khi được kiểm soát tính nội sinh thì thể chế quản trị có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Kết quả này ủng hộ các gợi ý chính sách cải thiện chất lượng thể chế nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương cấp tỉnh Việt Nam.

**Từ khoá:** Địa phương cấp tỉnh, tăng trưởng kinh tế, thể chế quản trị, Việt Nam

**90. Chi ngân sách nhà nước cho giáo dục công lập: thực trạng và giải pháp**/ Nguyễn Hồng Hạnh, Nguyễn Văn Phong// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 574 (Tháng 10/2020) .- Tr. 22-24.

**Nội dung**: Xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm và có giải pháp khắc phục một cách tổng thể để tăng phân bổ ngân sách nhà nước cho lĩnh vực giáo dục đào tạo phù hợp với chiến lược phát triển và các nhiệm vụ trong các thời kỳ.

**Từ khoá**: Ngân sách nhà nước, giáo dục công lập, giáo dục đào tạo

**91. Chi phí logistics trong chuỗi cung ứng hạt điều tại vùng Đông Nam Bộ**/ Nguyễn Hữu Tịnh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 84-86.

**Nội dung**: Bài báo tìm hiểu các chi phí logistic trong chuỗi cung ứng hạt điều tại vùng Đông Nam Bộ. So sánh, đối chiếu chi phí trong mạng lưới chuỗi cung ứng với chi phí vận chuyển tối thiểu của ngành nông sản, xem xét thêm các yếu tố năng suất, chi phí đại lý để đánh giá thực trạng và đề ra giải pháp nhằm từng bước cắt giảm chi phí logistic trong chuỗi cung ứng hạt điều góp phần nâng cao hiệu quả ngành hạt điều tại vùng Đông Nam Bộ.

**Từ khoá**: logistic, chuỗi cung ứng, chi phí, nông sản, năng suất, vận chuyển

**92. Chi trả dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam : lý thuyết, thực trạng, bài học kinh nghiệm và hàm ý chính sách cho Việt Nam**/ Nguyễn Minh Đức, Quyền Đình Hà, Đỗ Thị Diệp, Đỗ Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Thu Phương// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 510 .- Tr. 13-25.

**Nội dung**: Nghiên cứu tổng quan lý thuyết về chi trả Dịch vụ môi trường rừng, tổng hợp các kết quả của các nghiên cứu về chính sách chi trả Dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam, kết hợp với kết quả khảo sát về việc thực hiện chính sách ở huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình để kiểm định các vấn đề trong thiết kế, thực hiện chính sách. Từ đó rút ra các bài học về cách tiếp cận lý thuyết, thực tế trong xây dựng và thực hiện chính sách; đồng thời đưa ra các giải pháp để cải thiện hiệu quả của chính sách chi trả Dịch vụ môi trường rừng.

**Từ khoá**: Chi trả dịch vụ môi trường rừng, dịch vụ môi trường rừng, phân tích chính sách

**93. Chỉ số đánh giá khả năng phát triển bền vững của ngân hàng thương mại**/ Trương Thị Luân// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 48 – 50.

**Nội dung**: Bài viết khái quát một số chỉ số đánh giá khả năng phát triển bền vững của ngân hàng thương mại, các phương pháp phân tích, dự báo và đề xuất một số khuyến nghị áp dụng tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Ngân hàng thương mại, Tỷ số tự bền vững, Hệ số sinh lời

|  |  |
| --- | --- |
| **94. Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của một số nước trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư**/ Hoàng An Quốc// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 574 (Tháng 10/2020) .- Tr. 87-89.  **Nội dung**: Nhiều quốc gia đã thực thi chiến lược phát triển khoa học & công nghệ một cách nhanh nhạy và quyết đoán. Nghiên cứu một cách thấu đáo kinh nghiệm của một số nước khu vực trong lĩnh vực này thiết nghĩ là điều cần thiết, giúp tìm ra những hướng đi đúng đắn cho sự phát triển của Việt Nam.  **Từ khoá**: Khoa học & công nghệ, cách mạng công nghiệp, chiến lược, phát triển  **95. Chính sách phát triển nguồn nhân lực khu vực công trước bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0**/ Bùi Văn An // Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 571 (Tháng 08/2020) .- Tr. 04-06.  **Nội dung**: Bài viết tập trung phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn cũng như đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách phát triển phát triển nguồn nhân lực khu vực công trước bối cảnh những thuận lợi và khó khăn của làn sóng cách mạng công nghiệp 4.0.  **Từ khóa**: nguồn nhân lực, cách mạng công nghiệp 4.0, quản lý xã hội |  |
| **96. Chính sách tiền tệ và tỷ suất sinh lợi thị trường chứng khoán: Từ phân tích biến động Garch**/ Phạm Thị Anh Thư, Nguyễn Thanh Dương// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 112 – 115. **Nội dung**: Nghiên cứu đánh giá tác động của chính sách tiền tệ đến thị trường chứng khoán thông qua kênh giá tài sản. Bài viết thu thập số liệu các biến kinh tế vĩ mô bao gồm chỉ số giá chứng khoán, lãi suất, cung tiền, tỷ giá hối đoái, tỷ lệ lạm phát, giá vàng, chỉ số giá công nghiệp và GDP theo tháng, nghiên cứu cũng tìm thấy tác động tương tự của 3 công cụ chính sách tiền tệ lên thị trường chứng khoán. Từ những kết quả nghiên cứu, bài viết đưa ra một số đề xuất liên quan đến hoạch định chính sách tiền tệ và chiến lược đầu tư. **Từ khoá**: Chính sách tiền tệ, Tỷ suất sinh lợi, Thị trường chứng khoán, Biến động Garch. |  |

**97. Chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với đại dịch Covid - 19**/Phạm Thị Tường Vân/ Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.14 - 18.

**Nội dung:** Thời gian qua, các chính sách ứng phó của Chính phủ Việt Nam với đại dịch Covid 19 đã thu được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cho thấy, các chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với đại dịch Covid - 19 cũng phát sinh một số bất cập, hạn chế chưa phù hợp với thực tế. Bài viết phân tích những ảnh hưởng của dịch bệnh Covid - 19 đến nền kinh tế Việt Nam thông qua thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, xem xét các chính sách tài chính đã và đang được triển khai, đồng thời chỉ ra những hạn chế. Từ đó, đề xuất một số khuyến nghị về chính sách tài chính nhằm hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với đại dịch có hiệu quả trong thời gian tới.Từ khoá: Doanh nghiệp, chính sách tài chính, ứng phó với đại dịch, Covid - 19, hỗ trợ.

**Từ khoá**: Chính sách tài chính, đại dịch Covid 19, kinh tế Việt Nam

**98. Chính sách thuế tác động như thế nào đến tăng trưởng kinh tế**/Nguyễn Thị Thương// Tài chính.- 2020 .- Số 735 .- Tr. 68 – 70.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá tác động của chính sách thuế đến phát triển kinh tế xã hội tại một số quốc gia từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc đánh giá chính sách, củng cố them cơ sở để điều chỉnh và điều hành chính sách phù hợp với thực tiễn.  
**Từ khóa:** Chính sách thuế, đánh giá, phát triển kinh tế, xã hội, kinh nghiệm

**99. Chuỗi cung ứng xanh và tác động của nó tới kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam**/ Trần Thị Thuý Hằng// Tài chính.- 2020 .- Số 739 .- Tr. 24 – 28.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu thực nghiệm mối quan hệ giữa quản lý chuỗi cung ứng xanh và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh Việt Nam. Tác giả thu thập dữ liệu từ cuộc khảo sát 222 doanh nghiệp nhỏ và vừa và áp dụng mô hình phương trình cấu trúc bình phương nhỏ nhất từng phần để kiểm định các giả thuyết nghiên cứu. Kết quả cho thấy, chính sách xanh và marketing xanh ảnh hưởng tích cực đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Từ khóa:** Quản lý chuỗi cung ứng xanh, kết quả kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa

**100. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành của tỉnh Bò Kẹo, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào**/ Sompathana Nhaysavanh, Lê Thị Hồng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 52-54.

**Nội dung:** Lý thuyết và thực tiễn chỉ ra chuyển dịch cơ cấu là thuộc tính của hệ thống kinh tế, phản ánh tính chất và trình độ phát triển của hệ thống kinh tế.

**Từ khoá:** Chuyển dịch cơ cấu, kinh tế, phát triển kinh tế

**101. Chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần và những kết quả bước đầu**/ Nguyễn Thị Ngọc Khánh// Tài chính .- 2019 .- Số 716 .- Tr. 6 - 10.

**Nội dung:** Bài viết khái quát tình hình chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần trước và sau khi thực hiện Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg, đồng thời đánh giá một số kết quả bước đầu trong công tác này.

**Từ khoá**: Công ty cổ phần , đơn vị sự nghiệp công lập, xã hội hoá

**102. Chuyển đổi tổ chức khoa học và công nghệ công lập sang mô hình doanh nghiệp**/ Lê Thị Thuỳ Vân// Tài chính .- 2019 .- Số 716 .- Tr. 28 – 32.

**Nội dung**: Bài viết làm rõ thực trạng chuyển đổi tổ chức khoa học và công nghệ công lập sang mô hình doanh nghiệp khoa học và công nghệ, nhận diện các vấn đề đặt ra, từ đó đề xuất một số kiến nghị nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy quá trình chuyển đổi tổ chức khoa học và công nghệ công lập sang mô hình doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, Mô hình doanh nghiệp, Cơ chế tự chủ, Doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

**103. Chuyển đổi số trong ngành dịch vụ Logistics Việt Nam/** Cao Cẩm Linh// Tài chính.- 2020 .- Số 741 .- Tr. 111 – 114.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành dịch vụ logistics Việt Nam một cách hiệu quả, nhanh chóng trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Chuyển đổi số, dịch vụ, Logistics, cách mạng công nghiệp 4.0

**104. Cơ cấu lại đầu tư công gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế**/ Trần Kim Chung, Nguyễn Văn Tùng// Tài chính .- 2020 .- Số 736 .- Tr. 27 – 31.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá những kết quả đạt được trong thực hiện cơ cấu lại đầu tư công trong khuôn khổ đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam những năm qua, đồng thời đề xuất giải pháp cho giai đoạn tới.

**Từ khóa:** Đầu tư công, cơ cấu lại đầu tư công, đổi mới mô hình tăng trưởng

**105. Cơ chế, chính sách tín dụng đối với doanh nghiệp tham gia cung ứng dịch vụ sự nghiệp công** / Lê Thị Minh Ngọc// Tài chính.- 2020 .- Số 739 .- Tr. 17- 20.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá về việc triển khai các chính sách hỗ trợ tín dụng đối với các doanh nghiệp tham gia cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh hỗ trợ tín dụng đối với doanh nghiệp tham gia cung ứng dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Dịch vụ sự nghiệp công, hỗ trợ tín dụng, doanh nghiệp

**106. Cơ cấu nguồn vốn của các doanh nghiệp thực phẩm tại một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho doanh nghiệp thực phẩm ở Việt Nam**/ Trần Thị Hoa // Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 571 (Tháng 08/2020) .- Tr. 31-33.

**Nội dung**: Tác giả lý giải cách thức lựa chọn cơ cấu nguồn vốn của các doanh nghiệp thực phẩm niêm yết thành công trên thế giới để rút ra một số bài học kinh nghiệm phù hợp cho các doanh nghiệp thực phẩm niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.  
**Từ khóa**: cơ cấu nguồn vốn, doanh nghiệp thực phẩm

**107. Đại dịch Covid-19 và tác động suy thoái kinh tế toàn cầu**/ Tống Thị Thu Hoà// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 4-6.

**Nội dung**: Phân tích, đánh giá cho thấy Covid-19 đã và đang khiến nhiều quốc gia rơi vào suy thoái, với việc tăng trưởng kinh tế và thu nhập bình quân đầu người sụt giảm ở mức thấp nhất kể từ năm 1870.

**Từ khoá**: Kinh tế toàn cầu, suy thoái kinh tế, đại dịch, Covid-19

**108. Đặc trưng của hội đồng quản trị và giá cổ phiếu : nghiên cứu điển hình tại các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Chu Thị Thu Thuỷ// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 147 .- Tr. 46-52.

**Nội dung**: Nghiên cứu tác động của đặc trưng Hội đồng quản trị (HĐQT) đến giá cổ phiếu (MP) của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam bằng phương pháp hồi quy bội. Đặc trưng của HĐQT bao gồm số lượng thành viên HĐQT (BS), sự kiêm nhiệm của HĐQT và Ban giám đốc (Dual), số lượng thành viên độc lập (BI), số lượng các cuộc họp (BM), số lượng các thành viên nước ngoài (AB). Nghiên cứu sử dụng số liệu của 661 công ty cổ phần niêm yết TTCK Việt Nam năm 2018. Kết quả của nghiên cứu đã chỉ ra rằng BM có ảnh hưởng tiêu cực đến giá cổ phiếu trong khi các biến còn lại bao gồm BS và AB có ảnh hưởng tích cực đến giá cổ phiếu và hai biến Dual và BI không có ảnh hưởng đáng kể đến sự thay đổi của giá cổ phiếu.

**Từ khoá:** Hội đồng quản trị, công ty cổ phần niêm yết, thị trường chứng khoán, giá cổ phiếu

**109. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến chi phí marketing trong các doanh nghiệp đầu tư xây dựng tại Việt Nam/** Phạm Thành Nhân, Nguyễn Anh Thư// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 188-192.

**Nội dung:** Trình bày việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chi phí marketing và phân tích tác động của chúng đối với hiệu quả chiến lược marketing.

**Từ khóa**: Marketing xây dựng, chi phí marketing, nhân tố ảnh hưởng

**110. Đánh giá các tiêu chí thành công của các dự án giao thông đầu tư theo hình thức hợp tác công – tư tại Việt Nam/** TS. Phạm Phú Cường, ThS. Lê Đình Thục// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 143-146.

**Nội dung:** Làm rõ các tiêu chí thành công của các dự án giao thông đầu tư theo hình thức hợp tác công – tư giúp các chủ thể đưa ra các giải pháp nhằm kiểm soát và quản lý hiệu quả hoạt động đầu tư theo hình thức hợp tác công - tư.

**Từ khóa**: Hợp tác công – tư, dự án giao thông đầu tư, tiêu chí thành công

**111. Đánh giá chất lượng dịch vụ đào tạo của Trường Đại học Giao thông Vận tải**/ Vũ Trọng Tích// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 574 (Tháng 10/2020) .- Tr. 66-68.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện dựa trên số liệu điều tra 831 sinh viên Khoa Vận tải - Kinh tế, Trường Đại học Giao thông vận tải. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên Trường đánh giá chất lượng dịch vụ đào tạo của trường ở mức Khá.

**Từ khoá**: Chất lượng dịch vụ, dịch vụ đào tạo

**112. Đánh giá chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động người dân tộc thiểu số tại Việt Nam hiện nay**/ Nguyễn Thị Lan Anh, Nguyễn Thành Vũ, Nguyễn Phùng Quân// Nghiên cứu Kinh tế .- 2020 .- Số 9(508) (Tháng 09/2020) .- Tr. 15-23.

**Nội dung**: Nghiên cứu đánh giá chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động dân tộc thiểu số tại Việt Nam hiện nay, chỉ ra những thành tựu và hạn chế của chính sách, đề xuất kiến nghị cải thiện tính hiệu lực của chính sách.

**Từ khoá**: chính sách đào tạo nghề, nguồn nhân lực, lao động DTTS, cơ sở đào tạo nghề, hiệu quả đào tạo, xoá đói giảm nghèo

**113. Đánh giá của người dân về công tác quản lý an toàn thực phẩm ở Việt Nam**/ Lê Văn Hùng, Vũ Ngọc Quyên, Tạ Phúc Đường// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 510 .- Tr. 26-36.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng ngộ đọc thực phầm ở Việt Nam; chính sách quản lý an toàn thực phẩm ở VN; đánh giá của người dân về quản lý an toàn thực phẩm.

**Từ khoá:** Công tác quản lý, an toàn thực phẩm, Việt Nam

**114. Đánh giá hiệu quả kinh doanh của các công ty chứng khoán Việt Nam thông qua các chi tiêu sinh lời**/ Nguyễn Phương Anh // Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 571 (Tháng 08/2020) .- Tr. 13-15.

**Nội dung**: Bài viết phân tích các chi tiêu tỷ suất sinh lời bao gồm ROA, ROE và ROS của 71 công ty chứng khoán là thành viên Sở giao dịch chứng khoán ở Việt Nam hiện nay. Đánh giá được hiệu quả kinh doanh của các công ty chứng khoán trong giai đoạn 2013-2019.

**Từ khóa**: hiệu quả kinh doanh, công ty chứng khoán, tỷ suất sinh lời

**115. Đánh giá quyết định mua sản phẩm mỹ phẩm thông qua kênh quảng cáo trực tuyến**/ Nguyễn Thanh Tùng // Tài chính .- 2019 .- Số 705 .- Tr. 114 – 116.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá quyết định mua sắm mỹ phẩm của khách hàng khi họ biết được những thông tin về sản phẩm được quảng cáo qua kênh quảng cáo trực tuyến như Zalo và Facebook. Từ thực tiễn và những vấn đề trả lời, nghiên cứu gợi mở một số vấn đề cho các doanh nghiệp mỹ phẩm, quảng cáo thông qua kênh trực tuyến.

**Từ khóa**: Quảng cáo trực tuyến, Zalo, Facebook, mỹ phẩm

**116. Đánh giá rủi ro tài chính đối với hệ thống công ty chứng khoán của Việt Nam hiện nay/** Trần Văn Hải// Tài chính .- 2020 .- Số 737 .- Tr. 50 – 53.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá thực trạng mô hình tổ chức và năng lực quản lý tài chính của 10 công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao năng lực quản lý tài chính công ty kinh doanh chứng khoán.

**Từ khóa**: Quản trị rủi ro, hệ số Z-score, tài chính, doanh nghiệp

**117. Đánh giá rủi ro và ước lượng mô hình biến động lợi suất của nhóm ngành thực phẩm trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Đỗ Quang Giám, Lê Thanh Hà, Vũ Thị Hải// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 44 – 52.

**Nội dung:** Nghiên cứu đánh giá rủi ro và ước lượng mô hình biến động tỷ suất lợi nhuận của nhóm ngành thực phẩm trên thị trường chứng khoán Việt Nam dựa trên chuỗi số liệu giá đóng cửa theo ngày của nhóm ngành trong giai đoạn 2012 – 2019. Việc ước lượng mô hình biến động lợi suất của nhóm ngành được thực hiện bằng mô hình GARCH cân xứng và mô hình GJR bất cân xứng. Kết quả ước lượng đã chỉ ra rằng mô hình Ả (1) – GARCH (1,1) là có ý nghĩa thống kê đầy đủ cho cả công thức lợi suất trung bình và phương sai có điều kiện của nhóm ngành thực phẩm. Phân tích cũng cho thấy, hệ số beta rủi ro của nhóm ngành thực phẩm trong 52 tuần gần nhất dao động tập trung ở mức thấp hơn so với rủi ro chung của thị trường và có sự phân tán.

**Từ khóa**: Mô hình bốc hơi, nhóm ngành thực phẩm, rủi ro, thị trường chứng khoán Việt Nam

**118. Đánh giá tác động của đại dịch Covid - 19 đến doanh nghiệp Việt Nam**/Trần Thị Thu Hương, Phạm Tiến Mạnh/ Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.10 - 13.

**Nội dung:** Dịch bệnh Covid - 19 xuất hiện đã tác động rất lớn đến nền kinh tế thế giới nới chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng. Phần lớn các doanh nghiệp chịu tác động của đại dịch, trong đó chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất là nhóm ngành nghề vận tải, dịch vụ du lịch, giáo dục đào tạo, xuất nhập khẩu ... Nguồn nguyên liệu bị hạn chế, thị trường tiêu thụ sản phẩm bị co hẹp, doanh nghiệp gặp khó khăn trong cân đối dòng tiền. Để các doanh nghiệp trong nước vượt qua gia đoạn khó khăn, Chính phủ cần thiết đưa ra nhiều biện pháp hỗ trợ các doanh nghiệp; đồng thời bản thân các doanh nghiệp cũng cần tự thay đổi mình, chủ động vượt qua khó khăn, thách thức đến từ diễn biến phức tạp của dịch bệnh.

**Từ khoá:** Covid - 19, doanh nghiệp tư nhân, nền kinh tế, sản phẩm.

**119. Đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ Internet của VNPT Vĩnh Long**/ Nguyễn Thị Hải Bình, Cảnh Chí Hoàng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 574 (Tháng 10/2020) .- Tr. 37-39.

**Nội dung**: Thông qua khảo sát 200 khách hàng sử dụng dịch vụ Internet của VNPT Vĩnh Long. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 5 biến độc lập: Phương tiện hữu hình; Cảm thông; Tin cậy; Đáp ứng; Giá cả hợp lý có ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng.

**Từ khoá**: sự hài lòng, khách hàng, chất lượng dịch vụ, Internet, VNPT

**120. Đánh giá sự phát triển của các tổ chức tài chính phi ngân hàng tại Việt Nam**/ PGS.TS. Kiều Hữu Thiện, ThS. Phạm Mỹ Linh// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 540+541 .- Tr. 44-49.

**Nội dung**: Trên cơ sở phân tích sự phát triển của các tổ chức tài chính phi ngân hàng, đánh giá những điểm tích cực cũng như mặt hạn chế, các tác giả đưa ra một số khuyến nghị để hệ thống các tổ chức tài chính phi ngân hàng hoạt động hiệu quả hơn trong thời gian tới.

**Từ khoá**: tổ chức tài chính phi ngân hàng, Việt Nam

**121. Đào tạo liên ngành : giải pháp phát triển nguồn nhân lực quản lý đơn hàng cho các doanh nghiệp may Việt Nam**/ Lê Thị Kim Tuyết// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 574 (Tháng 10/2020) .- Tr. 81-83.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu xu hướng chuyển đổi phương thức sản xuất CMT, FOB sang ODM của ngành may Việt Nam; Đặc điểm chuyển đổi các phương thức sản xuất trong ngành may và nhiệm vụ của nguồn nhân lực quản lý đơn hàng; Thực trạng khả năng tuyển dụng, sử dụng nguồn nhân lực quản lý đơn hàng tại các doanh nghiệp may Việt Nam.

**Từ khoá:** phát triển, nguồn nhân lực, quản lý, doanh nghiệp may, Việt Nam

**122. Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững ngành logistics vùng duyên hải Nam Trung Bộ/** ThS. Nguyễn Văn Nam, TS. Nguyễn Văn Tươi// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 150-153.

**Nội dung:** Tìm hiểu về những tiềm năng, lợi thế để phát triển logistics vùng duyên hải Nam Trung Bộ; thực trạng và các giải pháp đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển ngành logistics ở khu vực giàu tiềm năng này.

**Từ khóa**: Nguồn nhân lực, phát triển bền vững, logistics, dịch vụ, chính sách

**123. Đẩy mạnh cơ cấu lại doanh nghiệp tư nhân chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid - 19**/ Trịnh Đức Chiều, Lê Thị Ninh/ Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.27 - 30.

**Nội dung:** Mặc dù Việt Nam đã cơ bản kiểm soát được đại dịch Covid - 19 nhưng tác động của nó đến nền kinh tế, nhất là doanh nghiệp tư nhân còn khá nặng nề. Bài viết phân tích thực trạng, mức độ ảnh hưởng của dịch bệnh Covid - 19 đến một số ngành, lĩnh vực, từ đó đề xuất giải pháp cơ cấu lại khu vực doanh nghiệp tư nhân. Đây cũng là căn cứ để đề xuất các chính sách hỗ trợ tiếp theo nhằm giúp doanh nghiệp tư nhân vượt qua khó khăn và khôi phục hoạt động sản xuất - kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**Từ khoá:** Covid - 19, khu vực doanh nghiệp tư nhân, cơ cấu, chính sách hỗ trợ, sản xuất kinh doanh.

**124. Đẩy mạnh hoạt động nhượng quyền thương mại tại Việt Nam/** Trương Thị Thùy Ninh// Tài chính.- 2020 .- Số 741 .- Tr. 34 – 36.

**Nội dung:** Trong những năm qua, phương thức kinh doanh nhượng quyền thương mại đã trở thành một kênh đầu tư được giới kinh doanh vận dụng để đưa các doanh nghiệp nước ngoài mở rộng vào thị trường Việt Nam, cũng như để các doanh nghiệp Việt Nam mở rộng thị trường trong nước. Tuy nhiên, hoạt động nhượng quyền thương mại tại Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế, thách thức , cần có các giải pháp tháo gỡ. **Từ khóa:** Nhượng quyền thương mại, nhà đầu tư, Việt Nam

**125. Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu sản phẩm tiềm năng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2020-2030, định hướng đến năm 2035**/ Bùi Anh Tuấn, Phạm Hùng Cường, Huỳnh Đăng Khoa, Vũ Thị Kim Oanh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 13-15.

**Nội dung**: Bài viết sẽ đánh giá về khả năng xuất khẩu của những mặt hàng này trên địa bàn Tỉnh, từ đó, đưa ra định hướng cho hoạt động xuất khẩu trong giai đoạn 2020-2030, định hướng đến năm 2035.

**Từ khoá**: xuất khẩu, định hướng, Ninh Thuận

**126. Doanh nghiệp khởi nghiệp trong bối cảnh căng thẳng thương mại Mỹ - Trung**/ ThS. Nguyễn Văn Nhung // Tài chính Doanh nghiệp .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 21-23.

**Nội dung**: Trong cuộc chiến này nền kinh tế 2 nước và nhiều quốc gia trên thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng đã chịu tác động nặng nề. Tuy nhiên, bên cạnh những thách thức, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đã mang lại cho Việt Nam và doanh nghiệp Việt Nam, trong đó có doanh nghiệp khởi nghiệp những cơ hội. Để có thể duy trì sự phát triển, tận dụng tốt cơ hội, vượt qua thách thức, doanh nghiệp khởi nghiệp cần tìm ra những biện pháp ứng phó kịp thời, hoạch định chiến lược thương mại phù hợp.

**Từ khóa**: Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, Mỹ - Trung Quốc, doanh nghiệp khởi nghiệp, cơ hội, thách thức

**127. Để doanh nghiệp hài lòng với chất lượng dịch vụ hành chính công tại Ban quản lý Khu kinh tế Trà Vinh**/ Phan Thuỳ Dương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 574 (Tháng 10/2020) .- Tr. 58-60.

**Nội dung**: Những kết quả đạt được từ cải cách hành chính không chỉ tác động tích cực đến nhận thức của cả hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân mà còn là động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế phát triển. Bài viết tập trung: Triển khai cải cách hành chính, đánh giá công tác cải cách hành chính của Ban quản lý khu kinh tế. Từ đó đề xuất giải pháp để bảo đảm sự hài lòng về thủ tục hành chính đối với Ban.

**Từ khoá**: cải cách hành chính, sự hài lòng, chất lượng dịch vụ, hành chính công. quản lý kinh tế

**128. Đo lường giá trị cảm nhận, sự kỳ vọng và mức độ hài lòng của du khách nội địa đối với loại hình du lịch nông nghiệp tại thành phố Đà Lạt**/ Trịnh Thị Hà, Phan Thị Bích Hằng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 568 .- Tr.75-78.

**Nội dung**: Khảo sát 116 du khách tại các điểm du lịch nông nghiệp trong thành phố và các vùng lân cận, xử lý dữ liệu bằng phần mềm SPSS 20.0, phân tích thống kê mô tả và kiểm định Paired-Samples T-Test. Kết quả cho thấy, trong 23 biến quan sát thuộc 5 yếu tố, có 8 biến vượt mức kỳ vọng, 15 biến còn lại dưới mức kỳ vọng. Với chỉ số hài lòng chung đạt 3.865. Kết quả này cho thấy, du khách chỉ có mức độ hài lòng tương đối ceed sản phẩm du lịch nông nghiệp tại Đà Lạt.

**Từ khoá:** Đo lường giá trị cảm nhận, sự kỳ vọng, mức độ hài lòng của du khách nội địa, loại hình du lịch nông nghiệp, thành phố Đà Lạt

**129. Đo lường mức độ chấp nhận rủi ro trong doanh nghiệp**/ Phan Thuỳ Dương, Vũ Thị Quỳnh Mai// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 125 – 127.

**Nội dung**: Mục tiêu của quản trị rủi ro doanh nghiệp không chỉ dừng ở việc giảm thiểu rủi ro, mà là quản lý các rủi ro một cách hiệu quả, toàn diện, làm cơ sơ cho việc bảo toàn và phát triển các giá trị của tổ chức. Nói cách khác, quản trị rủi ro doanh nghiệp giúp cấp quản lý đưa ra các quyết định chính xác, hiệu quả; giảm thiểu thiệt hại trong quá trình vận hành doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Mức độ chấp nhận rủi ro, Quản trị rủi ro, Doanh nghiệp, sản xuất, kinh doanh

**130. Đổi mới công tác quản lý nhà nước với giáo dục nghề nghiệp**/Nguyễn Thị Thao// Tài chính.- 2020 .- Số 735 .- Tr. 91 – 92.

**Nội dung:** Bài viết phân tích công tác quản lý nhà nước với giáo dục nghề nghiệp hiện nay và đề xuất các giải pháp đổi mới quản lý nhà nước với giáo dục nghề nghiệp để đáp ứng với bối cảnh mới.

**Từ khóa:** Giáo dục nghề nghiệp, quản lý nhà nước, cách mạng công nghiệp 4.0

**131. Đổi mới cơ chế tài chính thúc đẩy đơn vị sự nghiệp chuyển đổi thành công ty cổ phần**/ Bùi Kiên Trung, Khúc Thế Anh// Tài chính .- 2019 .- Số 716 .- Tr. 15 – 18.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá thực trạng chuyển đổi đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần trên góc độ tài chính và chính sách của Nhà nước kể từ khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg. Trên cơ sở phân tích các điểm nghẽn của quá trình chuyển đổi, nhóm tác giả gợi ý về chính sách đối với việc giám sát quá trình cổ phần hoá, định giá đất đai và trách nhiệm của cá nhân, tổ chức có liên quan.  
**Từ khoá**: Cổ phần hoá, Cơ chế tài chính, Công ty cổ phần

**132. Đổi mới cơ cấu thu ngân sách nhà nước ở Việt Nam theo hướng bền vững**/ Vương Thị Thu Hiền, Vũ Thị Tâm Thu// Tài chính .- 2020 .- Số 720+721 Tháng 1 .- Tr. 38-45.

**Nội dung**: Cơ cấu thu ngân sách nhà nước chưa hoàn toàn bền vững, việc thực hiện giảm thuế theo các cam kết hội nhập gây sức ép không nhỏ đối với nguồn thu ngân sách nhà nước trong tương lai; tốc độ thu ngân sách nhà nước giảm dần, do hiệu quả nền kinh tế chưa cao... Từ các kết quả phân tích định tính, bài viết đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần đổi mới cơ cấu thu ngân sách nhà nước ở Việt Nam theo hướng bền vững.

**Từ khóa**: Ngân sách nhà nước, thuế, cơ cấu thu ngân sách, tính bền vững

**133. Đổi mới Marketing giúp doanh nghiệp vượt qua thách thức trong cách mạng công nghiệp 4.0 /**Đặng Thị Hồng Vân/ Tài chính.- 2020 .- Số 732.- Tr.88 - 91.

**Nội dung:** Cách mạng công nghiệp 4.0 tạo ra nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít thách thức đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam. Những khó khăn lớn các DN gặp phải là thiếu thốn, công nghệ, nguồn nhân lực; năng lực quản trị yếu; tiếp cận thông tin thị trường, đặc biệt, trong các hoạt động tiếp thị, các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngại thay đổi, chưa nghiên cứu và nắm bắt thông tin thị trường một cách nhanh nhạy dẫn đến hàng hoá sản xuất không được tiêu thụ; chi phí tiếp thị lớn mà không mang lại hiệu quả cho các doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Marketing, doanh nghiệp, Cách mạng công nghiệp 4.0, thị trường

**134. Đổi mới mô hình quản lý doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hoá ở một số quốc gia châu Á và bài học cho Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam**/ Trần Thị Hằng// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 577 .- Tr. 19 – 21.

**Nội dung:** Bài viết đưa ra kinh nghiệm đổi mới mô hình quản lý doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hoá của một số quốc gia Châu Á, từ đó có những gợi ý cho Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

**Từ khóa:** Quản lý doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hoá, Châu Á

**135. Đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý chi Ngân sách nhà nước tại tỉnh Thái Nguyên**/ Lê Tuấn Hương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 570 (Tháng 08/2020) .- Tr. 25-30.

**Nội dung**: Bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý chi Ngân sách nhà nước tại tỉnh Thái Nguyên, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

**Từ khóa**: quản lý chi Ngân sách, ngân sách nhà nước

**136. Đổi mới quản lý Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp phát triển trong giai đoạn 2021- 2030/Đỗ Tất Cường, Ngô Thị Ngọc Anh/ Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.23 - 26.**

**Nội dung:** Doanh nghiệp là một chủ thể quan trọng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Quản lý của Nhà nước có tầm ảnh hưởng mang quyết định đến sự mở rộng hoặc thu hẹp của doanh nghiệp. Trong thời gian qua, sự nổ lực của các cơ quan Nhà nước đối với doanh nghiệp đã góp phần tạo nên nhiều thành tựu đáng ghi nhận; bên cạnh đó, nhiều hạn chế vẫn còn tồn tại. Để có thể tiếp tục phát triển doanh nghiệp hơn nữa trong giai đoạn 2021-2030, phương thức quản lý của Nhà nước đối với doanh nghiệp cần phải được đổi mới nhằm hỗ trợ hơn nữa sự phát triển của doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Quản lý của Nhà nước, doanh nghiệp, kinh tế, hỗ trợ, phát triển.

|  |
| --- |
| **137. Động cơ chia sẻ video quảng cáo trên mạng xã hội và hàm ý với Việt Nam**/ Vũ Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Lê Lộc Tiên, Phạm Tuấn Anh// Tài chính .- 2019 .- Số 716 .- Tr. 123 – 126.  **Nội dung**: Nghiên cứu về động cơ chia sẻ video quảng cáo trên mạng xã hội của người tiêu dùng, bài viết đề xuất giải pháp nhằm giúp các doanh nghiệp tạo ra những nội dung quảng cáo, kế hoạch marketing lan truyền hiệu quả.  **Từ khoá**: Chia sẻ thông tin, Mạng xã hội, Người tiêu dùng, Video quảng cáo. |
| **138. Động lực làm việc của cán bộ, công chức trên địa bàn huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai**/ Trần Văn Dũng// Tài chính .- 2019 .- Số 717 .- Tr. 107 – 109.  **Nội dung**: Nghiên cứu, phân tích 05 yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của cán bộ, công chức các cơ quan hành chính nhà nước huyện Nhơn Trạch gồm: Sự quan tâm và thừa nhận của lãnh đạo; Công việc phù hợp và địa vị xã hội; Cơ hội đào tạo và thăng tiến; Môi trường làm việc và sự ổn định của công việc; Thu thập và phúc lợi. Tác giả đề xuất một số kiến nghị để cải thiện động lực làm việc của các bộ, công chức trên địa bàn.  **Từ khoá**: Động lực làm việc, huyện Nhơn Trạch, Cán bộ, Công chức. |

**139. Động lực, sự hài lòng và ý định tiếp tục học trực tuyến: Ứng dụng thuyết sử dụng và thỏa mãn trong đại dịch Covid-19**/ Trần Kim Dun, Trần Trọng Thùy// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 01 .- Tr.5-28.

**Nội dung:** Do tác động nghiêm trọng của đại dịch Covid-19, các chương trình học tập phải chuyển sang hình thức trực tuyến. Nghiên cứu này cung cấp một mô hình phân tích hệ thống tác động của các thành phần của động lực bao gồm sự thuận tiện, giải trí, chia sẻ kinh nghiệm, tìm kiếm thông tin, và giao tiếp xã hội ứng dụng thuyết sử dụng và thỏa mãn (U&G) trong việc dự báo sự hài lòng và ý định tiếp tục học của sinh viên. Sử dụng mẫu khảo sát của 681 sinh viên học trực tuyến, kết quả nghiên cứu cho thấy tác động tích cực của động lực lên ý định tiếp tục học trực tuyến thông qua sự hài lòng của sinh viên. Phát hiện này giúp các nhà làm giáo dục phát triển các chiến lược liên quan để phản ứng hiệu quả với những bất ổn và để phát triển bền vững. Theo đó, nghiên cứu này thảo luận các đóng góp để nâng cao chất lượng đào tạo trực tuyến trong thời kỳ đại dịch Covid-19.

**Từ khoá:** Thuyết U&G; Học trực tuyến; Sự hài lòng; Ý định tiếp tục học trực tuyến; Đại dịch Covid-19

**140. EVFTA : cơ hội và thách thức cho ngành logistic Việt Nam/** Nguyễn Đình Hoàn, Lê Thị Mai Anh, Trịnh Thu Phương, Lê Huy Hoàng// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 207 .- Tr. 56-58.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu những cơ hội, đồng thời chỉ ra một số thách thức đối với các doanh nghiệp logistic phái đối mặt khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực.

**Từ khoá:** Ngành logistics, dịch vụ. EVFTA

**141. EVFTA: Cơ hội và thách thức cho doanh nghiệp kinh doanh nông sản ở Tây Nguyên**/ Nguyễn Văn Đạt// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 574 (Tháng 10/2020) .- Tr. 10-12.

**Nội dung**: Nghiên cứu đi sâu phân tích các cơ hội cũng như thách thức từ EVFTA trên cơ sở đó đề xuất các nhóm giải pháp nhằm giúp cho các doanh nghiệp kinh doanh nông sản ở Tây Nguyên nỗ lực vươn tới những chuẩn mực quốc tế.

**Từ khoá**: EVFTA; doanh nghiệp; kinh doanh nông sản, Tây Nguyên

**142. Giải pháp chủ yếu quản lý điều hành bình ổn giá năm 2020 ở Việt Nam**/ Ngô Thị Kim Hòa, Ngô Thị Minh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 205 .- Tr. 5-9.

**Nội dung:** Phân tích diễn biến giá cả thị trường và tình hình quản lý, kiểm soát, điều hành giá năm 2019. Qua đó, đề xuất một số giải pháp cơ bản trong điều hành quản lý, bình ổn giá năm 2020.

**Từ khoá:** Quản lý giá, bình ổn giá tiêu dùng, điều hành

**143. Giải pháp đáp ứng tiêu chuẩn Basel II về quản trị rủi ro tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ NCS. Lê Thị Thu Trang // Tài chính Doanh nghiệp .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 26-29.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng đáp ứng yêu cầu Basel II của các ngân hàng thương mại Việt Nam và đưa ra một số khuyến nghị để tăng cường khả năng đáp ứng được mục tiêu cuối cùng của các ngân hàng là đảm bảo an toàn vốn và tuân thủ với chuẩn mực quốc tế Basel II.

**Từ khóa**: quản trị rủi ro, rủi ro hoạt động, Basel II, đo lường rủi ro

**144. Giải pháp đẩy mạnh phong trào xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Thái Nguyên**/ Nguyễn Thị Hồng, Nông Thị Kim Dung// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 172 – 174.

**Nội dung**: Bài viết phân tích tình hình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Thái Nguyên, từ đó đưa ra những giải pháp để đẩy mạnh quá trình xây dựng nông thôn mới.

**Từ khoá**: Phong trào, nông thôn mới, Tỉnh Thái Nguyên

**145. Giải pháp hạn chế tình trạng đô la hóa trong nền kinh tế Việt Nam**/ Huỳnh Quốc Khiêm// Tài chính .- 2020 .- Số 736 .- Tr. 73 – 75.

**Nội dung:** Bài viết tập trung làm rõ bản chất, nguyên nhân, tác động của tình trạng đô la hóa đến các nền kinh tế và thực trạng đô la hóa ở Việt Nam, từ đó đề xuất giải pháp nhằm hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của đô la hóa đối với nền kinh tế Việt Nam.

**Từ khóa**: Đô la hóa, chính sách ngoại hối, Việt Nam

|  |
| --- |
| **146. Giải pháp hỗ trợ người lao động vượt qua khó khăn do tác động của dịch Covid-19**/ ThS. Lê Thanh Dung // Tài chính Doanh nghiệp .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 28-31.  **Nội dung**: Phân tích ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến vấn đề việc làm và thu nhập của người lao động, bài viết đề xuất thêm một số giải pháp cần sớm thực hiện để đảm bảo sự ổn định cho cuộc sống của người lao động khi đối mặt với những khó khăn do dịch bệnh gây ra với những hậu quả khó lường.  **Từ khóa**: tác động của dịch Covid-19 đối với người lao động, hỗ trợ người lao động, dịch Covid-19 |
| **147. Giải pháp hoàn thiện văn hoá tổ chức tại cục thuế Sóc Trăng**/ Võ Thanh Lam// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 155 – 158.  **Nội dung**: Bằng phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp từ các chuyên gia và khảo sát trực tiếp 122 cán bộ, công chức công tác tại Cục thuế Sóc Trăng và các đơn vị trực thuộc, thông qua phương pháp thống kê mô tả, kiểm định độ tin cậy và phân tích nhân tố, nghiên cứu này tìm ra được các yếu tố ảnh hưởng đến văn hoá tổ chức tại Cục thuế Sóc Trăng. Từ các kết quả nghiên cứu, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện và xây dựng văn hoá tổ chức tại Cục thuế Sóc Trăng thời gian tới.  **Từ khoá**: Văn hoá tổ chức, công chức, Cục thuế Sóc Trăng. |

**148. Giải pháp mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội tự nguyện**/ Nguyễn Thị Vân Anh// Tài chính .- 2020 .- Số 730.- Tr. 10 – 13.

**Nội dung:** Bài viết phân tích, đánh giá những hạn chế của chế độ bảo hiểm xã hội tự nguyện hiện nay và đề xuất giải pháp mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội tự nguyện, góp phần mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội.

**Từ khóa:** Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm xã hôi tự nguyện, bảo hiểm y tế, lực lượng lao động

**149. Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán tại Đà Nẵng**/ Nguyễn Văn Liêm, Nguyễn Thị Huyền// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 207 .- Tr. 69-72.

**Nội dung**: Phân tích những thuận lợi và khó khăn trong quá trình đào tạo sinh viên chuyên ngành kế toán, kiểm toán tại thành phố Đà Nẵng cũng như cơ hội và thách thức khi VN hội nhập. Từ đó, đưa ra các kiến nghị nhằm giúp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp có đầy đủ phẩm chất và trình độn chuyên môn đáp ứng nhu cầu xã gội trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khoá:** Kế toán, kiểm toán, nghề nghiệp, chất lượng đào tạo

**150. Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty TNHH Navado Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thanh Dân// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 578 .- Tr. 85 – 87.

**Nội dung:** Bài báo đi vào phân tích, đánh giá thực trạng năng lực cạnh tranh của công ty TNHH Navado Việt Nam trên các phương diện tài chính, nhân lực, cơ sở vật chất, xây dựng thương hiệu và phát triển thị trường so với một số công ty đối thủ cạnh tranh, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Năng lực cạnh tranh, công ty TNHH Navado, Việt Nam

**151. Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong hội nhập**/ Phạm Thị Vân Anh// Tài chính .- 2020 .- Số 730.- Tr. 71 – 74.

**Nội dung**: Bài viết tập trung vào vấn đề năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp qua việc khái quát khái niệm về năng lực cạnh tranh, đánh giá thực trạng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam hiện nay và đề xuất một số giải pháp cho thời gian tới.

**Từ khóa:** Cạnh tranh, năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp, sản xuất, kinh doanh, hội nhập

|  |
| --- |
| **152. Giải pháp phát triển dịch vụ Logistics tại TP. Đà Nẵng**/ Phan Duy Anh// Tài chính .- 2019 .- Số 717 .- Tr. 77 – 82.  **Nội dung**: Bài viết khái quát hóa vấn đề liên quan đến logistics ở Việt Nam, trên cơ sở đó nghiên cứu thực trạng phát triển logistics tại TP. Đà Nẵng thời gian qua và đề ra các giải pháp thúc đẩy phát triển dịch vụ logistics trong giai đoạn tới.  **Từ khóa**: Logistics, Cạnh tranh, TP. Đà Nẵng, Giải pháp phát triển |

**153. Giải pháp phát triển kinh tế hộ gia đình tại tỉnh Cao Bằng**/ Tô Vũ Ninh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 75-77.

**Nội dung**: Bài viết phân tích, đánh giá kinh tế hộ gia đình tại tỉnh Cao Bằng, từ đó đề xuất giải pháp khắc phục những khó khăn nhằm thúc đẩy kinh tế hộ khu vực nông thôn phát triển theo hướng hiệu quả, bền vững.

|  |
| --- |
| **Từ khoá**: phát triển kinh tế, hộ gia đình, Cao Bằng, thúc đẩy kinh tế, khu vực nông thôn  **154. Giải pháp phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong cách mạng công nghiệp 4.0**/ ThS. Nguyễn Thị Thu Trang // Tài chính Doanh nghiệp .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 18-20 **Nội dung**: Phân tích thực trạng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã thời gian qua, Liên minh HTX Việt Nam, một số hạn chế trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Từ đó, đưa ra giải pháp phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong thời gian tới **Từ khóa**: Kinh tế tập thể, Hợp tác xã, Phát triển kinh tế tập thể |
| **155. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ta hiện nay**/ ThS. Hoàng Thị Thúy // Tài chính Doanh nghiệp .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 22-25.  **Nội dung**: Bài viết tập trung nghiên cứu làm rõ nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam, tác giả đề xuất một số biện pháp để bảo đảm cho nguồn nhân lực chất lượng cao - yếu tố then chốt để phát triển kinh tế - xã hội.  **Từ khóa**: Nguồn nhân lực, nhân lực chất lượng cao, phát triển nhân lực chất lượng cao |

**156. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu hội nhập trong giai đoạn hiện nay**/ Nguyễn Thị Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Huyền// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 209 .- Tr. 47-50.

**Nội dung:** Phân tích một số khó khăn thách thức, từ đó đề xuất một số giải pháp để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

**Từ khoá**: Nguồn nhân lực, hội nhập kinh tế quốc tế, đào tạo

|  |
| --- |
| **157. Giải pháp tài chính phát triển các khu công nghiệp tại Vĩnh Phúc**/ Bùi Hữu Phú// Tài chính .- 2019 .- Số 717 .- Tr. 95 – 97.  **Nội dung**: Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá thực trạng các khu công nghiệp trên địa bàn Vĩnh Phúc, bài viết đề xuất một số giải pháp tài chính phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn.  **Từ khoá**: Khu công nghiệp, Vĩnh Phúc, Tài chính, Kinh tế, Xã hội. |
| **158. Giải pháp tăng cường nguồn thu, đảm bảo nhu cầu chi ngân sách Nhà nước tỉnh An Giang**/ Tô Thiện Hiền// Tài chính .- 2019 .- Số 716 .- Tr. 88 – 91.  **Nội dung**: Bài viết hệ thống hoá lý thuyết về ngân sách nhà nước theo quan điểm của Việt Nam, đồng thời, trao đổi về thực trạng thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2018. Từ đó, đề xuất một số giải pháp tăng cường nguồn thu để đảm bảo nhu cầu chi ngân sách nhà nước tỉnh An Giang từ nay đến năm 2023 nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.  **Từ khoá**: Ngân sách nhà nước, Tỉnh An Giang, Kinh tế - Xã hội |

**159. Giải pháp tăng cường khả năng kết nối của hệ thống trung tâm logistics tại Tp. Cần Thơ/** ThS. Mai Vũ Yên, TS. Dương Hữu Tuyến// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 134-137.

**Nội dung:** Đánh giá hiện trạng khả năng kết nối của hệ thống trung tâm logistics tại Tp. Cần Thơ, qua đó đề xuất những giải pháp cơ bản nhằm tăng cường khả năng kết nối, giảm chi phí logistics, nâng cao hiệu quả đầu tư và khai thác của hệ thống này trong khu vực.

**Từ khóa**: Logistics, kết nối, Cần Thơ

**160. Giải pháp tăng cường quản lý chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm/** Ngô Thị Kiều Trang, Mai Thị Quỳnh Như// Tài chính.- 2020 .- Số 741 .- Tr. 93 – 96.

**Nội dung:** Bài viết xem xét các đặc trưng của nguyên vật liệu, các yếu tố cấu thành của chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và phân tích sự ảnh hưởng của các yếu tố cấu thành chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và nhằm giúp doanh nghiệp nâng cao công tác quản trị chi phí, góp phần hạ thấp giá thành và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. **Từ khóa:** Chi phí nguyên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm, hiệu quả kinh doanh

**161. Giải pháp tăng cướng quản lý vốn bằng tiền tại doanh nghiệp**/ Ngô Thị Kiều Trang, Mai Thị Quỳnh Như// Tài chính .- 2020 .- Số 737 .- Tr. 54 – 56.

**Nội dung:** Trong quá trình kinh doanh, chủ đầu tư phải chú trọng công tác quản trị, nhất là công tác quản lý vốn bằng tiền. Bởi vì hoạt động này ảnh hưởng trực tiếp đến sự sống còn của doanh nghiệp, do vậy, nhà quản lý cần am hiểu đặc điểm của vốn bằng tiền, những sai phạm thường gặp, cũng như những giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý vốn bằng tiền tại doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Quản trị, quản lý, vốn bằng tiền, quản lý vốn, doanh nghiệp

**162. Giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế số ở Việt Nam**/ Đỗ Nam Nghĩa// Tài chính .- 2020 .- Số 737 .- Tr. 29 – 31.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá thực trạng phát triển kinh tế số ở Việt Nam, từ đó kiến nghị một số giải pháp nhằm thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động này trong tương lai.

**Từ khóa:** Kinh tế số, cách mạng công nghiệp 4.0, khoa học, công nghệ

**163. Giải pháp tiếp cận vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn ""Hậu"" dịch Covid 19/**Đinh Thị Hải Phong, Nguyễn Thu Thuỷ, Bùi Thị Hà Linh / Tài chính.- 2020 .- Số 733.- Tr.11-13.

**Nội dung:** Những hệ luỵ do Covid 19 để lại cho nền kinh tế nói chung và doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng là rất lớn. Doanh nghiệp nhỏ và vừa là đối tượng chịu thiệt hại nặng nề nhất bởi còn hạn chế về nguồn vốn, nhân lực và thị trường. Dù đã có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ nhưng trên thực tế các doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn còn đối diện với nhiều khó khăn. Bài viết đánh giá thực trạng những rào cản đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tiếp cận vốn, từ đó đề xuất một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Covid 19, ngân sách nhà nước.

**164. Giải quyết bài toán nợ bản hiểm xã hội ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thu Hà// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 209 .- Tr. 5-8.

**Nội dung:** Trình bày tình hình triển khai bảo hiểm xã hội bắt buộc ở Việt Nam; thực trạng Nợ bảo hiểm xã hội ở Việt Nam; giải pháp giải quyết bài toán nợ bảo hiểm xã hội.

**Từ khoá**: Bảo hiểm xã hội bắt buộc, nợ bảo hiểm xã hội, thanh tra chuyên ngành

**165. Giảm trừ gia cảnh trong tính thuế thu nhập cá nhân : những bất cập và hướng hoàn thiện**/ Nguyễn Thị Diệu Thu, Nguyễn Thị Kim Oanh, Nguyễn Thị Tâm// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 204 .- Tr. 44-46.

**Nội dung:** Nghiên cứu và phân tích những bất cập của yếu tố giảm trừ gia cảnh trong Luật thuế TNCN và đưa ra hướng hoàn thiện đối với việc giảm trừ gia cảnh khi tính thuế TNCN.

**Từ khoá:** Thuế thu nhập các nhân, giảm trừ gia cảnh, người phụ thuộc, nguyên tắc giảm trừ

**166. Gỡ vướng tiếp cận vốn tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**/ ThS. Ngô Trí Trung // Tài chính Doanh nghiệp .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 22-25.

**Nội dung**: Trong những năm gần đây, mặc dù môi trường kinh doanh đã được cải thiện, Khung chính sách hỗ trợ DNNVV đã được ban hành nhưng khu vực doanh nghiệp, đặc biệt là khu vực DNNVV, doanh nghiệp tư nhân vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn. Một trong những rào cản lớn nhất với doanh nghiệp là khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức. Các doanh nghiệp vẫn phải tiếp cận nguồn vốn với lãi suất cao. Ngoài chi trả lãi vay cao, để tiếp cận được nguồn vốn vay tín dụng các doanh nghiệp phải bỏ thêm các chi phí lót tay và quà tặng Trong quá trình xử lý các hồ sơ xin vay từ các tổ chức tín dụng, vẫn tồn tại sự phân biệt đối xử giữa các DNNVV với các doanh nghiệp lớn, giữa các loại hình doanh nghiệp sở hữu tư nhân và sở hữu nhà nước.

**Từ khóa**: doanh nghiệp nhỏ và vừa, tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận vốn tín dụng

**167. Hành vi mua sắm trực tuyến ngẫu hứng: vai trò của giá trị cảm nhận và nhận thức kết quả trong tương lai**/ Nguyễn Hữu Khôi, Lê Nhật Hạnh// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 40 – 48.

**Nội dung:** Nghiên cứu phân tích, đánh giá tác động đôi của nhận thức kết quả trong tương lai và giá trị cảm nhận đến hành vi mua sắm trực tuyến ngẫu hứng. Kết quả phân tích PLS –SEM trên một mẫu 428 sinh viên cho thấy, các giả thuyết đề xuất đều được ủng hộ; từ đó, nghiên cứu đưa ra một số hàm ý quản trị cho các nhà doanh nghiệp.  
**Từ khóa:** Mua sắm ngẫu hứng, giá trị cảm nhận, nhận thức kết quả, trực tuyến

|  |
| --- |
| **168. Hệ thống thông tin quản lý nhân sự trong doanh nghiệp**/ Bùi Thu Trang// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 565 (Tháng 05/2020) .- Tr. 25-27.  **Nội dung**: Giới thiệu tổng quan về hệ thống thông tin quản lý nhân sự; Xu hướng ứng dụng phần mềm để tạo ra hệ thống thông tin quản lý nhân sự hiệu quả cho doanh nghiệp; Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0 của các doanh nghiệp Việt Nam.  **Từ khoá**: Hệ thống thông tin quản lý, quản lý nhân sự, quản trị nguồn nhân lực |
| **169. Hiệu quả sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ tại doanh nghiệp**/ ThS. Trần Thị Mỹ Linh // Tài chính Doanh nghiệp .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 17-21.  **Nội dung**: Nghiên cứu tiến hành khảo sát tình hình sử dụng Quỹ tại các doanh nghiệp có trích lập, sử dụng quỹ, hiệu quả sử dụng quỹ và khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của các doanh nghiệp.  **Từ khóa**: quỹ phát triển khoa học và công nghệ, hoạt động kinh doanh |

**170. Hiệu ứng Momentum trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Nguyễn Thị Yến, Lê Đức Khánh// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 280 .- Tr. 29-38.

**Nội dung:** Nghiên cứu chỉ ra thị trường chứng khoán Việt Nam xuất hiện hiệu ứng momentum ngắn hạn dựa vào dữ liệu tỷ suất sinh lợi theo tuần, giai đoạn từ tháng 1 năm 2007 tới tháng 12 năm 2019. Khi thực hiện chiến lược ở các nhóm cổ phiếu có quy mô khác nhau, mặc dù không tìm thấy hiệu ứng momentum ở nhóm các cổ phiếu có quy mô nhỏ, nhưng hiệu ứng vẫn duy trì ở nhóm các cổ phiếu trung bình và lớn. Các nhân tố rủi ro: rủi ro thị trường, rủi ro quy mô và rủi ro giá trị không giải thích được lợi nhuận của chiến lược momentum. Lợi nhuận chiến lược gây ra bởi các tương quan chuỗi của tỷ suất sinh lợi cổ phiếu. Kết quả này chứng tỏ thị trường chứng khoán Việt Nam không hiệu quả.

**Từ khoá:** Momentum, danh mục đầu tư, mô hình định giá tài sản

**171. Hoàn thiện chính sách tài chính thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam**/ Bùi Thị Yên// Tài chính .- 2020 .- Số 736 .- Tr. 49 – 51.

**Nội dung**: Bài viết đưa ra những đánh giá tổng quan về chính sách thu hút vốn FDI và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện chính sách tài chính nhằm thu hút vốn FDI trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Vốn FDI, chính sách tài chính,môi trường đầu tư, kinh tế vĩ mô, nhà đầu tư

**172. Hoàn thiện chính sách thuế gián thu ở Việt Nam phù hợp với các cam kết quốc tế**/ Trần Thị Mơ// Tài chính.- 2020 .- Số 740 .- Tr. 31 – 35.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá thực trạng cải cách các chính sách thuế gián thu cũng như những khó khăn, thách thức trong triển khia loại thuế này trong bối cảnh hội nhập quốc tế, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện các chính sách thuế gián thu.

**Từ khóa:** Thuế gián thu, hội nhập quốc tế, thuế xuất nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng

**173. Hoàn thiện chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt nhằm hướng dẫn sản xuất và tiêu dùng/** Nguyễn Thị Thanh Hoài, Chu Văn Hùng// Tài chính.- 2020 .- Số 740 .- Tr. 18 - 21 **Nội dung:** Bài viết đánh giá những kết quả đạt được của chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt hiện hành, nhận diện những tồn tại, hạn chế, từ đó đề xuất một vài giải pháp góp phần hoàn thiện chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt nhằm hướng dẫn sản xuất và tiêu dùng. **Từ khóa:** Chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt, sản xuất, tiêu dùng, hàng hóa

**174. Hoàn thiện công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc của viên chức ngành giao thông vận tải tỉnh Trà Vinh**/ Phan Thị Hồng Khuyên// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 574 (Tháng 10/2020) .- Tr. 46-48.

**Nội dung**: Nghiên cứu phân tích thực trạng về tình hình đánh giá kết quả thực hiện công việc của viên chức ngành giao thông vận tải giai đoạn 2015-2019. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc của viên chức Ngành giao thông vận tải tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2020-2025, nhằm nâng cao hiệu suất lao động, tăng chất lượng và hiệu quả công việc nâng cao công tác quản lý nguồn nhân lực trong thời gian tới.

**Từ khoá**: viên chức, ngành giao thông, nguồn nhân lực, kết quả công việc

**175. Hoàn thiện công tác tài chính công đoàn**/ ThS. Nguyễn Kiều Trang // Tài chính Doanh nghiệp .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 18-21.

**Nội dung**: Để công tác tài chính công đoàn công khai, minh bạch và ngày càng hiệu quả, bài viết cập nhật thực trạng tài chính công đoàn, một số nội dung của dự thảo Luật Công đoàn năm 2012, qua đó đề xuất giải pháp cần tập trung thực hiện trong thời gian tới  
**Từ khóa**: tài chính công đoàn, công đoàn, công tác tài chính công đoàn

**176. Hoàn thiện hoạt động thanh tra, giám sát thị trường liên ngân hàng ở Việt Nam**/ Lê Minh Thu// Tài chính .- 2020 .- Số 736 .- Tr. 79 – 81.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu hoạt động thanh tra, giám sát của ngân hàng nhà nước Việt Nam đối với thị trường liên ngân hàng Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động thanh tra, giám sát.

**Từ khóa**: Thị trường, liên ngân hàng, thanh tra, giám sát, ngân hàng thương mại

**177. Hoàn thiện phân tích tiềm lực tài chính tại các doanh nghiệp dược phẩm niêm yết**/ Trần Thị Thanh Thuý// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 147 – 149.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu thực trạng phân tích tiềm lực tài chính trên các khía cạnh mức độ độc lập tài chính, kết quả kinh doanh, tốc độ thanh toán tại 21 doanh nghiệp dược phẩm niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán HNX và HOSE, từ đó đưa ra một số giải pháp hoàn thiện phân tích tiềm lực tài chính trên các khía cạnh: Mức độ độc lập tài chính, kết quả kinh doanh, tốc độ thanh toán tại các doanh nghiệp này.

**Từ khoá**: Độc lập tài chính, kết quả kinh doanh, thanh toán, doanh nghiệp dược phẩm, tiềm lực tài chính.

**178. Hoàn thiện phương pháp chiết khấu dòng tiền trong thẩm định giá doanh nghiệp ở Việt Nam**/ Lâm Thị Thanh Huyền/ Tài chính .- 2020 .- Số 737 .- Tr. 42 – 45

**Nội dung:** Nghiên cứu chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng tới việc vận dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền trong thẩm định giá doanh nghiệp ở Việt Nam. Việc xem xét, đánh giá các nhân tố này có vai trò quan trọng trong việc đưa ra các giải pháp, nhằm nâng cao chất lượng thẩm định giá doanh nghiệp nói chung và thẩm định giá doanh nghiệp theo phương pháp chiết khấu dòng tiền nói riêng tại Viêt Nam trog thời gian tới.  
**Từ khóa:** Phương pháp chiết khấu dòng tiền, thẩm định giá doanh nghiệp, nhân tố ảnh hưởng

**179. Hoạt động bảo hiểm xe cơ giới tại các doanh nghiệp bảo hiểm ở Việt Nam**/ Hoàng Mạnh Cừ// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 205 .- Tr. 60-63.

**Nội dung**: Thực trạng hoạt động bảo hiểm xe cơ giới tại các doanh nghiệp bảo hiểm ở Việt Nam; đánh giá thực trạng hoạt động bảo hiểm xe cơ giới tại các doanh nghiệp bảo hiểm ở Việt Nam; giải pháp đẩy mạnh hoạt động bảo hiểm xe cơ giới tại các doanh nghiệp bảo hiểm ở Việt Nam.

**Từ khoá:** Bảo hiểm xe cơ giới, hoạt động xe cơ giới

**180. Hoạt động mua bán và sáp nhập (M&A) của Trung Quốc năm 2019 và dự báo năm 2020**/ Phạm Thế Tuyên// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 568 .- Tr. 7-9.

**Nội dung:** Tổng quan tình hình mua bán và sáp nhập công ty ở Trung Quốc năm 2019 và dự báo tình hình năm 2020.

**Từ khoá:** Hoạt động mua bán và sáp nhập (M&A), Trung Quốc năm 2019, dự báo năm 2020

**181. Hoạt động thương mại điện tử giữa doanh nghiệp và khách hàng tại Việt Nam/**Lê Thanh Thủy/ Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.106 - 108.

**Nội dung:** Với sự phát triển của nền công nghệ thế giới cũng như sự linh hoạt trong cách vận hành kinh doanh của các doanh nghiệp, thương mại điện tử và các mô hình thương mại điện tử ( trong đó có Hoạt động thương mại điện tử giữa doanh nghiệp và khách hàng-B2C) đang trở thành xu hướng và ngày càng phát triển mạnh mẽ. Ở Việt Nam, thương mại điện tử này có doanh số bán lẻ đạt 10,08 tỷ USD năm 2019 và tốc độ tăng trưởng thuộc nhóm các nước hàng đầu khu vực Đông Nam Á. Bài viết phân tích sẽ làm rõ thực trạng hoạt động thương mại điện tử giữa doanh nghiệp và khách hàng tại Việt Nam, từ đó và đề ra một số khuyến nghị để nâng cao lợi ích và tầm quan trọng của hình thức này.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp, khách hàng, thương mại điện tử, người tiêu dùng

**182. Hợp tác giữa doanh nghiệp - nhà trường - cơ quan quản lý nhà nước trong đào tạo để hỗ trợ khởi nghiệp trường hợp khoa Kinh tế, trường Đại học Tây Nguyên**/ Nguyễn Văn Đạt// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 570 (Tháng 08/2020) .- Tr. 16-18.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng sự liên kết của ba chủ đề doanh nghiệp - nhà trường - cơ quan quản lý nhà nước, từ đó đề xuất ba nhóm giải pháp để phát triển hơn nữa mối liên kết này trong tương lai

**Từ khóa**: Doanh nghiệp - nhà trường - cơ quan; quản lý nhà nước; khởi nghiệp

**183. Huy động vốn đầu tư cho phát triển Nông nghiệp tại tỉnh Nghệ An**/ Hoàng Thị Việt// Tài chính .- 2019 .- Số 717 .- Tr. 92 – 94.

**Nội dung**: Nghệ An là một tỉnh có địa bàn kinh tế rộng, tương đối đa dạng có nhiều thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Việc huy động vốn đầu tư cho phát triển nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh đã và đang bộc lộ nhiều bất cập đòi hỏi phải có những giải pháp nhằm phát huy hiệu quả hơn nữa trong thời gian tới. Bài viết đánh giá thực trạng huy động vốn đầu tư phát triển nông nghiệp tại tỉnh Nghệ An, qua đó gợi mở một số giải pháp giúp khơi thông dòng vốn vào lĩnh vực này.

**Từ khoá**: Nghệ An, Nông nghiệp , Kinh tế nông nghiệp, Đầu tư, Thu hút vốn.

**184. Kết hợp SOA và TOGAF để xây dựng hệ thống thông tin tổng thể tại các trường đại học sư phạm ở Việt Nam**/ Nguyễn Duy Hải, Lê Văn Năm// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 278 .- Tr. 92-104.

**Nội dung:** Mục đích của nghiên cứu này là thiết kế kiến trúc công nghệ thông tin tổng thể cho các trường đại học sư phạm ở Việt Nam nhằm hỗ trợ các đơn vị này xây dựng hệ thống thông tin tổng thể đáp ứng được nhu cầu hiện tại và có thể thích ứng được trong tương lai. Hệ thống thông tin của các trường đại học hiện có được phát triển độc lập, đa nền tảng nên khi xây dựng một hệ thống thông tin tổng thể sẽ gặp không ít thách thức trong việc kế thừa các hệ thống sẵn có để chuyển đổi sang hệ thống mới đáp ứng được tầm nhìn, chiến lược và những yêu cầu nghiệp vụ mới. Nghiên cứu ngày được thực hiện bằng việc sử dụng khung kiến trúc TOGAF kết hợp với kiến trúc hướng dịch vụ SOA và phương pháp xây dựng phần mềm linh hoạt AGILE. Đồng thời, để kiểm chứng cho tính khả thi của thiết kế chúng tôi thực hiện một dự án thực nghiệm tại một trường đại học với bài toán xác định KPIs của giảng viên.

**Từ khoá:** Hệ thống thông tin tổng thể; Kiến trúc hướng dịch vụ; Kiến trúc tổng thể; SOA; TOGAF

|  |
| --- |
| **185. Khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp xuất khẩu thuỷ sản vùng kinh tế trọng điểm miền Trung**/ Hoàng Vân Ngọc // Tài chính .- 2019 .- Số 711 .- Tr. 31 – 33. **Nội dung**: Tác giả sử dụng các dữ liệu thứ cấp thông qua phân tích, so sánh để đánh giá khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu thuỷ sản tại Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung theo các tiêu chí thương hiệu, thị trường, hiệu quả kinh doanh và trách nhiệm xã hội. Từ đó, tác giả đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp xuất khẩu thuỷ sản trên địa bàn trong thời gian tới.  **Từ khoá**: Khả năng cạnh tranh, doanh nghiệp |

**186. Khám phá mối quan hệ cơ bản giữa các yếu tố gây vượt chi phí trong các dự án xây dựng thuộc vốn ngân sách nhà nước/** Trần Văn Toàn, Nguyễn Thanh Việt// Xây dựng .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 96-103.

**Nội dung:** Phân tích các yếu tố gây vượt chi phí trong các dự án xây dựng thuộc vốn ngân sách nhà nước theo mức độ xảy ra và mức độ ảnh hưởng cũng như khám phá ra mối quan hệ cơ bản giữa chúng.

**Từ khóa**: Vốn ngân sách nhà nước, quản lý chi phí, dự án xây dựng

**187. Khảo sát hành vi chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư, trao tặng của người trẻ và một số khuyến nghị**/ Huỳnh Thị Phan Lan// Ngân hàng .- 2020 .- Số 21 .- Tr. 36-40.

**Nội dung:** Trình bày hành vi chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư, trao tặng của người trẻ và một số khuyến nghị.

**Từ khoá**: Hành vi chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư, trao tặng của người trẻ, khuyến nghị

**188. Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong nền kinh tế số**/ ThS. Nguyễn Văn Nhung // Tài chính Doanh nghiệp .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 14-17.

**Nội dung**: Nghiên cứu, đánh giá đầy đủ về hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, coi đó như một giải phù hợp, một cách thức ứng phó hiệu quả để tranh thủ các cơ hội mà cách mạng công nghiệp 4.0 mang đến cho Việt. Bài viết đi vào phân tích cơ hội và đồng thời đưa ra kinh nghiệm các quốc gia trong khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên thế giới nhằm giúp Việt Nam nắm bắt cơ hội và vận dụng kinh nghiệm.

**Từ khóa**: Khởi nghiệp, Đổi mới sáng tạo, Kinh tế số, Công nghệ thông tin

**189. Kiểm soát nội bộ chu trình mua nguyên vật liệu tại các công ty xây lắp**/ Trần Thị Lan Hương, Đinh Công Dũng// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 95 – 98.

**Nội dung**: Nghiên cứu tập trung nghiên cứu kiểm soát nội vộ về quy trình mua nguyên vật liệu ở các công ty xây lắp và đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động này.

**Từ khoá**: Kiểm soát nội bộ, sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp, nguyên vật liệu

**190. Kiến tạo tăng trưởng bao trùm nhằm đảm bảo phát triển bền vững của Việt Nam**/ Trần Đức Hiệp// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 567 .- Tr. 7-9.

**Nội dung**: Sau hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành công về tăng trưởng và giảm nghèo với gần 30 triệu người thoát nghèo. Trên thực tế, mô hình này có thể dẫn tới sự gia tăng về bất bình đẳng thu thập, từ đó làm giảm tác động tích cực tới giảm nghèo và do đó lại dẫn tới giảm tốc độ tăng trưởng.

**Từ khoá**: Tăng trưởng, Kiến tạo, Giảm nghèo, Phát triển bền vững, Việt Nam

**191. Kinh nghiệm kiểm soát nội bộ tại một số tập đoàn tổng công ty xây dựng trên địa bàn TP. Hà Nội**/ Nguyễn Quang Cúc Hoà// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 91 – 94.

**Nội dung**: Bài viết phân tích về kiểm soát nội bộ tại một số tập đoàn nước ngoài đang vận hành kiểm soát nội bộ tại Việt Nam, từ đó hàm ý kinh nghiệm cho các tổng công ty xây dựng Việt Nam nói chung và các tổng công ty xây dựng hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con trên địa bàn Hà Nội nói riêng trong việc xây dựng và vận hành kiểm soát nội bộ.

**Từ khoá**: Kiểm soát nội bộ, Tổng công ty xây dựng, Sản xuất, Kinh doanh

|  |
| --- |
| **192. Kinh nghiệm phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp xã hội tại Anh và hàm ý chính sách đối với Việt Nam**/ Phạm Thị Hạnh, Phùng Thị Quỳnh Trang// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 574 (Tháng 10/2020) .- Tr. 34-36.  **Nội dung**: Bài học kinh nghiệm phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp xã hội tại Anh tập trung: Khung chính sách và khung pháp lý cho doanh nghiệp xã hội; Chương trình hỗ trợ công nhằm mục tiêu xã hội; Hỗ trợ chuyên biệt và cơ sở hạ tầng cho doanh nghiệp xã hội; Mạng lưới các cơ chế hỗ trợ lẫn nhau; Hệ thống chứng chỉ, nhãn mác và đo lường, báo cáo tác động xã hội; Thị trường đầu tư xã hội.  **Từ khoá**: Hệ sinh thái, doanh nghiệp xã hội, Anh-Việt Nam, chính sách  **193. Kinh nghiệm quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử**/ Nguyễn Thị Lâm Anh, Lê Thị Bích Ngân, Nguyễn Văn Tâm// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 116 – 121.  **Nội dung**: Nhóm tác giả phân tích những thách thức đặt ra đối với công tác quản lý thuế; kinh nghiệm quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử ở một số quốc gia, từ đó đề xuất một số giải pháp phù hợp với bối cảnh của Việt Nam.  **Từ khoá**: Thương mại điện tử, Kinh doanh, Quản lý thuế  **194. Kinh nghiệm quản lý tiền điện tử kỹ thuật số**/ Trần Thị Kim Chi, Trần Thị Mai Thành// Tài chính .- 2019 .- Số 716 .- Tr. 119 – 122.  **Nội dung**: Từ một số vấn đề cơ bản về tiền điện tử kỹ thuật số, nghiên cứu cách thức quản lý tiền điện tử kỹ thuật số của các nước trên thế giới, bài viết đề xuất một số gợi ý cho Việt Nam.  **Từ khoá**: Tiền điện tử kỹ thuật số, Tài chính – tiền tệ, Cách mạng công nghiệp 4.0 |

**195. Kinh nghiệm quốc tế về quản lý các hoạt động phụ trợ bảo hiểm/ Nguyễn Thanh Nga//** Tài chính.- 2020 .- Số 741 .- Tr. 43 – 45.

**Nội dung:** Bài viết đưa ra một số nội dung cần xem xét xây dựng quy định pháp luật đối với hoạt động bảo trợ bảo hiểm ở Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm các nước trong quản lý các hoạt động bảo trợ bảo hiểm.

**Từ khóa:** Phụ trợ bảo hiểm, bảo hiểm, hiệp định thương mại tự do, cam kết, kinh doanh bảo hiểm, thị trường bảo hiểm

**196. Kinh nghiệm phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp một số nước Châu Á và gợi ý cho Việt Nam**/ Phạm Thành Công// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 510 .- Tr. 87-97.

**Nội dung**: Phân tích, đánh giá sự phát triển của thị trường trái phiếu doanh nghiệp Trung Quốc và Thái Lan, từ đó đưa ra một số gợi ý cho sự phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam.

**Từ khoá**: Trái phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, phát triển thị trường

**197. Kinh tế tài chính Thế giới năm 2019 và triển vọng 2020**/ Lê Quang Thuận, Trần Thị Quỳnh Hoa// Tài chính .- 2020 .- Số 720+721 Tháng 1 .- Tr. 100-105.

**Nội dung**: Bài viết khái quát một số nét nổi bật của thị trường tài chính – tiền tệ thế giới năm 2019, phân tích tác động và đưa ra một số khuyến nghị đối với Việt Nam.

**Từ khóa**: Kinh tế - tài chính thế giới, Việt Nam, thị trường tài chính

**198. Kinh tế tư nhân Việt Nam: Động lực phát triển và những kỳ vọng mới/** Trịnh Đức Chiều// Tài chính .- 2020 .- Số 720+721 Tháng 1 .- Tr. 52-55.

**Nội dung**: Những thay đổi về thể chế, chính sách đã tạo nên những thành tuự trong sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân của Việt Nam.

**Từ khoá**: Kinh tế tư nhân, nền kinh tế, ngân sách nhà nước, GDP

|  |
| --- |
| **199. Lạm phát năm 2019 và những dự báo**/ Đặng Ngọc Tú// Tài chính .- 2020 .- Số 720+721 Tháng 1 .- Tr. 62-65.  **Nội dung**: Để kiểm soát được lạm phát trong năm 2020, các chính sách vĩ mô cần cùng phối hợp, nhất quán hướng tới mục tiêu “tập trung ổn định kinh tế vĩ mô”.  **Từ khoá**: Lạm phát, tăng trưởng GDP, hàng hoá, dịch vụ |
| **200. Liên kết chuỗi sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phục vụ phát triển kinh tế bền vững**/ Nguyễn Đình Thành, Nguyễn Tuấn, Lê Vũ Toàn, Nguyễn Thị Thu Thuỳ// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 565 (Tháng 05/2020) .- Tr. 81-83. **Nội dung**: Nghiên cứu khảo sát, phân tích thực trạng chuỗi liên kết trong sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam, đánh giá các tiềm năng, thách thức, cư hội phát triển và đề xuất các khuyến nghị để phát triển kinh tế nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao bền vững và hiệu quả. **Từ khoá**: chuỗi sản xuất, nông nghiệp, công nghệ cao, phát triển kinh tế |

**201. Liên kết nhà trường - doanh nghiệp trong phát triển nguồn nhân lực**/ ThS. Nguyễn Thị Mỹ Lệ // Tài chính Doanh nghiệp .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 26-29.

**Nội dung**: Trên cơ sở phản ánh thực trạng nguồn nhân lực, nhu cầu của tổ chức sử dụng lao động và lợi ích của mô hình liên kết nhà trường - doanh nghiệp, tác giả đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực từ mô hình.

**Từ khóa**: nguồn nhân lực, hợp tác nhà trường - doanh nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực

**202. Mạng lưới quan hệ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt Nam**/ Nguyễn Quang Thu, Ngô Quang Huân, Trần Nha Ghi// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 278 .- Tr. 32-41.

**Nội dung**: Nghiên cứu này đo lường mức độ tác động của mạng lưới quan hệ của nhà khởi nghiệp đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp khởi nghiệp. Bằng phương pháp hồi quy bội với cỡ mẫu là 150 doanh nghiệp khởi nghiệp, kết quả nghiên cứu cho thấy: quan hệ với cán bộ Chính phủ, quan hệ xã hội và quan hệ với đối tác kinh doanh tác động cùng chiều đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp khởi nghiệp trong giai đoạn đầu. Nghiên cứu đã đem lại ý nghĩa thực tiễn cho nhà khởi nghiệp cần chú trọng xây dựng mạng lưới quan hệ trong giai đoạn đầu nhằm cải thiện kết quả hoạt động, giảm thiểu tỉ lệ khởi nghiệp thất bại. Cuối cùng, nghiên cứu đã đưa ra một hàm ý quản trị, hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp khởi nghiệp, kết quả hoạt động, mạng lưới quan hệ

**203. Lãnh đạo số: nhân tố thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp trong nền kinh tế tri thức**/ Phạm Minh Hoàng, Phạm Thị Thanh Hồng, Nguyễn Thị Nguyệt// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 53 – 62.

**Nội dung:** Nghiên cứu làm rõ mục tiêu chính của chuyển đổi số doanh nghiệp là tăng cường mức độ trưởng thành số thông qua một quá trình liên tục cải tiến các hệ sinh thái số và lãnh đạo số là một trong những yếu tố thúc đẩy quan trọng giúp quá trình chuyển đổi số của doanh nghiệp được thuận lợi. Kết quả nghiên cứu gợi ý cho các doanh nghiệp có chiến lược triển khai lãnh đạo số linh hoạt thông qua triển trai các mô hình lãnh đạo số phù hợp với từng giai đoạn chuyển đổi, với mức độ trưởng thành số và với khoảng trống lãnh đạo của doanh nghiệp. Đồng thời chính sách công cũng cần đổi mới để hỗ trợ nâng cao nhận thức và nguồn cung lãnh đạo chuyển đổi số cho các doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp công nghiệp, kinh tế tri thức, chuyển đổi số, trưởng thành số, lãnh đạo số, giám đốc chuyển đổi số

**204. Mạng lưới xã hội và hiệu quả của doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam**/ Vũ Thị Thư Thư// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 577 .- Tr. 7 – 9.

**Nội dung:** Xác định mức độ đóng góp của mạng lưới xã hội của chủ doanh nghiệp vào hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Mạng lưới xã hội, doanh nghiệp

|  |
| --- |
| **205. Minh bạch trách nhiệm xã hội của công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Lưu Thị Thái Tâm // Tài chính .- 2019 .- Số 705 .- Tr. 21 – 23.  **Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm phân tích và đánh giá thực trạng minh bạch thông tin trách nhiệm xã hội của các công ty niêm yết đối với các bên liên quan. Nghiên cứu sử dụng kỹ thuật phân tích nội dung các báo cáo thường niên của 283 công ty sản xuất đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong giai đoạn 2013-2017.  **Từ khoá**: Công ty niêm yết, minh bạch, trách nhiệm xã hội, thị trường chứng khoán. |

**206. Mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển nguồn nhân lực giảng viên của các trường đại học ngoài công lập tại Việt Nam**/ Phí Thị Nguyệt, Vũ Đức Oai// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 40-42.

**Nội dung**: Tác giả nghiên cứu khung lý thuyết các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển nguồn nhân lực giảng viên của các trường đại học ngoài công lập tại Việt Nam nhằm góp phần thúc đẩy phát triển hệ thống giáo dục đại học của cả nước.

**Từ khoá**: nguồn nhân lực, nhân tố ảnh hưởng, giảng viên

**207. Mô hình đo lường thành quả của nhà quản lý**/ Nguyễn Hữu Bình, Nguyễn Bích Liên, Nguyễn Phong Nguyên// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 24 .- Tr. 31-36.

**Nội dung**: Trình bày cơ sở lý luận về lý thuyết đo lường thành quả của nhà quản lý, nghiên cứu thực nghiệm về thành quản cá nhân và đề xuất một mô hình đo lường khía niệm thành quả của nhà quản lý trên cả hai khía cạnh hành vi và kết quả.

**Từ khoá**: Thành quả cá nhân, thành quả của nhà quản lý

**208. Mô hình kinh tế chia sẻ lĩnh vực vận tải tại Singapore và kinh nghiệm cho Việt Nam**/ Hoàng Ngọc Quang// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 576 .- Tr. 76 – 78.

**Nội dung:** Bài viết dựa trên nền tảng lý luận cơ bản về kinh chia sẻ lĩnh vực vận tải của Singapore, đồng thời đưa ra những bài học phù hợp với điều kiện phát triển tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Mô hình kinh tế, lĩnh vực vận tải, Singapore

**209. Mô hình lưu trữ cấp huyện: thực trạng và những vấn đề đặt ra**/ Lê Hoài Giang// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 567 .- Tr. 46-48.

**Nội dung**: Việc ổn định về tổ chức mô hình lưu trữ cấp huyện là việc làm cần thiết hiện nay, nhất là khi nền hành chính nhà nước đang chuyển mình sang cơ chế một nửa, ứng dụng công nghệ thông tin mạnh mẽ vào việc giải quyết các thủ tục hành chính.

**Từ khoá**: Mô hình lưu trữ, Cấp huyện, Cơ chế một cửa, Công nghệ thông tin

**210. Mô hình nghiên cứu các yếu tố chất lượng dịch vụ hành chính công ảnh hưởng đến sự hài lòng của ngưòi dân tại UBND huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh**/ Nguyễn Thành Tướng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 572 .- Tr. 106-107.

**Nội dung**: Các yếu tố chất lượng dịch vụ hành chính công tại cơ quan hành chính nhà nước (CQHCNN) hết sức quan trọng, CQHCNN bên cạnh chức năng quàn lý còn có chức năng phục vụ những dịch vụ cần thiết cho người dân để họ thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân. Vì vậy để nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công thì cần phải nghiên cứu yếu tố nào tác động bên trong hay bên ngoài, mức độ tác động đến đâu để giúp các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương nâng cao được chất lượng phục vụ của mình đáp ứng nhu cầu thực tiễn đang đặt ra.

**Từ khoá**: Hành chính công, Dịch vụ, Chất lượng, Yếu tố ảnh hưởng, Người dân, Sự hài lòng

**211. Mô hình nông nghiệp 4.0: Cơ hội và thách thức cho nông nghiệp Việt Nam**/ Trần Minh Nguyệt// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 574 (Tháng 10/2020) .- Tr. 31-33.

**Nội dung**: Khái quát về Nông nghiệp 4.0; Sự thân thiết phải chuyển đổi nền nông nghiệp hiện tại sang nông nghiệp 4.0; Cơ hội và thách thức cho ngành Nông nghiệp Việt Nam; Kết luận.

**Từ khoá**: Nông nghiệp Việt Nam, Nông nghiệp 4.0, cơ hội và thách thức

**212. Mô hình thẻ điểm với việc đánh giá thành quả hoạt động của tổ chức khu vực công**/ Bùi Quang Hùng, Mai Thị Hoàng Minh// Tài chính.- 2020 .- Số 739 .- Tr. 36 – 38.

**Nội dung**: Bài viết giới thiệu về mô hình thẻ điểm khu vực công một mô hình cải thiện chất lượng dịch vụ và quản lý hoạt động thích hợp cho khu vực công, giúp các tổ chức giải quyết được các vấn đề khó khăn trong đánh giá thành quả hoạt động.

**Từ khóa:** Thẻ điểm khu vực công, thành quả hoạt động, khu vực công

**213. Mở rộng hoạt động huy động tiền gửi khách hàng cá nhân tại Agribank Trà Vinh**/ Trần Lý Anh Thư// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 564 .- Tr.106-108.

**Nội dung**: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là một trong những ngân hàng có lịch sử tồn tại lâu đời, gắn bó với nhiều giai đoạn phát triển của quốc gia, góp phần không nhỏ trong việc thúc đẩy nền kinh tế phát triển, thực hiện nhiều nhiệm vụ, sứ mệnh do Chính phủ giao phó.

**Từ khoá**: Huy động tiền gửi, Khách hàng cá nhân, Ngân hàng Agribank Trà Vinh

**214. Mối quan hệ giữa bền vững doanh nghiệp, sự gắn bó của nhân viên, sự tham gia của cộng đồng địa phương và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp du lịch: trường hợp vùng duyên hải Nam Trung Bộ**/ Võ Tấn Phong, Võ Thị Tâm// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 570 (Tháng 08/2020) .- Tr. 54-56.

**Nội dung**: Mục tiêu của nghiên cứu là xác định mối quan hệ giữa bền vững doanh nghiệp, sự gắn bó của nhân viên với tổ chức, sự tham gia của cộng đồng địa phương và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp du lịch vùng Duyên hải Nam Trung Bộ tại Việt Nam và đưa ra các hàm ý quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

**Từ khóa**: doanh nghiệp, sự gắn bó của nhân viên, doanh nghiệp du lịch, Duyên hải Nam Trung Bộ

**215. Mối quan hệ giữa các tác nhân của thực thi Logistics ngược và kết quả kinh tế: Nghiên cứu thực nghiệm cho lĩnh vực kinh doanh bán lẻ hàng điện tử tại thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**/ Nguyễn Huy Tuân, Lê Tấn Bửu// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 61-92.

**Nội dung**: Tập trung xem xét mối quan hệ giữa các tác nhân của thực thi Logistics ngược và kết quả kinh tế của doanh nghiệp bán lẻ hàng điện tử. Kết hợp phương pháp định tính và định lượng, kết quả được tìm thấy trong nghiên cứu bao gồm: (1) Danh tiếng doanh nghiệp được khám phá như là một nhân tố mới, theo đó, các mối quan hệ giữa danh tiếng doanh nghiệp với thực thi Logistics ngược, giữa danh tiếng doanh nghiệp với cam kết nguồn lực được phát hiện trong bối cảnh Logistics ngược; (2) Thực thi Logistics ngược không chỉ có tác động trực tiếp đáng kể đến kết quả kinh tế mà còn được xem là biến trung gian trong mối quan hệ tác động gián tiếp giữa khả năng công nghệ thông tin, danh tiếng doanh nghiệp với kết quả kinh tế; và (3) Nghiên cứu thực nghiệm cho thấy ngoại trừ việc chưa có cơ sở để kết luận thực thi Logistics ngược chịu tác động bởi cam kết nguồn lực, tất cả sáu giả thuyết còn lại được chấp nhận. Một số hàm ý chính sách được đưa ra nhằm giúp doanh nghiệp bán lẻ hàng điện tử nhận thức sâu sắc hơn và phát triển tốt các tác nhân của thực thi Logistics ngược, góp phần cải thiện kết quả kinh tế trong quá trình hoạt động kinh doanh.

**Từ khoá:** Thực thi Logistics ngược; Cam kết nguồn lực; Danh tiếng doanh nghiệp; Kết quả kinh tế; Khả năng công nghệ thông tin

**216. Mối quan hệ giữa hấp dẫn thương hiệu nhà tuyển dụng và thái độ trung thành của nhân viên**/ Nguyễn Tấn Minh// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 146 .- Tr. 70-79.

**Nội dung**: Nghiên cứu mối quan hệ giữa hấp dẫn thương hiệu nhà tuyển dụng (Employer Brand Attractiveness - EBA) và thái độ trung thành của nhân viên. Mẫu nghiên cứu gồm 416 nhân viên đang làm việc ở các doanh nghiệp ngành dịch vụ tại TP.HCM, thời gian nghiên cứu từ tháng 06/2019 đến tháng 12/2019. Mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) được sử dụng để phân tích và kiểm định các giả thuyết của mô hình. Kết quả nghiên cứu cho thấy những thành phần giá trị của EBA được đo lường bằng giá trị kinh tế, giá trị phát triển, giá trị xã hội, giá trị thích thú và giá trị ứng dụng. Nghiên cứu cũng phát hiện những thành phần giá trị của EBA có tác động cùng chiều đến trung thành của nhân viên. Tuy nhiên, giá trị kinh tế của EBA không tác động đến thái độ trung thành của nhân viên.

**Từ khoá**: Thương hiệu nhà tuyển dụng, trung thành của nhân viên, EB, EBA

**217. Mối quan hệ giữa hiệu quả tài chính với cấu trúc vốn và khả năng thanh toán: nghiên cứu thực nghiệp tại các doanh nghiệp cảng biển Việt Nam**/ Hoàng Thị Phương Lan, Nguyễn Hồng Vân, Phùng Mạnh Trung// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 570 (Tháng 08/2020) .- Tr. 22-24.

**Nội dung**: Tác giả xây dựng mô hình nâng cao năng lực tài chính trên cơ sở giải quyết mối quan hệ giữa hiệu quả tài chính với cấu trúc vốn và khả năng thanh toán tối ưu cũng như tối đa hóa hiệu quả tài chính cho các doanh nghiệp cảng biển Việt Nam.

**Từ khóa**: Tài chính, Vốn, khả năng thanh toán

**218. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát ở Việt Nam giai đoạn 2005-2019**/ Phan Hà Lê// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 574 (Tháng 10/2020) .- Tr. 84-86.

**Nội dung**: Tác giả xem xét thực trạng tăng trưởng kinh tế và lạm phát trong giai đoạn 2005-2019 và áp dụng mô hình VECM với chuỗi dữ liệu được thu thập thưo quý trong giai đoạn này. Tác giả sẽ tiến hành kiểm định tính dừng, kiểm định nhân quả Granger, phân tích hàm phản ứng và phân rã phương sai, qua đó đánh giá mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát ở Việt Nam.

**Từ khoá**: tăng trưởng, kinh tế, lạm phát, Việt Nam

**219. Mối quan hệ giữa trải nghiệm, sự cam kết và gắn kết thương hiệu: vai trò trung gian và điều tiết của tham gia thương hiệu**/ Nguyễn Hữu Khôi, Lê Nhật Hạnh// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 277 .- Tr. 63-72.

**Nội dung:** Nghiên cứu này đóng góp vào kiến thức chung về các nhấn tố ảnh hưởng đến sự gắn kết thương hiệu thông qua việc xây dựng và kiểm định mô hình các nhân tố tác động đến sự gắn kết thương hiệu trong bối cảnh dịch vụ khách sạn lưu trú. Trong đó, mối quan hệ giữa trải nghiệm, cam kết và gắn kết được thảo luận và khám phá. Bên cạnh đó, sự tham gia thương hiệu với vai trò là biến trung gian và điều tiết cũng được kiểm định trong nghiên cứu này. Dựa trên một mẫu 250 du khách quốc tế, phương pháp bình phương bé nhất riêng phần (PLS) được sử dụng để kiểm định độ tin cậy, độ giá trị thang đo cũng như giả thuyết nghiên cứu. Kết quả cho thấy các giả thuyết đều được ủng hộ bởi dữ liệu. Do đó, nghiên cứu có một số đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn.

**Từ khoá:** Trải nghiệm thương hiệu, cam kết thương hiệu, tham gia thương hiệu, gắn kết thương hiệu, trung gian và điều tiết

**220. Mối quan hệ giữa ý định và hành vi tiêu dùng túi tự hủy bảo vệ môi trường**/ Lê Thụy Đoan Trang// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 568 .- Tr. 61-63.

**Nội dung:** Trình bày tiêu dùng xanh: xu hướng hiện đại; thực trạng tiêu dùng túi ni lông và túi tự hủy tại TP Hồ Chí Minh; đề xuất một số giải pháp xây dựng tăng cường các chính sách phù hợp.

**Từ khoá:** Mối quan hệ, ý định, hành vi tiêu dùng, túi tự hủy bảo vệ môi trường

|  |
| --- |
| **221. Một số chỉ tiêu phân tích thể hiện dấu hiệu khả nghi khi đọc báo cáo tài chính**/ Dương Thị Thanh Hiền // Tài chính .- 2019 .- Số 711 .- Tr. 40 – 42.  **Nội dung**: Tổng quát về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và dòng tiền lưu chuyển sau mỗi kỳ hoạt động của doanh nghiệp.  **Từ khoá**: Báo cáo tài chính, doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh, lợi nhuận |

**222. Một số giải pháp cho ngành Logicstic Việt Nam để vượt qua thời điểm dịch bệnh Covid 19**/ Phạm Tố Quyên// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 574 (Tháng 10/2020) .- Tr. 69-71.

**Nội dung**: Thực trạng các doanh nghiệp logicstic Việt Nam và các doanh nghiệp sản xuất đầu vào chuỗi cung ứng; Một số giải pháp cho ngành logicstic Việt Nam.

**Từ khoá**: Logicstic, dịch bệnh, covid 19

**223. Một số giải pháp để thực hiện hiệu quả chế độ bảo hiểm hưu trí ở Việt Nam/** Điều Bá Được// Tài chính .- 2020 .- Số 730.- Tr. 27 – 31.

**Nội dung:** Bài viết khái quát quá trình hình thành, phát triển chế độ bảo hiểm hưu trí của Việt Nam, nhận diện một số khó khăn, thách thức đặt ra, đề xuất một số giải pháp để thực hiện hiệu quả chế độ bảo hiểm hưu trí thời gian tới.

**Từ khóa:** Bảo hiểm, bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm xã hội

**224. Một số giải pháp hỗ trợ sinh kế góp phần giảm nghèo bền vững tại Hà Giang**/ Nguyễn Mạnh Dũng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 567 .- Tr. 19-21.

**Nội dung:** Hà Giang là tỉnh miền núi, biên giới, cực Bắc của Tổ quốc, có diện tích tự nhiên trên 7.900 km2, dân số trên 85 vạn người/19 dân tộc, trong đó dân tộc thiểu số chiếm gần 90%; địa hình hiểm trở, chia cắt mạnh, giao thông đi lại rất khó khăn, thiếu nước và đất sản xuất.

**Từ khoá:** Sinh kế, Giảm nghèo bền vững, Hỗ trợ, Hà Giang

**225. Một số giải pháp kiện toàn tổ chức và hoạt động của các tổ chức phối hợp liên ngành/** ThS. Nguyễn Thị Như Quỳnh// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 18+19 (344+345) .- Tr. 76-77.

**Nội dung:** Thực trạng tổ chứcvà hoạt động của các tổ chức phối hợp liên ngành; Sự cần thiết phải rà soát, sắp xếp, kiện toàn; Nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện; Đề xuất kiến nghị đối với việc sắp xếp, kiện toàn các tổ chức phối hợp liên ngành do Bộ Môi trường & Tài nguyên làm cơ quan đầu mối thường trực.

**Từ khóa**: Tổ chức phối hợp liên ngành, kiện toàn tổ chức, môi trường

**226. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp** /Đinh Thị Nga, Nguyễn Thị Quỳnh Anh/ Tài chính.- 2020 .- Số 732.- Tr.27 – 30.

**Nội dung:** Cũng như vốn nói chung, vốn nhà nước tại doanh nghiệp là một yếu tố động và có thể thay đổi hình thái giá trị và vật chất trong quá trình vận động của chu trình sản xuất - kinh doanh. Vốn nhà nước đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước thời gian qua đạt được những thành tựu nhất định. Tuy nhiên, việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh cũng gặp phải không ít khó khăn, thách thức cần có những giải pháp khắc phục trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Vốn nhà nước, đầu tư, sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp.

|  |
| --- |
| **227. Một số giải pháp phát huy hiệu quả hình thức hợp tác công tư**/ Nguyễn Thị Thanh Tâm// Tài chính .- 2019 .- Số 716 .- Tr. 49 – 51.  **Nội dung**: Bài viết khái quát về hình thức hợp tác công tư (PPP) và thực tiễn triển khai các dự án PPP tại Việt Nam, qua đó làm nổi bật những kết quả, tồn tại, hạn chế và đề xuất một số giải pháp phát huy hiệu quả từ hình thức này.  **Từ khoá**: Hợp tác công tư, PPP, Xây dựng hạ tầng |

**228. Một số giải pháp phát triển khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã**/ Đặng Văn Thanh// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 134 – 136.

**Nội dung**: Bài viết phân tích tình hình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong thời gian qua, từ đó đưa ra những giải pháp cần triển khai đồng bộ để mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã ngày càng phát triển.

**Từ khoá**: Kinh tế tập thể, Kinh tế hợp tác xã, Kinh tế tư nhân, Doanh nghiệp

**229. Một số giải pháp phát triển kinh tế tư nhân Việt Nam**/ Hoàng Thị Thanh Liễu, Phạm Thị Phúc, Đào Minh Tâm// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 93-95.

**Nội dung**: Nâng cao sự phát triển đối với nền kinh tế tư nhân sẽ có tác động làm cho nền kinh tế Việt Nam ngày càng phát triển. Kinh tế tư nhân có nhiều khó khăn cần có các giải pháp cấp thiết để phát triển mạnh mẽ. Bài viết đề xuất một số các giải pháp nhằm phát triển kinh tế tư nhân.

**Từ khoá**: Phát triển kinh tế, kinh tế tư nhân, kinh tế Việt Nam

**230. Một số giải pháp thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển**/ Nguyễn Thị Kim Lý// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 122 – 124.

**Nội dung**: Xác định vai trò quan trọng của doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với nền kinh tế, trong những năm qua, Việt Nam đã có nhiều chính sách hỗ trợ đối tượng này phát triển. Từ đó đề xuất một só giải pháp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Tiếp cận vốn, phát triển

**231. Một số giải pháp thúc đẩy phát triển nền kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam**/ Bùi Quang Trung, Phạm Hữu Năm// Tài chính .- 2020 .- Số 731.- Tr. 11 – 13.

**Nội dung:** Bài viết khái quát về vai trò, thực trạng phát triển của nền kinh tế tuần hoàn đối với phát triển kinh tế xã hội, qua đó gợi mở một số đề xuất phát triển mô hình này.

**Từ khóa:** Kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững, tăng trưởng, môi trường

|  |
| --- |
| **232. Một số giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long**/ Nguyễn Văn Trọn // Tài chính .- 2019 .- Số 705 .- Tr. 146 – 149.  **Nội dung**: Trao đổi về thực trạng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian qua, bài viết kiến nghị một số nhóm giải pháp nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở vùng kinh tế trọng điểm nảy đến năm 2025.  **Từ khóa**: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xuất khẩu, thu nhập bình quân, nông nghiệp |

**233. Một số thách thức đối với nền kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ trong giai đoạn 2014-2019**/ Bùi Ngọc Tú// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 72-74.

**Nội dung**: Nghiên cứu làm rõ hai vấn đề: Thực trạng nền kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ hiện nay và những khó khăn phải đối mặt.

**Từ khoá**: nền kinh tế, Thổ Nhĩ Kỳ, thách thức

**234. Một số tiếp cận xã hội học trong nghiên cứu chính sách công ở Việt Nam hiện nay**/ Huỳnh Minh Sáng, Lê Văn Gấm// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 10-12.

**Nội dung**: Nghiên cứu chính sách công được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau, tuỳ theo các ngành khoa học như chính trị học, kinh tế học, xã hội học, tâm lý học, luật học,..., Bài viết phân tích một số tiếp cận xã hội học trong nghiên cứu chính sách công ở Việt Nam.  
**Từ khoá**: Xã hội học, Hành chính công, Việt Nam

**235. Một số vấn đề về kinh tế xanh tại Việt Nam**/ Phạm Thị Bích Thảo// Tài chính .- 2020 .- Số 736 .- Tr. 44 – 48.

**Nội dung:** Kinh tế xanh là xu hướng phát triển hiện nay của các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam nhằm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững. Bài viết đánh giá thực trạng nền kinh tế xanh ở Việt Nam thời gian qua và đề xuất một số giải pháp phát triển nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Kinh tế xanh, tăng trưởng xanh, môi trường, phát triển bền vững

**236. Một số lý thuyết về giá trị thương hiệu doanh nghiệp**/ Lê Thị Duyên// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 567 .- Tr.10-12.

**Nội dung:** Vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp Việt Nam là cần phải tìm ra được những nhân tố cấu thành nên giá trị thương hiệu các doanh nghiệp, góp phần tạo nên ấn tượng mạnh trong tâm trí người tiêu dùng và từ đó, làm cơ sở để các doanh nghiệp có chiến lược xây dựng thương hiệu và nâng cao giá trị thương hiệu góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực kinh doanh của mình trên thị trường.

**Từ khoá:** Giá trị thương hiệu, Doanh nghiệp, Người tiêu dùng, Chiến lược

**237. Một số vấn đề đặt ra trong huy động nguồn lực tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp**/ Vũ Đại Đồng // Tài chính .- 2019 .- Số 705 .- Tr. 97 – 99.

**Nội dung**: Đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp, nguồn lực tài chính là một trong những yếu tố quan trọng nhưng cũng đang là điểm nghẽn lớn nhất trong hoạt động của doanh nghiệp. Bài viết trao đổi về thực trạng thu hút vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp và đưa ra một số kiến nghị trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Huy động vốn, doanh nghiệp khởi nghiệp, quỹ đầu tư, nguồn lực tài chính

**238. Một số vấn đề về tính hợp lệ của hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**/ Đặng Thị Hàn Ni// Tài chính .- 2019 .- Số 717 .- Tr. 35 – 37.

**Nội dung**: Bài viết phân tích những điểm bất cập của Luật Doanh nghiệp năm 2014, từ đó đưa ra những đề xuất, kiến nghị sửa đổi những nội dung bất cập để bảo vệ người kinh doanh chân chính.

**Từ khóa**: Luật Doanh nghiệp, Doanh nghiệp, Giấu chứng nhận đăng ký, Công ty.

**239. Một số vấn đề khái quát trong quản lý tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập trong điều kiện thực hiện quy định về cơ chế tự chủ**/ Chu Tống Khánh Linh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 568 .- Tr. 46-48.

**Nội dung**: Tìm hiểu một số vấn đề khái quát như các khái niệm, các đặc điểm và nội dung của quản lý tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

**Từ khoá**: Quản lý tài chính, đơn vị sự nghiệp công lập, điều kiện thực hiện quy định về cơ chế tự chủ

**240. Một số vấn đề lý luận về quản trị rủi ro doanh nghiệp**/ Vũ Thị Hằng Nga// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 206 .- Tr. 64-67.

**Nội dung**: Khái quát hóa khái niệm quản trị rủi ro, đưa ra các chuẩn mực quốc tế để các doanh nghiệp tham khảo trong xây dựng quy trình quản trị rủi ro. Nghiên cứu cũng đã chỉ ra được bản chất của quản trị rủi ro doanh nghiệp. Đồng thời, phân tích cơ sở lý luận kết hợp với các bước công việc từ nhận diện rủi ro, đánh giá rủi ro, định lượng rủi ro và giám sát rủi ro, làm căn cứ cho các doanh nghiệp tham khảo, xây dựng mô hình quản trị rủi ro.

**Từ khoá**: Quản trị rủi ro, rủi ro, mô hình quản trị rủi ro

**241. Một số yếu tố chính ảnh hưởng đến ý định nghỉ việc của nhân sự ngành Kế toán - Kiểm toán**/ Bạch Ngọc Hoàng Ánh, Cao Quốc Việt, Phan Quốc Tấn// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 146 .- Tr. 50-61.

**Nội dung**: Nghiên cứu đã khảo sát 237 nhân viên kế toán, kiểm toán để điều tra mối quan hệ giữa tính chất công việc, xung đột công việc - cuộc sống gia đình, sự căng thẳng trong công việc và ý định nghỉ việc của họ. Kết quả cho thấy có bằng chứng nghiên cứu các mối quan hệ trong mô hình các yếu tố tác động đến ý định nghỉ việc. Cụ thể, nghiên cứu cho thấy ảnh hưởng của tính chất công việc ngành kế toán - kiểm toán ảnh hưởng đến sự xung đột công việc - cuộc sống gia đình và sự căng thẳng trong công việc; sự căng thẳng trong công việc tác động đến ý định nghỉ việc của nhân sự ngành kế toán - kiểm toán. Vai trò điều tiết của các nhóm biến kiểm soát (nghề nghiệp, giới tính, thu nhập…) cũng được khẳng định. Qua đó, một số hàm ý quản trị được đề xuất cho nghiên cứu này.

**Từ khoá**: Tính chất công việc; xung đột công việc - cuộc sống gia đình; sự căng thẳng; ý định nghỉ việc

**242. Nâng cao chất lượng cán bộ quản lý cấp trung tại Công ty cổ phần Bạch Đằng 6**/ Lê Đức Thủy// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 567 .- Tr. 34-36.

**Nội dung**: Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng tham gia sâu và rộng vào nền kinh tế thế giới và sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt trên thị trường, CTCP Bạch Đằng 6 đã dần khẳng định được vị thế của mình. Thông qua số liệu thứ cập thứ cấp thu được đối với CPCP Bạch Đằng 6 từ năm 2015 đến năm 2018 và số liệu sơ cấp thu nhập được thông qua điều tra bảng hỏi vào tháng 5/2019, nghiên cứu đã đánh giá thực trạng còn nhiều khó khăn của nhóm đối tượng quản lý trong công ty và đề xuất nhóm giải pháp chính để nâng cao chất lượng cán bộ quản lý cấp trung tại công ty này gồm đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ quản lý cấp trung.

**Từ khoá:** Cán bộ quản lý, Cấp trung, Chất lượng, Cạnh tranh, Thị trường, Công ty cổ phần Bạch Đằng 6

**243. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn**/ Nguyễn Thị Thao// Tài chính .- 2020 .- Số 736 .- Tr. 123 – 124.

**Nội dung:** Bài viết phân tích thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở Việt Nam hiện nay và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

**Từ khóa:** Đào tạo nghề, lao động nông thôn, giáo dục nghề nghiệp

**244. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hướng dẫn viên du lịch Bình Định**/ Phạm Thị Bích Duyên, Nguyễn Chí Tranh// Nghiên cứu Kinh tế .- 2020 .- Số 9(508) (Tháng 09/2020) .- Tr. 58-69.

**Nội dung**: Nghiên cứu đánh giá thực trạng chất lượng nguồn nhân lực hướng dẫn viên du lịch ở tỉnh Bình Định thông qua các nhóm tieue chuẩn. Các tiêu chuẩn này được đo lường bằng nhiều yếu tố khác nhau. Kết quả phân tích cho thấy, chất lượng hướng dẫn viên du lịch chưa theo kịp sự phát triển du lịch của tỉnh.

**Từ khoá**: chất lượng nguồn nhân lực, du lịch, hướng dẫn viên, tỉnh Bình Định

**245. Nâng cao chất lượng tín dụng cho vay hộ nghèo của các tổ chức tín dụng tỉnh Thái Nguyên**/ Nguyễn Hữu Thu, Lê Thị Phương // Tài chính .- 2019 .- Số 705 .- Tr. 59 – 61.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá thực trạng chất lượng tín dụng cho vay hộ nghèo của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, bên cạnh một số chỉ tiêu đã đạt được, vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục để nâng cao chất lượng tín dụng cho vay hộ nghèo của các tổ chức tín dụng trên địa bàn.

**Từ khóa**: Chất lượng tín dụng, tổ chức tín dụng, hộ nghèo, kinh tế - xã hội, vay vốn, an sinh xã hội

**246. Nâng cao hiệu quả hoạt động và đóng góp vào ngân sách của các khu công nghiệp tại TP. Đà Nẵng**/ Trương Thị Điệp // Tài chính .- 2019 .- Số 711 .- Tr. 56 – 58.

**Nội dung**: Bài viết phân tích hiệu quả hoạt động của các khu công nghiệp, nêu bật những tồn tại, hạn chế, từ đó đề xuất một số giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động tại các khu công nghiệp trên địa bàn TP. Đà Nẵng.

**Từ khoá**: Đà Nẵng, khu công nghiệp, ngân sách, hiệu quả hoạt động

**247. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý rủi ro tuân thủ thuế ở các doanh nghiệp lớn/**Nguyễn Văn Phụng, Nguyễn Thị Ngọc Lan/ Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.52 - 56.

**Nội dung:** Quản lý rủi ro tuân thủ thuế là một phương thức quản lý hiện đại và khoa học nhằm nâng cao tính tuân thủ của người nộp thuế nói chung và các doanh nghiệp lớn nói riêng.Trong 10 năm qua, vấn đề tuân thủ thuế của các doanh nghiệp lớn đã trở thành mối quan tâm hàng đầu của các nhà hoạch định chính sách và các nhà quản lý thuế trên thé giới. Do mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận, bản chất hoạt động kinh doanh phúc tạp và dàn chải trên nhiều vùng, lãnh thổ và các quốc gia nên các doanh nghiệp lớn, đặc biệt là các đoàn đa quốc gia có rủi ro tuân thủ thuế cao. Đây chính là thách thức không nhỏ cho các cơ qua quản lý thuế. Bài viết tập trung làm rõ các vấn đề trong công tác quản lý rủi ro tuân thủ thuế đối với các doanh nghiệp lớn hiện nay, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý rủi ro tuân thủ thuế tại Việt Nam.

**Từ khoá:** Tuân thủ thuế, rủi ro tuân thủ thuế, quản lý rủi ro tuân thủ thuế, doanh nghiệp lớn.

**248. Nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng vi mô tại ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh**/ Phạm Thị Thu Hiền // Tài chính .- 2019 .- Số 705 .- Tr. 62 – 64.

**Nội dung**: Nghiên cứu này khái quát thực trạng cho vay và khả năng tiếp cận vốn của người nghèo tại chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh. Qua đó, tác giả đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả cho vay hộ nghèo tại địa phương này thời gian tới.

**Từ khóa**: Hộ nghèo, ngân hàng chính sách xã hội, khả năng tiếp cận, tín dụng vi mô

**249. Nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng BIDV chi nhánh Thái Nguyên**/ Nguyễn Thị Vân Chi// Tài chính .- 2019 .- Số 716 .- Tr. 92 – 94.

**Nội dung**: Bài viết khái quát một số khái niệm về cạnh tranh, năng lực cạnh tranh và qua đánh giá thực tiễn năng lực cạnh tranh của Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên, từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cho BIDV Thái Nguyên.

**Từ khoá**: Năng lực cạnh tranh, BIDV Thái Nguyên, Ngân hàng.

**250. Nâng cao năng lực tài chính tại công ty cổ phần gang thép Thái Nguyên**/ Nguyễn Phương Thảo, Nguyễn Thị Vân Chi// Tài chính .- 2019 .- Số 716 .- Tr. 106 – 108.

**Nội dung**: Bài viết phân tích, đánh giá thực trạng tài chính của Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên và đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực tài chính cho Công ty trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Tài chính, Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên.

**251. Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam**/ Ngô Thị Kim Hòa// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 207 .- Tr. 40-45.

**Nội dung**: Nghiên cứu lý luận cơ bản về cạnh tranh, thực trạng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam và đề xuất giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khoá**: Năng lực cạnh tranh, cạnh tranh, doanh nghiệp Việt Nam

**252. Nâng cao nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý của kiểm toán viên trong hoạt động hành nghề**/ Nguyễn Thúy Hằng// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 68 – 70.

**Nội dung**: Bài viết bàn về nghĩa vụ và trách nhiệm của kiểm toán viên, từ đó đưa ra một số đề xuất nhằm nâng cao nghĩa vụ và trách nhiệm của họ trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Kiểm toán viên, Doanh nghiệp kiểm toán, Báo cáo tài chính.

**253. Nâng cao tính độc lập kiểm toán viên tiếp cận từ đơn vị được kiểm toán/** Lê Đoàn Minh Đức// Tài chính.- 2020 .- Số 740 .- Tr. 93 – 95.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu về tính độc lập kiểm toán theo hướng tiếp cận cảm nhận của đơn vị được kiểm toán với kỳ vọng lấp đầy khoảng trống lý luận và thực tiễn. Thông qua nhận diện các nhân tố, thu thập và kiểm định 110 quan sát từ các kế toán trưởng và giám đốc của đơn vị được kiểm toán, kết quả nghiên cứu cho thấy, trong khi nhân tố quy mô công ty kiểm toán làm gia tăng đáng kể tính độc lập kiểm toán thì các nhân tố nhiệm kỳ kiểm toán, mối quan hệ tương tác giữa kiểm toán viên với các nhân sự chủ chốt lại làm suy giảm tính độc lập kiểm toán. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao tính độc lập kiểm toán.

**Từ khóa:** Tính độc lập kiểm toán, đơn vị được kiểm toán, hướng tiếp cận cảm nhận

**254. Nâng cao trình độ quản trị marketing của các công ty bán lẻ trực tuyến ở Singapore**/ Chu Đức Trí// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 576 .- Tr. 58 – 60.

**Nội dung:** Bài viết tập trung phân tích hiện trạng quản trị marketing của các công ty bán lẻ trực tuyến ở Singapore, vạch ra những vấn đề còn yếu kém của chúng, từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao trình độ marketing của chúng.

**Từ khóa:** Quản trị marketing, bán lẻ trực tuyến, Singapore

**255. Nâng cao vai trò lãnh đạo trong quản lý dự án đầu từ xây dựng công trình**/ Hà Thị Phương Thảo// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 567 .- Tr. 16-18.

**Nội dung**: Dự án đầu tư xây dựng có nhiều đặc điểm riêng biệt khác với sản phẩm của các ngành sản xuất khác như nguồn vốn lớn, thời gian thực hiện dài, ảnh hưởng bởi nhiều bên liên quan, môi trường bên ngoài... Lãnh đạo là yếu tố then chốt để thành công trong bất kỳ hoạt động nào liên quan đến sự hợp tác giữa các nhóm làm việc của con người.

**Từ khoá**: Vai trò lãnh đạo, Quản lý, Dự án, Công trình, Xây dựng

**256. Nâng cao vai trò quản lý nhà nước đối với bảo vệ môi trường tại tỉnh Bình Định**/ Trần Thị Thùy Trang// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 568 .- Tr. 73-75.

**Nội dung**: Phát triển kinh tế và sự tác động của ô nhiễm môi trường; hiện trạng quản lý nhà nước đối với bảo vệ môi trường; giải pháp nâng cao vai trò quản lý nhà nước đối với bảo vệ môi trường tại tỉnh Bình Định.

**Từ khoá**: Quản lý nhà nước, bảo vệ môi trường, tỉnh Bình Định

**257. Năng lực công nghệ và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam**/ Nguyễn Chiến Thắng, Trần Văn Hoàng// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 13 – 22.

**Nội dung:** Nghiên cứu sử dụng bộ số liệu khảo sát năng lực công nghệ của doanh nghiệp do Tổng cục Thống kê tiến hành hàng năm từ năm 2014 – 2018 để đánh giá thực trạng năng lực công nghệ, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành chế biến tái tạo, trên cơ sở đó phân tích tác động của năng lực công nghệ đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Năng lực công nghệ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, Việt Nam

**258. Nghiên cứu các kỹ thuật áp dụng trong kế toán quản trị chiến lược**/ Nguyễn Anh Hiền, Lê Thị Mỹ Nương // Tài chính .- 2019 .- Số 705 .- Tr. 71 – 73.

**Nội dung**: Hệ thống thông tin kế toán quản trị chiến lược được sử dụng để thu thập, xử lý phân tích thông tin cần thiết cho việc hoạch định, ra quyết định, kiểm soát chiến lược của nhà quản trị. Bài viết giới thiệu các kỹ thuật kế toán quản trị chiến lược chủ yếu được tổng hợp thông qua các nghiên cứu trước trên thế giới.

**Từ khóa**: Kế toán quản trị, quản trị chiến lược, kế toán quản trị chiến lược

**259. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng của các công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**/ Phạm Thị Thanh Hòa, Đàm Thanh Tú, Bùi Thị Hà Linh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 209 .- Tr. 19-24.

**Nội dung**: Khảo sát 284 công ty đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2010-2019. Nghiên cứu sử dụng mô hình FEM để xem xét sự ảnh hưởng của các nhân tố đến tỷ lệ tăng trưởng của các công ty trong mô hình nghiên cứu.Kết quả nghiên cứu cho thấy các nhân tố được lựa chọn trong mô hình nghiên cứu có ảnh hưởng đến tăng trưởng của các doanh nghiệp: tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh nthu, hệ số nợ, hệ số đầu tư vào tài sản cố định và quy mô doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Các nhân tố ảnh hưởng, tăng trưởng, công ty niêm yết, sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

**26. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ suất sinh lợi của các doanh nghiệp trong nhóm ngành dầu khí niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Ngô Thị Ngọc, Đinh Thị Thùy Linh, Nguyễn Thu Hà// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 146 .- Tr. 31-40.

**Nội dung**: Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ suất sinh lợi của doanh nghiệp với bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam. Nhóm nghiên cứu đã chọn mẫu gồm 20 doanh nghiệp ngành dầu khí được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với 100 quan sát từ năm 2014 đến 2018. Bằng phương pháp sử dụng mô hình hồi quy OLS, FEM, REM, nhóm nghiên cứu đã chỉ ra các yếu tố: Lãi ròng, Hệ số vòng quay tổng tài sản, Quy mô doanh nghiệp, Hệ số nợ, Hệ số chi phí có ảnh hưởng tới tỷ suất sinh lợi của các doanh nghiệp ngành dầu khí Việt Nam.

**Từ khoá**: Tỷ suất sinh lợi, tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản (ROA), ngành dầu khí

**261. Nghiên cứu các nhân tố tác động đến ý định sử dụng ví di động và mô hình đề xuất cho Việt Nam**/ Nguyễn Minh Sáng, Lê Hoàng Long, Dương Hương Giang// Ngân hàng .- 2020 .- Số 16 .- Tr. 18-24.

**Nội dung**: Sử dụng dữ liệu từ 158 bài viết về chủ đề Ví di động từ cơ sở dữ liệu Scopus để phân tích tổng quan các từ khóa chính, mô hình và phương pháp nghiên cứ. Bài viết đề xuất mô hình các nhân tố tác động đến ý định sử dụng ví di động tại VN gồm 12 nhân tố trong 4 nhóm chính: Nhóm yếu tố thuộc về lợi ích, nhóm yếu tố thuộc về rào cản, các nhân tố thuộc về cá nhân và các yếu tố thuộc về vĩ mô.

**Từ khoá**: Nhân tố tác động, ví di động

**262. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng công trình xây dựng tại Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành/** Trịnh Minh Hưng, Lê Trung Phong// Xây dựng .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 237-239.

**Nội dung:** Dùng phương pháp lập ma trận vuông Warkentin và kiểm định bằng thang đo Likert để phân tích và đánh giá một cách hệ thống kết quả của các khảo sát liên quan đến quản lý chất lượng công trong giai đoạn thi côngtại Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành.

**Từ khóa**: Công trình xây dựng, chất lượng, yếu tố ảnh hưởng

**263. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút khách hàng mua sắm tại các trung tâm, thương mại Hà Nội/** Bùi Thị Thu// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 578 .- Tr. 10 – 12.

**Nội dung:** Bài viết chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút khách hàng mua sắm tại các trung tâm thương mại Hà Nội: hàng hoá, không gian mua sắm, sự tiện lợi, nhân viên và dịch vụ giải trí.

**Từ khóa:** Không gian mua sắm, trung tâm thương mại, dịch vụ giải trí

**264. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại Việt Nam thực hiện hoạt động sáp nhập, hợp nhất**/ Nguyễn Thị Nguyệt Dung và Nguyễn Mạnh Cường// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 147 .- Tr. 2-10.

**Nội dung**: Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại thực hiện hoạt động sáp nhập hợp nhất tại Việt Nam trong giai đoạn 2008-2018. Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nhóm tác giả tiến hành phân tích định lượng dựa trên bộ dữ liệu 2 thành phần với số liệu chéo và số liệu theo chuỗi thời gian, được thu thập từ báo cáo thường niên của ngân hàng Nhà nước và báo cáo tài chính hợp nhất đã qua kiểm toán của toàn bộ 09 ngân hàng thương mại có hoạt động sáp nhập, hợp nhất, tính đến hết 1/12/2018. Kết quả chỉ ra rằng: (i) Tỷ lệ chi phí hoạt động trên thu nhập, Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu, Tỷ lệ tiền gửi trên tổng tài sản tác động ngược chiều tới ROA, trong khi tác động của Tỷ lệ nợ xấu, Tỷ lệ thu nhập từ lãi biên và Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản tác động theo chiều hướng ngược lại; (ii) ROE chịu tác động tích cực của Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu, Tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản, Tỷ lệ Thu nhập từ lãi biên, Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản và chịu tác động tiêu cực của Tỷ lệ Tiền gửi trên tổng tài sản; (iii) đáng chú ý, chúng tôi chưa tìm bằng chứng cho rằng hoạt động sáp nhập, hợp nhất có ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng trong bối cảnh tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Hiệu quả kinh doanh, sáp nhập và hợp nhất, ngân hàng thương mại

**265. Nghiên cứu các yếu tố gây cản trở việc áp dụng quản lý giá trị (Value Management) trong ngành xây dựng tại Việt Nam/** Phạm Huy Hoàng, Nguyễn Anh Thư// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 182-187.

**Nội dung:** Phân tích các yếu tố gây cản trở việc áp dụng quản lý giá trị trong ngành xây dựng tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Quản lý giá trị, quản lý xây dựng

**266. Nghiên cứu các yếu tố tác động đến thực hiện đối thoại xã hội tại các doanh nghiệp May ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Minh Nhàn, Bùi Thị Thu Hà// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 144 .- Tr. 68-80.

**Nội dung**: Phân tích sự tác động của các yếu tố môi trường đến thực hiện đối thoại xã hội tại các doanh nghiệp may ở Việt Nam. Số liệu thu thập được từ 176 doanh nghiệp May qua bảng hỏi được thiết kế sẵn. Nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS và AMOS phiên bản 21 để: kiểm định độ tin cậy của thang đo, phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích nhân tố khẳng định CFA, phân tích cấu trúc tuyến tính SEM, kiểm định 04 giả thuyết nghiên cứu kế thừa từ các nhà nghiên cứu và 01 giả thuyết đề xuất trong bối cảnh nghiên cứu ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy các giả thuyết nghiên cứu đều được chấp nhận và các yếu tố tác động đến thực hiện đối thoại xã hội tại các doanh nghiệp May bao gồm: Pháp luật lao động, năng lực cơ quan quản lý nhà nước về lao động, năng lực chủ thể quan hệ lao động, văn hóa doanh nghiệp và thỏa ước lao động tập thể ngành dệt may. Trong đó, yếu tố năng lực chủ thể quan hệ lao động có tác động mạnh nhất đến thực hiện đối thoại xã hội tại các doanh nghiệp may ở Việt Nam. Đồng thời nghiên cứu cũng đưa ra một số giải pháp nhằm cải thiện điều kiện thúc đẩy đối thoại xã hội tại các doanh nghiệp may ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khoá**: Đối thoại xã hội, thực hiện đối thoại xã hội, doanh nghiệp may, yếu tố tác động

**267. Nghiên cứu các yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến kỹ năng nói tiếng Anh và giải pháp cho sinh viên Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội/** TS. Bùi Thị Oanh// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 22 (348) .- Tr. 19-21.

**Nội dung:** Tìm hiểu tầm quan trọng của kỹ năng nói; các yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến kỹ năng nói tiếng Anh và giải pháp cho sinh viên Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

**Từ khóa**: Yếu tố tâm lý, kỹ năng nói tiếng Anh, sinh viên đại học

**268. Nghiên cứu định hướng và giải pháp phát triển trung tâm logistics phục vụ cảng Hải Phòng/** ThS. Mai Lê Lợi, PGS. TS. Nguyễn Hồng Thái// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 176-178.

**Nội dung:** Trên cơ sở nghiên cứu phát triển trung tâm cảng biển trên thế giới, rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất mô hình, đưa ra các giải pháp nhằm đầu tư xây dựng trung tâm logistics phục vụ cảng biển tại Hải Phòng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

**Từ khóa**: Trung tâm logistics, cảng Hải Phòng

**269. Nghiên cứu hành vi tín nhiệm dựa trên lý thuyết trò chơi**/ Nguyễn Chí Đức// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 143 .- Tr. 61-66.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng lý thuyết trò chơi làm công cụ phân tích hành vi tín nhiệm cá nhân trong các giao dịch kinh tế. Trước tiên, mô hình trò chơi một lần và trò chơi lặp lại được thiết lập để phân tích hành vi ứng xử trong các giao dịch giữa các cá nhân với nhau. Sau đó, mô hình được mở rộng bằng cách đưa thêm một chủ thể là cơ quan nhà nước có chức năng giám sát sự tín nhiệm của các cá nhân để phân tích sự thay đổi hành vi cá nhân trong các giao dịch. Từ kết quả phân tích trên, tác giả kết luận và đề xuất một số kiến nghị xây dựng hệ thống tín nhiệm cá nhân Việt Nam.

**Từ khoá**: Hành vi tín nhiệm, lý thuyết trò chơi, cơ quan giám sát

**270 . Nghiên cứu các mô hình đánh hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp**/ Vũ Thị Nam// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 25 – 29.

**Nội dung**: Nghiên cứu các tài liệu khoa học về lĩnh vực đánh giá hiệu quả trên thế giới và Việt Nam, bài viết tổng hợp và giới thiệu cac mô hình đánh giá hiệu quả hoạt động đã và đang được áp dụng phổ biến như là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân trong quá trình đánh giá hiệu quả hoạt động.

**Từ khoá**: Đánh giá hiệu quả, Hiệu quả hoạt động

**271. Nghiên cứu mối quan hệ giữa quản trị vốn lưu động và hiệu quả tài chính của các công ty nhựa niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Trần Thị Thu Trang// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 147 .- Tr. 11-16.

**Nội dung**: Nghiên cứu về mối quan hệ giữa quản trị vốn lưu động và hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp ngành nhựa tại Việt Nam dựa trên dữ liệu nghiên cứu được lấy từ 28 công ty nhựa niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2014-2019. Tác giả đã sử dụng phương pháp hồi quy theo mô hình tác động cố định và ngẫu nhiên dựa vào dữ liệu bảng cân bằng. Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình tác động ngẫu nhiên giải thích mối quan hệ giữa các biến độc lập với hiệu quả tài chính của công ty tốt hơn. Đồng thời nghiên cứu chỉ ra mối quan hệ thuận chiều giữa số ngày một vòng quay hàng tồn kho, tỷ số thanh khoản hiện hành và tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản và mối quan hệ ngược chiều giữa số ngày một vòng quay khoản phải thu với tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản.

**Từ khoá**: Vốn lưu động, hiệu quả tài chính, ngành nhựa

**272 Nghiên cứu mối quan hệ giữa văn hóa tổ chức, rủi ro và liên kết chuỗi cung ứng thủy sản**/ Nguyễn Thành Hiếu, Nguyễn Ngọc Trung, Nguyễn Hữu Sáng// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 282 .- Tr. 22-30.

**Nội dung**: Xác định mối quan hệ giữa văn hóa tổ chức, rủi ro và mức độ liên kết giữa các tổ chức tham gia chuỗi cung ứng thủy sản ở tỉnh Bến Tre. 300 phiếu hỏi được gửi trực tiếp đến đối tượng điều tra và thu thập trong 2 tháng. 153 phiếu hợp lệ được đưa vào phân tích. Dữ liệu được phân tích theo qui trình chuẩn gồm các bước từ phân tích nhân tố đến kiểm định độ tin cậy và phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM để kiểm định các giả thiết. Kết quả chỉ ra rằng rủi ro từ nguồn cung và thị trường ảnh hưởng đến mức độ liên kết với nhà cung cấp và khách hàng, từ đó tác động đến kết quả kinh doanh. Ngoài ra, văn hóa tổ chức là yếu tố tác động điều tiết đến mối quan hệ giữa rủi ro và mức độ liên kết trong chuỗi cung ứng.

**Từ khoá**: Liên kết chuỗi cung ứng, Rủi ro và Văn hóa tổ chức

**273. Nghiên cứu một số lợi thế cạnh tranh của thành phố Đà Nẵng và những khuyến nghị**/ Nguyễn Tiến Dũng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 564 (Tháng 05/2020) .- Tr. 22-24.

**Nội dung**: Thực trạng lợi thế cạnh tranh và phát huy lợi thế cạnh tranh với phát triển kinh tế của TP. Đà Nẵng, từ đó đưa ra một số khuyến nghị .

**Từ khoá**: cạnh tranh, phát triển kinh tế, TP. Đà Nẵng

**274. Nghiên cứu một số mô hình ứng dụng cách mạng công nghiệp 4.0 tại Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn/** ThS. Phạm Quang Tú// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 180-182.

**Nội dung:** Đề xuất một số mô hình ứng dụng công nghệ tiên tiến theo hướngcách mạng công nghiệp 4.0 tại Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn.

**Từ khóa**: Cách mạng công nghiệp 4.0, mô hình ứng dụng cách mạng công nghiệp 4.0

**275. Nghiên cứu sự hài lòng của khách hàng cá nhân đối với dịch vụ cho vay tiêu dùng tại Agribank chi nhánh số 1, tỉnh Trà Vinh**/ Ngô Văn Tuấn// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 564 (Tháng 05/2020) .- Tr. 109-111.

**Nội dung**: Tác giả đề cập tới sự hài lòng của khách hàng cá nhân đối với dịch vụ cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh số 1, tỉnh Trà Vinh.

**Từ khoá**: sự hài lòng của khách hàng, vay tiêu dùng ngân hàng Agribank

**276. Nghiên cứu tác động của các thuộc tính điểm đến đến chất lượng cảm nhận và ý định hành vi của du khách: Trường hợp tại thành phố Hồ Chí Minh**/ Ngô Cao Hoài Linh, Nguyễn Phước Sang, Nguyễn Thị Ngọc Mỹ, Trần Thị Thiên Nga// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 568 .- Tr. 27-29.

**Nội dung**: Khảo sát 220 du khách đang trải nghiệm du lịch ở Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy 6 yếu tố tác động đến chất lượng và sự hài lòng: các hoạt động, khả năng tiếp cận, du lịch thiết yếu, các gói du lịch có sẵn, dịch vụ phụ trợ, các điểm tham quan.

**Từ khoá**: Nhân tố ảnh hưởng, chất lượng cảm nhận, ý định hành vi, du khách

**277. Nghiên cứu tác động của chính sách của tổ chức và các nhân tố thuộc về lao động người cao tuổi đến sử dụng hiệu quả lao động người cao tuổi Việt Nam**/ Doãn Thị Mai Hương// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 144 .- Tr. 30-40.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu tác động của chính sách của tổ chức và các nhân tố thuộc về lao động người cao tuổi đến sử dụng hiệu quả lao động người cao tuổi Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy các chính sách của tổ chức có tác động lớn đến sử dụng hiệu quả lao động người cao tuổi. Các nhân tố thuộc về lao động người cao tuổi cũng tác động đến sử dụng hiệu quả lao động người cao tuổi. Sau khi lao động người cao tuổi tìm được việc làm thì chính sách của tổ chức là biến có tác động nhiều nhất đến cải thiện cuộc sống của lao động người cao tuổi. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số gợi ý giải pháp nhằm sử dụng hiệu quả lao động người cao tuổi Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Chính sách của tổ chức, lao động người cao tuổi, sử dụng hiệu quả

**278. Nghiên cứu tác động của chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với thu nhập của hộ gia đình ở nông thôn Việt Nam**/ Vũ Văn Hùng, Hồ Kim Hương// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 143 .- Tr. 19-30.

**Nội dung**: Trong nhiều năm qua, Việt Nam có nhiều chính sách hỗ trợ đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo nói chung và đào tạo nghề nói riêng đã tác động tích cực đối với sinh kế của các hộ nông dân cũng như gia tăng thu nhập, xóa đói và giảm nghèo. Trên cơ sở sử dụng dữ liệu sơ cấp thu thập được từ 810 hộ nông dân, 30 cán bộ quản lý và 30 chuyên gia thuộc lĩnh vực nghiên cứu tại ba tỉnh đại diện cho 3 vùng trong cả nước là Hà Giang, Hà Tĩnh và Trà Vinh, nhóm nghiên cứu đã phân tích thực trạng tác động của chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với thu nhập của hộ gia đình ở nông thôn, từ đó kiến nghị một số giải pháp tiếp tục hoàn thiện chính sách này trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Nghiên cứu tác động; đào tạo nghề; thu nhập hộ gia đình; nông thôn

**279. Nghiên cứu tác động của phẩm chất cá nhân lãnh đạo đến tạo động lực làm việc của nhân viên : trường hợp tại chi nhánh MBBank Quảng Ngãi**/ Nguyễn Phúc Nguyên, Nguyễn Thị Thúy Hằng// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 145 .- Tr. 47-55.

**Nội dung**: Nghiên cứu này xác định tác động của phẩm chất cá nhân lãnh đạo đến kết quả hoạt động doanh nghiệp tại Chi nhánh MBBank Quảng Ngãi. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu chính được thu thập bằng bảng câu hỏi bán cấu trúc. Các câu hỏi thu thập được kiểm tra tính đầy đủ và được mã hóa bằng phần mềm SPSS 22 để phân tích. Các kết quả nghiên cứu đã tiết lộ rằng phẩm chất tạo ảnh hưởng thần tượng hóa, kích thích trí lực nhân viên và thấu hiểu cá nhân có tác động tích cực đến kết quả hoạt động doanh nghiệp. Nghiên cứu khuyến nghị các nhà lãnh đạo nên điều chỉnh phong cách lãnh đạo và ứng dụng tính mới có lợi cho kết quả hoạt động doanh nghiệp. Trên tất cả, bản chất của lãnh đạo là dựa trên các giá trị của người lãnh đạo.

**Từ khoá**: Phẩm chất; lãnh đạo; kết quả hoạt động doanh nghiệp; ngân hàng

**280. Nghiên cứu tác động của tổ chức thực thi thị trường chiến lược đến kết quả kinh doanh của Tổng công ty thương mại Hà Nội**/ Nguyễn Hoàng Việt, Đào Lê Đức// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 147 .- Tr. 35-45.

**Nội dung**: Nhận thức được tầm quan trọng của nội dung thực thi trong quy trình quản trị thị trường chiến lược, nghiên cứu này nhằm làm rõ tác động của giai đoạn tổ chức thực thi thị trường chiến lược đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp thương mại trên thị trường chiến lược. Với vị thế của một trong những doanh nghiệp thương mại dẫn đầu khu vực phía Bắc, Tổng công ty Thương mại Hà Nội có những đặc trưng đại diện cho các doanh nghiệp thương mại trên thị trường. Theo đó, nghiên cứu được tiến hành khảo sát và kiểm định tại Tổng công ty với các giả thuyết là các nội dung trong giai đoạn tổ chức thực thi thị trường chiến lược có tác động thuận chiều tới kết quả kinh doanh trên thị trường. Bài viết thực hiện khảo sát với 281 nhà quản trị tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên, những cá nhân tham gia trực tiếp vào thực thi thị trường chiến lược tại doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy yếu tố tác động mạnh nhất tới kết quả kinh doanh là thực thi chiến lược marketing và thực thi chiến lược R&D đáp ứng thị trường chiến lược. Từ các kết quả này, các thảo luận và khuyến nghị giải pháp đã được trình bày trong bài viết nhằm cải thiện kết quả kinh doanh đạt được trên thị trường của Tổng công ty.

**Từ khoá**: Thị trường chiến lược, thực thi chiến lược, kết quả kinh doanh, thương mại

**281. Nghiên cứu thực nghiệm về các nhân tố tác động đến tiền gửi tại ngân hàng thương mại**/ Vũ Thị Phương Thảo, Ngô Thị Hường// Tài chính .- 2020 .- Số 730.- Tr. 51 – 53.

**Nội dung**: Bài viết đề cập đến một số nghiên cứu thực nghiệm về nhân tố ảnh hưởng đến lượng tiền gửi tại một số nước. Qua đó làm cơ sở, tiền đề để nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tiền gửi tại các ngân hàng thương mại tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Tiền gửi, ngân hàng thương mại, vĩ mô, vi mô

**282. Nghiên cứu tổng quan về các nhân tố ảnh hưởng tới thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam**/ Nguyễn Quang Phi// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 99-101.

**Nội dung**: Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của mỗi ngành, mỗi lĩnh vực được rất nhiều nhà khoa học, chuyên gia kinh tế quan tâm, các mô hình nghiên cứu được các chuyên gia xây dựng, ứng dụng. Các mô hình đưa ra các đánh giá nhận định dưới các góc độ nghiên cứu khác nhau nhằm một mục đích cuối cùng là xác định các nhân tố ảnh hưởng và ảnh hưởng các nhân tố này đến sự phát triển của ngành, lĩnh vực trong một bối cảnh cụ thể và thị trường bảo hiểm phi nhân thọ ở Việt Nam không phải là ngoại lệ.

**Từ khoá**: nhân tố ảnh hưởng, bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm

**283. Nghiên cứu ứng dụng lý thuyết của Herzberg trong môi trường Đoàn thanh niên: cách tiếp cận định lượng**/ Nguyễn Việt Long, Trương Thị Ngọc Trâm// Nghiên cứu Kinh tế .- 2020 .- Số 9(508) (Tháng 09/2020) .- Tr. 47-57.

**Nội dung**: Nghiên cứu tập trung vào các nhân tố tác động đến động lực làm việc của cán bộ Đoàn ở Bình Dương, dựa trên lý thuyết của Herzberg và cách tiếp cận định lượng. Thông qua phân tích thống kê một cách khách quan các dữ liệu thu thập từ các bảng hỏi, bài viết trình bày về 8 nhân tố tác động chủ yếu và đánh giá mức độ tác động của các nhân tố này từ thấp đến cao, trong đó chỉ ra 2 nhân tố đặc biệt mang tính quyết định.

**Từ khoá**: động lực làm việc, lý thuyết của Herzberg, quản lý công, Đoàn thanh niên, Bình Dương

**284. Nghiên cứu về quản trị thị trường chiến lược và định hướng cho doanh nghiệp thương mại Việt Nam**/ Đào Lê Đức// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 574 (Tháng 10/2020) .- Tr. 93-95.

**Nội dung**: Bài viết xem xét thực tiễn áp dụng của hai doanh nghiệp 7-Eleven và Kmart để đưa ra định hướng cho việc thực thi quản trị thị trường chiến lược cho các doanh nghiệp thương mại Việt Nam.

**Từ khoá**: Quản trị, thị trường chiến lược, doanh nghiệp Việt Nam, doanh nghiệp thương mại

**285. Nhận dạng và đánh giá các rủi ro của dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp/** Nguyễn Thanh Phong, Nguyễn Thành Long, Nguyễn Anh Thư, Đỗ Tiến Sỹ// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 134-137.

**Nội dung:** Tìm ra những nhân tố rủi ro của các dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp. Từ đó, góp phần hỗ trợ người quản lý dự án trong việc đánh giá hiệu quả đầu tư trong giai đoạn đầu của dự án.

**Từ khóa**: Khu công nghiệp, quản lý dự án, quản lý xây dựng, rủi ro

**286. Nhận dạng các nhân tố ảnh hưởng đối với thị trường bảo hiểm phi nhân thọ ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Chính, Nguyễn Quang Phi// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 574 (Tháng 10/2020) .- Tr. 96-97.

**Nội dung**: Khái quát về thị trường bảo hiểm phi nhân thọ ở Việt Nam; Các nhân tố ảnh hưởng đến thị trường bảo hiểm phi nhân thọ ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Các nhân tố ảnh hưởng, bảo hiểm phi nhân thọ

**287. Nhận diện thương hiệu trong chiến lược phát triển của các tổ chức, doanh nghiệp**/ Chúc Anh Tú// Tài chính.- 2020 .- Số 735 .- Tr. 42 – 44.

**Nội dung:** Bài viết trao đổi các vấn đề nhận diện thương hiệu và xây dựng bộ nhận diện thương hiệu trong chiến lược phát triển của các tổ chức, doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Thương hiệu, nhận diện thương hiệu, logo, tổ chức, doanh nghiệp

**288. Nhân lực ngành xây dựng giai đoạn 2011-2020 : thực trạng và giải pháp/** ThS. Trần Lê Trung// Kiến trúc Việt Nam .- 2020 .- Số 230 .- Tr. 82-85.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng và giải pháp phát triền nguồn nhân lực ngành xây dựng bằng các phương pháp: thống kê, so sánh đối chiếu, phỏng vấn, phân tích, tổng hợp.

**Từ khóa**: Nguồn nhân lực, xây dựng

**289. Nhân tố ảnh hưởng đến công bố thông tin tài chính của doanh nghiệp ngành thực phẩm - đồ uống trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Trần Thị Phương Thảo, Trần Quỳnh Anh// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 204 .- Tr. 16-20.

**Nội dung**: Tìm hiểu thực trạng và các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin tài chính của 40 doanh nghiệp ngành thực phẩm - đồ uống trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy các nhân tố sở hữu nhà nước, sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài, quy mô doanh nghiệp có ảnh hưởng tích cực đến mớc độ công bố thông tin tài chính.

**Từ khoá**: Công bố thông tin, thông tin tài chính

**290. Nhận thức của người tiêu dùng về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong việc nộp thuế**/ Nguyễn Hoàng Khởi, Dương Ngọc Thành// Tài chính .- 2019 .- Số 716 .- Tr. 79 – 81.

**Nội dung**: Bài viết giới thiệu tổng quan về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với việc nộp thuế và đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của người tiêu dùng về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong việc nộp thuế.

**Từ khoá**: Trách nhiệm xã hội, Doanh nghiệp, Nộp thuế, Ngành nước uống giải pháp

**291. Nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc vốn của doanh nghiệp Logistics trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Lương Thị Thúy Diễm, Phạm Nguyễn Như Uyên, Nguyễn Thị Thắm, Nguyễn Thị Kim Liên, Nguyễn Thị Thùy, Phạm Bảo Thi// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 41 – 43.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm tìm ra mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến cấu trúc vốn của các doanh nghiệp logistics trên thị trường chứng khoán Việt Nma. Kết quả của nghiên cứu có thể giúp các công ty có thể xây dựng được một cấu trúc vốn hợp lý để phát huy được các sức mạnh nội tại của mình.

**Từ khóa**: Cấu trúc vốn, Doanh nghiệp logistics, Quản trị tài chính, Thị trường chứng khoán

**292. Nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc vốn của doanh nghiệp ngành thực phẩm trên thị trường chứng khoán**/ Lê Thẩm Dương, Bùi Đan Thanh, Lê Thị Hân// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 108 – 111.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng mô hình nghiên cứu và phương pháp ước lượng GLS liên quan đến dữ liệu bảng cũng như kiểm định để lựa chọn mô hình. Nhóm tác giả đề xuất kiến nghị cho các nhà quản trị doanh nghiệp thực phẩm nhằm xây dựng cấu trúc vốn hiệu quả.

**Từ khoá**: Cấu trúc vốn, Doanh nghiệp thực phẩm, mô hình GLS

**293. Nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất gia công hàng xuất khẩu**/ Nguyễn Quang Hưng// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 205 .- Tr. 34-38.

**Nội dung**: Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất gia công hàng xuất khẩu. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp cơ bản, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất gia công hàng xuất khẩu.

**Từ khoá**: Nhân tố ảnh hưởng, sản xuất gia công, hiệu quả sản xuất kinh doanh, hàng xuất khẩu

**294. Nhân tố tác động đến chính sách cổ tức tiền mặt của các doanh nghiệp niêm yết**/ Lê Thẩm Dương, Bùi Đan Thanh, Dương Văn Chí// Tài chính .- 2019 .- Số 717 .- Tr. 26 – 30.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng mô hình tác động ngẫu nhiên để đo lường các nhân tố tác động đến chính sách cổ tức tiền mặt của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chúng khoán Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các nhân tố ảnh hưởng tích cực đến tỷ lệ chi trả cổ tức tiền mặt, đó là thu nhập trên cổ phần, khả năng thanh toán, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

**Từ khóa**: Chính sách cổ tức, Cổ tức tiền mặt, Doanh nghiệp, Mô hình REM.

**295. Nhân tố tác động đến cơ cấu nguồn vốn của các doanh nghiệp xi măng niêm yết ở Việt Nam**/ Lê Thị Nhung// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 145 .- Tr. 66-76.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm tìm ra các nhân tố tác động đến cơ cấu nguồn vốn của các doanh nghiệp xi măng niêm yết ở Việt Nam. Nghiên cứu thực hiện trên mẫu gồm 77 quan sát với số liệu thu thập từ báo cáo tài chính của các doanh nghiệp sản xuất xi măng ở Việt Nam có cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2019. Thông qua việc áp dụng các phương pháp ước lượng dữ liệu bảng tĩnh, kết hợp với việc xây dựng, lựa chọn, kiểm định các mô hình, nghiên cứu đã lựa chọn được mô hình tác động cố định nhằm đánh giá chiều hướng và mức độ tác động của các nhân tố đến hệ số nợ của các doanh nghiệp trong mẫu nghiên cứu. Những nhân tố được xác định có tác động đến cơ cấu nguồn vốn của các doanh nghiệp xi măng niêm yết gồm: Quy mô doanh nghiệp, cơ cấu tài sản, khả năng tăng trưởng, khả năng thanh toán và khả năng sinh lời. Trong đó, nhân tố quy mô doanh nghiệp có tác động cùng chiều và mạnh nhất tới cơ cấu nguồn vốn. Kết quả nghiên cứu cơ bản phù hợp với các nghiên cứu thực nghiệm liên quan, với đặc thù hoạt động của các doanh nghiệp xi măng Việt Nam cũng như nhất quán với lý thuyết trật tự phân hạng và lý thuyết đánh đổi cấu trúc vốn dạng tĩnh. Nghiên cứu có thể hữu ích đối với các chuyên gia tư vấn tài chính, nhà đầu tư và các nhà quản trị tài chính doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Cơ cấu nguồn vốn, dữ liệu bảng, nhân tố tác động, xi măng

**296. Nhân tố ảnh hưởng đến hành vi mua căn hộ chung cư cao cấp của người tiêu dùng tại TP. Đà Nẵng**/ Nguyễn Huy Tuân, Mai Thị Hồng Nhung // Tài chính .- 2019 .- Số 705 .- Tr. 159 – 162.

**Nội dung**: Tác giả sử dụng phương pháp khảo sát, tổng hợp và phân tích dữ liệu được sử dụng thông qua phần mềm SPSS phiên bản 22.0 đã mang lại những kết quả nghiên cứu đáng tin cậy, là cơ sở để hình thành một số hàm ý chính sách có giá trị liên quan đến hoạt động kinh doanh căn hộ chung cư cao cấp của các nhà đầu tư.

**Từ khóa**: Hành vi mua, căn hộ cao cấp, TP. Đà Nẵng, nhà đầu tư

**297. Nhân tố tác động đến hành vi mua hàng ngẫu hứng trực tuyến và hệ quả tại TP. Hà Nội**/ Nguyễn Bình Minh, Trần Quí Nam// Tài chính .- 2019 .- Số 717 .- Tr. 74 – 76.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm xây dựng mô hình những nhân tố tác động đến hành vi mua hàng ngẫu hứng cũng như tác động của hành vi này đến sự thỏa mãn của khách hàng, mô hình đề xuất 7 biến độc lập tác động đến hành vi mua hàng ngẫy hứng của khách hàng; 1 biến trung gian và 1 biến phụ thuộc.

**Từ khóa**: Mua hàng ngẫu hứng, Sự thỏa mãn của khách hàng

**298. Nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại cổ phần**/ Võ Minh Long // Tài chính .- 2019 .- Số 705 .- Tr. 53 – 55.

**Nội dung**: Mục tiêu của nghiên cứu là xác định các nhân tố tác động đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam. Kết quả hồi quy bằng FEM (ước lượng vững) cho thấy, quy mô ngân hàng, tỷ lệ chi phí trên doanh thu, tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản và tỷ lệ tiền gửi trên tiền cho vay đều có tác động lên hiệu quả hoạt động và có ý nghĩa thống kê cao. Đặc biệt, kết quả nghiên cứu cũng cho biết thêm: Chưa có đủ bằng chứng khoa học về mối quan hệ giữa tỷ lệ nợ quá hạn và hiệu quả hoạt động.

**Từ khóa**: ROE, FEM, ước lượng vững, kinh tế, hội nhập

**299. Nhân tố tác động đến lợi thế cạnh tranh của hợp tác xã nông nghiệp tỉnh An Giang**/ Cao Minh Toàn// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 165 – 168.

**Nội dung**: Nghiên cứu này phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lợi thế cạnh tranh của hợp tác xã nông nghiệp tỉnh An Giang dựa trên mô hình viên kim cương của Michael Porter và dữ liệu từ 125 hợp tác xã nông nghiệp trong Tỉnh. Kết quả nghiên cứu đưa ra năm nhóm có ảnh hưởng đến lợi thế cạnh tranh của hợp tác xã là nhân tố sản xuất; điều kiện về cầu; công nghiệp hỗ trợ và liên quan; cấu trúc, chiến lược và cạnh tranh và chính quyền địa phương.

**Từ khoá**: Lợi thế cạnh tranh, hợp tác xã nông nghiệp

**300. Nhân tố tác động đến mối quan hệ giữa ý định và hành vi tiêu dùng túi tự hủy**/ Lê Thụy Đoạn Trang// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 570 (Tháng 08/2020) .- Tr. 69-71.

**Nội dung**: Nghiên cứu về ý định tiêu dùng xanh, hành vi tiêu dùng xanh, ý định mua thực phẩm an toàn, thực phẩm xanh, ý định sử dụng túi sinh thái; Xem xét các nhân tố tác động đến mối quan hệ giữa ý định và hành vi tiêu dùng túi tự hủy còn rất hạn chế; Mối quan hệ giữa ý định và hành vi tiêu dùng túi tự hủy.

**Từ khóa**: nhân tố tác động, hành vi, túi tự hủy

**301. Nhân tố tác động đến năng lực đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp công nghiệp tỉnh Quảng Nam**/ Đặng Thu Hương// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 280 .- Tr. 96-104.

**Nội dung**: Năng lực đổi mới sáng tạo là yếu tố quan trọng quyết định đến khả năng cạnh tranh và sự phát triển trong dài hạn của doanh nghiệp. Để từng bước nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp, việc nghiên cứu, đánh giá và xem xét mối quan hệ giữa các nhân tố đến năng lực đổi mới sáng tạo là rất quan trọng. Bài viết hướng tới mục tiêu phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp tỉnh Quảng Nam trong một số ngành điển hình như vật liệu xây dựng, dệt may, công nghiệp chế biến, cơ khí. Nghiên cứu cho thấy các nhân tố như nhân tố lãnh đạo, nhân tố văn hóa, nhân tố quản lý, nhân tố chính sách, nhân tố nguồn nhân lực sáng tạo, nhân tố hợp tác, nhân tố tri thức, nhân tố tài chính có ảnh hưởng khác nhau đến các loại hình đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp như đổi mới sản phẩm, đổi mới quy trình sản xuất, đổi mới marketing và tìm kiếm thị trường, đổi mới tổ chức. Qua đó việc khuyến nghị chính sách để nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo cũng được xây dựng dựa trên tác động của các nhân tố đến từng loại hình đổi mới của doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Đổi mới sáng tạo, năng lực đổi mới sáng tạo, Quảng Nam

**302. Nhân tố tác động đến phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá**/ Nguyễn Xuân Hưng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 574 (Tháng 10/2020) .- Tr. 13-15.

**Nội dung**: Nghiên cứu kỹ các yếu tố trong những điều kiện nhất định để từ đó có sự tác động thích hợp tạo ra các mối tương quan hợp lý nhằm thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển một cách hiệu quả nhất trong những điều kiện nguồn lực nhất định.

**Từ khoá**: Phát triển kinh tế, kinh tế tư nhân, Thanh Hoá, nhân tố tác động

**303. Nhìn lại chính sách tài chính công của Việt Nam với mục tiêu phát triển nền kinh tế xanh**/ Nguyễn Văn Hiệu// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 208 .- Tr. 5-9.

**Nội dung**: Bài viết làm rõ nội hàm của mục tiêu phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam, khuôn khổ chính sách tác động và vai trò của chính sách tài chính công trong việc định hướng nền kinh tê theo các mục tiêu phát triển xanh. Bài viết cũng hệ thống hóa những kết quả đạt được và những điểm còn hạn chế của chính sách tài chính công của Việt Nam dưới góc nhìn thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xanh và đưa ra một số khuyến nghị hoàn thiện theo quan điểm của tác giả.

**Từ khoá**: Kinh tế xanh, chính sách thuế, chính sách chi tiêu công

**304. Những cơ hội và thách thức đối với kinh tế Việt Nam trong môi trường CPTPP**/ Nguyễn Thị Thu Cúc // Tài chính .- 2019 .- Số 705 .- Tr. 05 – 07.

**Nội dung**: Hiệp định Đối tác toàn diện, tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được đánh giá là mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít thách thức đối với kinh tế Việt Nam, Việt Nam cần nắm rõ và tận dụng tốt các cơ hội cũng như lường trước được những rủi ro đặt ra. Bài viết phân tích tổng quan những cơ hội và thách thức đối với kinh tế Việt Nam trong quá trình thực thi CPTPP.

**Từ khoá**: CPTPP, cơ hội, thách thức, kinh tế, doanh nghiệp, Việt Nam.

**305. Những điểm mới của bộ quy tắc Incoterms 2020 và hàm ý áp dụng trong mua bán hàng hóa quốc tế**/ Phan Thị Thu Hiền, Phạm Thị Cẩm Anh, Trần Bích Ngọc// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 143 .- Tr. 76-81.

**Nội dung**: Bộ quy tắc thương mại quốc tế Incoterms 2020 của Phòng Thương mại quốc tế (ICC) sẽ có hiệu lực vào ngày 01/01/2020. Với hành trình 10 năm rà soát, điều chỉnh và bổ sung Incoterms 2010, ICC hi vọng phiên bản mới Incoterms 2020 sẽ là công cụ hữu ích nhằm tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong giao dịch mua bán hàng hóa quốc tế cũng như đảm bảo an ninh thương mại quốc tế toàn cầu. Bài viết phân tích những điểm mới của Bộ quy tắc thương mại quốc tế Incoterms 2020 nhằm khẳng định tính tất yếu, thực tiễn và sự cần thiết áp dụng trong xu thế phát triển thương mại hàng hóa trên toàn cầu.

**Từ khoá**: Incoterms, 2020, thương mại quốc tế, Bộ quy tắc

**306. Những đóng góp của khu công nghiệp đối với sự phát triển nhân lực ngành công nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng : Thực trạng và vấn đề/** Mai Ngọc Cường, Phạm Minh Lộc// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 144 .- Tr. 81-88.

**Nội dung**: Phân tích những đóng góp của khu công nghiệp (KCN) đến việc gia tăng số lượng, nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế - xã hội của nhân lực ngành công nghiệp thành phố Hải Phòng. Đồng thời cũng chỉ ra những vấn đề cần tiếp tục giải quyết để tăng cường vai trò KCN đối với sự phát triển nhân lực ngành công nghiệp trên địa bàn thành phố những năm tới. Trong đó, nhấn mạnh các vấn đề cần tập trung giải quyết là tăng cường thu hút lao động, đảm bảo tính ổn định về công ăn việc làm cho người lao động, tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo, khắc phục tình trạng mất cân đối về trình độ chuyên môn của lao động và bồi dưỡng tác phong công nghiệp của lao động trong khu công nghiệp.

**Từ khoá**: Khu công nghiệp; phát triển nhân lực; ngành công nghiệp; thành phố Hải Phòng

**307. Những thách thức của nguồn nhân lực chất lượng cao Việt Nam trong quá trình hội nhập và một số giải pháp**/ Hoàng Thị Thuý// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 58-59.

**Nội dung**: Bài viết chỉ ra những cơ hội và những thách thức đối với nguồn nhân lực chất lượng cao, từ đó đưa ra một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế.

**Từ khoá**: nguồn nhân lực, chất lượng cao, hội nhập quốc tế

**308. Những vấn đề phát triển doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân trong nước vùng Tây Nam Bộ**/ Đỗ Diệu Hương, Trần Khánh Hưng, Đặng Thị Hoa// Nghiên cứu Kinh tế .- 2020 .- Số 9(508) (Tháng 09/2020) .- Tr. 70-80.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng bộ số liệu điều tra doanh nghiệp hàng năm của Tổng cục Thống kê từ năm 2015 đến năm 2018 và kết quả điều tra, khảo sát doanh nghiệp ở các tỉnh vùng Tây Nam Bộ nhằm phân tích, làm rõ những vấn đề phát triển doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân trong nước vùng Tây Nam Bộ. Bài viết chỉ rõ thực trạng và một số vấn đề phát triển doanh nghiệp góp phần bổ sung thêm căn cứ thực tiễn cho việc đinh hướng và đề ra giải pháp.

**Từ khoá**: phát triển doanh nghiệp, kinh tế tư nhân, khu vực kinh tế tư nhân, Tây Nam Bộ

**309. Những vấn đề đặt ra đối với công tác quản trị nhân sự của doanh nghiệp Việt Nam**/ Đinh Thị Nguyên, Đinh Hồng Linh// Tài chính .- 2019 .- Số 717 .- Tr. 83 – 85.

**Nội dung**: Trên cơ sở nghiên cứu những thay đổi trong phương thức quản trị nhân sự trong bối cảnh hiện nay, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm giúp các doanh nghiệp thích ứng và kịp thời thay đổi phương thức quản trị nhân sự trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0.

**Từ khóa**: Cách mạng công nghiệp, Quản trị nhân sự, Doanh nghiệp

**310. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin chi phí đào tạo trong trường đại học công lập**/ Nguyễn Thị Đào, Nguyễn Năng Phúc// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 282 .- Tr. 31-40.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thiết kế để đo lường ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượng thông tin chi phí đào tạo trong trường đại học công lập ở Việt Nam trên cơ sở phân tích bộ dữ liệu được thu thập từ việc phỏng vấn 172 nhà quản trị ở những đơn vị này. Phương pháp phân tích định lượng được sử dụng kết hợp với thang đo Likert 5 cấp độ để nhận diện và đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượngthông tin chi phí đào tạo. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 7 nhân tố ảnh hưởng ý nghĩa đến chất lượng thông tin chi phí đào tạo là đặc điểm và quy mô đào tạo, xác định chi phí đào tạo, điều kiện và môi trường làm việc của bộ phận kế toán, trình độ và kỹ năng của nhà quản trị, sự cam kết hỗ trợ của nhà quản trị, hệ thống văn bản quy định thực hiện cơ chế tự chủ tài chính và chế độ kế toán.Trên cơ sở kết quả phân tích, nghiên cứu đưa ra một số gợi ý giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thông tin chi phí đào tạo trong các trường đại học công lập ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Chi phí đào tạo, chất lượng thông tin, đại học công lập, tự chủ tài chính

**311. Phân tích các nhân tố dẫn đến sự khác biệt trong tiếp cận tài chính toàn diện/** Nguyễn Duy Linh, Võ Thiên Trang// Tài chính.- 2020 .- Số 740 .- Tr. 85 – 88.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các nhân tố gây ra sự khác biệt trong khả năng tiếp cận tài chính toàn diện giữa các khu vực, cụ thể là giữa nhóm quốc gia thu nhập cao với nhóm quốc gia trung bình thấp; giữa nhóm thu nhập cao với Việt Nam. Kết quả cho thấy, sự khác biệt trong khả năng tiếp cận tài chính toàn diện giữa nhóm thu nhập cao và nhóm thu nhập thấp chủ yếu do biến độ tuổi gây ra. Trong khi đó, sự khác biệt giữa nhóm thu nhập cao và Việt Nam lại do biến giới tính và biến trình độ học vấn.

**Từ khóa:** Tài chính toàn diện, thu nhập cao, thu nhập trung bình thấp, hệ thống tài chính

**312. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới đầu tư của khu vục tư nhân theo hình thức đối tác công tư trong lĩnh vực hạ tầng giao thông đưòng bộ tại Việt Nam**/ Trần Văn Thế// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 572 .- Tr. 108-110.

**Nội dung**: Bài báo tập trung vào đánh giá thực trạng tình hình đầu tư tư nhân trong lĩnh vực hạ tầng giao thông đường bộ Việt Nam theo hình thức PPP tại Việt Nam. Để đánh giá, bài báo đề xuất mô hình các nhân tố ảnh hưởng tới đầu tư của khu vực tư nhân theo hình thức PPP trong lĩnh vực hạ tầng giao thông đường bộ được hình thành từ 9 thang đo bao gồm: (1) Lợi nhuận đầu tư, (2) Khung pháp lý, (3) Chia số rủi ro, (4) Kinh tế vĩ mô, (5) Lựa chọn đối tác, (6) Hỗ trợ của Chính phủ, (7) Kênh tài trợ vốn, (8) Năng lực tư nhân và (9) Trách nhiêm xã hội của doanh nghiệp. Trong bài nghiên cứu này, từ kết quả nghiên cứu định tính thông qua thảo luận nhóm, tác giả đưa thêm 4 thang đo mới vào xem xét bao gồm (6) Hỗ trợ của Chính phủ, (7) Kênh tài trợ vốn, (8) Năng lực tư nhân và (9) Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Đầu tư, Khu vực tư nhân, Đối tác công tư, Hạ tầng, Giao thông đường bộ, Yếu tố ảnh hưởng

**313. Phân tích các nhân tố tác động tới cầu dịch vụ y tế ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Tuyết// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 281 .- Tr. 24-34.

**Nội dung**: Cầu dịch vụ y tế được xem xét là một quá trình kể từ khi ra quyết định sử dụng dịch vụ y tế, tức lựa chọn khám chữa bệnh cho đến quyết định chi tiêu bao nhiêu cho các dịch vụ y tế. Nghiên cứu ứng dụng mô hình lựa chọn Heckman hai bước để ước lượng các nhân tố tác động tới cầu y tế nội trú và ngoại trú. Kết quả ước lượng chỉ ra rằng việc sử dụng thẻ bảo hiểm y tế làm giảm chi tiêu y tế nội trú nhưng lại làm tăng chi tiêu y tế ngoại trú. Chất lượng cơ sở y tế tăng góp phần giảm chi tiêu y tế ngoại trú. Khoảng cách tới cơ sở y tế xa hơn làm giảm khả năng đi khám chữa bệnh của cá nhân và làm tăng các chi phí y tế nội trú. Từ đó nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị nhằm làm tăng khả năng tiếp cận dịch vụ y tế và giảm gánh nặng chi tiêu y tế cho người dân.

**Từ khoá**: Cầu y tế, bảo hiểm y tế, mô hình lựa chọn Heckman

**314. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng làm việc của kỹ sư thiết kế mới tốt nghiệp và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong xây dựng/** Trần Thị Thanh Huyền, Phạm Hồng Luân// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 202-208.

**Nội dung:** Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng làm việc của kỹ sư thiết kế mới tốt nghiệp tại Tp. Hồ Chí Minh và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong xây dựng.

**Từ khóa**: Khả năng làm việc, chất lượng, kỹ sư mới tốt nghiệp, nguồn nhân lực, xây dựng

**315. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự thu hút nhân lực xây dựng khu vực Tây Nam Bộ/** Lê Hải Vân, Lê Hoài Long, Nguyễn Nhựt Nhứt// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 118-123.

**Nội dung:** Trình bày việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự thu hút nhân lực xây dựng khu vực Tây Nam Bộ.

**Từ khóa**: Nhân lực, yếu tố ảnh hưởng, Tây Nam Bộ

**316. Phân tích các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh**/ ThS. Hoàng Thế Vinh, ThS. Phạm Thùy Dung, CN. Nguyễn Trọng Tín // Tài chính Doanh nghiệp .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 30-35.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm phân tích các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh. Mẫu nghiên cứu được khảo sát từ 367 sinh viên. Nghiên cứu sử dụng mô hình cân bằng cấu trúc tuyến tính (SEM) để phân tích. Kết quả nghiên cứu cho thấy các nhân tố ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên: Thái độ đối với khởi sự kinh doanh, Nhận thức kiểm soát hành vi, Nhu cầu thành tích, Giáo dục khởi sự kinh doanh.

**Từ khóa**: khởi nghiệp, ý định khởi nghiệp

**317. Phân tích chỉ số quản trị doanh nghiệp sử dụng thẻ điểm cân bằng ASEAN và hiệu quả hoạt động doanh nghiệp**/ Đào Thị Thanh Bình, Nguyễn Phạm Hải Chi// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 510 .- Tr. 47-58.

**Nội dung**: Khảo sát thực trạng quản trị doanh nghiệp hiện nay ở Việt Nam và đưa ra phân tích về tác động của nó đối với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Qua khảo sát cho thấy trong thực tiễn quản trị DN của các công ty tại VN còn có kết quả chưa cao. Dựa trên phương pháp hồi quy, các mối quan hệ khác nhau đã được tìm thấy, một trong số đó là mối quan hệ tích cực giữa Chỉ số quản trị DN và Tobin's Q.

**Từ khoá**: Chỉ số quản trị doanh nghiệp, sử dụng thẻ điểm cân bằng, ASEAN, hiệu quả hoạt động doanh nghiệp

**318. Phân tích khả năng thanh toán của doanh nghiệp dưới góc nhìn của nhà đầu tư/**Dương Thị Thanh Hiền, Võ Hồng Hạnh/ Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.63 - 66.

**Nội dung:** Doanh nghiệp có khả năng thanh toán cao là doanh nghiệp luôn có đủ năng lực tài chính(tiền, tương đương tiền, các loại tài sản ...) để bảo đảm thanh toán các khoản nợ cho các cá nhân, tổ chức có quan hệ với doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh. Ngược lại, khi năng lực tài chính không đủ để trang trải các khoản nợ, doanh nghiệp sẽ mất khả năng thanh toán là một nội dung quan trọng và cần thiết khi phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp. Đặc biệt, đối với các nhà đầu tư, nếu khả năng thanh toán kém cho thấy dấu hiệu của việc mất quyền kiểm soát hoặc thất thoát vốn đầu tư trong tương lai...

**Từ khoá:** Khả năng thanh toán, doanh nghiệp, đầu tư, tài chính, nhà đầu tư

**319. Phân tích lý luận và đề xuất định hướng hoàn thiện hoạt động quản lý nhà nước đối với thuế bảo vệ môi trường ở Việt Nam/** Phạm Bách Khoa// Tài chính.- 2020 .- Số 739 .- Tr. 8 – 12

**Nội dung:** Bài viết tổng hợp lý luận về thuế bảo vệ môi trường, đồng thời phân tích tình hình triển khai luật thuế bảo vệ môi trường tại Việt Nam. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số định hướng hoàn thiện hoạt động quản lý nhà nước đối với thuế bảo vệ môi trường trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Quản lý nhà nước, thuế, bảo vệ môi trường, thuế bảo vệ môi trường, Việt Nam

**320. Phân tích mô hình chuỗi cung ứng khép kín cho sản phẩm gạo Việt Nam sau đại dịch Covid - 19** /Hồ Ngọc Thuỷ/ Tài chính.- 2020 .- Số 742.- Tr.62 - 63.

**Nội dung:** Bài viết đề cập đến sự dịch chuyển của chuỗi cung ứng toàn cầu sau đại dịch Covid - 19 đã tác động đến xuất khẩu các sản phẩm của Việt Nam, đặc biệt là gạo. Để giữ vững vị thế trên thị trường thế giới, xây dựng thương hiệu gạo Việt Nam thì các doanh nghiệp, Chính phủ cần chú trọng đến xây dựng mô hình chuỗi cung ứng khép kín, vừa quản lý chất lượng giống đầu vào, vừa đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra, từ đó tạo uy tín trên thị trường. Bài viết hướng đến sự liên kết chặt chẽ cũng như hỗ trợ nhau của các tác nhân trong mô hình chuỗi cung ứng khép kín này.

**Từ khoá:** Chuỗi cung ứng khép kín, thương hiệu gạo Việt, sản phẩm gạo, dịch Covid - 19.

**321. Phân tích mối liên hệ của thị trường chứng khoán Mỹ và Trung Quốc với Việt Nam – tiếp cận bằng kỹ thuật phân rã CEEMDAN**/ Trần Thị Tuấn Anh// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 277 .- Tr. 12-23.

**Nội dung**: Bài viết thu thập dữ liệu giá đóng cửa chứng khoán theo ngày ở các thị trường Mỹ, Trung Quốc và Việt Nam trong thời gian từ tháng 01 năm 2010 đến đầu tháng 9 năm 2019 để phân tích mối liên hệ giữa thị trường Việt Nam, Trung Quốc và Mỹ bằng cách sử dụng kết hợp các kỹ thuật phân rã CEEMDAN, kỹ thuật fine - to - coarse và kiểm định tác động Granger. Kết quả nghiên cứu cho thấy mối liên hệ giữa thị trường Việt Nam với thị trường Trung Quốc diễn ra trong một xu thế trung hạn, trong khi những biến động ngắn hạn mang tính thời sự cũng như những biến động dài hạn mang tính xu thế trên thị trường Mỹ lại gây ra một tác động mạnh trên thị trường Việt Nam. Bài viết hàm ý rằng các nhà đầu tư khi dự đoán cho thị trường Việt Nam cần lưu ý kết hợp thông tin dài hạn mang tính xu thế và thông tin ngắn hạn mang tính thời sự từ thị trường Mỹ với thông tin trung hạn thu được từ thị trường Trung Quốc.

**Từ khoá**: Kỹ thuật phân rã CEEMDAN, kỹ thuật fine-to-coarse, tác động Granger, mối liên hệ giữa các thị trường chứng khoán

**322. Phân tích mối quan hệ giữa áp dụng chiến lược quản lý rủi ro thị trường và thu nhập nông hộ: Trường hợp nghiên cứu của hộ nuôi tôm ở Thừa Thiên Huế**/ Nguyễn Đức Kiên, Nguyễn Thái Phán// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 147 .- Tr. 71-79.

**Nội dung**: Xác định các chiến lược giảm thiểu rủi ro thị trường áp dụng bởi hộ nuôi tôm, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn các chiến lược đó và chỉ ra sự khác biệt về thu nhập giữa các nhóm hộ. Kết quả phân tích cho thấy hai yếu tố (diện tích trang trại và sự tham gia các khóa tập huấn) có tác động đến xác suất lựa chọn nhóm chiến lược giảm thiểu rủi ro kết hợp. Nghiên cứu cũng chỉ ra thu nhập của nhóm hộ sử dụng chiến lược kết hợp là cao hơn đáng kể so với nhóm sử dụng chiến lược đơn lẻ. Từ đó, chúng tôi khuyến nghị chính quyền và các cơ quan chuyên môn cần khuyến khích các hộ nuôi tôm phối hợp áp dụng các chiến lược ứng phó rủi ro thị trường khác nhau, cùng với đó là tăng cường các khóa tập huấn hằng năm, và có cơ chế tái cấu trúc diện tích mặt nước manh mún theo hướng tăng quy mô cho mỗi hộ.

**Từ khoá**: Rủi ro thị trường, chiến lược quản lý, hộ nuôi tôm, quản lý rủi ro thị trường

**323. Phân tích quyết định tham gia bảo hiểm nhân thọ của người hưu trí tại Thành phố Cần Thơ**/ Huỳnh Trường Huy, Nguyễn Thị Kim Dung, Nguyễn Mai Uyên, Nguyễn Thanh Liêm// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 145 .- Tr. 36-46.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua bảo hiểm nhân thọ của nhóm khách hàng hưu trí dựa vào cuộc khảo sát 295 đáp viên trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Công cụ phân tích thống kê mô tả và kỹ thuật ước lượng hồi quy Probit và Tobit được sử dụng trong phân tích dữ liệu, kết quả phân tích cho thấy các yếu tố chính ảnh hưởng đến quyết định mua bảo hiểm nhân thọ như: giới tính, tuổi, trình độ học vấn, số thành viên trong gia đình, thu nhập bình quân, tiền tiết kiệm bình quân, và yếu tố ảnh hưởng từ người thân. Bên cạnh đó các yếu tố như: trình độ học vấn, tiền tiết kiệm và ảnh hưởng của người thân là những yếu tố ảnh hưởng đến mức phí chi trả cho bảo hiểm nhân thọ của người hưu trí.

**Từ khoá**: Bảo hiểm nhân thọ, người hưu trí, quyết định mua

**324. Phân tích thống kê khả năng sinh lời của các công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ ThS. Lê Thị Bích Vân // Tài chính Doanh nghiệp .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 14-17.

**Nội dung**: Bài báo sử dụng phương pháp so sánh, thống kê tình hình hoạt động thông qua các chỉ tiêu cơ bản tại 23 công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2009-2018 nhằm phân tích, đánh giá và đề xuất các biện pháp nâng cao khả năng sinh lời cho các công ty chứng khoán.

**Từ khóa**: công ty chứng khoán, khả năng sinh lời, thị trường chứng khoán, thị trường tài chính

**325. Phân tích vai trò của năng suất lao động và vốn đầu tư phát triển đối với tăng trưởng ngành dịch vụ logistics Việt Nam giai đoạn 2004-2019**/ Nguyễn Thị Bình, Trịnh Thị Thu Hương// Nghiên cứu Kinh tế .- 2020 .- Số 9(508) (Tháng 09/2020) .- Tr. 03-14.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng phương pháp điều tra thứ cấp để thu thập thông tin của ngành dịch vụ logistics Việt Nam giai đoạn 2004-2019, ứng dụng hàm Cobb-Douglas để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của ngành dịch vụ logistics Việt Nam trong giai đoạn nghiên cứu.

**Từ khoá**: ngành dịch vụ logistics, năng suất lao động, vốn đầu tư phát triển, hàm Cobb-Douglas

**326. Phát huy sức mạnh mềm Việt Nam trong hội nhập quốc tế**/ Ngô Thị Nghĩa Bình// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 567 .- Tr.13-15.

**Nội dung**: Sức mạnh mềm không chỉ là một khái niệm mà trở thành chiến lược phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới, là một coong cụ quan trọng trong việc thực thi chính sách đối ngoại. Trong quan hệ quốc tế, một quốc gia có thể tác động đến quốc gia khác một cách tự nhiên thông qua các giá trị như ý chí, kỹ năng ngoại giao, hay hệ tư tưởng, văn hóa, tôn giáo... và khi giá trị của một quốc gia được nhiều nước khác nhau chia sẻ thì quốc gia đó sẽ dễ dàng gây ảnh hưởng lên hành vi của quốc gia khác.

**Từ khoá**: Hội nhập quốc tế, Sức mạnh mềm, Chính sách đối ngoại, Việt Nam

**327. Phát huy tác động của hệ thống logistics đối với tăng trưởng kinh tế vùng kinh tế trọng điểm miền Trung**/ Nguyễn Quang Hồng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 19-21.

**Nội dung**: Bài viết phân tích tác động của hệ thống logistics đến tăng trưởng kinh tế vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; Những hạn chế và giải pháp phát triển hệ thống nhằm phát huy ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

**Từ khoá**: Logistics, tăng trưởng kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm, miền Trung

**328. Phát triển bền vững ở Việt Nam và gợi mở hai mô hình chính sách**/ Nguyễn Thị Việt Nga// Tài chính .- 2019 .- Số 717 .- Tr. 5 – 9.

**Nội dung**: Bài viết khái quát về phát triển bền vững tại Việt Nam, đồng thời giới thiệu hai mô hình chính sách phát triển bền vững đã được nhiều nước trên thế giới nghiên cứu ứng dụng thành công. Qua đó đưa ra một số gợi ý cho Việt Nam tham khảo, nghiên cứu ứng dụng phù hợp với điều kiện thực tế trong nước.

**Từ khóa**: Phát triển bền vững, Mô hình phát triển bền vững, Kinh tế - Xã hội

**329. Phát triển công nghệ Tài chính – Ngân hàng ở Việt Nam**/ Võ Văn Lợi// Tài chính .- 2019 .- Số 717 .- Tr. 10 – 12.

**Nội dung**: Thông qua việc nhận diện những tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đến lĩnh vực tài chính – ngân hàng, bài viết kiến nghị các giải pháp nhằm giúp lĩnh vực này vượt qua thách thức, tận dụng cơ hội để phát triển bền vững trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.

**Từ khóa**: Cách mạng công nghiệp 4.0, Tài chính, Ngân hàng, Công nghệ

**330. Phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành ô tô: Thực trạng và giải pháp**/ Nguyễn Thị Bích Liên, Nguyễn Thị Thuý Quỳnh // Tài chính .- 2019 .- Số 705 .- Tr. 27 – 30.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá thực trạng phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành ô tô Việt Nam, nhận diện khó khăn, thách thức đặt ra, từ đó đề xuất một số giải pháp để phát triển lĩnh vực này trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Nhà sản xuất, công nghiệp ô tô, chất lượng sản phẩm

**331. Phát triển công nghiệp hỗ trợ của Vỉệt Nam để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài sau đại dịch Covid-19**/ Đào Thị Thu Hiền// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 572 .- Tr. 10-12.

**Nội dung**: Bài bài nghiên cứu này nhằm cung cấp một bức tranh tổng thể cho lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ (CNHT) của Việt Nam hiện nay trong bối cảnh trước và sau khi đại dịch Covid-19 xuất hiện dẫn đến nhiều biến động cho nền kinh tế Việt Nam cũng như việc đón nhận dòng đầu tư FDI hiện nay. Một số khó khăn và giải pháp đã được thảo luận không những đem lại sự phát triển bền vững cho lĩnh vực CNHT như một lợi thế cạnh tranh mà còn xây dựng lĩnh vực này là một trong những yếu tố quan trọng khi quyết định đầu tư FDI tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Công nghiệp hỗ trợ, Thu hút vốn, Phát triển bền vững, Đầu tư, Vốn FDI, Đại dịch Covid-19

**332. Phát triển dịch vụ giao nhận – vận tải hàng hóa ở Việt Nam nhờ lợi thế trong quy tắc xuất xứ hàng hóa của ATIGA và ACFTA/** ThS. Nguyễn Thị Như, Trịnh Thanh Thủy, Huỳnh Thị Thúy Kiều// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 158-161.

**Nội dung:** Trình bày cơ sở lý luận chung về dịch vụ giao nhận – vận tải hàng hóa, xem xét các quy tắc xuất xứ hàng hóa của ATIGA và ACFTA để đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển dịch vụ giao nhận vận tải của Việt Nam, tận dụng tốt các lợi thế mà Việt Nam có được từ các Hiệp định Thương mại tự do.

**Từ khóa**: Quy tắc xuất xứ hàng hóa, ATIGA, ACFTA, dịch vụ giao nhận – vận tải

**333. Phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử ở Việt Nam hiện nay/** Trần Văn Dũng// Tài chính.- 2020 .- Số 741 .- Tr. 37 – 39.

**Nội dung:** Phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử là xu hướng phát triển tất yếu trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay. Phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử luôn được các ngân hàng đầu tư, ứng dụng công nghệ số, công nghệ mới, công nghệ cao, thông tin, viễn thông, cơ sở hạ tầng kỹ thuật vào sản phẩm, để nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, nâng cao hiệu quả, uy tín, phát triển bền vững của mỗi ngân hàng.

**Từ khóa:** Ngân hàng điện tử, công nghệ số, cách mạng công nghiệp 4.0, dịch vụ ngân hàng

**334. Phát triển du lịch góp phần tăng cường nguồn lực tài chính cho tỉnh Bình Phước**/ Trần Thị Thuỳ Anh, Dương Diễm Kiều// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 185 – 187.

**Nội dung**: Nghiên cứu, phân tích tiềm năng kinh tế du lịch của tỉnh Bình Phước, nêu ra một số tồn tại, cũng như những thách thức, từ đó đưa ra các giải pháp để ngành du lịch tại Bình Phước phát triển nhanh và bền vững, đóng góp xứng đáng vào ngân sách và kinh tế - xã hội địa phương.

**Từ khoá**: Du lịch, ngân sách nhà nước, Bình Phước, công nghiệp không khói

**335. Phát triển hệ thống thanh toán qua ngân hàng ở Việt Nam: thực trạng và giải pháp**/ Lê Văn Hải// Nghiên cứu Kinh tế .- 2020 .- Số 9(508) (Tháng 09/2020) .- Tr. 24-35.  
**Nội dung**: Bài viết phân tích, đánh giá, làm rõ thực trạng quá trình hình thành, phát triển và hoạt động của các hệ thống thanh toán qua ngân hàng ở Việt Nam trong những năm qua, thực trạng kết quả hoạt động của các hệ thống thanh toán qua ngân hàng; kết quả hoạt động thanh toán trong nền kinh tế trong năm 2014-2017 và những hạn chế. Bài viết đưa ra khuyến nghị 3 nhóm giải pháp nhằm tiếp tục phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong thời gian tới.

**Từ khoá**: phát triển hệ thống, thanh toán qua ngân hàng

**336. Phát triển hiệu quả chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện theo tinh thần nghị quyết số 28-NQ/TW**/ Bùi Sỹ Lợi// Tài chính .- 2020 .- Số 720+721 Tháng 1 .- Tr. 57-60.   
**Nội dung**: Cải cách chính sách bảo hiểm xã hội để bảo hiểm xã hội thực sự là một trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội, từng bước mở rộng vững chắc diện bao phủ bảo hiểm xã hội, hướng tới mục tiêu bảo hiểm xã hội toàn dân; Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại..., Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển hệ thống thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội tinh gọn, chuyên nghiệp, hiện đại, tin cậy và minh bạch.

**Từ khóa**: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, an sinh xã hội

**337. Phát triển hợp tác xã ở các nước và kinh nghiệm cho Việt Nam/** Lưu Thị Kim Hoa// Tài chính.- 2020 .- Số 741 .- Tr. 120 – 123.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu mô hình và thực tiễn phát triển hợp tác xã ở các nước gồm: Cộng hòa Liên bang Đức, Hoa Kỳ, Singapore từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam vận dụng vào quá trình xây dựng hợp tác xã hiểu mới.

**Từ khóa:** Mô hình hợp tác, hợp tác xã, nông nghiệp, thành viên

**338. Phát triển kênh phân phối tín dụng tiêu dùng của các công ty tài chính trực thuộc ngân hàng thương mại ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Phương Liên, Tô Thanh Hương// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 144 .- Tr. 41-50.

**Nội dung**: Nghiên cứu thực trạng phát triển kênh phân phối tín dụng tiêu dùng (TDTD) của các công ty tài chính (CTTC) trực thuộc ngân hàng thương mại (NHTM) ở Việt Nam giai đoạn từ 2014 đến đầu năm 2020, trong đó, tập trung nghiên cứu 4 trường hợp điển hình, gồm: (i) Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MCredit); (ii) Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (FE Credit); (iii) Công ty Tài chính TNHH HD Saison (HD Saison); và (iv) Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB Finance) là những công ty đã và đang triển khai hoạt động TDTD trên thị trường Việt Nam. Trên cơ sở phân tích thực trạng, chỉ ra những hạn chế trong phát triển kênh phân phối TDTD của các CTTC này, tác giả bài viết đề xuất một vài giải pháp về phát triển kênh phân phối TDTD nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đa dạng của cá nhân và hộ gia đình thời gian tới.

**Từ khoá**: Tín dụng tiêu dùng, công ty tài chính trực thuộc, kênh phân phối

**339. Phát triển kinh tế tư nhân nhìn từ góc độ cải cách thủ tục hành chính**/ Nguyễn Thị Việt Nga // Tài chính .- 2019 .- Số 705 .- Tr. 11 – 14.

**Nội dung**: Trên cơ sở đánh giá thực trạng phát triển và những tác động từ cải cách thủ tục hành chính đến doanh nghiệp tư nhân, bài viết gợi mở một số vấn đề nhằm thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân phát triển tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp tư nhân, kinh tế tư nhân, cải cách thủ tục hành chính.

**340. Phát triển kinh tế tư nhân trong tiến trình hội nhập quốc tế : cơ hội, thách thức và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**/ Đỗ Hải Yến// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 7-9.

**Nội dung**: Thông qua những bài học kinh nghiệm của Trung Quốc và Thái Lan về phát triển kinh tế tư nhân, những cơ hội cũng như thách thức đối với việc phát triển kinh tế tư nhân trong bối cảnh hội nhập hiện nay, nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp để phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Phát triển kinh tế, kinh tế tư nhân, hội nhập, quốc tế

**341. Phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam trong bối cảnh ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu toàn cầu**/ Hoàng Thị Thinh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 572 .- Tr. 77-79.

**Nội dung**: Việt Nam có tiềm năng và lợi thế lớn đé phát triển năng lượng tái tạo, tuy nhiên thực tế cho thấy việc phát triển lĩnh vực này ở nước ta còn khá nhiều bất cập, chưa tương xứng với tiềm năng. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả làm rõ những vấn đề chung về phát triển năng lượng tái tạo, sự cần thiết của việc phát triển năng lượng tái tạo trong bối cảnh ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu toàn cầu, đánh giá tổng quan thực trạng và định hướng một số giải pháp để phát triển phát triển lĩnh vực này ở nước ta.

**Từ khoá**: Ô nhiễm môi trường, Biến đổi khí hậu, Toàn cầu, Năng lượng tái tạo, Phát triển

**342. Phát triển nền kinh tế tuần hoàn ở một số quốc gia và bài học cho Việt Nam**/ Bùi Thị Hoàng Lan// Tài chính.- 2020 .- Số 735 .- Tr. 8 – 10.

**Nội dung:** Trong những năm gần đây, việc chuyển dịch mô hình phát triển từ kinh tế tuyến tính truyền thống sang kinh tế tuần hoàn đã trở thành xu hướng trên thế giới. Những năm gần đây, Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức về cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trườn và biến đổi khí hậu. Để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu, Việt Nam cần thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn. Bài viết giới thiệu kinh nghiệm thực tiễn tại Thụy Điển và Hà Lan, trên cơ sở đó rút ra một số gợi ý chính sách cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Kinh tế tuần hoàn, kinh tế tuyến tính, phát triển

**343. Phát triển ngân hàng số ở Việt Nam: Thực trạng và đề xuất**/ Thiếu Quang Hiệp// Tài chính .- 2020 .- Số 731.- Tr. 20 – 22.

**Nội dung:** Bài viết phân tích thực trạng phát triển ngân hàng số ở Việt Nam thời gian qua, đưa ra một số đề xuất trong bối cảnh mới.

**Từ khóa:** Công nghệ số, ngân hàng số, dịch vụ ngân hàng, sản phẩm tài chính

**344. Phát triển ngân hàng số tại Việt Nam và một số kinh nghiệm quốc tế**/ Nguyễn Thu Thủy, Nguyễn Thị Hà Thanh, Lê Thành Tuyên// Tài chính .- 2020 .- Số 730.- Tr. 54 – 56.

**Nội dung:** Bài viết phân tích kinh nghiệm phát triển ngân hàng số tại Trung Quốc và Ấn Độ trên cơ sở đó đề xuất hàm ý chính sách cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Ngân hàng số, số hóa, kinh nghiệm quốc tế, khách hàng

**345. Phát triển tài chính vi mô tại vùng kinh tế trọng điểm miền Trung**/ Nguyễn Thị Hạnh// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 51 – 54.

**Nội dung**: Bài viết sơ lược về tài chính vi mô đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, nghiên cứu thực trạng hoạt động tài chính vi mô tại vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Sau đó đưa ra giải pháp phát triển tài chính vi mô tại vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

**Từ khóa**: Tài chính vi mô, vùng kinh tế trọng điểm, Hộ nghèo, người có thu nhập thấp

**346. Phát triển thị trường dịch vụ kiểm toán ở Việt Nam trong bối cảnh mới**/ Nguyễn Hoàng Giang// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 59 – 61.

**Nội dung**: Bài viết nêu ra những kết quả phát triển thị trường dịch vụ kiểm toán giai đoạn 2013-2020, từ đó đưa ra một số giải pháp phát triển thị trường dịch vụ kiểm toán Việt Nam.

**Từ khóa**: Thị trường dịch vụ kiểm toán, Kinh tế số, Kiểm toán độc lập, Báo cáo tài chính

**347. Phát triển thị trường tài chính, chu kỳ kinh doanh và rủi ro ngân hàng: nghiên cứu trường hợp các nước Đông Nam Á**/ Trần Hùng Sơn, Nguyễn Thanh Liêm, Nguyễn Vĩnh Khương// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 280 .- Tr. 39-48.

**Nội dung**: Phân tích tác động đồng thời của phát triển thị trường tài chính và chu kỳ kinh doanh đến rủi ro của 70 ngân hàng thương mại niêm yết tại 6 quốc gia Đông Nam Á: Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam trong giai đoạn 2005 – 2016. Kết quả nghiên cứu cho thấy phát triển thị trường tài chính làm gia tăng rủi ro ngân hàng. Ngược lại, nghiên cứu cho thấy chu kỳ kinh doanh làm giảm rủi ro ngân hàng. Ngoài ra, chu kỳ kinh doanh có tác động tiết chế đối với mối quan hệ giữa phát triển thị trường tài chính với rủi ro ngân hàng. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy các yếu tố thuộc đặc điểm riêng của ngân hàng như khả năng sinh lời, quy mô ngân hàng và vốn chủ sở hữu có tác động làm giảm rủi ro ngân hàng. Trong khi đó, đa dạng hóa doanh thu, thanh khoản, hiệu quả hoạt động có tác động làm tăng rủi ro ngân hàng. Cuối cùng, lạm phát có khuynh hướng làm gia tăng rủi ro ngân hàng tại các quốc gia này. Từ các kết quả nghiên cứu này, một số hàm ý chính sách được phác thảo.

**Từ khoá:** Phát triển thị trường tài chính, chu kỳ kinh doanh, rủi ro ngân hàng, Đông Nam Á

**348. Phát triển thương mại điện tử ở Việt Nam : Thực trạng và kiến nghị**/ Đặng Văn Sáng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 104-106.

**Nội dung**: Bài viết trao đổi về thực trạng phát triển thương mại điện tử của Việt Nam trong thời gian qua, từ đó đề xuất một số kiến nghị thúc đẩy thương mại điện tử phát triển trong bối cảnh mới.

**Từ khoá**: thương mại điện tử, phát triển thương mại

**349. Phong cách lãnh đạo ủy quyền và sự tham gia vào quá trình sáng tạo của cấp dưới**/ Lê Công Thuận, Bùi Thị Thanh// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 143 .- Tr. 54-60.

**Nội dung**: Khám phá và kiểm định các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia vào quá trình sáng tạo (STGVQTST) của cấp dưới để đáp lại lời kêu gọi của các nghiên cứu trước đây, từ đó đưa ra các định hướng giúp doanh nghiệp đẩy mạnh STGVQTST của nhân viên. Dữ liệu của nghiên cứu này được thu thập từ 348 chuyên viên đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghệ thông tin tại TP. HCM, Bình Dương và Long An. Kết quả nghiên cứu cho thấy, phong cách lãnh đạo (PCLD) ủy quyền có mối quan hệ cùng chiều với STGVQTST của cấp dưới. Hơn nữa, kỹ năng chuyên môn và tự tin sáng tạo là trung gian từng phần liên kết mối quan hệ này. Thêm vào đó, sự phức tạp của công việc điều tiết ảnh hưởng dương của PCLD ủy quyền lên STGVQTST của cấp dưới. Với kết quả trên, nghiên cứu này có những đóng góp về khía cạnh lý thuyết lẫn thực tiễn.

**Từ khoá**: Kỹ năng chuyên môn; phong cách lãnh đạo ủy quyền; quá trình sáng tạo

**350. Q-RANGE – Một thuật toán đầu tư hiệu quả trên thị trường ngoại hối sử dụng kỹ thuật phát hiện giao dịch đi ngang và trí tuệ nhân tạo**/ Đặng Minh Quân// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 280 .- Tr. 78-85.

**Nội dung**: Trong bài viết này, chúng tôi đề xuất một thuật toán đầu tư sử dụng kỹ thuật phát hiện giao dịch đi ngang và trí tuệ nhân tạo cho môi trường FOREX. Kết quả của các mô phỏng chứng minh tính hiệu quả của thuật toán đề xuất. Đóng góp chính của bài báo là thuật toán đầu tư Q-Range và tập hợp các thuộc tính dùng để thực hiện dự đoán nên đầu tư hay bán khống khi hình mẫu giao dịch đi ngang xuất hiện.

**Từ khoá**: Thuật toán đầu tư, đầu tư định lượng, giao dịch đi ngang, trí tuệ nhân tạo

**351. Quá trình số hoá và tác động đến lĩnh vực y tế**/ Nguyễn Thị Thu Hương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 78-80.

**Nội dung**: Bài báo phân tích quá trình số hoá trong lĩnh vực y tế, tác động của số hoá đến dịch vụ y tế, và thực trạng số hoá trong lĩnh vực y tế tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Số hoá, y tế, dịch vụ y tế

**352. Quan điểm, định hướng hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính thúc đẩy nghiên cứu khoa học hướng tới mô hình đại học đổi mói sáng tạo trong các trường đại học ở Việt Nam**/ Nguyễn Lan Phương, Trần Thị Hoa Thơm// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 572 .- Tr. 59-61.

**Nội dung**: Trong những năm qua, cùng với sự đầu tư của Nhà nước, các trường đại học đã có những đầu tư mạnh mẽ trong nghiên cứu khoa học nhằm hướng tới những sản phẩm, những công bố có chất lượng cao nhằm nâng cao thương hiệu của nhà trường cũng như góp phần xây dựng nền kinh tế đất nước. Tuy nhiên, thực tiễn nghiên cứu khoa học hướng tới mô hình đại học đổi mới sáng tạo trong các trường đại học của Việt Nam còn nhiều hạn chế, bất cập đòi hỏi cần có những cơ chế, chính sách tài chính tốt, đúng tầm để kích thích sáng tạo và sự cống hiến của đông đảo các nhà khoa học và chuyên gia trong các trường đại học.

**Từ khoá**: Đại học, Đổi mới, Sáng tạo, Nghiên cứu khoa học, Tài chính, Chính sách, Quan điểm, Định hướng

**353. Quan điểm và giải pháp thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Việt Nam**/ Đàm Thị Thanh Thuỷ// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 574 (Tháng 10/2020) .- Tr. 55-57.

**Nội dung**: Quan điểm của Đảng về mở cửa, hội nhập và thu hút đầu tư nước ngoài; Giải pháp thu hút FDI gắn với phát triển bền vững.

**Từ khoá**: thu hút đầu tư, đầu tư trực tiếp, nước ngoài, phát triển bền vững

**354. Quản lý kho hàng thông minh trong các doanh nghiệp ngành nhựa : một nghiên cứu tình huống**/ Trương Huy Hoàng, Dương Trung Kiên, Nguyễn Đạt Minh // Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 571 (Tháng 08/2020) .- Tr. 37-39.

**Nội dung**: Bài viết đề xuất giải pháp ứng dụng quản lý kho hàng thông minh cho các doanh nghiệp tại Việt Nam. Kết quả chỉ ra rằng việc ứng dụng công nghệ trong quản lý kho hàng sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sử dụng không gian, loại bỏ các quy trình lãng phí và tăng cường kiểm soát hàng hóa trong kho.

**Từ khóa**: Quản lý kho, hàng hóa, ứng dụng quản lý, kho hàng thông minh

**355. Quản lý nhà nước đối với khu công nghiệp tại tỉnh Bình Dương : thực trạng và giải pháp**/ Phan Nhân Trung, Lê Văn Gấm// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 81-83.

**Nội dung**: Nội dung bao gồm: Một số khái niệm, mô hình liên quan về khu công nghiệp; Thực trạng quản lý nhà nước đối với khu công nghiệp tại Bình Dương; Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với khu công nghiệp tại tỉnh Bình Dương.

**Từ khoá**: Quản lý nhà nước, khu công nghiệp, tỉnh Bình dương

**356. Quản lý nhà nước đối với thuế bảo vệ môi trường: Kinh nghiệm một số quốc gia và bài học cho Việt Nam/** Phạm Bách Khoa// Tài chính.- 2020 .- Số 740 .- Tr. 44 – 48. **Nội dung:** Bài viết nghiên cứu kinh nghiệm thực tế của 4 nước điển hình trên thế giới gồm Đan Mạch, Hà Lan, Hàn Quốc và Singapore trong quản lý nhà nước đối với thuế bảo vệ môi trường, cụ thể trong xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật, tổ chức bộ máy nhà nước, tổ chức thực hiện và thanh tra, kiểm tra thực hiện thuế bảo vệ môi trường. Trên cơ sở các kinh nghiệm thực tế này, một số bài học kinh nghiệm đã được rút ra cho Việt Nam trong quản lý nhà nước về thuế bảo vệ môi trường.

**Từ khóa:** Bảo vệ môi trường, thuế, thuế bảo vệ môi trường, quản lý nhà nước, kinh nghiệm bảo vệ môi trường

**357. Quản lý nhà nước trong nền kinh tế số**/ Trần Đức Hiệp// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 576 .- Tr. 7 – 9.

**Nội dung:** Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã làm thay đổi nhiều phương thức hoạt động kinh tế các quốc gia trên thế giới đều có sự thay đổi mạnh mẽ và Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Các trao đổi hàng hoá, dịch vụ giữa cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp bắt đầu dựa trên ứng dụng công nghệ số. Để thích ứng với nền kinh tế chuyển đổi sang kinh tế số, nhà nước cũng phải đổi mới mô hình và cách thức áp dụng công nghệ sô trong quản lý.

**Từ khóa:** Kinh tế số, quản lý nhà nước

**358. Quản lý tài chính cá nhân: chìa khoá để giàu có**/ Hồ Thị Khánh Linh, Nguyễn Ngọc Trân, Lê Thị Loan// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 577 .- Tr. 43 – 44.

**Nội dung:** Trong bối cảnh đời sống xã hội hiện đại đã khiến cho giới trẻ dễ mắc nợ hơn vì độ tuổi tiếp cận với các dịch vụ tài chính ngày càng trẻ hoá và dễ dàng hơn. Đồng nghĩa với việc chi tiêu quá nhiều so với thu nhập thì dễ đối mặt với nguy cơ mắc nợ, đời sống vật chất và tinh thần khủng hoảng, gia đình không hạnh phúc. Để không rơi vào cảnh ngộ này cần phải có phương pháp quản lý tài chính cá nhân nghĩa là phải lập được kế hoạch, phải luôn giám sát, điều chỉnh thu chi của cá nhân bài bản và khoa học. Đây chính là nền tảng của sự giàu có.

**Từ khóa:** Quản lý tài chính cá nhân

**359. Quản lý rủi ro thanh khoản tại các chi nhánh Ngân hàng Thương mại tỉnh Thái Nguyên**/ Nguyễn Thu Thuỷ, Trần Thị Vân Anh, Lại Thuỳ Linh// Tài chính .- 2019 .- Số 716 .- Tr. 95 – 97.

**Nội dung:** Nghiên cứu thực trạng công tác quản lý rủi ro thanh khoản ở các chi nhánh Ngân hàng Thương mại tại Thái Nguyên. Từ đó, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm giúp các ngân hàng chủ động hơn trong công tác quản lý rủi ro thanh khoản, hạn chế những tổn thất khi xảy ra các vấn đề liên quan đến rủi ro thanh khoản.

**Từ khoá:** Ngân hàng thương mại, Quản lý rủi ro, Rủi ro thanh khoản, Tín dụng

**360. Quản lý thuế giá trị gia tăng tại chi cục thuế Huyện Lộc Hà, Tỉnh Hà Tĩnh**/ Trần Nữ Hồng Dung// Tài chính .- 2019 .- Số 716 .- Tr. 109 – 111.

**Nội dung**: Phân tích, đánh giá thực trạng tình hình quản lý thuế giá trị gia tăng tại Chi cục Thuế Huyện Lộc Hà, Tỉnh Hà Tĩnh, bài viết chỉ ra kết quả cũng như những hạn chế còn tồn tại trong công tác quản lý thuế giá trị gia tăng trên địa bàn. Đề xuất một số giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế giá trị gia tăng tại Chi cục Thuế huyện Lộc Hà.

**Từ khoá**: Thuế giá trị gia tăng, Quản lý thuế, Doanh nghiệp

**361. Quản lý vốn và tài sản tại các tổng công ty xây dựng thuộc Bộ xây dựng giai đoạn 2016-2019: Thực trạng và giải pháp**/ Trần Ngọc Phú, Thịnh Văn Luyến// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 574 (Tháng 10/2020) .- Tr. 40-42.

**Nội dung**: Nghiên cứu thực trạng trong giai đoạn 2016-2019, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý vốn và tài sản tại các tổng công ty trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Quản lý vốn, tài sản, công ty xây dựng

**362. Quản trị chi phí trong môi trường sản xuất hiện đại**/ Lê Thị Huyền Trâm// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 137 – 139.

**Nội dung**: JIT là mô hình sản xuất giúp cung cấp đúng chủng loại linh kiện, đúng số lượn, tại đúng nơi và vào đúng thời điểm cần thiết. Bằng phương pháp JIT, các công ty có thể cắt giảm chi phí một cách đáng kể. Chi phí hàng tồn kho đóng góp rất lớn vào chi phí của công ty, đặc biệt là trong doanh nghiệp sản xuất. Vì vậy, áp dụng JIT làm giảm tối đa hiện tượng tồn kho, ứ đọng vốn, giảm diện tích kho bãi, tăng chất lượng sản phẩm, giảm phế liệu, sản phẩm lỗi, tăng năng suất nhờ giảm thời gian chờ đợi.

**Từ khoá**: Quản trị, chi phí, kinh doanh, sản xuất, sản phẩm

**363. Quản trị công ty và mức độ chấp nhận rủi ro của các công ty niêm yết**/ Nguyễn Hoàng Anh, Ngô Phú Thanh // Tài chính .- 2019 .- Số 711 .- Tr. 46 – 49.

**Nội dung**: Nghiên cứu này xem xét tác động của các đặc điểm quản trị đến mức độ chấp nhận rủi ro của doanh nghiệp tại thị trường Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu gồm 250 doanh nghiệp phi tài chính niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2009-2018.

**Từ khoá**: Hội đồng quản trị, doanh nghiệp phi tài chính niêm yết, phương pháp GMM, quản trị công ty

**364. Quản trị nguồn nhân lực trong thời kỷ nguyên số: Xu hướng, thách thức và giải pháp**/ Hồ Minh Thế// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 574 (Tháng 10/2020) .- Tr. 78-80.

**Nội dung**: Xu hướng quản trị nguồn nhân lực trong kỷ nguyên số; Thách thức quản trị nguồn nhân lực trong kỷ nguyên số; Một số giải pháp.

**Từ khoá**: Nguồn nhân lực, quản trị nguồn nhân lực, kỷ nguyên số

**365. Quản trị quan hệ đối tác trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam**/ Phạm Văn Thanh// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 144 .- Tr. 51-58.

**Nội dung**: Quá trình kinh doanh của các doanh nghiệp xăng dầu đòi hỏi phải xây dựng, củng cố và phát triển quan hệ với các đối tác liên quan. Quan hệ đối tác chiếm giữ một vị trí rất quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp. Nó đảm bảo sự thông suốt về số lượng và tiến độ lưu chuyển sản phẩm. Đặc biệt, quan hệ đối tác có ảnh hưởng quyết định đến chất lượng và giá cả sản phẩm xăng dầu cũng như tính ổn định và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Trong lĩnh vực xăng dầu, Petrolimex tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trên thị trường nội địa, bảo đảm đầy đủ và kịp thời các chủng loại xăng dầu phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo đảm an ninh quốc phòng và nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Có được kết quả này là do Petrolmex đã, đang và tiếp tục thực hiện quản trị quan hệ đối tác trong hoạt động kinh doanh.

**Từ khoá**: Quan hệ đối tác, Quản trị, Tập đoàn xăng dầu Việt Nam

**366. Quản trị tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp Việt Nam - động lực cho sự khác biệt hóa**/ Nguyễn Quốc Thịnh, Khúc Đại Long, Nguyễn Thu Hương// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 143 .- Tr. 38-44.

**Nội dung**: Tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp là một loại tài sản thuộc nhóm tài sản vô hình và trong hầu hết các trường hợp, chúng có giá trị lớn hơn nhiều lần so với tổng tài sản hữu hình. Việc quản lý và khai thác các tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp Việt Nam còn không ít hạn chế, do đó chưa tạo được động lực để phát triển và gia tăng sự khác biệt cho doanh nghiệp - yếu tố căn bản của cạnh tranh hiện đại. Bài viết tập trung mô tả các dạng tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp, từ đó dựa trên những khảo sát thực tế cho thấy khối tài sản này đã được khai thác thế nào trong các doanh nghiệp. Một số gợi ý về quản trị tài sản trí tuệ hy vọng sẽ giúp ích phần nào cho các doanh nghiệp Việt Nam nhằm tạo dựng và duy trì những lợi thế cạnh tranh (dựa trên sự khác biệt) trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

**Từ khoá**: Tài sản trí tuệ, đối tượng sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu trí tuệ

**367. Quản trị thương hiệu trong xu hướng mua bán và sát nhập doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay**/ Nguyễn Thị Thanh Nga, Lê Nam Long// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 564 (Tháng 05/2020) .- Tr. 19-21.

**Nội dung**: Trong quá trình M&A các doanh nghiệp có rất nhiều công việc cần được nghiên cứu và tính toán một cách kỹ lưỡng và một trong những vấn đề đặt ra là tính toán giá trị của các thương hiệu được sáp nhập cũng như quản trị các thương hiệu sau sát nhập. Bài viết tập trung vào hoạt động quản trị thương hiệu sau sát nhập của các doanh nghiệp.

**Từ khoá**: thương hiệu, sát nhập doanh nghiệp

**368. Quyết định đấu thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình tại Hà nội trong bối cảnh đại dịch Covid-19**/ Hà Sơn Tùng, Trần Mạnh Linh, Nguyễn Bá Đông// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 572 .- Tr. 66-68.

**Nội dung**: Dưới tác động của đại dịch Covid, nhiều ngành kinh doanh bị ảnh hưởng nặng nề. Ngành xây dựng, dù ít chịu ảnh hưởng hơn những ngành khác nhưng không trách khỏi vòng xoáy này. Bằng phương pháp phỏng vấn sâu, nghiên cứu đã chi ra quyết định đấu thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình của các doanh nghiệp tại Hà nội chịu sự tác động của khó khăn do giãn cách xã hội và lo lắng về việc thanh toán của chủ đầu tư và nguồn nhân lực không ổn định. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một sô giải pháp về tăng cường hình thức đấu thầu qua mạng và tăng cường các hình thức hỗ trợ từ phía Chính phủ.

**Từ khoá**: Đấu thầu, Xây dựng, Thi công, Giám sát, Công trình, Covid-19

**369. Quyết định lựa chọn nguồn vốn ngắn hạn phù hợp cho doanh nghiệp**/ Nguyễn Thị Thảo, Nguyễn Thị Tiến, Mai Thị Hồng Nhung// Tài chính.- 2020 .- Số 739 .- Tr. 42- 44

**Nội dung:** Quyết định huy động vốn là một trong các quyết định quan trọng của công tác quản trị tài chính trong doanh nghiệp. Về cơ bản, doanh nghiệp có thể huy động nguồn vốn ngắn hạn và nguồn vốn dài hạn. Trong đó, quyết định lựa chon nguồn vốn ngắn hạn đúng đắn sẽ giúp doanh nghiệp vừa đảm bảo được nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp hoạt động của doanh nghiệp được diễn ra thường xuyên liên tục không bị gián đoạn, vừa giúp doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí huy động vốn, làm tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Nguồn vốn ngắn hạn, doanh nghiệp, quyết định lựa chọn nguồn vốn

**370. Quy trình thực hiện và hiệu quả hoạt động M&A doanh nghiệp có vốn nhà nước ở Việt Nam**/ Hồ Quỳnh Anh // Tài chính .- 2019 .- Số 711 .- Tr. 5 – 8.

**Nội dung**: Bài viết trao đổi về quy trình thực hiện thương vụ mua bán, sáp nhập các doanh nghiệp có vốn nhà nước ở Việt Nam, đồng thời đánh giá hiệu quả hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2013-2017.

**Từ khóa**: Mua bán, sáp nhập, doanh nghiệp nhà nước, vốn nhà nước

**371. Rủi ro và lợi túc tại thị trường vốn của Việt Nam**/ Hoàng Văn Hải, Hoàng Thị Thu Hằng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 567 .- Tr. 43-45.

**Nội dung**: Bài viết áp dụng lý thuyết định giá chênh lệch phát triển bởi Ross (1976) để đánh giá ảnh hưởng của rủi ro từ các nhân tố kinh tế vĩ mô đến lợi tức của các cổ phiếu trong rổ vn100. Bằng các phương pháp ước lượng ordi-nary least squares, pooled least squares, fixed effects và random effects, kết quả của nghiên cứu cho thấy trong 12 ngành được phân loại theo tiêu chí của GICS, RGS và ICB bao gồm các cổ phiếu trong rổ vn100 thì có 11 ngành chịu tác động dương của rủi ro từ VNINDEX.

**Từ khoá**: Rủi ro, Lợi tức, Thị trường vốn, Việt Nam

**372. Sắp xếp, đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước /**Nguyễn Quang Huy/ Tài chính.- 2020 .- Số 732.- Tr.39 – 42.

**Nội dung:** Giai đoạn 2016-2019, Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương đã tích cực triển các đề án, chương trình, kế hoạch cơ cấu lại, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước thoái vốn nhà nước và đã đạt được một số kết quả quan trọng. Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đã đạt được, hoạt động sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nướctrong giai đoạn 2016-2019 còn tồn tại một số hạn chế. Trước bối cảnh đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Cổ phần hoá, sắp xếp, đổi mới, doanh nghiệp nhà nước.

**373. So sánh mô hình ARIMA và VECM trong dự báo cầu lao động ở các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến Tỉnh Bình Dương**/ Phạm Ngọc Thành, Đỗ Thị Hoa Liên, Hoàng Võ Hằng Phương// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 282 .- Tr. 41-53.

**Nội dung**: Bài viết ứng dụng các mô hình trong phương pháp chuỗi thời gian vào dự báo cầu lao động của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến ở Bình Dương. Trong đó, hai mô hình phổ biến được sử dụng nhiều trong dự báo cầu lao động trong ngắn hạn là ARIMA và VECM được phân tích và so sánh. Mô hình được xây dựng trên dữ liệu từ năm 1996 đến 2014, sau đó dự báo được thực hiện cho các năm 2015 đến 2017 để kiểm tra mức độ chính xác của các mô hình. Kết quả cho thấy cả hai mô hình đều có năng lực dự báo tốt, tuy nhiên, mô hình ARIMA trong trường hợp này có khả năng dự báo chính xác hơn so với mô hình VECM. Bên cạnh đó, nhóm tác giả tìm thấy vai trò quan trọng của vốn sản xuất đối với sự thay đổi cầu lao động ngành công nghiệp chế biến Bình Dương cả trong ngắn hạn và dài hạn.

**Từ khoá**: Dự báo, cầu lao động, phương pháp chuỗi thời gian, công nghiệp chế biến, ARIMA, VECM

**374. Sự hài lòng của bệnh nhân, người nhà trong quá trình khám chữa bệnh nghiên cứu tại Khoa khám bệnh của một số bệnh viện công lập tại Hà Nội**/ Nguyễn Tiến Thành// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 564 (Tháng 05/2020) .- Tr. 53-55.

**Nội dung**: Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu thực trạng sự hài lòng của bệnh nhân, người nhà trong quá trình khám chữa bệnh tại khoa Khám bệnh của một số bệnh của một số bệnh viện công lập tại Hà Nội.

**Từ khoá**: sự hài lòng, khám chữa bệnh, bệnh viện công lập, Hà Nội

**375. Sự hiện diện của ngân hàng nước ngoài và hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Phạm Quốc Việt, Nguyễn Minh Thy// Tài chính .- 2019 .- Số 717 .- Tr. 19 – 22.

**Nội dung**: Bài viết tiến hành kiểm tra liệu sự hiện diện của ngân hàng nước ngoài có làm cải thiện hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại trong nước hay không, thông qua mẫu dữ liệu của 31 ngân hàng thương mại trong nước trong giai đoạn 2009-2018. Kết quả này đưa đến gợi ý chính sách là cần phải thúc đẩy cạnh trang và đưa vào các sản phẩm thay thế, nhằm khai thác tốt lợi ích từ sự gia nhập của các ngân hàng nước ngoài.

**Từ khóa**: Ngân hàng nước ngoài, Hiệu quả hoạt động ngân hàng, Hiệu ứng cạnh tranh

**376. Sử dụng mô hình không gian trạng thái để xác định chu kỳ tài chính tại Việt Nam và một số khuyến nghị**/ Nguyễn Vũ Phương và các cộng tác// Ngân hàng .- 2020 .- Số 22 .- Tr. 8-15.

**Nội dung**: Trình bày khái niệm chu kỳ tài chính, mô hình không gian trạng thái chu kỳ tài chính, lựa chọn bộ số liệu để xác định chu kỳ tài chính tại Việt Nam, kết quả chu kỳ tài chính tại Việt Nam, một số khuyến nghị chính sách và kết luận.

**Từ khoá**: Mô hình không gian trạng thái, chu kỳ tài chính, Việt Nam

**377. Sử dụng thuật toán di truyền tối ưu danh mục đầu tư theo Valua at risk và hệ số Sharpe**/ Mai Thị Thu Trang, Nguyễn Thị Thúy Quỳnh, Đào Minh Hoàng, Lê Đăng Anh Quân// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 205 .- Tr. 54-59.

**Nội dung**: Trình bày vai trò của Valua at risk trong đo lường và quản lý rủi ro; Var và một số mô hình đo lường rủi ro; thuật toán di truyền tối ưu DMĐT; kết uqra nghiên cứu thực nghiệm; kết luận.

**Từ khoá**: Danh mục, giá trị rủi ro, thuật toán di truyền, tối ưu

**378. Sự sẵn sàng chi trả bảo hiểm y tế tự nguyện của các cá nhân trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**/ Lê Thị Mỹ Như và Nguyễn Tuấn Kiệt// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 147 .- Tr. 26-34.

**Nội dung**: Nghiên cứu về sự sẵn sàng chi trả bảo hiểm y tế tự nguyện của 170 người dân chưa tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện tại tỉnh Hậu Giang. Kết quả hồi quy Probit cho thấy yếu tố làm tăng xác suất sẵn sàng chi trả bảo hiểm y tế tự nguyện là số lần khám chữa bệnh trong quý, thái độ đối với rủi ro tài chính và thái độ đối với rủi ro sức khỏe. Ngược lại, các yếu tố làm giảm xác suất sẵn sàng chi trả bảo hiểm y tế tự nguyện gồm giới tính, học vấn và thu nhập. Ngoài việc tìm ra các yếu tổ ảnh hưởng đến sự sẵn lòng chi trả cho bảo hiểm y tế tự nguyện, bài viết cung cấp bằng chứng thực nghiệm mới về mối tương quan thuận chiều giữa thái độ sợ rủi ro của người dân với sự sẵn sàng chi trả. Thêm vào đó, bài viết đề xuất các giải pháp nhằm giảm thiểu thái độ sợ rủi ro của người dân, từ đó khuyến khích người dân chủ động tham gia BHYT tự nguyện, hướng tới hoàn thành mục tiêu BHYT toàn dân và phát triển bền vững chính sách BHYT.

**Từ khoá**: Hậu Giang, bảo hiểm y tế tự nguyện, thái độ đối với rủi ro, sẵn sàng chi trả

**379. Sự tác động của các yếu tố quảng cáo và xúc tiến bán của doanh nghiệp bán lẻ tới quyết định mua thực phẩm an toàn của người tiêu dùng Hà Nội**/ Vũ Phương Anh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 564 (Tháng 05/2020) .- Tr. 28-30.

**Nội dung**: Bài viết tập trung nghiên cứu chi tiết về tác động của hai nhân tố quan trọng của truyền thông Marketing bán lẻ là quảng cáo và xúc tiến bán tới quyết định mua thực phẩm an toàn của người tiêu dùng Hà Nội. Cung cấp những dẫn chứng xác thực về sự tồn tại của một mối quan hệ tác động tích cực giữa nhân tố quảng cáo và xúc tiến bán của doanh nghiệp bán lẻ tới hành vi mua thực phẩm an toàn của khách hàng.

**Từ khoá**: quảng cáo, bán hàng lẻ, người tiêu dùng, thực phẩm an toàn

**380. Sự tác động của nhận dạng tổ chức, nhận dạng nhân viên - khách hàng và định hướng khách hàng đến sự gắn kết của nhân viên tại các công ty truyền thông trên địa bàn TP.HCM**/ Trịnh Thùy Anh, Lý Thanh Duy, Nguyễn Phạm Kiến Minh// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 143 .- Tr. 67-75.

**Nội dung**: Một trong những thách thức lớn hiện nay tại các công ty là sự thiếu gắn kết của người lao động đối với công việc và điều này do nhiều nguyên nhân gây ra. Bài báo này phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của nhân viên đối với công việc, bao gồm: sự nhận dạng tổ chức, nhận dạng nhân viên - khách hàng và định hướng khách hàng. Nghiên cứu được thực hiện bằng cách khảo sát trực tuyến với đối tượng là các nhân viên thuộc các công ty truyền thông trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Tiến hành khảo sát 274 bảng hỏi, trong đó 256 bảng hỏi hợp lệ. Các kiểm định và kết quả phân tích cho thấy sự tương quan thuận chiều giữa các nhân tố nói trên đến sự gắn kết với công việc.

**Từ khoá**: Nhận dạng tổ chức, nhân viên - khách hàng, định hướng khách hàng, gắn kết với công việc

**381. Tác động của các sự kiện vĩ mô đến lợi suất trên thị trường chứng khoán Việt Nam/** Phan Trần Trung Dũng, Vũ Văn Đức// Tài chính.- 2020 .- Số 739 .- Tr. 32 – 35.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu tác động sự kiện vĩ mô đến lợi suất trên thị trường chứng khoán Việt Nam, áp dụng nghiên cứu sự kiện để xác định tác động của sự kiện lên lợi suất trên thị trường chứng khoán Việt Nam, cũng như tính hiệu quả của thị trường chứng khoán Việt Nam.

**Từ khóa:** Lợi suất, sự kiện vĩ mô, thị trường chứng khoán

**382. Tác động của các tỷ số tài chính đến đo lường gian lận báo cáo tài chính**/ Vũ Thị Hương Sắc, Trần Quang Anh// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 44 – 47.

**Nội dung**: Bài viết phân tích ảnh hưởng của 8 biến này đến kết quả đo lường việc gian lận báo cáo tai chính của các công ty ở Việt Nam qua các năm 2017 và 2018. Kết quả nghiên cứu cho thấy, 8 biến trong mô hình giải thích đạt 99,82% và 98,31% kết quả phát hiện gian lận báo cáo tài chính; trong đó, chỉ số phải thu khách hàng trên doanh thu thuần – DSRI là yếu tố quan trọng nhất, chiếm đến 89,43% và 96,11 %.

**Từ khóa**: Gian lận báo cáo tài chính, Tỷ số tài chính mô hình Beneish, Thị trường, Báo cáo tài chính

**383. Tác động của căng thẳng nơi làm việc đến cảm xúc lao động và định hướng khách hàng: một nghiên cứu trong lĩnh vực khách sạn tại Việt Nam**/ Nguyễn Văn Anh, Nguyễn Thị Phương Thảo// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 147 .- Tr. 53-61.

**Nội dung**: Nghiên cứu này xem xét mối quan hệ giữa các yếu tố gây căng thẳng tại nơi làm việc (căng thẳng liên quan đến khách hàng - CRS; căng thẳng liên đến môi trường làm việc - WERS; và căng thẳng liên quan đến công việc - JRS) lên định hướng khách hàng (CO) thông qua biến trung gian là cảm xúc tiêu cực (NA) và cạn kiệt cảm xúc (EE) của các nhân viên phục vụ tuyến đầu trong ngành khách sạn. Nghiên cứu chính thức được tiến hành thông qua khảo sát nhân viên lễ tân tại các khách sạn ở thị trường Việt Nam. Kết quả cho thấy cả 3 yếu tố gây căng thẳng tại nơi làm việc có tác động cùng chiều lên cảm xúc tiêu cực, đồng thời cảm xúc tiêu cực cũng có tác động cùng chiều đến cạn kiệt cảm xúc, cuối cùng cạn kiệt cảm xúc có tác động tiêu cực đến định hướng khách hàng. Dựa trên các kết quả này, tác giả đã nêu lên các hàm ý quản trị trong lĩnh vực khách sạn và các hướng nghiên cứu trong tương lai.

**Từ khoá**: Căng thẳng nơi làm việc, cảm xúc tiêu cực, cạn kiệt cảm xúc, định hướng khách hàng, khách sạn

**384. Tác động của cấu trúc sở hữu đến mức độ rủi ro của các ngân hàng thương mại Việt Nam/** Phạm Quốc Việt, Nguyễn Dân An// Tài chính.- 2020 .- Số 740 .- Tr. 85 – 88.

**Nội dung:** Đánh giá tác động của cấu trúc sở hữu đến mức độ rủi ro của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Với mẫu nghiên cứu gồm 23 ngân hàng thương mại trong giai đoạn 2010 – 2019, nhóm tác giả tìm thấy bằng chứng về mối quan hệ giữa tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn nhà nước, nước ngoài và tư nhân trong nước đến tỷ lệ nợ xấu, rủi ro tín dụng và rủi ro vỡ nợ của các ngân hàng.

**Từ khóa:** Rủi ro tín dụng, rủi ro vỡ nợ, cấu trúc sở hữu, ngân hàng

**385. Tác động của cấu trúc sở hữu đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Thanh Phong, Nguyễn Quang Tuân// Tài chính .- 2019 .- Số 717 .- Tr. 48 – 52.

**Nội dung**: Thông qua khảo sát dữ liệu của 30 ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2002-2017, bài viết phân tích tác động của cấu trúc sở hữu đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng, từ đó đưa ra một số gợi ý nhằm góp phần làm cơ sở cho việc thực hiện tái cấu trúc ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa**: Ngân hàng thương mại Việt Nam, Hệ thống ngân hàng, Nhà quản trị, Cấu trúc sở hữu

**386. Tác động của chất lượng dịch vụ khuyến nông tới sự hài lòng của nông dân : nghiên cứu ở vùng đồng bằng Sông Hồng**/ Nguyễn Thị Thanh// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 282 .- Tr. 84-93.

**Nội dung**: Bài báo nghiên cứu tác động của các yếu tố chất lượng dịch vụ khuyến nông tới sự hài lòng của nông dân vùng đồng bằng sông Hồng. Để thực hiện điều này, nghiên cứu sử dụng mô hình chất lượng dịch vụ Servqual và mở rộng một số tiêu chí phù hợp với lĩnh vực dịch vụ công trong nông nghiệp. Kiểm định độ tin cậy của thang đo, phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích tương quan và hồi quy đa biến được áp dụng để kiểm định giả thuyết nghiên cứu. Dữ liệu được thu thập thông qua khảo sát tại 3 tỉnh đại diện của vùng là Hà Nội, Hà Nam và Thái Bình, đạt 283 phiếu. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 3 yếu tố (1) năng lực và thái độ phục vụ của cán bộ, (2) tính trách nhiệm của đơn vị triển khai và (3) tính minh bạch và giải trình của hoạt động cung ứng, có ảnh hưởng tích cực lên sự hài lòng của nông dân về dịch vụ khuyến nông trên địa bàn nguyên cứu.

**Từ khoá**: Chất lượng dịch vụ, sự hài lòng của nông dân, khuyến nông, dịch vụ nông nghiệp

**387. Tác động của công nghệ thông tin tới hiệu quả hoạt động của các hãng kiểm toán tại Việt Nam**/ Nguyễn Vũ Việt, Vũ Thị Phương Liên// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 207 .- Tr. 11-13.

**Nội dung**: Trình bày những thay đổi về ông nghệ thông tin trong hoạt động của công tyn kiểm toán độc lập; phân cứng máy tính và phần mềm kiểm toán; kết luận.

**Từ khoá**: Kiểm toán độc lập, hiệu quả hoạt động, phân tích dữ liệu, công nghệ thông tin

**388. Tác động của đại dịch Covid-19 đến cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp may mặc ở Việt Nam**/Bùi Thu Hà/ Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.103 - 105.

**Nội dung:** Bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động đến gần như tất cả các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Để đánh giá tình hình cơ cấu nguồn vốn của các doanh nghiệp may mặc ở Việt Nam trước và sau khi xuất hiện dịch Covid-19, tác giả chọn ngẫu nhiên gồm 9 doanh nghiệp may. Trong số này có đầy đủ 3 nhóm doanh nghiệp với các quy mô vốn từ nhỏ, trung bình và lớn. do vậy có thể đại diện được cho các doanh nghiệp may mặc ở Việt Nam. Từ việc khảo sát thực trạng ngành Dệt may giai đoạn trước dịch Covid-19, bài viết đã đánh giá tác động của dịch bệnh đối với ngành Dệt may và phân tích về bức tranh chung về hoạt động cơ cấu nguồn vốn của các doanh nghiệp may trước và sau dịch bệnh Covid-19.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp dệt may, cơ cấu nguồn vốn, dịch Covid-19, tổng tài sản.

**389. Tác động của đặc điểm khách hàng đến quyết định gửi tiền của khách hàng cá nhân tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố Vinh**/ Nguyễn Thị Yến, Trần Thị Ngọc Ánh, Võ Đình An // Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 571 (Tháng 08/2020) .- Tr. 28-30.

**Nội dung**: Bài viết phân tích các đặc điểm khách hàng đến quyết định gửi tiền của khách hàng cá nhân tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố Vinh.

**Từ khóa**: tiền gửi ngân hàng, ngân hàng thương mại

**390. Tác động của đặc trưng hội đồng quản trị đến hiệu quả tài chính của các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Chu Thị Thu Thuỷ// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 43-60.

**Nội dung**: Xác định ảnh hưởng của đặc trưng hội đồng quản trị đến hiệu quả tài chính tại các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Nghiên cứu ứng dụng phương pháp hồi quy bảng với sự hỗ trợ của phần mềm Stata 14. Mẫu nghiên cứu được sử dụng gồm 654 công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2016¬–2018. Nghiên cứu đã chứng minh được ảnh hưởng của đặc trưng hội đồng quản trị đến hiệu quả tài chính của các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó: Sự kiêm nhiệm của hội đồng quản trị và quy mô hội đồng quản trị có ảnh hưởng cùng chiều đến hiệu quả tài chính (ROA) tại mức ý nghĩa 5%; số lượng các cuộc họp của hội đồng quản trị và số lượng các thành viên độc lập trong hội đồng quản trị có ảnh hưởng đáng kể và ngược chiều đến hiệu quả tài chính; tuy nhiên, sự đa dạng về giới tính của hội đồng quản trị không có ý nghĩa thống kê tại mức ý nghĩa 5%.

**Từ khoá**: Hội đồng quản trị, công ty cổ phần, thị trường chứng khoán Việt Nam, Hiệu quả tài chính

**391. Tác động của đại dịch Covid-19 đối với thương mại quốc tế và xuất nhập khẩu một số ngành chính của Việt Nam**/ Lê Thu Hằng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 568 .- Tr. 58-60.

**Nội dung**: Phân tích ảnh hưởng đối với 02 ngành quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu là ngành dệt may và sản xuất các thiết bị điện tử tiêu dung.

**Từ khoá**: Dịch Covid-19, thương mại quốc tế, xuất nhập khẩu, Việt Nam

**392. Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tiền lương trong các doanh nghiệp Việt Nam**/ Hồ Đình Bảo, Nguyễn Phúc Hải, Đỗ Quỳnh Anh// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 23 – 32.

**Nội dung:** Nghiên cứu phân tích ảnh hưởng của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới tiền lương tại các doanh nghiệp trong nước, sử dụng dữ liệu điều tra doanh nghiệp Việt Nam trong giai đoạn 2010 – 2018. Kết quả ước lượng cho thấy, đầu tư trực tiếp nước ngoài có tác động làm tăng tiền lương thông qua liên kết ngược và làm giảm tiền lương thông qua liên kết xuôi. Phân tích chính sách lương và lao động của doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài cho thấy, khối doanh nghiệp này có xu hướng trả mức lương cao hơn cho người lao động, tuy nhiên lại ưu tiên sử dụng lao động trẻ tuổi và thời gian gắn bó tương đối ngắn. Điều này gợi ý rằng, vấn đề bền vững của việc làm cần được chú trọng nhiều hơn trong chính sách điều tiết khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài của Việt Nam.

**Từ khóa:** Đầu tư trực tiếp nước ngoài, liên kết ngược, liên kết xuôi, tiền lương, việc làm

**393. Tác động của dịch covid 19 đến kinh tế Việt Nam và vai trò của chính sách tiền tệ**/ Đào Ngọc Dũng// Tài chính .- 2020 .- Số 731.- Tr. 5 – 7.

**Nội dung**: Bài viết khái quát những tác động của dịch covid 19 đến kinh tế Việt Nam và đánh giá vai trò của chính sách tiền tệ, điều hành lãi suất ứng phó của chính phủ trong đại dịch.

**Từ khóa:** Chính sách tiền tệ, vai trò chính sách tiền tệ, lãi suất, dịch covid 19

**394. Tác động của hiệp định EVFTA đến kinh tế Việt Nam và một số giải pháp đề xuất/** Nguyễn Thị Thanh Tâm// Tài chính .- 2020 .- Số 730.- Tr. 57 – 60.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá tác động của EVFTA đến một số lĩnh vực kinh tế, môi trường kinh doanh và đề xuất một số giải pháp khi Việt Nam cạnh tranh trong môi trường hiệp định này.

**Từ khóa:** EVFTA, Việt Nam, liên minh châu Âu, thương mại, đầu tư, hội nhập

**395. Tác động của hội đồng quản trị đến quản trị lợi nhuận của các công ty niêm yết/** Nguyễn Phúc Sinh// Tài chính.- 2020 .- Số 741 .- Tr. 101 – 104.

**Nội dung:** Bài viết đưa ra các nghiên cứu trên thế giới về tác động của hội đồng quản trị đến hành vi quản trị lợi nhuận của các công ty niêm yết.

**Từ khóa:** Hội đồng quản trị, hành vi quản trị lợi nhuận, công ty niêm yết

**396. Tác động của năng lực tài chính tới tăng trưởng bền vững trong doanh nghiệp/** Phạm Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Bảo Hiền// Tài chính.- 2020 .- Số 741 .- Tr. 30 – 33.

**Nội dung:** Bài viết đi sâu phân tích tác động của năng lực tài chính tới tăng trưởng bền vững trong doanh nghiệp trên hai góc độ là năng lực tài chính tổng thể và năng lực tài chính cho tăng trưởng.

**Từ khóa:** Năng lực tài chính, tăng trưởng bền vững, tác động, doanh nghiệp

**397. Tác động của nhận thức rủi ro đến ý định tiếp tục sử dụng ví điện tử**/ Nguyễn Hữu Khôi, Lê Nhật Hạnh// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 277 .- Tr. 91-100.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu và kiểm định mối quan hệ nhân quả giữa các yếu tố thành phần của nhận thức rủi ro, nhận thức tính hữu ích, nhận thức giá trị và sự hài lòng và ý định tiếp tục sử dụng ví điện tử của người tiêu dùng. Nghiên cứu sử dụng mô hình phương trình cấu trúc (SEM) để phân tích mẫu gồm 670 người tiêu dùng đã và đang sử dụng ví điện tử ở thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy ý định tiếp tục sử dụng ví điện tử chịu tác động trực tiếp từ sự hài lòng và gián tiếp từ các yếu tố: nhận thức giá trị, nhận thức hữu ích, rủi ro tài chính, rủi ro riêng tư, rủi ro hiệu quả, rủi ro thời gian. Từ đó, nhóm tác giả đưa ra những khuyến nghị nhằm nâng cao ý định tiếp tục sử dụng ví điện tử của người tiêu dùng.

**Từ khoá**: Nhận thức giá trị, Nhận thức rủi ro, Nhận thức tính hữu ích, Sự hài lòng người tiêu dùng, Ý định tiếp tục sử dụng, Ví điện tử

**398. Tác động của phong cách lãnh đạo phục vụ và hệ thống quản lý nhân sự đến năng lực động**/ Nguyễn Đăng Hạ Huyên, Ngô Quang Huân, Trần Đăng Khoa// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 277 .- Tr. 73-81.

**Nội dung**: Mặc dù lãnh đạo cấp cao đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực động của doanh nghiệp, mối quan hệ giữa phong cách lãnh đạo phục vụ đến năng lực động trực tiếp và gián tiếp thông qua hệ thống quản lý nhân sự ít nhận được sự quan tâm. Kết quả của nghiên cứu này cho thấy phong cách lãnh đạo phục vụ ảnh hưởng dương đến các thành phần của năng lực động bao gồm sự thấu hiểu, sự nắm bắt cơ hội và sự tái cấu trúc. Hơn nữa, hệ thống phát triển nhân sự tập trung vào kỹ năng là trung gian một phần liên kết tác động dương của phong cách lãnh đạo phục vụ đến sự thấu hiểu và sự nắm bắt cơ hội. Thêm vào đó, hệ thống phát triển nhân sự tập trung vào chức năng là trung gian một phần liên kết tác động dương của phong cách lãnh đạo phục vụ đến sự tái cấu trúc.

**Từ khoá**: Hệ thống quản lý nhân sự; năng lực động; phong cách lãnh đạo phục vụ

**399. Tác động của tài nguyên dư thừa tới xuất khẩu của doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam/** Nguyễn Thị Kim Trúc, Nguyễn Thị Thu Vui, Nguyễn Thị Thùy Dung, Đoàn Ngọc Thắng// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 279 .- Tr. 48-57.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu tác động của tài nguyên dư thừa lên xuất khẩu của doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam từ 2011-2015. Tài nguyên dư thừa bao gồm dư thừa tài chính và lao động. Kết quả ước lượng cho thấy dư thừa lao động làm tăng xác suất một doanh nghiệp tham gia xuất khẩu và cường độ xuất khẩu, trong khi dư thừa tài chính làm giảm cường độ xuất khẩu. Tác động tích cực của dư thừa lao động lên xác suất xuất khẩu mạnh hơn khi doanh nghiệp không có hối lộ, quy mô nhỏ và mức cạnh tranh cao. Dư thừa lao động tác động lên cường độ xuất khẩu mạnh hơn đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công, không hối lộ, và không có cạnh tranh ngành. Trong khi đó, dư thừa tài chính có tác động tiêu cực lớn hơn lên cường độ xuất khẩu đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công. Để tăng cường xuất khẩu, các doanh nghiệp Việt Nam cần phải nâng cao năng lực quản trị tài nguyên về tài chính và tăng cường thu hút lao động toàn thời gian.

**Từ khoá**: Tài nguyên dư thừa, xuất khẩu, Việt Nam

**400. Tác động của “tư duy nhiệm kỳ” tới hoạt động lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam**/ Nguyễn Đức Hùng, Nguyễn Thị Thanh Chi// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 576 .- Tr. 37 – 39.

**Nội dung:** “Tư duy nhiệm kỳ” là lối suy nghĩ và hành động sai quy luật, thiếu trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo, quản lý đang đương nhiệm, đã và đang thực sự trở thành căn bệnh ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động lãnh đạo, quản lý và gây bức xúc trong dư luận ở nước ta. Bài viết đã giúp nhận diện “tư duy nhiệm kỳ”, phân tích rõ các tác động tiêu cực của “tư duy nhiệm kỳ” tới hoạt động lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam, từ đó chỉ ra một số giải pháp cơ bản để khắc phục.

**Từ khóa:** Tư duy nhiệm kỳ, lãnh đạo, quản lý

**401. Tác động của việc cắt giảm thuế quan theo cam kết trong CPTPP đến một số ngành sản phẩm : tiếp cận mô hình cân bằng riêng**/ Nguyễn Việt Hùng, Lê Thị Kim Chung// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 281 .- Tr. 13-23.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng mô hình cân bằng riêng để đánh giá tác động của việc cắt giảm thuế quan theo cam kết trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đến các chỉ tiêu phúc lợi của một số ngành sản phẩm của Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc cắt giảm thuế quan theo cam kết trong CPTPP đã ảnh hưởng đến: nguồn thu ngân sách của chính phủ từ thuế bị mất đi 591,5 triệu đô la Mỹ (USD) và phần thiệt hại của doanh nghiệp là 233 triệu USD, đồng thời làm mất đi 15.619 việc làm của các ngành nghiên cứu. Ngược lại, người tiêu dùng được lợi nhất, với tổng thặng dư của người tiêu dùng thu được khoảng 830 triệu USD và cuối cùng lợi ích ròng cho xã hội vẫn dương và bù đắp cho xã hội được gần 6 triệu USD.

**Từ khoá**: CPTPP, giảm thuế quan, phúc lợi, cân bằng riêng

**402. Tác động của yếu tố nhân khẩu học đến việc chấp hành thuế của các hộ kinh doanh tại TP. Hồ Chí Minh**/ ThS. Khúc Đình Nam, ThS. Nguyễn Thị Bình Minh, ThS. Nguyễn Thị Kiều Hạnh// Tài chính Doanh nghiệp .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 12-16.

**Nội dung**: Nghiên cứu xác định các yếu tố nhân khẩu học tác động đến việc chấp hành thuế của các hộ kinh doanh tại TP. Hồ Chí Minh. Dữ liệu nghiên cứu thực nghiệm được thu thập thông qua việc khảo sát 200 hộ kinh doanh cá thể tại địa bàn, nghiên cứu cũng trình bày một số hàm ý nghiên cứu và hướng nghiên cứu tiếp theo.

**Từ khóa**: chấp hành thuế, hộ kinh doanh

**403. Tác động của yếu tố tổ chức đến dự định thực hiện du lịch có trách nhiệm của các doanh nghiệp lữ hành ở Việt Nam**/ Phạm Trương Hoàng, Bùi Nhật Quỳnh// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 277 .- Tr. 82-90.

**Nội dung**: Thuật ngữ du lịch có trách nhiệm ngày càng phổ biến trong lĩnh vực du lịch ở Việt Nam. Tuy vậy, phát triển du lịch có trách nhiệm tại Việt Nam mới chỉ trong giai đoạn ban đầu và còn nhiều rào cản cho việc mở rộng du lịch có trách nhiệm. Các doanh nghiệp du lịch đóng vai trò trung tâm trong thực hiện du lịch trách nhiệm, tuy nhiên những hiểu biết về hiện trạng du lịch có trách nhiệm của các doanh nghiệp đặc biệt là về năng lực, hành động, và những yếu tố thuộc về động cơ thúc đẩy, những rào cản hay những yếu tố ảnh hưởng cũng còn thiếu. Vì vậy, thông qua phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc, nghiên cứu sẽ đánh giá thực trạng thực hiện và tác động của yếu tố tổ chức đến dự định thực hiện du lịch có trách nhiệm của doanh nghiệp lữ hành ở Việt Nam. Kết quả của nghiên cứu đã chỉ ra rằng yếu tố động lực nhóm, chính sách thưởng phạt, và quy mô doanh nghiệp tạo ra ảnh hưởng đến dự định thực hiện du lịch có trách nhiệm.

**Từ khoá**: Du lịch có trách nhiệm, doanh nghiệp lữ hành, động lực nhóm, chính sách thưởng phạt, quy mô doanh nghiệp

**404. Tác động lan tỏa tỷ suất sinh lợi của chứng khoán các nước Đông Nam Á đến Việt Nam**/ Võ Thiên Trang, Bùi Ngọc Mai Phương // Tài chính .- 2019 .- Số 705 .- Tr. 139 – 142.

**Nội dung**: Nghiên cứu này thực hiện đánh giá mức độ tác động của tỷ suất sinh lời của thị trường chứng khoán một số nước ở khu vực Đông Nam Á đến Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2001-2017 với dữ liệu theo tuần. Thông qua các ước lượng kiểm định đồng liên kết Johansen, phân tích hàm phản ứng đẩy, phân rã phương sai và kiểm định nhân quả Granger theo tuần, nghiên cứu cho thấy, thị trường chứng khoán các quốc gia này đều có những ảnh hưởng nhất định đến Việt Nam và có độ trễ từ 3 đến 4 tuần trong giai đoạn nghiên cứu.

**Từ khóa**: Thị trường chứng khoán, Đông Nam Á, tỷ suất sinh lợi

**405. Tài chính cho các trường đại học công lập khi thực hiện cơ chế tự chủ**/ Phạm Văn Trường// Tài chính .- 2019 .- Số 716 .- Tr. 52 – 54.

**Nội dung**: Nhận diện những khó khăn, thách thức trong thực hiện cơ chế tự chủ đối với các trường đại học công lập, ở nước ta bài viết đề xuất một số giải pháp huy động hiệu quả nguồn lực tài chính cho các trường đại học công lập khi thực hiện cơ chế tự chủ.

**Từ khoá**: Tài chính cho giáo dục đại học, Ngân sách nhà nước, Cơ chế tài chính, Nguồn lực tài chính.

**406. Tài sản thương hiệu dựa trên khách hàng: Nghiên cứu trường hợp điển hình về thương hiệu làng nghề gốm truyền thống tại các tỉnh phía Bắc, Việt Nam**/ Vũ Thị Thu Hà// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 43-45.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm kiểm định mối quan hệ của các yếu tố cấu thành tài sản thương hiệu lên tài sản thương hiệu tổng thể, với trường hợp cụ thể là thương hiệu làng nghề gốm truyền thống tại các tỉnh phía Bắc, Việt Nam.

**Từ khoá**: Thương hiệu, làng nghề gốm

**407. Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng ở Nhật Bản nhằm đối phó với khủng hoảng nợ xấu giai đoạn 1990-2005 và hàm ý cho Việt Nam**/ Phan Thị Thu Hiền// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 567 .- Tr. 40-42.

**Nội dung**: Bài viết phân tích thực trạng, nguyên nhân và giải pháp Nhật Bản đối phó với cuộc khủng hoảng nợ xấu giai đoạn từ 1990 đến 2005 dưới góc nhìn về tái cơ cấu hệ thống ngân hàng mà trọng tâm là các ngân hàng thương mại của Nhật Bản, từ đó đưa ra một số hàm ý về các giải pháo trong quá trình tái cơ cấu nhằm lành mạnh hơn hoạt động hệ thống NHTM Việt Nam hiện nay.

**Từ khoá**: Ngân hàng, Khủng hoảng, Nợ xấu, Tái cấu trúc, Giai đoạn 1990-2005, Nhật Bản

**408. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp huy động vốn qua thị trường trái phiếu/** Võ Lê Phương // Tài chính.- 2020 .- Số 739 .- Tr. 16 – 18.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá thị trường trái phiếu doanh nghiệp trong giai đoạn 2012 – 2019 từ đó đề xuất giải pháp phát triển thị trường trái phiếu ổn định, bền vững trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Thị trường trái phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, doanh nghiệp, thị trường vốn, tín dụng ngân hàng

**409. Tăng cường khả năng tiếp cận vốn ngân hàng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại TP. Huế**/ Nguyễn Hồ Phương Thảo, Phạm Thị Hồng Quyên, Lê Hoàng Anh, Phạm Thị Thanh Xuân // Tài chính .- 2019 .- Số 711 .- Tr. 62 – 65.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được tiến hành nhằm tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến việc ra quyết định cho vay của ngân hàng đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại TP. Huế trên góc độ ngân hàng cho vay. Kết quả nghiên cứu cũng góp phần lý giải các rào cản chính của các ngân hàng khi ra quyết định cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Từ khoá**: Vốn ngân hàng, khơi thông dòng vốn, doanh nghiệp, kinh doanh

**410. Tăng cường liên kết vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài**/ Trần Thị Phương Mai// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 30 – 33.

**Nội dung**: Đề xuất các giải pháp để tăng cường liên kết vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ nhằm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thời gian tới. Thông qua số liệu điều tra và phân tích các nhân tố tác động ảnh hưởng đến liên kết vùng trong thu hút FDI, bài viết sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) để đánh giá tình hình liên kết vùng trong thu hút vốn FDI vào vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

**Từ khoá**: Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Đầu tư nước ngoài, Liên kết vùng

**411. Tăng trưởng xanh tại Việt Nam và những** vấn **đề đặt ra**/ Nguyễn Thị Thanh Tâm// Tài chính .- 2019 .- Số 705 .- Tr. 15 – 17.

**Nội dung**: Được triển khai tại Việt Nam từ nhiều năm nay, hoạt động tăng trưởng xanh đã đạt được những kết quả tích cực ban đầu, nhưng cũng đặt ra một số thách thức trong thực tiễn. Bài viết phân tích đánh giá tổng quan về thực hiện tăng trưởng xanh tại Việt Nam và những vấn đề đặt ra cần giải quyết.

**Từ khoá**: Tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, kinh tế, xã hội

**412. Tăng cường các chương trình hợp tác kiểm soát chung nhằm nâng cao hiệu quả trong phòng, chống buôn lậu của cơ quan Hải Quan**/ Phạm Thị Thu Hương// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 208 .- Tr. 59-63.

**Nội dung**: Đánh giá lại những kết quả đã đạt được trong triển khai các chương trình kiểm soát chung của cơ quan Hải quan, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác phòng chống buôn lậu của cơ quan Hải quan thông qua việc tham gia các chương trình kiểm soát chung.

**Từ khoá**: Hợp tác quốc tế, phòng chống buôn lậu, kiểm soát chung, nâng cao hiệu quả

**413. Tăng cường hoạt động kiểm soát trong kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp xây dựng công trình giao thông/** ThS. Đỗ Thị Huyền// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 183-186.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng hoạt động kiểm soát của doanh nghiệp xây dựng công trình giao thông và đề xuất giải pháp tăng cường hoạt động kiểm soát trong kiểm soát nội bộ tại doanh nghiệp xây dựng công trình giao thông.

**Từ khóa**: Hoạt động kiểm soát, kiểm soát nội bộ, doanh nghiệp xây dựng công trình giao thông

**414. Thách thức của các FTA thế hệ mới đối với cán cân thương mại của Việt Nam**/ Nguyễn Thị Giang// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 565 (Tháng 05/2020) .- Tr. 19-21.

**Nội dung**: Bài viết làm rõ những thách thức đặt ra cho cán cân Thương mại hàng hoá Việt Nam trong bối cảnh thực thi các cam kết của FTA thế hệ mới.

**Từ khoá**: FTA, cán cân thương mại, hàng hoá Việt Nam

**415. Thách thức đối với nguồn nhân lực du lịch trong bối cảnh hội nhập quốc tế**/ Bùi Minh Quỳnh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 568 .- Tr. 44-45.

**Nội dung**: Hội nhập quốc tế và những thách thức đối với nguồn nhân lực du lịch; một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực du lịch trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

**Từ khoá**: Nguồn nhân lực du lịch, hội nhập quốc tế

**416. Thái độ đối với rủi ro của nông hộ sản xuất bắp lai ở đồng bằng sông Cửu Long**/ Lê Văn Dễ, Phạm Lê Thông// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 278 .- Tr. 83-91.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm đo lường và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ đối với rủi ro của nông hộ trồng bắp lai ở đồng bằng sông Cửu Long, sử dụng phương pháp thực nghiệm của Eckel & Grossman (2002). Thái độ đối với rủi ro được đo lường bởi trò chơi lựa chọn rủi ro có phần thưởng thật sự. Hệ số e ngại rủi ro trong trò chơi được xác định dựa vào hàm hữu dụng với giả định rủi ro từng phần không đổi (CPRA). Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thu thập được từ một cuộc khảo sát 240 nông hộ trồng bắp ở đồng bằng sông Cửu Long. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 44,17% nông dân có thái độ cực kỳ sợ rủi ro; 23,75% có thái độ rất sợ; 12,92% có thái độ sợ ở mức trung bình; 5,42% có thái độ tương đối sợ; 2,08% có thái độ ít đến trung dung với rủi ro và 11,66% có thái độ ưa thích đối với rủi ro. Kết quả ước lượng mô hình Ordered logit cho thấy học vấn, sự tham gia đoàn thể, kinh nghiệm sản xuất, tham gia tập huấn sản xuất của nông dân và sự đa dạng hóa thu nhập là các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến thái độ đối với rủi ro của nông hộ.

**Từ khoá**: Bắp lai, đồng bằng sông Cửu Long, phương pháp thực nghiệm, thái độ đối với rủi ro

**417. Thái độ đối với rủi ro và thu nhập của nông hộ Đồng bằng Sông Cửu Long**/ Nguyễn Tuấn Kiệt, Trịnh Công Đức, Đoàn Phương Quyên, Trương Thuỷ Tiên// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 279 .- Tr.65-73.

**Nội dung**: Đo lường thái độ đối với rủi ro của nông hộ và xác định mối quan hệ giữa thái độ đối với rủi ro và thu nhập của nông hộ ở Đồng bằng Sông Cửu Long. Đây là nghiên cứu tiên phong ở Việt Nam sử dụng phương pháp thí nghiệm thực địa thông qua việc cải tiến thang đo danh mục giá (Multiple price list). Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát và làm thí nghiệm với 470 nông dân. Kết quả phân tích dữ liệu cho thấy (1) nông hộ có thái độ sợ rủi ro rất cao, và (2) tìm thấy mối quan hệ thuận chiều giữa thái độ đối với rủi ro của nông hộ và thu nhập của họ.

**Từ khoá**: Nông hộ, thu nhập, Đồng bằng Sông Cửu Long, thái độ đối với rủi ro

**418. Thành công trong điều hành tỷ giá và quản lý ngoại hối năm 2019**/ TS. Lương Văn Hải// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 540+541 .- Tr. 32-35.

**Nội dung**: Với sự chỉ đạo của Chính phủ, ngân hàng nhà nước đã điều hành linh hoạt và chủ động CSTT kết hợp với các chính sách vĩ mô khác và đạt được nhiều thành công quan trọng. Bài viết tập trung phân tích những thành công trong điều hành tỷ giá và quản lý ngoại hối của NHNN trong năm 2019.

**Từ khoá**: tỷ giá, ngoại hối, đô la hoá, kinh tế

**419. Thành phố thông minh: xu hướng tất yếu đảm bảo cho phát triển bền vững và một số đề xuất đối với Việt Nam**/ Nguyễn Mạnh Dũng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 567 .- Tr. 19-21.

**Nội dung**: Dưới tác động của cách mạng công nghiệp 4.0, các quốc gia đã triển khai việc xây dựng thành phố thông minh với ứng dụng các thành tựu công nghệ nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của người và bảo vệ môi trường. Bài báo đã trình bày thực tiễn xây dựng thành phố thông minh trên thế giới và những kết quả đạt được đã chứng minh xu thế này đáp ứng yêu cầu phát triển của các quốc gia trước những thách thức của quá trình đô thị hóa nhanh chóng hiện nay.

**Từ khoá**: Thành phố thông minh, Tính tất yếu, Phát triển bền vững, Cách mạng công nghiệp 4.0, Việt Nam

**420. Thanh toán không dùng tiền mặt tại Vệt Nam: Thực trạng và giải pháp**/ Lê Thị Thanh// Tài chính .- 2020 .- Số 730.- Tr. 47 – 50.

**Nội dung**: Bài viết khái quát lại một số kết quả và hạn chế trong quá trình triển khai các hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt thời gian qua, đề xuất một số giải pháp cho thời gian tới.

**Từ khóa:** Thanh toán không dùng tiền mặt, tỷ lệ tiền mặt, chỉ thị số 22/CT-TTg

**421. Tháo gỡ rào cản cho doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước**/ TS. Nguyễn Cảnh Hiệp// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2020 .- Số 540+541 .- Tr. 50-55.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu những rào cản đối với doanh nghiệp trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, chỉ ra những rào cản chủ yếu mà doanh nghiệp vay vốn phải đối mặt liên quan đến thủ tục vay vốn, tài sản đảm bảo tiền vay và lãi suất cho vay. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm khuyến khích doanh nghiệp sử dụng nguồn vốn tín dụng của nhà nước để thực hiện các dự án đầu tư.

**Từ khoá**: tiếp cận vốn, tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước

**422. Thay đổi : phương thức tồn tại của doanh nghiệp trong bối cảnh hiện nay**/ Nguyễn Thị Khuyên// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 572 .- Tr. 56-58.

**Nội dung**: Trong bối cảnh thế giới biến động nhanh chóng, các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp nếu không thay đổi và có chiến lược quản lý sự thay đổi sẽ đứng trước nguy cơ đổ vỡ. Bài viết tập trung làm rõ bản chất và sự cần thiết của sự thay đổi của doanh nghiệp trong bối cánh hiện nay.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp, Chiến lược, Tồn tại, Thay đổi, Phương thức

**423. Thị trường chứng khoán Việt Nam 2019 và những vấn đề đặt ra năm 2020**/ Nguyễn Sơn// Tài chính .- 2020 .- Số 720+721 Tháng 1 .- Tr. 69-73.

**Nội dung**: Phân tích các nhân tố tác động tích cực đến thị trường trong thời gian tới, có thể đưa ra nhận định, năm 2020, thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ tiếp tục xu hướng phát triển theo hướng bền vững và từng bước trở thành kênh huy động vốn chủ lực cho nền kinh tế trong dài hạn.

**Từ khóa**: Thị trường chứng khoán, kinh tế, thương mại, thị trường tài chính

**424. Thị trường lao động khu vực nông thôn trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0**/ Đào Ngọc Anh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 570 (Tháng 08/2020) .- Tr. 34-36.

**Nội dung**: Bài viết phân tích khái quát về thị trường lao động khu vực nông thôn ở nước ta hiện nay; làm rõ những đặc trưng cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và những tác động cơ bản của cuộc cách mạng này đối với thị trường lao động ở khu vực nông thôn Việt Nam.

**Từ khóa**: thị trường lao động, nông thôn, công nghiệp 4.0

**425. Thu hút nguồn lực đẩy mạnh chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần**/ Đỗ Phú Hải// Tài chính .- 2019 .- Số 716 .- Tr. 33 – 36.

**Nội dung**: Để nâng cao chất lượng dịch vụ công, trong đó có giải pháp chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành các doanh nghiệp cổ phần. Bài viết đánh giá các giải pháp thu hút nguồn lực đẩy mạnh chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

**Từ khoá**: Dịch vụ công, Đơn vị sự nghiệp công, Doanh nghiệp cổ phần

**426. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế tại tỉnh Thanh Hóa**/ Nguyễn Thị Nga // Tài chính .- 2019 .- Số 705 .- Tr. 153 – 155.

**Nội dung**: Phân tích những lợi thế và bất lợi về điều kiện kinh tế - xã hội, bài viết đưa ra một số giải pháp nhằm tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào các khu công nghiệp, khu kinh tế tỉnh Thanh Hóa.

**Từ khóa**: Khu công nghiệp, khu kinh tế, vốn đầu tư, FDI, Thanh Hóa

**427. Thúc đẩy chiến lược tăng trưởng xanh trong cách mạng công nghiệp 4.0/** ThS. Lê Xuân Tú// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 21-23.

**Nội dung:** Tăng trưởng xanh – nhân tố quan trọng của phát triển bền vững; Thúc đẩy Tăng trưởng xanh trong Cách mạng Công nghiệp 4.0; Giải pháp thúc đẩy thực hiện Chiến lược Tăng trưởng xanh ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Tăng trưởng xanh, Cách mạng Công nghiệp 4.0

**428. Thúc đẩy chuyển dịch đất nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững**/ Nguyễn Thị Ngọc Loan// Tài chính .- 2019 .- Số 717 .- Tr. 38 – 40.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu về tác động của chuyển dịch đất nông nghiệp đến tăng trưởng và phát triển kinh tế, qua đó gợi mở một số vấn đề nhằm thúc đẩy chuyển dịch đất đai, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

**Từ khóa**: Chuyển dịch đất đai, Cơ cấu kinh tế, Nông nghiệp, Công nghiệp

**429. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp FDI Việt Nam**/ Đàm Thị Thu Hương// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 207 .- Tr. 53-55.

**Nội dung**: Một số vấn đề về đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp FDI Việt Nam; đánh giá sự đổi mới tại các doanh nghiệp FDI ở Việt Nam; giải pháp thúc đẩy đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp FDI, công nghệ

**430. Thúc đẩy hoạt động tiếp thị số tại các cơ sở giáo dục đại học công lập Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thái Thuỷ// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 198 – 200.

**Nội dung**: Khái quát tổng quan về digital marketing, bài viết phân tích tình hình hoạt động tiếp thị số trong ngành Giáo dục Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp thúc đẩy hoạt động này tại các cơ sở giáo dục đại học công lập Việt Nam.

**Từ khoá**: Digital marketing, cơ sở giáo dục, đại học công lập, công nghệ 4.0

**431. Thúc đẩy tiến trình thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam/**Phạm Thị Vân Anh/ Tài chính.- 2020 .- Số 732.- Tr.18 – 22.

**Nội dung:** Thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước là một trong những phương thức để thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước. Đây là chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong phát triển kinh tế - xã hội và là một trong ba trụ cột của quá trình tái cơ cấu nền kinh tế nhằm sắp xếp lại, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước. Dù đã đạt được những kết quả nhất định, song nhìn chung tiến độ toái vốn tại các doanh nghiệp nhà nước còn chậm, cần nhiều giải pháp tích cực, đồng bộ để tháo gỡ vướng mắc.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp nhà nước, tái cơ cấu, cổ phần hoá, thoái vốn.

**432. Thúc đẩy xuất khẩu rau quả Việt Nam sang thị trường EU: Nhìn từ quy định SPS**/ Trần Ngọc Tú // Tài chính .- 2019 .- Số 705 .- Tr. 40 – 42.

**Nội dung**: Liên minh Châu Âu là thị trường tiềm năng xuất khẩu rau quả Việt Nam, đây là thị trường khó tính, yêu cầu về chất lượng, tiêu chuẩn vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch thực vật (SPS) đặt ra rất cao. Tìm hiểu về quy định này và mức độ đáp ứng quy đinh SPS của rau quả Việt Nam, bài viết đề xuất giải pháp, góp phần thúc đẩy xuất khẩu rau quả Việt Nam sang Liên minh Châu Âu hiệu quả.

**Từ khóa**: Xuất khẩu, rau quả, SPS, Liên Minh Châu Âu

**433. Thực trạng bảo hiểm xã hội với phát triển kinh tế nhân văn ở Việt Nam hiện nay**/ Phạm Thị Hoàng Phương// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 209 .- Tr. 14-18.

**Nội dung**: Tập trung vào 2 vấn đề: thực trạng chính sách BHXH ở Việt Nam và thực trạng đối tượng sử dụng dịch vụ BHXH ở Việt Nam trong giai đoạn 2011-2019.

**Từ khoá**: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm xã hội tự nguyện, người lao động, bảo hiểm xã hội bắt buộc

**434. Thực trạng công tác phân tích trong quản lý giá thành tại các doanh nghiệp sản xuất**/ Đinh Thị Thu Hiền, Lê Thị Huyền Trâm// Tài chính .- 2020 .- Số 730.- Tr. 81 – 84.

**Nội dung:** Bài viết đề cập đến nhận thức về tầm quan trọng của giá thành, các nội dung phân tích giá thành và đưa ra một số góp ý cho doanh nghiệp nhằm gia tăng hiệu quả trong quản lý giá thành.

**Từ khóa:** Giá thành, phân tích giá thành, doanh nghiệp, kinh doanh

**435. Thực trạng đầu tư của khu vực tư nhân theo hình thức đối tác công tư trong lĩnh vực hạ tầng giao thông đường bộ tại Việt Nam**/ Trần Văn Thế// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 571 (Tháng 08/2020) .- Tr. 84-86.

**Nội dung**: Bài báo đánh giá thực trạng tình hình đầu tư tư nhân trong lĩnh vực hạ tầng giao thông đường bộ Việt Nam theo hình thức PPP tại Việt Nam. Phân tích thực trạng của những yếu tố ảnh hưởng đến đầu tư tư nhân vào lĩnh vực đường bộ theo hình thức PPP.  
**Từ khóa**: đầu tư, đầu tư tư nhân, hạ tầng giao thông, giao thông đường bộ

**436. Thực trạng hoạt động của doanh nghiệp khởi nghiệp và một số kiến nghị**/ Vũ Thị Vân, Vũ Hải Thúy// Tài chính .- 2020 .- Số 731.- Tr. 49 – 51.

**Nội dung:** Bài viết phân tích thực trạng khởi nghiệp tại Việt Nam và gợi mở một số giải pháp đề xuất nhằm phát huy tinh thần khởi nghiệp thành công.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, kinh doanh, huy động vốn

**437. Thực trạng hoạt động ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp tại Việt Nam**/ Hoàng Xuân Bình, Đặng Vương Bảo// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 60-62.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu thực trạng ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, thông qua phân tích dữ liệu từ cuộc điều tra doanh nghiệp về tình hình sử dụng công nghệ vào sản xuất trong ngành chế biến, chế tạo. Bài viết đã đưa ra được một số đánh giá về thực trạng ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp  
**Từ khoá**: ứng dụng công nghệ, doanh nghiệp Việt Nam, đổi mới, sang tạo

**438. Thực trạng năng suất chất lượng nông sản Việt Nam**/ Trần Phương Mai// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 564 (Tháng 05/2020) .- Tr. 07-09.

**Nội dung**: Bài viết đề cập đến một số thực trạng trong sản xuất, kinh doanh nông sản Việt Nam và đưa ra một số giải pháp tương ứng nhằm gia tăng năng suất, chất lượng đáp ứng nhu cầu của thị trường, mang lại lợi ích cho các bên có liên quan.

**Từ khoá**: nông sản Việt Nam, năng suất, chất lượng sản phẩm

**439. Thực trạng nhân lực ở Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay**/ Nguyễn Hoàng Thanh Lam// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 574 (Tháng 10/2020) .- Tr. 105-107.

**Nội dung**: Tình hình nhân lực ở thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay; Một số gợi ý giải pháp phát triển nhân lực ở thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khoá**: Nhân lực, TP. Hồ Chí Minh, phát triển nhân lực

**440. Thực trạng phát triển thị trường bất động sản Việt Nam và một số khuyến nghị**/ Lê Hoài Nam // Tài chính .- 2019 .- Số 705 .- Tr. 18 – 20.

**Nội dung**: Thị trường bất động sản Việt Nam dần đi vào quỹ đạo ổn định, phát triển đồng đều trên mọi phân khúc, tuy nhiên vẫn tồn tại những khó khăn nhất định. Nghiên cứu các tiêu chí phát triển bền vững, bài viết đề xuất một số khuyến nghị nhằm góp phần phát triển bền vững thị trường bất động sản Việt Nam.

**Từ khoá**: Thị trường bất động sản, phát triển bền vững, tài nguyên đất

**441. Thực trạng quản lý rủi ro trong quản lý thuế : những vướng mắc và một số giải pháp**/ Đàm Thị Thu Hương// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 207 .- Tr. 53-55.

**Nội dung**: Bài viết tìm hiểu thực trạng quản lý rủi ro trong quản lý thuế hiện nay và đề xuất một số giải pháp.

**Từ khoá**: Quản lý rủi ro, quản lý thuế

**442. Thực trạng và giải pháp cải cách hành chính ở Việt Nam**/ Lưu Phước Vẹn, Trần Công Dũ// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 11 – 15.

**Nội dung**: Nhóm tác giả trình bày cơ sở lý thuyết về cải cách hành chính, nội dung cải cách hành chính, kết quả đạt được, đánh giá những ưu điểm, chỉ ra những tồn tại, rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất phương hướng cải cách hành chính ở Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Cải cách hành chính, thể chế, Tổ chức bộ máy

**443. Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, đào tạo thực tế cho sinh viên tại Trường Đại học Kinh tế Nghệ An/** Nguyễn Thị An, Phan Thị Thu Hiền// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 572 .- Tr. 101-102.

**Nội dung**: Mặc dù trong giai đoạn nhiều khó khăn, song trường Đại học Kinh tế Nghệ An vẫn là một địa chỉ đào tạo đáng tin cậy cho nguời học: Thương hiệu mang tên trương Đại học Kinh tế Nghệ An vẫn tiếp tục được khẳng định. Trường Đại học kinh tế Nghệ An đâ trở thành nơi tạo dựng tương lai đáng tin cậy cho rất nhiều thế hệ trẻ. Để xây dựng và phát triền thương hiệu ngày càng vững mạnh. Trường Đại học Kinh tế Nghệ An luôn luôn coi trọng và đề cao việc nâng cao chất lượng đào tạo. đào tạo thực tế cho sinh viên.

**Từ khoá**: Trường đại học, Sinh viên, Đào tạo, Chất lượng, Hiện trạng, Biện pháp

**444. Thực trạng và giải pháp cho vay lại vốn ODA/** Nguyễn Anh Tuấn// Tài chính.- 2020 .- Số 740 .- Tr. 57 – 59.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu thực trạng cho vay lại vốn ODA; những tác động tiêu cực, rủi ro có thể xảy ra trong quá trình sử dụng vốn ODA ở Việt Nam, trên cơ sở đó bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao năng lực quản lý hoạt đông cho vay lại vốn ODA tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Cho vay lại ODA, quản lý, chính quyền địa phương

**445. Thực trạng và một số giải pháp tạo việc làm cho lao động nông thôn tỉnh Thái Bình trong giai đoạn hiện nay**/ Phí Thị Nguyệt, Vũ Đức Oai// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 31-33.

**Nội dung**: Bài viết phân tích thực trạng hoạt động tạo việc làm cho lao động nông thôn tỉnh Thái Bình, từ đó đưa ra một số giải pháp thúc đẩy sự chuyến dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá.

**Từ khoá**: tạo việc làm, lao động nông thôn, cơ cấu kinh tế

**446. Thực trạng và nguồn tài trợ đối với dự án năng lượng tái tạo ở Việt Nam/** Trần Thế Nữ, Đặng Hương Giang// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 572 .- Tr. 7-9.

**Nội dung**: Năng lượng tái tạo (NLTT) đang nổi lên như một trong những lĩnh vực được ưu tiên nhất cho đầu tư ở Việt Nam. Mặc dù nhìn nhận có tiềm năng lớn, nhưng việc phát triển các nguồn NLTT trong thời gian qua đối mặt với nhiều bất cập và thách thức, như chi phí đầu tư còn cao, số giờ vận hành nguồn điện thấp, cơ sở hạ tầng lưới điện một số khu vực nhiều tiềm năng về NLTT chưa sẵn sàng để giải phóng công suất... Ngoài ra, còn một bất cập lớn có ý nghĩa quyết định đến các dự án NLTT — nguồn vốn tài trợ cho dự án, bài viết này thông qua tìm hiếu thực trạng nguồn tài trợ, đánh giá các vướng mắc từ đó đề xuất các giải pháp nhằm phát triển nguồn tài trợ dành cho các dự án NLTT.

**Từ khoá**: Năng lượng tái tạo, Dự án, Nguồn tài trợ, Hiện trạng

**447. Thực trạng và giải pháp phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam/ Ngô Mai Phương//** Tài chính.- 2020 .- Số 739 .- Tr. 19 – 22.

**Nội dung:** Bài viết này tập trung phân tích thực trạng và đề xuất một số khuyến nghị chính sách nhằm phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Ngân hàng xanh, chính sách, tăng trưởng xanh, tài chính xanh

**448. Thực trạng và giải pháp phát triển tài chính toàn diện ở Việt Nam/** Nguyễn Duy Linh, Trần Nguyên Sa// Tài chính.- 2020 .- Số 741 .- Tr. 27 – 29.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá thực trạng tài chính toàn diện ở Việt Nam đồng thời đề xuất một số khuyến nghị để thúc đẩy phát triển tài chính toàn diện trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Tài chính toàn diện, phát triển bền vững, tài chính, dịch vụ tài chính

**449. Thực trạng và giải pháp thu hút kiều hối về Việt Nam**/ Vũ Thùy Linh/ Tài chính .- 2020 .- Số 737 .- Tr. 35 – 38.

**Nội dung:** Bài viết phân tích thực trạng và lý giải nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm này, từ đó đề xuất giải pháp nhằm khắc phục xu hướng sụt giảm kiều hối về Việt Nam hiện nay.  
**Từ khóa:** Kiều hối, covid – 19, người lao động, ngoại hối, chuyển tiền

**450. Thực trạng xây dựng chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ, công chức ngành tài chính và một số đề xuất/** Bùi Minh Chuyên// Tài chính.- 2020 .- Số 740 .- Tr. 71 – 73.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá thực trạng xây dựng chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ, công chức ngành tài chính trong những năm qua, từ đó đề xuất một số giải pháp cho giai đoạn tới.

**Từ khóa:** Ngành tài chính, cán bộ, công chức, cách mạng công nghiệp 4.0

**451. Thực trạng, kinh nghiệm và giải pháp thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ và vừa vượt qua đại dịch Covid-19**/ Thái Thị Thái Nguyên, Vũ Thị Quỳnh Chi// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 572 .- Tr. 75-76.

**Nội dung**: Cùng chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid 19 đến nền kinh tế của các cường quốc kinh tế nói chung và Việt Nam nói riêng. Trong đó, các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DN NW) gánh chịu những thiệt hại và áp lực của khủng hoảng kinh tế trước và sau đại dịch. Cùng vói đó, còn ảnh hưởng đến tổng mức bán lẻ hàng hóa. doanh thu dịch vụ tiêu dùng với con số hiện hữu xuất hiện lần đầu tiên sau nhiều thập kỷ là số lượng DN rút khỏi thị trường lớn hơn số lượng DN đăng ký thành lập mới. Do vậy, bài viết qua việc tìm hiểu thực trạng các DN NW hiện nay, nghiên cứu kinh nghiêm của một số quốc gia bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh để đưa ra các giải pháp ứng phó phù hợp. Từ đó, giúp các DN NW có thể tùng bước duy trì, phát triển ổn định vuợt qua đại dịch.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Covid-19, Tác động, Hiện trạng, Biện pháp

**452. Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ở Việt Nam: Thực tiễn và giải pháp/** Đinh Thị Nga// Tài chính.- 2020 .- Số 740 .- Tr. 22 – 26.

**Nội dung: T**huế xuất khẩu, thuế nhập khẩu là loại thuế gián thu đánh vào hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu. Pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của Việt Nam đã được điều chỉnh nhiều lần cho phù hợp với thực tiễn phát triển, đặc biệt là quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Tuy nhiên, quá trình thực hiện chính sách thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu cho thấy một số tồn tại, hạn chế cần được khắc phục để tăng cường hiệu lực, hiệu quả.

**Từ khóa:** Thuế xuất khẩu, nhập khẩu, chính sách thuế

**453. Thước đo chất lượng thể chế quản trị địa phương cấp tỉnh của Việt Nam**/ Đỗ Tuyết Nhung, Lê Quang Cảnh// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 278 .- Tr. 12-22.

**Nội dung:** Sự phát triển các thước đo chất lượng thể chế quản trị địa phương trên thế giới và tại Việt Nam cho thấy tầm quan trọng của vấn đề thể chế, đồng thời cũng trở thành nguồn dữ liệu nghiên cứu của giới học giả từ đầu thế kỷ XXI. Dựa trên tổng quan nghiên cứu về các thước đo chất lượng thể chế quản trị và phương pháp xây dựng chỉ số từ kết quả phân tích nhân tố khám phá, nghiên cứu này đề xuất một thước đo chất lượng thể chế quản trị địa phương từ hai nguồn dữ liệu PAPI và PCI. Thước đo này vừa phù hợp với đặc điểm thu thập số liệu, vừa đảm bảo bao hàm đầy đủ các khía cạnh của thể chế quản trị, từ đó có thể làm cơ sở cho việc tìm hiểu thực trạng và vai trò của thể chế đến các biến số như tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội... tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Địa phương cấp tỉnh, thể chế quản trị, thước đo, Việt Nam

**454. Thương mại trực tuyến và hành vi mua sắm của người tiêu dùng: Xây dựng khung phân tích và giả thuyết nghiên cứu/** Huỳnh Văn Khải// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 568 .- Tr. 34-35.

**Nội dung:** Xây dựng khung phân tích và giả thuyết về mối quan hệ giữa thương mại trực tuyến và hành vi mua sắm của người tiêu dùng; Kiến nghị.

**Từ khoá:** Thương mại trực tuyến, hành vi mua sắm, người tiêu dùng

**455. Tiềm năng xuất khẩu của Việt Nam trong thị trường CPTPP**/ Phan Thanh Hoàn// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 146 .- Tr. 19-30.

**Nội dung:** Phân tích tiềm năng xuất khẩu của Việt Nam trong bối cảnh gia nhập Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Bằng việc tính toán các chỉ số thương mại theo ngành hàng và thị trường, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: CPTPP là thị trường chính của nhiều ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, tuy nhiên mức độ tập trung thương mại chỉ ở một vài thành viên CPTPP như Mỹ, Nhật Bản, Canada. Lợi thế cạnh tranh của các ngành và tăng trưởng xuất khẩu cao cũng chỉ biểu hiện ở một số ngành và thị trường nhất định. Như vậy, Việt Nam có nhiều cơ hội gia tăng xuất khẩu trong khu vực CPTPP. Tuy nhiên, cơ hội này chỉ được tận dụng tối đa khi mà Việt Nam đảm bảo được quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn sản phẩm và nâng cao lợi thế so sánh của các ngành hàng xuất khẩu.

**Từ khoá:** Chỉ số thương mại, tiềm năng, xuất khẩu, Việt Nam, CPTPP

**456 Tiếp xúc đa thị trường và rủi ro tín dụng: Trường hợp các ngân hàng thương mại**/ Hồ Thị Ngọc Tuyền// Tài chính .- 2019 .- Số 716 .- Tr. 55 – 59.

**Nội dung**: Nghiên cứu này xác định tác động của tiếp xúc đa thị trường đến rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại qua việc sử dụng dữ liệu của 28 ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2010-2017 và sử dụng chỉ số NPL và hệ số Z-score. Từ đó, đưa ra các khuyến nghị đối với các nhà quản lý các ngân hàng, gợi ý các chính sách về tiếp xúc đa thị trường tại các ngân hàng hiện nay.

**Từ khoá**: Tiếp xúc đa thị trường, Rủi ro tín dụng, Ngân hàng thương mại, Việt Nam

**457. Tiêu chí đánh giá hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá**/ Trần Đình Thắng// Tài chính .- 2019 .- Số 716 .- Tr. 45 – 48.

**Nội dung**: Việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá có ý nghĩa hết sức quan trọng. Bài viết đánh giá về một số tiêu chí đánh giá hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, đồng thời đưa ra một số đề xuất, kiến nghị trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Quản lý nhà nước, Kinh doanh dịch vụ, Thẩm định giá

**458. Tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước địa phương: thực trạng và giải pháp**/ Phạm Thị Thanh Hương, Trần Thị Phương Thảo// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 574 (Tháng 10/2020) .- Tr. 61-62.

**Nội dung**: Đánh giá cụ thể những mặt đạt được và những vướng ,mắc khó khăn của những tiêu chí định mức để từ đó có những đề xuất chỉnh sửa để những tiêu chí định mức có sự phù hợp trong tình hình mới, giai đoạn phát triển kinh tế mới 2021-2025.

**Từ khoá**: phân bổ ngân sách, ngân sách nhà nước, thực trạng

**459. Tiêu chí và mô hình đề xuất đổi mới hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trong giai đoạn hiện nay/** TS. Đào Ngọc Báu, TS. Dương Thị Thanh Xuyến// Tài nguyên và Môi trường .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 17-19.

**Nội dung:** Trình bày các tiêu chí về mặt chính trị; về mặt tác nghiệp hành chính; về sử dụng các biện pháp phù hợp, khả thi về mặt kinh tế, tài chính và đề xuất mô hình đổi mới hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

**Từ khóa**: Quản lý nhà nước, môi trường, giai đoạn hiện nay

**460. Tiêu dùng xanh ở Việt Nam: thực trạng và giải pháp phát triển**/ Đàm Thị Ngọc Vân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 572 .- Tr. 53-55.

**Nội dung:** Tiêu dùng xanh hiện nay đang được coi là xu hướng tiêu dùng tiến bộ và tiết kiệm, đóng vai trò quan trọng đối với môi trường và xã hội. Việc sử dụng các sản phẩm xanh không chỉ mang lại lợi ích kinh tế cho chính cộng đồng còn góp phần bảo vệ môi trường. Sự xuất hiện của covid-19 đã nhấn mạnh mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên và tiết lộ nguyên lý cơ bản của sự đánh đổi mà chúng ta luôn phải đối mặt: con người có những nhu cầu vô hạn, nhưng khả năng đáp ứng cùa hành tinh lại hữu hạn. Những giới hạn đó được phản ánh trong cách tiêu dùng và sản xuất của chúng ta. Covid-19 có thể được coi là chất xúc tác cho sự thay đổi xã hội, chuyền đổi mô hình sản xuất và tiêu dùng theo hướng bền vững hơn (hay xanh hóa sản xuất và xanh hóa tiêu dùng).

**Từ khoá:** Tiêu dùng xanh, Môi trường, Xã hội, Kinh tế, Khuynh hướng, Hiện trạng, Biện pháp, Phát triển bền vững

**461. Tính khả thi trong áp dụng kế toán quản trị chiến lược trong các doanh nghiệp tại Việt Nam/** Nguyễn Vũ Hải Hà// Tài chính.- 2020 .- Số 741 .- Tr. 70 – 72.

**Nội dung:** Bài viết trao đổi về tính khả thi trong áp dụng kế toán quản trị chiến lược trong các doanh nghiệp tại Việt Nam đồng thời đưa ra một số kiến nghị.

**Từ khóa:** Kế toán quản trị, kế toán quản trị chiến lược, doanh nghiệp

**462. Triển khai áp dụng IFRS: Kinh nghiệm quốc tế và giải pháp cho Việt Nam**/ Trần Thị Hằng// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 577 .- Tr. 16 – 18.

**Nội dung:** Trình bày bài học kinh nghiệm quốc tế và giải pháp cho Việt Nam khi triển khai áp dụng IFRS.

**Từ khóa:** Hội nhập IFRS, kinh nghiệm quốc tế, giải pháp, Việt Nam

**463. Tối ưu chi phí vật liệu sử dụng mô hình chuỗi cung ứng bằng thuật toán chuồn chuồn - PSO/** Phạm Vũ Hồng Sơn, Nguyễn Huỳnh Chí Duy, Phạm Tôn Đạt// Xây dựng .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 51-57.

**Nội dung:** Nghiên cứu sử dụng kết hợp thuật toán chuồn chuồn (DA) và thuật toán PSO với thuật toán sói xám và thuật toán di truyền để kiểm chứng khả năng tìm kiếm ưu việt của thuật toán DA-PSO.

**Từ khóa**: Chuỗi cung ứng vật liệu, thuật toán chuồn chuồn, thuật toán PSO, chi phí vật liệu

**464. Tổng quan lý thuyết về quản trị lợi nhuận và chất lượng lợi nhuận**/Nguyễn Thanh Tú / Tài chính.- 2020 .- Số 732.- Tr.92 - 94.

**Nội dung:** Trên cơ sở tổng quan kết quả một số nghiên cứu, tác giả trình bày một số vấn đề liên quan đến quản trị lợi nhuận và chất lượng lợi nhuận. Đây là một trong những chủ đề được quan tâm nhiều nhất của các nhà nghiên cứu kế toán hiện nay, vì con số lợi nhuận trên báo cáo tài chính là chỉ tiêu quan trọng, được sử dụng để đánh giá hiệu quả hoạt động, quyết định đến giá cổ phiếu của công ty, vì vậy thời gian qua có nhiều lo ngại, sai phạm trọng yếu chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán báo cáo tài chính.

**Từ khoá:** Quản trị lợi nhuận, chất lượng lợi nhuận, chất lượng báo cáo tài chính.

**465. Tổng quan nghiên cứu ảnh hưởng của bao gói đến ý định mua trà xanh đóng chai của người Việt Nam**/ Nguyễn Thị Hạnh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 22-24.

**Nội dung**: Tổng quan các kết quả nghiên cứu liên quan đến mối quan hệ giữa bao gói và ý định mua của người tiêu dùng. Từ đó tìm ra khoảng trống nghiên cứu nhằm gợi ý một số hướng nghiên cứu trong tương lai.

**Từ khoá**: ý định mua hàng, cạnh tranh kinh doanh, hàng tiêu dùng, bao gói,, người tiêu dùng, sản phẩm đóng chai

**466. Tổng quan nghiên cứu về khởi sự kinh doanh**/ Nguyễn Trung Kiên// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 571 (Tháng 08/2020) .- Tr. 40-42.

**Nội dung**: Bài báo nhằm trình bày tổng quan nghiên cứu về khởi sự kinh doanh, các trường phái lý thuyết về khởi sự kinh doanh, và một số mô hình lý thuyết được ứng dụng trong nghiên cứu khởi sự kinh doanh.

**Từ khóa**: kinh doanh, khởi sự

**467. Trách nhiệm bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp khu công nghiệp sông Công I, Thái Nguyên**/ Hoàng Nghiệp Quỳnh, Ngô Thị Minh Ngọc// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 169 – 171.

**Nội dung**: Nghiên cứu về trách nhiệm xã hội và các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nói chung; khảo sát tình hình thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường của doanh nghiệp ở khu công nghiệp sông Công I, bài viết đề xuất một số khuyến nghị nhằm giúp các doanh nghiệp ở khu công nghiệp sông Công I thực hiện hiệu quả trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững.

**Từ khoá**: Khu công nghiệp sông Công I, Thái Nguyên, trách nhiệm xã hội, doanh nghiệp

**468. Trách nhiệm môi trường – một phương diện thiết yếu về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp/** PGS. TS. Nguyễn Hồng Thái// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 125-128.

**Nội dung:** Làm rõ trách nhiệm môi trường với tính cách một phương diện của trách nhiệm xã hội, không đơn thuần là trách nhiệm với giới tự nhiên mà quan trọng con người phải hành động khôn ngoan để không làm tổn hại đến môi trường vì lợi ích của chính con người và các sinh thể khác.

**Từ khóa**: Trách nhiệm xã hội, trách nhiệm môi trường, doanh nghiệp

**469. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp với người lao động và cam kết của người lao động với doanh nghiệp**/ Nguyễn Ngọc Phú// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 131 – 133.

**Nội dung**: Bằng phương pháp nghiên cứu phân tích, tổng hợp, tác giả kế thừa lý thuyết của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước về ảnh hưởng của trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp, từ đó đưa ra mô hình lý thuyết về mối quan hệ trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với người lao động và cam kết của người lao động đối với doanh nghiệp. Các vấn đề về lý luận trong nghiên cứu này được kiểm chứng qua khảo sát thực tế các doanh nghiệp ngành xây dựng, sau đó bổ sung, tạo ra cơ sở lý luận hoàn chỉnh về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ngành xây dựng trong các nghiên cứu tiếp theo.

**Từ khoá**: Trách nhiệm xã hội, Doanh nghiệp, người lao động, cam kết của nhân viên

**470. Trí tuệ văn hóa và kết quả công việc của người lao động : Vai trò của điều chỉnh văn hóa và gắn kết công việc**/ Phan Quốc Tấn, Bùi Thị Thanh// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 03 .- Tr. 61-84.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm kiểm định mối quan hệ giữa trí tuệ văn hóa và kết quả công việc của người lao động qua vai trò trung gian của điều chỉnh văn hóa và gắn kết công việc của người lao động tại các doanh nghiệp FDI trong các khu công nghiệp ở TP. Hồ Chí Minh. Dữ liệu được thu thập từ 307 người lao động đến từ các tỉnh đang làm việc tại các doanh nghiệp FDI trong các khu công nghiệp ở TP. Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy các giả thuyết đều được chấp nhận, trong đó, trí tuệ văn hóa có tác động cùng chiều mạnh đến gắn kết công việc và kết quả công việc; trí tuệ văn hóa tác động không mạnh đến điều chỉnh văn hóa, cũng như điều chỉnh văn hóa tác động yếu đến kết quả công việc; điều chỉnh văn hóa và gắn kết công việc đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa trí tuệ văn hóa với kết quả công việc. Nghiên cứu cũng phát hiện có sự khác biệt giữa nam và nữ, trình độ chuyên môn và thâm niên công tác trong mối quan hệ giữa trí tuệ văn hóa với kết quả công việc; cũng như có sự khác biệt về trình độ chuyên môn và thâm niên công tác trong mối quan hệ giữa gắn kết công việc với kết quả công việc của nhân viên tại các doanh nghiệp FDI trong các khu công nghiệp ở TP. Hồ Chí Minh. Từ kết quả nghiên cứu, một số hàm ý được đề xuất để giúp nhà quản trị của các doanh nghiệp FDI cải thiện chính sách nhân sự nhằm nâng cao trí tuệ văn hóa và gắn kết công việc, từ đó góp phần cải thiện kết quả công việc của nhân viên.

**Từ khoá:** Trí tuệ văn hóa, điều chỉnh văn hóa, gắn kết công việc, kết quả công việc, khu công nghiệp

**471. Triển khai thủ tục hải quan điện tử tại Cục hải quan Cao Bằng** /Lê Văn Hậu/ Tài chính.- 2020 .- Số 732.- Tr.69 – 72.

**Nội dung:** Hiện nay, hải quan điện tử hiện đang thực hiện trên hệ thống thông tin tự động (VNACCS/VCIS) và có tác động mạnh mẽ tới kết quả xử lý tờ khai hải quan, thời gian giải phóng hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp. khảo sát thực tiễn thực hiện chính sách về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất nhập khẩu tại Cục hải quan Cao Bằng, bài viết gợi ý một số giải pháp nhằm giúp Cục hải quan Cao Bằng nâng cao hiệu quả hoạt động này trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Thủ tục hành chính, hải quan điện tử, hàng hoá xuất nhập khẩu.

**472. Truyền thông marketing xuất khẩu lao động của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo CTWELL giai đoạn Covid-19**/ Nguyễn Hoàng Giang, Nguyễn Thị Lộ Vân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 572 .- Tr. 62-65.

**Nội dung**: Thị trường xuất khẩu lao động (XKLĐ) Việt Nam đạt được kết quả khả quan, bốn năm liên tiếp gần đây vượt mức 120.000 lao động/năm. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, thị trường XKLĐ có sự sụt giảm rõ rệt, nguy cơ không đạt chỉ tiêu đề ra năm 2020. Truyền thông marketing (MC) là công cụ rất hữu hiệu trong giao tiếp và tương tác với khách hàng giúp công ty thu hút khách hàng mới và giữ chân khách hàng cũ. Hoạt động MC phải bắt đầu từ việc hiểu rõ bối cảnh hiện tại, nhận diện được mục tiêu và chiến lược của công ty rồi triển khai các công cụ để đạt được mục tiêu MC đã đề ra. Bài viết nhằm trao đổi một số vấn đề về lý luận và thực tiễn của MC XKLĐ tại công ty CTWELL, qua đó giúp các công ty XKLĐ nói chung có thể nâng cao hiệu quả MC của mình.

**Từ khoá**: Công ty CTWELL, Xuất khẩu lao động, Truyền thông marketing, Hiệu quả, Đại dịch Covid-19, Yếu tố ảnh hưởng

**473. Truyền thông thương hiệu cho các doanh nghiệp F&B trong thời đại công nghệ 4.0/** Đào Thị Dịu// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 567 .- Tr. 22-24.

**Nội dung:** Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 mạng đến cho các doanh nghiệp nhiều cơ hội và thách thức trong hoạt động xây dựng và phát triển thương hiệu. Cách mạng công nghiệp 4.0 với sự bùng nổ của internet vạn vật và trí tuệ nhân tạo đã làm thay đổi cách thức quản trị tại các doanh nghiệp F&B. Tận dụng công nghệ để tiếp cận và thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng và công chúng là bài toán doanh nghiệp F&B quan tâm hàng đầu.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp F&B, Thương hiệu, Công nghệ 4.0, Cơ hội, Thách thức

**474. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng tài sản công của ngành tài chính**/ Vũ Thị Liên, Vũ Thị Hoà// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 37 – 40.

**Nội dung**: Bài viết phân tích những vấn đề, thành tựu của đầu tư phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước, trong công tác quản lý tài sản công của ngành Tài chính. Từ đó, đưa ra những khó khăn, thách thức và tìm ra hướng khắc phục.

**Từ khóa**: Tài sản công, Công nghệ thông tin, Cơ sở dữ liệu, Tài chính

**475. Ứng dụng hàm sống sót trong ước lượng rủi ro phá sản của các doanh nghiệp nhỏ và vừa**/ Lê Thanh Hoa, Võ Thị Lệ Uyển, Pham Hoàng Uyên// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 20 – 24.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu hàm sống sót và ứng dụng trong rủi ro phá sản của các công ty. Kết quả được nghiên cứu trong các công ty với hai nhóm ngành kinh doanh bất động sản và thực phẩm có những sự tương đồng và khác biệt giữa các ngành mở ra triển vọng với các ứng dụng đa ngành, đa quốc gia, đa lãnh thổ.

**Từ khoá**:Hàm sống sót, Tài chính doanh nghiệp, Rủi ro phá sản, Bất động sản

**476. Ứng dụng mô hình triển khai chức năng chất lượng tích hợp trong lựa chọn nhà cung cấp xanh**/ Đỗ Anh Đức// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 279 .- Tr.97-104.

**Nội dung**: Lựa chọn chọn và phân nhóm nhà cung cấp xanh là một nhiệm vụ quan trọng của các doanh nghiệp để giảm chi phí và tăng khả năng cạnh tranh cho hàng hóa. Để xử lý sự không chắc chắn và động của vấn đề phân khúc nhà cung cấp, nghiên cứu này đề xuất mô hình triển khai chức năng chất lượng (QFD) tích hợp phương pháp điểm lý tưởng (TOPSIS) để ứng dụng trong lựa chọn nhà cung cấp xanh từ các khía cạnh của năng lực và sự sẵn sàng, liên quan đến các vấn đề môi trường. Mô hình được đề xuất đã được sử dụng để để đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp xanh cho một doanh nghiệp sản xuất. Kết quả ứng dụng mô hình đã phản ảnh được những lợi thế và khả năng áp dụng của phương pháp đề xuất.

**Từ khoá**: QFD, TOPSIS, nhà cung cấp xanh

**477. Ứng dụng mô hình VECM nghiên cứu ảnh hưởng của già hóa dân số đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam**/ Ninh Thị Thu Thủy, Trần Khánh Linh// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 280 .- Tr. 49-58.

**Nội dung**: Già hóa dân số đang trở thành một hiện tượng toàn cầu, mang lại nhiều thách thức về kinh tế - xã hội cho các quốc gia. Việt Nam cũng đang có tốc độ gia tăng nhanh chóng của nhóm dân số cao tuổi. Trong bài báo này, nhóm tác giả sẽ sử dụng mô hình vectơ hiệu chỉnh sai số (VECM) và dữ liệu của nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 1986 đến năm 2016 để nghiên cứu ảnh hưởng của già hóa dân số đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Từ đó đề xuất một số hàm ý chính sách để Việt Nam có thể ứng phó với hiện tượng già hóa dân số một cách hiệu quả nhất như: gia tăng tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của người già và phụ nữ; cải thiện nguồn nhân lực thông qua giáo dục và đào tạo, đi kèm với các nỗ lực phát triển về y tế và an sinh xã hội cho người già.

**Từ khoá**: Dân số; Già hóa dân số; Tăng trưởng kinh tế; Việt Nam; VECM

**478. Ứng dụng phân tích chuỗi nhấp chuột hỗ trợ ra quyết định Marketing trong thời kì chuyển đổi số - khuyến nghị cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam**/ Trần Thị Song Minh// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 278 .- Tr. 42-51.

**Nội dung**: Làn sóng công nghệ mới trong thời kì chuyển đổi số đang thay đổi căn bản cách thức cạnh tranh, vận hành và Marketing của doanh nghiệp. Phân tích chuỗi nhấp chuột - một lĩnh vực mang tính liên ngành liên quan đến dữ liệu lớn và phân tích web - là một công cụ mạnh giúp doanh nghiệp nắm bắt được xu thế và phân tích sâu hành vi của khách hàng. Tuy nhiên, đối với hầu hết các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam, việc áp dụng công cụ phân tích này vẫn còn chưa bắt đầu hoặc còn rất sơ khai vì thiếu một nền tảng phù hợp cho việc phân tích dữ liệu chuỗi nhấp chuột và tích hợp ứng dụng phân tích vào chuỗi giá trị của doanh nghiệp. Vì vậy, trong bài viết này, tác giả thực hiện một nghiên cứu tổng quan về ứng dụng phân tích chuỗi nhấp chuột trong hỗ trợ ra quyết định Marketing, đồng thời đưa ra một số khuyến nghị đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam về vấn đề triển khai ứng dụng này trong thời kì chuyển đổi số.

**Từ khoá**: Chuyển đổi số; hỗ trợ ra quyết định; Marketing; doanh nghiệp nhỏ và vừa; phân tích chuỗi nhấp chuột; phân tích web

**479. Vai trò của đầu tư công trong kích thích tổng cầu, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế**/ Đỗ Tất Cường// Tài chính.- 2020 .- Số 736 .- Tr. 6 – 10.

**Nội dung:** Bài viết sử dụng phương pháp kiểm định nhân quả Granger giữa đầu tư công với tổng cầu và tăng trưởng kinh tế. Kết quả kiểm định cho thấy, vai trò của đầu tư công đối với tăng trưởng kinh tế sẽ có thể xảy ra trong vòng 3 năm nhưng kích thích tổng cầu thì có thể sẽ thành hiện thực trong thời gian ngắn hơn.

**Từ khóa**: Đầu tư công, tăng trưởng kinh tế, tổng cầu

**480. Vai trò của giáo dục đối với tăng trưởng thu nhập hộ gia đình khu vực nông thôn Việt Nam/** Vũ Văn Hùng// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 280 .- Tr.13-22.

**Nội dung**: Bài viết nhằm nghiên cứu tác động của giáo dục đối với thu nhập hộ gia đình khu vực nông thôn Việt Nam bằng phương pháp hồi quy bình phương nhỏ nhất (OLS) và hồi quy phân vị trên mẫu nghiên cứu gồm 15.110 hộ được lấy từ khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam 2018. Kết quả nghiên cứu cho thấy giáo dục đóng vai trò quan trọng, góp phần cải thiện thu nhập hộ gia đình nông thôn cùng với các yếu tố khác như tình trạng hôn nhân, tuổi, giới tính, diện tích đất, quy mô hộ gia đình, dân tộc, có tham gia chăn nuôi. Trong đó, giáo dục đại học đóng vai trò rất lớn trong gia tăng trình độ nhận thức, trình độ chuyên môn, khả năng ứng dụng các kỹ năng vào thực tiễn, khả năng lãnh đạo và kiểm soát rủi ro cho các chủ hộ gia đình nông thôn, từ đó góp phần cải thiện thu nhập cho hộ gia đình. Ngoài ra, kết quả hồi quy phân vị ở các mức 0,1 – 0,25 – 0,5 – 0,75 – 0,9 cho thấy, giáo dục nghề nghiệp (cao đẳng, đại học) đem lại hiệu quả lớn hơn, quan trọng hơn trong cải thiện thu nhập cho những hộ gia đình nông thôn có thu nhập bình quân thấp so với những hộ có thu nhập bình quân cao.

**Từ khoá**: Giáo dục, hộ gia đình, thu nhập, hồi quy phân vị, nông thôn

**481. Vai trò của hành vi đổi mới sáng tạo, sự trì hoãn trong mối quan hệ giữa sự căng thẳng trong công việc và hiệu quả công việc**/ Bạch Ngọc Hoàng Ánh, Cao Quốc Việt, Nguyễn Văn Chương, Lê Thiện Bình, Trần Thị Kim Dung// Nghiên cứu Kinh tế .- 2020 .- Số 9(508) (Tháng 09/2020) .- Tr. 36-46.

**Nội dung**: Với 326 mẫu khảo sát, nghiên cứu này kiểm định sự tác động của căng thẳng trong công việc, hành vi đổi mới sáng tạo trong công việc và sự trì hoãn trong công việc đến hiệu quả công việc.

**Từ khoá**: hành vi đổi mới sáng tạo, sự trì hoãn trong công việc, sự căng thẳng trong công việc, hiệu quả công việc

**482. Vai trò của không gian dịch vụ đối với chất lượng dịch vụ và ý định hành vi khách hàng : một nghiên cứu mới tại thị trường Việt Nam**/ Nguyễn Văn ANh, Nguyễn Thị Phương Thảo// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 509 .- Tr. 32-42.

**Nội dung**: Kết quả khảo sát cho thấy rằng, khái niệm không gian dịch vụ lag một khái niệm riêng biệt, đóng vai trò tiền tố cho chất lượng dịch vụ và ý định hành vi. Từ đó, nghiên cứu khẳng định sự cần thiết phải quản lý môi trường không gian tại các quán cà phê nhằm góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ và hình thành nên các ý định quay trở lại sử dụng dịch vụ của khách hàng.

**Từ khoá:** Chất lượng dịch vụ, không gian dịch vụ, quán cà phê, ý định hành vi

**483. Vai trò của kinh tế biển và mối quan hệ với an ninh, quốc phòng của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay**/ Nguyễn Ngọc Khánh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 570 (Tháng 08/2020) .- Tr. 99-101.

**Nội dung**: Vai trò của kinh tế biển Việt Nam; Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế biển với bảo đảm ninh, quốc phòng của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay và đưa ra một số gợi ý chính sách nhằm tăng cường vai trò của kinh tế biển.

**Từ khóa**: kinh tế biển, an ninh quốc phòng, hội nhập kinh tế

**484. Vai trò của quyền sử dụng đất đối với năng suất nhân tố tổng hợp trong sản xuất nông nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Trần Bảo Trân, Nguyễn Thị Bích Thủy, Đặng Phúc Sinh// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 510 .- Tr. 70-78.

**Nội dung**: Bằng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua phỏng vấn với 12 quản lý khách sạn và phân tích nội dung với công cụ InfraNodus, 5 nhóm nhân tố chính ảnh hưởng đến quyết định tiếp tục sử dụng CNTT và truyền thông đã được xác định. Trong đó áp lực từ khách hàng và đối thủ cạnh tranh là những yếu tố then chốt ảnh hưởng đến ý định tiếp tục sử dụng CNTT và truyền thông của các khách sạn. Trên cơ sở kết quả , bài viết đưa ra những hàm ý để cải thiện việc sử dụng CNTT và truyền thông đối với các khách sạn tại thành phố Đà Nẵng.

**Từ khoá**: Công nghệ thông tin và truyền thông, InfraNodus, Đà Nẵng

**485. Vai trò của thực tế ảo trong quảng cáo du lịch: Một cách tiếp cận từ mô hình SOR**/ Hồ Xuân Hướng, Lê Nhật Hạnh, Lê Thị Hạnh Dung// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 01 .- Tr.48-74.

**Nội dung**: Thực tế ảo (VR) là một công nghệ mới nổi được áp dụng trong lĩnh vực du lịch, nó cung cấp cho người dùng cơ hội trải nghiệm điểm đến một cách chân thực trong môi trường ảo. Tuy nhiên, nghiên cứu về giá trị trải nghiệm của khách du lịch đối với các điểm đến được quảng bá trong marketing du lịch VR vẫn còn hạn chế. Dựa trên mô hình SOR, nghiên cứu này xây dựng và kiểm định một mô hình nghiên cứu về mối quan hệ giữa sự hiện diện trong môi trường VR, giá trị trải nghiệm về mặt nhận thức và cảm xúc và ý định hành vi của khách du lịch đối với điểm đến. Sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính bình phương nhỏ nhất từng phần (PLS-SEM) với phần mềm SmartPLS, kết quả phân tích dựa trên 305 mẫu khảo sát tại TP. Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng cảm nhận sự hiện diện tác động đáng kể đến giá trị trải nghiệm về mặt nhận thức và cảm xúc, và các giá trị trải nghiệm này tác động tích cực đến dự định hành vi của khách du lịch sau khi sử dụng du lịch VR. Ngoài ra, nghiên cứu cũng đã chỉ ra giá trị trải nghiệm về mặt nhận thức và cảm xúc là các trung gian quan trọng trong mối quan hệ giữa cảm nhận sự hiện diện trong môi trường VR và ý định hành vi đối với điểm đến của khách du lịch. Kết quả nghiên cứu này có ý nghĩa quan trọng đối với các tổ chức quản lý điểm đến trong việc sử dụng công nghệ VR để quảng bá điểm đến và tạo ra giá trị trải nghiệm cho khách du lịch tiềm năng, từ đó tăng khả năng viếng thăm điểm đến của họ.

**Từ khoá**: Sự hiện diện; giá trị trải nghiệm; thực tế ảo (VR); mô hình SOR; marketing/quảng cáo du lịch

**486. Vai trò lãnh đạo chuyển đổi và hệ thống của các doanh nghiệp**/ Nguyễn Phong Nguyên, Trần Mai Đông// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 102 – 104.

**Nội dung**: Nghiên cứu này bàn về những khái niệm liên quan đến lãnh đạo chuyển đổi, hệ thống thông tin kế toán quản trị và năng lực đổi mới của doanh nghiệp. Bài viết đưa ra một số mô hình lý thuyết và các giả thuyết về sự tương tác giữa lãnh đạo chuyển đổi và hệ thống thông tin kế toán quản trị có thể gia tăng năng lực đổi mới tại doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Lãnh đạo chuyển đổi, Hệ thóng thông tin, Kế toán quản trị

**487. Vai trò nhà nước nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vửa ở Việt Nam**/ Hà Quý Tình// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 208 .- Tr. 73-76.

**Nội dung**: Thực trạng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vửa ở Việt Nam; vai trò nhà nước nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vửa ở Việt Nam; giải pháp của Nhà nước nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vửa ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp nhỏ và vừa

**488. Vai trò trung gian của sự cam kết trong mối quan hệ giữa sự công bằng trong tổ chức và kết quả làm việc của nhân viên tại các ngân hàng trong khu vực Thành phố Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Minh Hải// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 281 .- Tr. 83-91.

**Nội dung**: Hiệu quả làm việc của nhân viên là một trong những vấn đề thu hút được rất nhiều sự quan tâm của các nhà khoa học và các nhà quản trị từ trước đến nay. Những yếu tố quyết định kết quả làm việc của nhân viên có thể phân thành nhiều nhóm bao gồm yếu tố thuộc về tổ chức, yếu tố thuộc về nhân viên, yếu tố thuộc về đặc điểm công việc... Trên cơ sở lý thuyết về sự công bằng và sự cam kết của nhân viên, nghiên cứu được thực hiện với mục đích kiểm định sự tác động trực tiếp và gián tiếp của sự công bằng đối với kết quả làm việc của nhân viên thông qua biến sự cam kết với tổ chức. Nghiên cứu được thực hiện tại thành phố Hồ Chí Minh với kích cỡ mẫu là 327 nhân viên làm việc trong lĩnh vực ngân hàng. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự công bằng trong tổ chức có sự tác động trực tiếp đến kết quả làm việc của nhân viên. Tuy nhiên, sự cam kết không đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa sự công bằng và kết quả làm việc của nhân viên.

**Từ khoá**: Kết quả làm việc của nhân viên, sự cam kết với tổ chức, sự công bằng trong tổ chức

**489. Vai trò trung gian của việc sử dụng thông tin kế toán quản trị phạm vi rộng và ảnh hưởng điều tiết của sự thay đổi nhanh chóng về công nghệ**/ Nguyễn Thị Thu, Lê Mộng Huyền// Kinh tế & phát triển .- 2020 .- Số 282 .- Tr. 65-75.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm kiểm định vai trò trung gian của việc sử dụng thông tin kế toán quản trị phạm vi rộng trong mối quan hệ giữa chiến lược tập trung vào khách hàng và kết quả hoạt động kinh doanh phương diện khách hàng. Đồng thời, nghiên cứu cũng kiểm định vai trò điều tiết của sự thay đổi nhanh chóng về công nghệ cho hai mối quan hệ: (1) giữa chiến lược tập trung vào khách hàng và việc sử dụng thông tin kế toán quản trị phạm vi rộng và (2) giữa việc sử dụng thông tin kế toán quản trị phạm vi rộng và kết quả hoạt động kinh doanh phương diện khách hàng. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua một bảng khảo sát tự đánh giá được gửi đến các nhà quản trị cấp cao và cấp trung đang làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam. Kết quả phân tích dữ liệu thu được từ 187 phản hồi cho thấy hầu hết các giả thuyết được ủng hộ, ngoại trừ sự thay đổi nhanh chóng về công nghệ không đóng vai trò điều tiết cho mối quan hệ giữa chiến lược tập trung vào khách hàng và việc sử dụng thông tin kế toán quản trị phạm vi rộng.

**Từ khoá**: Chiến lược tập trung vào khách hàng; Kết quả hoạt động kinh doanh phương diện khách hàng; Việc sử dụng thông tin kế toán quản trị phạm vi rộng; Sự thay đổi nhanh chóng về công nghệ.

**490. Vấn đề đào tạo và quản lý nguồn nhân lực cho doanh nghiệp trong kỷ nguyên số/** Vũ Thị Hồng Thắm, Phạm Thị Xinh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 206 .- Tr. 75-77.

**Nội dung**: Trình bày vai trò và xu hướng của quản trị nguồn nhân lực trong kỷ nguyên số; thách thức quản trị nguồn nhân lực trong kỷ nguyên số; một số vấn đề đặt ra đối với quản trị nguồn nhân lực của DN Việt Nam trong thời đại 4.0.

**Từ khoá**: Nguồn nhân lực, quản trị nhân lực, kỷ nguyên số, internet

**491. Vấn đề người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng đối với người lao động**/ Lê Vũ Nam, Hồ Đức Hiệp// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 34 – 36.

**Nội dung**: Bài viết phân tích, đánh giá vấn đề đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động xuất phát từ chủ ý của người sử dụng lao động.

**Từ khoá**: Người lao động, Người sử dụng lao động, Chấm dứt hợp đồng lao động

**492. Vận dụng bảng điểm cân bằng đánh giá trung tâm trách nhiệm tại các doanh nghiệp may TP. Hà Nội**/ Nguyễn Thị Linh// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 159 – 161.

**Nội dung**: Nghiên cứu ý định vận dụng BSC đánh giá trung tâm trách nhiệm trong các doanh nghiệp là một nhu cầu thực tế, mang lại những đóng góp quan trọng về học thuật và giải pháp trong thực tiễn.

**Từ khoá**: Trung tâm trách nhiệm, doanh nghiệp may, Hà Nội, bảng điểm cân bằng

**493. Vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về sở hữu trong phát triển nền kinh tế số ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Phương Dung// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 05 – 07.

**Nội dung**: Tập trung vào nghiên cứu áp dụng công nghệ mới cho quá trình tăng trưởng kinh tế. Bài viết làm rõ những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về sở hữu và đưa ra một số đề xuất vận dụng những quan điểm này trong nền kinh tế số tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Chủ nghĩa Mác-Lênin, sở hữu, tài sản vô hình, kinh tế số

**494. Vận dụng mô hình chấp nhận công nghệ tam và lý thuyết hành vi dự định để giải thích ý định mua đồng hồ thông minh của người tiêu dùng Nha Trang**/ Nguyễn Thị Nga, Hoàng Ngọc Quế Chi// Khoa học Thương mại .- 2020 .- Số 147 .- Tr. 80-88.

**Nội dung**: Nghiên cứu này vận dụng mô hình chấp nhận công nghệ TAM và lý thuyết hành vi dự định để giải thích ý định mua đồng hồ thông minh của người tiêu dùng Nha Trang với 5 biến (Cảm nhận về sự hữu ích, cảm nhận về sự dễ sử dụng, thái độ, chuẩn mực chủ quan và kiểm soát hành vi). Nghiên cứu này sử dụng mô hình phân tích hồi quy tuyến tính để kiểm định mô hình nghiên cứu dựa trên cỡ mẫu gồm 200 thu thập từ người tiêu dùng Nha Trang, kết quả phân tích cho thấy độ tin cậy và giá trị của các đo lường và chỉ ra mô hình nghiên cứu phù hợp với dữ liệu được giải thích 51,8% với sự tác động của các biến thái độ, chuẩn mực chủ quan, kiểm soát hành vi, cảm nhận về sự hữu ích, cảm nhận về sự dễ sử dụng. Kết quả nghiên cứu đưa ra nhiều đề xuất có ý nghĩa đối với nhà sản xuất, nhà hoạch định chiến lược kinh doanh trong bối cảnh sản xuất và kinh doanh đồng hồ thông minh.

**Từ khoá**: TAM, TPB, đồng hồ thông minh, người tiêu dùng, Nha Trang

**495. Vận dụng một số phưong pháp thống kê để phân tích hiệu quả sử dụng vốn của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam**/ Lê Thị Liên, Nguyễn Thị Kim Oanh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 572 .- Tr. 98-100.

**Nội dung**: Ở Việt Nam, khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNNW) hiện nay giữ một vị trí quan trọng trong nền kinh tế, chiếm 97% tổng số DN cả nước. Các DN này hiện đang sử dụng 50% lực lượng lao động của nền kinh tế và đóng góp khoảng 45% GDP hàng năm. Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy, cùng với xu hướng tầng của các DN mới thành lập thì số lượng DN bị ngừng hoạt động, phá sản đang ngày càng tăng. Một trong những nguyên nhân dẫn đến thất bại cùa nhiều DNNW là quản lý sử dụng nguồn vốn chưa hiệu quả. Để phân tích hiệu quả sử dụng vốn nghiên cứu này sử dụng một số phưong pháp thống kê như: phân tố, dãy số biến động theo thời gian, chỉ số... Từ đó, chỉ ra những nhân tố ảnh hưởng và đưa ra một số giải pháp nhằm sử dụng có hiệu quả vốn của các DNNW.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp vừa và nhỏ, Vốn, Sử dụng vốn, Phân tích, Hiệu quả

**496. Vận dụng thẻ điểm cân bằng (BSC) xây dựng chiến lược kinh doanh Vietinbank 11 – chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Xuân Quyết, Hoàng Tú Quyên// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 578 .- Tr. 108 – 110.

**Nội dung:** Bài viết trình bày việc vận dụng thẻ điểm cân bằng với 4 khía cạnh: tài chính và đầu tư; quy trình và nội bộ; đào tạo và phát triển; thị trường và khách hàng để xây dựng 5 nhóm giải pháp chiến lược kinh doanh cho Vietinbank 11 – chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và làm cơ sở áp dụng cho các doanh nghiệp ngân hàng Việt Nam.

**Từ khóa:** Chiến lược kinh doanh cho Vietinbank 11, thành phố Hồ Chí Minh, ngân hàng Việt Nam

**497. Về ưu đãi thuế khi chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần**/ Lê Xuân Trường// Tài chính .- 2019 .- Số 716 .- Tr. 19 – 21.

**Nội dung**: Bài viết tóm lược các chính sách ưu đãi về thuế, phí đối với đơn vị sự nghiệp công lập khi chuyển đổi thành công ty cổ phần; luận bàn về việc có cần thiết phải có chính sách ưu đãi thuế riêng để thúc đẩy chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công thành công ty cổ phần hay không? Cùng với việc chỉ ra những vướng mắc về ưu đãi thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập khi chuyển thành công ty cổ phần, tác giả bài viết đề xuất một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện chính sách ưu đãi thuế đối với công ty cổ phần chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập.

**Từ khoá**: Công ty cổ phần, Đơn vị sự nghiệp công lập, Ưu đãi thuế

**498. Vốn FDI của liên minh Châu Âu vào Việt Nam và một số vấn đề đặt ra**/ Phạm Quang Long// Tài chính .- 2020 .- Số 731.- Tr. 90 – 92.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá lại thực trạng vốn FDI của EU vào Việt Nam thời gian qua đồng thời gợi ý một số vấn đề đặt ra cho thời gian tới.

**Từ khóa:** FDI, châu Âu, dự án, vốn đầu tư

**499. Vốn tri thức cho đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay : Thực trạng và giải pháp**/ Lê Anh Hưng // Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 571 (Tháng 08/2020) .- Tr. 07-09.

**Nội dung**: Nghiên cứu dựa trên kết quả khảo sát ý kiến của 458 doanh nghiệp Việt Nam về tác động của vốn tri thức đến hoạt động đổi mới sáng tạo và kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Tác giả đánh giá thực trạng các thành phần của vốn tri thức tại các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay, dựa trên đó tác giả đề xuất ba giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp Việt Nam.

**Từ khóa**: Vốn tri thức, doanh nghiệp Việt Nam, sáng tạo doanh nghiệp

**500. Vướng mắc bất cập trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp /Phạm Thị Tường Vân/ Tài chính.- 2020 .- Số 732.- Tr.10 – 13.**

**Nội dung:** Việc triển khai Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (Luật số 69/2014/QH13) trong những năm qua đã đạt được một số kết quả nhất định nhưng bên cạnh đó vẫn còn tồn đọng không ít vướng mắc, bất cập. Việc nhận định những khó khăn, vướng mắc trong thực thi Luật số 69/2014/QH13 là yêu cầu cấp thiết, nhằm đề xuất giải pháp phù hợp, định hường những nội dung trọng tâm để tháo gỡ khó khăn trong thực tế hoạt động của doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Vốn nhà nước, doanh nghiệp, Luật số 69/2014/QH13.

**501. Xác định giá trị du lịch rừng bần Cù Lao Dung, Sóc Trăng bằng phương pháp chi phí du hành**/ Nguyễn Văn Hòa, Mai Văn Nam// Kinh tế và Phát triển .- 2020 .- Số 278 .- Tr. 71-82.

**Nội dung**: Bằng phương pháp chi phí du hành theo vùng, nghiên cứu đã xác định được đường cầu du lịch (VR = 57,750 - 9,148. 10-5 x TC) của du khách trong nước đối với rừng bần ngập mặn (rừng bần ngập mặn) huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, giá trị du lịch của rừng bần ngập mặn huyện Cù Lao Dung mang lại cho toàn xã hội và nền kinh tế của huyện trong một năm quy đổi dưới dạng tiền tệ là khoảng 327 tỷ VND. Các công ty cung cấp dịch vụ du lịch đến rừng bần ngập mặn huyện Cù Lao Dung hàng năm đạt được lợi ích mang lại tương đương 291 tỷ VND từ làm dịch vụ cho du khách và thặng dư của du khách có được từ đi du lịch đến rừng bần ngập mặn huyện Cù Lao Dung là khoảng 36 tỷ VND. Các kết quả này đóng góp thêm minh chứng cho lý thuyết giá trị cảnh quan và phương pháp chi phí du hành.

**Từ khóa**: Cù Lao dung; rừng bần ngập mặn; phương pháp chi phí du hành

**502. Xã hội hoá dịch vụ sự nghiệp công ở các nước và bài học cho Việt Nam /** Hồ Ngọc Tú// Tài chính.- 2020 .- Số 739 .- Tr. 21- 24.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế của các nước Anh, Hoa Kỳ và các quốc gia trong châu Á về xã hội hoá dịch vụ sự nghiệp công, từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khóa:** Dịch vụ, sự nghiệp công, xã hội hoá, hàng hoá

**503. Xây dựng bộ chỉ số đo lường ổn định hệ thống tài chính Việt Nam**/ Trần Đức Hiệp// Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 576 .- Tr. 10 – 12.

**Nội dung:** Cùng với sự kết nối và hội nhập ngày càng sâu sắc giữa các thị trường tài chính và nền kinh tế, những cú sốc hay khủng hoảng tài chính tại một thị trường có thể ảnh hưởng và lan truyền đến các bộ phận và quốc gia khác. Chính vì thế, việc ổn định và lành mạnh hoá hệ thống tài chính là mục tiêu quan trọng, không chỉ đem lại lợi ích cho từng quốc gia mà cho toàn bộ thị trường tài chính thế giới. Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng bộ chỉ số đo lường ổn định hệ thống tài chính tại một số tổ chức, tác giả đề xuất một số khuyến nghị trong việc xậy dựng chỉ số đo lường ổn định hệ thống tài chính Việt Nam.

**Từ khóa:** Hệ thống tài chính Việt Nam, thị trường tài chính

**504. Xây dựng chỉ số thành công dự án cho các dự án xây dựng hạ tầng giao thông theo hình thức đối tác công tư (PPP) tại Việt Nam/** Lương Đức Long, Phạm Thanh Bình// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 124-130.

**Nội dung:** Phát triển một mô hình thực dụng để định lượng sự thành công của các dự án PPP giao thông của Việt Nam bằng phương pháp đánh giá tổng hợp mờ.

**Từ khóa**: Đối tác công tư PPP, chỉ số thành công dự án, dự án xây dựng

**505. Xây dựng cơ chế quản lý công nợ phải thu trong các doanh nghiệp thương mại**/ Nguyễn Thị Kim Oanh, Vũ Thị Hoà// Tài chính .- 2020 .- Số 725 .- Tr. 128 – 130.

**Nội dung**: Các yêu cầu cơ bản đối với quản lý công nợ phải thu; Các bước cơ bản trong quy trình công nợ phải thu; Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý công nợ phải thu trong các doanh nghiệp thương mại; Những lưu ý trong quá trình quản lý công nợ phải thu.

**Từ khoá**: Cơ chế quản lý công nợ, Công nợ phải thu, quản lý công nợ

**506. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính ở Việt Nam**/ Nguyễn Ngọc Lan// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 574 (Tháng 10/2020) .- Tr. 16-18.

**Nội dung**: Bài viết làm rõ vai trò của cán bộ, công chức trong cải cách thủ tục hành chính, tìm hiểu một số kinh nghiệm của một số quốc gia Châu Á vầ nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Từ đó, đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Cải cách, thủ tục hành chính, Cán bộ, công chức, Việt Nam

**507. Xây dựng khu đô thị sáng tạo TP. Hồ Chí Minh: Thực trạng và giải pháp**/ Dương Ngọc Hồng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 567 .- Tr. 37-39.

**Nội dung**: Thành phố Hồ Chí Minh từ lâu đã định hướng hình thành và phát triển khu đô thị sáng tạo, nhằm tạo sự tương tác giữa các lĩnh vực nghiên cứu và phát triển, đào tạo nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học công nghệ. Bài viết tập trung phân tích những khó khăn trong việc triển khai xây dựng khu độ thị sáng tạo phía đông, trên cở sở đó đề xuất một số giải pháp góp phần thúc đẩy định hướng phát triển khu độ thị sáng tạo tại TP. Hồ Chí Minh.

**Từ khoá**: Khu đô thị sáng tạo, Đào tạo, Nguồn nhân lực, Định hướng phát triển, TP. Hồ Chí Minh

**508. Xây dựng lợi thế cạnh tranh bền vững thông qua đổi mới sáng tạo : kinh nghiệm của hãng Hàng không Singapore và bài học cho Việt Nam**/ Đỗ Hoàng Phương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 572 .- Tr. 4-6.

**Nội dung**: Bài viết phần tích các chính sách đổi mới sáng tạo tại hãng Hàng không Singapore (SIA), một trường hợp điển hình trong việc tạo lập lợi thế cạnh hanh bền vững để dẫn đầu thị trường toàn cầu. Thông qua nghiên cứu trường hợp của SIA, có thể nhận ra rằng lợi thế cạnh tranh bền vững tới từ việc tạo ra các sản phẩm và dịch vụ khác biệt, sáng tạo đồng thời duy trì hiệu quả trong kinh doanh. Nghiên cứu thông qua đó đưa ra một số gợi ý chính sách cho ngành hàng không của Việt Nam, đồng thời nêu ra một số gợi ý cho các nhà làm chính sách nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh của đất nước.

**Từ khoá**: Kinh tế, Hàng không, Cạnh tranh, Lợi thế, Phát triển bền vững, Đổi mới, Kinh nghiệm, Bài học

**509. Xây dựng mô hình các nhân tố tác động đến mức độ công bố thông tin kế toán môi trường**/ Nguyễn Đào Tùng// Kế toán & Kiểm toán .- 2020 .- Số 207 .- Tr. 14-17.

**Nội dung**: Xây dựng mô hình các nhân tố tác động đến mức độ công bố thông tin kế toán môi trường. Trên cơ sở các lý thuyết nền tảng và các nghiên cứu thực nghiệm, tác giả xây dựng mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin kế toán môi trường và góp phần vào nâng cáo kiến thức về các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin kế toán môi trường.

**Từ khoá**: Kế toán môi trường, công bố thông tin, doanh nghiệp

**510. Xây dựng mô hình nghiên cứu hành vi mua ngẫu hứng trên mạng xã hội ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thái Hà, Vũ Minh Đức// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 574 (Tháng 10/2020) .- Tr. 75-77.

**Nội dung**: Nghiên cứu tập trung xây dựng mô hình nghiên cứu mua ngẫu hứng trên mạng xã hội trong bối cảnh chưa có nghiên cứu nào ở Việt Nam thực hiện đề tài này.

**Từ khoá**: hành vi mua, mua hàng trên mạng, mạng xã hội Việt Nam

**511. Xây dựng mô hình những yếu tố tác động đến ý định sử dụng ví điện tử**/ Nguyễn Bình Minh// Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2020 .- Số 209 .- Tr. 35-38.

**Nội dung**: Bài viết xây dựng mô hình các nhân tố có tác động đến ý định sử dụng ví điện tử. Các biến trọng mô hình nghiên cứu đề xuất được kế thừa từ hai nghiên cứu của Davis & cộng sự (1989), Featherman và Pavlou (2002), đồng thời bổ sung thêm biến sự tin cậy khi online và sự hỗ trợ của chính phủ. Phương pháp nghiên cứu dự kiến được dùng là phương pháp định lượng; thang đo các biến độc lập, phụ thuộc được sử dụng từ các nghiên cứu trong và ngoài nước.

**Từ khoá**: Hành vi hợp lý, hành vi có kế hoạch chấp nhận, công nghệ, ví điện tử

**512. Xây dựng quy trình phân bổ rủi ro dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông theo hình thức đối tác công tư (PPP) tại Việt Nam/** Phạm Thị Trang// Xây dựng .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 177-181.

**Nội dung:** Nghiên cứu hoàn thiện quy trình phân bổ rủi ro tối ưu cho các bên liên quan trong dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông theo hình thức đối tác công tư ở Việt Nam trong phát triển cơ sở hạ tầng thông qua phương pháp nghiên cứu các tài liệu có liên quan.

**Từ khóa**: Quản lý rủi ro, cơ sở hạ tầng giao thông, đối tác công tác

**513. Xu hướng cải cách thuế gián thu ở một số quốc gia trên thế giới và hàm ý chính sách cho Việt Nam/** Trương Bá Tuấn, Đào Mai Phương// Tài chính.- 2020 .- Số 740 .- Tr. 40 – 43.

**Nội dung:** Cải cách thuế gián thu để củng cố tài khóa và bù đắp sự sụt giảm nguốn thu ngân sách do thực hiện các biện pháp cắt giảm thuế trực thu, thú đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững đã trở thành xu thế được nhiều quốc gia theo đuổi. Đối với Việt Nam, những năm gần đây, các chính sách thuế gián thu cũng đã có nhiều sửa đổi, từng bước tiếp cận với các thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện giai đoạn vừa qua cũng đang chỉ ra một số vấn đề cần tiếp tục được nghiên cứu để sửa đổi và hoàn thiện cho phù hợp với các yếu và bối cảnh mới.

**Từ khóa:** Thuế gián thu, chính sách thuế, kinh tế quốc tế

**514. Xu hướng phát triển thanh toán không dung tiền mặt tại Việt Nam**/ Lê Đình Hạc// Tài chính .- 2019 .- Số 717 .- Tr. 44 – 47.

**Nội dung**: Việc ứng dụng một hình thức thanh toán mới thuận tiện hơn, an toàn hơn lag điều mà bất cứ quốc gia nào cũng quan tâm, đó là thanh toán không dùng tiền mặt. Bài viết phân tích, đánh giá thực trạng việc thanh toán không dùng tiền mặt Việt Nam với những kết quả đạt được, xu hướng phát triển cũng như những thách thức đặt ra, từ đó đề xuất một số giải pháp.

**Từ khóa**: Thanh toán không dùng tiền mặt, Công nghiệp 4.0, Công nghệ

**515. Xu hướng ứng dụng phương pháp đào tạo trực tuyến trong bối cảnh đào tạo đại học tại Việt Nam**/ Lê Xuân Huyền// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 567 .- Tr. 31-33.

**Nội dung**: Trong bối cảnh phát triển của công nghệ thông tin và sự biến đổi của môi trường xã hội như cú sốc về dịch bệnh viêm phổi do chủng mới của virus Corona, hoạt động đào tạo trực tuyến (ĐTTT) đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ ở tất cả các bậc học, trong đó có bậc đào tạo đại học.

**Từ khoá**: Đào tạo trực tuyến, Đào tạo đại học, Công nghệ thông tin, Phương pháp, Việt Nam

**516. Xuất khẩu da giày sang thị trường châu Âu : Thực trạng và giải pháp**/ Phạm Hồng Nhung// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 572 .- Tr. 83-85.

**Nội dung:** Liên minh châu Âu (EU) hiện là một trong các thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, chỉ đứng sau Hoa Kỳ. Các mặtt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang thị trường này gồm hàng dệt may, da giày. Cơ hội đang tiếp tục mở ra cho nền kinh tế Việt Nam nói chung và doanh nghiệp (DN) xuất khẩu da giày nói riêng khi mới đây, Việt Nam và EU đã ký Hiệp định tự do thương mại (EVFTA). Hiệp định mới này được kỳ vọng sẽ củng cố cho sự phát triển của ngành xuất khẩu da giày Việt Nam. Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội, hoạt động xuất khẩu da giày cùa Việt Nam sang thị trường này cũng sẽ có nhiều thách thức, đòi hỏi cần có nhiều giải pháp đồng bộ nhằm thúc đẩy hoạt động xuất khẩu của DN da giầy Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Da giày, Xuất khẩu, Thị trường, Thực trạng, Biện pháp

**517. Xuất, nhập khẩu 2019: Những tín hiệu tích cực từ các FTA thế hệ mới**/ Lê Huy Khôi// Tài chính .- 2020 .- Số 720+721 Tháng 1 .- Tr. 95-99.

**Nội dung**: Nghiên cứu đánh giá về tác động của các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới cho thấy, tất cả các FTA đều có tác động tích cực tới tăng trưởng, xuất nhập khẩu, đầu tư... của Việt Nam. Tuỳ từng mức độ mở cửa tác động tích cực của mỗi FTA cũng khác nhau.

**Từ khóa**: Kim ngạch xuất nhập khẩu, kinh tế, Việt Nam, FTA

**518. Yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn bó của người lao động tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở TP. Trà Vinh**/ Nguyễn Thanh Truyền, Nguyễn Hải Quang // Tài chính .- 2019 .- Số 705 .- Tr. 133 – 135.

**Nội dung**: Thu thập dữ liệu sơ cấp từ 220 người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp nhỏ và vừa tại TP. Trà Vinh, nghiên cứu này tìm ra 6 nhân tố tác động đến sự gắn bó của người lao động tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa, qua đó, gợi ý các chính sách và giải pháp nhằm nâng cao sự gắn bó của người lao động tại các doanh nghiệp này.

**Từ khóa**: Người lao động, sự gắn bó, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hồi quy đa biến, TP. Đà Nẵng

**519. Yếu tố tác động đến sự gắn kết của nhân viên với tổ chức trong các ngân hàng thương mại cổ phần**/ Hoàng Thị Huệ, Võ Thy Trang// Tài chính .- 2019 .- Số 716 .- Tr. 76 – 78.

**Nội dung**: Bài viết phân tích những yếu tố tác động đến sự gắn kết của nhân viên trong các ngân hàng thương mại cổ phần trên địa bàn Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sự gắn kết của nhân viên với tổ chức đã được các ngân hàng rất quan tâm, bởi trong thực tế, có sự khác biệt khá lớn trong gắn kết tình cảm theo giới tính; trong gắn kết duy trì theo độ tuổi; trong gắn kết duy trì theo thâm niên công tác và trong gắn kết duy trì theo thu nhập bình quân.

**Từ khóa**: Ngân hàng thương mại cổ phần, Thu nhập bình quân, Thâm niên công tác

**520. Yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động vay vốn của các doanh nghiệp FDI tại BIDV Đồng Nai/** Đỗ Thị Hà Thương// Tài chính.- 2020 .- Số 739 .- Tr. 83- 86.

**Nội dung:** Bài viết khảo sát các doanh nghiệp FDI ở Đồng Nai nhằm nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến việc vay vốn của các doanh nghiệp này. Qua đó đề xuất các giải pháp và khuyến nghị nhằm mở rộng cho vay đối với các doanh nghiệp FDI tại BIDV Đồng Nai trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp FDI, yếu tố ảnh hưởng đến vay vốn, BIDV Đồng Nai

**521. Yếu tố quan trọng góp phần vào sự thành công của các dự án đối tác công – tư tại Việt Nam: Phân tích so sánh với một số quốc gia được chọn tại khu vực châu Á/** TS. Phạm Phú Cường, ThS. Lê Đình Thục// Giao thông vận tải .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 176-179.

**Nội dung:** Tìm kiếm các yếu tố quan trọng góp phần thành công cuả các dự án theo hình thức đối tác công – tư tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Đối tác công – tư, yếu tố quan trọng, các nước đang phát triển, châu Á

**KIẾN TRÚC**

**1. Bảo tồn các di sản đô thị, nông thôn theo hướng bảo tồn thích ứng/** Phạm Hùng Cường// Kiến trúc .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 28-33.

**Nội dung:** Khái niệm về bảo tồn thích ứng; Nguyên tắc bảo tồn và phát huy giá trị; Bảo tồn, khai thác phát huy giá trị di sản thông qua hoạt động du lịch; Vận dụng kết hợp các chính sách, pháp luật hiện hành; Một số ví dụ về phương pháp bảo tồn thích ứng tại các làng truyền thống vùng đồng bằng sông Hồng.

**Từ khóa**: Di sản đô thị, nông thôn, bảo tồn thích ứng

**2. Bảo tồn di sản trong phát triển không gian ngầm đô thị : trường hợp hệ thống Metro ở Athens – Hy Lạp/** TS. KTS. Lê Đàm Ngọc Tú, TS. Trịnh Tiến Dũng// Quy hoạch xây dựng.- 2020 .- Số 107+108 .- Tr. 78-81.

**Nội dung:** Giới thiệu bài học về cân bằng giữa phát triển và bảo tồn di sản trong xây dựng hệ thống tàu điện ngầm tại thành phố Athens, Hy Lạp.

**Từ khóa**: Quy hoạch không gian ngầm, phát triển đô thị, bảo tồn di sản

**3. Bảo tồn và phát huy giá trị phế tích kiến trúc, cảnh quan tại Vườn Quốc gia Ba Vì/** Nguyễn Quốc Thông, Nguyễn Việt Huy// Kiến trúc .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 46-53.

**Nội dung:** So sánh quy hoạch xây dựng thời Pháp với quy hoạch xây dựng hiện nay và đánh giá hiện trạng phế tích kiến trúc và cảnh quan còn lại. Trên cơ sở đó nêu một số nguyên tắc bảo tồn, phát huy giá trị phế tích kiến trúc và cảnh quan tại khu vực Vường Quốc gia Ba Vì.

**Từ khóa**: Phế tích kiến trúc, kiến trúc cảnh quan

**4. Các chỉ tiêu quy hoạch đô thị liên quan đến mật độ/** ThS. Vũ Tuấn Vinh// Quy hoạch Xây dựng .- 2020 .- Số 106 .- Tr. 22-25.

**Nội dung:** Các chỉ tiêu quy hoạch liên quan đến mật độ được dùng phổ biến trong công tác quy hoạch và quản lý đô thị; Các vấn đề tồn tại trong thực tiễn quy hoạch và quản lý đô thị của các chỉ tiêu quy hoạch có liên quan đến mật độ.

**Từ khóa**: Quy hoạch đô thị, chỉ tiêu, mật độ

**5. Condotel : lịch sử, tiềm năng, hiện trạng và hướng phát triển/** PGS. TS. KTS. Lưu Đức Cường, ThS. KTS. Lê Thị Thúy Hà// Quy hoạch xây dựng.- 2020 .- Số 107+108 .- Tr. 98-103.

**Nội dung:** Khái niệm, bối cảnh ra đời của loại hình Condotel; Thuận lợi và thách thức khi phát triển loại hình condotel trên thế giới; Sự phát triển condotel và các khó khăn tại Việt Nam; Một số kiến nghị.

**Từ khóa**: Condotel, chung cư, khách sạn

**6. Đặc trưng không gian chuyển tiếp trong kiến trúc nhà ở riêng lẻ tại thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1860 đến nay/** ThS. KTS. Thái Hoàng Thống, TS. KTS. Vũ Thị Hồng Hạnh// Tuyển tập khoa học Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 16-29.

**Nội dung:** Xem xét quá trình biến đổi không gian chuyển tiếp của nhà ở tại Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1860 đến ngày nay. Xác định sự khác biệt của một không gian ở Thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khóa**: Không gian chuyển tiếp, kiến trúc nhà ở riêng lẻ, nhà truyền thống

**7. Di sản công nghiệp : cách tiếp cận mới trong “nhận diện công trình kiến trúc có giá trị”/** PGS. TS. Phạm Thúy Loan// Kiến trúc Việt Nam .- 2020 .- Số 232 .- Tr. 22-26.

**Nội dung:** Cung cấp một cách tiếp cận mới trong việc nhận diện các công trình kiến trúc có giá trị ở các thành phố - các di sản công nghiệp, để cung cấp thêm các cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng đinh hướng kiến trúc nói chung và thực hiện luật ở cấp độ địa phương.

**Từ khóa**: Di sản công nghiệp, công trình kiến trúc

**8. Định hướng Quy hoạch sử dụng đất nhằm bảo tồn và phát huy giá trị không gian kiến trúc cảnh quan trục đường Nguyễn Tất Thành, tỉnh Khánh Hòa/** Trương Thị Thanh Trúc, Trần Đình Hoàng Long// Xây dựng .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 22-25.

**Nội dung:** Nghiên cứu tổng quan về thực trạng và phân tích các tiềm năng, thách thức trong công tác quy hoạch sử dụng đất, từ đó làm cơ sở đề xuất định hướng nhằm bảo tồn và phát huy giá trị không gian kiến trúc cảnh quan khu vực này.

**Từ khóa**: Quy hoạch sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, bảo tồn

**9. Dinh Thượng Thơ – Thành phố Hồ Chí Minh, một số giá trị cần nhìn nhận/** ThS. KTS. Ninh Việt Anh// Tuyển tập khoa học Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 12-15.

**Nội dung:** Nhìn nhận giá trị lịch sử, giá trị kiến trúc và một số giá trị khác thông qua các phân tích về sự kiện, thời gian; các hình thức kiến trúc đặc trưng hàm chứa trong công trình từ cách thức quy hoạch cho tới cách thức tổ chức sắp xếp không gian, mối liên quan về tỉ lệ giữa các thánh phần chính và chi tiết trang trí trên mặt đứng. Những giá trị là nền tảng, tạo những cơ sở lý luận trong công tác bảo tồn di sản kiến trúc của thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khóa**: Bảo tồn di sản, kiến trúc, Dinh Thượng Thơ

**10. Đô thị di sản – Kinh nghiệm một số nước trên thế giới và gợi mở cho công tác bảo tồn di sản đô thị ở Việt Nam/** Hồ Hải Nam, Trần Trúc Ly// Kiến trúc .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 34-37.

**Nội dung:** Tìm hiểu về đô thị di sản của các nước, nghiên cứu, xây dựng một cơ chế đô thị di sản một cách khoa học và phù hợp với đặc trưng của di sản đô thị Việt Nam.

**Từ khóa**: Đô thị di sản, bảo tồn di sản đô thị

**11. Giá trị kiến trúc nhà ở người Chăm Châu Giang – tỉnh An Giang/** Lưu Khánh Quang// Xây dựng .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 13-16.

**Nội dung:** Để bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống trong nhà ở, cần phải xác định các giá trị kiến trúc nhà ở của người Chăm đang sinh sống tại An Giang và cách thức tổ chức không gian kiến trúc, từ đó đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát triển loại hình nhà ở dân gian phù hợp trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khóa**: Chăm Châu Giang, nhà ở dân gian, giá trị kiến trúc

**12. Giải pháp nâng cao chất lượng không khí trong nhà ở đô thị : sự kết hợp hoàn hảo giữa công nghệ và kiến trúc/** Thụy An// Kiến trúc .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 61-64.

**Nội dung:** Giải pháp nâng cao chất lượng không khí bằng thiết chế quản lý và văn hóa đô thị; Kiến trúc xanh và các giải pháp cải thiện chất lượng không khí trong nhà ở đô thị.

**Từ khóa**: Chất lượng không khí, nhà ở đô thị, kiến trúc nhà ở

**13. Giao thông xanh Hà Nội/** NCS. KTS. Hoàng Thị Hương Giang, TS. Nguyễn Văn Minh, KS. Lê Thanh Bình// Quy hoạch xây dựng.- 2020 .- Số 107+108 .- Tr. 60-65.

**Nội dung:** Xác định các vấn đề mà giao thông xanh thủ đô Hà Nội đang phải đối mặt và đưa ra các khuyến nghị nhằm cải tiến và hoàn thiện hệ thống giao thông vận tải xanh thủ đô Hà Nội trong tiến trình tăng trưởng xanh.

**Từ khóa**: Hệ thống giao thông xanh, giao thông xanh

**14. Hiện tượng học trong một số thủ pháp thiết kế kiến trúc của Tadao Ando/** Lê Thanh Sơn, Nguyễn Phụng Dực// Xây dựng .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 5-8.

**Nội dung:** Để mở rộng và làm phong phú hóa các góc nhìn của hiện tượng học, bài viết giới thiệu một vài thủ pháp thường gặp trong trong các kiến trúc của Tadao Ando.

**Từ khóa**: Hiện tượng học, thiết kế kiến trúc, Tadao Ando

**15. Kiến trúc cảnh quan tạo lập bản sắc đô thị/** Đàm Thu Trang, Đặng Việt Dũng// Xây dựng .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 200-203.

**Nội dung:** Đề xuất các phương pháp, phân tích, quy hoạch và thiết kế kiến trúc cảnh quan tạo lập bản sắc đô thị.

**Từ khóa**: Kiến trúc cảnh quan, bản sắc đô thị

**16. Kiến trúc chùa Hội Phước/** ThS. KTS. Huỳnh Thị Kim Loan// Xây dựng.- 2021 .- Số 1 .- Tr. 56-60.

**Nội dung:** Nhận diện các đặc điểm và giá trị trong kiến trúc chùa Hội Phước hiện tại. Dựa trên kết quả khảo sát và tìm hiểu lịch sử kiến trúc chùa Nam Bộ, từng hạng mục kiến trúc được phân tích các đặc điểm về quy hoạch và bố cục tổng thể, bố cục khống gian, vật liệu xây dựng và trang trí. Từ đó, những giá trị trong kiến trúc được nhận định làm cơ sở cho việc định hướng phát triển và công nhận giá trị của công trình trong tương lai.

**Từ khóa**: Kiến trúc Phật giáo, chùa Hội Phước

**17. Kiến trúc chung cư cao tầng trong nội đô lịch sử Hà Nội : hiện trạng và định hướng phát triển/** PGS. TS. Lưu Đức Hải// Kiến trúc Việt Nam .- 2020 .- Số 230 .- Tr. 78-81.

**Nội dung:** Định hướng quy hoạch yêu cầu điều chỉnh các chức năng sử dụng đất, di dời các cơ sở sản xuất, cơ sở đào tạo, y tế không phù hợp ra bên ngoài; Bổ sung hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, cải tạo chỉnh trang kiến trúc đô thị, cảnh quan, tăng cường cây xanh mặt nước và bảo vệ môi trường sống; Hạn chế phát triển nhà cao tầng và kiểm soát sự gia tăng dân số cơ học, giảm từ 1,2 triệu người xuống khoảng 0,8 triêu người.

**Từ khóa**: Chung cư cao tầng, đô thị, kiến trúc công trình

**18. Kiến trúc Đông Dương trong bối cảnh hiện nay/** Nguyễn Vương Hồng// Xây dựng .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 182-184.

**Nội dung:** Tìm hiểu về kiến trúc Đông Dương, các nhận định về vai trò và các khả năng ứng dụng của phong cách này trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khóa**: Bản sắc kiển trúc Việt Nam, Kiến trúc Đông Dương, di sản kiến trúc

**19. Kiến trúc Văn Thánh miếu tỉnh Vĩnh Long/** Trần Lê Vĩnh Trà, Lê Thị Hồng Nga// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 20-24.

**Nội dung:** Nhận diện những đặc điểm và giá trị dựa trên phân tích quy hoạch chung, bố cục tổng thể, các hạnh mục công trình, vật liệu xây dựng và trang trí.

**Từ khóa**: Kiến trúc Văn Miếu, Văn Thánh Miếu, Nho giáo

**20. Kiến trúc, quy hoạch đương đại và vấn đề khai thác bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam/** KTS. Nguyễn Thế Khải// Kiến trúc Việt Nam .- 2020 .- Số 230 .- Tr. 17-20.

**Nội dung:** Giới thiệu một đồ án đã đi sâu khai thác bản sắc văn hóa và truyền thống Việt Nam, đồng thời vẫn đáp ứng các yêu cầu của đời sống đương đại, đó là đồ án Quy hoạch Xây dựng Việt Trì thành phố lễ hội với cội nguồn Việt Nam.

**Từ khóa**: Bản sắc văn hóa, kiến trúc công trình, quy hoạch đô thị

**21. Lý luận về ngôn ngữ kiến trúc : nhìn từ các di sản đến kiến trúc hậu hiện đại/** Nguyễn Anh Tuấn, Trần Anh Tuấn// Kiến trúc .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 88-93.

**Nội dung:** Xem xét các ý tưởng và giải pháp kiến trúc có thể sử dụng để tạo ra không gian mới giàu ý nghĩa, đồng thời đóng góp vào hiểu biết về những không gian đó.

**Từ khóa**: Ngôn ngữ kiến trúc, di sản

**22. Nghiên cứu phương pháp thiết lập bản đồ 3 chiều (3D) tối ưu phục vụ công tác quy hoạch đô thị/** ThS. Nguyễn Hoàng Ánh// Quy hoạch xây dựng.- 2020 .- Số 107+108 .- Tr. 104-111.

**Nội dung:** Thông qua việc phân tích, đánh giá các phương pháp thiết lập bản đồ ba chiều, bài viết đưa ra sự lựa chọn phương pháp tối ưu phục vụ công tác quy hoạch đô thị.

**Từ khóa**: Quy hoạch đô thị, bản đồ 3D, phương pháp thiết lập

**23. Nhà cao tầng bằng gỗ : xu hướng mới của kiến trúc bền vững/** ThS. Trần Quốc Hùng, ThS. Võ Duy Quang// Tuyển tập khoa học Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 48-57.

**Nội dung:** Giới thiệu các công trình nhà cao tầng trên thế giới được xây dựng bằng gỗ. Phân tích các ưu điểm của vật liệu gỗ, giới thiệu các công nghệ gỗ dán mới như CLT, GLT có cường độ cao như bê tông và các hình ảnh thi công nhà cao tầng bằng gỗ trên thế giới.

**Từ khóa**: Nhà cao tầng bằng gỗ, kiến trúc bền vững, công nghệ gỗ dán CLT, gỗ dán GLT

**24. Những vấn đề cơ bản trong phát huy bản sắc văn hóa kiến trúc dân tộc/** PGS. TS. Lưu Đức Hải// Kiến trúc Việt Nam .- 2020 .- Số 230 .- Tr. 13-16.

**Nội dung:** Nhận dạng những vấn đề cơ bản trong phát huy bản sắc văn hóa kiến trúc dân tộc.

**Từ khóa**: Kiến trúc dân tộc, bản sắc văn hóa

**25. Nội thất gỗ công nghiệp cho nhà ở thu nhập thấp, góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường/** Trương Văn Minh Riêng// Xây dựng .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 26-29.

**Nội dung:** Nghiên cứu và phân loại các loại gỗ công nghiệp hiện nay, chỉ ra ưu nhược điểm của gỗ công nghiệp so với gỗ tự nhiên nhằm thúc đẩy thị hiếu của con người sang sử dụng gỗ công nghiệp, hạn chế việc khai thác rừng góp phần bảo vệ môi trường và giảm thiểu biến đổi khí hậu.

**Từ khóa**: Nội thất gỗ công nghiệp, nhà ở thu nhập thấp, biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường

**26. Phân tích khu đất xây dựng trong đồ án kiến trúc/** Nguyễn Thị Tâm Đan/ Xây dựng.- 2021 .- Số 1 .- Tr. 64-68.

**Nội dung:** Trình bày tổng quan về phân tích khu đất xây dựng, đánh giá một số công cụ hỗ trợ phân tích và giới thiệu một số ví dụ điển hình về phân tích khu đất xây dựng trong đồ án tốt nghiệp kiến trúc sư.

**Từ khóa**: Phân tích khu đất, thông tin khu đất, sơ đồ thông tin

**27. Quy hoạch giao thông theo xu hướng đô thị “X.0”/** TS. Nguyễn Văn Minh// Quy hoạch xây dựng.- 2020 .- Số 107+108 .- Tr. 10-15.

**Nội dung:** Trình bày về các thời kỳ, xu hướng phát triển đô thị; quy hoạch giao thông qua các thời kỳ và dự báo xu hướng quy hoạch giao thông trong đô thị tương lai.

**Từ khóa**: Quy hoạch giao thông, cách mạng công nghiệp, đô thị, phát triển đô thị

**28. Thẩm mỹ sản phẩm/** ThS. Trần Văn Bình// Tuyển tập khoa học Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 72-79.

**Nội dung:** Tính hữu cơ của yếu tố mỹ thuật gắn với sản phẩm tạo nên giá trị thẩm mỹ của sản phẩm, là thẩm mỹ của Hình dáng trong quan hệ với Công năng đã hình thành ngay trong quá trình chế tạo sản phẩm. Trong những yếu tố mỹ thuật sáng tạo trên nền sản phẩm, nổi bật giá trị mỹ thuật tạo hình qua ngôn ngữ điêu khắc chất liệu.

**Từ khóa**: Mỹ thuật ứng dụng, thẩm mỹ sản phẩm, thiết kế sản phẩm

**29. Thực trạng và dự báo mô hình đô thị nén Việt Nam/** NCS. KTS. Lê Kiều Thanh// Quy hoạch Xây dựng .- 2020 .- Số 106 .- Tr. 16-21.

**Nội dung:** Tác động của đô thị nén tới phát triển bền vững; Thực trạng; Dự báo mô hình; Kết luận.

**Từ khóa**: Đô thị nén, mô hình đô thị nén

**30. Tính bản địa của kiến trúc Art Deco Hà Nội/** Vũ Thị Ngọc Anh// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 28-34.

**Nội dung:** Chỉ ra những đặc điểm, giải pháp của những công trình kiến trúc Art Deco Hà Nội mang tính phù hợp với điều kiện ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Kiến trúc Art Deco, khí hậu, văn hóa, tính bản địa

**31. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan trục đường Nguyễn Tất Thành, một phương cách tạo đà cho phát triển du lịch của tỉnh Khánh Hòa/** Trương Thị Thanh Trúc, Trần Đình Hoàng Long// Xây dựng .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 25-27.

**Nội dung:** Trục đường Nguyễn Tất Thành giữ vị trí chiến lược trong hạ tầng giao thông của tỉnh Khánh Hòa. Do đó thực hiện công tác tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan của trục đường này sẽ là một phương cách nhằm tạo động lực phát triển du lịch ở tỉnh Khánh Hòa góp phần vào phát triển kinh tế của tỉnh.

**Từ khóa**: Kiến trúc cảnh quan, du lịch, Khánh Hòa, vịnh Cam Ranh

**32. Tổ chức kiến trúc cảnh quan thích ứng với biến đổi khí hậu tại Thành phố Cần Thơ/** ThS. KTS. Đỗ Thùy Linh// Tuyển tập khoa học Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 38-47.

**Nội dung:** Giới thiệu bối cảnh hiện trạng đô thị Cần Thơ; Giải pháp định hướng cấu trúc cảnh quan đô thị thích ứng với lũ lụt tại thành phố Cần Thơ.

**Từ khóa**: Kiến trúc cảnh quan, biến đổi khí hậu, Cần Thơ

**33. Xu hướng thể hiện tính truyền thống trong kiến trúc hiện đại Việt Nam/** KTS. Doãn Đức// Kiến trúc Việt Nam .- 2020 .- Số 232 .- Tr. 13-16.

**Nội dung:** Phân tích, đánh giá một số công trình kiến trúc tiêu biểu về tính truyền thống và văn hóa bản địa.

**Từ khóa**: Kiến trúc Việt Nam, tính truyền thống

**NGHIÊN CỨU VĂN HỌC**

**1. Ẩn dụ ý niệm “con người là trang phục” trong ca dao, thành ngữ và tục ngữ tiếng Việt/** Nguyễn Đình Việt// Khoa học Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh .- 2020 .- Số 17(7) .- Tr. 1215-1224.

**Nội dung:** Vận dụng lí thuyết về ẩn dụ ý niệm của ngôn ngữ học tri nhận để đi sâu khám phá ẩn dụ ý niệm con người là trang phục trong ca dao, thành ngữ và tục ngữ tiếng Việt.

**Từ khóa:** Ẩn dụ ý niệm, trang phục, miền đích, miền nguồn

**2.** **Ẩn dụ ý niệm *tình yêu là thị trường* trong tác phẩm “Pride and prejudice” của Jane Austen/** Đinh Thị Hương// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2020 .- Số 12(306) .- Tr. 58-62.

**Nội dung:** Phân tích ẩn dụ cấu trúc bậc thấp tình yêu là thị trường trong tiếng Anh thông qua việc xác định lược đồ chiếu xạ và cơ chế ánh xạ của nó đặt trong sự vận động của xã hội đương thời. Nghiên cứu đã sử dụng mẫu nghiên cứu gồm 127 ẩn dụ ý niệm về sự kinh doanh trong tình yêu được tìm thấy trong tác phẩm *Pride and prejudice* của Jane Austen.

**Từ khóa:** Ẩn dụ ý niệm, ánh xạ, tình yêu, Jane Austen, Pride and Prejudice

**3.** **Ánh sáng của chân lý và hương hoa trên đường thơ Tố Hữu/** Hà Minh Đức// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 10(584) .- Tr. 3-10.

**Nội dung:** Khái quát những dấu mốc, đặc điểm quan trọng của thơ Tố Hữu. Thơ Tố Hữu là vũ khí đấu tranh cách mạng, ngợi ca đất nước. Có thể khẳng định, Tố Hữu là nhà thơ lớn của thời kỳ hiện đại, đã đặt những đài thơ kỷ niệm chiến công, chiến tích của dân tộc.

**Từ khóa:** Tố Hữu, thời kỳ hiện đại, văn học cách mạng và kháng chiến

**4.** **Bàn thêm về sự hình thành của thể lục bát/** Nguyễn Quốc Khánh// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2021 .- Số 1 .- Tr. 106-116.

**Nội dung:** Nghiên cứu về sự hình thành của thể lục bát. Thể lục bát đã có từ lâu đời, tồn tại và nuôi dưỡng qua lời ăn, tiếng nói của cha ông ta truyền lại cho con cháu, qua tục ngữ, ca dao, qua các làn điệu dân ca và tiếp tục được phát triển qua những áng thơ ca của nên văn học viết Việt Nam.

**Từ khóa:** Thể lục bát, thơ lục bát, sự hình thành

**5.** **Biên soạn đại từ điển ngành ở Việt Nam : nghiên cứu trường hợp từ điển văn học/** Nguyễn Huy Bỉnh// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 10(584) .- Tr. 73-81.

**Nội dung:** Đề cập đến xu hướng biên soạn đại từ điển ngành, trong đó nghiên cứu trường hợp từ điển văn học như một điển hình nhằm làm rõ thực trạng biên soạn loại hình đại từ điển ngành ở nước ta.

**Từ khóa:** Từ điển học, biên soạn từ điển, đại từ điển ngành, từ điển văn học

**6.** **Chế Lan Viên – nhà thơ song hành cùng thời đại/** Lưu Khánh Thơ// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 10(584) .- Tr. 27-31.

**Nội dung:** Khái quát hành trình sáng tạo thơ Chế Lan Viên qua các thời kỳ, đi sâu bàn về tập thơ quan trọng – *Ánh sáng và phù sa* – đỉnh cao trong sự nghiệp của Chế Lan Viên – một gương mặt tài năng, độc đáo của văn học Việt Nam hiện đại.

**Từ khóa:** Chế Lan Viên, thơ Việt Nam hiện đại, lịch sử văn học

**7. Đỗ Vân Long và sự vận dụng tinh thần Marxist trong phê bình văn học/** Trần Thị Thùy Dương// Khoa học Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh .- 2020 .- Số 17(7) .- Tr. 1161-1172.

**Nội dung:** Trình bày những điểm nhìn của Đỗ Vân Long về phương pháp Marxist trong nghiên cứu văn học mà còn cho thấy sự vận dụng học thuyết này của ông qua các bài phê bình.

**Từ khóa:** Đỗ Vân Long, duy vật sử quan, phê bình văn học

**8. Giải cấu trúc thể loại – nhìn từ sự tương tác giữa văn xuôi và thơ trong văn học Việt Nam sau 1986/** Lê Dục Tú// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 11(585) .- Tr. 91-97.

**Nội dung:** Đề cập đến sự giao thoa thể loại giữa văn xuôi và thơ trong văn học Việt Nam sau 1986, một trong những sự tương tác xuất hiện thường xuyên trong văn chương Việt Nam hiện nay. Khảo sát trên một số bình diện cụ thể, qua một số tác phẩm văn xuôi tiêu biểu, bài viết khẳng định những phương thức sáng tác hiện đại, đánh giá những thành công và sự dịch chuyển trong đời sống văn chương đương đại hôm nay.

**Từ khóa:** Tương tác thể loại, văn xuôi, thơ, văn học Việt Nam sau 1986

**9.** **Giới thiệu, tiếp nhận văn học nước ngoài ở Việt Nam trong bối cảnh giao lưu văn hóa giai đoạn 1945-1985/** Trịnh Bá Đĩnh// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 10(584) .- Tr. 62-72.

**Nội dung:** Nghiên cứu việc giới thiệu, tiếp nhận văn học nước ngoài ở Việt Nam giai đoạn 1945-1975 trong bối cảnh lịch sử, văn hóa của thời đại. Giao lưu văn học là một hiện tượng phổ biến, có giao lưu thì mới có phát triển, thực tế văn học của dân tộc nào cũng vậy.

**Từ khóa:** Giao lưu văn hóa, dịch thuật, văn học miền Bắc, văn học miền Nam, văn học có tính nhà nước, văn học thị trường

**10.** **Góp phần xác định hệ giá trị văn nghệ/** Nguyễn Văn Dân// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- Số 1(587) .- Tr. 30-36.

**Nội dung:** Phân tích hệ giá trị văn nghệ với tư cách là đối tượng của giá trị văn học nghệ thuật. Nghiên cứu hệ giá trị của văn học nghệ thuật Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Giá trị, giá trị nghệ thuật, tiêu chuẩn giá trị, văn nghệ Việt Nam

**11.** **Kiểu “tác giả truyền thừa” trong văn học thời Lý – Trần/** Nguyễn Hữu Sơn// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 95-103.

**Nội dung:** Làm rõ sự “truyền thừa” ở phương diện tác giả qua các tác phẩm tiêu biểu. Phân tích sự tiếp nối nhiều thế hệ tác giả, người sau viết nối người trước, người sau kế thừa lối viết, quy cách hình thức cũng như tích hợp văn bản của người đi trước.

**Từ khóa:** Tác giả truyền thừa, Triều Lý – Trần, văn học

**12. Kim Vân Kiều Truyện ở Nhật Bản/** Đoàn Lê Giang// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 11(585) .- Tr. 22-36.

**Nội dung:** Phân tích, tìm hiểu Kim Vân Kiều truyện ở Nhật Bản: sự du nhập, các văn bản hiện có, ảnh hưởng của nó đối với Nhật Bản và ý nghĩa đối với việc nghiên cứu Truyện Kiều ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Kim Vân Kiều truyện, Thông tục Kim Kiều truyện, Truyện Kiều

**13.** **Lược thuật về thi học cổ Việt Nam/** Vương Tiểu Thuẫn, Hà Thiên Niên// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- Số 2(588) .- Tr. 46-63.

**Nội dung:** Sơ lược một số nội dung về thi học cổ Việt Nam. Thi học cổ Việt Nam là vọng âm của các trào lưu thi học trên thi đàn Trung Quốc. Thi học cổ Việt Nam chọn dùng ba dạng thể tài là tựa bạt, thư trát và bút kí và từ giữa thế kỉ XV đã bắt đầu bàn luận về vấn đề thể và dụng của thơ.

**Từ khóa:** Thi học cổ Việt Nam, tựa bạt, bút ký, Trung Quốc

**14. Mối quan hệ giữa phê bình phản hồi – độc giả và lý thuyết tiếp nhận/** Lê Thị Kim Loan// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 11(585) .- Tr. 85-90.

**Nội dung:** Tìm hiểu, làm rõ mối quan hệ giữa hai hiện tượng nổi bật nhất, phổ biến nhất xoay quanh người đọc trong đời sống văn học: phê bình phản hồi – độc giả và lý thuyết tiếp nhận.

**Từ khóa:** Phê bình phản hồi – độc giả, lý thuyết tiếp nhận, phê bình văn học

**15.** **Một số phương diện của diễn ngôn sử thi Êđê/** Đỗ Hồng Kỳ// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- Số 1(587) .- Tr. 42-50.

**Nội dung:** Tìm hiểu cấu trúc của sử thi Êđê dưới góc độ diễn ngôn như sự phức hợp của ngôn ngữ thể hiện, phức điệu của diễn xướng, khuôn mẫu và công thức truyền miệng, đặc trưng biểu đạt thế giới của diễn ngôn cũng như đặc điểm ngôn ngữ diễn ngôn sử thi Êđê.

**Từ khóa:** Êđê, sử thi, diễn ngôn, khan sử thi

**16.** **Ngôn ngữ thơ tượng trưng Bích Khê/** Nguyễn Thị Mỹ Hiền// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 116-124.

**Nội dung:** Phân tích về ngôn ngữ thơ tượng trưng Bích Khê trên các khía cạnh: thanh điệu, nhịp điệu, vần điệu, phép ẩn dụ và ngôn ngữ mang tính ngẫu nhiên, vô thức, trực giác.

**Từ khóa:** Bích Khê, thơ Mới, thơ tượng trưng, ngôn ngữ thơ

**17.** **Nguyễn Du và Truyện Kiều trong đời sống văn học miền Nam trước 1975/** Trần Hoài Anh// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 12(586) .- Tr. 71-86.

**Nội dung:** Phân tích và tìm hiểu những nội dung cơ bản trong việc nghiên cứu Nguyễn Du và Truyện Kiều ở miền Nam giai đoạn 1954-1975 trên các bình diện như: Cuộc đời và văn nghiệp Nguyễn Du; Hoàn cảnh sáng tác và nguồn gốc Truyện Kiều; Triết lý nhân sinh trong Truyện Kiều; Tình yêu trong Truyện Kiều; Một số bình diện nghiên cứu khác về Nguyễn Du và Truyện Kiều.

**Từ khóa:** Nguyễn Du, Truyện Kiều, Văn học miền Nam trước 1975

**18.** **Những ghi chép đầu tiên của người Việt Nam về Trung Đông qua tác phẩm Tây hành nhật ký/** Lư Vĩ An// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2020 .- Số 9(181) .- Tr. 45-56.

**Nội dung:** Tìm hiểu về hành trình của sứ bộ nhà Nguyễn ở Trung Đông. Qua đó bài viết phân tích những ghi chép liên quan đến Aden, Ai Cập và Thổ Nhĩ Kỳ có trong tác phẩm.

**Từ khóa:** Tây hành du ký, nhật ký đi Tây, Phạm Phú Thứ, Trung Đông

**19.** **R. Tagore – từ cái đẹp, qua nghệ thuật đến chất thơ/** Phương Lựu// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- Số 1(587) .- Tr. 37-41.

**Nội dung:** Giới thiệu văn tắt một đôi điều từ Mỹ học đến Thi học của Rabindranath Tagore nhà văn hóa lớn đầu thế kỷ XX, ngoài ra Tagore còn là nhà nghiên cứu lý luận phê bình văn hóa nghệ thuật tầm cỡ.

**Từ khóa:** Phạm ngã đồng nhất, Vị, Tình vị, vận luật

**20.** **Sự thiết lập diễn ngôn phê bình văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1958/** Hoàng Phong Tuấn// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- Số 1(587) .- Tr. 75-89.

**Nội dung:** Phân tích sự hình thành và củng cố của các diễn ngôn hợp thức, chỉ ra đặc điểm có tính quy ước và tính lịch sử của chúng. Từ đó, bài viết nhấn mạnh rằng sự hình thành và khẳng định quyền lực của diễn ngôn không chỉ phụ thuộc vào định chế tổ chức mà còn do cả sự tham dự của chính những người tham gia.

**Từ khóa:** Phê bình văn học, cải tạo tư tưởng, đấu tranh tư tưởng, phân tích diễn ngôn

**21.** **Thần thoại học ở Việt Nam/** Bùi Thị Thiên Thai// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 66-80.

**Nội dung:** Bàn về một số nội dung về nghiên cứu thần thoại học ở Việt Nam. Hệ thống những thành quả trong lĩnh vực thần thoại học của Việt Nam sẽ cung cấp một hình ảnh thu nhỏ của quá trình xây dựng ngành thần thoại học của nước nhà, tổng kết những bài học kinh nghiệm và đưa ra một số hướng nghiên cứu thần thoại trong tương lai.

**Từ khóa:** Nghiên cứu, thần thoại học, Việt Nam

**22.** **Thế giới quan tự nhiên trong truyện truyền kỳ Việt Nam/** Phạm Văn Hóa// Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2021 .- Số 1 .- Tr. 82-89.

**Nội dung:** Phân tích mối quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên, tìm hiểu, lý giải nguyên nhân, ý nghĩa của quan niệm về tự nhiên của con người đương thời được phản ánh trong tác phẩm truyền ký trung đại Việt Nam. Qua đó, thấy được đời sống vật chất, tinh thần, tình cảm và đạo đức của con người Việt Nam trong xã hội phong kiến.

**Từ khóa:** Truyện truyền kỳ, thế giới quan tự nhiên, văn học trung đại Việt Nam

**23.** **Thơ ca Hàn Quốc nhìn từ cảm hứng trữ tình cổ điển đến trào lưu hiện đại/** Nguyễn Phương Thảo// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- Số 2(588) .- Tr. 92-102.

**Nội dung:** Nghiên cứu thơ ca Hàn Quốc từ cảm hứng trữ tình cổ điển đến trào lưu hiện đại. Bài viết nhấn mạnh quá trình hình thành, phát triển, tiếp biến, những kế thừa và đổi thay của thơ ca Hàn Quốc về lực lượng sáng tác, nội dung tư tưởng, đặc tính thẩm mỹ, đặc trung ngôn từ, phong cách và kỹ thuật viết thơ trong các giai đoạn văn học khác nhau.

**Từ khóa:** Cảm hứng trữ tình, thơ cổ điển Hàn Quốc, thơ mới Hàn Quốc

**24. Tiếp nhận Nguyễn Du và Truyện Kiều/** Nguyễn Hữu Sơn// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 11(585) .- Tr. 3-9.

**Nội dung:** Tập trung phân tích, nghiên cứu, so sánh lịch đại trường hợp Trương Tửu với Nguyễn Du và Truyện Kiều. Nhấn mạnh hiện tượng Trương Tửu vừa tiếp xúc, tiếp nhận, vận dụng đồng đại hệ thống lý thuyết văn chương Pháp và Phương Tây hiện đại, mới mẻ lại chịu sự quy định sâu sắc của các dòng phái tư tưởng cùng công cuộc cải biến xã hội mau chóng, phức tạp, quyết liệt.

**Từ khóa:** Trương Tửu, Nguyễn Du, Truyện Kiều, nghiên cứu trường hợp

**25.** **Tiếp nhận thơ Tố Hữu thời kỳ trước 1945/** Nguyễn Hữu Sơn// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 10(584) .- Tr. 11-18.

**Nội dung:** Tập trung giới thiệu tư liệu và đặc điểm sáng tác của Tố Hữu thuộc loại “bên lề” nhưng đã đứng về số đông những người lao động cùng khổ, bày tỏ sự phê phán chế độ xã hội bất công và lên tiếng tranh đấu cho ngày mai tươi sáng.

**Từ khóa:** Tố Hữu, thơ vô sản, thơ cách mạng, phong trào Thơ mới

**26. Tìm hiểu đoạn trích “đất nước” của Nguyễn Khoa Điềm từ lí thuyết ẩn dụ ý niệm/** Nguyễn Đình Việt// Khoa học Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 1892-1900.

**Nội dung:** Vận dụng lý thuyết ẩn dụ ý niệm của ngôn ngữ học tri nhận để xác lập và tìm hiểu ẩn dụ ý niệm thi ca trong đoạn trích Đất Nước của Nguyễn Khoa Điềm, đồng thời nhấn mạnh mối quan hệ mật thiết giữa kinh nghiệm văn hóa và cá tính sáng tạo của nhà thơ.

**Từ khóa:** Tri nhận, ẩn dụ ý niệm, ẩn dụ thi ca, đất nước, Nguyễn Khoa Điềm

**27.** **Tìm hiểu hiện tượng hai văn tự ở một giai đoạn văn chương Việt/** Trần Hải Yến// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- Số 2(588) .- Tr. 64-75.

**Nội dung:** Trình bày trạng thái dùng hai văn tự của một giai đoạn văn chương. Nghiên cứu về “song ngữ” trong học thuật thế giới, từ đó nhìn lại hiện tượng song văn tự ở Việt Nam thế kỷ XV-XVII.

**Từ khóa:** Chữ viết, song ngữ, văn chương trung đại Việt Nam

**28.** **Tìm thêm ngữ cảnh cho việc tân diến Truyện Kiều của Nguyễn Văn Vĩnh/** Trần Hải Yến// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 12(586) .- Tr. 28-45.

**Nội dung:** Nghiên cứu khảo sát các văn bản gốc, cung cấp và phân tích các tư liệu liên quan. Đặt lại các bản diễn dịch của Nguyễn Văn Vĩnh vào mạng giao kết trí thức bản địa đương thời. Bài viết này cũng góp thêm một vài ý kiến về giá trị của chúng trong sinh hoạt văn hóa thời thuộc địa và trong lịch sử diễn giải Truyện Kiều.

**Từ khóa:** Nguyễn Văn Vĩnh, truyện Kiều, thời thuộc địa, diễn dịch, dịch thuật học

**29.** **Tính thiêng, tính phàm và tính chơi của văn chương/** Lê Huy Bắc// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- Số 1(587) .- Tr. 23-29.

**Nội dung:** Phân tích tính thiêng, tính phàm và tính chơi của văn chương. Tính thiêng, tính phàm và tính chơi đều là căn tính của văn chương. Xuất phát từ tính phàm, nhà văn đề xuất cuộc chơi ngôn từ để hướng người đọc đến thế giới thiêng. Trong mối quan hệ giữa chúng, tính chơi đóng vai trò quan trọng trong việc kiến tạo cầu nối ngôn ngữ qua lập mã và giải mã.

**Từ khóa:** Tính thiêng, tính phàm, tính chơi, văn hóa hiện đại, văn học hậu hiện đại

**30.** **Tính triết lý trong thơ Chế Lan Viên/** Hồ Thế Hà// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 10(584) .- Tr. 32-44.

**Nội dung:** Phân tích và chỉ ra những kinh nghiệm nền tảng tạo thành tính triết lý và cách tạo triết lý cho thơ Chế Lan Viên. Từ đó chỉ ra những nhân tố chủ yếu của quá trình sáng tạo và tư duy nghệ thuật thơ. Cuối cùng, chứng minh Chế Lan Viên là nhà thơ trí tuệ đỉnh cao của dân tộc thời hiện đại.

**Từ khóa:** Chế Lan Viên, tính triết lý, tư duy nghệ thuật, phong cách sáng tạo

**31.** **Truyện Kiều của Nguyễn Du với các nhà dân tộc chủ nghĩa ở Việt Nam đầu thế kỷ XX/** Đoàn Ánh Dương// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 12(586) .- Tr. 61-70.

**Nội dung:** Nghiên cứu xem xét các tranh luận xung quanh Truyện Kiều, để từ đó chỉ ra tâm thái trí thức bản địa và cách thức mà họ dịch chuyển văn hóa cổ truyền vào trong tiến trình khai sinh các mô hình nhà nước hiện đại ở Việt Nam trong tình cảnh thuộc địa những năm đầu thế kỷ XX.

**Từ khóa:** Nguyễn Du, Truyện Kiều, tri thức bản địa, chủ nghĩa dân tộc

**32.** **Truyện Kiều trên sân khấu đương đại Việt Nam/** Đào Thị Diễm Trang// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 12(586) .- Tr. 87-96.

**Nội dung:** Giới thiệu các tác phẩm sân khấu đương đại này, phân tích kỹ hai trường hợp là Múa Kiều và 4 vở kịch ngắn trong dự án “Nàng K”. Bài viết cũng cho thấy các đặc điểm cốt lõi của các tác phẩm sân khấu đương đại chuyển thể từ Truyện Kiều, từ đó thấy được ý nghĩa của công việc chuyển thể này.

**Từ khóa:** Sân khấu đương đại, chuyển thể, Truyện Kiều, Ballet Kiều

**33.** **Truyện Kiều và vấn đề chuyển thể văn hóa (trường hợp vở Ballet Kiều)/** Lê Thị Dương// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- Số 1(587) .- Tr. 51-59.

**Nội dung:** Dựa trên quan điểm về chuyển thể văn hóa của Linda Hutcheon để bàn về hiện tượng Truyện Kiều được chuyển thể thành môt vở ballet. Chuyển thể văn hóa được coi là một trong những phần quan trọng nhất của công việc chuyển thể, gắn với văn cảnh.

**Từ khóa:** Truyện Kiều, Ballet Kiều, chuyển thể văn hóa, thể kể, thể trình diễn

**34. Tường Kim Vân Kiều – từ văn bản đến giá trị văn chương/** Phan Thị Thu Hiền// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 11(585) .- Tr. 53-67.

**Nội dung:** Phân tích các vấn đề văn bản học của những văn bản Tuồng Kim Vân Kiều hiện tồn. Giới thiệu bẳn Nôm khắc in Tuồng Kim Vân Kiều hiện đang lưu trữ tại Paris. Từ đó đưa ra những nhận định ban đầu về giá trị văn chương của Tuồng Kim Vân Kiều với tư cách là một kịch bản văn học.

**Từ khóa:** Nguyễn Du, Truyện Kiều, Tuồng Nam Bộ, Tuồng Kim Vân Kiều

**35.** **Vận dụng lý thuyết văn học của M.M. Bakhtin trong nghiên cứu văn học Việt Nam từ góc độ văn hóa/** Phan Trọng Hoàng Linh// Nghiên cứu Văn học .- 2020 .- Số 10(584) .- Tr. 82-91.

**Nội dung:** Khái quát, phân tích và đánh giá việc tiếp nhận lý thuyết văn học của M.M. Bakhtin trong nghiên cứu văn học Việt Nam từ góc độ văn hóa. Từ đó đề xuất một vài ý kiến đối thoại đối với kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học tiền bối và chỉ ra một số tiềm năng lý thuyết có thể tiếp tục khai thác.

**Từ khóa:** M.M. Bakhtin, ký thuyết văn học, văn học Việt Nam, văn hóa

**36.** **Vận dụng thơ Đường trong thơ chữ Hán nhà Lí (trường hợp Pháp Thuận, Tịnh Không, Không Lộ, Quảng Nghiêm, Viên Học)/** Nguyễn Phước Tâm// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- Số 1(233) .- Tr. 54-70.

**Nội dung:** Bài viết chủ yếu dẫn dụng vừa mang tính tổng thuật – chỉnh lí, vừa có vài phát hiện về sự tương đồng câu chữ giữa thơ chữ Hán nhà Lí và thơ nhà Đường, tiến hành phân tích so sánh, qua đó biết rõ nguồn gốc lai lịch của một số bài thơ, thấy được những tiếp thu – vận dụng có chọn lọc, cũng như một phần nào về tình hình sáng tác thơ văn dân tộc trong những năm đầu độc lập sau hơn mười thế kỉ Bắc thuộc.

**Từ khóa:** Thơ nhà Lí, vận dụng, thơ Đường

**37.** **Văn học và nghiên cứu văn hóa/** Johnathan Culler// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- Số 1(587) .- Tr. 14-22.

**Nội dung:** Phân tích nền tảng về quá trình phát triển của nghiên cứu văn hóa. Trình bày những điểm phân biệt về nghiên cứu văn học và nghiên cứu văn hóa.

**Từ khóa:** Văn học, văn hóa, nghiên cứu văn hóa

DU LỊCH

1. **Bàn về quản lý nhà nước trong xây dựng phát triển sản phẩm du lịch Hà Giang**/ Nguyễn Chiến Thắng, Vừ Thị Mai Hương**/**/ Du lịch .- 2020 .- Số 10.- Tr. 20 – 22.

**Nội dung:** Đại hội đại biểu lần thứ XVI Đảng bộ tỉnh Hà Giang (nhiệm kỳ 2015 – 2020) xác định phát triển du lịch là một trong năm chương trình trọng tâm lớn của tỉnh, cụ thể: “phấn đấu đến năm 2020, du lịch Hà Giang trở thành ngành kinh tế có vị trí quan trọng trong cơ cấu khối dịch vụ, tạo tiền đề đến năm 2030 là ngành kinh tế có vị trí quan trọng trong nền kinh tế chung của tỉnh với hệ

Thống cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ; sản phẩm du lịch chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, có sức cạnh tranh, mang bản sắc văn hoá Hà Giang, thân thiện với môi trường, đưa Hà Giang trở thành một trong những địa bàn trọng điểm về du lịch của vùng và của cả nước.

**Từ khóa:** Sản phẩm du lịch, quản lý nhà nước, Hà Giang

**2*.*** **Bàn về đào tạo nhân lực khách sạn Việt Nam**/ Nguyễn Đức Thắng, Mai Hiên**/**/ Du lịch .- 2020 .- Số 12.- Tr. 58 – 59.

**Nội dung:** Nguồn nhân lực du lịch nói chung, nhân lực khách sạn của Việt Nam nói riêng mới chỉ dừng ở khía cạnh đào tạo cơ bản. Để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao không chỉ là việc của cơ sở đào tạo, mà cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp cùng nhiều yếu tố khác.

**Từ khóa:** Đào tạo nhân lực, khách sạn

**3*.***  **Bảo tồn văn hoá biển truyền thống Việt Nam**/ Nguyễn Danh Nam, Uông Thị Ngọc Lan**/**/ Du lịch .- 2020 .- Số 12.- Tr. 60 – 62.

**Nội dung:** Văn hoá biển Việt Nam nằm trong hệ thống văn hoá truyền thống dân tộc Việt Nam. Bảo vệ những giá trị vật chất và giá trị tinh thần đó của dân tộc, là bảo vệ chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ. Hiện nay, trong xu thế phát triển và hội nhập quốc tế, toàn cầu hoá, vấn đề biển và văn hoá biễn luôn giữ tầm quan trọng đặc biệt không chỉ trên lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá mà còn cả an ninh, quốc phòng.

**Từ khóa:** Văn hoá biển, bảo tồn, Việt Nam

**4.**  **Bến Tre – Để du lịch sinh thái trở thành thế mạnh**/ Hoàng Ngọc Hiển**/**/ Du lịch .- 2020 .- Số 10.- Tr. 26 – 28.

**Nội dung:** Loại hình du lịch sinh thái ở Bến Tre tuy có phát triển nhưng chưa có sự thay đổi đột phá cả về hình thức lẫn nội dung và đã xuất hiện một số ảnh hưởng tiêu cực: Cảnh quan tự nhiên bị phá vỡ, ô nhiễm môi trường...Vấn đề đặt ra cho ngành du lịch Bến Tre là làm thế nào để du lịch sinh thái thật sự trở thành thế mạnh và góp phần phát triển du lịch bền vững tại địa phương.

**Từ khóa:** Du lịch sinh thái, Bến Tre

**5. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước đối với mô hình kinh tế chia sẻ trong phát triển dịch vụ du lịch ở Việt Nam**/ Phạm Văn Hiếu // Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- Số 571 (Tháng 08/2020) .- Tr. 10-12  
**Nội dung**: Bài viết phân tích các yếu tố đối với mô hình kinh tế chia sẻ trong phát triển chia sẻ trong phát triển dịch vụ du lịch ở Việt Nam.

**Từ khóa**: các nhân tố ảnh hưởng, quản lý nhà nước, mô hình kinh tế, phát triển dịch vụ, du lịch Việt Nam

**6**. **Các yếu tố ảnh hưởng và giải pháp đẩy mạnh liên kết phát triển du lịch trong bối cảnh hiện nay**/ Nguyễn Minh Tuân// Kinh tế & phát triển .-  2020 .- Số 279 .- Tr.58-64.

**Nội dung**: Liên kết phát triển vùng du lịch cho phép khai thác những lợi thế so sánh về tài nguyên du lịch, về hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật và các nguồn lực khác của vùng nói chung và của các địa phương trong vùng tham gia liên kết cho phát triển du lịch của vùng. Việc liên kết phát triển vùng du lịch tăng khả năng cạnh tranh và là yếu tố quan trọng để phát triển du lịch trong cơ chế thị trường khi yếu tố cạnh tranh ngày một trở nên gay gắt giữa các lãnh thổ và giữa các doanh nghiệp du lịch. Theo đó, nghiên cứu này tập trung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện liên kết giữa các vùng du lịch với nhau theo khía cạnh quản lý nhà nước (chính sách, quy hoạch, đơn vị cung ứng dịch vụ, cơ sở hạ tầng xã hội …). Trên cơ sở phân tích các yếu tố ảnh hưởng, tác giả đưa ra một số những hạn chế, qua đó đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh liên kết phát triển vùng du lịch trong bối cảnh hội nhập hiện nay. Các giải pháp gồm nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước; hoàn thiện các cơ chế, chính sách về liên kết du lịch; liên kết để tạo chuỗi các sản phẩm du lịch đặc trưng, chất lượng cao; đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ liên kết, phát triển du lịch.

**Từ khoá**: Liên kết, phát triển du lịch, tài nguyên du lịch, sản phẩm du lịch, hiệu quả quản lý nhà nước

**7.**  **Chuyển đổi số với phát triển du lịch trong bối cảnh ứng phó với đại dịch Covid-19**/ Vũ Thế Bình**/**/ Du lịch .- 2020 .- Số 10.- Tr. 50 – 51.

**Nội dung:** Đại dịch Covid-19 đã có ảnh hưởng tiêu cực và sâu rộng tới nền kinh tế thế giới, trong đó có ngành du lịch, vốn là một ngành rất nhạy cảm với biến động chính trị - xã hội. Quá trình phòng chống và khắc phục hậu quả của dịch covid-19 còn kéo dài và đòi hỏi nhiều nỗ lực của các cấp ngành nhưng nhờ đó, ngành du lịch đang có và ngày càng nhiều hơn sự thay đổi về phương thức quản lý và mô hình kinh doanh. Chuyển đổi số là một hướng đi cơ bản để nhanh chóng chuyển du lịch thành một ngành kinh tế số và góp phần thúc đẩy du lịch Việt Nam phát triển trở lại trong những năm tới. Bài viết dưới đây dựa trên báo cáo đề dẫn trình bày tại diễn đàn.

**Từ khóa:** Đại dịch Covid-19, chuyển đổi số, du lịch

**8. Cơ chế chính sách tài chính đối với công tác bảo tồn di sản văn hóa Việt Nam**/ Nguyễn Thanh Hiền// Tài chính .- 2020 .- Số 737 .- Tr. 21 – 23  
**Nội dung:** Bài viết đề xuất giải pháp triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách tài chính trong công tác bảo tồn di sản văn hóa Việt Nam.

**Từ khóa:** Cơ chế, chính sách, tài chính, bảo tồn, phát triển văn hóa

**9. Đà Nẵng cơ cấu tổng thể ngành du lịch cho tương lai phát triển bền vững/** Nhung Trần**/**/ Du lịch Đà Nẵng .- 2020 .- Số 10.- Tr. 15 – 18.

**Nội dung:** Đề án cơ cấu lại ngành Du lịch thành phố Đà Nẵng đến năm 2025, định hướng 2030 đặt mục tiêu phát triển du lịch nhanh và bền vững theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, có thương hiệu và khả năng cạnh tranh cao, phát huy vai trò trung tâm của của hệ thống doanh nghiệp, sự tham gia tích cực của cộng đồng, tăng cường sự phối hợp liên ngành trong việc tạo ra chuỗi giá trị sản phẩm du lịch. Phát triển du lịch gắn với hình ảnh “thành phố đáng sống” năng động, văn minh và thành phố lễ hội, sự kiện đồng thời bảo tồn gia strij văn hoá truyền thống, gìn giữ cảnh quan, bảo vệ môi trường và đảm bảo quốc phòng- an ninh, phát huy vai trò hạt nhân và cửa ngõ du lịch Vùng kinh tế động lực, trọng điểm miền Trung.

**Từ khóa:** Cơ cấu tổng thể, ngành du lịch, phát triển bền vững, Đà Nẵng

**10. Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt tỉnh Bến Tre/** Nguyễn Đình Đáp, Nguyễn Thị Bích Nguyệt**/**/ Nghiên cứu địa lý nhân văn .- 2020 .- Số 4(31).- Tr. 46 – 52.

**Nội dung:**  Cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, kèm theo lượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt ngày một gia tăng gây sức ép cho môi trường tỉnh Bến Tre.Công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt vẫn còn nhiều hạn chế như thực hiện quy hoạch còn nhiều vướng mắc, nguồn lực đầu tư cho xử lý chats thải rắn chưa đáp ứng được nhu cầu, rác thải sinh hoạt chưa được phân loại tại nguồn, thiết bị thu gom và phương tiện vận chuyển rác không đảm bảo kỹ thuật gây mất vệ sinh, hầu hết các bãi chôn lấp rác đều quá tải, gây ô nhiễm...Trong nghiên cứu này, trên cơ sở phân tích hiện trạng phát sinh , phân loại, quy hoạch, công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tỉnh Bến Tre, từ đó đề xuất các kiến nghị việc xây dựng cơ chế, chính sách và giải pháp thực hiện hiệu quả công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải, ô nhiễm, môi trường, tỉnh Bến Tre

**11. Đánh giá hiện trạng và nhu cầu bảo tồn các hệ sinh thái ven biển tỉnh Nam Định/** Nguyễn Song Tùng**/**/ Nghiên cứu địa lý nhân văn .- 2020 .- Số 3(30).- Tr. 11 – 17.

**Nội dung:**  Nghiên cứu này đnahs giá hiện trạng và nhu cầu bảo tồn các hệ sinh thái ven biển tỉnh Nam Định, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ các hệ sinh thái ven biển, cảnh quan phong phú và độc đáo của tỉnh Nam Định trong chiến lược phát triển bền vững.

**Từ khóa:** Hệ sinh thái, đa dạng sinh học, rừng ngập mặn, đất ngập mặn, Vườn Quốc gia Xuân Thuỷ

**12. Đánh giá lợi thế về tài nguyên du lịch của một số nước ASEAN và vấn đề đặt ra cho Việt Nam/** Lê Hồng Ngọc**/**/ Nghiên cứu địa lý nhân văn .- 2020 .- Số 4(31).- Tr. 12 – 18.

**Nội dung:** Tài nguyên du lịch là cơ sở để xây dựng các khu, tuyến, điểm du lịch và thiết kế các sản phẩm du lịch nhằm thu hút du khách và tạo ra nguồn thu kinh tế. Nhờ vào các nguồn tài nguyên du lịch đa dạng và độc đáo, ASEAN trở thành một khu vực năng động và tăng trưởng mạnh mẽ về du lịch. Đây là lợi thế lớn cho ASEAN trong việc cạnh tranh trên thị trường du lịch quốc tế, đồng thời cũng là cơ hội và thách thức đối với từng quốc gia thành viên. Bài viết khái quát tài nguyên du lịch và đánh giá lợi thế về tài nguyên du lịch của một số nướ ASEAN, qua đó phản ánh một phần bức tranh du lịch trong khu vực ASEAN và chỉ ra một số vấn đề đặt ra cho Việt Nam nhằm tận dụng các lợi thế về tài nguyên du lịch để thúc đẩy nền kinh tế dịch vụ này.

**Từ khóa:** Lợi thế, tài nguyên du lịch, ASEAN, Việt Nam

**13. Đẩy mạnh markerting trực tuyến trong kinh doanh du lịch hậu Covid-19/Trần Minh Nguyệt/ Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.56 - 58.**

**Nội dung:** Hoạt động marketing trực tuyến là hình thức tiếp thị trực tuyến bằng cách sử dụng các phương tiện điện tử, công nghệ truyền thông, internet để nghiên cứu và phân tích thị trường, đưa ra chiến lược kinh doanh và chiến lược quảng bá sản phẩm đến người dùng bằng ứng dụng trên nền tảng công nghệ thông tin. Trong bối cảnh dịch bệnh covid -19 ảnh hưởng nặng nề tới ngành Du lịch Việt Nam khi các doanh thu của dịch vụ du lịch bị suy giảm nghiêm trọng, marketing trực tuyến cần được đẩy mạnh. Bài viết đánh giá những tác động của dịch Covid-19 đến ngành Du lịch Việt Nam và đề xuất những giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động marketing trực tuyến trong kinh doanh du lịch hậu Covid-19.

**Từ khoá:** Markerting trực tuyến, du lịch, dịch Covid-19, du khách.

**14. Du lịch biển thành phố Đồng Hới: Tiềm năng và thực trạng/** Nguyễn Thị Hà Thành, Đặng Hữu Liệu, Trương Quang Hải**/**/ Nghiên cứu địa lý nhân văn .- 2020 .- Số 3(30).- Tr. 18 – 25.

**Nội dung:**  Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình là đô thị ven biển với nhiều tiềm năng phát triển du lịch nhờ vào nguồn tài nguyên du lịch hấp dẫn và phong phú mang tầm quốc gia, nằm ở vị trí trung tâm của hệ thống giao thông tỉnh QUảng Bình và là điểm trung chuyển quan trọng tới di sản thế giới Phong Nha – Kẻ Bàng. Nghiên cứu này chỉ ra tiềm năng và thực trạng du lịch, phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của du lịch thành phố Đồng Hới thông qua các phương pháp chính gồm: phân tích SWOT, phỏng vấn sâu một số doanh nghiệp, hộ gia đình kinh doanh du lịch trên địa bàn.

**Từ khóa:** Du lịch biển, thành phố Đồng Hới

**15. Du lịch Khánh Hoà dưới góc độ phát triển bền vững**/ Phạm Bích Ngọc, Trần Ngọc Quyền// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 75 - 87  
**Nội dung:** Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu thực trạng phát triển du lịch ở Khánh Hoà trong thời gian 10 năm qua dưới góc độ phát triển bền vững, sử dụng hệ thống tiêu chí đánh giá do Tổ chức Du lịch thế giới của Liên hợp quốc đề ra để phân tích kết quả khảo sát thực tiễn và số liệu thống kê; từ đó đưa ra một số gợi ý chính sách nhằm phát triển du lịch bền vững ở tỉnh Khánh Hoà nói riêng và trong cả nước nói chung trong thời gian tới.  
**Từ khóa:** Khánh Hoà, du lịch bền vững, thị trường khách du lịch, du lịch dựa vào cộng đồng

**16.** **Du lịch qua bên giới Việt Nam – Trung Quốc trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI/** Bùi Thu Thủy// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2020 .- Số 6(226) .- Tr. 69-77.

**Nội dung:** Từ góc độ hợp tác phát triển du lịch qua biên dưới giữa Việt Nam và Trung Quốc, bài viết đánh giá thực trạng phát triển quan hệ du lịch giữa hai bên cũng như những vấn đề đặt ra đối với phát triển du lịch hai nước hiện nay.

**Từ khóa:** Việt Nam, Trung Quốc, biên giới Việt Nam – Trung Quốc, du lịch qua biên giới

**17. Du lịch thông minh : cơ hội khai thác tiềm năng du lịch từ Tuyên Quang**/ Nguyễn Thị Lan Hương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 565 (Tháng 05/2020) .- Tr. 106-107  
**Nội dung**: Bài báo trình bày tiềm năng du lịch tại Tuyên Quang có thể được khai thác theo định hướng du lịch thông minh, đáp ứng nhu cầu thực hiện về số hoá các ngành nghề, dịch vụ của quốc gia  
**Từ khoá**: du lịch thông minh, tiềm năng du lịch, du lịch Tuyên Quang

**18.** **Duyên hải Nam Trung Bộ: Phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh**/ Nguyễn Thị Lan Hương, Nguyễn Hoàng Mai**/**/ Du lịch .- 2020 .- Số 12.- Tr. 12 – 14.

**Nội dung:** Bài viết này hướng tới phân tích các vấn đề cơ bản trong phát triển du lịch vùng duyên hải Nam Trung Bộ, đồng thời, bước đầu nhận diện những vấn đề đặt ra đối với việc áp dụng mô hình tăng trưởng xanh trong phát triển du lịch vùng thời gian tới, làm tiền đề cho việc đưa ra các giải pháp và kiến nghị đối với cơ quan, ban ngành nhằm cải thiện và đưa du lịch biển đảo trở thành một trong những thế mạnh của du lịch Việt Nam trong tương lai.

**Từ khóa:** Du lịch, tăng trưởng xanh, duyên hải Nam Trung Bộ

**19. Hệ thống tiêu chí đánh giá mức độ bền vững của du lịch có sự tham gia của cộng đồng/** Vũ Tuấn Anh**/**/ Nghiên cứu địa lý nhân văn .- 2020 .- Số 4(31).- Tr. 3 – 11.

**Nội dung:** Phát triển du lịch bền vững có sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phươnglaf một định hướng quan trọng trong chiến lược phát triển du lịch của Việt Nam trong thời gian tới. Để lập kế hoạch, thực hiện và giám sát quá trình phát triển du lịch có sự tham gia của cộng đồng, cần có hệ thống tiêu chí đánh giá.Dựa trên cơ sở tổng quan lý thuyết và kinh nghiệm quốc tế, tìm hiểu các nguyên tắc xác định hệ thống tiêu chí đánh giá mức độ bền vững của du lịch có sự tham gia của cộng đồng, từ thực tế của địa phương, bài viết đề xuất hệ thống tiêu chí và phương pháp đánh giá mức độ bền vững của du lịch có sự tham gia của cộng đồng trong điều kiện Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Du lịch bền vững, du lịch cộng đồng, tiêu chí đánh giá tính bền vững của du lịch cộng đồng.

**20. Hiệu quả bố trí dân cư phục vụ phát triển bền vững và đảm bảo an ninh quốc phòng tại Đảo Trần, tỉnh QUảng Ninh/** Đoàn Thị Thu Hương, Phạm Thị Trầm**/**/ Nghiên cứu địa lý nhân văn .- 2020 .- Số 4(31).- Tr. 25 – 31.

**Nội dung:** Quy hoạch bố trí dân cư, sản xuất kinh doanh phù hợp với đặc điểm và vị trí chiến lược của các đảo ven bờ là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội biển, hải đảo gắn liền với giữ vững chủ quyền và bảo vệ an ninh quốc phòng trên vùng biển – đảo. Bài viết tập trung phân tích thực trạng phân bố dân cư theo một số tiêu chí được lựa chọn, có so sánh với quy hoạch dân cư và phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện mục tiêu đảm bảo an ninh quốc phòng của đảo Trần.

**Từ khóa:** đảo Trần, bố trí dân cư, phát triển bền vững, an ninh, quốc phòng

**21. Hoạt động xúc tiến du lịch tại cụm du lịch Huế - Quảng Nam - Đà Nẵng**/ Huỳnh Thị Hoà// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 107-109  
**Nội dung**: Bài viết tập trung vào phân tích các hoạt động xúc tiến du lịch của cụm, cũng như đánh giá các kết quả và hạn chế từ các hoạt động này và đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động xúc tiến du lịch của cụm trong thời gian tới

**Từ khoá**: Du lịch, du lịch cụm,hoạt động du lịch, Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam

**22.** **Khảo sát nguồn nhân lực Quản trị du lịch cấp cao trong lĩnh vực khách sạn**/ Nguyễn Thị Thuý Hường, Nguyễn Doãn Thành, Nguyễn Thanh Tuấn**/**/ Du lịch .- 2020 .- Số 11.- Tr. 53 – 55.

**Nội dung:** Bài viết tập trung phân tích thực trạng nguồn nhân lực quản trị cấp cao trong lĩnh vực khách sạn tại các tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Bình Thuận, Khánh Hoà và thành phố Đà Nẵng, làm cơ sở để tham mưu cho cơ quan quản lý nhà nước các cấp về du lịch, các doanh nghiệp du lịch và các cơ sở đào tạo du lịch Việt Nam trong công tác phát triển nguồn nhân lực du lịch quản trị cấp cao, đáp ứng nhu cầu phát triển ngành du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

**Từ khóa:** Nhân lực du lịch, khách sạn

**23. Kinh nghiệm phát triển du lịch thông minh thời đại 4.0 và bài học cho tỉnh Nam Định**/ Phạm Vũ Tuân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 564 (Tháng 05/2020) .- Tr. 16-18

**Nội dung**: Du lịch Nam Định đang từng bước tiếp cận và đổi mới, song hiệu quả còn chưa cao. Từ kinh nghiệm của các thành phố du lịch nổi tiếng, ngành du lịch Nam Định cần phải thực hiện những giải pháp bền vững và phù hợp

**Từ khoá**: Du lịch, Kinh nghiệm du lịch, phát triển du lịch, du lịch nổi tiếng, Nam Định

**24. Kinh nghiệm phát triển làng nghề của một số địa phương trong nước và bài học cho tỉnh Nghệ An**/ Nguyễn Anh Tú// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 545 tháng 7 .- Tr. 88-89,94.

**Nội dung**: Trình bày kinh nghiệm phát triển làng nghề của một số địa phương trong nước và bài học kinh nghiệm của các địa phương.

**Từ khoá**: Phát triển làng nghề, Nghệ An

**25. Một số định hướng nghiên cứu địa lý chính trị hiện nay/** Đoàn Thị Thu Hương**/**/ Nghiên cứu địa lý nhân văn .- 2020 .- Số 3(30).- Tr. 35 – 39 .

**Nội dung:**  Trên thế giới, địa lý chính trị đã nhận được sự quan tâm về mặt học thuật từ rất sớm với hệ thống công trình nghiên cứu phong phú, đa dạng; tuy nhiên, tại Việt Nam, tầm quan trọng của địa lý chính trị chưa được nhìn nhận rõ ràng và đầy đủ. Trên cơ sở phân tích một số hướng nghiên cứu địa lý chính trị điển hình trên thế giới, bài viết gợi mở một số hướng nghiên cứu địa lý chính trị tại Việt Nam trong thời kỳ mới; trong đó tập trung vào một số nghiên cứu như địa lý chính trị tài nguyên, tài nguyên vị thế của địa phương, vấn đề địa lí chính trị lãnh thổ, vấn đề địa lý chính trị xã hội và vấn đề địa lí chính trị tôn giáo.

**Từ khóa:** Địa lý chính trị

**26.**  **Nghề Quản trị sự kiện & sự kiện du lịch: Từ góc nhìn đào tạo**/ Trịnh Lê Anh, Nguyễn Thu Thuỷ**/**/ Du lịch .- 2020 .- Số 10.- Tr. 39 – 41.

**Nội dung:** Cùng với sự phát triển của kinh tế - xã hội, điều kiện sống của con người ngày càng nâng cao, nhu cầu kết nối đa quy mô giữa các cá nhân, nhóm và nhu cầu tạo lập cũng như hưởng thụ các giá trị tinh thần và vật chất thông qua sự kiện ngày càng gia tăng. Quản trị, tổ chức sự kiện hiện là một trong những nghề nghiệp có sức hấp dẫn lớn trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Quản trị sự kiện, sự kiện du lịch

**27. Nguyên tắc phát triển bền vững của ngành du lịch và gợi ý cho tỉnh Hòa Bình**/ Bùi Đức Hậu// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 570 (Tháng 08/2020) .- Tr. 07-09

**Nội dung**: Bài viết phân tích Phát triển bền vững và du lịch bền vững; Các nguyên tắc phát triển du lịch bền vững; Các tiêu chí xây dựng khu du lịch sinh thái; từ đó đưa ra gợi ý phát triển bền vững du lịch sinh thái tỉnh Hòa Bình

**Từ khóa**: phát triển bền vững, Du lịch

**28. Nhân lực cho phát triển du lịch sinh thái cộng đồng ở huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An**/ Nguyễn Thị Mỹ Hương, Nguyễn Thị Diệp// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .-  2020 .- Số 568 .- Tr. 16-18.

**Nội dung**: Thực trạng nhân lực cho phát triển du lịch sinh thái cộng đồng ở huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An; giải pháp phát triển nhân lực cho phát triển du lịch sinh thái cộng đồng ở huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

**Từ khoá**: Nhân lực, phát triển du lịch sinh thái cộng đồng, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An

**29. Những vấn đề môi trường và nhận thức môi trường của một số cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam/** Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thu Trang, Phạm Kim Cương**/**/ Nghiên cứu địa lý nhân văn .- 2020 .- Số 4(31).- Tr. 19 – 24.

**Nội dung:** Trong thời gian gần đây, đời sống của người dân thuộc các dân tộc thiểu số đã được cải thiện đáng kể, tuy nhiên vấn đề ô nhiễm môi trường đang là mối quan tâm tại nhiều địa phương. Với mục đích tìm hiểu thực trạng những vấn đề môi trường, góp phần vào việc xác định các nhiệm vụ bảo vệ môi trường cho sự phát triển bền vững các vùng dân tộc thiểu số, nghiên cứu này tập trung vào phân tích một số vấn đè môi trường và nhận thức môi trường của cộng đồng các dân tộc thiểu số, bao gồm: dân tộc Mông, Thái, Cơ Tu, MNông, Ê-Đê và Khmer cư trú ở các vùng khác nhau trong cả nước.

**Từ khóa:** Vấn đề môi trường, nhận thức môi trường, dân tộc thiểu số

**30.** **Ninh Thuận nâng cao vai trò đồng bào dân tộc thiểu số trong du lịch**/ Phan Thị Xuân Hằng, Nguyễn Ngọc Sơn**/**/ Du lịch .- 2020 .- Số 12.- Tr. 33 – 35.

**Nội dung:** Ngày nay, việc khai thác phát triển du lịch dựa trên cơ sở bảo tồn, phát huy những giá trị độc đáo của văn hoá đồng bào dân tộc thiểu số được coi là hướng đi quan trọng, mở ra nhiều triển vọng cho các tỉnh, trong đó có Ninh Thuận. Tuy nhiên, việc khai thác du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp gắn với dân tộc thiểu số ở Ninh Thuận còn chưa hiệu quả so với tiềm năng. Vì vậy, cần có những nghiên cứu sâu về vai trò, thế mạnh của cộng đồng dân tộc thiểu số trong phát triển du lịch cũng như những định hướng, giải pháp phù hợp nhằm phát triển du lịch bền vững tại địa phương.

**Từ khóa:** Đồng bào dân tộc thiểu số, Ninh Thuận

**31. Phân bố dân cư và di cư tỉnh Thái Nguyên/** Nguyễn Xuân Hoà**/**/ Nghiên cứu địa lý nhân văn .- 2020 .- Số 3(30).- Tr. 26 – 34.

**Nội dung:**  Dân cư thường có xu hướng tụ cư tại những khu vực địa hình bằng phảng, đất đai phì nhiêu. Điều này đã làm cho dân số tại những nơi này luôn trong tình trạng chật chội, quá tải. Trong khi đó, ở những khu vực I, khu vực II, khu vực III miền núi, dân cư thưa thớt đã tạo ra sự khác biệt lớn trong việc phát triển kinh tế - xa hội của địa phương, đây là một vấn đề đang diễn ra tại tỉnh Thái Nguyên. Nghiên cứu dân cư tỉnh Thái Nguyên nhằm chỉ ra những bất cập về phân bố dân cư và di cư để từ đó có thể đưa ra một số giải pháp trong việc phân bố lại dân cư và kiểm soát dòng di cư phù hợp với hoàn cảnh của tỉnh.

**Từ khóa:** Dân cư, di cư, Thái Nguyên, phân bố, mật độ

**32. Phát triển du lịch bền vững tại Hội An – điểm đến di sản văn hóa thế giới: Thái độ của người dân địa phương**/ Hoàng Thị Diệu Thúy// Kinh tế & phát triển .-  2020 .- Số 280 .- Tr. 73-82.

**Nội dung**: Phát triển bền vững là xu hướng tất yếu và cũng là yêu cầu UNESCO đặt ra cho các di sản thế giới. Thông qua trường hợp của Hội An, nghiên cứu này nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ của người dân địa phương đối với việc phát triển du lịch bền vững tại một điểm đến Di sản văn hóa thế giới. Sử dụng phương trình cấu trúc tuyến tính phân tích 300 mẫu khảo sát, kết quả thu được cho thấy rằng người dân càng nhận thức rõ ràng về lợi ích của du lịch bền vững và càng gắn bó với nơi ở thì họ càng ủng hộ việc phát triển du lịch văn hóa theo hướng bền vững. Nghiên cứu cũng đề xuất một số hàm ý quản lý để tăng cường sự ủng hộ của người dân như nâng cao nhận thức về giá trị di sản, và tập huấn kiến thức về du lịch văn hóa bền vững.

**Từ khoá**: Di sản thế giới; nhận thức về tác động; sự gắn bó với nơi ở; thái độ của người dân

**33. Phát triển du lịch điện ảnh tại Việt Nam/** Nguyễn Thị Thu// Khoa học Đại học Văn Lang.- 2020 .- Số 19 .- Tr. 125-132.

**Nội dung:** Phác thảo bối cảnh thực tế của du lịch điện ảnh tại Việt Nam và đề xuất một số định hướng cho chiến lược marketing điểm đến trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Du lịch điện ảnh, marketing điểm đến, thương hiệu điểm đến

**34. Phát triển du lịch dựa vào cộng đồng : một cách tiếp cận để phát triển công đồng địa phương**/ Đặng Trung Kiên// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 545 tháng 7 .- Tr. 19-21.

**Nội dung**: Trình bày kiến thức về loại hình du lịch dựa vào cộng đồng, cũng như đánh giá sự ảnh hưởng của cộng đồng địa phương đối với phát triển loại hình du lịch này.

**Từ khoá**: Phát triển du lịch, phát triển cộng đồng

**35.**  **Phát triển du lịch Việt Nam trong bối cảnh cách mạng Công nghiệp 4.0**/ Nguyễn Đình Thanh**/**/ Du lịch .- 2020 .- Số 11.- Tr. 25 – 27.

**Nội dung:** Việt Nam đang bước vào giai đoạn 4.0. Cuộc cách mạng này tạo ảnh hưởng sâu rộng, bao trùm toàn bộ các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế trong đó có ngành du lịch. Đánh giá lợi thế và thách thức nhằm tìm ra các giải pháp thúc đẩy phát triển ngành du lịch trong kỷ nguyên số là đòi hỏi mang tính cấp thiết trong tình hình mới.

**Từ khóa:** Cách mạng công nghiệp 4.0, Covid-19, du lịch

**36. Phát triển du lịch vùng duyên hải miền Trung : thực trạng và định hướng phát triển**/ Bùi Quang Bình// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 509 .- Tr. 90-97.

**Nội dung**: Bài viết áp dụng các phương pháp khác nhau trên cơ sở số liệu thống kê các tỉnh thành trong vùng phân tích thực trạng và xác định các định hướng giải pháp phát triển du lịch vùng duyên hải miền Trung, kết quả cho thấy, du lịch của các tỉnh vùng duyên hải miền Trung đã có sự phát triển nhanh so với cả nước xét về quy mô và năng lực; nhưng dưới tiềm năng, còn chênh lệch lớn và chưa tạo ra sự cộng hưởng chung; sự phát triển du lịch của vùng chịu ảnh hưởng của tốc độ phát triển kinh tế, cơ sở hạ tầng, lao động và môi trường kinh doanh.

**Từ khoá**: Du lịch, phát triển du lịch, vùng duyên hải miền Trung

**37.** **Phát triển hoạt động xuất khẩu tại chỗ thông qua du lịch tại Việt Nam/** Nguyễn Văn Tuyên, Đinh Thị Mừng// Khoa học Đại học Cửu Long .- 2020 .- Số 18 .- Tr. 19-27.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng hoạt động xuất khẩu tại chổ thông qua ngành du lịch và đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm phát triển hoạt động xuất khẩu tại chỗ thông qua du lịch Việt Nam theo hướng bền vững.

**Từ khoá**: Việt Nam, du lịch, xuất khẩu tại chỗ, phát triển

**38. Phát triển ngành du lịch Logistics trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế/**Đinh Mai Thanh, Nguyễn Vân Dung/ Tài chính.- 2020 .- Số 743.- Tr.67 - 69.

**Nội dung:** Việt Nam được đánh giá là thị trường đày tiểm năng và hấp dẫn cho sự phát triển của ngành du lịch logistics. Logistics là một ngành du lịch quan trọng trong cơ cấu tổng thể nền kinh tế quốc dân, đóng vai trò hỗ trợ, kết nối và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như từng địa phương, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Bài viết đánh giá thực trạng phát triển của ngành du lịch Logistics, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển du lịch Logistics tại Việt Nam.

**Từ khoá:** Ngành du lịch Logistics, doanh nghiệp, hợp tác quốc tế.

**39.** **Tác động của CPTPP đối với một số lĩnh vực cơ bản của nền kinh tế**/ Phạm Tố Linh**/**/ Du lịch .- 2020 .- Số 11.- Tr. 40 – 42.

**Nội dung:** Ngay sau khi Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) chính thức có hiệu lực vào đầu năm 2019, thủ tướng chính phủ đã phê duyệt kế hoạch thực hiện CPTPP tại Quyết định số 121/QĐ –TTG ngày 24/1/2019 với những nhiệm vụ cụ thể, chi tiế cho các bộ, ngành liên quan thực hiện các công việc cụ thể theo lộ trình, bao gồm 5 nhóm nội dung chính.

**Từ khóa:** CPTPP, nền kinh tế

**40. Tác động của sự gắn kết cộng đồng và hỗ trợ cư dân đến phát triển bền vững tại các điểm đến du lịch tâm linh và cộng đồng**/ Đào Trung Kiên, Nguyễn Hữu Đoàn, Kiều Thị Phương Hoa, Thân Trọng Thụy, Hoàng Thị Cẩm Vân, Trần Thị Hậu// Kinh tế & phát triển .-  2020 .- Số 280 .- Tr.68-77.

**Nội dung**: Đánh giá ảnh hưởng của sư tham gia của cộng đồng (sự gắn kết cộng đồng, và hỗ trợ của cư dân) tới phát triển bền vững điểm đến tại các khu du lịch tâm linh và cộng đồng. Kết quả khảo sát từ 168 hộ gia đình cho thấy sự gắn kết cộng đồng có tác động trực tiếp tới lợi ích cảm nhận, và phát triển bền vững. Hỗ trợ của dân cư có tác động trực tiếp tới lợi ích cảm nhận, và gián tiếp tới phát triển bền vững. Kết quả cho thấy du lịch cộng đồng có xu hướng bền vững hơn so với du lịch tâm linh. Nghiên cứu cũng đề xuất ba gợi ý cho phát triển bền vững các điểm đến bao gồm (1) phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch địa phương; (2) thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng vào chương trình phát triển du lịch; (3) gia tăng lợi ích kỳ vọng của các chính sách phát triển du lịch địa phương.

**Từ khoá**: Du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh, điểm đến bền vững, gắn kết cộng đồng, hỗ trợ dân cư

**41.** **Tăng cường phối hợp giữa ngành du lịch và công an trong đảm bảo an ninh du lịch**/ Nguyễn Vân Hà**/**/ Du lịch .- 2020 .- Số 12.- Tr. 18 – 19.

**Nội dung:** Để duy trì an ninh trật tự hoạt động du lịch cần có sự phối hợp tích cực giữa các ngành, đặc biệt là sự phối hợp giữa ngành công an và ngành du lịch. Bài viết đánh giá thực trạng công tác đảm bảo an ninh trật tự trong hoạt động du lịch tại Quảng Ninh và đề xuất các giải pháp tăng cường hiệu quả công tác này trong giai đoạn tới.

**Từ khóa:** An ninh du lịch, công an, du lịch

|  |
| --- |
| **42. Thách thức gắn phát triển du lịch với làng nghề ở Đông Nam Bộ**/ Trần Minh Đức// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 575 (Tháng 10/2020) .- Tr. 87-89  **Nội dung**: Phân tích định tính kết hợp với khảo sát mô tả trên cơ sở các làng nghề hiện có, bài viết khái quát thực trạng phát triển các làng nghề vùng đất này, qua đó hàm ý một số giải pháp nhằm phát triển du lịch gắn với làng nghề trong thời gian tới  **Từ khoá**: phát triển du lịch, thách thức, làng nghề |
| |  | | --- | | **43. Thu hút khách du lịch quốc tế (inbound) tới Việt Nam hậu đại dịch Covid-19/ Nguyễn Thị Kim Chi, Lê Xuân Hoàn** // Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2020 .- Số 571 (Tháng 08/2020) .- Tr. 25-27 **Nội dung**: Bài viết phân tích tình hình thu hút khách du lịch quốc tế đến Việt Nam từ năm 2015 đến hết tháng 7 năm 2020, đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần tăng cường thu hút khách du lịch quốc tế (inbound) tới Việt Nam hậu đại dịch Covid-19  **Từ khóa**: khách du lịch, dịch Covid-19, khách nước ngoài |   **44. Thu hút khách du lịch quốc tế tại cụm du lịch Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng – Quảng Nam**/ Huỳnh Thị Hòa// Tài chính.- 2020 .- Số 741 .- Tr. 143 - 145 **Nội dung:** Bài viết phân tích vai trò của quản lý công mới trong quản trị đại học công lập, mô hình trường đại học kinh doanh hiện nay và đưa ra đề xuất nhằm áp dụng mô hình trường đại học kinh doanh tại Việt Nam.  **Từ khóa:** Kinh tế du lịch, du lịch quốc tế, du lịch Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng – Quảng Nam  **45. Các yếu tố tác động đến ý định quay lại Thừa Thiên Huế của du khách quốc tế**/ Trần Thanh Long// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 88 - 98 **Nội dung:** Bài viết nghiên cứu các yếu tố tác động đến ý định quay lại Thừa Thiên Huế của du khách quốc tế. Kết quả điều tra khảo sát 212 khách du lịch nước ngoài đến Thừa Thiên Huế trong khoảng thời gian từ tháng 11-2018 đến tháng 10-2019 cho thấy, các yếu tố thuộc chất lượng dịch vụ tại điểm đến và chất lượng tài nguyên có tác động tích cực cùng chiều đến sự hài lòng của du khách, từ đó ảnh hưởng đến ý định quay trở lại Thừa Thiên Huế của khách du lịch quốc tế. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất giải pháp cải thiện chất lượng du lịch, thu hút khách du lịch mới mà còn giữa chân những du khách đã từng đến Thừa Thiên Huế.  **Từ khóa:** Du lịch, chất lượng du lịch Huế, Thừa Thiên Huế  **46. Tiềm năng phát triển du lịch sinh thái ở các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa: thực trạng và giải pháp**/ Lê Minh Thống, Phạm Thị Kiều Oanh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .-  2020 .- Số 567 .- Tr. 28-30.  **Nội dung**: Trong chiến lược phát triển của rất nhiều tỉnh thành thì du lịch đã trở thành một ngành kinh tế quan trọng có đóng góp lớn trong sự phát triển, được coi là là một cứu cánh để vực dậy nền kinh tế. Không chỉ là một ngành kinh tế góp phần nâng cao đời sống vật chất mà du lịch còn giúp con người có điều kiện giao lưu văn hóa giữa các quốc gia và các vùng miền lãnh thổ.  **Từ khoá**: Du lịch sinh thái, Tiềm năng, Miền núi, Phát triển, Thanh Hóa |

**47. Tối ưu hoá sản phẩm địa phương để hạn chế rò rỉ lợi ích kinh tế du lịch: nghiên cứu thực tiễn các khách sạn tại Bắc Ninh**/ Lê Thanh Tùng// Nghiên cứu kinh tế .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 81 - 89  
**Nội dung:** Bài viết thực hiện khảo sát các khách du lịch nước ngoài tại Bắc Ninh để có được quan điểm của họ về việc sử dụng các sản phẩm nhập khẩu. Kết quả cho thấy tầm quan trọng của sản phẩm nhập khẩu chưa đáp ứng nhu cầu của khách du lịch, từ đó đưa ra một số khuyến nghị phát triển sản phẩm địa phương, tận dụng tối đa lợi ích từ du lịch cho người dân sở tại.

**Từ khóa:** Tiếp thị điểm đến, tính xác thực địa phương, sản phẩm địa phương, du lịch Bắc Ninh, rò rỉ lợi ích du lịch

**48.** **Ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng lực giáo dục du lịch**/ Nguyễn Văn Lưu**/**/ Du lịch .- 2020 .- Số 12.- Tr. 26 – 27.

**Nội dung:** Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục không thế thiếu và buộc phải có trong cách mạng công nghệ 4.0. Nước Mỹ, các nước EU và Châu Á đã có quá trình ứng dụng CNTT trong giáo dục rất hiệu quả. Việt Nam đã bước đầu ứng dụng CNTT để đối mới giáo dục. Trong đại dịch Covid-19, nhiều nước trên thế giới dạy và học trực tuyến, cho thấy vai trò đặc biệt của ứng dụng CNTT vào giáo dục ở tình huống không thể dạy trực tiếp. Vì thế, Việt Nam không thể không ứng dụng CNTT để nâng cao năng lực giáo dục du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

**Từ khóa:** Ứng dụng công nghệ thông tin, giáo dục, du lịch, Covid-19

**49. Ứng dụng GIS nghiên cứu xây dựng bản đồ nguy cơ trượt lở đất tỉnh Yên Bái/** Đặng Thành Trung, Lê Thu Quỳnh**/**/ Nghiên cứu địa lý nhân văn .- 2020 .- Số 4(31).- Tr. 53 – 60.

**Nội dung:**  Yên Bái là một tỉnh miền núi phía Bắc, với địa hình có độ dốc lớn, đặc điểm địa chất phong hoá mạnh, các hoạt động nhân sinh, đặc biệt alf lượng mưa trung bình các tháng mùa mưa lớn đã tạo điều kiện cho trượt lở đất xảy ra. Bài báo sử dụng phương pháp phân tích thứ bậc AHP tích hợp vào GIS để thành lập bản đồ phân vùng trượt lỡ đất tỉnh Yên Bái. Kết quả bài viết cho thấy khu vực có nguy cơ cao trượt lở là vùng đất cao và rất cao chiếm 33,96% tổng diện tích lãnh thổ, chủ yếu tập trung tại một số xã của huyện Mù Cang Chải, Trạm Tấu, Lục Yên, Văn Chấn.

**Từ khóa:** Trượt lở, bản đồ phân vùng trượt lở, Yên Bái, GIS

**50. Vai trò các bên liên quan trong quy hoạch phát triển du lịch bền vững: Nghiên cứu trường hợp tại Tà Xùa, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La**/ Lã Thị Bích Quang// Kinh tế & phát triển .-  2020 .- Số 280 .- Tr. 92-100.

**Nội dung**: Du lịch là một trong những ngành kinh tế có tốc độ phát triển nhanh nhất trên thế giới, có vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của nhiều quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển. Phát triển du lịch bền vững là định hướng mà ngành du lịch thế giới hướng tới trong những thập kỉ gần đây. Để phát triển du lịch bền vững cần phải xây dựng chiến lược và quy hoạch trên tiêu chí đảm bảo được lợi ích của các bên liên quan. Ở Việt Nam, vấn đề này chưa thực sự được chú trọng, do vậy, tác giả đã tiến hành nghiên cứu về vai trò của các bên liên quan trong quá trình quy hoạch phát triển du lịch bền vững. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập tại xã Tà Xùa, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La. Bài viết áp dụng lý thuyết các bên liên quan, đánh giá mức độ tham gia của các bên liên quan và từ đó chỉ ra vai trò của các bên liên quan trong quy hoạch phát triển du lịch bền vững tại Tà Xùa, đặc biệt nhấn mạnh tới vai trò quan trọng của chính quyền và cộng đồng địa phương trong việc quyết định sự phát triển du lịch tại một địa phương.

**Từ khoá**: Các bên liên quan, du lịch, du lịch bền vững, quy hoạch

**51. Việc làm xanh: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn/** Phạm Mạnh Hà**/**/ Nghiên cứu địa lý nhân văn .- 2020 .- Số 3(30).- Tr. 55 – 60 .

**Nội dung:**  Trong bối cảnh tòn cầu đang ứng phó với khủng hoảng môi trường và biến đổi khí hậu, việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng sang nền kinh tế xanh là phương thức hiệu quả. Một trong những yếu tố để chuyển đổi sang nền kinh tế đó là tạo việc làm xanh trong xã hội. Việc làm xanh giúp giảm tác động của các doanh nghiệp và ngành kinh tế lên môi trường và dần đạt đến mức độ bền vững. Tuy nhiên, tại Việt Nam khái niệm việc làm xanh chưa được nêu ở bất kỳ văn bản chính thức có tính pháp lý nào. Bài viết sẽ tập trung phân tích các quan điểm, khái niệm và nội hàm việc làm xanh, kinh nghiệm của một số quốc gia về tạo việc làm xanh trong nền kinh tế và đưa ra một số hàm ý mang tính chiến lược cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Việc làm xanh, kinh tế xanh, môi trường, biến đổi khí hậu